

BÀI 1. KHẢ NĂNG LỚN LAO CỦA TIỂU THUYẾT

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB1: *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc* (Trích *Số đỏ* - Vũ Trọng Phụng)

VB2: *Nỗi buồn chiến tranh* (Trích - Bảo Ninh)

Thực hành đọc: *Trên xuống cứu nạn* (Trích *Cuộc đời của Pi* - Y-an Ma-ten)

2. Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ: đặc điểm và tác dụng

3. Viết: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

4. Nói và nghe: Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 10 tiết – KHGD

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 1,2,3

VĂN BẢN 1: XUÂN TÓC ĐỎ CỨU QUỐC (Trích *Số đỏ*)

Vũ Trọng Phụng

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Phát triển năng lực đọc hiểu một văn bản tiểu thuyết theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

+ Chỉ ra và phân tích được một số nét đặc trưng của tiểu thuyết hiện đại trên các phương diện: câu chuyện, sự kiện, ngôi kể, điểm nhìn, tình huống, nhân vật, ngôn ngữ, phong cách tác giả thể hiện qua đoạn trích *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc*.

+ Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của phong cách hiện thực trong tiểu thuyết và trong sáng tác văn học nói chung.

- Vận dụng được những kĩ năng sau khi học xong văn bản *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc* để đọc hiểu tiểu thuyết và thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

2. Phẩm chất:

- Có thái độ phê phán tình trạng loạn chuẩn khi đánh giá các hiện tượng đời sống và nhìn nhận con người.

- Biết góp phần xây dựng các giá trị sống chuẩn mực, hướng tới việc xây dựng một môi trường xã hội lành mạnh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức

- Tạo hứng thú

- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS xem Clip không lời và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS xem Clip không lời: https://www.youtube.com/watch?v=5J0yWZZgT8o - GV nêu yêu cầu: Lấy nhân vật nữ làm trung tâm, hãy kể lại vắn tắt câu chuyện theo tưởng tượng của em. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem video, nghe câu hỏi, suy nghĩ trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS trả lời nhanh. - HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá. - GV dẫn vào bài: Người xưa cho rằng tiểu thuyết chính là “Ngôi nhà chữa lành cho linh hồn”. Những câu chuyện trong tiểu thuyết có thể giúp người đọc khám phá và học cách đối mặt với các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày. Câu chuyện thành công, thất bại, thích nghi, sự kiên trì vượt qua thử thách, nghịch cảnh của nhân vật chính là trí tuệ, những bài học kinh nghiệm quý báu và cảm hứng để truyền thêm động lực cho chúng ta đối mặt với cuộc sống của riêng mình. Vậy sức mạnh của tiểu thuyết đến từ đâu? Ngày hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về “Khả năng lớn lao của tiểu thuyết”.	Câu chuyện được kể theo trí tưởng tượng của HS

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về thể loại tiểu thuyết, tiểu thuyết hiện đại, phong cách hiện thực, biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ.

b. Nội dung hoạt động: Đọc và thu thập thông tin thông qua trò chơi: **Thử tài – Thách trí**.

c. Sản phẩm: Câu trả lời chính xác của các đội chơi.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức trò chơi: Thử tài – Thách trí - Thành phần: 2 đội chơi được cử chọn sau khi đọc Tri thức Ngữ văn khoảng 3 phút, mỗi đội 3 thành viên (ngồi ở 2 phía cánh gà chếch lên màn chiếu hoặc tivi để quan sát lời dẫn của MC và hệ thống từ ngữ gợi ý ở mỗi chủ đề liên quan) - Cách thức thực hiện: Dưới sự dẫn dắt của MC, các đội tranh tài dưới dạng nhanh tay bấm chuông để trả lời bằng cách lựa chọn những từ ngữ thuộc chủ đề được nêu - Luật chơi: + Sau khi MC đọc xong hệ thống từ ngữ liên quan đến chủ đề (gồm cả những từ ngữ gây nhiễu), hai đội chơi sẽ bấm chuông để trả lời. + Đội nào bấm chuông trước sẽ giành quyền trả lời + Mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm + GV hỗ trợ làm giám khảo phân định đúng sai Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc Tri thức Ngữ văn và chọn cử người tham gia trò chơi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận 2 đội chơi bắt đầu trò chơi theo sự dẫn dắt của MC - Tiến hành: Thử tài – Thách trí Các chủ đề gồm: CD1: Tiểu thuyết: Tác phẩm tự sự quy mô lớn, tác phẩm sử thi hoành tráng, tác phẩm ngữ ngôn trường thiên, tác phẩm chương hồi.	I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn 1. Tiểu thuyết hiện đại - Tiểu thuyết: + Tác phẩm tự sự quy mô lớn, nội dung đa dạng, bao quát phạm vi hiện thực rộng trên nhiều không gian, thời gian. + Chú ý đặc biệt tới đời tư, số phận con người cá nhân. - Tiểu thuyết hiện đại: + Thể hiện tư duy mới, mang tính hiện đại về đời sống, phân biệt với tiểu thuyết cổ điển ra đời trước thời đại tư bản chủ nghĩa. + Các đặc điểm lớn: ++ Nhìn cuộc sống từ góc độ đời tư; thường ngày. ++ Nhân vật là “con người ném trái”, con người phức tạp về tính cách, tâm lí. ++ Kết cấu nhiều tầng lớp, đan xen nhiều bề ngôn ngữ, phản ánh sự xung đột giữa các ý thức xã hội.

Đáp án hiển thị đúng: Tác phẩm tự sự quy mô lớn, tác phẩm chương hồi.

CD2: Tiểu thuyết hiện đại: Thể hiện tư duy mới, mang tính hiện đại về đời sống, cách lí giải hiện đại về cuộc đời, tiếp cận các vấn đề công nghệ hiện đại, coi cuộc sống hiện đại là đề tài duy nhất.

Đáp án hiển thị đúng: Thể hiện tư duy mới, mang tính hiện đại về đời sống.

CD3: Cách nhìn cuộc sống trong tiểu thuyết hiện đại: góc độ suy tư, góc độ tâm tư, từ góc độ đời tư; thường ngày.

Đáp án hiển thị đúng: từ góc độ đời tư; thường ngày.

CD4: Nhân vật trong tiểu thuyết hiện đại: con người kì vĩ, phi thường, “con người ném trái”, con người phức tạp về tính cách, tâm lí, con người kết tinh cho sức mạnh cộng đồng.

Đáp án hiển thị đúng: “con người ném trái”, con người phức tạp về tính cách, tâm lí.

CD5: Kết cấu của tiểu thuyết hiện đại: sức mạnh chống kẻ thù xâm lăng, phản ánh xung đột gia đình, nhiều tầng lớp, đan xen nhiều bề ngôn ngữ, phản ánh sự xung đột giữa các ý thức xã hội.

Đáp án hiển thị đúng: nhiều tầng lớp, đan xen nhiều bề ngôn ngữ, phản ánh sự xung đột giữa các ý thức xã hội.

CD6: Hình thức của tiểu thuyết hiện đại: trạng thái biến đổi không ngừng, điển hình cho nghệ thuật tự sự, trạng thái bất biến, tổng hợp cao mọi kinh nghiệm nghệ thuật của thể loại văn học khác.

Đáp án hiển thị đúng: tổng hợp cao mọi kinh nghiệm nghệ thuật của thể loại văn học khác.

CD7: Phong cách hiện thực: cảm nhận chủ quan, coi trọng sự tương tượng, chú trọng thể hiện mối quan hệ giữa hoàn cảnh xã hội với sự hình thành tính cách con người.

Đáp án hiển thị đúng: chú trọng thể hiện mối quan hệ giữa hoàn cảnh xã hội với sự hình thành tính cách con người.

CD8: Nói mỉa: khẳng định, phủ định của phủ định, thể hiện thái độ mỉa mai hay sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn.

Đáp án hiển thị đúng: thể hiện thái độ mỉa mai hay sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn.

CD9: Nghịch ngữ: biện pháp tu từ, tính chất hai mặt, đối lập, hư cấu, tưởng tượng.

Đáp án hiển thị đúng: biện pháp tu từ, tính chất hai mặt, đối lập.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, tổng kết điểm của 2 đội chơi, khen thưởng hoặc đánh giá bằng điểm số, hệ thống, chốt kiến thức.

++ Tổng hợp cao mọi kinh nghiệm nghệ thuật của thể loại văn học khác.

2. Phong cách hiện thực

- Chú trọng thể hiện mối quan hệ giữa hoàn cảnh xã hội với sự hình thành tính cách con người.

- Miêu tả một cách chi tiết, “như thật” những hình ảnh hiện thực cuộc sống.

3. Nói mỉa và nghịch ngữ

- **Nói mỉa:** là biện pháp tu từ thể hiện thái độ mỉa mai hay sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn của người nói, người viết về sự vật, sự việc được đề cập.

- **Nghịch ngữ:** là biện pháp tu từ, ở đó người nói, người viết dùng một cụm từ gây ấn tượng mạnh làm nổi bật tính chất hai mặt của một tình thế, tâm trạng, hoặc phát lộ sự thật về đối tượng theo quan điểm của mình.

+ Nghĩa của nghịch ngữ đối lập với nghĩa của các cụm từ khác trong câu hoặc trong các câu khác gần kề.

+ Tác dụng: nhấn mạnh sự phát hiện mới hay cảm nhận, liên tưởng chủ quan của người nói, người viết về một đối tượng vốn có thể được nhìn nhận khác hẳn.

+ Nghịch ngữ thường xuất hiện trong nói mỉa.

2.2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Vũ Trọng Phụng, tác phẩm *Số đỏ* và đoạn trích *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc*.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích.

c. Sản phẩm: HS thiết kế infographic và thuyết trình về tác giả Vũ Trọng Phụng, tác phẩm *Số đỏ* và đoạn trích *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc*.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu chung về tác giả. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm gồm 2 bàn HS quay vào nhau	II. Đọc và tìm hiểu chung 1. Tác giả Vũ Trọng Phụng

- Giáo viên nêu yêu cầu:
- + Đọc SGK trang 17-18, kết hợp nghe video giới thiệu về Vũ Trọng Phụng:
<https://www.youtube.com/watch?v=jeagtA4BnZE>
- + Thiết kế infographic giới thiệu về tác giả Vũ Trọng Phụng trên giấy A3 hoặc trên phần mềm Canva

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS giới thiệu infographic và thuyết trình về tác giả Vũ Trọng Phụng trước lớp
- GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS
- HS nhận xét lẫn nhau

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức bằng infographic

*Nhiệm vụ 2 : Đọc và tìm hiểu chung về văn bản

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu yêu cầu HS:
- + Đọc lướt văn bản, lựa chọn các thẻ tri thức đã cho, sắp xếp hợp lý vào bảng kiến thức.
- + Chú ý những cước chú và nội dung các thẻ chỉ dẫn.

Bảng kiến thức tìm hiểu chung Số đỏ và văn bản Xuân Tóc Đỏ cứu quốc

Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể		
Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ tác phẩm			
Thể loại tác phẩm			
Dung lượng tác phẩm			
Nhân vật chính trong tác phẩm			
Vị trí của tác phẩm			
Xuất xứ, vị trí của văn bản			
Bố cục văn bản	Phần 1		
	Phần 2		

Vũ Trọng Phụng

và những tác phẩm vượt thời gian

Những "Xuân tóc đỏ", "bà Phó Đoan", "câu em chả", những "nghị Hách", "Thị Mịch"... đã định danh Vũ Trọng Phụng là một trong những nhà văn xuất sắc bậc nhất Việt Nam thế kỷ XX.



Nhà văn, nhà báo Vũ Trọng Phụng

Ngày sinh: 20/10/1912

Ngày mất: 13/10/1939

Quê quán: Hưng Yên

Trong lĩnh vực viết báo, ông được mệnh danh là "ông vua phóng sự đất Bắc" khi mới ở độ tuổi đôi mươi, là người đưa phóng sự Việt Nam giai đoạn trước cách mạng (1930-1945) lên đến đỉnh cao

Trong văn đàn, ông là một trong những nhà văn xuất sắc bậc nhất Việt Nam thế kỷ XX, với giọng văn sắc sảo, mang đậm chất châm biếm, trào phúng và nội dung tư tưởng sâu sắc

Các tiểu thuyết của ông luôn đề cập đến những vấn đề của xã hội, khái quát được một phạm vi cuộc sống hết sức rộng lớn mà ta không thể tìm thấy được ở những sáng tác khác của những nhà văn cùng thời

Nội dung tác phẩm đều hướng tới chủ đề hiện thực, tố cáo và vạch trần xã hội Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám - một xã hội bị bối rối với những tấn trò đời bi kịch

Người góp phần đáng kể vào việc hiện đại hóa văn xuôi quốc ngữ

Tên ông được đặt cho những con đường ở Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh...



TÁC PHẨM NỔI BẬT

- Giông tố (1936)
- Số đỏ (1936)
- Vỡ đê (1936)
- Làm đi (1936)
- Cạm bẫy người (1933)
- Kỹ nghệ lấy Tây (1934)
- Cơm thầy cơm cô (1936)
- Lục si (1937)...

Nguồn: Hội Nhà văn Việt Nam; TTXVN

<https://infographics.vn>



2. Tác phẩm Số đỏ và văn bản Xuân Tóc Đỏ cứu quốc

Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể
Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ tác phẩm	Bắt đầu từ số 40 (7/10/1936) trên Hà Nội báo
Thể loại tác phẩm	Tiểu thuyết
Dung lượng tác phẩm	Gồm 20 chương
Nhân vật chính trong tác phẩm	Xuân, biệt danh là Xuân Tóc Đỏ

	Phần 3			Vị trí của tác phẩm	Đỉnh cao trong văn nghiệp của Vũ Trọng Phụng và có vị trí quan trọng trong nền tiểu thuyết Việt Nam hiện đại.
Thể tri thức: 1. Gồm 20 chương 2. Xuân, biệt danh là Xuân Tóc Đỏ 3. Đỉnh cao trong văn nghiệp của Vũ Trọng Phụng và có vị trí quan trọng trong nền tiểu thuyết Việt Nam hiện đại 4. Tiếp theo đến “các đức vua và quý quan của ba chính phủ về Sở Toàn quyền.” 5. Bắt đầu từ số 40 (7/10/1936) trên <i>Hà Nội báo</i> 6. <i>Xuân Tóc Đỏ cứu quốc</i> là đoạn trích nửa đầu chương XX- chương cuối cùng của tiểu thuyết <i>Số đỏ</i> 7. Tiểu thuyết 8. Tình hình chuẩn bị cho cuộc thi đấu thể thao đặc biệt 9. Từ đầu đến “nhà quán quân quần vợt Xiêm La ra thử tài với Xuân Tóc Đỏ” 10. Tiếp theo đến hết 11. Diễn biến kịch tính của “ván quần” giữa Xuân Tóc Đỏ và quán quân quần vợt Xiêm La 12. Màn hùng biện của Xuân Tóc Đỏ và sự tung hô của dân chúng Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức				Xuất xứ, vị trí của văn bản	<i>Xuân Tóc Đỏ cứu quốc</i> là đoạn trích nửa đầu chương XX- chương cuối cùng của tiểu thuyết <i>Số đỏ</i> .
				Bố cục văn bản	Phần 1 Từ đầu đến “nhà quán quân quần vợt Xiêm La ra thử tài với Xuân Tóc Đỏ” Tình hình chuẩn bị cho cuộc thi đấu thể thao đặc biệt
					Phần 2 Tiếp theo đến “các đức vua và quý quan của ba chính phủ về Sở Toàn quyền.” Diễn biến kịch tính của “ván quần” giữa Xuân Tóc Đỏ và quán quân quần vợt Xiêm La
					Phần 3 Tiếp theo đến hết Màn hùng biện của Xuân Tóc Đỏ và sự tung hô của dân chúng

2.3: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực đọc hiểu trích đoạn *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc* theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

Chỉ ra và phân tích được một số nét đặc trưng của tiểu thuyết hiện đại trên các phương diện: câu chuyện, sự kiện, ngôi kể, điểm nhìn, tình huống, nhân vật, ngôn ngữ, phong cách tác giả thể hiện qua đoạn trích *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc*

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản thông qua chương trình **Số đỏ - Tác phẩm và dư luận**.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 3 nhóm thảo luận Nhóm 1: Mắt tinh Nhóm 2: Bút sắc Nhóm 3: Lòng trong GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm	III. Khám phá văn bản 1. Những câu chuyện cuộc đời trong tiểu thuyết - Câu chuyện và sự kiện + Câu chuyện: Xuân Tóc Đỏ cứu quốc. + Sự kiện chính: ++ <i>Tình hình chuẩn bị cho cuộc thi đấu thể thao đặc biệt:</i> Sân quần Rollandes Varreau của Hà thành đã ghi được một chỗ rẽ cho lịch sử thể thao khi giá vào cửa là ba đồng hạng bét nhưng

Nhóm 1: Mất tình (tìm hiểu những câu chuyện cuộc đời trong tiểu thuyết)

Cu thể:

- Văn bản kể câu chuyện gì? Tóm tắt các sự việc chính được kể trong đoạn trích *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc*.
- Xác định ngôi kể, điểm nhìn đã được nhà văn lựa chọn và ý nghĩa của ngôi kể, điểm nhìn ấy trong việc làm sáng tỏ bản chất hiện thực theo khám phá và quan niệm của ông.
- Xác định tình huống của đoạn trích. Theo bạn, tình huống nào đóng vai trò quan trọng nhất trong việc tạo nên kịch tính và bước ngoặt của toàn bộ sự kiện được kể trong đoạn trích? Hãy phân tích tính chất của tình huống đó.

Nhóm 2: Bút sắc (tìm hiểu những đặc sắc nghệ thuật của tiểu thuyết)

Cu thể:

- Phân tích nét đặc sắc của cảnh Xuân Tóc Đỏ hùng biện trước công chúng. Những ghi chú được đặt trong ngoặc đơn của người kể chuyện gợi cho bạn liên tưởng đến thể loại văn học nào có đặc điểm hình thức tương tự?
- Nêu nhận xét khái quát về sự tương đồng và khác biệt giữa ngôn ngữ của người kể chuyện và ngôn ngữ của nhân vật ở đoạn trích *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc*.
- Tìm những câu văn có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ trong văn bản.

Nhóm 3: Lòng trong (tìm hiểu Phong cách hiện thực của Vũ Trọng Phụng)

Cu thể:

- Đoạn trích đã cho ta thấy điều gì về phong cách hiện thực của nhà tiểu thuyết Vũ Trọng Phụng? Nêu một số thủ pháp được nhà văn sử dụng để tăng cường khả năng bao quát hiện thực cho các trang viết của mình.
- Bạn suy nghĩ gì về trạng thái bị thôi miên và lên đồng của một xã hội, như thực tế được miêu tả trong đoạn trích?

người xem cũng trên ba nghìn. Tất cả mọi người đều đã thua và họ đều hi vọng vào Xuân Tóc Đỏ. Tất cả các quan chức cấp cao của hai nước đã an toạ nhưng Tổng cục thể thao Bắc Kỳ đang lo sốt vó khi không thấy hai nhà đương kim Hải và Thụ. Cuối cùng, để chữa cháy họ mời quán quân Xiêm La đấu với Xuân Tóc Đỏ.

++ *Diễn biến kịch tính của “ván quần” giữa Xuân Tóc Đỏ và quán quân quần vợt Xiêm La:* Trong trận đấu, Xuân đã chiếm được ưu thế hơn so với quán quân Xiêm. Điều đó khiến vua Xiêm tức giận và dọa dẫm chiến tranh sẽ nổ ra nếu Xuân thắng, ông Giám đốc chính trị Đông Dương đã phải tìm ông Văn Minh để bảo Xuân Tóc Đỏ nhường quán quân Xiêm La.

++ *Màn hùng biện của Xuân Tóc Đỏ và sự tung hô của dân chúng:* Xuân nghe vậy thì nhường bàn cuối khiến công chúng, khán giả sửng sò. Ban đầu họ có vẻ đã đảo Xuân nhưng với sự léo mép, khôn lỏi của mình, Xuân đã thuyết phục quần chúng bằng tài diễn thuyết. Hắn tỏ vẻ trịch thượng và tự cho rằng mình đã bỏ qua lòng tự trọng mà cứu đất nước. Lúc này, quần chúng lại coi hắn như người hùng cứu quốc thực thụ và tán tụng, ngợi ca.

- Ngôi kể và điểm nhìn

+ **Ngôi kể:** Đoạn trích được kể ở ngôi thứ ba.

+ **Điểm nhìn:** bên ngoài.

+ Ý nghĩa:

++ Tạo điều kiện bao quát toàn cảnh sự việc, đẩy nhanh nhịp độ kể và làm nổi bật tính chất “hề” của toàn bộ những gì được kể.

++ Để người đọc thấy được bức tranh tổng thể về những gì đang diễn ra: từ cảnh náo nhiệt trên sân vận động đến cảnh rĩ tai ám muội giữa các “đẳng” tai to mặt lớn trong ban tổ chức sự kiện; từ cảnh rùng người hò reo đến cảnh đặc tả từng động tác tay, chân đầy “biểu cảm” của nhân vật chính – Xuân Tóc Đỏ. => Điểm nhìn toàn tri giúp nhà văn vạch trần những mảng tối trong hiện thực đồng thời thể hiện sự khinh bỉ đối với xã hội lúc bấy giờ.

- Tình huống trào phúng

+ Tình huống 1: Hai nhà quán quân cũ là Hải và Thụ mất tích, dẫn đến nguy cơ trận chung kết quần vợt phải hoãn, đồng thời cũng tạo cơ hội cho Xuân Tóc Đỏ được ra sân thí thố với quán quân Xiêm La.

+ Tình huống 2: Xuân Tóc Đỏ thắng điểm quán quân Xiêm La, vô tình đẩy hai nước Việt, Xiêm đến miệng hố chiến tranh – một tình trạng nguy cấp phải giải quyết kịp thời.

+ Tình huống 3: Đông đảo khán giả đã đảo Xuân, đòi được giải thích, buộc Xuân và ông bầu Văn Minh phải biện xảo để xoay ngược thế cờ.

=> Trong ba tình huống nêu trên, tình huống chính là tình huống 2. Bởi vì, tình huống này đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên kịch tính và bước ngoặt của toàn bộ sự kiện được kể, nó liên quan chặt chẽ đến cao trào của sự kiện, nói lên “số đỏ” của nhân vật Xuân, phơi bày toàn bộ sự bịp bợm của màn kịch đang diễn ra.

2. Những đặc sắc nghệ thuật của tiểu thuyết

- Cảnh Xuân Tóc Đỏ hùng biện trước công chúng

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm (tùy theo từng nhiệm vụ được giao)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV lựa chọn HS làm MC thực hiện chương trình: **Số đỏ - Tác phẩm và dư luận**

- GV hướng dẫn MC thu thập thông tin trao đổi của công chúng (các nhóm thảo luận) quanh **Số đỏ**

- Đại diện HS các nhóm trong vai chuyên gia nghiên cứu **Số đỏ** qua MC trao đổi cùng công chúng những vấn đề MC đã thu thập được MC dẫn dắt chương trình theo những trao đổi từ công chúng, HS còn lại lắng nghe và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chốt vấn đề.

+ **Nội dung:** đề cập đến những hậu quả của một xung đột Việt – Xiêm và nhấn mạnh rằng cuộc chiến sẽ kéo theo nạn đói và thảm họa cho nhân loại.

+ **Ngôn từ:** “Hỡi công chúng! Mi chưa hiểu rõ những lẽ cực kì to tát nó khiến ta đành phải nhường giải cho nhà vô địch Xiêm La”; “Mi đã biết đâu cái lòng hi sinh cao thượng vô cùng”, “điểm cốt yếu của người xả thân cứu nước không phải là chỉ nghĩ đến mình...”

=> chứa đầy các yếu tố đối nghịch, hội tụ các mối tương quan xã hội phức tạp. Chúng xung đột và hoà hợp với nhau một cách kì dị, phản ánh đúng bản chất kì dị của xã hội đương thời.

+ **Giọng điệu:** kiêu ngạo, hùng biện, bề trên,... => bản chất khôn lỏi, cơ hội của Xuân.

+ **Hành động:** nó vồ vào ngực (tự cao, tự mãn, đề cao bản thân); nó đâm tay xuống không khí (sự kiên định); nó giơ cao tay lên (sự quyết tâm);...

=> Cảnh Xuân Tóc Đỏ hùng biện có dáng dấp của một màn hài kịch, thể hiện rõ cảm quan của Vũ Trọng Phụng về hiện thực. Xã hội đảo điên đã tạo cơ hội cho Xuân – một kẻ “hạ lưu” vô học nhưng láu cá – đã chui sâu, leo cao và đạt được cơ hội “thăng tiến” khó ngờ. Theo ông, tất cả những gì đang diễn ra trong xã hội đều là một tấn trò náo nức, xen lẫn bi và hài.

- **Ngôn ngữ**

+ **Sự tương đồng:** Thể hiện rõ sắc thái mỉa mai, trào phúng, mặc dù ở lời nhân vật, sự mỉa mai không mang tính chủ động. Do được đặt trong bối cảnh “hề” nên ngay cả khi lời nhân vật thể hiện tâm trạng hoảng hốt (lời nhân vật Văn Minh) hay lâm li, phẫn khích (lời nhân vật Xuân Tóc Đỏ), thì tính chất mỉa mai vẫn được bộc lộ rất rõ, hoà điệu với tính chất mỉa mai trong lời người kể chuyện.

+ **Sự khác biệt:**

Ngôn ngữ của người kể chuyện	Ngôn ngữ của nhân vật
- Là lời người kể chuyện.	- Là lời nhân vật.
- Thực hiện chức năng thuật kể, miêu tả, giới thiệu nhân vật, sự việc.	- Phát ra trong những hoàn cảnh, tình huống giao tiếp cụ thể
- Thể hiện góc nhìn và quan điểm đánh giá riêng.	- Bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật.

3. Phong cách hiện thực của Vũ Trọng Phụng

- Ý thức phơi bày những mặt trái, mặt nhố nhăng của hiện thực luôn thường trực. Trong con mắt của ông, xã hội đương thời đầy rẫy những biểu hiện tha hoá, suy đồi, dường như vô phương cứu chữa.

- Sắc sảo trong việc xây dựng những chân dung biếm họa, luôn tìm thấy những chi tiết độc đáo có thể lột trần chân tướng của sự vật, hiện tượng và con người thuộc nhiều tầng lớp xã hội khác nhau.

- Thể hiện một khả năng tưởng tượng, hư cấu đặc biệt khi liên tiếp dựng lên những tình huống phi lí, những mẫu nhân vật quái dị với hành động và ngôn ngữ khác thường. Tuy nhiên, mọi sự tưởng tượng, hư cấu của ông đều dựa trên nền tảng hiện thực.

- Đề tăng cường khả năng bao quát hiện thực cho trang viết, nhà văn dụng công trong việc hư cấu nên các tình huống – sự

	kiện có sự góp mặt của đủ hạng người trong xã hội; sử dụng bối cảnh lịch sử và xã hội thực tế; ngôn từ sắc bén, mô tả tinh tế để thể hiện sự nhạy bén trong việc quan sát và phê phán xã hội thông qua các biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ, ẩn dụ,...; giọng văn đanh thép, mỉa mai để tố cáo sự thối nát của xã hội đương thời; sử dụng kiểu liên hệ so sánh đầy tính bất ngờ nhắm tới nhiều đối tượng cùng một lúc. => Bằng ngòi bút trào phúng, lối viết “ngầu nghiêng”, nhịp điệu dồn dập, giọng văn phảng phất thái độ khinh miệt, nhà văn đã tạo ra những nhân vật dị biệt, khác lạ từ tên gọi đến tính cách. Họ đại diện cho một xã hội lố lăng, kệch cỡm, “chó đều” thời bấy giờ. => Đoạn trích chế nhạo một xã hội ngu dốt, bị dắt mũi bởi những con người ranh ma. Họ bị thôi miên bởi quyền lực và sự giả tạo của những người có tiền, họ dễ dàng bị dắt mũi theo số đông và cũng dễ dàng bị xoa dịu. Đó là trạng thái tâm lí của những con người không có nhận thức chính xác, đúng đắn trong cuộc sống; của người kẻ bị hào nhoáng trước mắt che mờ tâm hồn.

Gợi ý lời dẫn của MC

MC (Bắt đầu): “Hắc ám, có! Vì tôi vốn là người bi quan, cảm hôn cũng có vì tôi cho rằng xã hội nước nhà mà không đáng cảm hôn, mà lại cứ “vui vẻ trẻ trung, trưởng giả, ăn mặc tân thời, khiêu vũ...” như các ông chủ trương thì một là không muốn cải cách gì xã hội, hai là ích kỷ một cách đáng sỉ nhục”. Những đáp trả của nhà văn Vũ Trọng Phụng trước bản thảo của dư luận đương thời về cái hắc ám trong văn của ông đã giúp ta hiểu: có những người đồng tình, có tiếng nói lên án cách viết của Vũ Trọng Phụng trong *Số đỏ*. Dẫu vậy, trải qua bao giông gió trên chiến trường bút sách, *Số đỏ* vẫn mạnh mẽ sống trong dư luận với sức mạnh bài trừ hắc ám... Và trong thời hiện đại hôm nay, *Số đỏ* đã sống như thế nào? Ngay sau đây chúng ta sẽ cùng tham gia chương **trình Số đỏ - Tác phẩm và dư luận** với sự hiện diện của những vị khách mời và công chúng đáng kính

Xin trân trọng giới thiệu:

Về phía chuyên gia có... (MC giới thiệu lần lượt đại diện 3 nhóm lên tọa đàm cùng khán giả - công chúng)

Xin một tràng pháo tay chào đón các khán giả - công chúng quan tâm đến chương trình đặc biệt ngày hôm nay: chương trình **Số đỏ - Tác phẩm và dư luận** qua việc tìm hiểu đoạn trích *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc*.

MC (dẫn dắt chương trình chính): thông qua phỏng vấn công chúng và giải đáp từ các chuyên gia dựa vào các câu hỏi đã chuẩn bị của các nhóm ở trên.

MC (Kết thúc): “Văn chương chỉ là một thứ tiêu khiển nếu nó than mây khóc gió. Tôi quan niệm văn chương là phương tiện đấu tranh của những người cầm bút muốn loại khỏi xã hội con người những bất công, nhen lên trong lòng người nỗi xót thương đối với kẻ bị chà đạp lên nhân phẩm, kẻ yếu, kẻ bị đẩy đoạ vào cảnh ngu tối, kẻ bị bóc lột, mỗi ngày kiếm ra đủ bữa ăn tối để nhin sáng hôm sau. Tôi sẽ cố gắng nhìn vào nỗi đau của xã hội, may ra tìm được những thuốc khiến những cái ung đó có thể hàn miệng, lên da.” *Số đỏ* đã thực sự làm tròn sứ mệnh của một tiểu thuyết. Nó đã đem sức mạnh của mình để đấu tranh chống lại cái ác, cái xấu và bảo vệ cái thiện, cái đẹp. Nó đã mở ra biết bao vấn đề nhức nhối trong một thời đại đầy nhố nhăng mà mọi giá trị bị đảo lộn, cái xấu lên ngôi, cái ác ngự trị,...

MC (Giới thiệu cô giáo):

Xin cảm ơn sự hiện diện của các bạn - những chuyên gia và công chúng tuyệt vời. Và để giúp các bạn nhận thấy rõ hơn khả năng lớn lao của tiểu thuyết, sau đây em xin được trân trọng giới thiệu cô ... sẽ tiếp tục đồng hành với lớp chúng ta trong chương trình đặc biệt hôm nay.

2.4. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông tin, những cảm xúc như thế nào? - Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	IV. Tổng kết 1. Nội dung Đoạn trích <i>Xuân Tóc Đỏ cứu quốc</i> là một vở bi hài kịch, phơi bày sự tha hoá về nhân cách của những kẻ đại diện cho xã hội “chó đều”; sự xuống cấp của cả hệ thống, một chế độ xã hội đang trên đường băng hoại đầu thế kỉ XX trước cơn xoáy Âu hoá ở Việt Nam. 2. Nghệ thuật - Nghệ thuật tạo tình huống cơ bản rồi mở ra những tình huống khác. - Phát hiện những chi tiết đối lập gây gât cùng tồn tại trong một con người, sự vật, sự việc. - Thủ pháp cường điệu, nói ngược, nói mỉa,... được sử dụng một cách linh hoạt. - Miêu tả biến hóa, linh hoạt và sắc sảo đến từng chi tiết, nói trúng nét riêng của từng nhân vật,...

2.5. Hướng dẫn cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết hoạt kê (trào phúng)

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết hoạt kê.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua quá trình đọc hiểu tiểu thuyết <i>Số đỏ</i> của Vũ Trọng Phụng và đoạn trích <i>Xuân Tóc Đỏ cứu quốc</i> , em hãy rút ra những điều cần lưu ý cho quá trình đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết hoạt kê. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	V. Cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết hoạt kê - Xác định đề tài. - Nêu câu chuyện và hệ thống sự kiện. - Phân tích được tình huống và thể giới nhân vật. - Xác định được ngôi kể, điểm nhìn và ý nghĩa. - Phân tích được ngôn ngữ của người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật. - Xác định chủ đề, giá trị của văn bản. - Nhận xét về phong cách nghệ thuật của nhà văn.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu ấn tượng của bạn về khả năng của tiểu thuyết trong việc diễn tả bức tranh đời sống, thời đại qua học đoạn trích *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại lớp (khoảng 10 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 2-3 HS đọc bài)
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	0,5
Nội dung	Ấn tượng về khả năng của tiểu thuyết trong việc diễn tả bức tranh đời sống, thời đại qua học đoạn trích <i>Xuân Tóc Đỏ cứu quốc</i> .	
	Giới thiệu vấn đề	1
	Ấn tượng về khả năng của tiểu thuyết trong việc diễn tả bức tranh đời sống, thời đại qua học đoạn trích <i>Xuân Tóc Đỏ cứu quốc</i> : - Đoạn trích tập trung khắc họa một tình huống độc đáo mà trong đó Xuân Tóc Đỏ là trung tâm: Một cuộc thi đấu quần vợt giữa Xuân Tóc Đỏ với cầu thủ Xiêm La + Xuân dùng thủ đoạn cướp được suất chơi chính. + Trong suốt trận đấu, vua An Nam phải nhìn mặt vua Xiêm. + Xuân nhận được lệnh phải thua cầu thủ Xiêm. + Xuân được tôn vinh là vĩ nhân cứu quốc. - Từ đó, Vũ Trọng Phụng khái quát được cả một xã hội lố lăng: + Một thằng vô học, hạ lưu, cặn bã, xảo trá bỗng chốc thành vĩ nhân. + Nguyên nhân là bởi xã hội nhố nhăng, nhận thức các giá trị bị đảo lộn. - Ý nghĩa: Với dung lượng của một tiểu thuyết, nhà văn thoải mái phơi bày mọi sự thật trần trụi đến chi tiết của xã hội qua từng góc nhỏ nơi đời sống.	7
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Xuân Tóc Đỏ cứu quốc, một áng văn đơn giản và trung thực nhưng đã chứng minh được khả năng to lớn của tiểu thuyết trong việc diễn tả bức tranh đời sống, thời đại. Trích đoạn xoay quanh một tình huống độc đáo mà trong đó Xuân Tóc Đỏ là trung tâm: Trận đấu quần vợt giữa Xuân Tóc Đỏ với cầu thủ Xiêm La. Xuân vì dùng thủ đoạn mà cướp được suất chơi chính. Còn chính phủ An Nam thì vì kém cỏi mà có mối quan hệ bang giao với chính phủ Xiêm La bằng nét mặt vua Xiêm. Nhưng cũng chính nhờ đó mà Xuân nhận được lệnh phải thua cầu thủ Xiêm và cuối cùng thì được tôn vinh là vĩ nhân cứu quốc. Rõ ràng, bản chất lưu manh, vô lại, lấu cá của Xuân tóc đỏ vừa vận khớp với bản chất giả dối, bịp bợm, đồi bại của xã hội “thượng lưu” trướng giả. Điều đó chính là biểu hiện rõ nét cho hiện tượng xã hội vốn sẵn có: loại người vô học, hạ lưu, cặn bã nhờ ăn may, nhờ môi trường sống đầy giả dối, bịp bợm, hèn nhát, kém cỏi mà phát lên. Bức tranh xã hội rộng lớn được nhà văn Vũ Trọng Phụng xây dựng dựa trên sự gặp gỡ giữa cái ngẫu nhiên và cái tất yếu, giữa cái vô lí và có lí, giữa cái may rủi của cá nhân với cái mang tính quy luật của xã hội bát nháo đầy lừa lọc đương thời. Để từ đó, người đọc hình dung rõ nét một xã hội “khốn nạn”, “chó đều”. Với khả năng to lớn của tiểu thuyết, mọi sự thật trần trụi của đời sống đã hiện lên rõ mồn một đến từng chi tiết, từng góc nhỏ của đời.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS tái hiện một đoạn *Số đỏ* bằng một hình thức nghệ thuật phù hợp với năng lực (hội họa, âm nhạc, vũ đạo, thơ ca, phê bình nghệ thuật, điêu khắc,...)

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Tác phẩm nghệ thuật mang tính sáng tạo của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

- Lựa chọn một trích đoạn *Số đỏ* ấn tượng với cá nhân, hoặc với nhóm.

- Tái hiện lại đoạn văn đó bằng một hình thức nghệ thuật phù hợp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS kết nối với cuộc sống, tìm hiểu những thông tin về tác phẩm và sáng tạo sản phẩm của nhóm hoặc cá nhân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS chụp sản phẩm hoặc quay clip giới thiệu sản phẩm rồi nộp vào nhóm zalo của lớp hoặc gửi lên CLB truyền thông, trang fanpage của trường.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV giới thiệu sản phẩm của HS nêu nhận xét, đánh giá.

Rubric đánh giá tác phẩm nghệ thuật của HS

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo đúng hình thức nghệ thuật đã chọn	3.0
Nội dung	Về một trích đoạn <i>Số đỏ</i>	
	Thể hiện đúng chủ đề đoạn trích	2
	Đảm bảo được các tình tiết hoặc hình ảnh chủ đạo trong đoạn trích	2
	Có những sáng tạo độc đáo nhưng không đi quá xa tư tưởng chủ đề	1.0
Giới thiệu	Tự tin, hấp dẫn, lôi cuốn, tương tác tốt	1.0
Tính chất tập thể	Tinh thần làm việc nhóm cao độ	1.0

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản tiểu thuyết có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2 “Nỗi buồn chiến tranh” (Trích – Bảo Ninh)

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 4,5,6	VĂN BẢN 2: NỖI BUỒN CHIẾN TRANH (Trích – Bảo Ninh)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Phát triển năng lực đọc hiểu một văn bản tiểu thuyết theo đặc trưng thể loại cho học sinh.
- + Chỉ ra và phân tích được một số nét đặc trưng của tiểu thuyết hiện đại trên các phương diện: nhìn cuộc sống từ góc độ đời tư; khả năng soi tỏ tường tận đời sống bên trong của nhân vật; sự luân chuyển điểm nhìn trong nghệ thuật trần thuật;... thể hiện qua văn bản *Nỗi buồn chiến tranh*.
- + Nhận biết và phân tích được cách nhìn nhận, đánh giá đa chiều về các sự kiện đời sống và về bản thân nghệ thuật tiểu thuyết.
- Vận dụng được những kĩ năng sau khi học xong văn bản *Nỗi buồn chiến tranh* để đọc hiểu tiểu thuyết hiện đại và thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

2. Phẩm chất: Biết đồng cảm với những chấn thương tinh thần của con người thời hậu chiến, biết quý trọng cuộc sống hoà bình và biết ơn những người đã cống hiến và hi sinh cho Tổ quốc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- 1. Thiết bị:** Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- 2. Học liệu:** SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIỀN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi **Vượt chướng ngại vật** tìm từ khóa thông qua hiểu biết về một số tác phẩm nghệ thuật về đề tài chiến tranh.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức trò chơi: Vượt chướng ngại vật (tìm từ khóa liên quan đến bài học), cụ thể: Từ khóa cần tìm gồm 10 chữ cái. - 4 HS xung phong chia thành 2 đội (mỗi đội 2 HS) tham gia trò chơi, HS dành quyền trả lời qua việc bấm chuông (mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm). - HS đi theo sự xuất hiện các chữ cái ở các hàng để đoán từ khóa. - HS Vượt chướng ngại vật là các ô hàng ngang để tìm ra các chữ cái liên quan đến chủ đề - từ khóa cần tìm. - HS có thể đoán từ khóa bất cứ lúc nào, nếu đoán đúng ở những giây đầu tiên được 80 điểm, tiếp theo hiển thị hàng 1 được 70 và giảm dần sau mỗi hàng 10 điểm; nếu không đoán đúng đội chơi đó sẽ phải dừng cuộc chơi, đội còn lại tiếp tục cùng khán giả. - HS xem tranh, nghe nhạc để đoán từ hàng ngang, trong trường hợp không đoán được, GV sẽ gợi ý bằng câu hỏi, cụ thể: Hàng 1: Ai là tác giả của cuốn nhật kí <i>Mãi mãi tuổi hai mươi</i> - chữ cái cần tìm là chữ cuối cùng ? Đáp án hiển thị đúng: Nguyễn Văn Thạc Hàng 2: Tên một tác phẩm thời chống Mĩ của Nguyễn Minh Châu mà nhân vật chính trong truyện có tên là Nguyệt - chữ cái cần tìm là chữ thứ tư . Đáp án hiển thị đúng: Mảnh trăng cuối rừng Hàng 3: Một tác phẩm thơ của Lâm Thị Mĩ Dạ mà ở đó ta thấy những khoảng trời in bóng dưới những hố bom sau mưa - chữ cái cần tìm là chữ thứ mười. Đáp án hiển thị đúng: Khoảng trời, hố bom Hàng 4: HS nghe nhạc bài hát khoảng 3s <i>Chiếc gậy Trường Sơn</i> (không hiển thị tên bài trong clip hoặc trên màn chiếu/tivi), đoán tên bài hát vừa nghe - chữ cái cần tìm là chữ thứ tư. Đáp án hiển thị đúng: Chiếc gậy Trường Sơn Hàng 5: HS nghe nhạc bài hát khoảng 3s <i>Cô gái Sài Gòn đi tải đạn</i> (không hiển thị tên bài trong clip hoặc trên màn chiếu/tivi), đoán tên bài hát vừa nghe - chữ cái cần tìm là chữ cuối cùng. Đáp án hiển thị đúng: Cô gái Sài Gòn đi tải đạn Hàng 6: Bộ phim chuyển thể từ cuốn <i>Nhật kí Đặng Thùy Trâm</i> - chữ cái cần tìm là chữ cuối cùng. Đáp án hiển thị đúng: Đùng đốt Hàng 7: Con đường mòn giúp quân ta thắng giặc Mĩ là con đường - chữ cái cần tìm là chữ thứ hai. Đáp án hiển thị đúng: Trường Sơn Hàng 8: HS quan sát bức ảnh và gọi tên bức ảnh vừa xem - chữ cái cần tìm là chữ thứ sáu hoặc thứ tám. Đáp án hiển thị đúng: “Em bé Napalm” Hàng 9: Vị đại tướng đã lãnh đạo quân đội Việt Nam chiến thắng 2 kẻ thù - chữ cái cần tìm là chữ thứ ba.	Hàng 1: Nguyễn Văn Thạc Hàng 2: Mảnh trăng cuối rừng Hàng 3: Khoảng trời, hố bom Hàng 4: Chiếc gậy Trường Sơn Hàng 5: Cô gái Sài Gòn đi tải đạn Hàng 6: Đùng đốt Hàng 7: Trường Sơn Hàng 8: “Em bé Napalm” Hàng 9: Võ Nguyên Giáp Hàng 10: Tổ Hữu => Từ khóa cần tìm: Chiến tranh.

Đáp án hiển thị đúng: Võ Nguyên Giáp Hàng 10: Tác giả của những bài thơ <i>Việt Bắc</i>, <i>Mẹ Tom</i>, <i>Người con gái Việt Nam</i> - chữ cái cần tìm là chữ thứ ba. Đáp án hiển thị đúng: Tổ Hữu =>Từ khóa cần tìm: Chiến tranh. Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS hai đội xem ảnh, nghe nhạc hoặc nghe gợi ý để tìm các chữ cái ở các hàng ngang và có thể đoán từ khóa bất cứ lúc nào, nếu không đoán đúng đội HS đó sẽ phải dừng cuộc chơi và dành cơ hội cho đội còn lại cùng khán giả (là những HS bên dưới). Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá bằng điểm số của hai đội chơi và khán giả, tuyên dương, phát thưởng. - GV dẫn vào bài: Có một bài ca không bao giờ quên, bài ca ấy vừa có những khúc hào hùng vừa có những giai điệu bi tráng, bài ca ấy ngân mãi trong tâm hồn những người lính thuở nào. Ấy là bài ca của bom rơi, súng nổ, bài ca của chia lìa, đau thương, cũng là bài ca của sức mạnh phi thường,... Bài ca ấy được văn học hát bằng những tiết tấu rất riêng. Ngày hôm nay cô trò chúng ta sẽ cùng nhau thử đi qua miền tiểu thuyết để cảm nhận về <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> (Trích – Bảo Ninh).	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Đọc và tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm, đoạn trích

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Bảo Ninh, tác phẩm và đoạn trích *Nỗi buồn chiến tranh* (Trích – Bảo Ninh).

b. Nội dung hoạt động: HS thảo luận nhóm và thực hiện trò chơi tiếp sức.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1. Đọc văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lưu ý HS cách đọc văn bản: đọc với nhịp điệu chậm rãi, giọng điệu thương cảm, thiết tha, chú ý những gợi dẫn trong mỗi thẻ đọc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS cùng nhau đọc thầm trước văn bản khoảng 5 phút. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS nối tiếp nhau đọc to từng phần của văn bản theo đánh số. - HS khác đọc thầm, nhận xét cách bạn đọc. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét cách đọc, có thể đọc mẫu. Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu chung - Giáo viên nêu yêu cầu: + HS thảo luận nhóm đôi khoảng 3 phút những vấn đề chính liên quan đến tác giả Bảo Ninh, tác phẩm và đoạn trích <i>Nỗi buồn chiến tranh</i>. + Sau thảo luận, đại diện các nhóm tham gia trả lời tiếp sức các câu hỏi, cụ thể: Câu 1. Nhà văn Bảo Ninh sinh năm bao nhiêu? Câu 2. Nhà văn Bảo Ninh quê ở đâu? Câu 3. Đề tài quen thuộc của ông là gì? Câu 4. Nhà văn Bảo Ninh quan niệm như thế nào về sứ mệnh của nhà văn? Câu 5. Xác định thể loại của tác phẩm <i>Nỗi buồn chiến tranh</i>.	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc văn bản 2. Tìm hiểu chung a. Tác giả - Bảo Ninh (1952) tên thật là Hoàng Ấu Phương, quê: xã Bảo Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. - Ông là nhà văn quân đội, từng trực tiếp tham gia chiến đấu trên chiến trường miền Nam trước năm 1975. Ông chuyên viết về đề tài về chiến tranh. Ông cho rằng mỗi nhà văn phải đi tìm cho mình một cái gì đó thật mới, thật riêng không lẫn với người khác. - Bảo Ninh quan niệm đã viết văn là phải có vốn văn hóa, hiểu biết sâu, phải có khả năng tìm tòi khám phá để nhận ra viên ngọc quý lấp lánh bên trong. b. Tác phẩm và đoạn trích - Thể loại của tác phẩm: tiểu thuyết. - Thời gian hoàn thành tác phẩm: 1987. - Nhân vật chính trong tác phẩm là: Kiên. - Để thể hiện đời sống nội tâm của nhân vật, tác giả đã dùng: + Thủ pháp dòng hiện + Bút pháp “dòng ý thức”

Câu 6. Tác phẩm hoàn thành năm nào? Câu 7. Nhân vật chính trong tác phẩm là ai? Câu 8. Để thể hiện đời sống nội tâm của nhân vật, tác giả đã dùng thủ pháp và bút pháp nào? Câu 9. Nêu xuất xứ đoạn trích được học. Câu 10. Xác định nội dung bố cục đoạn trích. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm chuẩn bị Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt tiếp sức cho nhau từ đại diện các cặp đôi trả lời câu hỏi. - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.	- Xuất xứ đoạn trích: trích trong <i>Nỗi buồn chiến tranh</i>, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1991, tr.89 - 92, 277 - 283). - Nội dung bố cục đoạn trích: + Phần 1 (từ đầu đến trí tưởng tượng): Trạng thái luôn sống với kí ức chiến tranh của nhân vật Kiên - dòng kí ức đã thôi thúc anh cầm bút để ghi chép lại tất cả trải nghiệm của một đoạn đời đặc biệt. + Phần 2 (phần còn lại): Những ấn tượng, cảm xúc và suy tư của mình khi đối diện với “núi bản thảo” bộn bề mà Kiên bỏ lại.

2.2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực đọc hiểu trích đoạn *Nỗi buồn chiến tranh* theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

- Chỉ ra và phân tích được một số nét đặc trưng của tiểu thuyết hiện đại trên các phương diện: nhìn cuộc sống từ góc độ đời tư; khả năng soi tỏ tường tận đời sống bên trong của nhân vật; sự luân chuyển điểm nhìn trong nghệ thuật trần thuật;... thể hiện qua văn bản *Nỗi buồn chiến tranh*.

- Nhận biết và phân tích được cách nhìn nhận, đánh giá đa chiều về các sự kiện đời sống và về bản thân nghệ thuật tiểu thuyết.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm, tham gia chương trình phỏng vấn để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của nhóm và cá nhân.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận Nhóm 1,2: Tìm hiểu <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> - cuốn tiểu thuyết về thân phận con người Cu thể: - Trạng thái tâm lí thường trực của nhân vật Kiên là gì? - Trong hồi ức của Kiên, chiến tranh đã hiện lên với “khuôn mặt” như thế nào? Đây có phải là “khuôn mặt” duy nhất của chiến tranh hay không? Vì sao? - Chi tiết nào cho thấy Kiên sẽ được “phục sinh trong chuỗi dài tái hiện”? Qua đoạn trích, bạn hiểu như thế nào về ý nghĩa của sự nhớ lại đối với đời sống tinh thần của một con người? Nhóm 3,4: Khám phá Những sắc màu của tiểu thuyết hiện đại trong <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> Cu thể:	II. Khám phá văn bản 1. <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> - cuốn tiểu thuyết về thân phận con người a. Trạng thái tâm lí thường trực của Kiên: - Kiên là một anh bộ đội bước ra từ cuộc chiến với chấn thương tâm hồn nặng nề trước những hi sinh, mất mát, đổ vỡ do chiến tranh. - Trạng thái tâm lí: buồn đau dai dẳng, luôn bị kí ức chiến tranh lôi ngược về quá khứ (<i>hồn phách xiêu lạc, ý thức mờ mịt, lú lẫn, mê mẩn, cô quạnh, âu sầu, bi quan bế tắc, vô vọng, tìm như rách dần, cả hai buồng phổi nghẹt khói thuốc, miệng khô đắng, cổ tắc lại, nấc, anh cầm đầu viết,...</i>). b. “Khuôn mặt” chiến tranh trong hồi ức của Kiên: - Dữ tợn, chết chóc, phi nhân tính, gây ám ảnh nặng nề và nỗi buồn đau không dứt cho những ai từng trực tiếp trải qua. Để lại ấn tượng nặng nề nhất trong kí ức của Kiên là “trận tử chiến trường Gội Hồn với những diễn biến nặng nề của nó và số phận bi thảm của tiểu đoàn anh”. - Đây không phải là “khuôn mặt” duy nhất của chiến tranh. Từ góc nhìn khác, người ta có thể thấy vẻ hào hùng, lãng mạn của nó, bất chấp những thực tế khốc liệt như sự phản ánh của các tác phẩm <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> (Phạm Tiến Duật), <i>Bài ca xuân 71</i> (Tố Hữu), <i>Những ngôi sao xa xôi</i> (Lê Minh Khuê), <i>Mảnh trăng cuối rừng</i> (Nguyễn Minh Châu), <i>Lá đỏ</i> (Nguyễn Đình Thi),... => Như vậy, mỗi sự việc có thể được nhìn nhận đa chiều, tùy tâm thế, nhận thức, trải nghiệm riêng của mỗi người. Nỗi đau của nhân vật Kiên rất đáng trân trọng. Vì vậy, cái nhìn về chiến tranh tránh được sự hời hợt, công thức, mà trong trường hợp

- Sự khác biệt của đoạn trích tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh* so với các đoạn trích tiểu thuyết đã học (về kết cấu, ngôi kể, điểm nhìn, sự kiện,...).

- Người kể chuyện đã nêu những nhận xét gì về cuốn tiểu thuyết mà nhân vật Kiên đang viết dở? Những nhận xét đó liên hệ tới đặc điểm nào của tiểu thuyết hiện đại?

- Trong đoạn trích, phần kể lại chuyện Kiên bỏ đi và “tôi” đọc lại bản thảo của Kiên góp phần soi tỏ điều gì về bản chất nỗi đau buồn của nhân vật chính, về công việc viết tiểu thuyết?

- Nêu nhận xét khái quát về sự ý thức của tác giả Bảo Ninh đối với việc lựa chọn hình thức viết phù hợp thể hiện vấn đề “nỗi buồn chiến tranh”?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- **Vòng 1:** HS trao đổi thảo luận nhóm theo nhiệm vụ đã giao.

- **Vòng 2:** Mỗi thành viên nhóm 1,2 kết hợp với 1 thành viên nhóm 3,4 trao đổi nhóm đôi về kết quả vừa thảo luận ở **Vòng 1**

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV lựa chọn HS làm MC dẫn chương trình (dựa trên hệ thống câu hỏi nhóm ở trên) thực hiện chương trình phỏng vấn chuyên gia đã tìm hiểu văn bản và nói về văn bản.

- MC dẫn chương trình: **Đi qua miền Tiểu thuyết để:**

+ **Tìm hiểu *Nỗi buồn chiến tranh* - cuốn tiểu thuyết về thân phận con người**

+ **Khám phá Những sắc màu của tiểu thuyết hiện đại trong *Nỗi buồn chiến tranh***

- Theo sự dẫn dắt của MC, mỗi HS đều vào vai chuyên gia chia sẻ khi được mời phỏng vấn.

- HS còn lại lắng nghe, xung phong chia sẻ bổ sung tạo không khí cho cuộc phỏng vấn,...

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chốt vấn đề.

này, hời hợt, công thức đồng nghĩa với việc lãng tránh phần gai góc của hiện thực và nhìn đời sống một chiều.

c. Kiên được “phục sinh trong chuỗi dài tái hiện”:

- Chi tiết: “Kiên tin rằng anh đã phục sinh, nhưng là một sự phục sinh lùi về sâu xa.”, “Có vẻ như anh đã tìm ra cuộc đời mới của mình: đây chính là cuộc đời đã qua, là tuổi trẻ đã mất đi trong nỗi đau buồn chiến tranh.”, “Nhưng mặc dù thế, tôi tin rằng anh vô cùng hạnh phúc trên con đường hướng mãi về quá khứ.”, “Tôi cảm thấy ghen tị với niềm cảm hứng, niềm lạc quan quay ngược về quá khứ của anh.”,...

- Ý nghĩa: Trở về quá khứ, Kiên thấy được là chính mình khi sống với toàn bộ kí ức; Kiên trở thành hiện tượng “đị biệt, khó cắt nghĩa” trong mắt của “bản dân thiên hạ”. Đó cũng là số phận của những người “đi tìm thời gian đã mất”. Kiên tìm được hạnh phúc trong sự nhớ lại. Nhờ “tắm gội” trong kí ức, tâm hồn anh được phục sinh. Ý nghĩa của đời anh, của nỗi đau buồn mà anh gánh theo chính là chỗ đó. Sự mê mải lần về quá khứ của anh, như vậy, có thể gọi lên rất nhiều nhận thức sâu sắc và mới mẻ về đời sống cho người đọc.

=> Như vậy, cần hiểu rõ chức năng đích thực của nhân vật trong tác phẩm truyện nói chung và tiểu thuyết nói riêng. Nhân vật “chính diện” không nhất thiết phải tồn tại như một tấm gương mẫu mực về lối sống để người đọc bắt chước, noi theo. Nhân vật là một ước lệ nghệ thuật, phải thể hiện được những vấn đề tác giả suy ngẫm và muốn chia sẻ. Vì vậy, việc đồng tình hay không đồng tình với Kiên hoàn toàn độc lập với việc đánh giá về giá trị của tác phẩm. Điều đó đã tạo ra những đối thoại nhiều chiều. Đây cũng là đặc trưng của văn học sau năm 1975.

2. Những sắc màu của tiểu thuyết hiện đại trong *Nỗi buồn chiến tranh*

a. Sự linh hoạt trong kết cấu và sự độc đáo khi kể chuyện

- Sự linh hoạt trong kết cấu

+ **Phần 1:** Người kể chuyện ngôi thứ ba kể về trạng thái luôn sống với kí ức chiến tranh của nhân vật Kiên – dòng kí ức đã thôi thúc anh cầm bút để ghi chép lại tất cả trải nghiệm của một đoạn đời đặc biệt.

+ **Phần 2:** Người kể chuyện ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) kể về những ấn tượng, cảm xúc và suy tư của mình khi đối diện với “núi bản thảo” bộn bề mà Kiên bỏ lại. Đó là ấn tượng, cảm xúc và suy tư về nhân vật Kiên, về quyền được nhớ lại, về niềm hạnh phúc đang chờ đợi những ai muốn đi ngược thời gian để sống trọn vẹn với những gì đã xảy ra trong quá khứ, về chiến tranh, về ý thức bảo vệ phẩm giá ở mỗi người trong hoàn cảnh thử thách khốc liệt,...

- Sự độc đáo khi kể chuyện

+ “Câu chuyện” trong đoạn trích được kể từ hai ngôi: ngôi thứ ba (phần một) và ngôi thứ nhất (phần hai).

+ Nhân vật trong đoạn trích gần như không có “hành động bên ngoài” mà chỉ có “hành động bên trong”, tức là chỉ hiện lên trước người đọc với dòng tâm tư bất tận của mình.

+ Đoạn trích mờ nhạt (hay thiếu) yếu tố sự kiện: Trong đoạn trích, nổi bật là dòng tâm tư bất định của nhân vật Kiên cùng những suy tưởng miên man của người kể chuyện xưng “tôi”. Đặc điểm này đã gây không ít bối rối cho những độc giả vốn quen đọc truyện, tiểu thuyết truyền thống có hệ thống sự kiện,

biến cố, tình tiết, chi tiết kết nối với nhau chặt chẽ, được phân lớp tường minh.

b. Sự chuyển dịch ngôi kể và điểm nhìn

- Sự lựa chọn ngôi kể và điểm nhìn là dụng ý nghệ thuật của nhà văn. Ở phần một, tác giả kể ở ngôi thứ ba theo điểm nhìn của nhân vật Kiên và ở phần hai là kể ở ngôi thứ nhất theo điểm nhìn của người kể chuyện xưng “tôi”.

- Trong phần một, kể ở ngôi thứ ba với điểm nhìn bên trong, điểm nhìn từ nhân vật Kiên, nhà văn có thể kể những gì xảy ra trong cuộc sống của Kiên, đồng thời cũng diễn tả một cách tự nhiên diễn biến tinh tế nhất trong nội tâm của nhân vật như sự đấu tranh, giằng xé, những ám ảnh, những trạng thái đau đớn của tâm hồn,...

- Sự dịch chuyển ngôi kể và điểm nhìn tạo một cuộc đối thoại giữa hai người viết về tác phẩm của Kiên: “Tôi” và Bảo Ninh. “Tôi” nói về ấn tượng và suy nghĩ của mình trước “núi giấy” do nhân vật Kiên bỏ lại, qua đó, gián tiếp “tiết lộ bí mật” về kết cấu của chính cuốn tiểu thuyết đang trình hiện trước người đọc – *Nỗi buồn chiến tranh*.

c. Mối quan hệ giữa người kể chuyện và quan điểm của nhà văn

- Người kể chuyện nhận xét về cuốn tiểu thuyết đang viết dở của Kiên: “bản thảo tiểu thuyết của Kiên dần dần lên và dần đến đoạn kết, song đồng thời cũng như thể mỗi ngày một thêm dang dở. Những chương sau như là điệp khúc của các chương phía trước.”, “Có vẻ như chẳng một trình tự nào hết. Trang nào cũng hầu như là trang đầu, trang nào cũng có vẻ như trang cuối.”, “đây vẫn là một sáng tác dựa trên cảm hứng chủ đạo của sự rối bời”, “mạch chuyện không ngừng đứt gãy. Tác phẩm từ đầu đến cuối không hề có nổi một tuyên chung, một bề mặt đại khái nào mà hoàn toàn là những khối thù hình”, “sự mất bố cục, sự thiếu mạch lạc, thiếu bao quát nhiều khi chứng tỏ sự hụt hẫng của tư duy người viết, chứng tỏ cái vẻ “lực bất tòng tâm” của y”, “tác phẩm bị đẹp bỏ của “nhà văn phường chúng tôi” hiện lên trong một cấu trúc khác, trong sự hoà đồng với cuộc đời thực không hề hư cấu của anh”, “Đường như do sự tình cờ của câu chữ và của bố cục, tôi và tác giả đã ngẫu nhiên trở nên hoà đồng tư tưởng, trở nên rất gần nhau.”...

- Liên hệ tới đặc điểm của tiểu thuyết hiện đại:

+ Tiểu thuyết hiện đại thường có kết cấu đa tầng, đa tuyến; nhân vật có khi vắng bóng hoặc không có diện mạo, tính cách hoàn chỉnh; điểm nhìn và ngôi kể có thể thay đổi rất bất ngờ, linh hoạt; ngôn ngữ thường đa thanh;...

+ Với những cách tân, đột phá mạnh mẽ, tiểu thuyết hiện đại góp phần nhào nặn lại người đọc, buộc người đọc phải thay đổi nhiều thói quen tiếp nhận, ngoài việc chú ý câu chuyện được kể còn phải quan tâm tìm hiểu cách kể, cách viết đầy tính “khiêu khích” của tác giả, phải chủ động tạo sự kết nối giữa văn bản đang đọc với các văn bản khác.

+ Hình thành được cách đọc phù hợp đối với tiểu thuyết hiện đại là cả một quá trình lâu dài, đòi hỏi người đọc phải liên tục thích ứng, khám phá, đồng sáng tạo với tác giả, khắc phục cách nhìn đông cứng về những cái thường được xem là hình mẫu. Chính nhân vật người kể chuyện xưng “tôi” trong đoạn trích cũng phải trải qua rất nhiều khó khăn trước khi hiểu ra và tìm thấy sự đồng cảm lớn với Kiên – “nhà văn của phường chúng

	tôi” – cùng những trang bản thảo kì lạ do anh tạo nên trong trạng thái “ý thức mờ mịt”, “được sáng tác dựa trên cảm hứng chủ đạo của sự rối bời”. - Suy ngẫm của nhân vật “tôi” khi đọc lại bản thảo của Kiên – Nỗi buồn của nhân vật chính: + Nỗi đau buồn mà Kiên lâm vào hay tự chìm mình vào có cội nguồn từ sự chiêm nghiệm sâu sắc bộ mặt phi nhân tính của chiến tranh: chiến tranh gây ra những chết chóc, gây nhiều tổn thương tinh thần không thể chữa lành. + Nỗi đau buồn của Kiên kéo anh mãi về quá khứ nhưng cũng làm cho anh được phục sinh về mặt tinh thần, giúp anh soi tỏ toàn bộ tháng ngày qua bằng một cái nhìn mới, đầy ý thức. - Công việc viết tiểu thuyết: + Đối với Kiên, viết tiểu thuyết chính là một hành động cụ thể để tái hiện trọn vẹn quãng đời đã qua vốn bị cuốn vào vòng xoáy của chiến tranh và để thực hiện sự phục sinh tinh thần. + Đối với các nhà văn, viết tiểu thuyết là việc đi tìm một hình thức biểu đạt phù hợp có thể soi tỏ được bản chất của đời sống, cuốn người đọc vào những câu chuyện ngỡ xa lạ nhưng thực ra là của chính họ (Nhân vật “tôi” khi đọc bản thảo tiểu thuyết của Kiên đã dần dần vỡ lẽ: “Dường như do sự tình cờ của câu chữ và của bố cục, tôi và tác giả đã ngẫu nhiên trở nên hoà đồng tư tưởng, trở nên rất gần nhau. Thậm chí tôi ngỡ rằng có quen anh trong chiến tranh.”) - Sự ý thức của tác giả Bảo Ninh đối với việc lựa chọn hình thức viết: + Nỗi buồn chiến tranh có một tiểu thuyết trong tiểu thuyết. Khi kể về việc viết tiểu thuyết của Kiên, nhà văn (qua hình tượng người kể chuyện xưng “tôi”) có ý thức rất rõ về việc chọn hình thức viết phù hợp với chủ đề “nỗi buồn chiến tranh”. + Để có thể làm nổi bật sự “đị biệt” của Kiên – một người mãi lang thang trên hành trình trở về quá khứ đắm màu bi thương, cách viết phi tuyến tính, chông xép lộn lộn các bình diện thời gian, không gian, nương theo dòng tâm tư nặng nề nhưng cũng đầy biến động của nhân vật là một sự lựa chọn hợp lí. Với cách viết này, tác giả đã thể hiện ám ảnh cõi lòng bất ổn, ngổn ngang của nhân vật, có thể khuấy động suy tư của người đọc về từng tình tiết, chi tiết được miêu tả dưới nhãn quan của nỗi buồn. + Nếu không có việc Kiên viết tiểu thuyết rồi sau đó bỏ đi đâu chẳng rõ, cái nhìn của Kiên về chiến tranh rất dễ trở thành một cái nhìn mang tính chất áp đặt, chi phối cảm giác, nhận thức của người đọc. Nhưng trên thực tế, Kiên đã được tác giả cho hiện diện như “ca tâm lí” đặc biệt cần quan sát, lí giải một cách tường tận. Trong tiểu thuyết, “tôi” – người kể chuyện chưa từng biết Kiên ngoài đời – đã nêu những nhận xét về anh từ một góc nhìn khách quan. Đến lượt độc giả, tâm trạng và hành xử của Kiên lại lần nữa được soi xét. Rõ ràng, giữa anh và độc giả luôn tồn tại một khoảng cách nhất định, theo đó, độc giả có thể chủ động nêu đánh giá riêng về Kiên và về tất cả những gì được thể hiện trong Nỗi buồn chiến tranh. Có thể thấy, qua tiểu thuyết này, Bảo Ninh là nhà văn thực sự có cái nhìn đa chiều, toàn diện về chiến tranh; có trách nhiệm với lịch sử và độc giả.

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Văn bản đề cập đến vấn đề gì và đã đem đến cho người đọc những thông tin, những cảm xúc như thế nào? - Nêu ngắn gọn những dấu hiệu của tiểu thuyết hiện đại thể hiện qua đoạn trích? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung Đoạn trích <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> thể hiện sự dằn vặt, giằng xé trong tâm hồn của nhân vật Kiên, sự đồng cảm và thấu hiểu của nhân vật tôi; đồng thời phản ánh sự kinh hoàng của chiến tranh cũng như những tác hại của nó gây ảnh hưởng mãi về sau với những người đã từng đi qua nó. 2. Nghệ thuật - Nhân vật gần như không có “hành động bên ngoài” mà chỉ có “hành động bên trong”, tức là chỉ hiện lên trước người đọc với dòng tâm tư bất tận, không có diện mạo, tính cách hoàn chỉnh. - Sử dụng thủ pháp dòng hiện và bút pháp dòng ý thức. - Đoạn trích mờ nhạt (hay thiếu) yếu tố sự kiện. - Tiểu thuyết hiện đại thường có kết cấu đa tầng, đa tuyến. - Điểm nhìn và ngôi kể có thể thay đổi bất ngờ, linh hoạt. - Ngôn ngữ thường đa thanh và giọng giễu nhại được sử dụng thường xuyên.

2.4. Hướng dẫn cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết hiện đại

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết hiện đại.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua trải nghiệm đọc hiểu tiểu thuyết <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> của Bảo Ninh và đoạn trích trong SGK, em hãy nêu cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết hiện đại. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	IV. Cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại tiểu thuyết hiện đại - Đọc và xác định đề tài. - Nêu câu chuyện và hệ thống sự việc chính. - Nhận biết nhân vật. - Xác định được ngôi kể, điểm nhìn ngôn ngữ. - Kết nối để xác định chủ đề, giá trị của văn bản. - Nhận xét về phong cách của nhà văn.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi: **Ai nhanh hơn?**

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Cả lớp tham gia trò chơi: **Ai nhanh hơn?** bằng cách trả lời nhanh các câu hỏi sau khi nghe giáo viên đọc dứt câu hỏi (HS nào giơ tay nhanh sẽ dành quyền trả lời).
 - Mỗi câu trả lời đúng HS sẽ nhận được một phần quà (do GV chuẩn bị để khích lệ HS học tập tốt).
- Hệ thống câu hỏi trả lời nhanh:

Câu 1. Xác định ngôi kể trong đoạn trích *Nỗi buồn chiến tranh*

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ ba
- C. Kết hợp ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba
- D. Không xác định ngôi kể

Câu 2. Sự độc đáo trong kết cấu tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh*

- A. Tiểu thuyết trong tiểu thuyết
- B. Đầu cuối tương ứng
- C. Vòng tròn
- D. Đồng tâm

Câu 3. Sự “đị biệt” của Kiên trong đoạn trích *Nỗi buồn chiến tranh*

- A. Một người mãi lang thang trên hành trình trở về quá khứ đắm màu bi thương
- B. Một người anh hùng trở về từ quá khứ
- C. Một người đàn ông của gia đình
- D. Bức tượng đài của chiến tranh hiên ngang, sừng sững

Câu 4.

Cho các từ ngữ sau: không gian, dòng tâm tư, thời gian, nỗi buồn

Lựa chọn từ ngữ đã cho điền vào chỗ trống

Cấu trúc tác phẩm *Nỗi buồn chiến tranh* không theo trật tự thông thường. Tác giả tạo sự đan chéo lẫn lộn các chiều...(1), ...(2) nhưng vẫn nương theo ...(3) đầy biến động của nhân vật. Qua đó, tác giả đã thể hiện nỗi ám ảnh của nhân vật trước chiến tranh. Tất cả các sự kiện trong tác phẩm đều được miêu tả dưới nhãn quan da diết của...(4)

Đáp án (1): thời gian, (2): không gian, (3): dòng tâm tư, (4): nỗi buồn

Câu 5. Phát biểu sau đây Đúng hay Sai?

Cái nhìn đa chiều, toàn diện về chiến tranh trong tác phẩm *Nỗi buồn chiến tranh* được thể hiện ở cái nhìn khách quan của nhà văn đối với Kiên; ở sự soi xét có khoảng cách từ phía độc giả trước tâm trạng và hành xử của Kiên.

- A. Sai
- B. Đúng

Câu 6. Dấu hiệu nào trong đoạn trích *Nỗi buồn chiến tranh* đúng với tiểu thuyết hiện đại?

- A. Trần thuật theo dòng thời gian tuyến tính, đơn giản
- B. Kết cấu truyện theo dòng thời gian
- C. Nhân vật gần như không có “hành động bên ngoài”; sử dụng thủ pháp đồng hiện và bút pháp dòng ý thức; kết cấu đa tầng, đa tuyến; điểm nhìn và ngôi kể có thể thay đổi bất ngờ, linh hoạt
- D. Yếu tố hư cấu và phi hư cấu đan xen, hòa trộn

Bước 2,3: Thực hiện nhiệm vụ và Báo cáo, thảo luận

Học sinh cả lớp cùng tham gia trò chơi

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV đánh giá, nhận xét, trao quà cho HS có câu trả lời nhanh, đúng.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được những kỹ năng sau khi học xong văn bản *Nỗi buồn chiến tranh* để đọc hiểu tiểu thuyết và thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Đoạn văn hoàn chỉnh của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về sự lựa chọn của nhân vật Kiên: nhớ và viết để được phục sinh về tinh thần.

GV nhắc học sinh:

Đọc lại nửa đầu phần một của đoạn trích để hiểu rõ nguyên do đã thôi thúc Kiên cầm bút và để hình thành được những ý cần thiết cho đoạn văn.

GV khuyến khích HS: viết đúng cảm nhận có thực của mình, hoàn toàn có thể “phản biện” lại sự lựa chọn của nhân vật Kiên bằng các lí lẽ được trình bày tường minh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân khoảng 10 phút viết đoạn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2-3 HS đọc sản phẩm. HS khác lắng nghe, nhận xét dựa vào Rubric.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương sản phẩm tốt hoặc cho điểm HS căn cứ Rubric và hướng dẫn HS đoạn văn tham khảo, định hướng HS chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm ở nhà.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ	3.0
Nội dung	Trình bày cảm nhận về sự lựa chọn của nhân vật Kiên: nhớ và viết để được phục sinh về tinh thần.	
	Trình bày cảm nhận khái quát về sự lựa chọn của nhân vật Kiên: nhớ và viết để được phục sinh về tinh thần.	2
	Lí giải những cảm nhận cụ thể về sự lựa chọn của nhân vật Kiên: nhớ và viết để được phục sinh về tinh thần.	2
	Những điều rút ra từ sự lựa chọn của Kiên.	1.0
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp Tiếng Việt.	1.0
Sáng tạo	Thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	1.0

Đoạn văn tham khảo:

Bảo Ninh thường tâm sự: “Nỗi buồn và những ám ảnh chiến tranh sẽ còn mãi mãi trong đời tôi. Tôi chỉ có thể trông chờ nỗi buồn ấy hết ở thế hệ sau mà thôi”. Ký ức về chiến tranh ám ảnh Bảo Ninh dai dẳng, và ông gửi điều đó vào Kiên. Kiên là người chiến sĩ sống sót sau chiến tranh của một đơn vị, không thể tự giải thoát khỏi các hồi tưởng về cuộc chiến tranh vừa qua và về các đồng đội đã mất như một chứng bệnh trầm cảm. Anh cũng chính là kẻ đã đánh mất mỗi tình đẹp đẽ của mình. Và cuối cùng, anh còn là người viết tiểu thuyết với ý thức sứ mệnh. Tác phẩm là những hồi ức bi thương về bom đạn, là những suy tư sâu xa về tình yêu, sự mất mát, và cuộc đời trong chiến tranh. Tuy nhiên, tác giả không chỉ muốn truyền đạt thông điệp về sự ghê tởm và tính chất hủy diệt của chiến tranh, mà còn muốn khẳng định vai trò của cá nhân và quyền sống, hạnh phúc và đau khổ của con người. Đây là một tác phẩm đầy cảm xúc và xót xa, cũng như là một lời cảnh tỉnh đối với tất cả mọi người về giá trị của hòa bình và hạnh phúc trong cuộc sống - một đời sống tuy ngắn ngủi và khá là ảm đạm, nhiều buồn đau và bất hạnh, song lại cũng hàm chứa vô cùng tận những lẽ đời đáng sống, những giá trị cao quý, những vẻ đẹp tuyệt vời, hạnh phúc và niềm vui. Bảo Ninh viết *Nỗi buồn chiến tranh* “không vì danh tiếng, mà viết để đền ơn đáp nghĩa thế hệ của mình” cũng giống như Kiên nhớ và viết để được phục sinh về tinh thần.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản tiểu thuyết hiện đại có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài: Thực hành tiếng Việt:** Biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ: đặc điểm và tác dụng.

ĐỊNH HƯỚNG PHÂN THỰC HÀNH ĐỌC

TRÊN XUÔNG CỨU NẠN (Trích Cuộc đời của Pi) Y-an Ma-ten

Giới thiệu: Cuộc sống là một chuỗi những khám phá không ngừng, và cuốn sách *Cuộc đời của Pi* của Y-an Ma-ten mở ra một thế giới phi thường, nơi lòng can đảm và niềm tin chiến thắng mọi thử thách. Trong từng trang sách, ta không chỉ đọc; ta cảm nhận cuộc sống của Pi, một cậu bé với tâm hồn phiêu lưu và khao khát sống sót mãnh liệt. *Cuộc đời của Pi* là hành trình của sự kiên cường, tâm lòng đầy đức tin và những lời cầu nguyện trở thành hóa lực giữ lửa cho tinh thần. Nó không chỉ là câu chuyện về sự sinh tồn mà còn là chuyến đi của tâm hồn qua những dải sóng ngồn ngộn của Thái Bình Dương. Và Y-an Ma-ten là người thủy thủ đắc lực, ghi lại mỗi cung bậc cảm xúc, từ khát vọng sống đến những phút giây tuyệt vọng sâu thẳm.

I. Đọc và tìm hiểu chung

1. Tác giả Y-an Ma-ten

- Y-an Ma-ten sinh năm 1963 tại Tây Ban Nha, là công dân Ca-na-đa (Canada), tác giả của một số cuốn tiểu thuyết và truyện ngắn nổi tiếng.
- Tiểu thuyết *Cuộc đời của Pi* là cuốn sách thứ ba của nhà văn, đã được tặng giải thưởng Man Booker năm 2002.

2. Tác phẩm *Cuộc đời của Pi* và văn bản *Trên xuống cứu nạn*.

Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể		
Thể loại tác phẩm	Tiểu thuyết		
Dung lượng tác phẩm	Gồm 100 chương		
Nhân vật chính trong tác phẩm	Pi		
Xuất xứ, vị trí của văn bản	<i>Trên xuống cứu nạn</i> thuộc chương 78 của cuốn tiểu thuyết <i>Cuộc đời của Pi</i> .		
Tóm tắt ngắn gọn tác phẩm	Câu chuyện kể về một vụ đắm tàu, người gặp nạn tên Pi, trong một lần cùng gia đình sang định cư ở Ca-na-đa, chẳng may gặp cơn bão. Tất cả đều bị nuốt chửng, chỉ còn mỗi Pi, anh ta cố gắng duy trì sự sống của mình trong suốt 227 ngày đêm. Nhờ những khoảnh khắc như vậy, Pi đã phát hiện ra được những nghịch lý của cuộc sống mà trước giờ anh chưa từng nghĩ tới.		
Bố cục văn bản	Phần 1	Từ đầu đến “người tôi lạnh cứng”	Khung cảnh bầu trời dưới con mắt quan sát của Pi.
	Phần 2	Tiếp theo đến “tất cả mọi chuyện”	Tâm trạng, suy nghĩ của Pi sau những ngày bị đắm tàu.
	Phần 3	Đoạn còn lại	những chiêm nghiệm của Pi sau khi anh phát hiện ra những nghịch lý cuộc sống.

II. Khám phá văn bản

(Chỉ ra và phân tích được một số nét đặc trưng của tiểu thuyết hiện đại trên các phương diện: câu chuyện, sự kiện, ngôi kể, điểm nhìn, tình huống, nhân vật, ngôn ngữ, phong cách tác giả thể hiện qua đoạn trích *Trên xuống cứu nạn*.)

1. Trải nghiệm phong phú của người gặp nạn trên biển khi một mình đối mặt với sự bí ẩn vô cùng của vũ trụ.

- Thấy nhiều kiểu trời:

- + Trời có đám mây trắng;
- + Trời tịnh không một gợn mây;
- + Trời mỏng dính và u ám;
- + Trời là trận mưa đen ngòm;
- + Trời là trận nước đổ xuống, là trận đại hồng thủy;...

- Thấy nhiều loại biển:

- + Biển gầm thét như một con hổ;
- + Biển thì thâm vào tai ta như người bạn rủ rỉ tâm tình;
- + Biển kêu lanh canh như một đồng xu lẻ trong túi quần;
- + Biển sấm sét như những trận đất lở;
- + Biển rít lên như giấy nháp cọ trên mặt gỗ;
- + Biển kêu như người nôn mửa;
- + Biển lặng ngắt như chết.

- Cảm nhận thấy giữa trời và biển là gió

- Thấy được đêm và trăng

2. Những nghịch lý cuộc sống được nhìn qua con mắt của một nạn nhân vụ đắm tàu

- Là một kẻ đắm tàu tức là thường trực tại tâm điểm của một vòng tròn. Cho dù mọi vật có vẻ như biến động vô cùng... Cái hình học kia không bao giờ thay đổi.

- Khi đắm tàu, khi nạn nhân đang tiến gần hơn với cửa tử thì góc nhìn cũng như suy nghĩ sẽ chỉ dừng lại ở một khía cạnh nhất định, dù mọi vật có biến động ra sao, có đang thay đổi theo hướng tích cực hay tiêu cực thì con người sẽ chỉ nhìn thấy rằng, mình đang bước vào cửa tử.
- Cái nhìn ngây dại của ta luôn luôn là đường bán kính mà thôi. Cái vòng tròn đó mãi lớn lao. Mà thực tế là, cái vòng tròn còn nhân bản lên nữa.
- Đây có thể là một cách miêu tả cho sự ngây thơ, sự tin tưởng mù quáng mà chúng ta thường có đối với thế giới xung quanh. Đôi khi, những niềm tin và hy vọng của chúng ta có thể bị lạc quan, ngây thơ, và chúng ta không nhận ra rằng thế giới có thể đầy rẫy những mặt trái và nguy hiểm.
- Một kẻ đắm tàu là kẻ bị mắc kẹt trong một màn múa ba lê kì bí của các vòng tròn. Ta là tâm điểm của một vòng tròn, trong khi trên đầu ta, hai vòng tròn đối nghịch cùng đang quay tít xung quanh.
- Khi đối mặt với cái chết, con người có thể hi vọng nhưng họ sẽ bị kéo về thực tại vì họ hiểu họ đã bị mắc kẹt và không thể nào thoát ra, họ dần chấp nhận với sự thực này.
- Là một kẻ đắm tàu lại là bị mắc kẹt giữa những đối nghịch lạnh lùng và mệt mỏi.
- Khi đối mặt với cái chết, con người sẽ bị mắc kẹt giữa sự lạnh lùng và cảm giác lúc ấy chỉ là sự mệt mỏi.
- Nhiều khi cuộc đời là một chuỗi những chuyển dịch như quả lắc đồng hồ từ cái này sang cái kia.
- Cuộc sống luôn luôn vận động và ta sẽ không biết chuyện gì có thể xảy ra.
- Cuộc sống trên một chiếc xuồng không thật sự là cuộc sống. Nó như một ván cờ đang lao vào kì chung cục, một ván cờ chỉ còn vài quân.
- Khi bạn gặp nguy hiểm và đứng giữa một cơ hội mong manh để sống, bạn sẽ chẳng còn cơ hội nào khác và chỉ biết nỗ lực để tìm ra con đường sống.
- 3. Nét độc đáo trong cách kể chuyện của tác giả**
- Tác giả tạo ra một tầm nhìn độc đáo thông qua nhân vật của mình đó là một nạn nhân đắm tàu. Cách nhìn của nhân vật về thế giới, về cuộc sống và về những giá trị cơ bản được trình bày một cách sâu sắc và tinh tế thông qua cái nhìn của nhân vật về sự vật xung quanh.
- Từ những trải nghiệm riêng của nhân vật, tác giả khám phá và khái quát các chân lí, giá trị, và bài học muôn đời mà mọi người có thể cảm nhận và học hỏi.
- Dùng những từ ngữ mang tính triết lí, giàu hình ảnh tượng trưng, so sánh để khái quát được những chân lí muôn đời.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 7

BIỆN PHÁP TU TỪ NÓI MĨA, NGHỊCH NGỮ: ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **thực hành Tiếng Việt, giúp HS:**

- Nhận biết được các dấu hiệu đặc trưng của biện pháp tu từ nói mĩa, nghịch ngữ trong các phát ngôn nói chung và trong văn bản viết (nhất là văn bản văn học) nói riêng.
- Biết vận dụng biện pháp tu từ nói mĩa, nghịch ngữ trong nói và viết nhằm đạt được những mục đích cụ thể đã xác định.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về biện pháp tu từ nói mĩa và nghịch ngữ vào các nhiệm vụ trong thực tiễn.

2. Phẩm chất: Trân trọng, giữ gìn và phát huy giá trị của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. **Học liệu:** SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:**

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. **Nội dung hoạt động:** HS xem video, trả lời câu hỏi kết nối vào bài học

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS xem Clip: https://www.youtube.com/watch?v=P6FkawQphz8&t=5350s (Từ 1:28:12 đến 1:29:49) - HS trả lời các câu hỏi: + Hãy chỉ ra trong trích đoạn yếu tố gây cười đối với người xem. + Tại sao chúng ta thấy buồn cười? Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS xem video và thể hiện suy nghĩ cá nhân. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời, tuyên dương HS có cảm nhận sâu sắc. - GV dẫn vào bài: Ông muốn gì?/Ông thích gì?/Ông nói thế mà nghe được à?... của Ngọc Hoàng trong đoạn video ta vừa xem quả thực khiến ta vừa buồn cười, vừa băn khoăn về vị thế của Ngọc Hoàng. Nghịch ngữ là ở đó, mĩa mai cũng ở đó. Vậy thế nào là nói mĩa, nghịch ngữ, dấu hiệu để nhận biết và tác dụng là gì, hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu.	HS trả lời theo cảm nhận của cá nhân, chẳng hạn: - Yếu tố gây cười: Những lời đối thoại của táo Giao thông và Ngọc Hoàng (Nội dung thông báo xả lũ, bắn pháo hoa ba màu làm tín hiệu của táo Giao thông. Ông muốn gì?/Ông thích gì?/Ông nói thế mà nghe được à?... của Ngọc Hoàng). - Nguyên nhân gây cười: + Một buổi chiều nghiêm túc mà nói nhảm, nói giỡn, thoải mái như trẻ con. + Lời nói và cảm xúc của Ngọc Hoàng hoàn toàn đối lập với vị trí và vai trò trị vì của Ngọc Hoàng. ...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. **Mục tiêu:** Nhận biết được các dấu hiệu đặc trưng của biện pháp tu từ nói mĩa, nghịch ngữ trong các phát ngôn nói chung và trong văn bản viết (nhất là văn bản văn học) nói riêng.

b. **Nội dung hoạt động:** HS tham gia trò chơi **Đường chinh phục đỉnh cao Tiếng Việt (Vòng 1: Độ sức đua tài, Vòng 2: Vượt trở ngại).**

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu đặc điểm của biện pháp tu từ nói mĩa và nghịch ngữ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức cuộc thi: Đường chinh phục đỉnh cao Tiếng Việt (Vòng 1: Độ sức đua tài) GV chia lớp làm 4 nhóm, 2 thư kí ghi điểm. GV nêu thể lệ trò chơi: - Có 02 gói câu hỏi với nhiều lựa chọn (mỗi lựa chọn đúng trong gói sẽ được 10 điểm). Sau 2 phút đọc lại Tri thức Ngữ văn nhóm nào trả lời đúng nhiều nhất sẽ là nhóm giành chiến thắng. - Các nhóm chỉ được phát cờ/ bấm chuông/ gõ tay khi cô giáo đọc xong gói câu hỏi. - Thời gian suy nghĩ cho mỗi gói câu hỏi là 1 phút tối đa Câu hỏi: Gói 1. Chọn những ý đúng về nói mĩa: 1. Chính là phép ẩn dụ.	I. Biện pháp tu từ nói mĩa và nghịch ngữ 1. Đặc điểm a. Nói mĩa - Là biện pháp tu từ thể hiện thái độ mỉa mai hay sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn của người nói, người viết về sự vật, sự việc được đề cập. - Trong nói mĩa, người nói, người viết tạo ra sự mâu thuẫn cố ý giữa phần hiển ngôn và phần hàm ngôn của một lời nói hay của cả chuỗi phát ngôn. Phần hiển ngôn dường như thể hiện thái độ tán thành, khen ngợi hoặc trung lập, khách

2. Là biện pháp tu từ thể hiện thái độ mỉa mai.
3. Là sự kết hợp nhiều phương thức biểu đạt khác nhau trong cùng một đoạn văn bản.
4. Sự đánh giá mang tính phủ định ngầm ẩn của người nói, người viết về sự vật, sự việc được đề cập.
5. Người nói, người viết tạo ra sự mâu thuẫn cố ý giữa phần hiển ngôn và phần hàm ngôn của một lời nói hay của cả chuỗi phát ngôn.
6. Phần hiển ngôn dường như thể hiện thái độ tán thành, khen ngợi hoặc trung lập, khách quan trước đối tượng được nói tới.
7. Phần hàm ngôn lại cho biết một thái độ khác: phủ nhận (ở những mức độ khác nhau) hoặc dè bieu.
8. Thể hiện thái độ căm phẫn cái xấu xa của xã hội.

Đáp án hiển thị: 2,4,5,6,7

Gói 2. Chọn những ý đúng về nghịch ngữ :

1. Là biện pháp tu từ, ở đó người nói, người viết dùng một cụm từ gây ấn tượng mạnh làm nổi bật tính chất hai mặt của một tình thế, tâm trạng, hoặc phát lộ sự thật về đối tượng theo quan điểm của mình.
2. Sử dụng ngôn ngữ theo một cách đặc biệt ở một đơn vị ngôn ngữ (về từ, câu, văn bản) trong một ngữ cảnh nhất định nhằm tạo sự hài hòa, cân xứng đồng thời góp phần gây ấn tượng với người đối diện, người đọc về nội dung mình muốn truyền đạt.
3. Nghĩa của nghịch ngữ đối lập với nghĩa của các cụm từ khác trong câu hoặc trong các câu khác gần kề.
4. Diễn đạt một cách tế nhị hơn tránh khỏi cảm giác đau buồn, mất mát, nặng nề...
5. Nghịch ngữ thường xuất hiện trong nói mỉa.
6. Nhấn mạnh sự phát hiện mới hay cảm nhận, liên tưởng chủ quan của người nói, người viết về một đối tượng vốn có thể được nhìn nhận khác hẳn.

Đáp án hiển thị: 1,3,5,6

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS cùng nhau đọc thầm lại Tri thức Ngữ văn

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm tham gia trò chơi trả lời 02 gói câu hỏi theo thể lệ.
- Các nhóm còn lại đều có quyền bổ sung để được ghi điểm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chúc mừng đội thắng cuộc vòng 1.

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu dấu hiệu nhận biết của biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tiếp tục tổ chức cuộc thi:

Đường chinh phục đỉnh cao Tiếng Việt (Vòng 2: Vượt trở ngại)

GV lưu ý: Trong thời gian tối đa 5 phút, các nhóm thảo luận, hoàn thành 2 bảng nội cột tìm hiểu dấu hiệu nhận biết của nói mỉa và nghịch ngữ. Mỗi ý nói đúng trong cột được 10 điểm.

Bảng 1. Dấu hiệu nhận biết nói mỉa

Dấu hiệu		Nói	Ngữ liệu
1	Trong lời nói xuất hiện những từ, cụm từ vốn thể hiện chiều hướng đánh giá tiêu cực về một đối tượng		“Hay ho nhi?”; “Đẹp mặt chưa kia!”

quan trước đối tượng được nói tới nhưng phần hàm ngôn lại cho biết một thái độ khác: phủ nhận (ở những mức độ khác nhau) hoặc dè bieu.

b. Nghịch ngữ

- Là biện pháp tu từ, ở đó người nói, người viết dùng một cụm từ gây ấn tượng mạnh làm nổi bật tính chất hai mặt của một tình thế, tâm trạng, hoặc phát lộ sự thật về đối tượng theo quan điểm của mình.

- Nghĩa của nghịch ngữ đối lập với nghĩa của các cụm từ khác trong câu hoặc trong các câu khác gần kề.

- Tác dụng: nhấn mạnh sự phát hiện mới hay cảm nhận, liên tưởng chủ quan của người nói, người viết về một đối tượng vốn có thể được nhìn nhận khác hẳn.

- Nghịch ngữ thường xuất hiện trong nói mỉa. Ở những trường hợp đó, mỉa mai được nhìn nhận là mục đích của phát ngôn, còn nghịch ngữ được xem là phương tiện thực hiện mục đích này.

2. Dấu hiệu nhận biết

a. Nói mỉa

- Trong lời nói xuất hiện những từ, cụm từ vốn thể hiện chiều hướng đánh giá tiêu cực về một đối tượng: *hay ho, hay hóm, đẹp mặt, tốt mã, làm cha thiên hạ, ăn trắng mặc trơn, mèo mù vớ cá rán,...*

- Người nói, người viết nêu những tình huống, điều kiện phi lý gắn với khả năng, hành động, sự việc đang được nói tới.

- Có sự pha trộn đáng ngờ giữa kiểu nói lịch sự và nói quá.

- Có sự xuất hiện của yếu tố nhại trong phát ngôn.

- Có sự thay đổi bất ngờ về cách trần thuật hay giọng điệu trần thuật ngay trong một đoạn văn.

b. Nghịch ngữ

- Có sự kết hợp dường như phi lý giữa các từ mang nghĩa đối chọi ngay trong một cụm từ.

- Câu có cụm từ mang tính chất của một phụ chú khác thường

2	Người nói, người viết nêu những tình huống, điều kiện phi lí gắn với khả năng, hành động, sự việc đang được nói tới.		“Cám ơn ngài, ngài đã dạy quá lời”; “Kẻ hèn mọn này đâu dám đứng ngang hàng với các vị”.	b	đối với đối tượng được đề cập trước đó.
3	Có sự pha trộn đáng ngờ giữa kiểu nói lịch sự và nói quá.		“Hắn mà làm được điều đó thì tôi đi đầu xuống đất!”.	c	
4	Có sự xuất hiện của yếu tố nhại trong phát ngôn.		<i>Hầu lố, mét xì thông mọi tiếng, Chẳng sang Tàu cũng tếch sang Tây.</i> (Trần Tế Xương, Mai mà tứ hồng)	d	
5	Có sự thay đổi bất ngờ về cách trần thuật hay giọng điệu trần thuật ngay trong một đoạn văn.		Ông ta khóc quá, muốn lặn đi thì may có Xuân đỡ khỏi ngã. Nó chặt vật mãi cũng không làm cho ông đứng hẳn lên được. Dưới cái khăn trắng to tướng, cái áo thụng trắng loè xoè, ông phán cứ oặt người đi, khóc mãi không thôi. - Hút!... Hút!... Hút!... (Vũ Trọng Phụng, Số đỏ)	e	

Đáp án hiển thị: 1-a, 2-c, 3-b, 4-d, 5-e

Bảng 2. Dấu hiệu nhận biết nghịch ngữ

Dấu hiệu		Nói	Ngữ liệu	
1	Có sự kết hợp đường như phi lí giữa các từ mang nghĩa đối chọi ngay trong một cụm từ.		Ông hứa thế; giả thử cứ cho rằng một vị Toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chẳng nữa , thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi liệu quan Toàn quyền Va-ren sẽ “chăm sóc” vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao. (Nguyễn Ái Quốc, <i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu</i>)	a
2	Câu có cụm từ mang tính chất của một phụ chú khác thường đối với đối tượng		Những việc trắc trở như thế đã làm cho ông già hơn tám mươi tuổi phải chết một cách bình tĩnh .	b

	được đề cập trước đó.		(Vũ Trọng Phụng, <i>Số đỏ</i>)	
Đáp án hiển thị: 1-b, 2-a Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm hoàn thành 2 bảng nổi cột Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS các nhóm lần lượt báo cáo kết quả. - Các nhóm nhận xét, bổ sung hoàn thành bảng. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. - Thư kí tiếp tục tổng hợp, báo cáo kết quả điểm vòng 2 của các nhóm.				

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS xác định được biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ và tác dụng của nó.
b. Nội dung: HS tham gia trò chơi **Đường chinh phục đỉnh cao Tiếng Việt (Vòng 3: Nhà vô địch)**.
c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tiếp tục tổ chức cuộc thi: Đường chinh phục đỉnh cao Tiếng Việt (Vòng 3: Nhà vô địch). GV lưu ý: Trong thời gian tối đa 10 phút, các nhóm thảo luận, hoàn thành 3 bài tập: Bài tập 1 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 26) Bài tập 2 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 26 – 27) Bài tập 3 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 27). Mỗi ý đúng trong bài được 10 điểm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm hoàn thành 3 bài tập SGK Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS các nhóm lần lượt báo cáo kết quả. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. - Thư kí tiếp tục tổng hợp, báo cáo kết quả điểm cả 3 vòng của các nhóm. - GV công bố giải: Nhà vô địch và các giải còn lại, tuyên dương, khen thưởng hoặc ghi điểm cho các nhóm qua 3 vòng chơi.	II. Luyện tập Bài tập 1 a. Biện pháp tu từ nói mỉa: “ở cái nước có hàng triệu con voi”. - Phần trước có vẻ được tường thuật nghiêm túc, khách quan, nhưng với cụm từ này, độc giả cảm nhận được rõ sự chế giễu ngầm ẩn, do trọng tâm thông tin đã chuyển từ sự ghi chú thoáng qua (đáng lẽ thế) về một quốc gia, xứ sở thành sự đo đếm một đối tượng khác không mấy liên quan đến nhân vật chính (Triệu Voi như một danh xưng quốc gia bị biến thành cụm từ thể hiện nội dung “tính đếm” nô m na). - Triệu Voi (hay Vạn Tượng) vốn là một biệt danh của nước Lào từng được người Việt quen sử dụng; ở đây, Vũ Trọng Phụng đã mượn nó, đúng hơn là mượn nội dung bao hàm của nó để nói về nước Xiêm. Sự “thiếu chính xác” ở đây có thể đã được ý thức, thuộc về sự lựa chọn nhằm thể hiện ý đồ nghệ thuật riêng của tác giả. b. Biện pháp tu từ nói mỉa: “ông đã bao công trình mới cấy được từng ấy râu” => Cách miêu tả trịnh trọng một hành động bình thường, tầm thường; cách so sánh mang tính chất hạ thấp hay hạ bệ đối tượng. Bài tập 2 a. Biện pháp nghịch ngữ: “giơ quả đấm chào loài người”. => Cụm từ: “quả đấm” gợi ý niệm về bạo lực và sự đối kháng, trong khi hành động “chào” lại biểu thị sự thân thiện, hoà đồng. b. Biện pháp nghịch ngữ: “com rượu, bò lợn và quan phủ, quan tỉnh hiệp sức với nhau”. => “Com rượu” và “bò lợn” với “quan phủ, quan tỉnh” là những đối tượng khác biệt nhau về loại và “đẳng cấp”, vậy mà bị đánh đồng trong chuỗi liệt kê, từ “hiệp sức” mang hàm ý mỉa mai, khinh miệt. Bài tập 3 a. Biện pháp nghịch ngữ: “âm âm mà quanh hiu”.

	=> Ở đây, có sự đối chọi về nghĩa của hai từ chính trong cụm từ. “Âm ầm” là từ tượng thanh, thường dùng để miêu tả tình trạng âm thanh lớn, mạnh. “Quạnh hiu” diễn tả tình trạng vắng vẻ, thường là tĩnh lặng của một không gian cụ thể. Ghép “âm ầm” bên “quạnh hiu” để diễn tả một trạng thái chung của đối tượng là việc làm khác thường. b. Biện pháp nghịch ngữ: “nhà báo cấp tiến với xã hội và bảo thủ với gia đình”. => Ở đây, “cấp tiến” và “bảo thủ” lật tẩy bản chất của đối tượng, buộc độc giả phải tập trung chú ý vào một thông tin lẽ ra là thông tin phụ của câu văn.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về biện pháp tu từ nói mỉa và nghịch ngữ vào các nhiệm vụ trong thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Đoạn văn hoàn chỉnh của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

Nhiệm vụ về nhà: Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) theo chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS gửi sản phẩm vào nhóm lớp

- GV phân công nhóm đánh giá chéo dựa vào Rubric.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương sản phẩm tốt hoặc cho điểm HS căn cứ Rubric và hướng dẫn HS chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm ở nhà.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.	3.0
Nội dung	Viết một đoạn văn theo chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.	
	Giới thiệu được chủ đề của đoạn văn.	1.0
	Các câu trong đoạn đều tập trung làm rõ chủ đề.	2.0
	Sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.	2.0
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp Tiếng Việt.	1.0
Sáng tạo	Thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	1.0

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Về sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm đọc thêm một số câu văn có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ và phân tích chỉ ra tác dụng.

- Hoàn thành viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn, có sử dụng biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.

- **Chuẩn bị bài:** Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

VIẾT

Tiết: 8 + 10

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy viết, giúp HS:

- Nhận biết được những yêu cầu cơ bản của kiểu bài viết nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- Chọn được đề tài phù hợp để viết bài.
- Biết cách triển khai bài viết đúng hướng, đạt được mục đích, xác định được các phương diện cần so sánh, lựa chọn và phân tích được những dẫn chứng tiêu biểu, đưa đến những phát hiện mới về các tác phẩm có liên quan (theo những mức độ khác nhau).

2. Phẩm chất: Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cẩn trọng để tạo lập một văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân để giải quyết tình huống có liên quan đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Hãy kể tên một số tác phẩm truyện cùng đề tài mà em đã học hoặc đã đọc? - Theo em, vì sao những truyện có cùng đề tài mà vẫn có sức hấp dẫn đối với người đọc, người viết? Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS suy nghĩ và chia sẻ cá nhân. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời, biểu dương tinh thần tích cực của HS. - GV dẫn vào bài: So sánh hai tác phẩm văn học nhằm làm rõ một quy luật chung nào đó hay để nhìn nhận sâu hơn giá trị của từng tác phẩm là công việc quen thuộc của các nhà nghiên cứu, phê bình văn học. Trong nhà trường phổ thông, điều đó cũng cần được thực hiện ở mức độ phù hợp vì nó có thể giúp chúng ta rèn luyện khả năng liên hệ, kết nối, huy động kiến thức, thiết lập cái nhìn tổng quan khi đi vào khám phá thế giới tác phẩm văn học. Ở bài học này, trước hết, chúng ta sẽ được làm quen với công việc nêu trên qua việc viết một bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.	* Một số truyện ngắn cùng đề tài: - Đề tài người nông dân: <i>Chí Phèo</i> (Nam Cao), <i>Lão Hạc</i> (Nam Cao), <i>Tắt đèn</i> (Ngô Tất Tố), <i>Vợ nhặt</i> (Kim Lân),... - Đề tài chiến tranh: <i>Chiếc lược ngà</i> (Nguyễn Quang Sáng), <i>Rừng xà nu</i> (Nguyễn Trung Thành), <i>Những đứa con trong gia đình</i> (Nguyễn Thi), <i>Mảnh trăng cuối rừng</i> (Nguyễn Minh Châu), <i>Những ngôi sao xa xôi</i> (Lê Minh Khuê), ... - Đề tài người phụ nữ: <i>Vợ nhặt</i> (Kim Lân), <i>Vợ chồng A Phủ</i> (Tô Hoài),... * HS chia sẻ suy nghĩ cá nhân về sức hấp dẫn của những truyện có cùng đề tài, có thể là: - Cùng đề tài nhưng mỗi truyện có những cách nhìn, cách cảm, cách thể hiện, cách giải quyết vấn đề khác nhau. - Cùng đề tài nhưng mỗi truyện gửi gắm những thông điệp riêng, hàm chứa những ý nghĩa riêng của những phong cách không trộn lẫn,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS hiểu mục đích, yêu cầu đối với bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 9 HS đọc bài viết tham khảo theo các chỉ dẫn ở bên phải văn bản. - HS thảo luận cặp đôi thực hiện các yêu cầu sau: 1. Cơ sở của việc lựa chọn so sánh hai tác phẩm <i>Mảnh trăng cuối rừng</i> và <i>Những đứa con trong gia đình</i> là gì? 2. Tác giả bài viết đã xác định mục đích so sánh hai tác phẩm như thế nào? 3. Các phương diện cơ bản nào của hai tác phẩm đã được đưa ra so sánh? 4. Đánh giá nào về đặc điểm, giá trị của từng tác phẩm được nảy sinh trên cơ sở so sánh? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - 9 HS nối tiếp nhau đọc văn bản - Thảo luận cặp đôi 4 câu hỏi SGK khoảng 5 phút Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu mục đích và yêu cầu của bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS: Qua phân tích ví dụ SGK, em hãy cho biết: + Mục đích của bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. + Để viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, em cần lưu ý những gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, ghi kết quả ra giấy nhớ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS trả lời câu hỏi. - HS nhận xét, bổ sung cho nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.	I. Tìm hiểu chung dạng bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. 1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo - Cơ sở của việc lựa chọn so sánh hai tác phẩm <i>Mảnh trăng cuối rừng</i> và <i>Những đứa con trong gia đình</i>: viết về cùng đề tài, tiêu biểu cho những phong cách tiếp cận hiện thực chiến tranh của văn học trong một giai đoạn cụ thể. - Mục đích so sánh hai tác phẩm: Sự thống nhất trong cảm hứng sáng tác của các nhà văn cách mạng khi viết về cùng một đề tài, cách họ thể hiện phong cách cá nhân độc đáo – một điều không dễ làm trong bối cảnh cách mạng, mọi sáng tác văn học phải mang tính định hướng cao và cần được chuốt nhon thành “vũ khí”. - Các phương diện cơ bản được đưa ra so sánh: + Điểm tương đồng: hoàn cảnh sáng tác, soi tỏ những điều bí ẩn kì diệu đã làm nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người Việt Nam trong hoàn cảnh thử thách khốc liệt. + Những thông tin về từng tác phẩm: xuất xứ, bối cảnh câu chuyện, cốt truyện, nhân vật,... + Phân tích những điểm tương đồng, điểm riêng biệt. - Đánh giá về đặc điểm, giá trị của hai tác phẩm: <i>Mảnh trăng cuối rừng</i> và <i>Những đứa con trong gia đình</i> là những sáng tác mang dấu ấn thời đại rõ nét. 2. Mục đích và yêu cầu của bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện - Mục đích so sánh, đánh giá: Làm sáng tỏ một giá trị nào đó của từng tác phẩm truyện khi xem xét chúng trong tương quan rộng của lịch sử văn học và đời sống văn hoá. - Yêu cầu của kiểu bài: + Nêu được mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. + Trình bày được các thông tin khái quát về hai tác phẩm truyện. + Làm rõ được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm truyện xét trên một số phương diện nội dung và hình thức cụ thể theo mục đích và phạm vi đã xác định. + Rút ra được những nhận xét, đánh giá cần thiết, phù hợp về hai tác phẩm truyện căn cứ vào kết quả so sánh. + Nêu được ý nghĩa của việc đánh giá hai tác phẩm truyện thông qua việc so sánh.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.
- HS thực hành các bước để viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS				Dự kiến sản phẩm			
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: Các em thực hiện nhiệm vụ theo bàn: đọc SGK, thực hiện các yêu cầu trong bảng kiến thức sau:				II. Thực hành viết Cho đề bài sau: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện <i>Vợ nhặt</i> của Kim Lân và <i>Vợ chồng A Phủ</i> của Tô Hoài			
1. Các bước thực hành viết				1. Các bước thực hành viết			
Các bước		Nội dung		Các bước		Nội dung	
Chuẩn bị viết				Chuẩn bị viết		- Chọn đối tượng so sánh: truyện <i>Vợ nhặt</i> của Kim Lân và <i>Vợ chồng A Phủ</i> của Tô Hoài. - Suy nghĩ, tìm kiếm các tài liệu có liên quan đến hai tác phẩm, ghi chép những thông tin cần thiết. - Xác định rõ mục đích so sánh của bài viết: Làm sáng tỏ một giá trị nào đó của từng tác phẩm truyện khi xem xét chúng trong tương quan rộng của lịch sử văn học và đời sống văn hoá. - Xác lập cơ sở so sánh: Hai tác phẩm phải là những “mẫu” tiêu biểu, cho phép việc so sánh đạt được kết quả cần thiết; hai tác phẩm có những điểm khiến người đọc dễ liên hệ chúng với nhau. - Bài viết có thể ưu tiên nhấn mạnh sự tương đồng hoặc chỉ tập trung nói về sự khác biệt giữa hai tác phẩm	
Tìm ý, lập dàn ý		Tìm ý		Tìm ý, lập dàn ý		Tìm ý	
		Lập dàn ý				Trả lời câu hỏi:	
		MB				- Vì sao khi đọc truyện này đọc giả thường liên hệ đến truyện kia? (Xác lập cơ sở để so sánh hai tác phẩm truyện với nhau, giúp người viết có thể mở bài một cách thuận lợi.)	
		TB				- Sự tương đồng giữa hai truyện thể hiện trên những phương diện chủ yếu nào? (Lựa chọn các phương diện chủ yếu cần so sánh ở hai tác phẩm.)	
		KB				- Điều gì dẫn đến sự “gặp gỡ” đó giữa hai tác phẩm truyện? (Vừa đi sâu cắt nghĩa nguyên nhân của sự tương đồng, vừa tạo được sự gắn kết giữa các đoạn viết về từng tác phẩm.)	
Viết						- Dù có những điểm tương đồng, sự khác biệt giữa hai truyện vẫn thể hiện rõ. Sự khác biệt đó là gì? (Tìm ra nét độc đáo của từng tác phẩm.)	
Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện						- Việc so sánh đưa lại được những khám phá mới nào về từng tác phẩm? (Ý nghĩa của việc so sánh hai tác phẩm truyện với nhau.)	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn							
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS chia sẻ câu trả lời. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.							
Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.							
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: Các em viết bài văn hoàn chỉnh							
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân							
Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc bài viết trước lớp - HS khác bổ sung.							
Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá bài viết theo rubric.							

	Lập dàn ý	MB	Giới thiệu hai tác phẩm truyện được xác định là đối tượng của sự so sánh, đánh giá; nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá này.
		TB	Luận điểm 1. Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,... Luận điểm 2. Những điểm tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy Luận điểm 3. Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm.
		KB	Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm truyện khi đặt chúng trong tương quan so sánh.
	Viết	- Đề làm sáng tỏ các luận điểm, cần chú ý khai thác bằng chứng từ những phương diện khác nhau của hai tác phẩm truyện, bao gồm: đề tài, chủ đề, cảm hứng, cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu,... - Khi trích dẫn văn bản truyện hay một bài phê bình, đánh giá nào đó về truyện, cần đảm bảo yêu cầu chính xác, khách quan. - Tránh biến bài viết thành một văn bản mang tính chất lắp ghép máy móc, gồm hai “bài” nhỏ phân tích từng tác phẩm riêng biệt. - Thường xuyên chú ý mạch lạc, liên kết của bài viết và thực hiện việc ngắt đoạn phù hợp để người đọc dễ theo dõi hệ thống luận điểm.	
Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện	Đọc và kiểm tra lại các nội dung: - Đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để thực hiện những chỉnh sửa cần thiết nhằm hoàn thiện văn bản về mặt nội dung. - Rà soát, khắc phục những lỗi về chính tả, diễn đạt và trình bày để bài viết đáp ứng được những đòi hỏi về chuẩn mực hình thức		
2. Thực hành viết Sản phẩm: Bài viết của HS			

DÀN Ý THAM KHẢO

Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Vợ nhặt* của Kim Lân và *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài

I. Mở bài

Giới thiệu hai tác phẩm truyện được xác định là đối tượng của sự so sánh, đánh giá; nêu mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá này.

“Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả...Nếu anh không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ” (Sê khốp). Có lẽ với *Vợ chồng A Phủ* và *Vợ nhặt* thì Tô Hoài và Kim Lân đã chứng minh được họ là những nhà văn thực thụ. Bằng cách tiếp cận, cách cảm

nhận số phận, vẻ đẹp con người và những phương thức nghệ thuật trong một thời đại chung mà không thể trộn lẫn, hai nhà văn đã góp vào nền văn học hiện đại Việt Nam những giọng điệu riêng, những lối đi riêng. Để rồi từ đó độc giả được đắm mình trong thế giới văn chương lấp lánh những sắc màu.

II. Thân bài

1. Luận điểm 1. Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,...

a. Đôi nét về tác giả:

- Tô Hoài là cây đại thụ lớn của nền văn học hiện đại Việt Nam với một sự nghiệp văn chương đạt kỷ lục về số lượng tác phẩm; phong phú, hấp dẫn về nội dung; đặc sắc về nghệ thuật.
- Kim Lân - người “*một lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy nông thôn*” (theo Nguyên Hồng).

b. Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,...

- Hoàn cảnh ra đời:

- + *Vợ chồng A Phủ* Tô Hoài sáng tác trong chuyến đi thực tế lên Tây Bắc.
- + *Vợ nhặt* Kim Lân viết trước Cách mạng tháng Tám nhưng hoàn thành sau Cách mạng.

- Đề tài, chủ đề, cốt truyện, nhân vật:

- + *Vợ chồng A Phủ* xoay quanh cuộc đời của Mị và A Phủ. Do điều kiện bi thảm khác nhau mà một người trở thành con dâu gạt nợ, một người là kẻ làm thuê gạt nợ cho nhà thống lý Pá Tra. Dẫu vậy, Mị vẫn mang sức sống tiềm tàng trong đêm xuân và sức mạnh phản kháng mãnh liệt trong đêm đông. Và cuối cùng, Mị đã cắt dây trói cứu A Phủ và cùng A Phủ chạy trốn tới Phìềng Sa.
- + *Vợ nhặt* xoay quanh câu chuyện anh cu Tràng nhặt được vợ trong hoàn cảnh đói quay quắt. Bà cụ Tứ, người mẹ nghèo nhân hậu đã đón nhận mối duyên con. Hạnh phúc của họ bị bủa vây bởi cái đói, cái chết và cả tiếng trống thúc thuế của thực dân, phát xít. Dẫu vậy, họ vẫn tràn đầy niềm hi vọng vào tương lai.

- Vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học:

- + *Vợ chồng A Phủ* là một truyện ngắn xuất sắc trong đời văn Tô Hoài nói riêng và văn học hiện đại Việt Nam nói chung.
- + Có ý kiến cho rằng nếu chọn ra 10 cây bút tiêu biểu nhất của văn học hiện đại Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám thì không có ông nhưng nếu chọn ra 10 truyện ngắn hay nhất thì Kim Lân có đến 2 tác phẩm là “*Làng*” và “*Vợ nhặt*”. Trong đó, “*Vợ nhặt*” là một câu chuyện đầy ám ảnh.

2. Luận điểm 2. Những điểm tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và điều kiện làm nên sự khác biệt ấy

a. Những điểm tương đồng: Hai tác phẩm trên là những sáng tác tiêu biểu của hai nhà văn, đều viết về số phận và vẻ đẹp tâm hồn của người lao động

b. Những điểm khác biệt giữa hai tác phẩm truyện:

* Khác biệt trong tiếp cận số phận con người:

- Truyện *Vợ chồng A Phủ* phản ánh số phận đau khổ, tủi nhục của những người dân lao động dưới ách thống trị của cường quyền và thần quyền ở vùng miền núi Tây Bắc. Chứng minh qua cuộc đời nhân vật Mị và A Phủ:

+ Nhân vật Mị:

- ++ Thân phận con dâu gạt nợ nhưng thực chất, Mị chỉ như kẻ ở cho nhà thống lý Pá Tra.
- ++ Bị bóc lột tàn tệ: làm việc quần quật, con trâu con ngựa làm còn có lúc nghỉ ngơi nhưng Mị thì không, trong đêm tình mùa xuân khi sức sống trỗi dậy lại ngay lập tức bị A Sử dập tắt, bắt trói vào cột,...
- ++ Mị từ một cô gái trẻ trung, yêu đời trở thành “con rùa lùi lũi trong xó cửa”, tê liệt cả khả năng phản kháng...

+ Nhân vật A Phủ:

- ++ Chịu đau khổ, bất hạnh: mồ côi cha mẹ, bị đem bán đổi thóc, lưu lạc ở Hồng Ngài rồi vì dám đứng lên bảo vệ công bằng, lẽ phải mà bị đánh đập, phạt vạ, trở thành kẻ ở cho nhà thống lý.
- ++ Kiếp nô lệ bị bóc lột, chà đạp: bị phạt vạ vô lí, làm việc quần quật mấy năm không hết nợ, đánh mất bò nên bị trói đến chết (tính mạng rẻ mạt)...

- Truyện *Vợ nhặt* phản ánh số phận khốn khổ, rẻ mạt của con người giữa thời đói khát quay quắt:

- + Cảnh người chết đói tràn ngập khắp xóm ngụ cư: Người chết như ngã rạ, người sống thì “vật vờ như những bóng ma”,...

+ Số phận con người được tô đậm qua nhiều nhân vật cụ thể:

++ Tràng: xấu, nghèo, dân ngụ cư, ế vợ.

++ Người vợ nhặt: quần áo rách tả tơi, mặt xám xịt, chỉ thấy hai con mắt; nghèo đói khiến thị trở nên cong cớn, chông lòn, chấp nhận theo không Tràng về làm vợ cốt để có miếng ăn.

++ Bà cụ Tứ: cái nghèo khổ in dấu trong dáng hình “lọng khọng”, “vừa đi vừa lẩm bẩm tính toán gì đây” đầy ám ảnh.

*** Khác biệt trong cách cảm nhận về đẹp con người:**

- **Trong Vợ chồng A Phủ, Tô Hoài đã tập trung miêu tả sức sống mãnh liệt, khát vọng tự do cháy bỏng và khả năng cách mạng ở những con người nghèo khổ:**

+ Nhân vật Mị:

++ Là một người con gái xinh đẹp, có tài thổi sáo, tâm hồn trong sáng, yêu đời. Mị rất hiếu thảo: vì thương bố Mị chấp nhận làm con dâu gạt nợ, sống cuộc đời tăm tối, tủi nhục.

++ Có sức sống tiềm tàng mãnh liệt (chú ý phân tích diễn biến tâm trạng Mị trong đêm tình mùa xuân): Không khí ngày xuân ở Hồng Ngài, tiếng sáo gọi bạn tình và nhất là hơi rượu đã làm thức dậy tâm hồn Mị. Từ một kẻ lười lả, tê liệt khả năng phản kháng, Mị bỗng sống dậy ý thức về thân phận, thấy đau khổ và nghĩ đến cái chết. Rồi Mị lại muốn làm đẹp, muốn đi chơi, muốn được sống như ngày còn trẻ, còn được tự do,...

++ Là một cô gái giàu tình thương, có khát vọng sống mãnh liệt và có khả năng cách mạng (chú ý phân tích diễn biến tâm trạng và hành động của Mị trong đêm mùa đông ở Hồng Ngài): Cảnh đêm đông cắt da thịt, chỉ có bếp lửa làm bạn, cho dù bị A Sử đánh ngã ngay cửa bếp Mị vẫn dấy “chỉ biết chỉ ở với ngọn lửa”, thế rồi “một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại của A Phủ” khi bị trói đợi chết đã đánh thức dậy lần nữa ở Mị nỗi thương thân, thương người, khiến Mị quyết định táo bạo, dữ dội, mãnh liệt, đầy tinh thần phản kháng:

+++ Mị cắt dây trói cứu A Phủ chính là tự giải thoát bản thân mình.

+++ Vùng chạy theo A Phủ rồi sau hai người đã đến với cách mạng.

+ Nhân vật A Phủ:

++ Là một chàng trai khỏe khoắn, chăm lao động, tính tình cương trực: Ai lấy được A Phủ “như có một con trâu tốt trong nhà”, dám chống lại những bất công ngang trái,...

++ Là người tình nghĩa, có tình yêu tự do và tinh thần cách mạng:

+++ Khi Mị cởi trói, A Phủ khụy xuống, không bước được rồi ngay sau đó đã “quật sức vùng lên chạy” thoát khỏi gông cùm, xiềng xích.

+++ Khi Mị nói “A Phủ cho tôi đi”, A Phủ đã không bỏ lại người đàn bà khốn khổ ấy.

+++ Tìm đến cách mạng, trở thành cán bộ giỏi.

- **Trong Vợ nhặt, Kim Lân đã cho thấy:**

+ **Dù bị đẩy vào hoàn cảnh nghèo đói khốn cùng, con người vẫn yêu thương, đùm bọc nhau:**

++ Tràng nhặt vợ về cứu mạng.

++ Bà cụ Tứ sẵn sàng chấp nhận người con dâu với tất cả tình thương của một người mẹ đã trải đời.

++ Người vợ nhặt sẵn sàng theo không Tràng mong qua cảnh đói nghèo nhưng khi ăn miếng cháo cám “nghen bứ trong cổ họng” vẫn điềm nhiên và vào miệng, nghĩa là đã cảm thông, thấu hiểu và sẵn sàng chia sẻ sự nghèo khó với mẹ con Tràng.

+ **Dù bị đẩy vào hoàn cảnh nghèo đói khốn cùng, con người vẫn khao khát hạnh phúc, tin tưởng vào tương lai tươi sáng:**

++ Người dân ngụ cư vui khi Tràng có vợ.

++ Tràng tủm tỉm cười, hôm sau xúc động trước cảnh nhà cửa sân vườn được quét dọn sạch sẽ...

++ Người vợ nhặt trở thành người phụ nữ dịu dàng, nữ tính, chu đáo.

++ Bà cụ Tứ dặn dò, chỉ bảo các con, toàn nghĩ đến chuyện tương lai “ai giàu ba họ, ai khó ba đời”,...

++ Hình ảnh đoàn người đói đi trên đê Sộp và lá cờ Việt Minh dự báo về một cuộc đổi đời.

*** Khác biệt trong việc sử dụng hình thức nghệ thuật:**

- **Trong Vợ chồng A Phủ:**

+ Giọng kể của nhà văn nhập vào dòng tâm tư nhân vật, làm nổi lên ý nghĩ, tâm trạng và cả những trạng thái chập chờn của tiềm thức nhân vật.

+ Cách kể: Xây dựng lối trần thuật linh hoạt với sự dịch chuyển của điểm nhìn trần thuật (khi đặt bên ngoài để quan sát khách quan, khi đặt bên trong để thể hiện thấm thía những suy nghĩ, tình cảm trong lòng nhân vật).

+ Ngôn ngữ: Đậm chất miền núi, giàu chất thơ.

+ Sáng tạo nhiều chi tiết đặc sắc: căn buồng của Mị, tiếng sáo, giọt nước mắt A Phủ,...

+ Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tài tình, sâu sắc,...

- Trong Vợ nhặt:

+ Xây dựng tình huống truyện độc đáo, tự nhiên.

+ Bút pháp phân tích tâm lí nhân vật tinh tế, sâu sắc.

+ Nghệ thuật đối thoại, độc thoại nội tâm làm nổi rõ tâm lí của từng nhân vật.

+ Ngôn ngữ kể chuyện phong phú, cách kể chuyện gần gũi, tự nhiên.

+ Kết cấu truyện đặc sắc,...

c. Điều kiện làm nên sự khác biệt ấy:

- Giống nhau:

+ Lấy bối cảnh những năm 1945 – 1954.

+ Phản ánh số phận bi thảm đồng thời cũng khẳng định vẻ đẹp tâm hồn của người lao động.

+ Tố cáo xã hội thực dân phong kiến chà đạp, đẩy con người vào đau khổ.

+ Thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc: trân trọng vẻ đẹp tâm hồn, khát vọng chính đáng của con người, có niềm tin vào sự đổi đời của con người.

+ Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật rất tài tình, tinh tế.

- Khác nhau:

+ *Vợ chồng A Phủ* tập trung phản ánh:

++ Số phận: người lao động bị áp bức, bóc lột.

++ Vẻ đẹp: sức sống mãnh liệt, khát vọng tự do.

+ *Vợ nhặt* tập trung phản ánh:

++ Số phận: rẻ rúng vì đói nghèo.

++ Vẻ đẹp: khát vọng sống, ước mơ hạnh phúc.

3. Luận điểm 3. Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm truyện và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm

Cả hai tác phẩm đều là nơi các nhà văn gửi gắm tấm lòng tha thiết với đời. Đến với *Vợ chồng A Phủ* và *Vợ nhặt* chúng ta nhận ra những tấm lòng nhân đạo cao cả, những đôi mắt đau đáu hướng về cuộc đời, những ngòi bút đầy thao thiết vẽ lên những số phận, những vẻ đẹp lương tâm chói ngời. Thế nhưng mỗi tác phẩm lại đánh thức trong ta những rung cảm, những xúc động, những suy tư khác nhau. Cùng là đau khổ đó nhưng có khi ta đón nhận bằng tiếng cười đầy nước mắt khi tưởng tượng cảnh anh Tràng ngờ ngạc nhiên “vợ nhặt” về xóm ngụ cư; có khi ta xót thương đến quay quắt ám ảnh cảnh ngộ của cô Mị trong hình ảnh “lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa” nhà thống lí Pá Tra,... Cùng là vẻ đẹp tâm hồn, có lúc ta ngưỡng mộ mãnh liệt trước sức sống tiềm tàng, trước sự phản kháng dữ dội của Mị và A Phủ; khi ta cảm phục tấm lòng bà cụ Tứ trong đói khát, chết chóc vẫn quanh luôn chất chiu những niềm vui giản dị, hướng các con đến tương lai,... Đó là tài năng, đó cũng chính là tâm huyết của Tô Hoài và Kim Lân, khẳng định: “Một nghệ sĩ chân chính phải là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy” (T.Sêkhốp), “Nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo, vì vậy, nó đòi hỏi người sáng tác phải có phong cách nổi bật, tức là có nét gì đó rất riêng, mới lạ thể hiện trong các tác phẩm của mình”.

III. Kết bài: Nêu ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm truyện khi đặt chúng trong tương quan so sánh.

Vợ chồng A Phủ và *Vợ nhặt* có thể xem như những phát minh về hình thức, những khám phá về nội dung. Để rồi, mỗi khi lật mở từng trang sách ấy, người đọc lại được trải nghiệm những số phận khác nhau, được chiêm ngưỡng những vẻ đẹp tâm hồn khác nhau, được thưởng thức những thú vị nghệ thuật khác nhau,... Mỗi tác phẩm đã thực sự chọn những cách neo đậu rất riêng trong tâm hồn bạn đọc.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu: HS hiểu rõ cách làm bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện; nhận ra ưu, nhược của bài viết của mình và bạn; rút kinh nghiệm cho bài viết tiếp theo.

b. Nội dung: HS phân tích đề, lập dàn ý, tự đánh giá bài viết và đánh giá chéo bài viết của bạn, chữa bài.

c. Sản phẩm: bài viết của HS đã được GV chữa, nhận xét, chấm điểm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
* Đọc bài và nhận xét chung B1. Chuyển giao nhiệm vụ -GV trình chiếu đề, đáp án, biểu điểm. - GV chiếu 3 bài làm của HS:	IV. Trả bài 1. Đọc bài và nhận xét chung a. Cho HS đọc 3 bài, cụ thể: + Một bài thuộc loại khá, giỏi:

+ 1 bài TB : mắc lỗi diễn đạt, chính tả/ chữ viết cầu thả... + 1 bài viết khá : diễn đạt trong sáng, mạch lạc; ít mắc lỗi diễn đạt/ chính tả... + 1 bài viết tốt: lập luận rõ ràng, mạch lạc; diễn đạt sáng rõ; không mắc lỗi.. - GV yêu cầu HS đọc 3 bài viết trên và hoạt động nhóm bàn thực hiện so sánh với đáp án, biểu điểm để chỉ ra ưu – nhược của từng bài. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS hoạt động cá nhân kết hợp hoạt động nhóm bàn. GV quan sát, hỗ trợ HS B3. Báo cáo thảo luận: GV mời 2-3 đại diện nhóm trình bày kết quả. Các học sinh nhóm khác bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: -GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu ở các bài viết của HS (chú ý vấn đề xác định mục đích so sánh, đánh giá và chọn đối tượng phù hợp để đem ra so sánh với nhau). - GV có thể chọn đọc và phân tích thêm một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau theo thang đánh giá để giúp HS nhận ra những điều cần phát huy hoặc bổ sung.	+ Một bài thuộc loại trung bình: + Một bài thuộc loại yếu kém : b.Nhận xét chung: <i>*Ưu điểm.</i> - Xác định vấn đề nghị luận - Trình bày luận điểm, luận cứ - Về diễn đạt: + dùng từ ngữ + viết câu + chính tả + liên kết ... <i>*Nhược điểm</i> - Lỗi trình bày luận điểm, luận cứ - Lỗi diễn đạt: + dùng từ ngữ + viết câu + chính tả + liên kết ...																				
* Trả bài và chữa lỗi B1. Chuyển giao nhiệm vụ -GV trả bài cho HS, yêu cầu HS dựa vào nhận xét của GV, đáp án, biểu điểm và bảng kiểm để tự đánh giá bài viết của mình và đánh giá chéo bài viết của bạn. HS làm việc cá nhân kết hợp nhóm đôi. + <i>Em hãy đối chiếu với yêu cầu của đề, so sánh với dàn ý để nhận ra ưu, khuyết điểm trong bài làm của bản thân và của bạn</i> +<i>Bài viết đã đáp ứng được những yêu cầu mà bài viết đặt ra ở mức độ nào?</i> +<i>Bài viết có mắc những lỗi nào về nội dung, hình thức trình bày chính tả, ngữ pháp...của bài viết? Nêu cách khắc phục.</i> +<i>Phần nào em thấy tâm đắc nhất? Vì sao?</i> +<i>Phần nào em thấy khó khăn nhất khi thực hành viết? Vì sao?</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ Hs đọc bài và tự nhận xét bài làm của mình và nhận xét chéo bài bạn. GV quan sát, hỗ trợ HS B3. Báo cáo thảo luận GV gọi 2-3 HS trình bày kết quả tự đánh giá và đánh giá chéo. Các HS khác nhận xét, bổ sung. GV yêu cầu các HS trao đổi bài cho nhau để cùng học tập, rút kinh nghiệm. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV trả lời thắc mắc của HS về bài làm của mình. GV tổng kết kết quả bài viết của học sinh.	2.Trả bài và chữa lỗi -Lỗi trình bày luận điểm, luận cứ - Lỗi diễn đạt: + dùng từ ngữ + viết câu + chính tả + liên kết ... 3. Tổng kết kết quả <table><tr><td>Thống kê</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Điểm giỏi:</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Điểm khá:</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Điểm TB:</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>Điểm kém:</td><td></td><td></td><td></td></tr></table>	Thống kê				Điểm giỏi:				Điểm khá:				Điểm TB:				Điểm kém:			
Thống kê																					
Điểm giỏi:																					
Điểm khá:																					
Điểm TB:																					
Điểm kém:																					

Bảng kiểm đánh giá bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

Nội dung đánh giá		Đạt	CD
Mở bài	Giới thiệu khái quát về 2 tác phẩm truyện cần so sánh, đánh giá (tên tác phẩm, tác giả, xuất xứ,...)		
	Nêu được mục đích của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện		

	Nêu được cơ sở của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện		
Thân bài	Trình bày được các thông tin khái quát về hai tác phẩm truyện		
	Làm rõ được những điểm tương đồng của hai tác phẩm truyện xét trên một số phương diện nội dung và hình thức cụ thể theo mục đích và phạm vi đã xác định; và nguyên nhân sự tương đồng		
	Làm rõ được những điểm khác biệt của hai tác phẩm truyện xét trên một số phương diện nội dung và hình thức cụ thể theo mục đích và phạm vi đã xác định; và nguyên nhân sự khác biệt		
	Rút ra được những nhận xét, đánh giá cần thiết, phù hợp về hai tác phẩm truyện căn cứ vào kết quả so sánh		
Kết bài	Nêu được ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Kết hợp các thao tác lập luận, lập luận chặt chẽ, hệ thống luận điểm mạch lạc.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ và bảo đảm mạch lạc cho bài viết.		

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

NÓI VÀ NGHE

Tiết: 9

TRÌNH BÀY KẾT QUẢ SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- Biết sử dụng kết quả bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện đã thực hiện trước đó để xây dựng nội dung bài thuyết trình.

- Biết thuyết trình về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện một cách thuyết phục (riêng ở phương diện nội dung, phải giúp người nghe hiểu thêm về các tác phẩm truyện được đề cập, nhận ra ý nghĩa của việc so sánh và nắm được các nguyên tắc, thao tác so sánh cần tuân thủ, vận dụng).

Nghe

- Biết học hỏi từ người thuyết trình những kinh nghiệm bổ ích trong việc xác định mục đích so sánh; chọn đối tượng để so sánh; chọn phương diện cần tập trung so sánh; chọn dẫn chứng tiêu biểu, sáng rõ để làm sáng tỏ các luận điểm so sánh, đánh giá; kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ;...

2. Phẩm chất: Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Xem video ngắn sau và trả lời các câu hỏi: https://www.youtube.com/watch?v=5wsS8fA8PFk (8:50 – 10:10) https://www.youtube.com/watch?v=ffDo69ipOv0 (5:30 – 6:00) - Em cho biết tác phẩm nghệ thuật nào đã được chuyển thể thành phim trong 2 video? - Em hãy kể lại vắn tắt tình huống xảy ra trong 2 video trên? - Em thấy 2 clip giống và khác nhau như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 2 – 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. Bước 4: Đánh giá, kết luận Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới. Mỗi người nghệ sĩ là một tiểu vũ trụ, tác phẩm văn học là sự phản ánh tiểu vũ trụ ấy. Vì vậy, không có những tác phẩm “song sinh” dù tâm hồn anh cùng đồng điệu, tri kỷ với tâm hồn tôi. Mặt khác, người đọc tìm đến với văn học để đắm mình trong vẻ đẹp của sự sáng tạo. Thế nên, dù cùng đề tài, mỗi tác phẩm lại có tiếng nói riêng. Cô trò chúng ta sẽ đến với bài học ngày hôm nay để các em được thuyết trình về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện một cách thuyết phục.	- Tác phẩm nghệ thuật đã được chuyển thể thành phim trong 2 video: <i>Tắt đèn</i> (Ngô Tất Tố), <i>Lão Hạc</i> (Nam Cao). - Tình huống: + Chị Dậu quyết định bán con do quá khổ khăn. + Lão Hạc quyết định bán chó vì lâm vào tình thế túng quẫn. - So sánh: Tình thế khôn cùng của những người nông dân trước Cách mạng ở những hoàn cảnh khác nhau (Chị Dậu chồng đau ốm, nhà nghèo lại bị thúc thuế, Lão Hạc nghèo khổ, muốn giữ lại cho con trai chút vốn), ép họ phải làm những điều đau xót (chị Dậu bán con, Lão Hạc bán chó),...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS xác định được yêu cầu và các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. CHUẨN BỊ NÓI *Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu:	I. CHUẨN BỊ NÓI 1. Yêu cầu của kiểu bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện

Để thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, cần lưu ý điều gì? (Đọc mục Yêu cầu SGK tr.34)

Bước 2 +3: Thực hiện, báo cáo nhiệm vụ

HS đọc SGK, thảo luận cặp đôi 2 phút và báo cáo HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức.

***Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Tùy tình hình lớp học, GV chia lớp thành nhiều nhóm (mỗi nhóm 4 – 6 HS).

GV yêu cầu:

- Các nhóm chọn sử dụng kết quả của bài thực hành viết.

- Tìm ý và sắp xếp ý theo bảng:

Vấn đề cần tìm hiểu	Câu trả lời
Tên truyện được so sánh	
Những thông tin chung về 2 tác phẩm	
Cơ sở so sánh 2 tác phẩm	
Những điểm giống nhau của 2 tác phẩm	
Những điểm khác nhau của 2 tác phẩm	
Đánh giá chung	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS đọc SGK, tài liệu tham khảo và thảo luận nhóm, hoàn thiện bảng kiến thức trên giấy A0 hoặc word hoặc PP

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm HS treo bảng kiến thức lên trên bảng hoặc gửi vào zalo nhóm lớp/ padlet

- GV yêu cầu 1 – 2 nhóm trình bày dàn ý đã xây dựng, chỉnh sửa, các nhóm khác góp ý, bổ sung.

- GV yêu cầu thực hành luyện nói trong nhóm, góp ý cho nhau trước khoảng 5 phút.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét phân làm việc các nhóm, chốt kiến thức.

Để so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, cần lưu ý:

- Nêu tên hai tác phẩm truyện được đưa ra để so sánh, đánh giá và nói rõ lí do chọn hai tác phẩm này.

- Xác định rõ cơ sở so sánh và phạm vi các phương diện cần so sánh ở hai tác phẩm truyện. Nêu cách thức đã thực hiện khi so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

- Trình bày một số kết quả so sánh, đánh giá nổi bật (có phân tích các dẫn chứng tiêu biểu). - Khái quát được ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

2. Chuẩn bị các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

a. Lựa chọn đề tài

Sử dụng bài thực hành viết từ tiết trước:

Đề bài: Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Vợ nhặt* (Kim Lân) và truyện *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài).

b. Tìm ý và sắp xếp ý

Vấn đề cần tìm hiểu	Câu trả lời
Tên truyện được so sánh	
Những thông tin chung về 2 tác phẩm	
Cơ sở so sánh 2 tác phẩm	
Những điểm giống nhau của 2 tác phẩm	
Những điểm khác nhau của 2 tác phẩm	
Đánh giá chung	

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trình bày được bài thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện; biết lắng nghe và trao đổi.

b. Nội dung: HS trình bày bài nói đã chuẩn bị ở bài viết và nhận xét, trao đổi về bài nói.

c. Sản phẩm: Bài trình bày của học sinh và nhận xét, trao đổi về bài nói.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lưu ý HS các bước chuẩn bị để có bài thuyết trình tốt, lưu ý HS tận dụng các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo sức hấp dẫn và thuyết phục. - HS trình bày bài nói, mỗi HS từ 5 – 7 phút.	II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ 1. Thực hành nói Tham khảo bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện <i>Vợ nhặt</i> và <i>Vợ chồng A Phủ</i> . (bên dưới) 2. Trao đổi, đánh giá a. Trao đổi <table> <tr> <td>Người nói</td><td>Người nghe</td></tr> </table>	Người nói	Người nghe
Người nói	Người nghe		

- HS còn lại lắng nghe, ghi chép vào vở, nhận xét về bài nói trên các tiêu chí trong phiếu nhận xét:

PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?	
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?	
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?	
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?	
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?	

PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?	
2	Có tích cực ghi chép không?	
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?	
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS kiểm tra, rà soát lại bài nói khoảng 2 phút

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 HS lên trình bày

- HS khác thực hiện nhiệm vụ nghe, ghi chép, trao đổi và hoàn thành phiếu

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét quá trình làm việc nhóm, bài nói và nghe của HS bằng phiếu học tập.

Làm rõ những điều người nghe muốn biết thêm về tác phẩm.

Bày tỏ sự quan tâm về tác phẩm được giới thiệu. Nêu những điều muốn biết thêm về tác phẩm.

Bảo vệ hoặc điều chỉnh những đánh giá về tác phẩm qua đối thoại với người nghe.

Bổ sung hoặc đính chính thông tin về tác phẩm căn cứ vào thực tế giới thiệu của người nói.

Thể hiện thái độ tiếp thu các góp ý một cách nghiêm túc, chân thành.

Trình bày cách nhìn nhận khác về tác phẩm trên tinh thần đối thoại tích cực.

b. Đánh giá

PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?	
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?	
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?	
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?	
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?	

PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?	
2	Có tích cực ghi chép không?	
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?	
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?	

Tham khảo bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện *Vợ nhặt* và *Vợ chồng A Phủ*

Xin chào các bạn!

Truyện ngắn là thể loại hết sức thú vị mà ở đó, mỗi nhà văn như đã thu cả cuộc sống bộn bề vào những trang văn. Kim Lân và Tô Hoài đều là những cây bút tài năng trong nền văn học hiện đại Việt Nam. Tuy cùng viết về người nông dân trước Cách mạng tháng tám nhưng với *Vợ nhặt* và *Vợ chồng A Phủ*, mỗi nhà văn lại có cách khai thác khác nhau, tạo nên những áng văn với sức hấp dẫn khác nhau.

Trong nền văn học hiện đại Việt Nam, Tô Hoài được xem là cây đại thụ lớn với số lượng tác phẩm đạt mức kỉ lục; nội dung phong phú, hấp dẫn và nghệ thuật độc đáo. Trong khi đó, Kim Lân được

xem là người “một lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy nông thôn” (theo Nguyên Hồng nhận xét), tuy số lượng sáng tác không nhiều nhưng tác phẩm nào cũng đặc sắc. Nhắc đến Tô Hoài, người ta không thể không nhắc tới *Vợ chồng A Phủ*; mà đã nói tới Kim Lân, ta lại không thể quên *Vợ nhặt*. Mỗi tác phẩm có một “tờ giấy khai sinh” rất đặc biệt: *Vợ chồng A Phủ* ra đời trong chuyến đi thực tế lên Tây Bắc của Tô Hoài, còn *Vợ nhặt* được Kim Lân viết trước Cách mạng nhưng lại hoàn thành sau Cách mạng.

Với *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài xây dựng lên hai nhân vật: Mị và A Phủ. Do điều kiện bi thảm khác nhau mà một người trở thành con dâu gạt nợ, một người là kẻ làm thuê gạt nợ cho nhà thống lí. Dẫu vậy, A Phủ vẫn mạnh mẽ sống với lẽ sống tự do, phóng khoáng, còn Mị mang sức sống tiềm tàng trong đêm xuân và sức mạnh phản kháng mãnh liệt trong đêm đông. Và cuối cùng Mị đã cắt dây trói cứu A Phủ và cùng A Phủ chạy trốn tới Phiềng Sa. *Vợ chồng A Phủ* được xem là truyện ngắn xuất sắc bậc nhất trong đời văn Tô Hoài nói riêng và văn học hiện đại của ta nói chung.

Cũng viết về người nông dân trước Cách mạng, nhưng *Vợ nhặt* lại xoay quanh câu chuyện anh cu Tràng nhặt được vợ trong hoàn cảnh đói quay quắt. Bà cụ Tứ, người mẹ nghèo nhân hậu đã đón nhận mối duyên con. Hạnh phúc của họ bị bủa vây bởi cái đói, cái chết và cả tiếng trống thúc thuế của bọn thực dân, phát xít. Dẫu vậy, họ vẫn tràn đầy niềm hi vọng vào tương lai. *Vợ nhặt* thực sự là một câu chuyện đầy ám ảnh. Thế nên, người ta vẫn cho rằng: nếu chọn ra 10 truyện ngắn hay nhất nền văn học hiện đại Việt Nam thì trong đó chắc chắn có *Vợ nhặt* của Kim Lân.

Hai tác phẩm trên là những sáng tác tiêu biểu của hai nhà văn, đều viết về số phận và vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân trước Cách mạng tháng tám. Tuy vậy mỗi tác phẩm lại mang vẻ đẹp riêng.

Trước hết là trong cách tiếp cận số phận con người, Tô Hoài và Kim Lân đã chọn những lối đi không trùng lặp. Trong *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài phản ánh số phận đau khổ, tủi nhục của những người dân lao động dưới ách thống trị của cường quyền và thần quyền ở vùng miền núi Tây Bắc. Nhân vật Mị mang thân phận con dâu gạt nợ nhưng thực chất, Mị chỉ như kẻ ở cho nhà thống lí Pá Tra. Mị bị bóc lột tàn tệ: làm việc quần quật, con trâu con ngựa làm còn có lúc nghỉ ngơi nhưng Mị thì không, trong đêm tỉnh mùa xuân khi sức sống trỗi dậy ngay lập tức bị A Sử dập tắt, bắt trói vào cột... Bị dọa dẫm trong nhà thống lí, Mị từ một cô gái trẻ trung, yêu đời trở thành “con rùa lùi lũi trong xó cửa”, tê liệt cả khả năng phản kháng... Còn nhân vật A Phủ mồ côi cha mẹ, bị đem bán đổi thóc, lưu lạc ở Hồng Ngài rồi vì dám đứng lên bảo vệ công bằng, lẽ phải mà bị đánh đập, phạt vạ, trở thành kẻ ở cho nhà thống lí. A Phủ phải sống kiếp nô lệ bị bóc lột, chà đạp, bị phạt vạ vô lí, làm việc quần quật mấy năm không hết nợ, đánh mất bò nên bị trói đến chết (tính mạng rẻ mạt),... Còn với *Vợ nhặt*, Kim Lân lại phản ánh số phận khốn khổ, rẻ mạt của con người giữa thời đói khát quay quắt. Ông mô tả cảnh chết đói vô cùng khủng khiếp: Người chết như ngã rạ, người sống thì “vật vờ như những bóng ma”,... Đặc biệt trong cảnh cùng cực ấy, số phận con người được tô đậm qua nhiều nhân vật. Tràng là chàng trai xấu xí, nghèo, dân ngụ cư, lại còn ế vợ. Người vợ nhặt hiện lên với quần áo rách tả tơi, khuôn mặt lưỡi cày chỉ còn thấy hai con mắt, nghèo đói mà trở nên cong cớn, chổng lốn, chấp nhận theo không Tràng về làm vợ cốt để có miếng ăn. Còn bà cụ Tứ thì cái nghèo khổ in dấu cả trong dáng hình “lọng khọng”, vừa đi vừa lăm bẫm tính toán gì đó đầy ám ảnh.

Như vậy cách tiếp cận khác nhau khi miêu tả số phận con người ở các nhà văn đã giúp người đọc trải nghiệm nhiều cuộc đời hơn, dễ dàng thấu cảm, sẻ chia với số phận đau thương của con người.

Sự khác biệt rõ nét giữa *Vợ chồng A Phủ* và *Vợ nhặt* còn là trong cách cảm nhận vẻ đẹp con người của Tô Hoài và Kim Lân. Trong *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài đã tập trung miêu tả sức sống mãnh liệt, khát vọng tự do cháy bỏng và khả năng cách mạng ở những con người nghèo khổ. Điều này thể hiện rõ nét nhất ở nhân vật Mị. Mị vốn là một người con gái xinh đẹp, có tài thổi sáo, tâm hồn trong sáng, yêu đời. Mị vì thương bố mà chấp nhận làm con dâu gạt nợ, sống cuộc đời tăm tối, tủi nhục. Đặc biệt, sự khốn cùng nơi nhà thống lí không diệt được sức sống tiềm tàng mãnh liệt trong Mị. Trong đêm xuân, không khí tươi vui rộn ràng, tiếng sáo gọi bạn tình tha thiết và nhất là hơi rượu đã làm thức dậy tâm hồn Mị. Từ một kẻ lười lười, tê liệt khả năng phản kháng, Mị bỗng sống dậy ý thức về thân phận, thấy đau khổ và nghĩ đến cái chết. Rồi Mị lại muốn làm đẹp, muốn đi chơi, muốn được sống như ngày còn trẻ, còn được tự do... Sức sống tiềm tàng này chính là nguồn cội cho khát vọng sống mãnh liệt và khả năng cách mạng bùng lên trong đêm đông. Chính bởi vậy, Mị đã cắt dây trói cứu A Phủ, cũng chính là tự giải thoát bản thân mình. Rồi sau đó, Mị vùng chạy theo A Phủ rồi sau hai người đã đến với cách mạng. Song song với Mị, nhân vật A Phủ được khắc họa là một chàng trai khỏe khoắn, chăm lao động, tính tình cương trực: Ai lấy được A Phủ “như có một con trâu tốt trong nhà”, dám chống lại những bất công ngang trái,... A Phủ cũng là người tình nghĩa và có tình yêu tự do và tinh thần cách mạng: khi Mị cời trói, A Phủ khụy xuống, không bước được rồi ngay sau đó đã “quật sức vùng lên chạy” thoát khỏi

gồng cùm, xiềng xích. Đến khi Mị nói “A Phủ cho tôi đi”, thì A Phủ đã không bỏ lại người đàn bà khốn khổ ấy. Và cuối cùng, họ tìm đến cách mạng, trở thành cán bộ giỏi. Khi đến với *Vợ nhặt*, Kim Lân lại cho thấy những con người dù hoàn cảnh nghèo đói khốn cùng nhưng vẫn yêu thương, đùm bọc nhau. Đó là câu chuyện Tràng nhặt vợ về cư mang. Đó là tình tiết bà cụ Tứ sẵn sàng chấp nhận người con dâu với tất cả tình thương của một người mẹ đã trải đời. Còn người vợ nhặt sẵn sàng theo không Tràng mong qua cảnh đói nghèo nhưng khi ăn miếng cháo cám “nghe bứ trong cổ họng” vẫn điềm nhiên và vào miệng, nghĩa là đã cảm thông, thấu hiểu và sẵn sàng chia sẻ sự nghèo khó với mẹ con Tràng. Đặc biệt cái đói, cái nghèo, cái chết không vùi dập được những khao khát hạnh phúc và niềm tin tưởng vào tương lai tươi sáng. Nó có thể mong manh như niềm vui của người dân ngụ cư khi Tràng có vợ. Nó có thể kín đáo và dịu dàng khi Tràng tủm tỉm cười và xúc động trước cảnh nhà cửa sân vườn được quét dọn sạch sẽ vào buổi sáng hôm sau. Tất cả hạnh phúc ấy khiến người vợ nhặt trở thành người phụ nữ dịu dàng, nữ tính, chu đáo. Bà cụ Tứ thì quên mọi đói khát, nhọc nhằn dạn dò, chỉ bảo các con, toàn nghĩ đến chuyện tương lai “ai giàu ba họ, ai khó ba đời”... Đến cuối truyện, hình ảnh đoàn người đói đi trên đê Sộp và lá cờ Việt Minh dự báo về một cuộc đổi đời.

Sức hấp dẫn riêng của mỗi tác phẩm còn đến từ sự khác biệt trong việc sử dụng hình thức nghệ thuật. Trong *Vợ chồng A Phủ*, Tô Hoài đi sâu phân tích tâm lý nhân vật. Ông kể bằng giọng trầm lắng. Ông cũng tạo dấu ấn bằng cách sáng tạo nhiều chi tiết đặc sắc: căn buồng của Mị, tiếng sáo, giọt nước mắt A Phủ,... Trong khi đó, *Vợ nhặt* lại mang giọng điệu đôn hậu, hóm hỉnh. Nhà văn Kim Lân dụng công tạo tình huống truyện vừa éo le vừa độc đáo, bất ngờ. Ông cũng miêu tả tâm trạng nhân vật hết sức tài tình.

Như vậy, chúng ta có thể nhận thấy sự tương đồng giữa *Vợ chồng A Phủ* và *Vợ nhặt* trước hết là ở bối cảnh truyện. Cả hai tác phẩm cùng lấy bối cảnh những năm 1945 – 1954. Với khả năng phân tích tâm lý tài tình, họ cùng hướng ngòi bút vào phản ánh số phận bi thảm đồng thời cũng khẳng định vẻ đẹp tâm hồn của người lao động. Để rồi từ đó, họ tố cáo xã hội thực dân phong kiến chà đạp con người, đẩy con người vào đau khổ. Cả hai nhà văn đều thể hiện tinh thần nhân đạo sâu sắc: trân trọng vẻ đẹp tâm hồn, khát vọng chính đáng của con người, có niềm tin vào sự đổi đời của con người. Nhưng mỗi tác phẩm thực sự là tiếng nói riêng của nhà văn. Trong khi *Vợ chồng A Phủ* tập trung phản ánh số phận người lao động bị áp bức, bóc lột nhưng vẫn sáng ngời vẻ đẹp của sức sống mãnh liệt, của khát vọng tự do thì *Vợ nhặt* lại đi sâu phản ánh số phận rẻ rúng của con người vì đói nghèo, đồng thời ngợi ca vẻ đẹp của khát vọng sống, của ước mơ và hạnh phúc. Hai tác phẩm bên cạnh những nét tương đồng vẫn có những nét riêng biệt, thể hiện phong cách nghệ thuật riêng của mỗi tác giả. Điều đó khẳng định tài năng của mỗi nhà văn, đồng thời chứng minh sự phong phú, sự hấp dẫn vô tận của văn chương. Mỗi tác phẩm thực sự đã mang một vân chữ riêng để chúng ta càng thêm khâm phục và ngưỡng mộ tài năng của mỗi nghệ sĩ chân chính.

Xin cảm ơn thầy cô và các bạn đã chú ý theo dõi bài thuyết trình! Em mong muốn nhận được những góp ý từ thầy cô và các bạn!

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện; biết ứng dụng CNTT vào quá trình học tập.

b. Nội dung: Sáng tác video so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện đã học, đã đọc.

c. Sản phẩm: Video giới thiệu; Biên bản làm việc nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm khoảng 7 HS.

- GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:

+ Chọn 02 tác phẩm truyện cùng đề tài

+ Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

+ Sáng tác 01 video so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện mà nhóm đã chuẩn bị ở phần viết. Video đảm bảo yêu cầu sau:

++ Có tên trường, tên lớp, vấn đề trình bày, tên các thành viên.

++ Trong quá trình giới thiệu phải có sự xuất hiện của 01 hoặc một vài thành viên trong nhóm.

+ Chọn 01 video (trừ video của nhóm mình) xem và bổ sung thêm lý lẽ, dẫn chứng hoặc đặt ra những câu hỏi, những vấn đề cần thảo luận.

- Thời gian, sản phẩm và cách thức nộp.

+ Thời gian: 01 tuần sau bài học.

- + Sản phẩm: 01 video giới thiệu, một biên bản làm việc nhóm (ghi rõ họ tên và nhiệm vụ của từng thành viên), một bản đánh giá quá trình làm việc nhóm của các thành viên.
- + Cách thức nộp: Gửi đăng trên padlet hoặc zalo nhóm lớp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Thực hiện trên trang facebook cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV có thể trình chiếu một số video clip của HS vào đầu buổi học tiếp theo (có thể lấy điểm đánh giá quá trình). GV nhận xét, đánh giá về bài trình bày của HS và kết luận.

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (CẢ BÀI 1)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia 4 nhóm thảo luận 4 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Bài học đã bổ sung cho hiểu biết của bạn về truyện nói chung và tiểu thuyết hiện đại nói riêng như thế nào?

Câu 2. Nêu nhận thức của bạn về khả năng lớn lao của tiểu thuyết trong việc thể hiện bức tranh đời sống và khám phá những bí mật của con người cá nhân.

Câu 3. Hai văn bản *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc* và *Nỗi buồn chiến tranh* cho thấy điều gì về những hướng tìm tòi, phát triển của tiểu thuyết hiện đại?

Câu 4. Khi tiến hành so sánh hai tác phẩm truyện với nhau, cần phải đảm bảo được những nguyên tắc gì? Bạn hiểu như thế nào về ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm văn học (trong đó có tác phẩm truyện) dựa trên sự so sánh?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.
- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Bài học đã bổ sung:

- Hiểu biết thêm về truyện nói chung: truyện nói chung có tính tự sự cao, là một văn bản có tính liên kết chặt chẽ, logic.
- Hiểu biết thêm về tiểu thuyết hiện đại: Được xây dựng trên nhiều sự kiện, biến cố, cảnh ngộ, nhiều mối xung đột; phi tập trung hóa, đa dạng về điểm nhìn và nhân vật, tính cách, tạo nên những mối quan hệ chông chéo với những diễn biến tâm lý đa dạng; mở rộng chiều kích không gian, thời gian, không bị giới hạn bởi dung lượng phản ánh, có khả năng dựng lên những bức tranh hoành tráng về mặt xã hội.

Câu 2. Tiểu thuyết có khả năng đưa ra một bức tranh đa chiều về đời sống và khám phá tâm hồn con người bởi nó cho phép tác giả phát triển nhân vật phong phú và sâu sắc, mô tả đời sống hàng ngày và môi trường sống, khám phá xã hội và văn hóa một cách chi tiết và sâu sắc.

Câu 3. Hai văn bản *Xuân Tóc Đỏ cứu quốc* và *Nỗi buồn chiến tranh* cho thấy: Tiểu thuyết hiện đại ở Việt Nam là một thể loại có lịch sử phát triển lâu dài, mạnh mẽ, phong phú phức tạp; tập trung nhiều vào khai thác thế giới nội tâm nhân vật, nhân vật cũng có chiều sâu phức tạp; kết cấu theo chương, đoạn, khúc,...

Câu 4.

- Khi tiến hành so sánh hai tác phẩm truyện với nhau, cần phải đảm bảo nguyên tắc: công bằng, tập trung vào đặc điểm chính của mỗi tác phẩm, phân tích khách quan và sử dụng các công cụ phân tích phù hợp để cung cấp một cái nhìn sâu sắc và chi tiết.

- Ý nghĩa của việc đánh giá các tác phẩm văn học, bao gồm cả tác phẩm truyện là tạo ra một cách nhìn sâu sắc và phong phú về văn học và xã hội. Việc này không chỉ giúp độc giả hiểu sâu hơn về các tác phẩm mà còn giúp họ phát triển kỹ năng phê bình văn học và sự nhạy cảm với nghệ thuật. Đánh giá các tác phẩm cũng có thể tạo ra các thảo luận và suy ngẫm về giá trị và ý nghĩa của văn học trong cuộc sống hàng ngày.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài 2: Những thể giới thơ.**

BÀI 2. NHỮNG THỂ GIỚI THƠ

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB1: *Cảm hoài (Nỗi lòng)*- Đặng Dung)

VB2: *Tây Tiến* (Quang Dũng)

VB3: *Đàn ghi ta của Lor-ca* (Thanh Thảo)

Thực hành đọc: *Bài thơ số 28* (Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-gơ)

2. Thực hành tiếng Việt: Tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ

3. Viết: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

4. Nói và nghe: Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 11 tiết – KHGD

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 11, 12, 13

VĂN BẢN 1: CẢM HOÀI (NỖI LÒNG)

(Đặng Dung)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ *Cảm hoài*.
- Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (hình tượng, biểu tượng).
- Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học về văn bản *Cảm hoài* để rèn luyện năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại.

2. Phẩm chất: Cảm nhận được nhiệt huyết cứu nước và vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

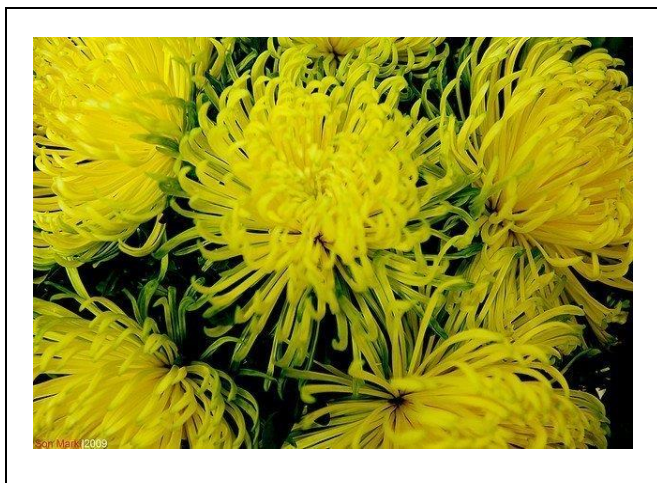
- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát tranh/ hình ảnh thực hiện trò chơi đoán tên tác giả, tác phẩm và tìm chủ đề liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:





Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: 1. Quan sát tranh/ hình ảnh sau và đoán tên tác giả, tác phẩm đã học/đã biết: - HS quan sát tranh /hình ảnh: Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Phạm Ngũ Lão,... (hình ảnh bên trên). - HS quan sát tranh /hình ảnh: Cảnh đền Ngang, cảnh mùa đông, cúc mùa thu, sen mùa hạ,... (hình ảnh bên trên). 2. Nối kết các thông tin trên, hãy tìm chủ đề liên quan đến bài học (chủ đề gồm 14 chữ cái). Lưu ý: HS xung phong trả lời câu hỏi sau khi GV trình chiếu lần lượt từng hình ảnh/tranh vẽ hoặc đọc xong câu hỏi.	- Tên tác giả: Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Phạm Ngũ Lão,... - Tên tác phẩm: <i>Qua đèo Ngang</i> (Bà Huyện Thanh Quan), <i>Vịnh mùa đông</i> (Nguyễn Công Trứ), <i>Thu vịnh</i>, <i>Thu điếu</i>, <i>Thu ẩm</i> (Nguyễn Khuyến), <i>Cảnh ngày hè</i> (Nguyễn Trãi),... => Chủ đề: Văn học trung đại

Mỗi câu trả lời đúng về tên tác giả hoặc tác phẩm: 20 điểm Trả lời đúng chủ đề: 100 điểm Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát tranh/ hình ảnh, nghe câu hỏi, suy nghĩ trả lời. - GV quan sát, gợi ý nếu HS gặp khó khăn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS trả lời nhanh. - HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá phần chơi của HS, trao thưởng hoặc cho điểm. - GV dẫn vào bài: Nghiêng về thể hiện những đề tài cao nhã; có cảm hứng đặc biệt với cái vĩnh hằng, bất biến; hướng về những mẫu hình lí tưởng, tôn trọng tính quy phạm của cách tổ chức các yếu tố nghệ thuật thành một cấu trúc hoàn mĩ, nhưng cũng luôn linh hoạt trong việc đề cao cá tính sáng tạo, trí tưởng tượng, sự phóng khoáng; chú trọng thế giới nội tâm với những cảm xúc mạnh mẽ, khoáng đạt, tinh tế và ưa dùng các yếu tố tương phản. Phong phú và hấp dẫn, hãy cùng đến với bài học ngày hôm nay để trải nghiệm!	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về biểu tượng, yếu tố siêu thực trong thơ, phong cách cổ điển, phong cách lãng mạn.

b. Nội dung hoạt động: Đọc và thu thập thông tin thông qua trò chơi: **Nút phân minh.**

c. Sản phẩm: Câu trả lời chính xác của các đội chơi.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức trò chơi: Nút phân minh. - 4 HS đại diện của 4 tổ được chọn cử tham gia trò chơi sau khi đọc Tri thức Ngữ văn khoảng 3 phút. - GV lưu ý: + Có 10 câu hỏi trong “Nút phân minh”. + Xen kẽ giữa các câu hỏi là nút may mắn với phần quà hấp dẫn. - Luật chơi: + Sau khi MC đọc xong câu hỏi, 4 đại diện tham gia chơi sẽ xung phong trả lời chọn nút Đúng hoặc nút Sai (Không sử dụng SGK, đại diện xung phong trước sẽ được trả lời trước, lần lượt cho đến hết 10 câu hỏi). + Sau 2 câu trả lời liên tiếp không đúng, HS phải nhường phần chơi cho người khác. + Người chơi chiến thắng là người chơi trả lời đúng nhiều câu hỏi nhất. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc Tri thức Ngữ văn và chọn cử người tham gia trò chơi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận 4 đại diện bắt đầu trò chơi Nút phân minh theo sự dẫn dắt của MC. Câu 1. Biểu tượng là hình ảnh mang tính ngụ ý; chứa đựng nhiều tầng nghĩa phong phú. A. Đúng	I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn 1. Biểu tượng - Định nghĩa: Biểu tượng là hình ảnh mang tính ngụ ý, vượt lên chức năng miêu tả, tạo hình đơn giản; chứa đựng nhiều tầng nghĩa phong phú; gợi cảm nhận, suy tư về những điều mang tính phổ quát. - Đặc điểm: + Biểu tượng thường được hình thành trong khoảng thời gian dài nên ý nghĩa không ngừng được bổ sung và có thể “sống” bên ngoài văn bản. + Ngoài khả năng khái quát bản chất của một hiện tượng, biểu tượng còn thể hiện được những quan niệm, triết lí sâu sắc về con người, cuộc sống. + Quá trình hình thành biểu tượng luôn chịu sự chi phối của các yếu tố tâm lí, văn hóa,... của dân tộc và thời đại. + Trong sáng tác văn học, bên cạnh việc vận dụng những biểu tượng sẵn có, các nhà văn, nhà thơ thường sáng tạo nên những biểu tượng mới mang đậm dấu ấn cá nhân. 2. Yếu tố siêu thực trong thơ

B. Sai Câu 2. Ý nghĩa của biểu tượng không được bổ sung và không thể “sống” bên ngoài văn bản. A. Đúng B. Sai Câu 3. Nhà văn, nhà thơ chỉ có thể vận dụng những biểu tượng sẵn có và không được phép sáng tạo ra những biểu tượng mới mang dấu ấn cá nhân. A. Đúng B. Sai Câu 4. Yếu tố siêu thực trong thơ biểu hiện trước hết qua những hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, phần nào gây cho độc giả cảm giác khó hiểu. A. Đúng B. Sai Câu 5. Thế giới thơ siêu thực có sự pha trộn giữa chiêm bao và tỉnh thức, giữa ảo giác và thực tế. A. Đúng B. Sai Câu 6. Theo phong cách cổ điển, cuộc sống con người và vũ trụ được hình dung như một mô hình bất quy tắc, không cần đến tôn ti trật tự,... A. Đúng B. Sai Câu 7. Phong cách cổ điển nghiêng về thể hiện những đề tài cao nhã, có cảm hứng đặc biệt với cái vĩnh hằng, bất biến; luôn hướng về những mô hình lí tưởng, tôn trọng tính quy phạm. A. Đúng B. Sai Câu 8. Phong cách lãng mạn hình thành ở phương Tây vào khoảng nửa cuối thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX. A. Đúng B. Sai Câu 9. Chủ nghĩa lãng mạn thường theo khuynh hướng bi quan (hoài nghi thực tại, hoài niệm quá khứ). A. Đúng B. Sai Câu 10. Phong cách lãng mạn thường khẳng định cái cao cả, phi thường và phủ định thực tại tầm thường, tù túng; đề cao cá tính sáng tạo, trí tưởng tượng, sự phóng khoáng; chú trọng thế giới nội tâm. A. Đúng B. Sai Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, thông qua thư ký, tổng kết điểm của 4 đại diện, khen thưởng hoặc đánh giá bằng điểm số, hệ thống, chốt kiến thức.	- Với độc giả: Yếu tố siêu thực trong thơ biểu hiện trước hết qua những hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, phần nào gây cảm giác khó hiểu. - Với người sáng tác: + Những hình ảnh ấy gắn với việc “cắt lời” của tiềm thức, vô thức. + Các nhà thơ siêu thực có “lối viết tự động”, để ngòi bút “buông” theo sự dẫn dắt của tiềm thức, vô thức. + Họ xây dựng một thế giới thơ có sự pha trộn giữa chiêm bao và tỉnh thức, giữa ảo giác và thực tế. 3. Phong cách cổ điển - Phong cách cổ điển là loại phong cách sáng tác được hình thành từ thời trung đại, chịu sự chi phối của quan niệm về thế giới có tính đặc thù. - Theo phong cách cổ điển, cuộc sống con người và vũ trụ được hình dung như một mô hình ổn định, có tôn ti trật tự chặt chẽ, vận động theo quy luật tuần hoàn,... - Đặc trưng cơ bản: + Nghiêng về thể hiện những đề tài cao nhã; + Có cảm hứng đặc biệt với cái vĩnh hằng, bất biến; + Luôn hướng về những mẫu hình lí tưởng, tôn trọng tính quy phạm của cách tổ chức các yếu tố nghệ thuật thành một cấu trúc hoàn mĩ;... 4. Phong cách lãng mạn - Phong cách lãng mạn hình thành ở phương Tây vào khoảng nửa cuối thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX. - Phân loại: Hai khuynh hướng: + Khuynh hướng bi quan (hoài nghi thực tại, hoài niệm quá khứ). + Khuynh hướng lạc quan (tin tưởng, hướng tới một thế giới tốt đẹp, lí tưởng). - Đặc điểm cơ bản: + Khẳng định cái cao cả, phi thường và phủ định thực tại tầm thường, tù túng; + Đề cao cá tính sáng tạo, trí tưởng tượng, sự phóng khoáng; + Chú trọng thế giới nội tâm với những cảm xúc mạnh mẽ, khoáng đạt, tinh tế và ưa dùng các yếu tố tương phản.

2.2: Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Đặng Dung và tác phẩm *Cảm hoài (Nỗi lòng)*.

b. Nội dung hoạt động: Thảo luận cặp đôi, hoàn thiện bảng kiến thức và thuyết trình về tác giả và tác phẩm.

c. Sản phẩm: Bảng kiến thức về tác giả, tác phẩm và phần thuyết trình của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm																																												
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu chung về tác giả. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên nêu yêu cầu: + Làm việc theo cặp đôi, đọc SGK về tác giả, đọc văn bản, kết hợp nghe video giới thiệu về Đặng Dung và bài thơ <i>Cảm hoài</i> https://www.youtube.com/watch?v=hc6732XFK1s&t=171s + Hoàn thiện bảng kiến thức về tác giả và tác phẩm: Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả <table border="1"> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Tên tuổi, quê quán</td><td></td></tr> <tr> <td>Con người, cuộc đời</td><td></td></tr> <tr> <td>Sự nghiệp sáng tác</td><td></td></tr> <tr> <td>Nhận xét chung</td><td></td></tr> </table> Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác phẩm <table border="1"> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Chữ viết</td><td></td></tr> <tr> <td>Thể thơ</td><td></td></tr> <tr> <td>Nhân vật trữ tình</td><td></td></tr> <tr> <td>Phương thức biểu đạt chính</td><td></td></tr> <tr> <td>Kết cấu</td><td></td></tr> </table>	Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Tên tuổi, quê quán		Con người, cuộc đời		Sự nghiệp sáng tác		Nhận xét chung		Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Chữ viết		Thể thơ		Nhân vật trữ tình		Phương thức biểu đạt chính		Kết cấu		II. Đọc và tìm hiểu chung 1. Tác giả Đặng Dung <table border="1"> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Tên tuổi, quê quán</td><td>- Đặng Dung (? - 1414) quê ở huyện Thiên Lộc, nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.</td></tr> <tr> <td>Con người, cuộc đời</td><td>- Dưới triều nhà Hồ, ông giúp cha là tướng quân Đặng Tất cai quản đất Thuận Hoá. Khi quân Minh xâm lược nước ta, ông cùng cha tham gia cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi, lập nhiều công lớn, trong đó có trận thắng Bồ Cô hiển hách. Đáng tiếc là Trần Ngỗi nghe lời gièm pha, nghi kị và giết Đặng Tất. - Đặng Dung bỏ Trần Ngỗi, tôn Trần Quý Khoáng làm minh chủ, chỉ huy nghĩa quân giao chiến với quân Minh hàng trăm trận. - Năm 1414, khi thua trận, bị giặc Minh bắt giải sang Trung Quốc, ông đã tuần tiết trên đường đi.</td></tr> <tr> <td>Sự nghiệp sáng tác</td><td>Ông để lại cho đời tác phẩm duy nhất là bài thơ <i>Cảm hoài</i></td></tr> <tr> <td>Nhận xét chung</td><td>Đặng Dung không có nhiều tác phẩm được lưu truyền, song chỉ với một bài thơ, vị tướng nhà Hậu Trần đã gây dựng được ấn tượng đặc biệt đối với những người yêu thích thơ ca.</td></tr> </table> 2. Bài thơ <i>Cảm hoài</i> <table border="1"> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Chữ viết</td><td>Chữ viết: Chữ Hán</td></tr> <tr> <td>Thể thơ</td><td>Thất ngôn bát cú Đường luật</td></tr> <tr> <td>Nhân vật trữ tình</td><td>Người anh hùng/ Tráng sĩ/ tác giả Đặng Dung</td></tr> <tr> <td>Phương thức biểu đạt chính</td><td>Biểu cảm</td></tr> <tr> <td>Kết cấu</td><td>Đề - thực - luận - kết hoặc 4/4</td></tr> </table>	Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Tên tuổi, quê quán	- Đặng Dung (? - 1414) quê ở huyện Thiên Lộc, nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.	Con người, cuộc đời	- Dưới triều nhà Hồ, ông giúp cha là tướng quân Đặng Tất cai quản đất Thuận Hoá. Khi quân Minh xâm lược nước ta, ông cùng cha tham gia cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi, lập nhiều công lớn, trong đó có trận thắng Bồ Cô hiển hách. Đáng tiếc là Trần Ngỗi nghe lời gièm pha, nghi kị và giết Đặng Tất. - Đặng Dung bỏ Trần Ngỗi, tôn Trần Quý Khoáng làm minh chủ, chỉ huy nghĩa quân giao chiến với quân Minh hàng trăm trận. - Năm 1414, khi thua trận, bị giặc Minh bắt giải sang Trung Quốc, ông đã tuần tiết trên đường đi.	Sự nghiệp sáng tác	Ông để lại cho đời tác phẩm duy nhất là bài thơ <i>Cảm hoài</i>	Nhận xét chung	Đặng Dung không có nhiều tác phẩm được lưu truyền, song chỉ với một bài thơ, vị tướng nhà Hậu Trần đã gây dựng được ấn tượng đặc biệt đối với những người yêu thích thơ ca.	Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Chữ viết	Chữ viết: Chữ Hán	Thể thơ	Thất ngôn bát cú Đường luật	Nhân vật trữ tình	Người anh hùng/ Tráng sĩ/ tác giả Đặng Dung	Phương thức biểu đạt chính	Biểu cảm	Kết cấu	Đề - thực - luận - kết hoặc 4/4
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể																																												
Tên tuổi, quê quán																																													
Con người, cuộc đời																																													
Sự nghiệp sáng tác																																													
Nhận xét chung																																													
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể																																												
Chữ viết																																													
Thể thơ																																													
Nhân vật trữ tình																																													
Phương thức biểu đạt chính																																													
Kết cấu																																													
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể																																												
Tên tuổi, quê quán	- Đặng Dung (? - 1414) quê ở huyện Thiên Lộc, nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.																																												
Con người, cuộc đời	- Dưới triều nhà Hồ, ông giúp cha là tướng quân Đặng Tất cai quản đất Thuận Hoá. Khi quân Minh xâm lược nước ta, ông cùng cha tham gia cuộc khởi nghĩa của Trần Ngỗi, lập nhiều công lớn, trong đó có trận thắng Bồ Cô hiển hách. Đáng tiếc là Trần Ngỗi nghe lời gièm pha, nghi kị và giết Đặng Tất. - Đặng Dung bỏ Trần Ngỗi, tôn Trần Quý Khoáng làm minh chủ, chỉ huy nghĩa quân giao chiến với quân Minh hàng trăm trận. - Năm 1414, khi thua trận, bị giặc Minh bắt giải sang Trung Quốc, ông đã tuần tiết trên đường đi.																																												
Sự nghiệp sáng tác	Ông để lại cho đời tác phẩm duy nhất là bài thơ <i>Cảm hoài</i>																																												
Nhận xét chung	Đặng Dung không có nhiều tác phẩm được lưu truyền, song chỉ với một bài thơ, vị tướng nhà Hậu Trần đã gây dựng được ấn tượng đặc biệt đối với những người yêu thích thơ ca.																																												
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể																																												
Chữ viết	Chữ viết: Chữ Hán																																												
Thể thơ	Thất ngôn bát cú Đường luật																																												
Nhân vật trữ tình	Người anh hùng/ Tráng sĩ/ tác giả Đặng Dung																																												
Phương thức biểu đạt chính	Biểu cảm																																												
Kết cấu	Đề - thực - luận - kết hoặc 4/4																																												

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp đôi
- GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 cặp đôi lên bảng thuyết trình lần lượt về tác giả, tác phẩm dựa vào bảng kiến thức đã chuẩn bị
- HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

2.3: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực đọc hiểu theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

- Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ *Cảm hoài*.
- Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (hình tượng, biểu tượng).

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm để tìm hiểu làm rõ các vấn đề: Đề tài và dấu hiệu thể loại

- Nhân vật trữ tình - Phong cách cổ điển.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
- GV chia lớp thành 3 nhóm thảo luận

Nhóm 1: Tìm hiểu đề tài và dấu hiệu thể loại

Cu thể:

- Bài thơ viết về đề tài gì?
- Xác định dấu hiệu thể loại của bài thơ (số câu, số chữ, vần, luật B-T, niêm, đối, kết cấu).

Nhóm 2: Tìm hiểu nhân vật trữ tình

Cu thể:

- Hoàn cảnh - tình thế của nhân vật trữ tình thể hiện như thế nào qua bốn câu thơ đầu? Đối diện với hoàn cảnh - tình thế đó, nhân vật trữ tình có những cảm xúc, suy nghĩ gì?
- Trong bốn câu thơ sau, tác giả đã sử dụng những biểu tượng quen thuộc của thơ trung đại để bày tỏ nỗi lòng của nhân vật trữ tình như thế nào? Phân tích ý nghĩa của hình ảnh người tráng sĩ mài gươm dưới bóng trăng.

Nhóm 3: Tìm hiểu phong cách cổ điển

Cu thể: Nêu một số biểu hiện của phong cách cổ điển trong bài thơ *Cảm hoài* của Đặng Dung.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm (tùy theo từng nhiệm vụ được giao).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm báo cáo sản phẩm:
- + Lược 1:
 - ++ Đại diện nhóm 1 báo cáo.
- Nhóm 2 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi.
- ++ GV tiểu kết phần 1
- + Lược 2:
 - ++ Đại diện nhóm 2 báo cáo.
- Nhóm 3 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi.
- ++ GV tiểu kết phần 2
- + Lược 3:
 - ++ Đại diện nhóm 3 báo cáo.
- Nhóm 1 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi.
- ++ GV tiểu kết phần 3

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV tổ chức nhận xét, đánh giá phần làm việc của các nhóm theo

III. Khám phá văn bản

1. Đề tài và dấu hiệu thể loại

- **Đề tài:** Bài thơ viết về đề tài chí khí của người anh hùng trước vận nước.
- **Dấu hiệu thể loại:** Bài thơ viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, có quy định chặt chẽ về thể loại:
 - + Số câu: 8, số chữ mỗi câu: 7, số chữ cả bài: 56
 - + Vần: Độc vận: “a”, vần chân ở câu 1, 2, 4, 6, 8.
 - + Luật B-T: Bài thơ có luật Trắc, vần Bằng.
 - + Niêm: Tiếng thứ 2 của câu 1 – 8, 2 – 3, 4 – 5, 6 – 7 cùng thanh bằng hoặc trắc.
 - + Đối ở hai câu thực và hai câu luận.
 - + Kết cấu: đề – thực – luận – kết hoặc 4/4.

2. Nhân vật trữ tình

- **Bốn câu đầu: Hoàn cảnh – tình thế và nỗi oán hận của nhân vật trữ tình**

+ **Hoàn cảnh, tình thế:**

- ++ Việc đời: dằng dặc.
- ++ Nhân vật trữ tình: đã già, thù nước chưa trả mà mái tóc đã bạc sớm.
- ++ Liên hệ với thực tế: Quân thua tro bụi, chỉ còn khoảng 500 người, quân giặc có tới 2 chục vạn. Hơn nửa năm 1407, chúng đã thiết lập xong chính quyền đô hộ ở nước ta. Đó là tình thế “lấy một cây gỗ chống giữ ngôi nhà lớn đã xiêu vẹo” (Ngô Sĩ Liên).

=> **Bi kịch lớn của vị tướng già vì bi phần và bất lực nên đành phải đắm mình vào uống rượu say mà hát.**

+ **Nỗi oán hận:**

- ++ Gặp thời, có thể thì người bình thường như Phàn Khoái, Hàn Tín cũng làm được việc lớn.
- ++ Mất thời, không thế thì dẫu là người tài ba, anh hùng lỗi lạc cũng đành nuốt hận mà thôi.
- => Câu thơ nhấn mạnh: Với người anh hùng, thời vận là yếu tố có tính quyết định.

- **Bốn câu sau: Nỗi lòng và ý chí của người anh hùng**

+ **Nỗi lòng thể hiện qua các biểu tượng “xoay trục đất”, “rửa binh khí”, “kéo sông Ngân”:**

- ++ Biểu tượng kì vĩ, mang tầm vóc vũ trụ; gắn với bối cảnh đất nước và cuộc đời bi tráng của nhà thơ.
- ++ Biểu tượng diễn tả khát vọng lớn lao và khí phách của người anh hùng trong tình thế bầy giờ: giúp chúa khôi phục đất nước, đuổi toàn bộ quân thù ra khỏi bờ cõi để kết thúc chiến tranh, không còn phải dùng đến vũ khí.
- ++ Những biểu tượng này còn ẩn chứa nỗi niềm xót xa, bi phần khi nghiệp lớn không thành.

+ **Hình tượng người tráng sĩ mài gươm dưới bóng trăng:**

- ++ Tương phản *Thù nước chưa trả được* >< *đầu đã bạc*: Dù đã cống hiến trọn vẹn cuộc đời cho sự nghiệp cứu nước; đã bèn gan vừng chí vượt qua biết bao thử thách, gian nguy mà đến khi đầu bạc, nghiệp lớn vẫn chưa thành, thù nước chưa trả được. Ông hiểu rõ tình trạng “lỡ thời, thất thế” và thực tại phũ phàng, nghiệt ngã của mình.

=> **Chất chứa nỗi xót xa, cay đắng, phần uất của người anh hùng “hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn”.**

- ++ Hình ảnh người tráng sĩ đầu đã bạc mài gươm dưới trăng: người anh hùng ấy vẫn không nản chí, không từ bỏ hoài bão lớn

Rubric và bảng kiểm, chốt vấn đề.	lao. Hình ảnh tràn đầy nhiệt huyết cứu nước, tinh thần bất khuất và ý chí chiến đấu. Bút pháp cách điệu hoá tạo thành biểu tượng đẹp một cách hùng tráng đầy khí phách. => Hình tượng người tráng sĩ trong hai câu kết đã trở thành biểu tượng cho những người anh hùng thất thế mà vẫn hiên ngang, hào hùng. Vẻ đẹp bi tráng của biểu tượng này góp phần mang lại vị trí đặc biệt và sức sống bất diệt cho bài thơ. Phan Huy Chú ca ngợi: <i>Dù sau trăm đời vẫn còn tưởng thấy sinh khí lâm liệt.</i> 3. Phong cách cổ điển - Phương diện nội dung: + Đề tài: Nỗi lòng của người tráng sĩ ôm hoài bão lớn lao, cao cả. + Chủ đề: Giải bày nỗi lòng trước hoàn cảnh và thời cuộc, đồng thời thể hiện tâm trạng bi tráng và ý chí quật cường của người anh hùng. + Cảm hứng: khẳng định chí lớn theo những hình mẫu lí tưởng: xoay trục đất/ rửa binh khí và những giá trị vĩnh hằng, bất biến: khát vọng đền nợ nước – dẫu đầu đã bạc vẫn mãi gươm dưới bóng trăng;... - Phương diện hình thức: + Thể thơ: thất ngôn bát cú Đường luật với thi luật chặt chẽ. + Chữ viết: chữ Hán. + Không gian: vũ trụ. + Hình tượng thơ: mang tính quy phạm, giàu ý nghĩa biểu tượng “xoay trục đất”, “rửa binh khí”. + Điển tích: người hàng thịt, kẻ đi cầu, gươm Long Tuyền,... + Giọng điệu, âm hưởng bi hùng;..

2.4. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Hãy ghi lại ngắn gọn những ấn tượng đặc biệt của em về vẻ đẹp của bài thơ <i>Cảm hoài</i> của Đặng Dung. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	IV. Tổng kết 1. Nội dung - Qua lời giải bày trước hoàn cảnh và thời cuộc, Đặng Dung thể hiện tâm trạng bi tráng và ý chí quật cường của mình trước tình thế ngặt nghèo, vận nước gian nan. - Vẻ đẹp bi tráng của người anh hùng mang âm hưởng vang vọng của hào khí Đông A. 2. Nghệ thuật - Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, hàm súc cô đọng. - Hình tượng giàu sức gợi, bi tráng, kì vĩ. - Biểu tượng thơ giàu ý nghĩa, hàm súc. - Điển cố tạo cho câu thơ độ súc tích và dư âm. - Giọng điệu hào hùng, bi tráng.

2.5. Hướng dẫn cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại thơ trung đại.

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại thơ trung đại.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi.
- HS làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua quá trình đọc hiểu bài thơ <i>Cảm hoài</i> của Đặng Dung, em hãy rút ra cách đọc hiểu một tác phẩm thơ trung đại. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận cặp đôi và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 cặp đôi trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	V. Cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại thơ trung đại - Đọc, xác định đề tài và dấu hiệu thể loại. - Đọc hiểu nhân vật trữ tình. - Nhận diện những nét đặc sắc về nghệ thuật. - Đánh giá giá trị của bài thơ.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Xác định được chủ đề, ý nghĩa của bài thơ, cách nhận diện phong cách cổ điển.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Nhiệm vụ:

Câu 1. Bài thơ *Cảm hoài* của Đặng Dung gửi gắm thông điệp gì?

Câu 2. Xác định các bước nhận diện phong cách cổ điển qua một bài thơ trung đại.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại lớp (khoảng 5 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chọn 3-5 HS trình bày kết quả

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung nếu cần

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Giáo viên nhận xét, hướng dẫn trả lời:

Câu 1. Bài thơ giải bày nỗi lòng trước hoàn cảnh và thời cuộc, đồng thời thể hiện tâm trạng bi tráng và ý chí quật cường của người anh hùng lỡ vận.

Câu 2. Xác định các bước nhận diện phong cách cổ điển qua một bài thơ trung đại:

Bước 1. Đọc và xác định thể loại.

Bước 2. Phong cách cổ điển thể hiện qua phương diện:

- Đề tài: cao nhã, trang nhã, thể hiện khát vọng, thông điệp cao cả.

- Cảm hứng: có cảm hứng đặc biệt với cái vĩnh hằng, bất biến.

- Hình tượng: Hướng tới hình tượng lí tưởng cao đẹp.

- Tính quy phạm: Tôn trọng tính quy phạm của cách tổ chức các yếu tố nghệ thuật thành một cấu trúc hoàn mĩ.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Cảm hoài* để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một biểu tượng mà HS cho là đặc sắc trong bài thơ *Cảm hoài*.

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một biểu tượng mà em cho là đặc sắc trong bài thơ *Cảm hoài*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS nộp vào nhóm zalo của lớp hoặc gửi lên CLB truyền thông, trang fanpage của trường.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV giới thiệu sản phẩm của HS nêu nhận xét, đánh giá.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.	1,5
Nội dung	Phân tích một biểu tượng đặc sắc trong bài thơ <i>Cảm hoài</i> :	
	Nêu được một biểu tượng đặc sắc trong bài thơ <i>Cảm hoài</i> và lí giải vì sao.	2
	Bày tỏ cảm xúc và suy nghĩ về biểu tượng đó.	5
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Dù đối diện với tình thế bi kịch, thế sự hỗn loạn, và bản thân chưa tìm ra lối đi, nhưng ở phần cuối bài thơ, tác giả đã thể hiện tinh thần mạnh mẽ và quyết tâm chiến đấu: *Quốc thù vị báo đầu tiên bạch, / Kỉ độ Long Tuyền đới nguyệt ma*. Hình ảnh vị tướng già đầu đầu với mối thù nước, nung nấu mài kiếm dưới ánh trăng, là biểu tượng của sức mạnh và quyết tâm. Dù tuổi đã cao, sức lực giảm sút, nhưng tâm hồn vẫn đầy kiên trì, bền bỉ, nhiệt huyết anh hùng, toát lên vẻ sáng tạo và ý chí mạnh mẽ, âm thầm nhưng uy nghiêm. Ý thức tuổi già đánh thức nỗi lòng, thời vận suy tàn khiến chí anh hùng bất lực. Cái day dứt trong lòng tráng sĩ không làm mờ được tráng chí mài gươm. Dầu thời vận chẳng theo cùng nhưng chí khí vẫn can trường, niềm khao khát vẫn cháy bỏng về một lúc nào đó, người tráng sĩ ấy lại được thông dong trên yên ngựa báo đáp quốc ân. Tuy là thơ của một người...ôm hận vì bất lực trước thời thế, “người đọc vẫn thấy toát lên ở đây tình cảm cao cả tràn khắp đất trời, đó là lòng yêu nước thiết tha, là niềm tin và quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc. *Cảm hoài* ra đời vào những ngày cuối cùng của nhà Trần, nhưng vẫn mang trọn hào khí dân tộc của những năm đầu dựng nước và giữ nước cả về nội dung lẫn hình thức.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các bài thơ có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2 “Tây Tiến” (Quang Dũng)

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 14, 15

VĂN BẢN 2: TÂY TIẾN (Quang Dũng)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách lãng mạn được thể hiện trong bài thơ *Tây Tiến*.
- Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng).
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Tây Tiến*, qua đó rèn luyện năng lực đọc hiểu một bài thơ trữ tình hiện đại.

2. Phẩm chất: Cảm nhận được nhiệt huyết cứu nước và vẻ đẹp tâm hồn của một thế hệ, một thời đại; qua đó bồi đắp tình yêu quê hương xứ sở và mục đích sống cao đẹp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIỀN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát các bức tranh trên màn hình và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu vấn đề:

- Theo em, điều gì được gửi gắm trong những bức tranh sau:



- Từ những bức tranh trên, em liên tưởng đến phong cách văn học nào? Hãy chia sẻ ngắn gọn hiểu biết của mình về phong cách đó.

Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát tranh, nghe câu hỏi, suy nghĩ trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 3-5 HS xung phong trả lời nhanh.
- HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS, trao thưởng hoặc cho điểm.
- GV dẫn vào bài: Ước mơ, mơ mộng, hòa mình vào thiên nhiên, đất trời, tình yêu vượt qua mọi trở ngại, hái trăng sao trên trời,...phải chăng là những xúc cảm phong phú của phong cách lãng mạn? Trong sáng tác văn học, phong cách lãng mạn có các đặc điểm cơ bản: khẳng định cái cao cả, phi thường và phủ định thực tại tầm thường, tù túng; đề cao cá tính sáng tạo, trí tưởng tượng, sự phóng khoáng; chú trọng thế giới nội tâm với những cảm xúc mạnh mẽ, khoáng đạt, tình tế và ưa dùng các yếu tố tương phản. Điều đó được thể hiện như thế nào trong thi phẩm *Tây Tiến* của nhà thơ tài hoa Quang Dũng, cô trò ta sẽ cùng khám phá nhé!

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Đọc và tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Quang Dũng và tác phẩm *Tây Tiến*.

- b. Nội dung hoạt động:** Thuyết trình kiến thức chung về tác giả và tác phẩm.
- c. Sản phẩm:** HS thiết kế infographic, hoàn thành bảng kiến thức và thuyết trình về tác giả Quang Dũng, bài thơ *Tây Tiến*.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS			Dự kiến sản phẩm																																						
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm gồm 2 bàn HS quay vào nhau - Giáo viên nêu yêu cầu: + Đọc SGK trang 46, kết hợp nghe video: https://youtu.be/keXOqKTc1SY + Thiết kế infographic giới thiệu về tác giả Quang Dũng trên giấy A3 hoặc trên phần mềm Canva + Hoàn thành bảng kiến thức sau: <table><tr><th>Phương diện tìm hiểu</th><th colspan="2">Nội dung cụ thể</th></tr><tr><td>Hoàn cảnh sáng tác tác phẩm</td><td colspan="2"></td></tr><tr><td>Thể loại tác phẩm</td><td colspan="2"></td></tr><tr><td rowspan="4">Bố cục</td><td>Đoạn 1</td><td></td></tr><tr><td>Đoạn 2</td><td></td></tr><tr><td>Đoạn 3</td><td></td></tr><tr><td>Đoạn 4</td><td></td></tr></table> - Giáo viên lưu ý: Mỗi nhóm HS có thể chọn cách trình bày sáng tạo theo hình thức riêng về tác giả và tác phẩm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện 2 nhóm HS giới thiệu infographic và thuyết trình về tác giả Quang Dũng, bài thơ Tây tiến trước lớp - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS - HS nhận xét lẫn nhau Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức bằng infographic và bảng kiến thức.			Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể		Hoàn cảnh sáng tác tác phẩm			Thể loại tác phẩm			Bố cục	Đoạn 1		Đoạn 2		Đoạn 3		Đoạn 4		I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Tác giả Quang Dũng 2. Tác phẩm Tây Tiến <table><tr><th>Phương diện tìm hiểu</th><th colspan="2">Nội dung cụ thể</th></tr><tr><td>Hoàn cảnh sáng tác tác phẩm</td><td colspan="2">Năm 1948, sau khi Quang Dũng chuyển từ binh đoàn Tây Tiến sang đơn vị khác.</td></tr><tr><td>Thể loại tác phẩm</td><td colspan="2">Thơ trữ tình hiện đại.</td></tr><tr><td rowspan="4">Bố cục</td><td>Đoạn 1</td><td>Nhân vật trữ tình nhớ về thiên nhiên miền Tây Bắc và những cuộc hành quân của đoàn quân Tây Tiến.</td></tr><tr><td>Đoạn 2</td><td>Nhân vật trữ tình nhớ những kỉ niệm về tình quân dân.</td></tr><tr><td>Đoạn 3</td><td>Nhân vật trữ tình nhớ về chân dung của người lính Tây Tiến.</td></tr><tr><td>Đoạn 4</td><td>Nhân vật trữ tình nhớ về tinh thần người lính Tây Tiến (lời thề gắn bó với Tây Tiến và miền Tây Bắc).</td></tr></table>			Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể		Hoàn cảnh sáng tác tác phẩm	Năm 1948, sau khi Quang Dũng chuyển từ binh đoàn Tây Tiến sang đơn vị khác.		Thể loại tác phẩm	Thơ trữ tình hiện đại.		Bố cục	Đoạn 1	Nhân vật trữ tình nhớ về thiên nhiên miền Tây Bắc và những cuộc hành quân của đoàn quân Tây Tiến.	Đoạn 2	Nhân vật trữ tình nhớ những kỉ niệm về tình quân dân.	Đoạn 3	Nhân vật trữ tình nhớ về chân dung của người lính Tây Tiến.	Đoạn 4	Nhân vật trữ tình nhớ về tinh thần người lính Tây Tiến (lời thề gắn bó với Tây Tiến và miền Tây Bắc).
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể																																								
Hoàn cảnh sáng tác tác phẩm																																									
Thể loại tác phẩm																																									
Bố cục	Đoạn 1																																								
	Đoạn 2																																								
	Đoạn 3																																								
	Đoạn 4																																								
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể																																								
Hoàn cảnh sáng tác tác phẩm	Năm 1948, sau khi Quang Dũng chuyển từ binh đoàn Tây Tiến sang đơn vị khác.																																								
Thể loại tác phẩm	Thơ trữ tình hiện đại.																																								
Bố cục	Đoạn 1	Nhân vật trữ tình nhớ về thiên nhiên miền Tây Bắc và những cuộc hành quân của đoàn quân Tây Tiến.																																							
	Đoạn 2	Nhân vật trữ tình nhớ những kỉ niệm về tình quân dân.																																							
	Đoạn 3	Nhân vật trữ tình nhớ về chân dung của người lính Tây Tiến.																																							
	Đoạn 4	Nhân vật trữ tình nhớ về tinh thần người lính Tây Tiến (lời thề gắn bó với Tây Tiến và miền Tây Bắc).																																							

2.2: Khám phá văn bản

- a. Mục tiêu:**
- Nhận biết được một số đặc điểm của phong cách lãng mạn được thể hiện trong bài thơ *Tây Tiến*.
 - Hiểu và phân tích được giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ (ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng).

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động cá nhân và nhóm để tìm hiểu làm rõ các vấn đề: Đề tài và cảm hứng chủ đạo - Hình tượng nhân vật trữ tình - Ngôn ngữ và biểu tượng - Phong cách lãng mạn.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm																																																			
NV1. Tìm hiểu đề tài và cảm hứng chủ đạo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Bài thơ <i>Tây Tiến</i> viết về đề tài gì? - Xác định cảm hứng chủ đạo của bài thơ <i>Tây Tiến</i>. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 3-5 HS trình bày nhanh - HS nhận xét lẫn nhau Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức NV2. Tìm hiểu Tây Tiến – Thế giới của hoài ức, tâm tư qua hình tượng nhân vật trữ tình - GV chia lớp thành 5 nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập: Nhóm 1 <table><tr><th colspan="3">Nỗi nhớ trực tiếp qua hai câu thơ đầu</th></tr><tr><td colspan="3">Biểu hiện cụ thể</td></tr><tr><td rowspan="4">Cách thức thể hiện</td><td>Từ ngữ</td><td></td></tr><tr><td>Hình ảnh</td><td></td></tr><tr><td>BPTT</td><td></td></tr><tr><td>Âm điệu</td><td></td></tr></table> Nhóm 2 <table><tr><th colspan="3">Nhớ về thiên nhiên miền Tây Bắc và những cuộc hành quân của đoàn quân Tây Tiến</th></tr><tr><td colspan="3">Những câu thơ thể hiện</td></tr><tr><td colspan="3">Biểu hiện cụ thể</td></tr><tr><td rowspan="4">Cách thức thể hiện</td><td>Từ ngữ</td><td></td></tr><tr><td>Hình ảnh</td><td></td></tr><tr><td>BPTT</td><td></td></tr><tr><td>Âm điệu</td><td></td></tr></table> Nhóm 3 <table><tr><th colspan="3">Nhớ những kỉ niệm về tình quân dân</th></tr><tr><td colspan="3">Những câu thơ thể hiện</td></tr><tr><td colspan="3">Biểu hiện cụ thể</td></tr><tr><td rowspan="4">Cách thức thể hiện</td><td>Từ ngữ</td><td></td></tr><tr><td>Hình ảnh</td><td></td></tr><tr><td>BPTT</td><td></td></tr><tr><td>Âm điệu</td><td></td></tr></table>	Nỗi nhớ trực tiếp qua hai câu thơ đầu			Biểu hiện cụ thể			Cách thức thể hiện	Từ ngữ		Hình ảnh		BPTT		Âm điệu		Nhớ về thiên nhiên miền Tây Bắc và những cuộc hành quân của đoàn quân Tây Tiến			Những câu thơ thể hiện			Biểu hiện cụ thể			Cách thức thể hiện	Từ ngữ		Hình ảnh		BPTT		Âm điệu		Nhớ những kỉ niệm về tình quân dân			Những câu thơ thể hiện			Biểu hiện cụ thể			Cách thức thể hiện	Từ ngữ		Hình ảnh		BPTT		Âm điệu		II. Khám phá văn bản 1. Đề tài chiến tranh – Tiếng thơ thời đại - Đề tài” chiến tranh và người lính. - Cảm hứng chủ đạo: cảm hứng lãng mạn và cảm hứng bi tráng. 2. Tây Tiến – Thế giới của hoài ức, tâm tư * Nhân vật trữ tình bộc lộ trực tiếp nỗi nhớ qua hai câu thơ đầu: - Kết động trong nỗi nhớ: sông Mã, Tây Tiến, rừng núi, nhớ về Sông Mã là nhớ về Tây Tiến. Đó là nơi gửi chôn về trong nỗi nhớ của người lính. - Nỗi nhớ “chơi vơi” thể hiện độ lùi của thời gian và độ nhòe của cảm xúc, nỗi nhớ tiềm ẩn và lan toả, lúc đậm, lúc nhạt. => Hai câu thơ đầu đã định hướng và chi phối cảm xúc cho cả bài thơ, nỗi nhớ khơi nguồn cho kí ức lần lượt hiện về. * Hình tượng nhân vật trữ tình được khắc họa qua nỗi nhớ. Đó là nỗi nhớ về thiên nhiên (rừng núi), đoàn quân (Tây Tiến), nhớ về tình quân dân, nhớ về người lính. - Nhớ về thiên nhiên miền Tây Bắc và những cuộc hành quân của đoàn quân Tây Tiến + <i>Nhớ về thiên nhiên miền Tây Bắc</i> ++ <i>Cảnh núi rừng trong sương giăng và khói phủ:</i> +++ Địa danh: Sài Khao, Mường Lát => gợi về vùng đất hoang sơ, hẻo lánh. +++ Nét vẽ: “sương lấp” là đặc điểm của núi rừng Tây Bắc ở độ cao với sương giăng, khói phủ; “hoa về trong đêm hơi” gợi cảm giác thơ mộng, lãng mạn. +++ Phối thanh: 11/14 thanh bằng, gợi âm hưởng đều đều trong nỗi nhớ. => Tạo một không khí đặc biệt vừa thiêng liêng, huyền bí vừa thơ mộng, lãng mạn. Nét vẽ về Tây Bắc được tạo nên từ hai địa điểm không gian và thời điểm khác nhau. Điều đó cho thấy kí ức hiện về với những hình ảnh ấn tượng nhất. ++ <i>Thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội, hoang dã:</i> +++ Những từ ngữ giàu giá trị tạo hình: <i>khúc khuỷu, thăm thẳm, còn mây, sừng núi trời,...</i> => diễn tả thật đặc địa sự hiểm trở, trùng điệp và độ cao ngất trời của núi đồi miền Tây Bắc. +++ Nhịp thơ 4/3: như bẻ đôi câu thơ tạo thành giao điểm rạch ròi hai hướng lên xuống của vô vàn con dốc. Dốc núi vút lên rồi đổ xuống gần như thẳng đứng, nhìn lên cao chót vót, nhìn xuống sâu thăm thẳm. +++ Những câu thơ nhiều vần trắc đọc lên nghe vất vả, nhọc nhằn. ++ <i>Thiên nhiên thơ mộng, trữ tình:</i> +++ Một bức tranh sương khói mơ màng, hoa đưa hương trong đêm: Mường Lát hoa về trong đêm hơi. +++ Một bức tranh đầy sức gợi cảm: Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi. => vẽ nên một bức tranh mờ ảo, đầy quyền rũ. ++ <i>Thiên nhiên chứa đầy bí mật:</i> +++ Thời gian: “Chiều chiều”, “đêm đêm”, đây là khoảng thời gian cảm nhận rõ nhất sự hoang vắng, âm u, huyền bí của núi rừng Tây Bắc.
Nỗi nhớ trực tiếp qua hai câu thơ đầu																																																				
Biểu hiện cụ thể																																																				
Cách thức thể hiện	Từ ngữ																																																			
	Hình ảnh																																																			
	BPTT																																																			
	Âm điệu																																																			
Nhớ về thiên nhiên miền Tây Bắc và những cuộc hành quân của đoàn quân Tây Tiến																																																				
Những câu thơ thể hiện																																																				
Biểu hiện cụ thể																																																				
Cách thức thể hiện	Từ ngữ																																																			
	Hình ảnh																																																			
	BPTT																																																			
	Âm điệu																																																			
Nhớ những kỉ niệm về tình quân dân																																																				
Những câu thơ thể hiện																																																				
Biểu hiện cụ thể																																																				
Cách thức thể hiện	Từ ngữ																																																			
	Hình ảnh																																																			
	BPTT																																																			
	Âm điệu																																																			

Nhóm 4

Nhớ về chân dung của người lính Tây Tiến

Những câu thơ thể hiện

Biểu hiện cụ thể

Cách thức thể hiện	Từ ngữ	
	Hình ảnh	
	BPTT	
	Âm điệu	

Nhóm 5

Nhớ về tinh thần người lính Tây Tiến (lời thơ gắn bó với Tây Tiến và miền Tây Bắc)

Những câu thơ thể hiện

Biểu hiện cụ thể

Cách thức thể hiện	Từ ngữ	
	Hình ảnh	
	BPTT	
	Âm điệu	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS trao đổi thảo luận nhóm theo nhiệm vụ đã giao

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV lựa chọn HS làm MC dẫn chương trình (dựa trên hệ thống câu hỏi nhóm ở trên) thực hiện cuộc trao đổi thảo luận mang tên:

Tây Tiến - Đâu chỉ là chiến tranh?

- Theo sự dẫn dắt của MC, đại diện các nhóm thể hiện kết quả trao đổi của nhóm mình

- HS còn lại lắng nghe, xung phong chia sẻ bổ sung tạo không khí cho cuộc trao đổi thảo luận

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV – vai chuyên gia nhận xét, chốt vấn đề.

NV3. Tìm hiểu Tây Tiến - Ngôn ngữ và biểu tượng

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Phân tích một số hình thức tổ chức ngôn ngữ đặc biệt trong bài thơ Tây Tiến.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cặp đôi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 đại diện HS trình bày kết quả

- HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung cho nhau

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức

NV5. Tây Tiến - Phong cách lãng mạn

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

+++ Địa danh: Mường Hịch gợi sự huyền bí, âm u, bí ẩn.

+++ Biện pháp nhân hoá: “cọp trêu người”, “thác gầm thét”, gợi sự dữ tợn, hoang vu.

=> Thiên nhiên hoang dã đã ngự trị và chiếm vị trí chúa tể, luôn rình rập con người.

=> Tóm lại, qua ngòi bút giàu tính tạo hình, Quang Dũng đã khắc họa một bức tranh Tây Bắc mang đặc trưng của núi rừng với những nét vẽ gân guốc, giàu cá tính, cùng nét phác họa thơ mộng, nhà thơ đã truyền tải được cái hồn của thiên nhiên Tây Bắc.

+ Nhớ về đoàn quân Tây Tiến trong những cuộc hành quân
++ Hình ảnh:

+++ “súng ngửi trời”: Phác họa vẽ hiên ngang, hồn nhiên, trẻ trung của người lính. Hình ảnh này khiến người lính trở nên ngạo nghễ trên nền núi rừng hùng vĩ.

+++ “Đoàn quân mỏi”: Cuộc hành quân gian khổ, khắc nghiệt, người lính đối mặt với những khó khăn, khắc nghiệt của thiên nhiên Tây Bắc.

+++ “Gục lên súng mũ”: có thể hiểu là người lính đã hi sinh hoặc do quá mệt mỏi, kiệt sức và tạm thiếp đi giữa chặng đường. Hiểu theo cách nào thì cũng thể hiện sự gian, khó khăn, khí phách ngang tàng, cứng cỏi của người lính.

++ Từ ngữ:

+++ “Nhớ ôi” là tiếng lòng, cảm xúc không thể kìm nén.

+++ “com lên khói” là thời gian cuối ngày, là thời điểm dừng chân nơi xóm núi.

+++ Địa điểm: Mai Châu => gợi tấm lòng thom thảo của người thiếu nữ Tây Bắc đã để nhớ, để thương trong tâm hồn người lính.

=> Qua cảm nhận của người lính, Tây Bắc không chỉ hấp dẫn bởi vẻ đẹp của thiên nhiên xứ sở mà còn hấp dẫn ở tình người. Chính tình quân dân đã để lại cảm giác dịu ngọt, lâng lâng, lan toả trong nỗi nhớ.

- Nhớ những kỉ niệm về tình quân dân

+ Gợi nhớ lại đêm liên hoan văn nghệ của đơn vị

++ Không khí:

+++ “Doanh trại”: thực chất đây là nơi trú quân tạm thời trên đường hành quân. Tác giả dùng từ “doanh trại” gợi về uy nghi, sang trọng.

+++ “Bừng”: thể hiện dòng cảm xúc dào dạt, phấn chấn. Đó không chỉ là ánh sáng của ngọn lửa hồng mà là sự bừng sáng của tâm hồn, là niềm vui rạng rỡ.

+++ “Hội đuốc hoa”: từ “đuốc hoa” hay còn gọi là “hoa trúc”. Từ này vốn bắt nguồn từ chữ Hán, chỉ nến thắp trong phòng tân hôn. Ở đây, chỉ đêm liên hoan văn nghệ, tạo sự liên tưởng bất ngờ và độc đáo.

++ Hình ảnh những cô gái Thái: dáng điệu e ấp, tình tứ trong bộ xiêm áo uốn lượn => là nhân vật trung tâm, là linh hồn của đêm văn nghệ.

++ Hình ảnh những người lính:

+++ “Kìa em”: ngỡ ngàng, ngạc nhiên, hân hoan, vui sướng trước vẻ đẹp của cô gái Thái.

+++ Say mê âm nhạc với vũ điệu mang màu sắc của xứ lạ => tâm hồn lãng mạn của người lính.

=> Bằng những nét bút mềm mại, tinh tế, tác giả đã vẽ đêm liên hoan văn nghệ diễn ra trong không khí ấm áp tình người,

- Chỉ ra một số biểu hiện của phong cách lãng mạn trong bài thơ. Phân tích một biểu hiện mà em cho là đặc sắc.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS làm việc theo nhóm bàn

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số bàn HS trình bày kết quả

- HS nhận xét lẫn nhau

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức

tưng bừng, nhộn nhịp, có ánh sáng và nhiều màu sắc lãng mạn, thể hiện tình quân dân thắm thiết.

+ **Vẻ đẹp thiên nhiên**

++ *Không gian*: “chiều sương”, không gian giăng mắc một màn sương bao phủ với núi rừng cỏ cây gợi vẻ hoang vắng, huyền ảo.

++ *Thời gian*: “chiều”, gợi nhớ, gợi buồn.

++ *Hình ảnh*: “hồn lau nẻo bến bờ”, gợi nét vẽ tinh tế, hư vô, hoang vắng; “dáng người trên độc mộc” sử dụng bút pháp tạo hình để vẽ nét đặc sắc của con người Tây Bắc, con người hài hoà với thiên nhiên đã tạo nên một bức tranh trữ tình; “người đi” không xác định, gợi sự hư ảo.

=> **Nhà thơ gợi khung cảnh miền Tây bằng hình thức tự sự và những từ ngữ nhắc nhở về kí ức như “nhớ”, “thấy” để nhắc chính mình và nhắc cho những người từng đi qua Tây Tiến.**

=> **Nhà thơ đã dẫn người đọc vào thế giới của cái đẹp, của cõi mơ đầy ánh sáng với những yếu tố của hội hoạ, điêu khắc, âm nhạc, vũ đạo. Hồi ức và kỉ niệm hiện về thắp thoáng, mộng mơ. Ngòi bút tài hoa không chỉ tả được vẻ đẹp của người của cảnh mà còn gợi được cái hồn đắm say của thiên nhiên xứ sở.**

- **Nhớ về chân dung của người lính Tây Tiến**

+ **Ngoại hình**

++ “*Đoàn binh không mọc tóc*”: có thể do bệnh sốt rét làm rụng tóc hoặc cạo tóc để tiện sinh hoạt và chiến đấu. Dù hiểu theo cách nào thì câu thơ cũng chứa đựng một hiện thực nghiệt ngã. Dù xanh xao vì đói khát, vì sốt rét nhưng qua ngòi bút lãng mạn của Quang Dũng, người lính vẫn toát lên vẻ oai hùng, oai phong, dữ dằn của những con hổ nơi rừng thiêng, vẫn gợi được cái cứng cỏi, kiên cường của những con người vào sinh ra tử, không sợ hiểm nguy, gian khổ.

++ “*Quân xanh màu lá*”: màu xanh của áo nguy trang, hoặc vẻ xanh xao vì thiếu thốn.

+ **Khí phách**: “*Mất trừng*” là ánh mắt dữ tợn khi đối mặt với quân thù, luôn ở tư thế tấn công với khí phách hiên ngang, với tinh thần sẵn sàng bảo vệ miền biên cương của Tổ quốc.

+ **Tâm hồn**: “*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm*”: mơ về mảnh đất yên bình, thanh lịch, nơi người lính đã ra đi. “Dáng kiều thơm” là dáng vẻ sang trọng, quý phái, thướt tha, duyên dáng.

=> Giấc mơ của người lính thơm mùi sách vở học trò. Nỗi nhớ in đậm dấu ấn của một tâm hồn lãng mạn, mộng mơ. Bấy nhiêu gian khổ, vất vả, mất mát, hi sinh không làm mất đi những cảm xúc mơ mộng của người lính. Tận trong sâu thẳm tâm hồn họ vẫn vẹn nguyên những ước mơ về tình yêu và hạnh phúc.

+ **Sự hi sinh**

++ *Hình ảnh “mò viễn xứ”*: gợi vẻ hoang vắng, lẻ loi, hàm chứa một nỗi đau thương, kết hợp với biện pháp tu từ đảo ngữ (rải rác) lại càng nhấn mạnh sự hoang vắng.

++ “*Áo bào thay chiếu anh về đất*”: mang cảm giác giảm sự bi thương, đau buồn khiến bức tranh không xám lạnh mà vẫn uy nghi, sang trọng.

++ *Biện pháp đối lập “mò viễn xứ” >< “trời xanh”*: thể hiện sự quyết tâm, quả cảm, chiến đấu hi sinh vì Tổ quốc.

++ *Từ Hán Việt*: “viễn xứ”, “biên cương”, “áo bào”, “độc hành”,... gợi sự sang trọng, thành kính.

	++ <i>Biện pháp nói giảm nói tránh “về đất”</i>: bắt tử hoá người lính, thể hiện tâm thế thanh thản trước khi chết, khẳng định ý nghĩa cho sự hoá thân vào hồn thiêng sông núi để làm nên sức sống bất tử của người lính. ++ <i>Biện pháp nhân hoá “Sông Mã gầm lên khúc độc hành”</i>: Thiên nhiên Tây Bắc như sẽ chia những gian khổ, buồn vui, mất mát, hi sinh của người lính. Con người cảm lặng trước nỗi đau, thiên nhiên như gầm lên khúc độc hành bi tráng. => Quang Dũng thể hiện sự hi sinh nhưng không bi lụy. Đó là một hình tượng có ý nghĩa thẩm mĩ, trang trọng, thấm đượm tinh thần lãng mạn và bi tráng. Quang Dũng đã truyền được không khí và tình cảm của một thời kì lịch sử hào hùng trong sự nghiệp cứu nước của dân tộc. - Nhớ về tinh thần người lính Tây Tiến (lời thơ gắn bó với Tây Tiến và miền Tây Bắc) + “Không hẹn ước”: không hẹn ngày trở về. + “Thăm thẳm”: chỉ sự xa xôi và vời vợi nghìn trùng, đầy gian khổ. + “Một chia phôi”: chỉ sự xa cách và tinh thần một đi không trở lại. + “Ai”: đoàn binh Tây Tiến + “Mùa xuân ấy”: chỉ mùa xuân 1947, gọi về kí ức của người lính. => Khổ cuối tô đậm thêm không khí chung của thời Tây Tiến. Nhịp thơ chậm, giọng thơ buồn nhưng tinh thần chung của đoạn thơ vẫn toát lên khí thế hào hùng. 3. Tây Tiến - Ngôn ngữ và biểu tượng - Trong bài thơ <i>Tây Tiến</i>, một số câu thơ được tổ chức theo hình thức ngôn ngữ đặc biệt (khác với lời nói thông thường) như: “Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi”; “Mường Lát hoa về trong đêm hơi”; “Heo hút cồn mây súng ngửi trời”; “Gục lên súng mũ bỏ quên đời”; “Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”. Ví dụ: - “Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm”, sử dụng “dốc thăm thẳm”: kết hợp từ mới mẻ vì “thăm thẳm” là từ chỉ độ sâu chứ không phải độ cao. - “Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”, sử dụng toàn thanh bằng: gợi vẻ đẹp yên bình, nhẹ nhàng của vùng núi Tây Bắc. 4. Tây Tiến - Phong cách lãng mạn - Một số biểu hiện của phong cách lãng mạn trong bài thơ <i>Tây Tiến</i>: + Cảm hứng: Khẳng định, ngợi ca lí tưởng cứu nước, khí phách anh hùng và sự hi sinh cao cả của người lính Tây Tiến. + Hình tượng: Khám phá, khắc hoạ vẻ đẹp tâm hồn tinh tế, phóng khoáng, mơ mộng, lãng mạn của người lính Tây Tiến. + Ngôn ngữ: Sự sáng tạo trong tổ chức theo hình thức ngôn ngữ đặc biệt, hình ảnh độc đáo. + Sử dụng nhiều yếu tố tương phản: khi khắc hoạ hình tượng thiên nhiên Tây Bắc và hình tượng đoàn quân Tây Tiến. - Phân tích: HS lựa chọn một biểu hiện đặc sắc và phân tích theo cảm nhận cá nhân.

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi.
- HS làm việc cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của nhóm HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu: + Ghi lại ngắn gọn ấn tượng của em về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm ra giấy nhớ. + Trình bày kết quả trong 01 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận cặp đôi và ghi ra giấy nhớ câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 cặp đôi trình bày kết quả trong 01 phút - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung - Bài thơ đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên nền cảnh núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội, thơ mộng, trữ tình. - Hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng sẽ luôn đồng hành trong trái tim và trí óc của mỗi chúng ta. 2. Nghệ thuật - Bút pháp hiện thực kết hợp với cảm hứng lãng mạn, bi tráng. - Hình ảnh thơ phong phú, gần gũi, chân thực. - Cách sử dụng ngôn từ đặc sắc: các từ chỉ địa danh, từ tượng hình, từ Hán Việt,... - Sử dụng đa dạng biện pháp tu từ: so sánh, ẩn dụ, nhân hóa. Đặc biệt ưa dùng các yếu tố tương phản. - Kết hợp chất nhạc và chất họa.

2.4. Hướng dẫn cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại thơ trữ tình hiện đại

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại thơ trữ tình hiện đại.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua trải nghiệm đọc hiểu bài thơ <i>Tây Tiến</i> của Quang Dũng, em hãy nêu cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại thơ trữ tình hiện đại. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra vở câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	IV. Cách đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại thơ trữ tình hiện đại - Đọc, xác định đề tài và cảm hứng chủ đạo. - Xác định bố cục, mạch cảm xúc. - Đọc hiểu nhân vật trữ tình. - Nhận diện những đặc sắc về nghệ thuật. - Đánh giá giá trị của bài thơ.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS xác định được chủ đề của bài thơ và nhận diện phong cách lãng mạn.

b. Nội dung: HS đọc lại văn bản, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của nhóm HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ:

Câu 1. Xác định chủ đề của bài thơ *Tây Tiến*.

Câu 2. Nêu các bước nhận diện phong cách lãng mạn qua một bài thơ trữ tình hiện đại.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ nhóm theo bàn (khoảng 3 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chọn đại diện 2-3 nhóm HS trình bày kết quả.
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Giáo viên nhận xét, hướng dẫn trả lời:

Câu 1. Chủ đề của bài thơ *Tây Tiến*:

- Bài thơ *Tây Tiến* là nỗi nhớ đồng đội, nhớ mảnh đất Tây Bắc của nhà thơ xứ Đoài. Từ đó thể hiện tâm lòng gắn bó sâu sắc của Quang Dũng với đơn vị, đồng đội, mảnh đất kháng chiến.
- Bài thơ *Tây Tiến* tái hiện, khắc họa đầy sống động chân dung lí tưởng, tâm hồn của những người lính trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

Câu 2. Các bước nhận diện phong cách lãng mạn qua một bài thơ trữ tình hiện đại:

- Bước 1. Đọc và xác định cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
- Bước 2. Phong cách lãng mạn thể hiện qua phương diện:
 - + Khẳng định cái cao cả, phi thường và phủ định thực tại tầm thường, tù túng.
 - + Sáng tạo trong tổ chức hình thức bài thơ.
 - + Thế giới thơ giàu trí tưởng tượng.
 - + Chú trọng thế giới nội tâm với những cảm xúc mạnh mẽ, khoáng đạt, tinh tế.
 - + Dùng các yếu tố tương phản.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Tây Tiến* để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một nét đẹp của hình tượng người lính *Tây Tiến*.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận của em về một nét đẹp của hình tượng người lính *Tây Tiến*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS nộp sản phẩm lên nhóm zalo của lớp hoặc gửi sản phẩm lên CLB truyền thông của nhà trường/Facebook cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV tổ chức cho HS xem, bình chọn sản phẩm dựa theo Rubric.
- GV chọn ra 5 HS có sản phẩm chia sẻ hoặc like nhiều nhất sẽ đạt điểm cao nhất hoặc nhận được phần thưởng tuần học tốt.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.	1,5
Nội dung	Cảm nhận về một nét đẹp của hình tượng người lính <i>Tây Tiến</i> .	
	Nêu được một nét đẹp của người lính <i>Tây Tiến</i> và lí giải.	2,0
	Bày tỏ cảm xúc và suy nghĩ về nét đẹp đó.	5,0
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Đoạn văn tham khảo

“*Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*”. Cánh hoa ý tình trong câu thơ đã thực sự tạo nên nét đặc sắc cho bức tranh thiên nhiên miền Tây. Đóa hoa giữa dòng là khoảnh khắc giao tình giữa cái nhìn đa tình vốn có trong tâm hồn người lính Hà Thành trẻ tuổi và vẻ thơ mộng của cảnh sắc nơi đây. Chẳng biết hình ảnh “*hoa đong đưa*” khi đang “*trôi dòng nước lũ*” có thực hay không nhưng lại rất hòa hợp với mạch cảm hứng trữ tình của bài thơ. Cánh hoa hay là cánh mắt đong đưa, lúng liêng, làm duyên, làm dáng với người lính trẻ? Thiên nhiên chủ động đa tình hay là tâm hồn các chàng trai *Tây Tiến* quá đắm hòa hoa, quá lãng mạn yêu đời nên mới có thể nhìn thiên nhiên bằng cái nhìn say đắm đến như vậy? Bút pháp lãng mạn với phép nhân hoá đã tạo nên nét vẽ thần tình, thu tóm trọn vẹn hồn sắc thiên nhiên Tây Bắc, đồng thời giúp nhà thơ chở cả những nỗi nhớ niềm thương, những xuyến xao, bồi hồi thao

thiết, cháy bỏng. Nhớ đồng đội, mong muốn một lần nữa được hòa cùng thiên nhiên và khát khao được gặp lại những con người nơi đây đã khiến hồn thơ của xứ Đoài mây trắng vút bay trên dải chiều sương Tây Bắc đầy mộng, đầy mơ.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các bài thơ trữ tình hiện đại có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** VB3: *Đàn ghi ta của Lor-ca* (Thanh Thảo).

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 16, 17

VĂN BẢN 3: ĐÀN GHI TA CỦA LOR-CA (Thanh Thảo)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực,... được thể hiện trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*. Qua đó, cảm nhận được vẻ đẹp bí tráng của hình tượng Lor-ca và sự đồng cảm, thương tiếc, ngưỡng vọng sâu sắc của Thanh Thảo với cuộc đời, số phận và thơ ca của Lor-ca.
- Rèn luyện kỹ năng phân tích, bình giảng một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực.

2. Phẩm chất: Đánh giá, phê bình, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc của cá nhân khi tiếp nhận văn bản thơ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát các bức tranh trên màn hình và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu vấn đề:

- Theo em, những bức tranh sau nói gì?



- Từ những bức tranh trên, em liên tưởng đến trường phái/chủ nghĩa nghệ thuật nào? Hãy chia sẻ ngắn gọn hiểu biết của mình về chủ nghĩa nghệ thuật đó.

Bước 2 : Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát tranh, nghe câu hỏi, suy nghĩ trả lời cá nhân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 3-5 HS xung phong trả lời nhanh theo cảm nhận và hiểu biết cá nhân.

- HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung, phản biện.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV dự kiến kết quả:

+ **Bức tranh thứ nhất:** *Chân dung Ambroise Vollard* là một trong những bức tranh nổi tiếng của Picasso, hoàn thành vào năm 1910. Tác phẩm vẽ chân dung của Ambroise Vollard, một nhà môi giới nghệ thuật và nhà báo nổi tiếng thế kỷ 20. Họa sĩ Picasso đã sử dụng các hình khối không đồng nhất để tái hiện hình ảnh nhân vật, tạo ra một tác phẩm độc đáo và sáng tạo.

+ **Bức tranh thứ hai:** *Con mèo nuốt chửng một con chim* là một bức tranh nổi tiếng được Picasso vẽ vào năm 1939 khơi gợi những liên tưởng độc đáo được xem như một biểu tượng của sự ám ảnh và sức mạnh tự nhiên; trong khi có người lại khẳng định: Không, bức tranh này không nói về mèo. Anh ấy nói về tình hình ở Tây Ban Nha, giữa Nội chiến sắp kết thúc với chiến thắng của Franco.

- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS, trao thưởng hoặc cho điểm.

- GV dẫn vào bài: Những bức tranh nổi tiếng của họa sĩ người Tây Ban Nha gợi chúng ta liên tưởng đến trường phái Siêu thực (Surrealism) là khuynh hướng nghệ thuật bắt nguồn từ chủ nghĩa Tượng trưng và phân tâm học, đặt phi lý tính lên trên lý tính. Theo chủ trương, khuynh hướng này nhằm giải phóng con người khỏi mọi xiềng xích xã hội, thể hiện nội tâm và tư duy tự nhiên, không bị gò bó bởi lý trí, lôgic, luân lý, mỹ học, kinh tế, tôn giáo. Những sáng tác của những nghệ sĩ Siêu thực ghi chép tất cả những trạng thái tâm lý luôn luôn chuyển biến trong tiềm thức, không phân biệt thực hay mộng, tỉnh hay điên, đúng hay sai. Đó là nghệ thuật, nghệ thuật luôn gắn liền với những biểu tượng, khơi mở những trường liên tưởng phong phú, độc đáo. Hôm nay cô trò mình cùng đến với một bài thơ nhuộm màu sắc tượng trưng siêu thực mang tên *Đàn ghi ta của Lor-ca* của nhà thơ Thanh Thảo để cảm nhận nhé!

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc và tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả và tác phẩm.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả và tác phẩm.

c. Sản phẩm: HS thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập và thuyết trình về tác giả, tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS: + Đọc lướt văn bản, nghiên cứu kiến thức chung về tác giả, tác phẩm và hoàn thành phiếu học tập. Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả	II. Đọc và tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm 1. Tác giả Bảng phụ lục đi kèm (bên dưới) 2. Tác phẩm

Phương diện tìm hiểu		Nội dung cụ thể	Bảng phụ lục đi kèm (bên dưới)
Tên tuổi			
Quê quán			
Cuộc đời			
Tác phẩm chính			
Phong cách thơ Thanh Thảo	Đề tài		
	Cách tiếp cận cuộc sống		
	Hướng cách tân		
	Tư duy thơ		

Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác phẩm		
Phương diện tìm hiểu		Nội dung cụ thể
Xuất xứ		
Thể thơ		
Đặc điểm nổi bật		
Bố cục	Từ...	
	Từ...	
	Từ...	
	Từ...	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- Đại diện HS trình bày kết quả trao đổi.
- HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận
- GV nhận xét, chốt kiến thức.
- GV hướng dẫn HS xem Clip giới thiệu tác giả, tác phẩm:
<https://www.youtube.com/watch?v=nPksCI4oiRM>

Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả		
Phương diện tìm hiểu		Nội dung cụ thể
Tên tuổi		Thanh Thảo tên khai sinh là Hồ Thành Công, sinh năm 1946
Quê quán		Huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi
Cuộc đời		- Tốt nghiệp Khoa Ngữ văn trường Đại học tổng hợp Hà Nội, ông vào công tác ở chiến trường miền Nam. Từ mấy thập niên trước, ông đã được công chúng chú ý qua những tập thơ và trường ca mang diện mạo độc đáo viết về chiến tranh và thời hậu chiến. - Năm 2001, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.
Tác phẩm chính		<i>Những người đi tới biển, Dấu chân qua trảng cỏ, Những ngọn sóng mặt trời, Khói vương ru-bích, Từ một đến một trăm...</i> Ngoài ra, ông còn viết báo, tiểu luận, phê bình văn học và nhiều thể loại khác.
Phong cách thơ Thanh Thảo	Đề tài	Thơ Thanh Thảo là tiếng nói của người tri thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại.
	Cách tiếp cận cuộc sống	Ông luôn muốn cuộc sống được cảm nhận và thể hiện ở bề sâu nên luôn khước từ lối thể hiện dễ dãi.
	Hướng cách tân	Ông là một trong số những cây bút luôn nỗ lực cách tân thơ Việt với xu hướng đào sâu vào cái tôi nội cảm, tìm kiếm những cách biểu đạt

		mới qua hình thức câu thơ tự do, xóa bỏ mọi ràng buộc, khuôn sáo bằng nhịp điệu bất thường để mở đường cho một cơ chế liên tưởng phóng khoáng nhằm đem đến cho thơ một mỹ cảm hiện đại với hệ thống thi ảnh và ngôn ngữ hiện đại.
	Tư duy thơ	Giàu suy tư, mãnh liệt, phóng túng trong xúc cảm và nhuộm màu sắc tượng trưng siêu thực.

Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác phẩm

Phương diện tìm hiểu		Nội dung cụ thể
Xuất xứ		Rút trong tập <i>Khối vuông Ru-bích</i>
Thể thơ		Thơ tự do
Đặc điểm nổi bật		Thể hiện tư duy thơ Thanh Thảo: giàu suy tư, nhuộm màu sắc tượng trưng, siêu thực.
Bố cục	Từ câu 1 – 6	Lor-ca - con người tự do, nghệ sĩ cách tân trong khung cảnh chính trị, nghệ thuật Tây Ban Nha.
	Từ câu 7 - 18	Lor-ca với cái chết oan khuất và nỗi xót xa về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật.
	Từ câu 19 - 22	Niềm xót thương Lor-ca.
	Từ câu 23 - 31	Suy tư về cuộc giải thoát và cách giã từ của Lor-ca.

2.2: Đọc và khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố nghệ thuật của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực,...được thể hiện trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*.

- Qua đó, cảm nhận được vẻ đẹp bi tráng của hình tượng Gác-xi-a Lor-ca và sự đồng cảm, thương tiếc, ngưỡng vọng sâu sắc của Thanh Thảo với cuộc đời, số phận và thơ ca của Lor-ca.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động cá nhân và nhóm để tìm hiểu làm rõ các vấn đề: Dòng mạch cảm xúc - Hình tượng Lor-ca - Ngôn ngữ và nhạc tính - Biểu tượng và yếu tố tượng trưng, siêu thực qua cuộc thi *Đàn ghi ta của Lor-ca* - *Thế giới nào vậy gọi?*

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
NV1. Đọc và cảm nhận ban đầu về văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lưu ý HS: + Cách đọc một bài thơ tự do, với cách ngắt, ngừng giọng khá linh hoạt, phóng túng. + Chú ý đến các thể đọc để nhấn mạnh những điểm tạo nên nhạc tính của bài thơ, những chi tiết thể hiện hình ảnh cây đàn và hình tượng Lor-ca, những cung bậc tình cảm cần thể hiện theo mạch cảm xúc của bài thơ. - GV nêu vấn đề: Em có cảm nhận gì về lời đề từ, nhạc tính của dòng thơ miêu tả tiếng đàn, hình ảnh áo choàng, những hình ảnh biểu tượng và cái chết của Lor-ca?	II. Đọc và khám phá văn bản 1. Đọc và cảm nhận ban đầu về văn bản - Lời đề từ: “Khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn”, thể hiện niềm đam mê nghệ thuật và lời nhắn gửi hãy biết quên nghệ thuật của Lor-ca để tìm hướng đi mới. - Nhạc tính của dòng thơ miêu tả tiếng đàn: Li-la li-la li-la là hiện tượng láy âm, gọi hợp âm của tiếng đàn. - Hình ảnh áo choàng: thể hiện cái chết của Lor-ca, cái chết tàn bạo và kinh hoàng. - Những hình ảnh biểu tượng: <i>“tiếng ghi ta lá xanh biếc mấy tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan tiếng ghi ta ròn ròn máu chảy ”</i> => Biểu tượng cho nỗi đau uất nghẹn; hình ảnh vừa biểu tượng nhưng cũng rất thực tế góp phần thể hiện cái chết kinh hoàng của Lor-ca. - Hình dung về cái chết và sự bất tử của Lor-ca: + “ <i>Đường chỉ tay đã đứt</i> ” => cái chết đã được dự báo từ trước. + “ <i>Lor-ca bơi sang ngang trên chiếc ghi ta màu bạc</i> ”

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân đọc theo chỉ dẫn của GV, suy nghĩ và trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1-2 HS đọc văn bản. - GV gọi 3-5 HS xung phong trình bày cảm nhận nhanh. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. NV2. Khám phá văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận, chọn cách thức chuẩn bị cuộc thi: <i>Đàn ghi ta của Lor-ca - Thế giới nào vậy gọi?</i> Nhóm 1 - Thế giới của cảm xúc NV: Xác định mạch cảm xúc trong bài thơ. Nhóm 2 - Thế giới của Lor-ca NV: - Hình tượng Lor-ca được thể hiện như thế nào trong hai đoạn thơ đầu? Những chi tiết nào trong hai đoạn thơ cho thấy mối quan hệ giữa người nghệ sĩ với đất nước Tây Ban Nha. - Chỉ ra và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ được tác giả sử dụng khi miêu tả tiếng đàn trong đoạn thơ 3,4. - Phân tích những hình ảnh đan xen giữa thực và ảo thể hiện cái chết và sự bất tử của Lor-ca trong hai đoạn thơ cuối. Nhóm 3 - Thế giới của ngôn ngữ và nhạc tính NV: Nhạc tính của bài thơ được tạo nên bởi những yếu tố nào? Nhận xét về âm hưởng, giọng điệu của thi phẩm này. Nhóm 4 – Thế giới của biểu tượng và yếu tố tượng trưng, siêu thực NV: - Nêu ý nghĩa của những hình ảnh mang tính biểu tượng trong bài thơ. - Xác định yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ và nhận xét về tác dụng của chúng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	=> giải thoát và vẫn đắm mê với nghệ thuật => tình yêu nghệ thuật là bất tử. 2. Khám phá văn bản a. Dòng mạch cảm xúc Niềm yêu mến và ngưỡng mộ trước hình ảnh Lor-ca, người nghệ sĩ tự do và đơn độc. Đau đớn, xót xa trước cái chết oan khuất của Lor-ca và nỗi tiếc nuối về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật. Niềm xót thương không vơi bớt gửi qua hình ảnh tiếng đàn. Suy ngẫm về hình ảnh Lor-ca - cái chết và sự bất tử. b. Đối tượng của cảm xúc: Hình tượng Lor-ca – thực và siêu thực * Hình tượng Lor-ca - Lor-ca, người nghệ sĩ tự do và đơn độc + Hình ảnh “áo choàng đỏ”: Gọi bản sắc văn hoá Tây Ban Nha và hình ảnh Lor-ca như một đấu sĩ với khát vọng dân chủ trước nền chính trị Tây Ban Nha độc tài lúc bấy giờ. + Âm thanh tiếng đàn: Đàn ghi ta là nhạc cụ của người Tây Ban Nha, thể hiện tài năng nghệ thuật của Lor-ca với khát vọng cách tân nghệ thuật. Tiếng đàn bọt nước: đẹp, mong manh mà sinh sôi bất tận như “bọt nước”. Sắc thắm dịu dàng của hoa li la (tử đinh hương) đang nở ra bát ngát trên từng giai điệu >< bối cảnh chính trị Tây Ban Nha. + Hình ảnh người nghệ sĩ “đi lang thang”; “vàng trắng chênh choáng”; “yên ngựa mồi mòn”; hát nghêu ngao; li la...: Phong cách nghệ sĩ dân gian tự do; sự cô đơn của Lor-ca trước thời cuộc chính trị, trước nghệ thuật Tây Ban Nha già cỗi. - Lor-ca với cái chết oan khuất và nỗi xót xa về sự dang dở của khát vọng cách tân nghệ thuật + Hình ảnh: ++ <i>Áo choàng bê bết đỏ</i>: Gọi cảnh tượng khủng khiếp về cái chết của Lor-ca. + <i>Tiếng ghi ta nâu</i>: trầm tĩnh, nghĩ suy (màu ấm nóng); <i>tiếng ghi ta lá xanh</i>: thiết tha, hi vọng; <i>tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan</i>: bàng hoàng, tức tưởi; <i>tiếng ghi ta ròn ròn máu chảy</i>: sự đau đớn, nghẹn ngào. + Biện pháp tu từ: ++ Đối lập: <i>Hát nghêu ngao</i> >< <i>áo choàng bê bết đỏ</i> là sự đối lập giữa khát vọng và hiện thực phũ phàng (giữa tiếng hát yêu đời vô tư, giữa tình yêu cái đẹp và hành động tàn ác, dã man). ++ Nhân hoá: <i>Tiếng ghi ta... máu chảy</i>. ++ Hoán dụ: <i>Áo choàng, tiếng ghi ta</i>. ++ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: tiếng đàn mang tâm tư, thành thân phận, linh hồn, sinh thể của người tạo ra nó. ++ Gieo vần “ây”: khiến thơ như nhạc, nhạc như người. Tất cả như đang rướn mình lên kiên cường, không khuất phục. => Khắc họa thật ấn tượng về cái chết đầy bi phẫn của người nghệ sĩ Lor-ca. => Tiếng lòng tri âm sâu sắc đối với người nghệ sĩ, thiên tài Lor-ca. 3. Ngôn ngữ và nhạc tính - Bài thơ có cấu trúc của một ca khúc bằng thơ: Chuỗi từ “li-la li-la li-la...” có tác dụng mô phỏng chuỗi âm thanh tiếng đàn ở phần dạo đầu và phần kết thúc tạo nên những dư âm sau khi lời

- HS trao đổi thảo luận nhóm theo nhiệm vụ đã giao. - Mỗi nhóm đã chia ở trên chọn hình thức thể hiện phù hợp (Trò chơi, thuyết trình đơn hoặc đôi, giao lưu cùng khán giả,...) để thể hiện sản phẩm nhóm đồng thời thuyết phục khán giả tin theo thể giới của nhóm mình. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV lựa chọn HS làm MC dẫn chương trình (dựa trên hệ thống câu hỏi nhóm ở trên) thực hiện dẫn chương trình cuộc thi: <i>Đàn ghi-ta của Lor-ca - Thế giới nào vậy gọi?</i> - Theo dẫn dắt của MC, tập thể các nhóm hoặc đại diện HS các nhóm chọn hình thức thể hiện phù hợp để thuyết phục khán giả - Khán giả theo dõi, đánh giá bằng Bảng kiểm và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học thông qua cuộc thi. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV chốt vấn đề. - GV căn cứ vào Bảng kiểm của khán giả, nhận xét, đánh giá, tuyên dương, cho điểm hoặc trao thưởng cho những đại diện/nhóm có phần trình bày ấn tượng.	hát đã ngừng. - Nhịp thơ phong phú, thay đổi linh hoạt, làm cho lời thơ khi bổng khi trầm, khi ngắt quãng khi liền mạch. - Nhiều dòng thơ liên kết nhau bằng sự hợp vần (đa số là vần thông), tạo nên sự liền mạch, ngân vang trong âm hưởng thơ (<i>hoàng - choàng</i>), (<i>áy - máy - chảy</i>), (<i>đàn - hoang - trắng</i>), (<i>ngang - gan</i>),... - Sử dụng biện pháp điệp âm, điệp ngữ và các từ láy tạo nên sự dàu dặt, ngân nga cho các câu, đoạn và cả bài thơ (<i>lang thang, chính choáng, nghêu ngao, bê bết, rờn rờn, long lanh, đơn độc, mỗi mòn, sang ngang, tiếng ghi ta, tiếng đàn, ném,...</i>). => Bài thơ mang âm hưởng của một khúc ca bi tráng về hình tượng người anh hùng, với giọng điệu vừa lắng đọng, xót thương, cảm phần vừa bay bổng, hào sảng và kết lại với nhiều dư ba,... 4. Biểu tượng và yếu tố tượng trưng, siêu thực * Biểu tượng trong bài thơ: - Một số hình ảnh mang tính biểu tượng: áo choàng, đàn ghi ta, bầu trời cô gái áy, giọt nước mắt vàng trắng/ long lanh trong đáy giếng,... - Ý nghĩa của những hình ảnh mang tính biểu tượng trong bài thơ: + Áo choàng bê bết đỏ: Gợi cảnh tượng khủng khiếp về cái chết của Lor-ca. + Tiếng ghi ta nâu: trầm tĩnh, nghĩ suy (màu ấm nóng); tiếng ghi ta lá xanh: thiết tha, hi vọng; tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan: bàng hoàng, tức tưởi; tiếng ghi ta rờn rờn máu chảy: sự đau đớn, nghẹn ngào. + giọt nước mắt vàng trắng/ long lanh trong đáy giếng: giọt nước mắt sáng trong được ví với vàng trắng, vàng trắng nơi “đáy giếng” như giọt nước mắt muôn đời. Đem cái đẹp bao la, trường cửu đặt vào mặt nước nhỏ và sâu như một biểu tượng của niềm tin mãnh liệt nhưng âm thầm về sự bất tử của tiếng đàn Lor-ca... * Yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ: - Biểu hiện: Hình ảnh thơ được tạo bằng cách kết hợp những yếu tố hiện thực với các yếu tố hoang đường, kì ảo, gợi nhiều liên tưởng. + Yếu tố tượng trưng: những hình ảnh biểu tượng như áo choàng, vàng trắng, dòng sông, tiếng đàn,... + Yếu tố siêu thực: mối quan hệ giữa thực và mộng, giữa vô thức và ý thức, để giấc mơ và hiện thực sẽ chuyển hoá thành một hiện thực khác ẩn đằng sau những hiện thực thông thường có thể tri giác được (“đường chỉ tay đã đứt, dòng sông rộng vô cùng/ Lor-ca bơi sang ngang/ trên chiếc ghi ta màu bạc”; “chàng ném lá bùa cô gái Di-gan/vào xoáy nước”;...). - Tác dụng: Tạo hình ảnh thơ cô đúc, có tính tượng trưng (thiên về gợi hơn là tả), logic liên kết giữa các hình ảnh thơ bị xoá mờ, kích thích sự liên tưởng, tạo ra hiệu quả “lạ hoá” và “độ mờ” cho những suy tưởng tiếp nối của người đọc.

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu vấn đề: - Nội dung trọng tâm của văn bản là gì? Những yếu tố nào về nghệ thuật đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung - Bài thơ đã xây dựng được hình tượng Lor-ca với những khía cạnh khác nhau: một nghệ sĩ tự do và cô đơn, một cái chết oan khốc, bi phẫn bởi những thế lực tàn ác, một tâm hồn nghệ sĩ bất diệt. - Lor-ca là một hình tượng bi tráng về người nghệ sĩ chân chính trong một môi trường bạo lực thống trị đã sống và chết rất cao đẹp. Qua việc thể hiện cái chết đau xót của Lor-ca, bài thơ còn là tiếng nói tri âm của Thanh Thảo với nghệ thuật chân chính và nghệ sĩ Lor-ca. 2. Nghệ thuật - Hình thức nghệ thuật độc đáo: kết hợp hai yếu tố thơ và nhạc về kết cấu; mang phong cách tượng trưng pha màu sắc siêu thực rất gần gũi với phong cách thơ Lor-ca; hình ảnh thơ phong phú, ngôn từ mới mẻ hàm súc, giàu sức gợi. - Sử dụng thành công những thủ pháp tiêu biểu của thơ siêu thực, đặc biệt là chuỗi hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng.

2.4. Hướng dẫn cách đọc hiểu một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua trải nghiệm đọc hiểu bài thơ <i>Đàn ghi ta của Lor-ca</i> của Thanh Thảo, em hãy nêu cách đọc hiểu một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra vở câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 3-5 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	IV. Cách đọc hiểu một bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực. - Đọc và xác định bố cục - mạch cảm xúc. - Đọc hiểu hình tượng nghệ thuật. - Đọc hiểu những hình ảnh mang nghĩa biểu tượng; xác định những yếu tố tượng trưng, siêu thực và tác dụng của nó. - Đánh giá giá trị của bài thơ.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS xác định được chủ đề của bài thơ và nhận diện yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ trữ tình hiện đại.

b. Nội dung: HS đọc lại văn bản, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của nhóm HS.

d. Tổ chức thực hiện:**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****Nhiệm vụ:**

Câu 1. Nêu chủ đề của bài thơ. Bài thơ gợi suy nghĩ gì về sức mạnh của nghệ thuật trong đời sống?

Câu 2. Cách xác định yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ trữ tình hiện đại.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ nhóm theo bàn (khoảng 3 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chọn đại diện 2-3 nhóm HS trình bày kết quả.
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Giáo viên nhận xét, hướng dẫn trả lời:

Câu 1.

- **Chủ đề của bài thơ:** Khắc họa cuộc đời nghệ sĩ Lor-ca với lí tưởng cách tân nghệ thuật và cái chết oan khuất, thể hiện niềm ngưỡng mộ, xót thương của tác giả đối với Lor-ca.

- **Bài thơ gợi suy nghĩ gì về sức mạnh của nghệ thuật trong đời sống:**

+ Suy nghĩ về sức mạnh của nghệ thuật qua tầm ảnh hưởng của tiếng đàn và người nghệ sĩ Lor-ca đối với đất nước Tây Ban Nha.

+ Cảm nhận về sự mạnh mẽ của nghệ thuật và những biểu tượng đẹp về hình ảnh người nghệ sĩ trong cuộc sống.

+ Nêu những thông điệp về vai trò của nghệ thuật đối với việc tạo động lực và khát vọng sống của bản thân.

Câu 2. Cách xác định yếu tố tượng trưng, siêu thực trong bài thơ trữ tình hiện đại:

- Rà kĩ văn bản, hiểu được nội dung của bài thơ.

- Tìm những hình ảnh có vẻ kì lạ, gắn kết với nhau theo một logic khác thường, cảm giác khó hiểu tạo một thế giới thơ có sự pha trộn giữa chiêm bao và tỉnh thức, giữa ảo giác và thực tế sẽ chuyển hoá thành một hiện thực khác ẩn đằng sau những hiện thực thông thường có thể tri giác được.

- Nêu tác dụng của những hình ảnh ấy.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS nộp sản phẩm lên nhóm zalo của lớp hoặc gửi sản phẩm lên CLB truyền thông của nhà trường/Facebook cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV tổ chức cho HS xem, bình chọn sản phẩm dựa theo Rubric.

- GV chọn ra 5 HS có sản phẩm chia sẻ hoặc like nhiều nhất sẽ đạt điểm cao nhất hoặc nhận được phần thưởng tuần học tốt.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.	1,5
Nội dung	Cảm nhận về một nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ <i>Đàn ghi ta của Lor-ca</i> .	
	Nêu được nét đặc sắc trong hình thức biểu đạt của bài thơ và lí giải vì sao.	2,0
	Bày tỏ cảm xúc và suy nghĩ về nét đặc sắc đó.	5,0
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt, ...	1,0

Tham khảo đoạn văn

Thú vị và bất ngờ nhất là việc khảm vào mạch ấy những âm thanh như cách diễn tấu của nhạc công khi đệm cho người hát một ca khúc. Sự có mặt của hai chuỗi li-la li-la li-la ở phần đầu và phần kết là thế. Thú thực, khi mới đọc bài thơ này trong tập *Khối vuông Rubic*, tôi thấy cái chuỗi

kia là một nét lạ, nhưng nhắc nghĩ: lại một trò “tân hình thức” đây. Cha Thanh Thảo này cũng bày đặt góm. Nhưng đọc kĩ hơn thì thấy hình như có một nghĩa lý nào đó hay hay, chứ không hẳn chỉ là những con âm rỗng nghĩa. Nhưng thực hư ra sao, thì cứ từ mà từ mù. Mãi sau, đọc kĩ hơn vào cấu trúc mới vỡ lẽ: té ra đây lại là sự giao duyên kì thú của thơ và nhạc. Cụ thể là giao thoa giữa thanh âm và thi ảnh. Mở đầu là hai câu: *Những tiếng đàn bọt nước/Tây Ban Nha áo choàng đỏ gắt*. Thanh Thảo chọn hai hình ảnh này khởi đầu một thi phẩm giống như kiểu tạo những âm chủ cho một nhạc phẩm. Chúng là những tương phản kín đáo mà gay gắt: âm thanh hồn nhiên - sắc màu chói gắt, tiếng đàn thảo dân - áo choàng đấu sĩ, vẻ khiêm nhường - sự ngạo nghễ, niềm hân hoan - nỗi kinh hoàng, nghệ thuật - bạo lực, thân phận bọt bèo - thực tại tàn khốc... Cặp hình ảnh cứ ngỡ tương phùng nào ngờ lại tương tranh. Nội dung chủ đạo mà thi phẩm triển khai sẽ là phận người trong một hiện thực đầy tranh chấp đối chọi như thế. Rồi ngay sau hai câu mở đầu đó là chuỗi âm thanh li-la li-la li-la. Nó như một chuỗi nốt đàn buông do người đệm đàn (ghi ta) lướt qua hàng dây để kết thúc phần dạo, đánh dấu khoảng ngắt cho người hát chính thức bắt lời trình diễn ca khúc. Và thi phẩm cũng kết thúc bằng sự trở lại của chuỗi âm thanh ấy. Nó tựa những tiếng đàn đệm cuối cùng nhằm tạo những dư âm sau khi lời hát đã ngừng. Đây chẳng phải là một lối phối âm quen thuộc trong diễn tấu ca khúc sao? Mà cũng có thể hình dung nó như tiếng huýt sáo ngẫu hứng của người ca sĩ trên nền nhạc khi diễn tấu. Ngẫu hứng mà đầy xao xuyến. Khi âm thanh gây niềm xao xuyến thì tự nó cũng chất chứa thi vị chứ sao!...

(Trích *Bài thơ “Đàn ghi ta của Lorca”* của Thanh Thảo, Chu Văn Sơn, In trong tập *Thơ điệu hồn và cấu trúc*)

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các bài thơ được viết theo phong cách thơ hiện đại, có yếu tố tượng trưng và siêu thực.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc: *Bài thơ số 28* (Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-gor).

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH ĐỌC

BÀI THƠ SỐ 28 Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-gor

- Giới thiệu Tình yêu làm lung linh hơn sắc màu cuộc sống. Yêu chi phối ta từng cảm xúc, yêu ẩn trong từng ngõ góc tâm hồn, yêu hòa trong hơi thở và lắng trong những khát khao,...Khi đi trên con đường tình yêu, ta mong sao đừng yêu sai duyên và mến chẳng làm người... Vậy sao ta có thể hiểu hết người ta yêu? Hãy đến với bài thơ này để cảm nhận sự bí ẩn của tình yêu.

I. Đọc và tìm hiểu chung

1. Tác giả Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-gor

- R.Ta-gor (1861 – 1941): Là một nhà thơ, nhà văn, đồng thời là một nhà văn hóa lớn, có nhiều đóng góp cho dân tộc Ấn Độ và nhân loại.
- Ông để lại một gia tài khổng lồ các tác phẩm thuộc nhiều thể loại, nổi tiếng nhất là thơ.
- Năm 1913, Ta-gor trở thành người châu Á đầu tiên được trao giải Nobel về Văn học với tập *Thơ Dâng*.

2. Bài thơ số 28

Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể
Thể loại văn bản	Thơ trữ tình hiện đại.
Xuất xứ, vị trí của văn bản	- Trong tập <i>Người làm vườn</i> gồm 85 bài không có nhan đề, chỉ đánh số thứ tự của Ra-bin-đơ-ra-nát Ta-gor. - <i>Bài thơ số 28</i> là bài thơ nổi tiếng trong tập thơ <i>Người làm vườn</i> và có mặt trong nhiều tuyển tập thơ tình thế giới.
Phương thức biểu đạt chính	Biểu cảm
Nhân vật trữ tình	Anh

Bố cục văn bản	Phần 1	(từ đầu đến <i>không biết gì tất cả về anh</i>): Khát vọng hòa hợp trong tình yêu.
	Phần 2	(tiếp theo đến <i>em có biết gì biên giới của nó đâu</i>): Khát vọng dâng hiến trong tình yêu.
	Phần 3	(Còn lại): Sự vô cùng của cuộc đời – trái tim – tình yêu.

II. Khám phá văn bản

1. Hệ thống hình ảnh giàu tính biểu tượng

a. Hình ảnh biểu tượng cho khát vọng hòa hợp trong tình yêu

- **Đôi mắt:** Băn khoăn, buồn, muốn nhìn sâu vào tâm tưởng của anh.

=> Đôi mắt rụt rè, chất chứa suy tư khao khát khám phá thế giới tâm hồn bí ẩn của người yêu. Đó là tâm trạng chung của những người đang yêu.

=> Đôi mắt không chỉ là cửa sổ tâm hồn, chứa đựng suy tư của con người mà còn là ngọn nguồn của tình yêu.

- **Hình ảnh so sánh tượng trưng:**

+ **Mắt em – trăng:** Thế giới nội tâm phong phú, trong sáng.

+ **Tâm tưởng của anh – biển cả:** Thế giới bí ẩn, bao la.

=> Trăng và biển là biểu tượng thiên nhiên sòng đôi, thể hiện khát khao hòa chung tâm tưởng của đôi tình nhân được đẩy lên đỉnh điểm. Hình ảnh so sánh trong sáng, điểm lệ, tiêu biểu cho quan niệm về con người của Ta-đô và Ấn Độ.

b. Hình ảnh biểu tượng cho khát vọng dâng hiến trong tình yêu

- **Hình ảnh tượng trưng trong cấu trúc giả định:**

+ Nếu cuộc đời là viên ngọc: Nguyễn “đập vỡ”, “xâu thành chuỗi tràng vào cổ em”.

+ Nếu cuộc đời là đóa hoa: “hái nó đặt lên mái tóc em”.

- **Hình ảnh tượng trưng trong sự phủ định:** Nhưng A (không là B) lại là C (đời anh không là ngọc, là hoa mà là trái tim không biên giới)

=> Nhấn mạnh khát vọng tận hiến nồng nhiệt của chàng trai.

c. Hình ảnh biểu tượng cho sự vô cùng của cuộc đời: *Trái tim – tình yêu*

- Trái tim (cụ thể) – phút giây lạc thú (trừu tượng) – nở ra thành nụ cười nhẹ nhõm.

- Trái tim (cụ thể) – khổ đau (trừu tượng) – tan thành lệ trong, phản chiếu nỗi niềm u ất.

=> Hai trạng thái tâm lý trái ngược nhau: Niềm vui và nỗi buồn, từ đó thể hiện khát khao phơi trải cho người mình yêu thấu suốt trái tim,...

2. Đặc điểm của thể thơ, ngôn ngữ, hình tượng thơ.

- **Thể thơ:** tự do phóng khoáng, phù hợp với mạch xúc cảm của nhà thơ.

- **Ngôn ngữ, giọng điệu:** thay đổi linh hoạt, lúc tha thiết, nồng nàn, lúc lại băng khuâng, tiếc nuối... thể hiện tâm trạng phức tạp của nhân vật trữ tình.

- **Hình tượng thơ:** trừu tượng, sâu sắc.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 18

TÁC DỤNG CỦA MỘT SỐ BIỆN PHÁP TU TỪ TRONG THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. **Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **thực hành Tiếng Việt, giúp HS:**

- Nhận biết, phân tích, đánh giá được tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ.

2. Phẩm chất: Trân trọng, giữ gìn và phát huy vẻ đẹp của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS nghe hát, trả lời câu hỏi kết nối vào bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hát hoặc mời 1 HS biết hát 2 câu dạo đầu của bài “Trên đỉnh Phù Vân” + 1 HS biết thổi sáo phụ họa (nếu có): <i>Mênh mênh mang mang Phù Vân Yên Tử</i> <i>Vì vì vu vu Trúc Lâm thiên tự</i> - GV nêu vấn đề: Theo em những yếu tố nào góp phần tạo giai điệu đặc biệt cho lời ca? Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS nghe hát, thẩm âm và trả lời câu hỏi. - GV gọi một số HS xung phong trình bày quan điểm. - HS khác lắng nghe, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời, tuyên dương HS có cảm nhận sâu sắc. - GV dẫn vào bài: Lời nói là thứ vô hình nhưng mang trong mình một sức mạnh lớn lao, nó tác động đến chúng ta theo nhiều cách khác nhau, thậm chí là vượt xa những gì mà chúng ta có thể tưởng tượng được. Bằng lời nói, ta có thể thấy người khác mỉm cười, vui vẻ và hạnh phúc. Nhưng cũng bằng lời nói, chúng ta có thể khiến người khác đau khổ, căm ghét hay thù hận. Các nhà thơ lại càng điều luyện hơn trong sử dụng ngôn ngữ. Họ đã biến thơ thành rượu của thế gian, thành ngọn lửa thần, thành tiếng gọi đàn nhờ các biện pháp tu từ phong phú, hấp dẫn. Bài học ngày hôm nay cô trò mình sẽ cùng nhau khám phá tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ.	HS trả lời theo cảm nhận của cá nhân, chẳng hạn: Theo em những yếu tố góp phần tạo giai điệu đặc biệt cho lời ca, đó là: - Sự hòa tấu của dụng cụ âm nhạc (Tiếng sáo đất giá, nâng tầm lời ca). - Chất giọng độc đáo của cô giáo.../ bạn... - Biện pháp tu từ điệp cấu trúc réo rắt, ấn tượng, ...

2. HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH

a. Mục tiêu: HS nhận biết, phân tích, đánh giá được tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ.

b. Nội dung: HS tham gia trò chơi: **Đi tìm lời hay ý đẹp trong thơ.**

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm, đại diện nhóm lên bốc thăm phần việc (tương ứng với 4 bài tập trong sgk): + Bài tập 1 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 51) + Bài tập 2 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 51)	Bài tập 1. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nhân hoá trong thơ a. Các hình ảnh nhân hoá “thác gầm thét”, “cọp trêu người” không chỉ tái hiện khung cảnh rừng già hoang vu, bí ẩn, dữ dội mà còn gợi cảm giác “rờn rợn” của những người lính Tây Tiến trước cảnh thiên nhiên hoang dã ngự trị, thú dữ rình rập, trêu đùa con người.

+ Bài tập 3 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 51) + Bài tập 4 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 51) - GV lưu ý: + Các nhóm thảo luận phần việc đã bốc thăm được. + Sau 5 phút thảo luận, mỗi nhóm cử đại diện lên tranh tài cuộc thi: Đi tìm lời hay ý đẹp trong thơ. Mỗi ý đúng trong bài được 10 điểm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm hoàn thành thành nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV lựa chọn MC dẫn dắt trò chơi. - Các nhóm cử đại diện tham gia trò chơi, thời gian thi đấu tối đa 6 phút, trình bày kết quả trên bảng hoặc trên giấy A3, trước sự cổ vũ của các HS còn lại. - Đội chiến thắng là đội nhanh nhất và đúng nhất. - Các nhóm còn lại đều có quyền nhận xét, bổ sung để được ghi điểm. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. - Thư kí tổng hợp, báo cáo kết quả điểm của các nhóm. - GV nhận xét, chúc mừng đội thắng cuộc.	b. Biện pháp tu từ nhân hoá “Trời thu thay áo mới” khiến cho hình ảnh bầu trời thu như một con người trong màu áo mới tinh khôi với vẻ tươi tắn, rạng rỡ, sống động, ấm áp, biết “nói cười thiết tha”. Bài tập 2. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ trong thơ - “Oai hùng”: thể hiện cốt cách ngang tàng, kiêu dũng của người lính Tây Tiến. - “Dáng kiều thơm”: gợi vẻ đẹp duyên dáng, yêu kiều, sang trọng của những thiếu nữ Hà thành => thể hiện nỗi nhớ quê nhà, khát vọng tình yêu và tâm hồn mơ mộng, lãng mạn của người lính Tây Tiến. Bài tập 3. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ trong thơ a. Điệp ngữ “dốc”, “ngàn thước”: nhấn mạnh sự hùng vĩ, hiểm trở của núi non vùng Tây Bắc với những con dốc tiếp nối nhau như không bao giờ hết; những đỉnh núi cao ngất trời và vực sâu thăm thẳm, đồng thời tạo âm hưởng nhịp nhàng cho đoạn thơ. b. Điệp ngữ “tiếng ghi ta”: liệt kê, nhấn mạnh những ấn tượng về tiếng đàn, về nghệ thuật và tâm hồn người nghệ sĩ Lor-ca; đồng thời tạo nhịp điệu, giai điệu cho các câu thơ, đoạn thơ. Bài tập 4. Xác định và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đối trong thơ a. Biện pháp tu từ đối ở bốn câu thơ (<i>gặp thời - lỡ vận, đồ điều - anh hùng, công thành dễ - hận xót xa; phò chúa - tây binh, dốc lòng - khôn lối, nâng trục đất - kéo Ngân Hà</i>) có tác dụng nhấn mạnh những “trải nghiệm” đau đớn và bày tỏ nỗi niềm bi phẫn của nhân vật trữ tình. b. Biện pháp tu từ đối được sử dụng một cách linh hoạt (đối từ ngữ chỉ địa danh như Sài Khao – Mường Lát), miêu tả trạng thái của cảnh vật (sương lấp – hoa vè) có tác dụng nhấn mạnh vẻ đẹp của thiên nhiên miền sơn cước: vừa hiểm trở, hoang vu, giá lạnh vừa thơ mộng, tình tứ.

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS hiểu được tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ, vận dụng vào thực hiện các nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Đoạn văn hoàn chỉnh của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn (khoảng 150 chữ), trong đó có sử dụng ít nhất 01 biện pháp tu từ (lưu ý gạch chân biện pháp tu từ được sử dụng và ghi chú).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân khoảng 10 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 HS đọc sản phẩm trước lớp.

- GV phân công nhóm đánh giá chéo dựa vào Rubric.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương sản phẩm tốt hoặc cho điểm HS căn cứ Rubric và hướng dẫn HS tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm ở nhà.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.	3.0
Nội dung	Viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng ít nhất 01 biện pháp tu từ (lưu ý gạch chân biện pháp tu từ được sử dụng và ghi chú).	

	Giới thiệu được chủ đề của đoạn văn.	1.0
	Các câu trong đoạn đều tập trung làm rõ chủ đề.	2.0
	Sử dụng biện pháp tu từ rõ ràng, hiệu quả.	2.0
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp Tiếng Việt.	1.0
Sáng tạo	Thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về chủ đề; có cách diễn đạt mới mẻ.	1.0

Đoạn văn tham khảo

Trong suốt cuộc đời, ta sẽ bao lần khoác lên mình những màu áo khác nhau, nhưng sẽ chẳng khi nào khiến ta phải nhớ nhiều như lúc được khoác màu áo trắng tuổi học trò. Gắn liền với màu áo ấy là tiếng chuông vào giờ, tan lớp, tiếng cô giảng bài, tiếng thầy dạy dỗ, tiếng chúng bạn tíu tít, tiếng ăn vụng trong giờ, tiếng lật sách, tiếng bút thước (Điệp ngữ)... Đi qua thời áo trắng mới thấy hết cái trong khiết vô ngần (Ẩn dụ). Những thanh âm của một thời thanh xuân, có thể thoảng nghe đâu đây nhưng chúng ta của năm đó đâu rồi? (Câu hỏi tu từ) Ta mong làm sao tìm lại những hình ảnh, những con người đã đứng thật lâu trong trái tim mình, để tìm lại tình bạn chẳng bao giờ mất đi niên hạn, để thổn thức lại những yêu thương nồng nàn của thuở ban đầu lưu luyến ấy (Điệp ngữ),... Bầu trời ngày ấy bé tí ti, chỉ có ta, có bạn, có thầy cô, bài vở, vậy mà sao những rung động của nó lại vẫn mạnh mẽ đến tận bây giờ?

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Tìm đọc thêm một số câu thơ, bài thơ có sử dụng biện pháp tu từ và phân tích tác dụng.
- Hoàn thành viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn, có sử dụng biện pháp tu từ.
- **Chuẩn bị bài:** Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

VIẾT

Tiết: 19 + 21

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **viết, giúp HS:**

- Nhận biết được những yêu cầu cơ bản của kiểu bài viết nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, lựa chọn được đề tài phù hợp để viết bài.
- Chỉ ra, phân tích những điểm tương đồng và khác biệt giữa các đối tượng so sánh, từ đó nêu được giá trị đặc sắc, các yếu tố cách tân và đóng góp mới mẻ của từng tác giả, tác phẩm.

2. Phẩm chất: Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cẩn trọng đề tạo lập một văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, hộp giấy hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS thực hiện trò chơi: Bắt thơ trong hộp - GV chuẩn bị 5 hộp nhỏ đánh số 1, 2, 3, 4, 5. Trong mỗi hộp chứa các lá thăm ghi một trong các đề tài cụ thể sau: mẹ, trăng, quê hương, đất nước,...(có hộp chứa lá thăm là một tràng pháo tay cổ vũ của khán giả để tạo không khí cho cuộc chơi) - GV lựa chọn 2 đội chơi, mỗi đội chơi gồm 3 thành viên, thời gian tham gia tối đa lần lượt cho mỗi đội là 2 phút. - Cách thức: + Lần lượt từng đội tham gia chơi chọn hộp để bắt đề tài và tìm đọc những câu thơ tương ứng với đề tài đó + Chọn phải đề tài không bắt được thơ, đội đó sẽ trả lại và chọn đề tài khác nhưng sẽ bị trừ 1 điểm + Sau khi thực hiện việc bắt thơ ở mỗi lượt, Thư kí sẽ tính điểm cho các đội như sau: - Chọn đúng đề tài, đọc được 1 đoạn/bài thơ: 5 điểm - Chọn đúng đề tài, đọc được 2 đoạn/bài thơ: 10 điểm - Chọn đúng đề tài, đọc được 3 đoạn/bài thơ: 15 điểm ... Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS thảo luận đội nhóm và trả lời nhanh, đúng đề tài. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá tinh thần tham gia của hai đội chơi, thông báo kết quả trò chơi qua tổng điểm từ thư kí, trao thưởng cho 2 đội. - GV dẫn vào bài: Thơ có nhịp điệu, có vần, dễ nhớ, dễ thuộc. Thơ cô đọng, có những câu như là châm ngôn. Nhưng mỗi bài thơ lại chứa một tư tưởng không dễ nắm bắt, lại mang một hồn thơ không dễ cảm nhận, và đặc biệt lại chứa một xúc cảm đẹp không dễ giảng giải, phân tích...Bài học ngày hôm nay sẽ giúp chúng ta thấy được sự kì diệu của thơ trong tương quan so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.	- Đề tài về mẹ: 1. <i>Ta đi trọn kiếp con người Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru.</i> (Nguyễn Duy) 2. <i>Đưa kim qua nổi ưu phiền. Mẹ ngồi và lại cho nguyên sự đời.</i> (Thị Hoàng) 3. <i>Bàn tay mẹ Bế chúng con Bàn tay mẹ Chăm chúng con</i> (Tạ Hữu Yên) ... - Đề tài về trăng: 1. <i>Trăng cứ tròn vành vạnh kể chi người vô tình</i> (Nguyễn Duy) 2. <i>Chén rượu hương đưa say lại tỉnh Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.</i> (Hồ Xuân Hương) 3. <i>Thuyền ai đậu bến sông trăng đó Có chở trăng về kịp tối nay</i> (Hàn Mặc Tử) ... - Đề tài quê hương đất nước: 1. <i>Quê hương tôi có con sông xanh biếc Nước gương trong soi tóc những hàng tre</i> (Tế Hanh) 2. <i>Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng, Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá</i> (Tế Hanh) 3. <i>Quê hương là gì hở mẹ Mà cô giáo dạy phải yêu Quê hương là gì hở mẹ Ai đi xa cũng nhớ nhiều</i> (Đỗ Trung Quân)

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS hiểu mục đích, yêu cầu đối với bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 7 HS đọc bài viết tham khảo theo các thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản.	I. Tìm hiểu chung dạng bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. 1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo - Trong bài viết, tác giả so sánh hai bài thơ dựa trên cơ sở: cảm hứng mùa thu; những cảm nhận và nỗi niềm, vừa có sự gặp gỡ vừa có điểm đặc sắc, hấp dẫn riêng.

- HS thảo luận cặp đôi thực hiện các yêu cầu sau: 1. Trong bài viết, tác giả đã dựa trên những cơ sở nào khi chọn hai bài thơ để so sánh, đánh giá? 2. Bài viết triển khai các nội dung so sánh, đánh giá như thế nào? Em có nhận xét gì về hiệu quả của cách triển khai đó? 3. Theo em, có thể có những cách trình bày nào khác về các nội dung so sánh, đánh giá trong bài viết? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - 7 HS nối tiếp nhau đọc văn bản. - Thảo luận cặp đôi 3 câu hỏi SGK khoảng 5 phút. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu mục đích và yêu cầu của bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS: Qua phân tích ví dụ SGK, em hãy cho biết: + Mục đích của bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. + Để viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, em cần lưu ý những gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân, ghi kết quả ra giấy nhớ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS trả lời câu hỏi. - HS nhận xét, bổ sung cho nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.	- Bài viết triển khai các nội dung so sánh, đánh giá hiệu quả: + Cách triển khai: ++ Phân tích điểm tương đồng của hai bài thơ. ++ Giới thiệu nét riêng và chỉ ra yếu tố tạo sự khác biệt của hai bài thơ. ++ Phân tích nét riêng trong cảnh và tình ở <i>Thu vịnh</i>. ++ Phân tích nét riêng của bài <i>Đầy mùa thu tới</i> trong sự đối sánh với bài <i>Thu vịnh</i>. ++ Khẳng định vị trí, giá trị và sức hấp dẫn của hai bài thơ. ++ Bày tỏ quan điểm cá nhân về kết quả và ý nghĩa của việc so sánh. + Nhận xét: Cách triển khai hợp lí, logic, hệ thống, triển khai sâu sắc vấn đề nghị luận, nổi bật vấn đề so sánh. - Cách trình bày khác về các nội dung so sánh, đánh giá trong bài viết: + Phân tích bài thơ thứ nhất. + Phân tích bài thơ thứ hai. + Chỉ ra điểm tương đồng, sự gặp gỡ và những điểm khác biệt, lí giải nguyên nhân về sự khác biệt. + Đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. <i>Hoặc:</i> + Phân tích bài thơ thứ nhất theo các phương diện đã xác định. + Phân tích bài thơ thứ hai trên cơ sở so sánh với bài thơ thứ nhất theo từng phương diện và lí giải nguyên nhân của những điểm khác biệt giữa hai bài thơ. + Đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. 2. Mục đích và yêu cầu của bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ - Mục đích so sánh, đánh giá: Chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa các đối tượng so sánh, từ đó nêu được những giá trị đặc sắc, các yếu tố cách tân và đóng góp mới mẻ của từng tác giả, tác phẩm. - Yêu cầu của kiểu bài: + Giới thiệu ngắn gọn về hai tác phẩm thơ, nêu được những cơ sở lựa chọn hai tác phẩm để so sánh, đánh giá. + Làm sáng tỏ những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ được chọn để so sánh; có bằng chứng cụ thể, đa dạng từ hai tác phẩm. + Đưa ra những nhận xét, đánh giá thuyết phục về ý nghĩa và những đóng góp riêng, đặc sắc của mỗi tác phẩm thơ dựa trên các nội dung được so sánh. + Nêu khái quát kết quả và ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- HS thực hành các bước để viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm	
II. Thực hành viết 1. Các bước thực hành viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	II. Thực hành viết	
	1. Các bước thực hành viết	
	Các bước	Nội dung

- GV nêu vấn đề: Các em thực hiện nhiệm vụ theo bàn: đọc SGK, thực hiện các yêu cầu trong bảng kiến thức sau: <table><tr><th colspan="2">Các bước</th><th colspan="2">Nội dung</th></tr><tr><td>Chuẩn bị viết</td><td colspan="3"></td></tr><tr><td rowspan="3">Tìm ý, lập dàn ý</td><td>Tìm ý</td><td colspan="2"></td></tr><tr><td rowspan="2">Lập dàn ý</td><td>MB</td><td></td></tr><tr><td>TB</td><td></td></tr><tr><td></td><td>KB</td><td></td></tr><tr><td>Viết</td><td colspan="3"></td></tr><tr><td>Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện</td><td colspan="3"></td></tr></table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS chia sẻ câu trả lời. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. 2. Thực hành viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: Các em viết bài văn hoàn chỉnh Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc bài viết trước lớp - HS khác bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá bài viết theo rubric và dàn ý tham khảo.	Các bước		Nội dung		Chuẩn bị viết				Tìm ý, lập dàn ý	Tìm ý			Lập dàn ý	MB		TB			KB		Viết				Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện				Chuẩn bị viết Lựa chọn một trong các gợi ý sau để làm đề tài viết: (1) So sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ thuộc các giai đoạn văn học, xu hướng văn học khác nhau: Tiếng nói tri âm trong <i>Độc Tiểu Thanh kí</i> (Nguyễn Du) và <i>Đàn ghi ta của Lor-ca</i> (Thanh Thảo);... (2) So sánh, đánh giá bút pháp và cảm hứng nghệ thuật trong các tác phẩm thơ: Cảm hứng về đất nước trong <i>Đất nước</i> (Nguyễn Đình Thi) và <i>Việt Bắc</i> (Tố Hữu);... (3) So sánh, đánh giá các hình tượng: hình tượng người lính trong <i>Đồng chí</i> (Chính Hữu) và <i>Tây Tiến</i> (Quang Dũng); hình tượng người phụ nữ trong <i>Tự tình II</i> (Hồ Xuân Hương) và <i>Thuyền và biển</i> (Xuân Quỳnh);... (4) So sánh, đánh giá về hình thức nghệ thuật: Cách thể hiện nỗi nhớ trong <i>Tây Tiến</i> (Quang Dũng) và <i>Tiếng hát con tàu</i> (Chế Lan Viên);...
Các bước		Nội dung																											
Chuẩn bị viết																													
Tìm ý, lập dàn ý	Tìm ý																												
	Lập dàn ý	MB																											
		TB																											
	KB																												
Viết																													
Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện																													
Tìm ý, lập dàn ý	Tìm ý Trả lời câu hỏi: - So sánh, đánh giá hai bài thơ dựa trên cơ sở nào? - Điểm tương đồng giữa hai tác phẩm thơ là gì? - Đây là điểm khác biệt giữa hai bài thơ? - Yếu tố nào tạo nên những điểm tương đồng và khác biệt của hai bài thơ? - Đánh giá thế nào về giá trị của mỗi bài thơ?																												
	<table><tr><td rowspan="2">Lập dàn ý</td><td>MB</td><td>Giới thiệu ngắn gọn về hai bài thơ và nêu cơ sở lựa chọn để so sánh, đánh giá.</td></tr><tr><td>TB</td><td> - Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,... - Có thể triển khai các nội dung so sánh, đánh giá theo những cách sau: + Cách 1: Lần lượt phân tích từng bài thơ, sau đó chỉ ra điểm tương đồng, sự gặp gỡ và những điểm khác biệt, lí giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt đó; đồng thời đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. + Cách 2: Phân tích bài thơ thứ nhất theo các phương diện đã xác định, khi phân tích bài thơ thứ hai sẽ so sánh với bài thơ thứ nhất theo từng phương diện và lí giải nguyên nhân của những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ, từ đó, đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. </td></tr></table>	Lập dàn ý	MB	Giới thiệu ngắn gọn về hai bài thơ và nêu cơ sở lựa chọn để so sánh, đánh giá.	TB	- Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,... - Có thể triển khai các nội dung so sánh, đánh giá theo những cách sau: + Cách 1: Lần lượt phân tích từng bài thơ, sau đó chỉ ra điểm tương đồng, sự gặp gỡ và những điểm khác biệt, lí giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt đó; đồng thời đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. + Cách 2: Phân tích bài thơ thứ nhất theo các phương diện đã xác định, khi phân tích bài thơ thứ hai sẽ so sánh với bài thơ thứ nhất theo từng phương diện và lí giải nguyên nhân của những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ, từ đó, đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ.																							
Lập dàn ý	MB		Giới thiệu ngắn gọn về hai bài thơ và nêu cơ sở lựa chọn để so sánh, đánh giá.																										
	TB	- Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học,... - Có thể triển khai các nội dung so sánh, đánh giá theo những cách sau: + Cách 1: Lần lượt phân tích từng bài thơ, sau đó chỉ ra điểm tương đồng, sự gặp gỡ và những điểm khác biệt, lí giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt đó; đồng thời đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ. + Cách 2: Phân tích bài thơ thứ nhất theo các phương diện đã xác định, khi phân tích bài thơ thứ hai sẽ so sánh với bài thơ thứ nhất theo từng phương diện và lí giải nguyên nhân của những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ, từ đó, đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ.																											

				+ Cách 3: So sánh lần lượt các phương diện đã lựa chọn đối với hai bài thơ, chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt; lí giải nguyên nhân sự tương đồng và khác biệt đó; đánh giá về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ từ các nội dung so sánh. - Đánh giá: + Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm. + Khẳng định sự đóng góp của hai tác phẩm, hai tác giả.
			KB	Khẳng định ý nghĩa của việc so sánh, đánh giá; nêu cảm nhận và ấn tượng của bản thân về các bài thơ.
	Viết	- Dựa vào dàn ý để triển khai bài viết. - Thể hiện khả năng cảm thụ văn học tinh tế trong quá trình phân tích, so sánh; lựa chọn dẫn chứng phù hợp, tiêu biểu với từng nội dung so sánh, kết hợp với ý kiến lí giải, đánh giá; diễn đạt mạch lạc, sáng sủa, có cảm xúc. - Có những sáng tạo riêng của cá nhân trong quá trình phân tích, đánh giá về những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ (qua những phát hiện sâu sắc hoặc qua cách diễn đạt độc đáo) để tăng sức thuyết phục và hấp dẫn cho bài viết.		
Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện	Đọc kĩ bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý để có hướng chỉnh sửa. Ngoài việc soát lỗi chính tả, lỗi diễn đạt (từ ngữ, câu văn, đoạn văn, ...), cần tập trung vào việc làm rõ cơ sở và các phương diện so sánh khi triển khai nội dung bài viết.			

2. Thực hành viết

Sản phẩm: Bài viết của HS

DÀN Ý THAM KHẢO

Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá tiếng nói tri âm trong *Độc Tiểu Thanh kí* (Nguyễn Du) và *Đàn ghi ta của Lor-ca* (Thanh Thảo).

I. Mở bài

Giới thiệu ngắn gọn về hai bài thơ và nêu cơ sở lựa chọn để so sánh, đánh giá.

Mỗi thi phẩm là một thông điệp tâm hồn mà người nghệ sĩ gửi đến bạn đọc. Ở đó người đọc cùng tác giả trải nghiệm những vui, những buồn, những xót xa, thương giận, ... Thế nhưng mỗi nhà thơ đã đào sâu, tìm tòi theo cách khác nhau, để khơi lên những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có. Có lẽ vậy mà tuy cùng đầy tâm tư về những người tài hoa – bạc mệnh nhưng Nguyễn Du và Thanh Thảo, hai nhà thơ thuộc hai thời đại khác nhau đã cất lên những tiếng thơ rất riêng. Để rồi từ đó độc giả được đắm mình trong thế giới thơ ca lấp lánh những sắc màu.

II. Thân bài

1. Thông tin chung về từng tác phẩm: hoàn cảnh ra đời, đề tài, vị trí của tác phẩm trong đời sống văn học, ...

a. Nguyễn Du và *Độc Tiểu Thanh kí*

- Nguyễn Du sinh năm 1765, mất năm 1820.

- Là đại thi hào của dân tộc Việt Nam.

- Thơ ông thể hiện chủ nghĩa nhân đạo mới mẻ, trong đó tiếng nói thương yêu, trân trọng, ngợi ca đối

với người phụ nữ trong xã hội xưa bao giờ cũng tha thiết và đầy trăn trở.

- Bài thơ **Độc Tiểu Thanh kí** nằm trong mạch cảm hứng chung của Nguyễn Du về những người phụ nữ tài sắc mà bất hạnh.

- Nhan đề “**Độc Tiểu Thanh kí**”: có hai cách hiểu:

+ “**Tiểu Thanh kí**” có thể là tên một tập thơ của nàng Tiểu Thanh. “**Độc Tiểu Thanh kí**” => Đọc tập thơ của nàng Tiểu Thanh.

+ “**Tiểu Thanh kí**”: có thể là câu chuyện về nàng Tiểu Thanh. Rất có thể, Nguyễn Du đã đọc truyện về nàng Tiểu Thanh và viết nên bài thơ này.

b. Thanh Thảo và Đàn ghi ta của Lor-ca

- Thanh Thảo được công chúng đặc biệt chú ý bởi những bài thơ và trường ca mang diện mạo độc đáo viết về chiến tranh và thời hậu chiến.

- Thơ Thanh Thảo là sự lên tiếng của người trí thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại. Tuy nhiên, ông muốn cuộc sống phải được cảm nhận và thể hiện ở bề sâu nên luôn khước từ lối biểu đạt dễ dãi, nỗ lực cách tân thơ Việt qua hình thức thơ tự do.

- **Đàn ghi ta của Lor-ca** rút trong tập “**Khởi vương Ru - bích**”, thể hiện tư duy thơ Thanh Thảo: giàu suy tư, nhuộm màu sắc tượng trưng, siêu thực.

2. Đánh giá những nét chung (điểm tương đồng):

- Niềm đồng cảm sâu sắc, niềm tiếc thương day dứt, đớn đau, phẫn uất, bất bình cho cái Đẹp bị huỷ diệt, đầy đoạ, dập vùi.

- Sự nâng niu, trân trọng cái Đẹp, khẳng định sức sống của cái Đẹp, gắn với khát vọng bất tử hoá cái Đẹp.

- Hướng con người tới những tình cảm nhân văn cao đẹp, đặt ra những câu hỏi lớn lao cho thời đại, là tiếng nói cất lên từ thời đại nhưng còn đọng lại và có tầm nhân loại,...

3. So sánh những nét riêng (điểm khác biệt):

a. Mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình:

- Đối tượng của cảm xúc:

+ **Độc Tiểu Thanh kí**: Phùng Tiểu Thanh (1594- 1612), người Quảng Lăng, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Nàng là cô gái thông minh, tài sắc, giỏi văn chương nhưng bạc mệnh. Năm 16 tuổi, Tiểu Thanh làm lẽ một người họ Phùng, bị vợ cả ghen, bắt ra ở một mình trên núi Cô Sơn (Hàng Châu - Trung Quốc), lâm bệnh, mất năm 18 tuổi. Khi nàng mất, người vợ cả đốt hết thơ, từ, chỉ còn sót lại một số bài thơ (phần dư).

+ **Đàn ghi ta của Lor-ca**: Lor-ca (1898 - 1936) là nhà thơ thiên tài của Tây Ban Nha, người có khát vọng tự do và cách tân nghệ thuật mãnh liệt, bị chính quyền phản động thân phát xít bắt giam và giết hại.

- Sự vận động của cảm xúc:

+ **Độc Tiểu Thanh kí**: Bài thơ bắt đầu bằng xúc cảm xót thương cho Tiểu Thanh → từ đó, tác giả thương cho những kiếp người tài hoa bạc mệnh nói chung → rồi quay về tự thương mình → cuối cùng hướng tới tương lai để khao khát tri âm.

+ **Đàn ghi ta của Lor-ca**: Niềm cảm mến đối với Lor-ca - con người tự do, nghệ sĩ cách tân trong khung cảnh chính trị, nghệ thuật Tây Ban Nha → Nỗi đau đớn trước cái chết oan khuất của Lor-ca và nỗi xót xa về sự dang dở khát vọng cách tân nghệ thuật của chàng → Niềm xót thương Lor-ca → Suy tư về cuộc giải thoát và cách giải tử của Lor-ca.

b. Sự lựa chọn hình thức thể hiện:

- Thể thơ:

+ **Độc Tiểu Thanh kí**: Thể thơ tự do, tượng trưng siêu thực bộc lộ cái tôi đa ngã.

+ **Đàn ghi ta của Lor-ca**: Thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật dù đòi hỏi rất cao về niêm luật nhưng nhà thơ Nguyễn Du vẫn khéo léo bộc lộ cái tôi rất cá tính và phóng khoáng – đây vốn là điều hiếm có trong văn học trung đại.

- Hệ thống hình ảnh biểu tượng:

+ **Độc Tiểu Thanh kí**: *Son phấn, văn chương*,... => Những hình ảnh biểu tượng cho tài năng văn chương và sắc đẹp của Tiểu Thanh.

+ **Đàn ghi ta của Lor-ca**: *Áo choàng đỏ gắt, bầu trời, cô gái ấy, cỏ mọc hoang, tiếng đàn*,... => Hình ảnh tượng trưng siêu thực gợi liên tưởng về Lor-ca và cái chết của chàng.

- Một số yếu tố hình thức khác:

+ **Độc Tiểu Thanh kí**: Nghệ thuật đối, câu hỏi tu từ như xoáy vào hồn người, cách xưng tên da diết khắc khoải, giọng thơ trang trọng mà tràn đầy cảm xúc yêu thương,...

- *Đàn ghi ta của Lor-ca*: Kết cấu bài thơ giống như một bản giao hưởng về cuộc đời *Lor-ca*; yếu tố nhạc, yếu tố họa đan xen, ...

4. Nguyên nhân của sự khác biệt: Do hoàn cảnh sáng tác, nội dung cảm hứng và cá tính sáng tạo của mỗi nhà thơ có sự khác nhau, ...

5. Đánh giá chung:

- Điểm gặp gỡ và những sáng tạo độc đáo của Nguyễn Du và Thanh Thảo trong hai thi phẩm thể hiện rõ nét ý nghĩa của sáng tạo văn chương, mặt khác giúp ta nhận thức được vai trò, nhiệm vụ của nhà văn, của độc giả trong quá trình sáng tạo và thưởng thức văn chương.

- Sự gặp gỡ và nét khác biệt với những sáng tạo độc đáo, thú vị làm nên sự phong phú, giàu có kì diệu của văn học.

III. Kết bài:

Độc Tiểu Thanh kí và *Đàn ghi ta của Lor-ca* đã thực sự khơi dậy trong con người những cảm xúc thẩm mĩ mới lạ, “thanh lọc” tâm hồn con người theo những cách khác nhau, chấp cánh cho con người đến với những ước mơ, khát vọng,...Hai tác phẩm này chính là sự hiện diện của nhà văn Nguyễn Du và Thanh Thảo đối với cuộc đời. Do vậy chúng sẽ vượt qua được mọi sự băng hoại của thời gian để bất tử với cuộc đời.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để hoàn thiện bài viết, GV chữa và trả bài.

b. Nội dung: Hoàn thiện bài viết trên cơ sở những chỉnh sửa, góp ý ở lớp.

c. Sản phẩm: Bài văn hoàn thiện của HS về vấn đề đã nêu ở mục *Nội dung*, đối chiếu theo tiêu chí khi sửa chữa.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hoàn thành bài viết và nộp cho GV vào tiết học tiếp theo. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Bài văn hoàn thiện của HS về vấn đề đã nêu ở mục <i>Nội dung</i> đảm bảo các yêu cầu theo bảng kiểm. B3. Báo cáo thảo luận: GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. GV khuyến khích 1 – 2 HS trình bày ở đầu buổi học tiếp theo (có thể lấy điểm đánh giá quá trình). B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá về bài trình bày của HS và kết luận.	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

Phụ lục 1. Bảng kiểm đánh giá bài viết HS:

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được mục đích và cơ sở của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.		
2	Trình bày được các thông tin khái quát về hai tác phẩm thơ.		
3	Làm rõ được những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm thơ xét trên một số phương diện nội dung và hình thức cụ thể theo mục đích và phạm vi đã xác định.		
4	Rút ra được những nhận xét, đánh giá cần thiết, phù hợp về hai tác phẩm thơ căn cứ vào kết quả so sánh.		
5	Nêu được ý nghĩa của việc đánh giá hai tác phẩm thơ thông qua việc so sánh.		

Phụ lục 2. Rubric chấm bài viết

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí

	thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mặc nhiều lỗi chính tả.	Trình bày tương đối sạch đẹp. Mặc ít lỗi chính tả.	lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp. Trình bày thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài học rút ra. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo.
Điểm	0 – 4 điểm	5 – 7 điểm	8 – 10 điểm
TỔNG	10		

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

NÓI VÀ NGHE

Tiết: 20

TRÌNH BÀY KẾT QUẢ SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- Biết sử dụng kết quả bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ đã thực hiện ở phần *Viết* để xây dựng nội dung bài thuyết trình.

- Trình bày được kết quả của việc so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ (đã thực hiện ở phần *Viết*).

Nghe

- Thông qua việc lắng nghe và tương tác với người nói, người nghe cần rút ra những kinh nghiệm cần thiết cho cá nhân trong việc cảm thụ tác phẩm thơ và so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

2. Phẩm chất: Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

b. Nội dung: HS nghe đọc/ngâm thơ, GV đặt câu hỏi, HS thảo luận nhóm trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đọc diễn cảm hoặc ngâm 2 áng thơ sau: <i>Hồn anh như hoa cỏ may, Một chiều cả gió bám đầy áo em.</i> (Nguyễn Bính) <i>Khắp nẻo dâng đầy hoa cỏ may Áo em sơ ý cỏ găm đầy Lời yêu mỏng mảnh như màu khói, Ai biết lòng anh có đổi thay?</i> (Xuân Quỳnh) GV nêu yêu cầu: - Em thích áng thơ nào hơn? Vì sao? - Em hãy tìm điểm giống và khác nhau giữa 2 áng thơ trên. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ nhóm trong thời gian 2 phút (những HS có cùng quan điểm hình thành cùng nhóm) Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi theo hình thức tranh biện nhanh giữa các nhóm (tối đa 3 phút). - HS khác lắng nghe, phản biện bảo vệ quan điểm của nhóm đã chuẩn bị. Bước 4: Đánh giá, kết luận Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới. Người nghệ sĩ phải là người vừa thiết kế vừa thi công công trình của chính mình bởi “sáng tác thơ là một việc do cá nhân thi sĩ làm”. Một nghệ sĩ chân chính không thể giẫm chân lên con đường mà người khác đã mở. Họ cần biết khơi thông, biết tìm ra cái mới trong những điều tưởng chừng đã cũ, biết xoáy sâu vào những điều tưởng chừng nhỏ nhặt nhưng lại có sức ám ảnh sâu sắc tới tâm hồn độc giả. Thế nên, dù cùng đề tài, mỗi tác phẩm lại có tiếng nói riêng. Cô trò chúng ta sẽ đến với bài học ngày hôm nay để các em được thuyết trình về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ một cách thuyết phục.	- Cả 2 áng thơ đều thể hiện những xúc cảm tình yêu bằng cách mượn hình ảnh hoa cỏ may. Áng thơ nào cũng hay, cũng đẹp, thi vị. - Tuy nhiên, mỗi áng thơ lại hấp dẫn theo cách riêng: + Áng thơ thứ nhất là lời của một chàng trai đầy những mê say cuồng nhiệt. Áng thơ thứ hai là suy tư về tình yêu của một cô gái đầy lo âu, trăn trở về sự mong manh của tình yêu, hạnh phúc. + Áng thơ thứ nhất lựa chọn thể thơ lục bát xinh xắn đầy xao động. Áng thơ thứ hai lại chọn thể thơ thất ngôn chứa đầy những ẩn ý và ngời vực,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- a. Mục tiêu:** HS xác định được yêu cầu và các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- b. Nội dung:** Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. CHUẨN BỊ NÓI *Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Để thuyết trình hấp dẫn về kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, cần lưu ý điều gì? (Đọc mục Yêu cầu SGK tr.58) Bước 2 +3: Thực hiện, báo cáo nhiệm vụ HS đọc SGK, thảo luận cặp đôi 2 phút và báo cáo HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức. *Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.	I. CHUẨN BỊ NÓI 1. Yêu cầu của kiểu bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ Để so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, cần lưu ý: - Giới thiệu được hai bài thơ và lí do lựa chọn hai bài thơ đó để so sánh, đánh giá. - Phân tích những điểm tương đồng và khác biệt giữa hai bài thơ xét theo một số phương diện đã xác định. - Có những nhận xét, đánh giá thuyết phục về giá trị và đóng góp của mỗi bài thơ dựa trên kết quả so sánh. - Nêu được những ý kiến trao đổi xác đáng giúp người nói và người nghe có cái

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Tuỳ tình hình lớp học, GV chia lớp thành nhiều nhóm (mỗi nhóm 4 – 6 HS). - GV yêu cầu: - Các nhóm chọn sử dụng kết quả của bài thực hành viết. - Tìm ý và sắp xếp ý theo bảng: <table border="1" data-bbox="204 309 916 719"> <tr> <th>Vấn đề cần tìm hiểu</th><th>Câu trả lời</th></tr> <tr> <td>Những ngữ liệu thơ được chọn để so sánh</td><td></td></tr> <tr> <td>Những thông tin chung về 2 tác phẩm</td><td></td></tr> <tr> <td>Cơ sở so sánh 2 tác phẩm</td><td></td></tr> <tr> <td>Những điểm giống nhau của 2 tác phẩm</td><td></td></tr> <tr> <td>Những điểm khác nhau của 2 tác phẩm</td><td></td></tr> <tr> <td>Đánh giá chung</td><td></td></tr> </table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, tài liệu tham khảo và thảo luận nhóm, hoàn thiện bảng kiến thức trên giấy A0 hoặc word hoặc PP Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm HS treo bảng kiến thức lên trên bảng hoặc gửi vào zalo nhóm lớp/ padlet - GV yêu cầu 1 – 2 nhóm trình bày dàn ý đã xây dựng, chỉnh sửa, các nhóm khác góp ý, bổ sung. - GV yêu cầu thực hành luyện nói trong nhóm, góp ý cho nhau trước khoảng 5 phút. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét phân làm việc các nhóm, chốt kiến thức.	Vấn đề cần tìm hiểu	Câu trả lời	Những ngữ liệu thơ được chọn để so sánh		Những thông tin chung về 2 tác phẩm		Cơ sở so sánh 2 tác phẩm		Những điểm giống nhau của 2 tác phẩm		Những điểm khác nhau của 2 tác phẩm		Đánh giá chung		nhìn đầy đủ, toàn diện hơn về hai bài thơ được so sánh. 2. Chuẩn bị các bước trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. a. Lựa chọn đề tài Sử dụng bài thực hành viết từ tiết trước: Đề bài: Trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ <i>Độc Tiểu Thanh kí</i> và <i>Đàn ghi ta của Lor-ca</i> b. Tìm ý và sắp xếp ý <table border="1" data-bbox="948 488 1481 938"> <tr> <th>Vấn đề cần tìm hiểu</th><th>Câu trả lời</th></tr> <tr> <td>Những ngữ liệu thơ được chọn để so sánh</td><td></td></tr> <tr> <td>Những thông tin chung về 2 tác phẩm</td><td></td></tr> <tr> <td>Cơ sở so sánh 2 tác phẩm</td><td></td></tr> <tr> <td>Những điểm giống nhau của 2 tác phẩm</td><td></td></tr> <tr> <td>Những điểm khác nhau của 2 tác phẩm</td><td></td></tr> <tr> <td>Đánh giá chung</td><td></td></tr> </table>	Vấn đề cần tìm hiểu	Câu trả lời	Những ngữ liệu thơ được chọn để so sánh		Những thông tin chung về 2 tác phẩm		Cơ sở so sánh 2 tác phẩm		Những điểm giống nhau của 2 tác phẩm		Những điểm khác nhau của 2 tác phẩm		Đánh giá chung	
Vấn đề cần tìm hiểu	Câu trả lời																												
Những ngữ liệu thơ được chọn để so sánh																													
Những thông tin chung về 2 tác phẩm																													
Cơ sở so sánh 2 tác phẩm																													
Những điểm giống nhau của 2 tác phẩm																													
Những điểm khác nhau của 2 tác phẩm																													
Đánh giá chung																													
Vấn đề cần tìm hiểu	Câu trả lời																												
Những ngữ liệu thơ được chọn để so sánh																													
Những thông tin chung về 2 tác phẩm																													
Cơ sở so sánh 2 tác phẩm																													
Những điểm giống nhau của 2 tác phẩm																													
Những điểm khác nhau của 2 tác phẩm																													
Đánh giá chung																													

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS trình bày được bài thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ; biết lắng nghe và trao đổi.
- b. Nội dung:** HS trình bày bài nói đã chuẩn bị ở bài viết và nhận xét, trao đổi về bài nói.
- c. Sản phẩm:** Bài trình bày của học sinh và nhận xét, trao đổi về bài nói.
- d. Tổ chức thực hiện:**

10 chức năng nhận:

Hoạt động của GV và HS

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV lưu ý HS các bước chuẩn bị để có bài thuyết trình tốt, lưu ý HS tận dụng các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo sức hấp dẫn và thuyết phục.

- HS trình bày bài nói, mỗi HS từ 5 – 7 phút.

- HS còn lại lắng nghe, ghi chép vào vở, nhận xét về bài nói trên các tiêu chí trong phiếu nhận xét:

PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI

STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?	
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có	

Dự kiến sản phẩm

II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ

1. Thực hành nói

Tham khảo bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ Độc Tiểu Thanh kí và Đàn ghi ta của Lor-ca. (bên dưới)

2. Trao đổi, đánh giá

a. Trao đổi

Người nghe	Người nói
- Nhận xét về độ chính xác và đầy đủ của các nội dung so sánh giữa hai tác phẩm thơ, cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có khía cạnh nào chưa rõ, yêu cầu người nói giải thích thêm. - Bổ sung hoặc chia sẻ một số nội dung giúp người nói	- Cần làm rõ thêm những ý mà người nghe chưa rõ. - Tiếp thu góp ý hoặc trao đổi lại

	sức thuyết phục không?		có cái nhìn đầy đủ, toàn diện hơn về hai bài thơ được so sánh, đánh giá (chẳng hạn có thể trình bày thêm cơ sở để so sánh, cách trình bày các nội dung so sánh,...).	với một số ý kiến nhận xét, đánh giá của người nghe về nội dung và cách thực hiện bài nói.																					
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?		b. Đánh giá <table><tr><th colspan="3">PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI</th></tr><tr><th>STT</th><th>Tiêu chí</th><th>Nhận xét</th></tr><tr><td>1</td><td>Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?</td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?</td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?</td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?</td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?</td><td></td></tr></table>		PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI			STT	Tiêu chí	Nhận xét	1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?		2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?		3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?		4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?		5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?	
PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI																									
STT	Tiêu chí	Nhận xét																							
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?																								
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?																								
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?																								
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?																								
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?																								
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?																								
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?																								

PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?	
2	Có tích cực ghi chép không?	
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?	
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS kiểm tra, rà soát lại bài nói khoảng 2 phút

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- GV gọi 2-3 HS lên trình bày
- HS khác thực hiện nhiệm vụ nghe, ghi chép, trao đổi và hoàn thành phiếu

Bước 4: Đánh giá, kết luận
GV nhận xét quá trình làm việc nhóm, bài nói và nghe của HS bằng phiếu học tập.

PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?	
2	Có tích cực ghi chép không?	
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?	
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?	

Tham khảo bài trình bày kết quả so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ *Độc Tiểu Thanh kí* và *Đàn ghi ta của Lor-ca*.

Trong thế giới thơ ca, mỗi thi phẩm là một thông điệp tâm hồn mà người nghệ sĩ gửi đến bạn đọc. Ở đó người đọc cùng tác giả trải nghiệm những vui, những buồn, những xót xa, thương giận,... Thế nhưng mỗi nhà thơ đã đào sâu, tìm tòi theo cách khác nhau, để khơi lên những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có. Có lẽ vậy mà tuy cùng đây tâm tư về những người tài hoa – bạc mệnh nhưng Nguyễn Du và Thanh Thảo, hai nhà thơ thuộc hai thời đại khác nhau đã cất lên những tiếng thơ rất riêng. Để rồi từ đó độc giả được đắm mình trong thế giới thơ ca lấp lánh những sắc màu.

Để có thể so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ, trước hết, tôi xin giới thiệu với các bạn sơ lược về hai tác phẩm và hai tác giả

Về Nguyễn Du và *Độc Tiểu Thanh kí*: Tác giả Nguyễn Du sinh năm 1765, mất năm 1820. Ông là đại thi hào của dân tộc Việt Nam. Thơ ông thể hiện chủ nghĩa nhân đạo mới mẻ, trong đó tiếng nói thương yêu, trân trọng, ngợi ca đối với người phụ nữ trong xã hội xưa bao giờ cũng tha thiết và đầy trăn trở. Bài thơ *Độc Tiểu Thanh kí* nằm trong mạch cảm hứng chung của Nguyễn Du về những người phụ nữ tài sắc mà bất hạnh.

Chúng ta có thể hiểu nhan đề bài thơ theo hai cách: Một là “Tiểu Thanh kí” có thể là tên một tập thơ của nàng Tiểu Thanh nên “Độc Tiểu Thanh kí” nghĩa là đọc tập thơ của nàng Tiểu Thanh. Hai, “Tiểu Thanh kí” có thể hiểu là câu chuyện về nàng Tiểu Thanh. Rất có thể, Nguyễn Du đã đọc truyện về nàng Tiểu Thanh và viết nên bài thơ này.

Về Thanh Thảo và *Đàn ghi ta của Lor-ca*: Tác giả Thanh Thảo được công chúng đặc biệt chú ý bởi những bài thơ và trường ca mang diện mạo độc đáo viết về chiến tranh và thời hậu chiến. Thơ Thanh Thảo là sự lên tiếng của người trí thức nhiều suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội và thời đại. Tuy nhiên, ông muốn cuộc sống phải được cảm nhận và thể hiện ở bề sâu nên luôn khước từ lối biểu đạt dễ dãi. Ông luôn nỗ lực cách tân thơ Việt qua hình thức thơ tự do. Bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* rút trong tập “Khởi vuông Ru – bích”. Bài thơ thể hiện rõ nét tư duy thơ Thanh Thảo: giàu suy tư, nhuộm màu sắc tượng trưng, siêu thực.

Tiếp ngay sau đây, tôi xin được so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ trên cụ thể qua các mặt:

Đầu tiên, tôi đi vào đánh giá những nét chung: Cả hai bài thơ đều thể hiện niềm đồng cảm sâu sắc, niềm tiếc thương day dứt, đớn đau, phần uất, bất bình cho cái Đẹp bị huỷ diệt, đầy đau, dập vùi. Mặt khác, đó cũng chính là những biểu hiện của sự nâng niu, trân trọng cái Đẹp, khẳng định sức sống của cái Đẹp, gắn với khát vọng bất tử hoá cái Đẹp. Từ đó, các tác phẩm hướng con người tới những tình cảm nhân văn cao đẹp, đặt ra những câu hỏi lớn lao cho thời đại, là tiếng nói cất lên từ thời đại nhưng còn đọng lại và có tầm nhân loại....

Sự phân biệt hai tác phẩm sẽ càng được làm rõ nét khi ta so sánh những nét riêng của hai tác phẩm

Về mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình: Mỗi tác phẩm hướng tới một đối tượng của cảm xúc khác nhau. *Độc Tiểu Thanh kí* hướng tới nàng Phùng Tiểu Thanh (1594 - 1612), người Quảng Lăng, tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Nàng là cô gái thông minh, tài sắc, giỏi văn chương nhưng bạc mệnh. Năm 16 tuổi, Tiểu Thanh làm lẽ một người họ Phùng, bị vợ cả ghen, bắt ra ở một mình trên núi Cô Sơn (Hàng Châu - Trung Quốc), lâm bệnh, mất năm 18 tuổi. Khi nàng mất, người vợ cả đốt hết thơ, từ, chỉ còn sót lại một số bài thơ, từ do nàng viết trên hai tờ giấy gói tặng mấy vật trang sức cho một cô gái (phần dư). Trong khi đó, *Đàn ghi ta của Lor-ca* lại viết về Lor-ca (1898 - 1936) là nhà thơ thiên tài của Tây Ban Nha, người có khát vọng tự do và cách tân nghệ thuật mãnh liệt, bị chính quyền phản động thân phát xít bắt giam và giết hại.

Cũng chính điều đó đã khiến cảm xúc trong mỗi bài thơ có sự vận động khác nhau: Bài thơ *Độc Tiểu Thanh kí* bắt đầu bằng xúc cảm xót thương cho Tiểu Thanh. Từ đó, tác giả thương cho những kiếp người tài hoa bạc mệnh nói chung rồi quay về tự thương mình, cuối cùng hướng tới tương lai để khao khát tri âm. Còn *Đàn ghi ta của Lor-ca*, Thanh Thảo lại đi từ niềm cảm mến đối với Lor-ca – con người tự do, nghệ sĩ cách tân trong khung cảnh chính trị, nghệ thuật Tây Ban Nha. Từ nỗi đau đớn trước cái chết oan khuất của Lor-ca và nỗi xót xa về sự dang dở khát vọng cách tân nghệ thuật của chàng đến niềm xót thương Lor-ca cùng những trăn trở, suy tư về cuộc giải thoát và cách giã từ của Lor-ca.

Đương nhiên sự triển khai cảm xúc khác nhau sẽ dẫn tới sự lựa chọn hình thức thể hiện khác nhau: *Độc Tiểu Thanh kí* được viết bằng thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật dù đòi hỏi rất cao về niêm luật nhưng nhà thơ Nguyễn Du vẫn khéo léo bộc lộ cái tôi rất cá tính và phóng khoáng – đây vốn là điều hiếm có trong văn học trung đại. *Đàn ghi ta của Lor-ca* lại được viết bằng thể thơ tự do, tượng trưng siêu thực bộc lộ cái tôi đa ngã. Về hệ thống hình ảnh: *Độc Tiểu Thanh kí* dùng các hình ảnh *Son phấn, văn chương*,... để biểu tượng cho tài năng văn chương và sắc đẹp của Tiểu Thanh. Còn *Đàn ghi ta của Lor-ca* lại xuất hiện hàng loạt hình ảnh tượng trưng, siêu thực *Áo choàng đỏ gắt, bầu trời, cô gái ấy, cỏ mọc hoang, tiếng đàn*,... để gợi liên tưởng về Lor-ca và cái chết của chàng. Về một số yếu tố hình thức khác: *Độc Tiểu Thanh kí* dùng nghệ thuật đối, câu hỏi tu từ như xoáy vào hồn người, cách xưng tên đa diết khắc khoải, giọng thơ trang trọng mà tràn đầy cảm xúc yêu thương... *Đàn ghi ta của Lor-ca* lại mang một kết cấu lạ: toàn bài thơ giống như một bản giao hưởng về cuộc đời Lor-ca; yếu tố nhạc, yếu tố hoạ đan xen,...

Tất cả những khác biệt đó có lẽ được tạo nên bởi hoàn cảnh sáng tác, nội dung cảm hứng và cá tính sáng tạo riêng của mỗi nhà thơ.

Tóm lại, qua phần so sánh, đánh giá ở trên, chúng ta có thể nhận thấy: Điểm gặp gỡ và những sáng tạo độc đáo của Nguyễn Du và Thanh Thảo trong hai thi phẩm thể hiện rõ nét ý nghĩa của sáng tạo văn chương, mặt khác giúp ta nhận thức được vai trò, nhiệm vụ của nhà văn, của độc giả trong quá trình sáng tạo và thưởng thức văn chương. Cũng chính sự gặp gỡ và nét khác biệt với những sáng tạo độc đáo, thú vị làm nên sự phong phú, giàu có kì diệu của văn học.

Quả thật, *Độc Tiểu Thanh kí* và *Đàn ghi ta của Lor-ca* đã khơi dậy trong con người những cảm xúc thâm mĩ mới lạ, “thanh lọc” tâm hồn con người theo những cách khác nhau, chấp cánh cho con người bay tới những ước mơ, khát vọng... Hai tác phẩm này chính là sự hiện diện của nhà văn Nguyễn Du

và Thanh Thảo trước cuộc đời. Do vậy, chúng sẽ vượt qua được mọi sự băng hoại của thời gian để bắt đầu với cuộc đời...

Xin cảm ơn thầy cô và các bạn đã chú ý theo dõi bài thuyết trình! Em mong muốn nhận được những góp ý từ thầy cô và các bạn!

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ; biết ứng dụng CNTT vào quá trình học tập.

b. Nội dung: Tổ chức cuộc thi thuyết trình so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ đã học, đã đọc và lưu lại thành video.

c. Sản phẩm: Video giới thiệu.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ về nhà: Hãy so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ em đã đọc hoặc đã học (Lưu thành video clip).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà theo hình thức cá nhân hoặc làm việc theo nhóm tự chọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV trình chiếu một số video clip của HS vào đầu buổi học tiếp theo hoặc trong hoạt động ngoại khóa và tổ chức cho HS lựa chọn những video clip xuất sắc để lấy điểm quá trình.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá về buổi thi thuyết trình của HS và kết luận.

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (Cả bài 2)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.

- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia 4 nhóm thảo luận 4 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Tìm đọc một bài thơ trung đại Việt Nam, nêu đề tài, chủ đề, thể thơ và chỉ ra một vài biểu hiện của phong cách cổ điển được thể hiện trong bài thơ đó.

Câu 2. Giới thiệu một bài thơ có phong cách lãng mạn và chỉ ra một số biểu hiện nổi bật của phong cách đó trong bài thơ.

Câu 3. Tìm đọc một bài thơ có yếu tố siêu thực (chẳng hạn, *Đây thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử, *Tì bà* của Bích Khê, *Lá diêu bông* của Hoàng Cầm,...). Chỉ ra và nêu ý nghĩa của một số hình ảnh siêu thực trong bài thơ đó.

Câu 4. So sánh, đánh giá hình tượng người lính được thể hiện trong tác phẩm *Tây Tiến* (Quang Dũng) và một bài thơ cùng đề tài mà bạn đã được học hoặc đọc thêm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.

- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Đề tài, chủ đề, thể thơ và một vài biểu hiện của phong cách cổ điển được thể hiện trong một bài thơ trung đại Việt Nam:

Bài thơ	Đề tài	Chủ đề	Thể thơ	Biểu hiện của phong cách cổ điển
<i>Nhàn</i> - Nguyễn	Lối sống, phong cách sống	Khẳng định quan niệm sống nhàn là hòa hợp với thiên nhiên, coi thường danh lợi, luôn giữ	Thất ngôn bát cú	Sử dụng điển tích giấc mộng đêm hòe:

Bình Khiêm		cốt cách thanh cao trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống.		coi phú quý tựa như chiêm bao

Câu 2. Một số biểu hiện nổi bật của phong cách lãng mạn trong bài thơ *Những sợi tơ lòng* của Chế Lan Viên

*Tôi không muốn đất trời xoay chuyển nữa
Với tháng ngày biền biệt đuổi nhau trôi
Xuân đừng về! Hè đừng gieo ánh lửa!
Thu thôi sang! Đông thôi lại náo lòng tôi!*

*Quả đất chuyển giây lòng tôi rung động
Nỗi sầu tư nhuần thấm cõi Hư Vô!
Tháng ngày qua, gạch Chàm đua nhau rụng
Tháp Chàm đua nhau đổ dưới trăng mờ!*

*Lửa hè đến! Nỗi căm hờn vang dậy!
Gió thu sang thấu lạnh cả hồn thơ!
Chiều đông tàn, như mai xuân lộng lẫy
Chỉ nói thêm sầu khổ với ưu tư!*

*Tạo hoá hỡi! Hãy trả tôi về Chiêm quốc!
Hãy đem tôi xa lánh cõi trần gian!
Muôn cảnh đời chỉ làm tôi chướng mắt!
Muôn vui tươi nhắc mãi về điều tàn!*

*Hãy cho tôi một tinh cầu giá lạnh
Một vì sao trơ trọi cuối trời xa!
Để nơi ấy tháng ngày tôi lẩn tránh
Những ưu phiền, đau khổ với buồn lo!*

Các phương diện	Biểu hiện cụ thể
Cảm hứng	- Nhân vật trữ tình: Một người dân Chiêm quốc xưa còn sót lại. - Cảm hứng: Nỗi bi thương trước cảnh điêu tàn đổ nát theo thời gian của đế chế Chămpa.
Hình tượng	- Hình tượng bốn mùa luân chuyển gợi thời gian trôi vô tình. - Hình tượng tháp Chàm đổ nát, hoang phế gợi biết bao bi thương. - Hình tượng vì sao trơ trọi, đơn côi trong tưởng tượng.
Ngôn ngữ	- Nhuộm chút sắc màu siêu thực kết hợp với nhiều từ ngữ bộc lộ trực tiếp cảm xúc. - Tạo ra những kết hợp từ mới lạ độc đáo.
Sử dụng nhiều yếu tố tương phản	Sự đối lập giữa một cái tôi cô đơn nhỏ bé trước sự chảy trôi bất tận của thời gian và vũ trụ vô cùng, vô tận.

Câu 3. Ý nghĩa của một số hình ảnh siêu thực trong bài thơ *Lá diêu bông* của Hoàng Cầm:

- Hình ảnh siêu thực trong bài: lá diêu bông
- Ý nghĩa: Biểu tượng cho một tình yêu trong tưởng tượng, xa vời, mênh mông, không rõ ràng, không nắm bắt nổi bởi nó chính là những xúc cảm đặc biệt mà ta không nghĩ một cậu bé thơ có thể có.

Câu 4. So sánh, đánh giá hình tượng người lính được thể hiện trong tác phẩm *Tây Tiến* (Quang Dũng) và bài thơ *Đồng chí* (Chính Hữu)

Bài thơ	Tây Tiến	Đồng chí
Giống	- <i>Tây Tiến</i> và <i>Đồng chí</i> cùng ra đời năm 1948. - Hai tác giả Quang Dũng và Chính Hữu đều cùng trong quân ngũ (nhà thơ quân đội). - Cả hai sáng tác cùng nói về vẻ đẹp của người chiến sĩ thời chống Pháp.	
Khác	Xuất thân	Chiến sĩ Tây Tiến (trong đó có tác giả) số đông ra đi từ Hà Nội thanh lịch. Họ là những thanh niên trí thức.
		Những người nông dân mặc áo lính.

	Điều kiện và hoàn cảnh chiến đấu	- Nơi chiến đấu tại vùng biên giới Việt - Lào, môi trường khắc nghiệt. - Hành trình qua địa hình rộng lớn, đầy khó khăn. - Đối mặt với điều kiện chiến đấu thiếu thốn, căn bệnh sốt rét đe dọa. - Thường xuyên có những người hi sinh do bệnh tật và bom đạn.	- Nơi chiến đấu ở vùng Việt Bắc hoang sơ, môi trường khắc nghiệt. - Phải đối mặt với căn bệnh sốt rét rừng. - Thiếu thốn về vật chất, cuộc chiến đầy gian khổ và khó khăn.
	Ngoại hình	Dáng vẻ dữ dằn, oai phong, mạnh mẽ.	Người lính đơn sơ, giản dị chân chất.
	Phẩm chất	- Tinh thần chiến đấu hào hùng, kiên trì với lý tưởng. - Tâm hồn trẻ trung, lãng mạn và bay bổng, là nguồn động viên giúp lính trở nên mạnh mẽ và kiên cường.	- Tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất vượt qua mọi khó khăn, gian khổ. - Tình đồng chí đậm sâu.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài 3: Lập luận trong văn nghị luận.**

BÀI 3. LẬP LUẬN TRONG VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB1: *Nhìn về vốn văn hoá dân tộc* (Trích – Trần Đình Hượu)

VB2: *Năng lực sáng tạo* (Trích – Phan Đình Diệu)

VB3: *Mấy ý nghĩ về thơ* (Trích – Nguyễn Đình Thi)

Thực hành đọc: *Cảm hứng và sáng tạo* (Trích – Nguyễn Trần Bạt)

2. Thực hành tiếng Việt: Lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa

3. Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ)

4. Nói và nghe: Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 10 tiết – KHGD

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 25, 25

VĂN BẢN 1: NHÌN VỀ VỐN VĂN HOÁ DÂN TỘC

(Trích)

Trần Đình Hượu

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, độc đáo trong văn bản; chỉ ra mối liên hệ của chúng; đánh giá được mức độ phù hợp giữa nội dung nghị luận với nhan đề *Nhìn về vốn văn hoá dân tộc* của văn bản.

- Nhận biết được mục đích của người viết; biết tiếp nhận, đánh giá, phê bình nội dung văn bản với tư duy phê phán, dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.

- Phân tích và đánh giá được việc sử dụng một số thao tác như chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh trong văn bản nghị luận.

- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản nghị luận *Nhìn về vốn văn hoá dân tộc* để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

2. Phẩm chất: Nhận thức rõ tính cấp thiết của việc giữ gìn, phát huy, phát triển vốn văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, rubric, bảng kiểm đánh giá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi nhỏ: Tập làm luật sư bào chữa

c. Sản phẩm: Lập luận của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - Thực hiện trò chơi nhỏ: Tập làm luật sư bào chữa	2 HS đại diện 2 đội lần lượt trình bày lập luận

- Vụ việc cần bào chữa: Bào chữa cho một người thợ săn kiện một người chăn cừu đã giết chết con chó của mình vì nghi con chó này đã giết những con cừu của ông ta. Tên con chó là Old Drum. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xung phong hình thành 2 đội chơi, chuẩn bị lập luận bào chữa (khoảng 2 phút). - GV quan sát, gợi ý nếu HS gặp khó khăn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS đại diện của 2 đội thực hiện lập luận bào chữa nhanh (khoảng 2-3 phút). - HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV cho HS tham khảo bản diễn văn của luật sư George Graham Vest tại phiên tòa xử vụ kiện hàng xóm làm chết con chó của thân chủ (bên dưới). - GV nhận xét, đánh giá phần chơi của HS, trao thưởng hoặc cho điểm. - GV dẫn vào bài: <i>Tham khảo bản diễn văn của luật sư George Graham Vest tại phiên tòa xử vụ kiện hàng xóm làm chết con chó của thân chủ, được phóng viên William Safire của báo The New York Times bình chọn là hay nhất trong tất cả các diễn văn, lời tựa trên thế giới trong khoảng 1.000 năm qua và màn bào chữa nhỏ của các luật sư tương lai của chúng ta đã phân nào chứng minh được giá trị của lập luận. Vậy lập luận là gì? Làm thế nào để lập luận có sức thuyết phục, hãy cùng đến với bài học ngày hôm nay để trải nghiệm!</i>	theo quan điểm của mỗi đội

Tham khảo bản diễn văn của luật sư George Graham Vest tại phiên tòa xử vụ kiện hàng xóm làm chết con chó của thân chủ:

Thưa quý hội thẩm đoàn!

Người bạn tốt nhất mà ta có được trên đời này có thể quay lưng chống lại ta và biến thành kẻ thù của ta.

Con cái mà ta hằng yêu thương chăm sóc có thể trở thành những đứa vô ơn bạc nghĩa.

Những người gần gũi và thân thiết với ta nhất, những người mà ta tin tưởng đem giao phó hạnh phúc và danh dự của mình, một ngày nào đó có thể trở thành những kẻ phản bội.

Tiền bạc mà ta có được có thể sẽ mất đi, mất ngay vào lúc ta cần nó nhất.

Danh tiếng của con người có thể tiêu tan trong khoảnh khắc vì một hành vi nông nổi.

Những kẻ từng quý gồi tôn vinh ta khi ta thành đạt có thể trở thành những kẻ đầu tiên ném vào ta hòn đá hiểm độc khi bóng mây sa cơ lỡ vận phủ xuống đầu ta.

Trên thế gian vụ lợi ích kỷ này, con người chỉ có thể có được một người bạn vô tư không điều kiện, một người bạn không bao giờ rời bỏ ta, không bao giờ vô ơn bạc nghĩa, không bao giờ phản bội, đó là con chó của ta.

Con chó của ta luôn ở bên cạnh ta, dù ta giàu sang hay ta nghèo khó, dù ta khỏe mạnh hay ta ốm đau bệnh tật.

Nó ngủ dưới nền đất lạnh, bất chấp giá rét mùa đông hay bão tuyết, miễn sao được ở gần ta. Nó vẫn hôn vào bàn tay ta dù ta không còn thức ăn gì cho nó. Nó liếm vào những vết thương và những chỗ ta đau đớn khi va chạm với sự tàn bạo của cuộc đời. Nó canh giấc ngủ cho ta khi ta là kẻ cùng khốn cũng giống như khi ta là một ông hoàng. Khi tất cả bạn bè đều rời xa ta, riêng con chó thì ở lại.

Khi ta mất hết của cải, thân bại danh liệt, thì tình yêu thủy chung của con chó đối với ta vẫn ngời sáng như ánh mặt trời xuyên thấu chín tầng mây. Nếu chẳng may ta bị cuộc đời ruồng bỏ, rơi vào cảnh không bạn bè không nhà cửa, thì đối với con chó trung thành, không có một đặc ân nào cao hơn là được ở bên cạnh ta, để bảo vệ ta chống lại những hiểm nguy, chống lại kẻ thù.

Và đến lúc đời ta kết thúc, Thân chết rước ta đi và thân xác ta nằm dưới lòng đất lạnh, khi người thân bạn bè đưa tiễn đã quay về để tiếp tục bận rộn với cuộc sống của họ, thì con chó cao quý vẫn còn nằm bên nắm mồ ta, đầu gục xuống giữa hai chân, đôi mắt đau buồn nhưng vẫn mở to cảnh giác, trung thành và chân thực ngay cả khi ta đã chết.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về lập luận trong văn bản nghị luận, các thao tác được sử dụng trong văn bản nghị luận.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi: Ai nhanh hơn?

c. Sản phẩm: Bảng tri thức hoàn thành và câu trả lời nhanh, đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bảng tri thức lập luận trong văn bản nghị luận

(1)	(2)	(3)	(4)
Lập luận trong văn bản nghị luận	1		Lập luận là...
Các thao tác được sử dụng để phục vụ trực tiếp cho mục đích thuyết phục	2		Chứng minh, bình luận, bác bỏ.
Các thao tác giúp làm rõ các khía cạnh của vấn đề nghị luận	3		Giải thích, phân tích, so sánh.
Chứng minh	4		Chứng minh là...
Bình luận	5		Bình luận là...
Bác bỏ	6		Bác bỏ là...
Giải thích	7		Giải thích là...
Phân tích	8		Phân tích là...
So sánh	9		So sánh là...

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn? - GV chia lớp thành 4 đội chơi, cụ thể: Mỗi đội được nhận một: Bảng tri thức lập luận trong văn bản nghị luận (bên trên – đã được in sẵn trên giấy A0) + các tổ hợp từ ngữ a, b, c, d, e, g, h, i, k (đã được ghi hoặc in sẵn trên giấy nhỏ) - GV nêu nhiệm vụ: Nhiệm vụ 1. Sắp xếp các tổ hợp từ ngữ a, b, c, d, e, g, h, i, k sau vào đúng vị trí cột (3) trong Bảng tri thức lập luận trong văn bản nghị luận a. Lí lẽ, bằng chứng, thuyết phục, vấn đề đặt ra, nghệ thuật lập luận. b. Chứng minh, bình luận, bác bỏ. c. Đối chiếu, giống nhau, khác nhau, nhận thức về bản thân đối tượng, chính xác, đúng đắn; có cơ sở. d. Chia tách, tìm hiểu cận kề, khám phá bản chất, tổng hợp, chỉnh thể, toàn vẹn. e. Trình bày cận kề, hiểu rõ, là gì?, hiểu như thế nào? g. Sai lầm, phiến diện, thiếu chính xác; lẽ phải, chân lí. h. Đánh giá (đúng - sai, hay - dở, tốt - xấu, tích cực - tiêu cực), chủ kiến của người viết. i. Lí lẽ, bằng chứng (thực tế, tài liệu khoa học, báo chí, văn học, nghệ thuật,...), có cơ sở, đáng tin cậy. k. Giải thích, phân tích, so sánh. Nhiệm vụ 2. Sau khi sắp xếp, từ gợi ý đã tìm được, nêu ngắn gọn một số tri thức ngữ văn về lập luận trong văn bản nghị luận (phần để trống ở cột 4) Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và Báo cáo, thảo luận - HS đọc Tri thức Ngữ văn thu thập thông tin, hoàn thành bảng theo nhóm.	I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn 1. Lập luận trong văn bản nghị luận - Lập luận là sử dụng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc về một vấn đề. Giá trị của văn bản nghị luận được quyết định bởi ý nghĩa của vấn đề đặt ra (luận đề) và nghệ thuật lập luận (cách dùng lí lẽ và bằng chứng) của người viết. 2. Các thao tác được sử dụng trong văn bản nghị luận - Các thao tác được sử dụng để phục vụ trực tiếp cho mục đích thuyết phục: chứng minh, bình luận, bác bỏ + Chứng minh là dùng lí lẽ và bằng chứng giúp người đọc thấy rằng ý kiến được nêu là hoàn toàn có cơ sở, đáng tin cậy. Tùy đề tài cụ thể, người viết chọn bằng chứng từ thực tế cuộc sống hoặc từ tài liệu khoa học, báo chí, tác phẩm văn học, nghệ thuật,... + Bình luận là đánh giá về sự đúng - sai, hay - dở, tốt - xấu, tích cực - tiêu cực của một quan điểm, ý kiến, sự việc, hành động,... nhằm thể hiện rõ chủ kiến của người viết. + Bác bỏ là chỉ ra sự sai lầm, phiến diện hoặc thiếu chính xác của một quan điểm, ý kiến, từ đó củng cố điều được người viết xem là lẽ phải, chân lí. - Các thao tác giúp làm rõ các khía cạnh của vấn đề nghị luận: giải thích, phân tích, so sánh + Giải thích là cắt nghĩa về đối tượng (sự vật, hiện tượng, khái niệm,...) một cách chi tiết, tỉ mỉ, tạo điều kiện cho người đọc hiểu rõ vấn đề được bàn luận trong văn bản. + Phân tích là chia tách đối tượng thành nhiều bộ phận, giúp người đọc nhìn thấy rõ

- Sau thời gian 5 phút thảo luận nhóm, đại diện các đội lên bảng dán kết quả. - HS quan sát SGK và bảng kết quả, nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của các đội chơi (đội 1 nhận xét đội 2, đội 2 nhận xét đội 3, đội 3 nhận xét đội 4, đội 4 nhận xét đội 1). Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV hệ thống, chốt kiến thức: Cột (3) lần lượt là các tổ hợp từ ngữ: a, b, k, i, h, g, e, d, c - GV đánh giá phần tìm hiểu Tri thức Ngữ văn của các đội chơi; khen thưởng hoặc tính điểm theo thứ tự.	hơn các yếu tố và mối quan hệ giữa các yếu tố tạo nên nó. + So sánh là đặt đối tượng này bên cạnh đối tượng khác để nhận ra điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng, qua đó làm nổi bật nét đặc thù của đối tượng được bàn luận. .=> Trong bài văn nghị luận, các thao tác trên đây thường được phối hợp với nhau một cách linh hoạt nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất.

2.2: Đọc văn bản và tìm hiểu chung về tác giả, văn bản

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả Trần Đình Hượu và văn bản *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc*.

b. Nội dung hoạt động: Học sinh đọc văn bản, thảo luận cặp đôi, hoàn thiện bảng kiến thức, thuyết trình về tác giả và văn bản.

c. Sản phẩm: Bảng kiến thức về tác giả, văn bản và phần thuyết trình của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm																				
Nhiệm vụ 1. Đọc văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu khoảng 3 HS đọc từng phần, nhắc các em về các thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản để theo dõi những gợi ý cần thiết cho việc tìm hiểu nội dung nghị luận và các thao tác được sử dụng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày kết quả trao đổi - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV cũng có thể đọc mẫu một đoạn và hướng dẫn HS chọn giọng đọc phù hợp với nội dung văn bản và thái độ của tác giả khi bàn về văn hoá dân tộc. - Nhắc HS chú ý nghĩa của các từ ngữ được giải thích ở từng chân trang trong SGK. Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên nêu yêu cầu: HS làm việc theo cặp đôi, đọc SGK về tác giả, đọc văn bản, kết hợp với tự tìm hiểu trước ở nhà, hoàn thiện bảng kiến thức về tác giả và văn bản: Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả <table> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Năm sinh</td><td></td></tr> <tr> <td>Quê quán</td><td></td></tr> <tr> <td>Gia đình</td><td></td></tr> </table>	Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Năm sinh		Quê quán		Gia đình		II. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc văn bản 2. Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản a. Tác giả Trần Đình Hượu <table> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Năm sinh</td><td>Trần Đình Hượu (1926- 1995).</td></tr> <tr> <td>Quê quán</td><td>Thanh Chương - Nghệ An.</td></tr> <tr> <td>Gia đình</td><td>Sinh trưởng trong một gia đình nhà Nho.</td></tr> <tr> <td>Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng</td><td> - Là chuyên gia nghiên cứu tư tưởng phương Đông, văn hóa, văn học Việt Nam thời trung đại và giai đoạn giao thời. - Ông có tư tưởng nghiên cứu độc lập, đã nêu được những vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng đối với việc tìm hiểu, đánh giá nền tư tưởng, văn hóa, văn học truyền thống, đồng thời gợi ra được những hướng nghiên cứu mới mẻ về các mẫu hình nhà Nho và loại hình tác giả trong văn học trung đại Việt Nam. - Ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ năm 2000. </td></tr> <tr> <td>Các tác phẩm tiêu biểu</td><td><i>Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời 1900 - 1930</i> (Chủ biên 1988), <i>Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại</i> (1995), <i>Đến hiện đại từ truyền thống</i> (1996), <i>Các bài</i></td></tr> </table>	Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Năm sinh	Trần Đình Hượu (1926- 1995).	Quê quán	Thanh Chương - Nghệ An.	Gia đình	Sinh trưởng trong một gia đình nhà Nho.	Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng	- Là chuyên gia nghiên cứu tư tưởng phương Đông, văn hóa, văn học Việt Nam thời trung đại và giai đoạn giao thời. - Ông có tư tưởng nghiên cứu độc lập, đã nêu được những vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng đối với việc tìm hiểu, đánh giá nền tư tưởng, văn hóa, văn học truyền thống, đồng thời gợi ra được những hướng nghiên cứu mới mẻ về các mẫu hình nhà Nho và loại hình tác giả trong văn học trung đại Việt Nam. - Ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ năm 2000.	Các tác phẩm tiêu biểu	<i>Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời 1900 - 1930</i> (Chủ biên 1988), <i>Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại</i> (1995), <i>Đến hiện đại từ truyền thống</i> (1996), <i>Các bài</i>
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể																				
Năm sinh																					
Quê quán																					
Gia đình																					
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể																				
Năm sinh	Trần Đình Hượu (1926- 1995).																				
Quê quán	Thanh Chương - Nghệ An.																				
Gia đình	Sinh trưởng trong một gia đình nhà Nho.																				
Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng	- Là chuyên gia nghiên cứu tư tưởng phương Đông, văn hóa, văn học Việt Nam thời trung đại và giai đoạn giao thời. - Ông có tư tưởng nghiên cứu độc lập, đã nêu được những vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng đối với việc tìm hiểu, đánh giá nền tư tưởng, văn hóa, văn học truyền thống, đồng thời gợi ra được những hướng nghiên cứu mới mẻ về các mẫu hình nhà Nho và loại hình tác giả trong văn học trung đại Việt Nam. - Ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ năm 2000.																				
Các tác phẩm tiêu biểu	<i>Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời 1900 - 1930</i> (Chủ biên 1988), <i>Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại</i> (1995), <i>Đến hiện đại từ truyền thống</i> (1996), <i>Các bài</i>																				

Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng	
Các tác phẩm tiêu biểu	

Bảng kiến thức tìm hiểu chung về văn bản	
Phương diện tìm hiểu	
Nội dung cụ thể	
Xuất xứ	
Thể loại	
Bố cục	Từ...
	Từ...
	Từ...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp đôi.
- GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 cặp đôi lên bảng thuyết trình lần lượt về tác giả và văn bản dựa vào bảng kiến thức đã chuẩn bị.
- HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

	giảng về tư tưởng phương Đông (2001),...

b. Văn bản *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc*.

Phương diện tìm hiểu		Nội dung cụ thể
Xuất xứ		Trích phần II, bài tiểu luận <i>Về vấn đề tìm đặc sắc văn hoá dân tộc</i> - in trong cuốn <i>Đến hiện đại từ truyền thống</i> (1996).
Thể loại		Văn bản nhật dụng nghị luận xã hội.
Bố cục	Đặt vấn đề: Từ đâu -> gần gũi với nó.	Nêu vấn đề và phạm vi nghiên cứu.
	Triển khai vấn đề: tiếp theo -> ...trong văn học.	Nhận định chung về nền văn hóa Việt Nam trong mối tương quan với các dân tộc trên thế giới và những nét đặc thù của vốn văn hóa Việt Nam.
	Kết thúc vấn đề: còn lại	Con đường hình thành bản sắc văn hóa Việt Nam.

2.3: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực đọc hiểu theo đặc trưng thể loại cho học sinh.

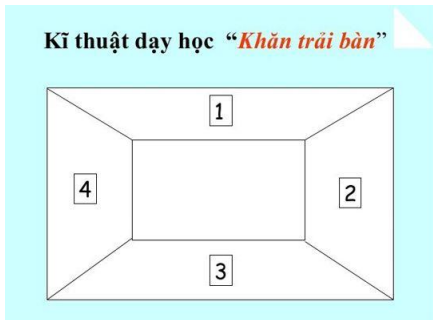
- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, chỉ ra mối liên hệ của chúng.

- Nhận biết được mục đích của người viết, biết tiếp nhận, đánh giá, phê bình nội dung văn bản với tư duy phê phán, dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm để tìm hiểu làm rõ các vấn đề: Cấu trúc nghị luận - Nghệ thuật lập luận - Sự kết hợp các thao tác nghị luận - Mục đích, thái độ của người viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm														
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức tiết dạy theo kĩ thuật khăn trải bàn	III. Khám phá văn bản 1. Cấu trúc nghị luận a. Cấu trúc nghị luận của văn bản:														
	<table><tr><th rowspan="2">STT</th><th colspan="2">Luận đề</th></tr><tr><th colspan="2">Một số nhận xét về vài ba mặt của cái vốn văn hoá dân tộc</th></tr><tr><th></th><th>Luận điểm</th><th>Lí lẽ và bằng chứng</th></tr><tr><td>1</td><td>Chúng ta không có nền văn hoá đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật.</td><td> - Thể hiện ở các lĩnh vực văn học, tôn giáo, kĩ thuật, âm nhạc, kiến trúc,... đều không phát triển đến tuyệt kĩ. - Chưa bao giờ trong lịch sử dân tộc, một ngành văn hoá nào đó trở thành đài danh dự, thu hút, quy tụ cả nền văn hoá. </td></tr><tr><td>2</td><td>Người Việt Nam coi trọng cuộc sống hiện thế.</td><td> - Trong cuộc sống, ý thức về cá nhân và sở hữu không phát triển cao. </td></tr></table>	STT	Luận đề		Một số nhận xét về vài ba mặt của cái vốn văn hoá dân tộc			Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng	1	Chúng ta không có nền văn hoá đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật.	- Thể hiện ở các lĩnh vực văn học, tôn giáo, kĩ thuật, âm nhạc, kiến trúc,... đều không phát triển đến tuyệt kĩ. - Chưa bao giờ trong lịch sử dân tộc, một ngành văn hoá nào đó trở thành đài danh dự, thu hút, quy tụ cả nền văn hoá.	2	Người Việt Nam coi trọng cuộc sống hiện thế.	- Trong cuộc sống, ý thức về cá nhân và sở hữu không phát triển cao.
	STT		Luận đề												
		Một số nhận xét về vài ba mặt của cái vốn văn hoá dân tộc													
		Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng												
1	Chúng ta không có nền văn hoá đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật.	- Thể hiện ở các lĩnh vực văn học, tôn giáo, kĩ thuật, âm nhạc, kiến trúc,... đều không phát triển đến tuyệt kĩ. - Chưa bao giờ trong lịch sử dân tộc, một ngành văn hoá nào đó trở thành đài danh dự, thu hút, quy tụ cả nền văn hoá.													
2	Người Việt Nam coi trọng cuộc sống hiện thế.	- Trong cuộc sống, ý thức về cá nhân và sở hữu không phát triển cao.													

- GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận
Nhóm 1: Tìm hiểu cấu trúc nghị luận của văn bản
Cụ thể:
 - Xác định cấu trúc nghị luận của văn bản bằng cách hoàn thành phiếu học tập

STT	Luận đề	
	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng
1		
2		
...		

2. Từ phiếu học tập hoàn thành, nhận xét về cách sắp xếp luận điểm của văn bản.

Nhóm 2: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận

Cụ thể:

- Nhận xét về cách nêu vấn đề nghị luận

- Chiến thuật lập luận của tác giả: Luận điểm “giữa các dân tộc, chúng ta không thể tự hào là nền văn hoá của ta đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật” được tác giả chứng minh như thế nào? Lập luận của tác giả có sức thuyết phục không? Vì sao?

- Nhận xét cách lập luận của văn bản.

Nhóm 3: Tìm hiểu sự kết hợp các thao tác nghị luận

Cụ thể:

Nêu và phân tích một số thao tác nghị luận được tác giả sử dụng nhằm làm tăng tính thuyết phục cho văn bản.

Thao tác	Ngữ liệu từ văn bản	Nhận xét sự kết hợp các thao tác
...	...	...
...	...	
...	...	
...	...	
...	...	

Nhóm 4: Tìm hiểu mục đích, thái độ của người viết

		- Người Việt Nam lo cho con cháu; mong ước thái bình, an cư lạc nghiệp; ưa chuộng con người hiền lành, tình nghĩa; ca tụng sự khôn khéo;...
3	Người Việt Nam ưa những gì vừa phải, chừng mực, không thích cái hoành tráng, cầu kì.	Làm rõ ở màu sắc, quy mô, giao tiếp, trang phục,...
4	Tinh thần chung của nền văn hoá Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hoà.	Lối sống, quan niệm sống,...
5	Văn hoá Việt Nam là sự dung hợp giữa cái vốn có, cái riêng và tiếp thu cái bên ngoài.	Văn hoá Phật giáo, văn hoá Nho giáo, cái được dân tộc sàng lọc, tinh luyện để thành bản sắc.

b. Cách sắp xếp luận điểm của văn bản:

- Tác giả dựa vào biểu hiện nhiều mặt của văn hoá Việt Nam trong suốt quá trình lịch sử: tôn giáo, văn chương, âm nhạc, kiến trúc, quân sự, lối sống, giao tiếp, ứng xử, việc tiếp thu các triết thuyết Nho, Phật, Lão,... để khái quát thành các luận điểm.

- Cách sắp xếp các luận điểm của văn bản: logic, chặt chẽ, thuyết phục.

2. Nghệ thuật lập luận

a. Cách nêu vấn đề nghị luận:

- Vấn đề nghị luận “một số nhận xét về vài ba mặt của cái vốn văn hoá dân tộc” được nêu ngắn gọn, trực tiếp bằng một vế của câu mở đầu. Điều đó giúp người đọc xác định dễ dàng vấn đề nghị luận.

b. Chiến thuật lập luận của tác giả:

- Luận điểm 1 được tác giả chứng minh qua lí lẽ và bằng chứng ở các lĩnh vực văn học, tôn giáo, triết học, kĩ thuật, âm nhạc, kiến trúc,... Thực tế đó cho thấy, văn hoá Việt Nam là “văn hoá của dân nông nghiệp định cư, không có nhu cầu lưu chuyển, trao đổi, không có sự kích thích của đô thị”.

- Lập luận của tác giả khá đặc biệt. Bắt đầu, ông không nói về cái có, mà nói về cái không của vốn văn hoá dân tộc. Điều này đi ngược với tư duy và thói quen “ca tụng” về dân tộc mình. Vì thế, người đọc thấy được đặc thù của lối văn “phát biểu ý kiến”, ít có trích dẫn cũng như ít đưa dẫn chứng (ở cấp độ cụ thể, chi tiết), vốn am hiểu sâu sắc các vấn đề hữu quan, để chia sẻ, tán đồng với tác giả. Tác giả đã sử dụng phép lập luận chứng minh, khẳng định sự đúng đắn của luận điểm.

c. Nhận xét cách lập luận của văn bản:

- Tác giả sử dụng lập luận chặt chẽ, logic để tăng tính thuyết phục cho bài viết.

- Lập luận của tác giả đi từ khái niệm đến thực trạng, từ thực trạng đến giải pháp.

3. Sự kết hợp các thao tác nghị luận

Thao tác	Ngữ liệu từ văn bản	Nhận xét sự kết hợp các

Cu thể: Khi nghiên cứu về văn hoá Việt Nam, tác giả đã bộc lộ thái độ gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm (tùy theo từng nhiệm vụ được giao). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm báo cáo sản phẩm: + Lướt 1: ++ Đại diện nhóm 1 báo cáo. Nhóm 2 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi. ++ GV tiểu kết phần 1 + Lướt 2: ++ Đại diện nhóm 2 báo cáo. Nhóm 3 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi. ++ GV tiểu kết phần 2 + Lướt 3: ++ Đại diện nhóm 3 báo cáo. Nhóm 4 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi. ++ GV tiểu kết phần 3 + Lướt 4: ++ Đại diện nhóm 4 báo cáo. Nhóm 1 nhận xét, bổ sung đặt câu hỏi. ++ GV tiểu kết phần 4 Bước 4: Đánh giá, kết luận GV tổ chức nhận xét, đánh giá phần làm việc của các nhóm theo Rubric và bảng kiểm, chốt vấn đề.			thao tác
	Giải thích	Khái niệm “vốn văn hoá dân tộc” là gì; vai trò, tầm quan trọng; những biểu hiện của việc giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc.	Kết hợp nhuần nhuyễn, linh hoạt và hài hoà các thao tác nghị luận.
	Chứng minh	Vai trò, tầm quan trọng của vốn văn hoá dân tộc bằng các dẫn chứng cụ thể (giữ gìn bản sắc dân tộc, tạo nên sự khác biệt; góp phần phát triển kinh tế – xã hội, giáo dục, khoa học kỹ thuật; nâng cao đời sống tinh thần cho con người); thực trạng giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc bằng các dẫn chứng cụ thể về những mặt tích cực (ý thức giữ gìn bản sắc dân tộc được nâng cao, nhiều di sản văn hoá được bảo tồn và phát huy) và những mặt hạn chế (ảnh hưởng của văn hoá ngoại lai, sự mai một của một số giá trị văn hoá truyền thống).	
	So sánh	Vốn văn hoá dân tộc với các nền văn hoá khác trên thế giới; thực trạng giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc trong quá khứ và hiện tại.	
	Bình luận	Vai trò, tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc; thực trạng giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc.	
4. Mục đích, thái độ của người viết a. Mục đích: Xem xét, đánh giá về văn hoá dân tộc. b. Thái độ khi nghiên cứu về văn hoá Việt Nam: - Thái độ nghiên cứu nghiêm túc từ vốn hiểu biết sâu sắc về văn hoá dân tộc, đã làm rõ những mặt tích cực và tiêu cực của nền văn hoá. - Thái độ khách quan nhìn vấn đề theo nhiều chiều hướng, nhiều mặt khác nhau, giúp vấn đề được nhìn nhận đầy đủ và toàn diện nhất. => Thể hiện rõ đặc điểm của nền văn hoá dân tộc, thúc đẩy chúng ta phát huy những điểm mạnh vốn có và khắc phục những hạn chế để hội nhập với thế giới trong thời đại ngày nay.			

2.4. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Văn bản đề cập đến vấn đề gì? - Những yếu tố nào về nghệ thuật lập luận đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút.	IV. Tổng kết 1. Nội dung - Từ vốn hiểu biết sâu sắc về văn hóa dân tộc, tác giả đã phân tích rõ những mặt tích cực và một số hạn chế của văn hóa truyền thống - Nắm vững bản sắc văn hóa dân tộc, chúng ta có thể phát huy điểm mạnh, khắc phục những hạn chế để hội nhập với thế giới trong thời đại ngày nay.

- GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	2. Nghệ thuật - Văn phong khoa học, chính xác, mạch lạc - Bố cục rõ ràng, rành mạch - Lập luận xác đáng, dẫn chứng xác thực, lí lẽ sắc bén

2.5. Hướng dẫn cách đọc hiểu một văn bản nghị luận.

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một văn bản nghị luận.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi.
- HS làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua quá trình đọc hiểu văn bản <i>Nhìn về vốn văn hóa dân tộc</i> của tác giả Trần Đình Hượu, em hãy rút ra cách đọc hiểu một văn bản nghị luận. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận cặp đôi và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 cặp đôi trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	V. Cách đọc hiểu một văn bản nghị luận - Đọc kĩ văn bản, xác định vấn đề nghị luận (luận đề). - Xác định cấu trúc nghị luận. - Phân tích nội dung của luận đề, luận điểm. - Phân tích nghệ thuật lập luận. - Phân tích sự kết hợp các thao tác nghị luận. - Phân tích sự kết hợp các phương thức khác như miêu tả, tự sự,... - Xác định được mục đích, quan điểm của người viết.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ:

Câu 1. Chọn tất cả các đáp án thể hiện được ý nghĩa của văn bản *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc*.

- A. Nêu được khái niệm “vốn văn hóa dân tộc”, chỉ ra được thực trạng về những hạn chế và thế mạnh, ý nghĩa và giải pháp.
- B. Tự hào về vốn văn hóa dân tộc: Nền văn hóa phong phú, đa dạng và mang đậm tính nhân văn mà cha ông ta đã dày công vun đắp qua hàng ngàn năm lịch sử.
- C. Trách nhiệm giữ gìn và phát huy văn hóa Việt Nam.
- D. Giữ gìn bản sắc dân tộc trong xu thế hội nhập quốc tế.
- E. Tổ chức thể lực thực dân chà đạp văn hóa dân tộc.
- F. Mong muốn văn hóa dân tộc sẽ có nhiều đổi mới phù hợp với thời đại công nghệ.

Câu 2. Nêu tất cả những dấu hiệu xác định văn bản *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc* là văn bản nghị luận.

- A. Trao đổi, bàn bạc, trình bày ý kiến về vốn văn hóa dân tộc (luận đề);
- B. Hệ thống luận điểm;
- C. Ở mỗi luận điểm lại có lí lẽ và dẫn chứng;
- D. Có sự kết hợp các thao tác nghị luận;
- E. Xác định được quan điểm, thái độ của người viết.
- F. Thể hiện rõ ràng các cung bậc tình cảm.
- G. Bối cảnh không gian, thời gian cụ thể.

Câu 3. Từ câu chủ đề “Trong quá trình hiện đại hóa đất nước, việc tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc là rất cần thiết”, hãy viết tiếp để hoàn thành đoạn văn diễn dịch (khoảng 150 chữ).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại lớp

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chọn 2-3 HS trình bày kết quả
- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung nếu cần

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Giáo viên nhận xét, hướng dẫn trả lời:

Câu 1. Đáp án: A, B, C, D

Câu 2. Đáp án: A, B, C, D, E

Câu 3. Đoạn văn tham khảo:

Việc tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc giúp ta hiểu được những sắc thái, đặc thù riêng về văn hóa tạo thành nét đẹp đặc trưng riêng của dân tộc mình. Đó chính là cách để ta có thể trở về với nguồn gốc dân tộc mình để càng thêm trân trọng tinh hoa văn hóa qua từng thế hệ; từ đó có ý thức gìn giữ và lưu truyền đời đời con cháu mai sau. Không những thế khi tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc ta hiểu được mỗi dân tộc có một bản sắc riêng tạo thành một màu sắc trong cái chung của cả một quốc gia rộng lớn. Và cũng nhờ đó, ta hiểu được bản sắc văn hóa dân tộc là nơi con người giao lưu văn hóa, cùng nhau tôn vinh vẻ đẹp của quê hương mình, cũng là nơi con người gắn kết với nhau. Đó chính là tiền đề tạo nên sự đoàn kết dân tộc. Như vậy, khi tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc mình, ta đã tự tạo cho mình tấm khiên chống lại sự “hòa tan” khi hội nhập với bạn bè quốc tế, bởi trong bối cảnh toàn cầu hóa, bản sắc văn hóa dân tộc giúp cho đất nước được nhận diện rõ nét hơn. Tất cả các yếu tố văn hóa (như tiếng nói, chữ viết, phong tục, truyền thống, tôn giáo, trang phục, ẩm thực, kiến trúc) chính là minh chứng cho trí tuệ, sức mạnh của dân tộc. Bề dày lịch sử của dân tộc tỉ lệ thuận với sự đồ sộ của văn hóa. Hiểu về truyền thống văn hóa dân tộc chính là biểu hiện đẹp đẽ của tình yêu Tổ quốc tha thiết, nồng nàn.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học về văn bản *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc* để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Tác phẩm nghệ thuật mang tính sáng tạo của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: HS (theo nhóm sở thích) tìm hiểu hoặc tái hiện một nét văn hóa của quê hương mình dưới những dạng thức khác nhau bằng ngôn ngữ, vũ đạo, diễn xuất, điêu khắc, hội họa,...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS quay lại quá trình làm sản phẩm theo nhóm nộp vào nhóm zalo của lớp hoặc nộp trực tiếp cho giáo viên (hạn sau 3 – 5 ngày).

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV giới thiệu sản phẩm của HS, nêu nhận xét, đánh giá.

Rubric đánh giá sản phẩm vận dụng

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo hình thức loại hình nghệ thuật đã chọn	1,0
Nội dung	Thể hiện nét văn hóa của quê hương	
	Chọn được nét văn hóa đặc sắc	2,0
	Thể hiện được rõ nét sắc màu độc đáo của nét văn hóa đó	2,0
	Chuẩn mực đạo đức, đồng thời bộc lộ được tinh thần dân tộc và tình yêu đối với quê hương, đất nước	2,0
Trình bày	Thể hiện sinh động, hấp dẫn, đúng sắc màu văn hóa	2,0
Sáng tạo	Thể hiện được năng lực đặc biệt, chạm tới trái tim người thưởng thức	1,0

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản nghị luận có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. *Năng lực sáng tạo* (Trích - Phan Đình Diệu).

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 26, 27

VĂN BẢN 2: NĂNG LỰC SÁNG TẠO (Trích) Phan Đình Diệu

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.

- Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính: bản chất của hoạt động sáng tạo; tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo đối với cuộc sống cá nhân và của đất nước trong bối cảnh kinh tế tri thức; tư tưởng của tác giả khi bàn về hoạt động sáng tạo.

- Nhận biết được mục đích của người viết, đánh giá được nội dung của văn bản; phân tích hiệu quả của việc phối hợp các thao tác nghị luận trong văn bản.

2. Phẩm chất: Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo trong bối cảnh kinh tế tri thức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, hình ảnh, sơ đồ, phiếu học tập, rubric đánh giá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

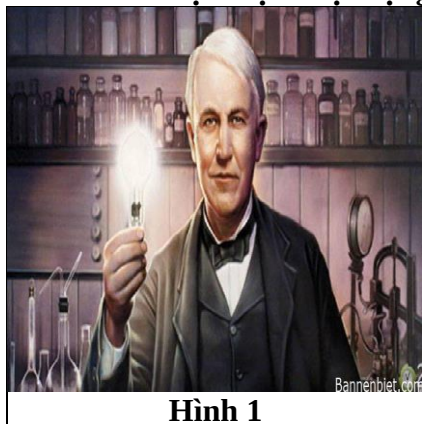
a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức
- Khơi gợi những năng lực sáng tạo trong mỗi HS

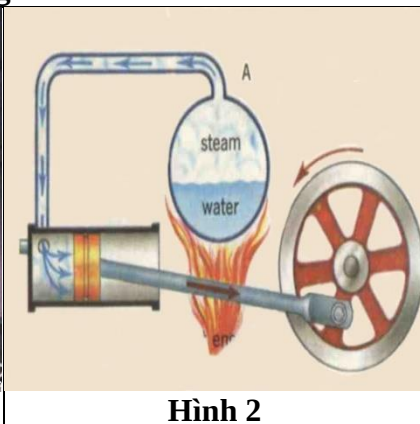
b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi **Đuổi hình bắt chữ**

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

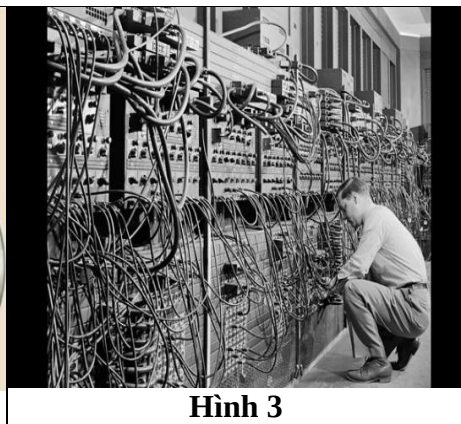
d. Tổ chức thực hiện hoạt động:



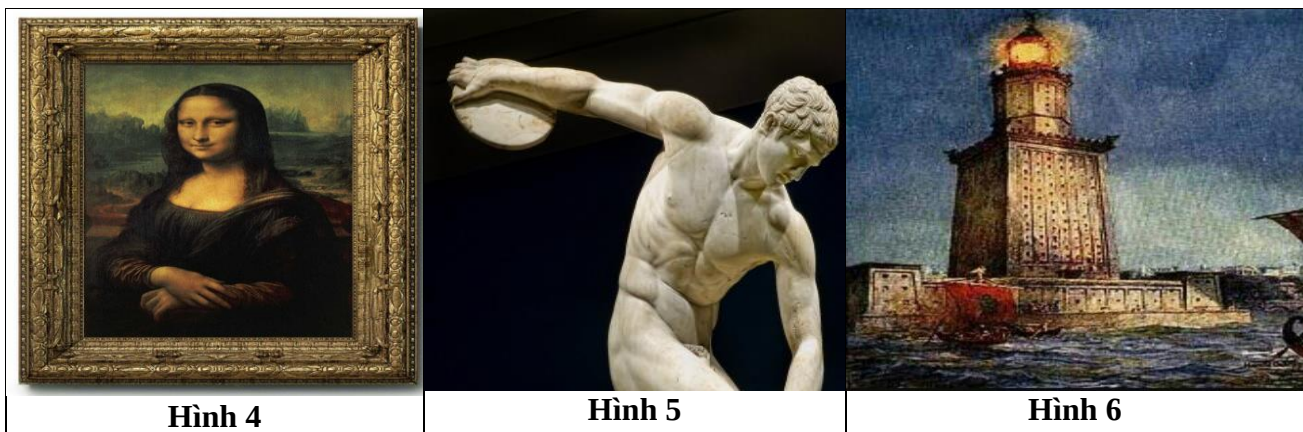
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Trò chơi: Đuổi hình bắt chữ GV nêu vấn đề: - Quan sát từng hình ảnh (hình ảnh bên trên) và gọi tên theo lĩnh vực mà em biết. - Hãy chia sẻ với các bạn hiểu biết của em về một trong những sáng tạo đặc biệt trên. Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, thảo luận - GV trình chiếu từng hình ảnh, lần lượt gọi HS xung phong trả lời nhanh. - HS khác quan sát, lắng nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung, phản biện (nếu cần). Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS, trao thưởng hoặc cho điểm. - GV dẫn vào bài: Những phát minh trên là minh chứng rõ ràng của năng lực sáng tạo mà con người có. Vậy năng lực sáng tạo là gì? Bản chất của hoạt động sáng tạo, tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo đối với cuộc sống cá nhân và của đất nước trong bối cảnh kinh tế tri thức như thế nào? Hãy cùng đến với bài học ngày hôm nay nhé!	1. Trò chơi: Đuổi hình bắt chữ - Hình 1. Bóng đèn sợi đốt – Ê-đi-xon (Vật lí - Kỹ thuật - Quang học) - Hình 2. Động cơ hơi nước – James Watt (Vật lí - Kỹ thuật – Cơ học) - Hình 3. Máy tính đầu tiên (Công nghệ - Tin học) - Hình 4. Nàng Mô-na Li-sa – Lê-ô-na Đờ Vanh-xi (Hội họa) - Hình 5. Lực sĩ ném đĩa (Điêu khắc) - Hình 6. Hải đăng A-lêch-xăng-đờ-ri-a (Kiến trúc) 2. HS chia sẻ về một trong những sáng tạo đặc biệt trên theo hiểu biết của cá nhân.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Đọc và tìm hiểu chung về tác giả, văn bản

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả và văn bản.

b. Nội dung hoạt động: Học sinh đọc văn bản, hoàn thành phiếu học tập và thuyết trình về tác giả, văn bản.

c. Sản phẩm: Kết quả đọc, Phiếu học tập và thuyết trình của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm								
Nhiệm vụ 1. Đọc văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu và hướng dẫn: - 3 HS lần lượt đọc từng phần của văn bản. - Lưu ý theo dõi các thẻ chỉ dẫn trong khi đọc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 3 HS lần lượt đọc bài - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc văn bản 2. Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản a. Tác giả Phan Đình Diệu <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <th style="width: 30%;">Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Năm sinh</td><td>1936-2018</td></tr> <tr> <td>Quê quán</td><td>Huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh</td></tr> <tr> <td>Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng</td><td>- Là giáo sư, nhà toán học, nhà khoa học máy tính của Việt Nam. Ông là một trong những người được ghi nhận là có</td></tr> </table>	Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Năm sinh	1936-2018	Quê quán	Huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng	- Là giáo sư, nhà toán học, nhà khoa học máy tính của Việt Nam. Ông là một trong những người được ghi nhận là có
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể								
Năm sinh	1936-2018								
Quê quán	Huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh								
Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng	- Là giáo sư, nhà toán học, nhà khoa học máy tính của Việt Nam. Ông là một trong những người được ghi nhận là có								

- GV nhận xét việc đọc của từng HS, gọi một số em nhắc lại cách giải nghĩa các từ ngữ khó trong văn bản.

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Giáo viên nêu yêu cầu:

HS làm việc theo cặp đôi, đọc SGK về tác giả, đọc lại văn bản, kết hợp với tự tìm hiểu trước ở nhà, hoàn thiện bảng kiến thức về tác giả và văn bản:

Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả

Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể
Năm sinh	
Quê quán	
Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng	
Tác phẩm chính	

Bảng kiến thức tìm hiểu chung về văn bản

Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể
Nhan đề	
Thể loại	
Tác giả đã giải thích như thế nào về khái niệm sáng tạo và năng lực sáng tạo?	
Ý tưởng có vai trò như thế nào trong sáng tạo của con người?	
Phạm vi của hoạt động sáng tạo.	
Những yếu tố nào quyết định năng lực sáng tạo của con người?	
Bản chất chung của mọi hoạt động sáng tạo và ý nghĩa của nó.	
Vai trò của năng lực sáng tạo trong nền kinh tế tri thức.	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp đôi.

- GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

công đầu trong kế hoạch đào tạo và phát triển ngành tin học tại Việt Nam.

- Ông là chuyên gia trong các lĩnh vực: toán học kiến thiết, lôgic toán, lý thuyết thuật toán, ô tômat và ngôn ngữ hình thức, lý thuyết mật mã và an toàn thông tin.

- Là một nhà khoa học nổi tiếng, Phan Đình Diệu còn tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, có khát vọng đổi mới đất nước theo hướng hiện đại.

Tác phẩm chính

- *Nghĩ suy cùng đất nước* - Tuyển tập các bài viết của Phan Đình Diệu.

- Phan Đình Diệu - *Lý thuyết ô tômat và thuật toán*, NXB Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1977, 407 tr

- Phan Đình Diệu - *Tổng quan về công nghệ thông tin*, Hà Nội, 1998.

...

b. Văn bản *Năng lực sáng tạo*

Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể
Nhan đề	- Nguyên bài viết của Phan Đình Diệu có nhan đề <i>Năng lực sáng tạo: làm sao để có?</i> - Khi đưa vào trong cuốn <i>Trên đường đến những chuẩn mực khoa học</i> (NXB Hà Nội) đã được đổi thành <i>Năng lực sáng tạo</i> . => Nhan đề được sửa lại có tính khái quát hơn.
Thể loại	- Văn bản nhật dụng nghị luận xã hội.
Tác giả đã giải thích như thế nào về khái niệm sáng tạo và năng lực sáng tạo?	- Khái niệm sáng tạo là một loại hoạt động tinh thần riêng có của con người, mà sản phẩm của nó thường là tinh thần riêng của con người, mà sản phẩm của nó thường là những phát minh mới mẻ hoặc phát hiện mới mẻ, độc đáo của tư duy và trí tưởng tượng. - Năng lực sáng tạo là khả năng tư duy và trí tưởng tượng.
Ý tưởng có vai trò như thế nào trong sáng tạo của con người?	Ý tưởng có vai trò là kết quả sáng tạo.
Phạm vi của hoạt động sáng tạo.	Từ mọi người trong xã hội, ai cũng có thể sáng tạo.
Những yếu tố nào quyết định năng lực sáng tạo của con người?	Sự rung cảm, sự ân tương, môi trường thoải mái, trí tuệ nguyên lành, đôi mắt tươi sáng.
Bản chất chung của mọi hoạt động sáng tạo	Bản chất chung của mọi hoạt động sáng tạo là tìm kiếm

- GV gọi 2-3 cặp đôi lên bảng thuyết trình lần lượt về tác giả và văn bản dựa vào bảng kiến thức đã chuẩn bị. - HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.	động sáng tạo và ý nghĩa của nó.	những cái mới, một tri thức mới hay một cách vận dụng mới của những tri thức đã có.
	Vai trò của năng lực sáng tạo trong nền kinh tế tri thức.	Vai trò: trở thành chìa khóa chính cho mọi quốc gia đi vào tiến trình hội nhập.

2.2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính: bản chất của hoạt động sáng tạo; tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo đối với cuộc sống cá nhân và của đất nước trong bối cảnh kinh tế tri thức; tư tưởng của tác giả khi bàn về hoạt động sáng tạo.
- Nhận biết được mục đích của người viết, đánh giá được nội dung của văn bản; phân tích hiệu quả của việc phối hợp các thao tác nghị luận trong văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động cá nhân và nhóm để tìm hiểu làm rõ các vấn đề: Luận đề và hệ thống luận điểm của văn bản - Lí lẽ và bằng chứng được tác giả sử dụng trong văn bản - Những thao tác nghị luận được tác giả sử dụng trong văn bản - Mục đích, thái độ của người viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm										
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận: Nhóm 1. Tìm hiểu luận đề và hệ thống luận điểm của văn bản <u>Cu thể:</u> 1. Theo bạn, luận đề của văn bản có được thể hiện rõ ở nhan đề không? Nhận xét mức độ phù hợp giữa nội dung của văn bản và nhan đề. 2. Khi bàn về năng lực sáng tạo của con người, tác giả đã triển khai những luận điểm nào? Nêu mối quan hệ giữa các luận điểm đó. 3. Thiết kế sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề và hệ thống luận điểm trong văn bản. Nhóm 2. Tìm hiểu lí lẽ và bằng chứng được tác giả sử dụng trong văn bản <u>Cu thể:</u> 1. Nhận xét về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng của tác giả. Việc trích dẫn các câu nói của một số nhà khoa học nổi tiếng có phải là một cách nêu bằng chứng không? Vì sao? 2. Thiết kế bảng biểu thể hiện việc sử dụng lí lẽ và bằng chứng của tác giả trong văn bản.	II. Khám phá văn bản 1. Luận đề và hệ thống luận điểm của văn bản a. Sơ đồ cấu trúc lập luận của văn bản (Sơ đồ bên dưới) b. Nhận xét: - Luận đề: Luận đề đã được thể hiện rõ ở nhan đề của văn bản. - Hệ thống luận điểm: + Mối quan hệ luận đề - luận điểm: Hệ thống luận điểm hoàn toàn phù hợp với nhan đề - luận đề của văn bản. + Mối quan hệ giữa các luận điểm: Hiểu được bản chất của sáng tạo (luận điểm thứ nhất) => mới thấy được nó cần thiết như thế nào cho mọi người (luận điểm thứ hai) => Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa sáng tạo là chuyện dễ dàng, đơn giản (luận điểm thứ ba) => Trong bối cảnh kinh tế tri thức hiện nay, sáng tạo có vai trò hết sức to lớn (luận điểm thứ tư) => Sáng tạo là hoạt động chỉ con người mới có, điều đó đòi hỏi trong thời đại mới, cần tạo ra cộng năng sức mạnh giữa công nghệ hiện đại với trí tuệ của con người (luận điểm thứ năm). => Các luận điểm trong văn bản <i>Năng lực sáng tạo</i> được triển khai một cách logic, chặt chẽ, có mối quan hệ mật thiết với nhau. 2. Lí lẽ và bằng chứng <table><tr><th>Luận điểm</th><th>Lí lẽ</th><th>Nhận xét lí lẽ</th><th>Bằng chứng</th><th>Nhận xét bằng chứng</th></tr><tr><td>LD1: Khả năng tư duy và tưởng tượng là năng lực cần thiết cho</td><td>Sáng tạo luôn có điểm khởi đầu là tư duy và được thể hiện trong thực tế; có ý tưởng thì mới có sáng tạo; ý tưởng chỉ có thể xuất hiện như ánh chớp qua</td><td>- Lí lẽ có mặt ở tất cả các luận điểm. - Lí lẽ luôn gắn với việc</td><td>Các trích dẫn.</td><td>- Bằng chứng được nêu sau khi trình bày lí lẽ, cho nên có tác dụng củng cố lí lẽ. (Xem các bằng chứng ở luận điểm thứ nhất, thứ hai,</td></tr></table>	Luận điểm	Lí lẽ	Nhận xét lí lẽ	Bằng chứng	Nhận xét bằng chứng	LD1: Khả năng tư duy và tưởng tượng là năng lực cần thiết cho	Sáng tạo luôn có điểm khởi đầu là tư duy và được thể hiện trong thực tế; có ý tưởng thì mới có sáng tạo; ý tưởng chỉ có thể xuất hiện như ánh chớp qua	- Lí lẽ có mặt ở tất cả các luận điểm. - Lí lẽ luôn gắn với việc	Các trích dẫn.	- Bằng chứng được nêu sau khi trình bày lí lẽ, cho nên có tác dụng củng cố lí lẽ. (Xem các bằng chứng ở luận điểm thứ nhất, thứ hai,
Luận điểm	Lí lẽ	Nhận xét lí lẽ	Bằng chứng	Nhận xét bằng chứng							
LD1: Khả năng tư duy và tưởng tượng là năng lực cần thiết cho	Sáng tạo luôn có điểm khởi đầu là tư duy và được thể hiện trong thực tế; có ý tưởng thì mới có sáng tạo; ý tưởng chỉ có thể xuất hiện như ánh chớp qua	- Lí lẽ có mặt ở tất cả các luận điểm. - Lí lẽ luôn gắn với việc	Các trích dẫn.	- Bằng chứng được nêu sau khi trình bày lí lẽ, cho nên có tác dụng củng cố lí lẽ. (Xem các bằng chứng ở luận điểm thứ nhất, thứ hai,							

Nhóm 3. Tìm hiểu những thao tác nghị luận được tác giả sử dụng trong văn bản 1. Những thao tác nghị luận nào được tác giả sử dụng để làm nổi bật vấn đề năng lực sáng tạo của con người? Phân tích tác dụng của việc phối hợp các thao tác đó. 2. Thiết kế bảng biểu thể hiện việc sử dụng những thao tác nghị luận của tác giả trong văn bản. Nhóm 4. Tìm hiểu tư tưởng, thái độ của người viết 1. Trong bối cảnh cuộc sống hiện đại, năng lực sáng tạo có vai trò như thế nào đối với mỗi người và đối với đất nước? 2. Tác giả thể hiện tư tưởng gì khi bàn về vấn đề năng lực sáng tạo của con người? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Vòng 1: GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm theo nhiệm vụ cụ thể. Vòng 2: HS thiết lập nhóm mới (với thành phần gồm đầy đủ thành viên trong 4 nhóm cũ) thảo luận, trao đổi các vấn đề đã tìm hiểu ở vòng 1. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Gv gọi đại diện HS các nhóm báo cáo kết quả. - Các HS khác theo dõi, đánh giá và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt vấn đề.	sáng tạo.	quá trình “tích tụ trí tuệ đến tốt cùng”.	làm rõ hoạt động		thứ ba.) - Bằng chứng được nêu bằng cách chỉ dẫn tài liệu mà người đọc cần tham khảo (ở luận điểm thứ hai). - Bằng chứng được nêu ở dạng khái quát thực tế hiển nhiên (ở luận điểm thứ tư, thứ năm). => Trong văn bản này, việc trích dẫn ý kiến của một số nhà khoa học nổi tiếng cũng là một cách nêu bằng chứng, bởi những ý kiến đó đúc kết suy nghĩ và trải nghiệm phong phú của các nhà khoa học; được xem như chân lý, không cần bàn cãi. Những ý kiến như vậy có tác dụng rất lớn trong việc củng cố lí lẽ của người viết.			
	LD2: Mọi con người trong xã hội đều cần có năng lực sáng tạo.	Sáng tạo không phải là độc quyền của trí thức, mà gắn với hoạt động của mọi người, thuộc mọi lĩnh vực. Bất cứ lĩnh vực nào cũng cần sáng tạo, ở lĩnh vực nào con người cũng thể hiện được khả năng sáng tạo của mình.	sáng tạo của cá thể và của cộng đồng. - Lí lẽ luôn hướng tới tính phổ quát trong nhận thức về vấn đề năng lực sáng tạo.	Giới thiệu tài liệu nói đến mười chìa khóa hàng đầu để phát triển năng lực sáng tạo.				
	LD3: Sáng tạo là một loại hoạt động phức tạp và vất vả.	Sáng tạo không còn là việc của từng cá nhân, mà phải trở thành vấn đề chiến lược của mọi quốc gia.	lực sáng tạo, cho nên có sự kết hợp giữa ý kiến cá nhân người viết với ý kiến đã được khẳng định của nhiều người.	Câu nói của Ê-đi-xon.	Khái quát thực tế hiển nhiên.			
	LD4: Sáng tạo có vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế tri thức.	Khẳng định năng lực sáng tạo làm nên sức mạnh và sức cạnh tranh của một nền kinh tế.						
	LD5: Sáng tạo là một năng lực mà chỉ con người mới có.	Để có thể sáng tạo cần huy động nhận thức, xúc cảm, bản lĩnh, sự tinh tế, thông minh,... đây vốn là những điều chỉ có ở con người.			Khái quát thực tế hiển nhiên.			
	3. Thao tác nghị luận <table><tr><td>Thao tác nghị luận</td><td>Biểu hiện</td><td>Nhận xét sự phối hợp giữa các thao tác nghị luận</td></tr></table>						Thao tác nghị luận	Biểu hiện
Thao tác nghị luận	Biểu hiện	Nhận xét sự phối hợp giữa các thao tác nghị luận						

	Thao tác chứng minh	Luận điểm có sử dụng ý kiến của một số nhà khoa học có uy tín để làm sáng tỏ vấn đề; luận điểm giới thiệu tài liệu nói đến mười chìa khoá hàng đầu để phát triển năng lực sáng tạo;...	- Tác giả đã sử dụng phối hợp nhiều thao tác lập luận một cách hiệu quả để làm nổi bật vấn đề năng lực sáng tạo: + Làm rõ bản chất vấn đề (thao tác giải thích); + Chia tách các khía cạnh cũng như các biểu hiện của hoạt động sáng tạo (thao tác phân tích); + Hiểu sâu hơn về vấn đề; củng cố lí lẽ, gia tăng hiệu quả lập luận (thao tác chứng minh); + Phản bác cách nhìn đơn giản về vấn đề chủ thể sáng tạo (thao tác bác bỏ); + Đánh giá được vai trò to lớn và sự cần thiết của năng lực sáng tạo (thao tác bình luận). - Việc phối hợp các thao tác lập luận giúp bài viết có tính logic, chặt chẽ, thuyết phục và kích thích tư duy của người đọc.
	Thao tác bình luận	Được sử dụng để đánh giá vai trò của năng lực sáng tạo. Có những sáng tạo lớn làm nên những tên tuổi lẫy lừng, nhưng đối với đại đa số con người bình thường, sáng tạo đem đến niềm vui, hạnh phúc thầm lặng, tạo nên một cuộc sống có ý nghĩa.	
	Thao tác bác bỏ	Người viết phản bác quan điểm cho rằng, sáng tạo chỉ gắn với hoạt động của các trí thức, từ đó khẳng định, mọi người đều có thể tham gia sáng tạo.	
	Thao tác giải thích	Ở luận điểm thứ nhất, tác giả đã giải thích bản chất của sáng tạo (“hoạt động sáng tạo là một hoạt động tinh thần riêng có của con người, mà sản phẩm của nó thường là những phát minh hoặc phát hiện mới mẻ, độc đáo của tư duy và trí tưởng tượng”).	
	Thao tác phân tích	Quan sát luận điểm cuối cùng ta thấy tác giả đã phân tích để làm rõ biểu hiện sáng tạo ở từng bộ óc cá thể cũng như ở sự tiếp xúc, trao đổi giữa các bộ óc; sự “cộng năng” sức mạnh công nghệ với trí tuệ của từng người để làm nên năng lực sáng tạo chung của dân tộc.	

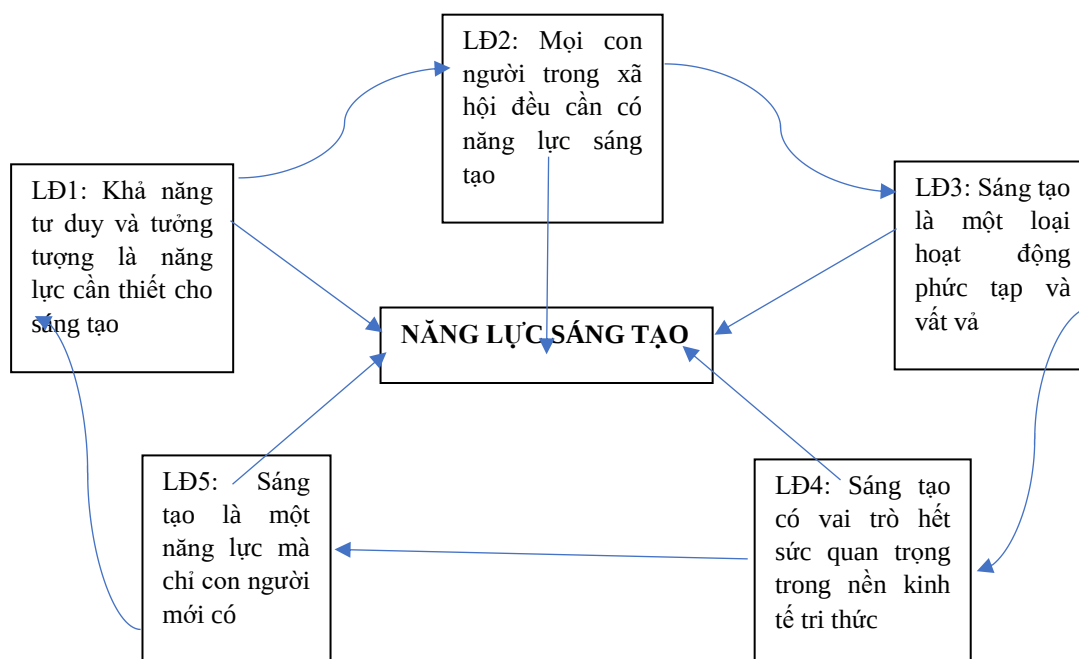
4. Tư tưởng, thái độ của người viết

- Tư tưởng của tác giả khi bàn về vấn đề năng lực sáng tạo của con người: năng lực sáng tạo là phẩm chất thiết yếu, có thể phát triển, cần tạo môi trường khuyến khích sáng tạo, cần được ứng dụng vào thực tiễn và đó là chìa khoá cho tương lai,...

- Bên cạnh những tư tưởng chính trên, tác giả còn thể hiện những quan điểm khác như: năng lực sáng tạo gắn liền với tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề và kĩ năng giao tiếp, năng lực sáng tạo cần được phát triển ngay từ khi còn nhỏ và mỗi người

	cần có ý thức rèn luyện năng lực sáng tạo cho bản thân. => Tác giả thể hiện tư tưởng tích cực về năng lực sáng tạo của con người. Có thể khẳng định: khơi dậy năng lực sáng tạo trong từng con người và của cả dân tộc để đưa đất nước tiến kịp cùng thế giới trong thời đại kinh tế tri thức – đó là tư tưởng chính được Phan Đình Diệu gửi gắm vào bài viết này.

Sơ đồ cấu trúc lập luận của văn bản



2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi.
- HS làm việc cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của nhóm HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì? - Những yếu tố nào về nghệ thuật lập luận đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận cặp đôi và ghi ra giấy nhớ câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 cặp đôi trình bày kết quả trong 01 phút - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung Văn bản nói về tầm quan trọng của sự sáng tạo trong đời sống con người, giúp con người có cuộc sống hiện đại và tốt đẹp hơn. 2. Nghệ thuật - Văn phong khoa học, chính xác, mạch lạc. - Lập luận xác đáng, dẫn chứng phong phú, lí lẽ sắc bén, linh hoạt.

2.4. Hướng dẫn cách đọc hiểu một văn bản nghị luận

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một văn bản nghị luận.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua trải nghiệm đọc hiểu văn bản Năng lực sáng tạo của tác giả Phan Đình Diệu, em hãy nêu cách đọc hiểu một văn bản nghị luận. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra vở câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	IV. Cách đọc hiểu một văn bản nghị luận - Đọc bao quát văn bản để nắm được luận đề và hệ thống luận điểm. - Phân tích mối quan hệ giữa luận đề và hệ thống luận điểm. - Phân tích và chỉ ra hiệu quả của sự kết hợp các thao tác nghị luận. - Xác định được tư tưởng, quan điểm của người viết. ...

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS và đoạn văn khoảng 150 chữ xoay quanh ý: Sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ:

Câu 1. Nêu ý nghĩa của văn bản *Năng lực sáng tạo*.

Câu 2. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trả lời câu hỏi: *Phải chăng sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân: Câu 1 khoảng 2 phút; câu 2 khoảng 7- 10 phút (có thể thực hiện ở nhà)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 HS trình bày kết quả câu 1 (câu 2 thực hiện vào tiết học sau hoặc vào tiết ôn tập buổi chiều).

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Giáo viên nhận xét, hướng dẫn trả lời:

Câu 1. Ý nghĩa của văn bản *Năng lực sáng tạo*:

- Văn bản đã giải thích được năng lực sáng tạo là gì, phạm vi, bản chất, vai trò của năng lực sáng tạo, những điều kiện để phát huy năng lực sáng tạo.

- Khởi dậy năng lực sáng tạo trong từng con người và của cả dân tộc để đưa đất nước tiến kịp cùng thế giới trong thời đại kinh tế tri thức.

Câu 2. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trả lời câu hỏi: *Phải chăng sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa?*

HS có nhiều cách triển khai. Tuy nhiên, cần đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức:

- Nội dung: Khẳng định sự sáng tạo giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa.

+ Sự sáng tạo là gì, do đâu mà có?

+ Tại sao sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa? Đó là những ý nghĩa nào?

- Hình thức: Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.

GV có thể tổ chức cho HS đánh giá bài viết của bạn theo bảng kiểm:

Bảng kiểm đánh giá bài viết của HS

Tiêu chí		Mô tả tiêu chí	Kết quả	
			Đạt	Không đạt
Hình thức		Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.		
Xác định đúng vấn đề nghị luận		<i>Sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa.</i>		
Nội dung	Đề xuất được hệ thống ý	Sự sáng tạo là gì, do đâu mà có?		
		Tại sao sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa? Đó là những ý nghĩa nào?		

	Sắp xếp ý	Sắp xếp hệ thống ý phù hợp.		
Lập luận	Triển khai luận điểm	Triển khai được ít nhất 2 luận điểm.		
	Thao tác lập luận và phương thức biểu đạt	Thao tác lập luận và phương thức biểu đạt phù hợp.		
	Lí lẽ - dẫn chứng	Lập luận chặt chẽ, thuyết phục.		
Diễn đạt		Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp.		
Sáng tạo		Suy nghĩ sâu sắc, diễn đạt mới mẻ.		

Đoạn văn tham khảo

Những sáng tạo của con người trong lao động đã giúp nhân loại vượt lên trên loài vật sáng tạo ra những sản phẩm kỳ diệu mà thiên nhiên hào phóng không thể có được. Một chuỗi những phát minh, sáng chế đã khiến chúng ta phải thay đổi cách nhìn nhận thế giới. Những kỳ quan vĩ đại thời cổ đại, những bức tranh của những danh họa thiên tài thời Phục hưng, những phát minh, sáng chế của các nhà khoa học kiệt xuất thời cận, hiện đại đã tạo nên nền văn minh rực rỡ sán lạn, tạo nên sức mạnh to lớn của con người trong việc chinh phục cải tạo tự nhiên, xã hội và làm chủ bản thân mình. Rõ ràng, khi các nhà khoa học đưa ra được những ý tưởng hay và có thể biến chúng thành thực tế, điều đó có thể đem đến những tiến bộ vượt bậc cho văn minh nhân loại. Trong thế giới ngày nay, sáng tạo, đó chính xác là nhiên liệu thúc đẩy sự phát triển của văn hóa, kinh tế, xã hội,... Nhân loại đã bước sang thế kỷ XXI, cuộc cách mạng khoa học công nghệ tiếp tục phát triển như vũ bão cùng với thời đại của nền kinh tế tri thức khiến cho tài năng sáng tạo của con người có điều kiện phát triển cao độ. Và cũng chính năng lực sáng tạo của con người sẽ hứa hẹn đem lại những thành tựu hết sức lớn lao. Hơn nữa toàn cầu hoá, trước hết là toàn cầu hoá kinh tế đã đặt ra cho mỗi quốc gia, mỗi cộng đồng người phải trở nên năng động sáng tạo hơn trong kinh tế, văn hoá, xã hội, chính trị..., nếu không sẽ không tránh khỏi nguy cơ bị đào thải khỏi quỹ đạo phát triển chung của nhân loại.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản *Năng lực sáng tạo* để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Tác phẩm nghệ thuật mang tính sáng tạo của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: HS (theo nhóm sở thích) sáng tạo một sản phẩm bất kì tùy thuộc năng lực cá nhân (ngôn ngữ, vũ đạo, diễn xuất, điêu khắc, hội họa,...)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS kết nối với cuộc sống, hiểu năng lực bản thân cùng sở thích với bạn, sáng tạo sản phẩm phù hợp.
- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm vào tiết học ngoại khóa hoặc buổi chiều ôn tập.
- Các HS khác quan sát, nhận xét, đánh giá theo hướng dẫn của GV.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV tổ chức cho HS bình chọn sản phẩm dựa theo Rubric.
- GV nhận xét, đánh giá, chọn ra những sản phẩm tốt nhất để trao thưởng hoặc cho điểm.

Rubric đánh giá sản phẩm sáng tạo của HS

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo hình thức loại hình nghệ thuật đã chọn.	2,0
Nội dung	Thể hiện một vấn đề xã hội nhân văn.	3,0
Trình bày	Trình bày sinh động, hấp dẫn.	2,0
Sáng tạo	Thể hiện được năng lực đặc biệt, chạm tới trái tim người thưởng thức.	3,0

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Về sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm đọc thêm các văn bản nghị luận có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** VB3: *Mấy ý nghĩ về thơ* (Trích – Nguyễn Đình Thi).

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 28, 29

VĂN BẢN 3: MẤY Ý NGHĨ VỀ THƠ (Trích) Nguyễn Đình Thi

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Đọc hiểu được một văn bản nghị luận: vận dụng những kiến thức về thơ, khả năng cảm thụ thơ để hiểu được quan điểm cũng như cách trình bày quan điểm của tác giả trong văn bản nghị luận văn học *Mấy ý nghĩ về thơ*.
- HS nhận biết luận đề, các luận điểm của văn bản; cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng; cách phối hợp các thao tác nghị luận để văn bản có sức thuyết phục.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản nghị luận *Mấy ý nghĩ về thơ* để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

2. Phẩm chất: Yêu thích thơ ca, bồi dưỡng tâm hồn, có ý thức về vai trò và trách nhiệm của thế hệ trẻ với văn học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, rubric đánh giá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức
- Khơi gợi những năng lực cảm thụ thơ, đánh giá thơ, bình thơ trong mỗi HS

b. Nội dung hoạt động: HS nghe đọc thơ và cảm bình ngắn gọn

c. Sản phẩm: Cảm bình về thơ của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS: Thực hiện trò chơi nhỏ: Tôi yêu thơ, bạn cũng yêu thơ Nhiệm vụ: 1. Nghe/ đọc bài thơ (trên màn hình tivi/máy chiếu) sau: Bài số 52 <i>Vì sao ngọn đèn lại tắt?</i> <i>Tôi đã lấy áo tôi che gió cho ngọn đèn,</i> <i>chính vì vậy mà ngọn đèn đã tắt.</i>	HS nghe/ đọc thơ và cảm bình về đẹp của bài thơ, có thể: - Nội dung bài thơ mang tính triết lí sâu sắc: + Sự mâu thuẫn trong cuộc sống – Thứ gì ta càng yêu quý, càng muốn bảo vệ, càng muốn sở hữu, càng

<i>Vì sao hoa lại tàn? Tôi ghì nó vào lòng tôi Với một tình yêu khắc khoải, chính vì vậy mà hoa đã tàn. Vì sao dòng suối cạn khô đi? Tôi đã đắp một con đê qua dòng suối để sử dụng cho riêng tôi, chính vì vậy mà dòng suối cạn. Vì sao dây đàn đã đứt? Tôi đã cố đưa một nốt cao quá sức của nó, chính vì vậy mà dây đàn đã đứt.</i> (Nguồn: https://www.thivien.net/Tagore Rabindranath) 2. Cảm bình ngắn gọn về vẻ đẹp của bài thơ trên. Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, thảo luận HS xung phong tham gia trò chơi, đọc bài thơ, bình giá ngắn gọn theo cảm nhận cá nhân. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá. - GV chốt lại một số vẻ đẹp của thơ ca. - GV dẫn vào bài	muốn nắm giữ... thì nó lại càng tự động rời xa ta. + Cần trân trọng, yêu quý những gì nhỏ nhất quanh ta,... - Đặc sắc nghệ thuật làm nên vẻ đẹp bài thơ: + Biện pháp tu từ: Điệp, câu hỏi tu từ gợi nhiều trăn trở,... + Hình ảnh giàu tính biểu tượng,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc, tìm hiểu chung về tác giả và văn bản

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả và văn bản.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả và văn bản.

c. Sản phẩm: HS thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập và thuyết trình về tác giả, văn bản.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm																										
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS: Đọc lướt văn bản, nghiên cứu kiến thức chung về tác giả, văn bản và hoàn thành phiếu học tập. Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả <table> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Năm sinh</td><td></td></tr> <tr> <td>Quê quán</td><td></td></tr> <tr> <td>Vị trí, vai trò, đóng góp</td><td></td></tr> <tr> <td>Tác phẩm chính</td><td></td></tr> </table> Bảng kiến thức tìm hiểu chung về văn bản <table> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Hoàn cảnh sáng tác, Xuất xứ văn bản</td><td></td></tr> <tr> <td>Thể loại văn bản</td><td></td></tr> <tr> <td>Nhận xét một số quan niệm về</td><td></td></tr> </table>	Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Năm sinh		Quê quán		Vị trí, vai trò, đóng góp		Tác phẩm chính		Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Hoàn cảnh sáng tác, Xuất xứ văn bản		Thể loại văn bản		Nhận xét một số quan niệm về		I. Đọc, tìm hiểu chung về tác giả và văn bản 1. Tác giả <table> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Năm sinh</td><td>- Nguyễn Đình Thi (1924 – 2003)</td></tr> <tr> <td>Quê quán</td><td>- Ông sinh tại Luông Pha – bang (Lào) - Quê gốc ở làng Vũ Thanh (nay là phố Bà Triệu), Hà Nội.</td></tr> <tr> <td>Vị trí, vai trò, đóng góp</td><td>- Ông tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1941, Nguyễn Đình Thi là một nhà văn hoá, một nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, sáng tác nhạc, soạn kịch, viết lí luận phê bình... - Ông còn là một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của văn hoá và văn nghệ Việt Nam, từng giữ những chức vụ lớn của các tổ chức văn hoá, văn nghệ ở trung ương và có đóng góp to lớn cho văn hoá, văn nghệ nước nhà. - Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.</td></tr> </table>	Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Năm sinh	- Nguyễn Đình Thi (1924 – 2003)	Quê quán	- Ông sinh tại Luông Pha – bang (Lào) - Quê gốc ở làng Vũ Thanh (nay là phố Bà Triệu), Hà Nội.	Vị trí, vai trò, đóng góp	- Ông tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1941, Nguyễn Đình Thi là một nhà văn hoá, một nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, sáng tác nhạc, soạn kịch, viết lí luận phê bình... - Ông còn là một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của văn hoá và văn nghệ Việt Nam, từng giữ những chức vụ lớn của các tổ chức văn hoá, văn nghệ ở trung ương và có đóng góp to lớn cho văn hoá, văn nghệ nước nhà. - Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể																										
Năm sinh																											
Quê quán																											
Vị trí, vai trò, đóng góp																											
Tác phẩm chính																											
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể																										
Hoàn cảnh sáng tác, Xuất xứ văn bản																											
Thể loại văn bản																											
Nhận xét một số quan niệm về																											
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể																										
Năm sinh	- Nguyễn Đình Thi (1924 – 2003)																										
Quê quán	- Ông sinh tại Luông Pha – bang (Lào) - Quê gốc ở làng Vũ Thanh (nay là phố Bà Triệu), Hà Nội.																										
Vị trí, vai trò, đóng góp	- Ông tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1941, Nguyễn Đình Thi là một nhà văn hoá, một nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, sáng tác nhạc, soạn kịch, viết lí luận phê bình... - Ông còn là một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của văn hoá và văn nghệ Việt Nam, từng giữ những chức vụ lớn của các tổ chức văn hoá, văn nghệ ở trung ương và có đóng góp to lớn cho văn hoá, văn nghệ nước nhà. - Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.																										

thơ được tác giả nêu lên ở phần 1		Tác phẩm chính	- Các tiểu thuyết như: <i>Xung kích</i> (1951), <i>Vào lửa</i> (1966); - Các tập thơ như: <i>Người chiến sĩ</i> (1956), <i>Bài thơ Hắc Hải</i> (1958); - Các vở kịch như: <i>Con nai đen</i> (1961), <i>Rừng trúc</i> (1978); - Các tập tiểu luận, phê bình như: <i>Mấy vấn đề về văn học</i> (1956), <i>Công việc của người viết tiểu thuyết</i> (1964),...
Câu hỏi tu từ được dùng ở phần 2 nhằm mục đích gì?		2. Văn bản	
Chỉ ra các ý được triển khai ở phần 3		Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể
Ở phần 4 người viết chuyển sang bàn luận về khía cạnh nào của thơ?		Hoàn cảnh sáng tác, Xuất xứ văn bản	Tiểu luận <i>Mấy ý nghĩ về thơ</i> được viết trong hội nghị tranh luận văn nghệ ở Việt Bắc vào năm 1949, sau đó in trong tập <i>Mấy vấn đề văn học</i> .
Ở phần 5 tác giả quan niệm như thế nào về văn và các khía cạnh hình thức khác trong thơ?		Thể loại văn bản	Nghị luận văn học
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS 2 cặp trình bày kết quả. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.		Nhận xét một số quan niệm về thơ được tác giả nêu lên ở phần 1	Những quan niệm đều được tác giả chọn lọc và đưa ra nhận xét rất chính xác, tài hoa.
		Câu hỏi tu từ được dùng ở phần 2 nhằm mục đích gì?	Câu hỏi tu từ làm tăng sắc thái biểu cảm, gợi ra nhiều ý nghĩa, tạo hiệu quả thẩm mĩ.
		Chỉ ra các ý được triển khai ở phần 3	- Khẳng định vai trò quan trọng của thơ - Nhận định thơ phải có ý tưởng, ý thức kết hợp với cảm xúc cá nhân - Làm thơ hay phải biết tìm hình ảnh phù hợp.
		Ở phần 4 người viết chuyển sang bàn luận về khía cạnh nào của thơ?	Bàn luận về sức gợi, sự biểu tượng mà thơ đem đến.
		Ở phần 5 tác giả quan niệm như thế nào về văn và các khía cạnh hình thức khác trong thơ?	Đó đều là những thành phần vô cùng quan trọng trong thơ để cấu thành một tác phẩm thơ hoàn chỉnh.

2.2: Đọc và khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Đọc hiểu được một văn bản nghị luận: vận dụng những kiến thức về thơ, khả năng cảm thụ thơ để hiểu được quan điểm cũng như cách trình bày quan điểm của tác giả trong văn bản nghị luận văn học *Mấy ý nghĩ về thơ*.

- HS nhận biết luận đề, các luận điểm của văn bản; cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng; cách phối hợp các thao tác nghị luận để văn bản có sức thuyết phục.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và mối quan hệ giữa các luận đề - luận điểm; lí lẽ - bằng chứng; các thao tác nghị luận.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS		Dự kiến sản phẩm		
NV1. Đọc văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu 5 HS đọc văn bản (mỗi HS đọc một phần theo đánh số SGK). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân đọc theo chỉ dẫn của GV. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 5 HS đọc văn bản. - HS khác đọc thầm và nhận xét cách bạn đọc. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét HS đọc, có thể đọc mẫu một số phần.		II. Đọc và khám phá văn bản 1. Đọc văn bản 2. Khám phá văn bản a. Cấu trúc tầng bậc của văn bản nghị luận: * Bố cục văn bản - Bố cục văn bản (Phụ lục 1 bên dưới) - Nhận xét mối quan hệ các phần: Các phần có quan hệ với nhau rất chặt chẽ. Bình luận một số quan niệm về thơ (phần 1) là cơ sở để tác giả đưa ra ý kiến của mình về bản chất của thơ (phần 2) Những diễn giải về bản chất của thơ trở nên đầy đủ hơn khi bàn luận thêm một số yếu tố quan trọng của hình thức thơ (phần 3) * Luận đề - luận điểm trong văn bản - Luận đề: Văn bản bàn bạc quan niệm về thơ. - Luận điểm của Phần 1 (Phụ lục 2 bên dưới) - Mục đích của việc nhận xét ở phần 1 của văn bản: hướng người đọc vượt qua những ngộ nhận, xác định sự cần thiết phải hiểu về thơ một cách sâu sắc, căn bản hơn. Đây cũng là cách đặt vấn đề cho việc trình bày quan niệm của tác giả ở phần sau. * Lí lẽ - dẫn chứng trong văn bản (Phụ lục 3 bên dưới) * Các thao tác lập luận trong văn bản (Phụ lục 4 bên dưới)		
2. Tìm hiểu quan điểm của người viết và sự tác động của văn bản tới công chúng Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh hoàn thành phiếu khảo sát tại nhà (Có thể viết trực tiếp lên phiếu hoặc thực hiện trên Google Form) Phiếu khảo sát <table><tr><td>Nội dung khảo sát</td><td>Ý kiến cá nhân</td></tr></table>		Nội dung khảo sát	Ý kiến cá nhân	2. Quan điểm của người viết và sự tác động của văn bản tới công chúng HS thể hiện quan điểm cá nhân theo phiếu khảo sát (Phụ lục 5 bên dưới)
Nội dung khảo sát	Ý kiến cá nhân			

Bạn có tán thành quan điểm của tác giả: “chúng ta không nên lo thơ đi vào hình thức này hay hình thức khác... Dùng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay” không? Vì sao?		
Theo bạn, nội dung nghị luận của văn bản còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ hiện nay nữa không? Vì sao?		
Từ văn bản này, bạn rút ra được điều gì bổ ích cho bản thân trong việc hiểu bản chất của thơ và việc đọc thơ?		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS thực hiện nhiệm vụ được giao.

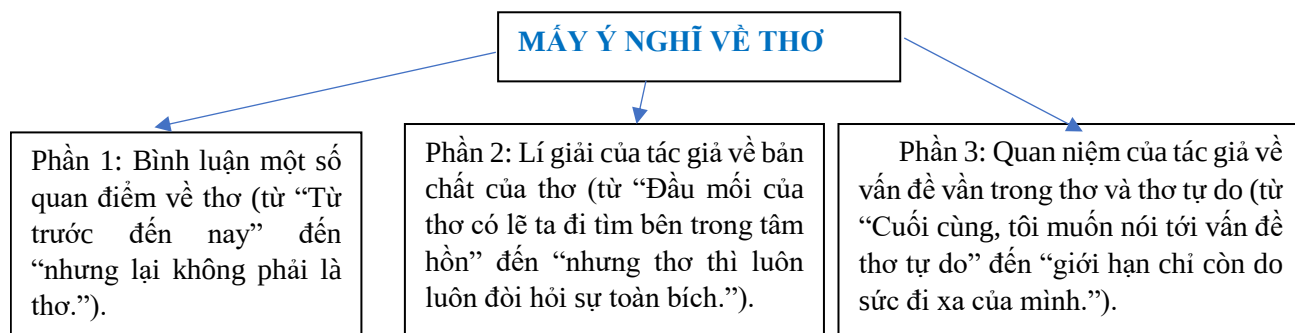
Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV trình chiếu một số phiếu khảo sát đã hoàn thành.
- HS nhận xét lẫn nhau.

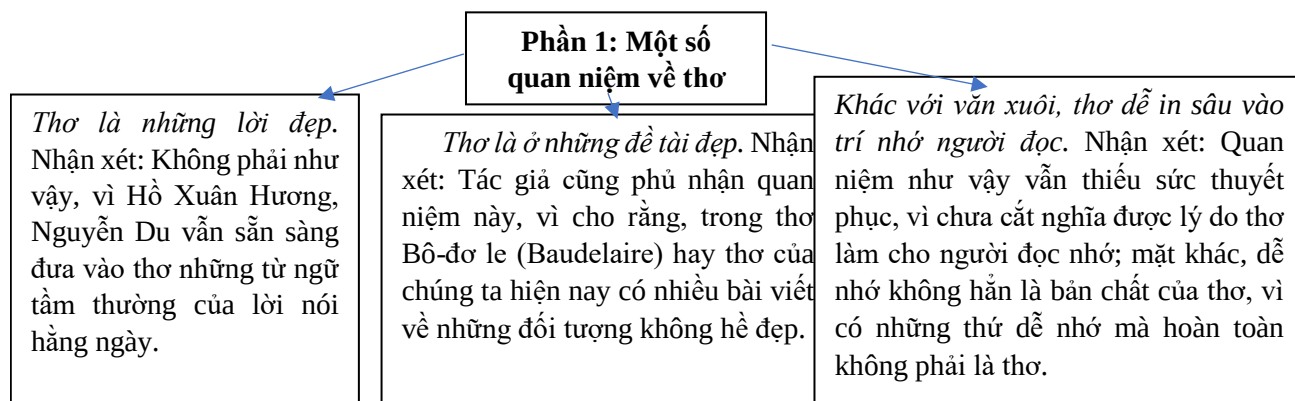
Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

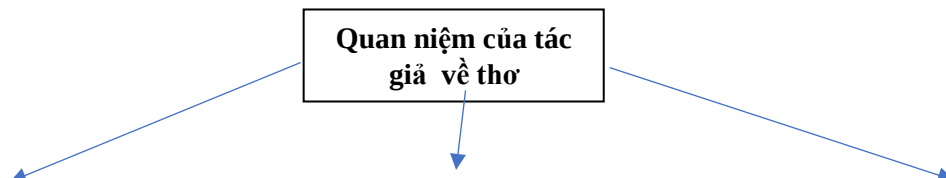
Phụ lục 1: Bố cục văn bản

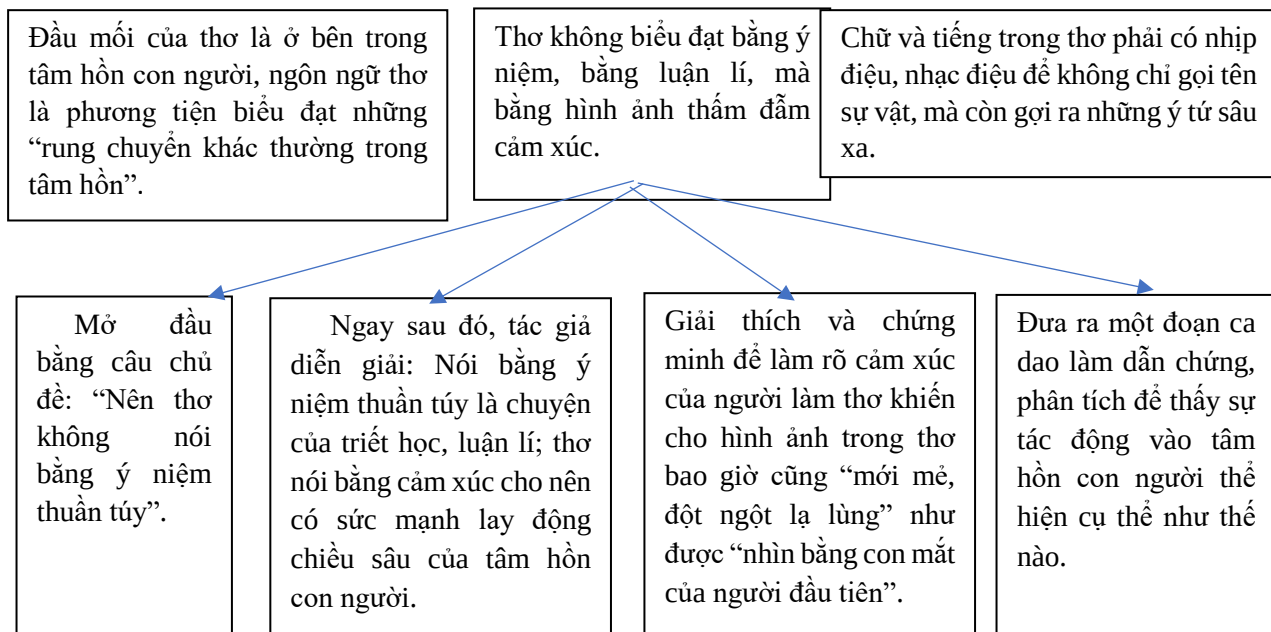


Phụ lục 2: Luận điểm của Phần 1



Phụ lục 3: Lí lẽ - dẫn chứng cho 1 luận điểm của Phần 1





Phụ lục 4: Các thao tác lập luận trong văn bản

Quan niệm của tác giả về bản chất của sáng tạo thơ	
Thao tác	Biểu hiện
Giải thích	Bản chất của việc làm thơ: “Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ - để thể hiện một trạng thái tâm lí đang rung chuyển khác thường. Làm thơ là đang sống, không phải chỉ nhìn lại sự sống”. => Sáng tạo thơ là tìm phương tiện phù hợp để biểu đạt những rung cảm khác thường của tâm hồn nhà thơ trước cuộc sống. Người làm thơ phải thực sự sống, gắn bó sâu sắc với thực tại, từ đó nảy sinh cảm xúc chân thực, mạnh mẽ.
Chứng minh	Hình ảnh “trời xanh”, “mưa phùn” và sự tác động của chúng vào hồn người; đoạn ca dao được dẫn ra để cho thấy thơ tác động đến tâm hồn con người chứ không phải đến nhận thức lí trí.
Bình luận	tư tưởng trong thơ không phải là tư tưởng thuần túy, mà là “tư tưởng dính liền với cuộc sống, ở trong cuộc sống”, “nằm ngay trong cảm xúc, tình tự”.
Bác bỏ	“Thơ không nói bằng ý niệm thuần túy”, vì “nói bằng ý niệm chúng ta sẽ có triết học, luận lí [...] chứ không có thơ”,...
Như vậy, các thao tác nghị luận đã được tác giả phối hợp nhuần nhuyễn, khiến cho quan điểm về sáng tạo thơ có sức thuyết phục.	

Phụ lục 5: Phiếu khảo sát

Nội dung khảo sát	Ý kiến cá nhân
Bạn có tán thành quan điểm của tác giả: “chúng ta không nên lo thơ đi vào hình thức này hay hình thức khác... Dùng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay” không? Vì sao?	
Theo bạn, nội dung nghị luận của văn bản còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ hiện nay nữa không? Vì sao?	
Từ văn bản này, bạn rút ra được điều gì bổ ích cho bản thân trong việc hiểu bản chất của thơ và việc đọc thơ?	

Tham khảo một phiếu khảo sát sau khi hoàn thành

Nội dung khảo sát	Ý kiến cá nhân

Bạn có tán thành quan điểm của tác giả: “chúng ta không nên lo thơ đi vào hình thức này hay hình thức khác... Dùng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay” không? Vì sao?		Cần có một cái nhìn khoáng đạt, chấp nhận mọi tìm tòi để cách tân thơ, làm cho thơ luôn luôn mới, phù hợp với xu thế chung của thơ thế giới.
Theo bạn, nội dung nghị luận của văn bản còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ hiện nay nữa không? Vì sao?		Mặc dù bài viết của Nguyễn Đình Thi ra đời từ năm 1949, nhưng với sự hiểu biết sâu sắc về thơ, có trải nghiệm cá nhân về sáng tác, bao quát được tình hình sáng tác thơ trong một giai đoạn văn học, tác giả đã nêu được những ý kiến cho đến nay vẫn còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ. Những ý kiến được trình bày trong bài viết như đầu mối của thơ là ở bên trong tâm hồn con người; thơ là tiếng nói của cảm xúc mãnh liệt, tư tưởng của thơ phải nằm trong cảm xúc; hình ảnh có vai trò rất lớn trong việc biểu đạt nội dung cảm xúc thơ; ngôn từ trong thơ cần được lựa chọn kĩ lưỡng, phải có nhịp điệu, giai điệu; thơ có thể có vần hoặc không vần; thơ có thể tìm kiếm mọi hình thức biểu hiện khác nhau;... đều rất thoả đáng, phù hợp với thơ hiện nay.
Từ văn bản này, bạn rút ra được điều gì bổ ích cho bản thân trong việc hiểu bản chất của thơ và việc đọc thơ?	Một số nét về bản chất của thơ có thể rút ra từ văn bản	- Thơ là tiếng nói của tình cảm, thể hiện những rung động mãnh liệt của chủ thể trước cuộc sống - Ý tứ của thơ phải biểu hiện qua những hình ảnh thẩm thấu cảm xúc của chủ thể. - Ngôn ngữ thơ phải có nhịp điệu, giàu nhạc tính, tác động mạnh vào tâm hồn người đọc. - Thơ có nhiều hình thức biểu hiện rất phong phú, thơ cách luật hoặc thơ tự do, có vần hoặc không vần,... điều quan trọng là phải diễn tả đúng tâm hồn của con người.
	Một số gợi ý của tác giả cho việc đọc thơ	- Đọc thơ cần có những rung cảm thực sự để thâm nhập vào cảm xúc của bài thơ. - Đọc thơ cần có những kiến thức về đặc trưng ngôn ngữ thơ để hiểu được giá trị biểu đạt của các yếu tố hình thức trong bài thơ.

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu vấn đề: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì? - Những yếu tố nào về nghệ thuật lập luận đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ	III. Tổng kết 1. Nội dung - Bài tiểu luận nêu lên những quan niệm mới mẻ, có chiều sâu về thơ, trong đó có những suy nghĩ, đề xuất của tác giả có thể gọi là táo bạo trong hoàn cảnh năm 1949 lúc bấy giờ: + Tác giả khẳng định thơ là tiếng nói tâm hồn của con người, nhưng tâm hồn đó phải có tư tưởng và được biểu hiện bằng hình ảnh, nhịp điệu, nhạc điệu và ngôn ngữ. + Đường đi của thơ là con đường đi thẳng vào tình cảm, từ trái tim nhà thơ đến với trái tim người đọc.

(nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	+ Thơ là tổng hợp, kết tinh, thơ luôn đòi hỏi sự toàn bích. + Về thơ tự do, thơ không vần, tác giả có một quan niệm mới mẻ, táo bạo: “không có vần đề thơ tự do, thơ có vần và thơ không vần. Chỉ có thơ thực và thơ giả, thơ hay và thơ không hay, thơ và không thơ”. Đây là một sự phá cách đối với thơ truyền thống nhưng lại cho ta thấy sự quan tâm đến chất lượng thơ của Nguyễn Đình Thi. 2. Nghệ thuật - Bài nghị luận về quan niệm thơ được viết ra với những suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ, có ý nghĩa cách tân, in đậm bản lĩnh và những trải nghiệm về thơ của Nguyễn Đình Thi, lại được viết bằng một tư duy trong sáng, một lập luận chặt chẽ và một cách viết tài hoa. - Thơ là một lĩnh vực khá trừu tượng, khó nắm bắt nhưng cách viết của tác giả lại dễ hiểu, cuốn hút người đọc vào vấn đề đề cùng trao đổi, đối thoại. - Văn lí luận của Nguyễn Đình Thi giàu hình ảnh, mang hơi thở của cuộc sống và nhiệt tình của người viết: đó là những yếu tố làm nên nét riêng và sức hấp dẫn của bài tiểu luận này.

2.4. Hướng dẫn cách đọc hiểu một văn bản nghị luận

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một văn bản nghị luận có cấu trúc nhiều tầng bậc.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua trải nghiệm đọc hiểu văn bản Mấy ý nghĩ về thơ của tác giả Nguyễn Đình Thi, em hãy nêu cách đọc hiểu một văn bản nghị luận có cấu trúc nhiều tầng bậc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra vở câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 3-5 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	IV. Cách đọc hiểu một văn bản nghị luận có cấu trúc nhiều tầng bậc. - Phân tách từng lớp văn bản (Các phần của văn bản, luận đề - luận điểm từng phần, lí lẽ - dẫn chứng từng luận điểm, thao tác lập luận từng luận điểm,...). - Tìm hiểu quan điểm của người viết. - Xem xét tác động của văn bản tới bạn đọc và thời đại.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc lại văn bản, kết nối đọc và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cách hiểu của HS về ý kiến: *Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc.*

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cách hiểu của bạn về ý kiến: *Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc.*

Có thể theo gợi ý sau:

- Về nội dung:
 - + Bài thơ là tiếng nói cảm xúc, thể hiện những trạng thái tình cảm của chủ thể trữ tình trước đời sống;
 - + Bài thơ phải biểu đạt cảm xúc bằng những phương tiện nghệ thuật có khả năng tác động mạnh vào tình cảm của người đọc;
 - + Những rung cảm mà người đọc có được là nhờ nội dung trữ tình và các yếu tố hình thức của thơ.

- Về cách thức, dung lượng: Chú ý cách tổ chức đoạn văn (diễn dịch, quy nạp hoặc tổng hợp) cũng như đảm bảo yêu cầu về dung lượng của đoạn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân (khoảng 7-10 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chọn đại diện 2-3 HS trình bày kết quả.
- HS khác lắng nghe và nhận xét, đánh giá theo bảng kiểm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Giáo viên nhận xét, đánh giá, hướng dẫn viết:

Bảng kiểm đánh giá bài viết của HS

Tiêu chí		Mô tả tiêu chí	Kết quả	
			Đạt	Không đạt
Hình thức		Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ (diễn dịch, quy nạp hoặc tổng hợp)		
Xác định đúng vấn đề nghị luận		<i>Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc.</i>		
Nội dung	Đề xuất được hệ thống ý	Bài thơ là tiếng nói cảm xúc, thể hiện những trạng thái tình cảm của chủ thể trữ tình trước đời sống,		
		Bài thơ phải biểu đạt cảm xúc bằng những phương tiện nghệ thuật có khả năng tác động mạnh vào tình cảm của người đọc;		
		Những rung cảm mà người đọc có được là nhờ nội dung trữ tình và các yếu tố hình thức của thơ.		
	Sắp xếp ý	Sắp xếp hệ thống ý phù hợp.		
Lập luận	Triển khai luận điểm	Triển khai được ít nhất 2 luận điểm.		
	Thao tác lập luận và phương thức biểu đạt	Thao tác lập luận và phương thức biểu đạt phù hợp.		
	Lí lẽ - dẫn chứng	Lập luận chặt chẽ, thuyết phục.		
Diễn đạt		Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp.		
Sáng tạo		Suy nghĩ sâu sắc, diễn đạt mới mẻ.		

Đoạn văn tham khảo

Giữa ngôn từ có một khoảng trống mà chỉ có sự đồng điệu từ độc giả với những nỗi lòng, những tâm tư của nhà thơ mới có thể lấp đầy. Bởi vậy ta sẽ đau cùng Nguyễn Du khi thấy Kiều bị đọa đày, ta sẽ bùng cháy lòng yêu nước trong những khúc ca của Lê Anh Xuân, ta sẽ đắm say cùng tình yêu trong cái nhìn rạo rực của Xuân Diệu,... Để viết nên những vần thơ có sức lay động thực sự, có khả năng vượt qua mọi định luật băng hoại của thời gian và không thừa nhận cái chết (Saltykov-Shchedrin), thì tim anh phải đập, máu anh phải sôi, anh phải lặn sâu vào giữa đời, để không ngừng tìm tòi khám phá mà khơi ra những nguồn chưa ai khơi. Từ đó, những vần thơ anh khơi dậy những rung động sâu sắc trong tâm hồn con người, làm phong phú thế giới cảm xúc của con người, khiến con người vươn tới ước mơ sống tốt hơn, đẹp hơn. Đương nhiên, để làm được điều đó anh phải sống hết mình cho thơ để đem đến những câu từ mới lạ, những ngôn từ ẩn chứa sức sống sâu xa, những hình ảnh giàu sức gợi có thể mở ra được cả chân trời bao la trong tâm trí người đọc,... *Bài thơ đúng là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc.*

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

- b. Nội dung:** Thực hiện bài tập vận dụng.
- c. Sản phẩm:** Sổ sưu tầm thơ và những lời bình thơ.
- d. Tổ chức thực hiện:**
 - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**
GV nêu yêu cầu: HS tạo lập sổ sưu tầm thơ và những lời bình.
 - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**
HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.
 - Bước 3: Báo cáo, thảo luận**
- HS chia sẻ sản phẩm sưu tầm, bổ sung cho nhau.
 - Bước 4: Đánh giá, kết luận**
- GV nhận xét tinh thần sưu tầm sản phẩm của HS, biểu dương và trao thưởng theo tuần.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Về sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản nghị luận có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc: Thực hành đọc: *Cảm hứng và sáng tạo* (Trích – Nguyễn Trần Bạt).

.

.....

:

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH ĐỌC
CẢM HỨNG VÀ SÁNG TẠO (Trích)
Nguyễn Trần Bạt

- 1. Cấu trúc lập luận của văn bản:**
 - * **Luận đề:** Cảm hứng và sáng tạo
 - * **Các luận điểm:**
 - Cảm hứng:
 - + Cảm hứng là gì.
 - + Vai trò của cảm hứng.
 - Sáng tạo:
 - + Mối quan hệ tự do - cảm hứng - sáng tạo.
 - + Mối quan hệ sáng tạo - cái đẹp.
- 2. Lí lẽ, bằng chứng và thao tác lập luận trong văn bản**

Luận điểm		Lí lẽ, bằng chứng	Thao tác
Luận điểm 1: Cảm hứng	Cảm hứng là gì?	- Là trạng thái tinh thần đặc biệt: Khi con người say mê, hứng thú, dồn hết tâm trí vào một việc gì đó. - Là nguồn động lực thúc đẩy con người sáng tạo: Giúp con người vượt qua những rào cản, khó khăn, để hoàn thành tốt công việc. - Là trạng thái cảm xúc mãnh liệt: Nảy sinh từ những rung động trước cái đẹp, cái cao cả, trước những điều mới mẻ, kỳ diệu.	Giải thích, phân tích
	Vai trò của cảm hứng	- Là điều kiện tiên quyết: Thiếu cảm hứng, sáng tạo sẽ trở nên gượng gạo, thiếu sức sống. - Là chìa khóa mở ra cánh cửa sáng tạo: Giúp con người tìm ra những ý tưởng mới mẻ, độc đáo. - Là động lực thúc đẩy con người: Giúp con người nỗ lực hết mình để hoàn thành tác phẩm,...	Phân tích, bác bỏ, bình luận

Luận điểm 2: Sáng tạo	- Mối quan hệ tự do - cảm hứng - sáng tạo. - Mối quan hệ tự do - sáng tạo - cái đẹp. - Bằng chứng: Mi-ken-lăng-giơ; sông Xen, điện Lu-vrơ, điện Păng-tê-ông, tượng Đa-vít,...	Phân tích, bình luận, bác bỏ, chứng minh

3. Quan điểm, thái độ của người viết và tác động của văn bản đối với độc giả

* Quan điểm:

- Cảm hứng là yếu tố quan trọng: Điều kiện tiên quyết cho sáng tạo.
- Cảm hứng có thể xuất hiện từ nhiều nguồn khác nhau: Cái đẹp, cái cao cả, những điều mới mẻ, kỳ diệu,...
- Cảm hứng cần được kết hợp với trí tuệ và tự do: Để tạo nên những tác phẩm sáng tạo có giá trị.

* Thái độ:

- Trân trọng, đề cao vai trò của cảm hứng: “Cảm hứng là cái thiêng liêng nhất của người nghệ sĩ”.
- Khuyến khích con người tìm kiếm, khơi gợi cảm hứng: “Hãy mở rộng tâm hồn để đón nhận cảm hứng”.
- Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kết hợp cảm hứng với trí tuệ và tự do: “Cảm hứng cần được kiểm soát bởi lý trí và được chấp cánh bởi tự do”.

* Tác động của văn bản tới độc giả

- Giúp con người hiểu rõ hơn về vai trò và tầm quan trọng của cảm hứng.
- Gợi ý những cách khơi gợi và nuôi dưỡng cảm hứng cho bản thân.
- Thúc đẩy con người sáng tạo trong mọi lĩnh vực của đời sống.
- Mỗi người cần ý thức được tầm quan trọng của cảm hứng và có những cách khơi gợi, nuôi dưỡng cảm hứng cho bản thân.
- Cần rèn luyện những phẩm chất tốt đẹp để có thể cảm nhận được những điều tốt đẹp trong cuộc sống, từ đó khơi nguồn cảm hứng sáng tạo.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 31

LỖI LOGIC, LỖI CÂU MƠ HỒ VÀ CÁCH SỬA

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **thực hành Tiếng Việt**, giúp:

- HS hiểu bản chất của hai loại lỗi (lỗi logic và lỗi câu mơ hồ).
- HS nhận diện được biểu hiện cụ thể của hai loại lỗi trong văn bản.
- HS biết cách sửa lỗi đảm bảo yêu cầu về nghĩa của câu, phù hợp với ngữ cảnh.

2. Phẩm chất: Trân trọng vẻ đẹp của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, rubric đánh giá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS xem video, trả lời câu hỏi kết nối vào bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS xem Clip: https://www.youtube.com/watch?v=1Au9yYHQH98 - GV nêu vấn đề: + Hãy chỉ ra trong trích đoạn yếu tố gây cười đối với người xem. + Theo em, tại sao chúng ta thấy buồn cười? Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS xem video và thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi. - GV gọi một số đại diện HS trình bày kết quả. - HS khác lắng nghe, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời, tuyên dương cặp đôi HS có câu trả lời xuất sắc. - GV dẫn vào bài học.	* Yếu tố gây cười đối với người xem: - Đứng lên > < Vận động - Ngồi im > < Vận động - Chủ nhà - vai trò > < Chủ Nhà - tên riêng * Nguyên nhân gây cười là bởi những phát ngôn mâu thuẫn, mơ hồ,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH

a. Mục tiêu:

- HS hiểu bản chất của hai loại lỗi (lỗi logic và lỗi câu mơ hồ).
- HS nhận diện được biểu hiện cụ thể của hai loại lỗi trong văn bản.
- HS biết cách sửa lỗi đảm bảo yêu cầu về nghĩa của câu, phù hợp với ngữ cảnh.

b. Nội dung: HS tham gia cuộc thi: **Cú pháp nhiệm màu.**

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm				
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức cuộc thi: GV chia lớp làm 3 đội chơi tham gia cuộc thi Cú pháp nhiệm màu. Vòng 1. Thông thái <u>Yêu cầu:</u> - Các đội nghiên cứu phần kiến thức tiếng Việt bên phải trang sách, thảo luận các dạng lỗi (cách nhận diện, cách sửa) khoảng 3 phút, sau đó cử đại diện lên thi đấu. - Mỗi đội chơi nhận được 1 Bảng nhận diện lỗi và cách sửa (hình thức: nối cột A với cột B) đội nào nối nhanh hơn, đúng hơn sẽ dành điểm cao hơn. Cụ thể: - Nhất: 10 điểm - Nhì: 7 điểm - Ba: 5 điểm	1. Dấu hiệu nhận biết và cách sửa lỗi logic và lỗi câu mơ hồ				
	Biểu hiện	A	Nội	B	Cách sửa
	Lẫn lộn các bình diện khi nói về đối tượng.	a	a-2	1	Lược bỏ một trong các ý mâu thuẫn.
	Có sự mâu thuẫn giữa các ý trong câu.	b	b-1	2	Quy các ý về cùng một bình diện.
	Đặt các đối tượng không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng.	c	c-4	3	Xác định được ý cần biểu đạt, nhằm biểu đạt đúng ý đã xác định. Tiếp đó, đọc lại câu để biết cần thêm từ ngữ hay dấu câu vào vị trí nào.
	Câu có cấu trúc được diễn giải theo những cách khác nhau, dẫn đến những cách hiểu nghĩa khác nhau.	d	d-3	4	Phân chia cấp độ rành mạch cho các đối tượng được nhắc tới.
	2. Thực hành nhận biết lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa				
a. Bài tập 1					
Ngữ liệu	Loại lỗi	Biểu hiện		Cách sửa	

Bảng nhận diện lỗi và cách sửa								
Biểu hiện	A	Nói	B	Cách sửa				
Lấn lộn các bình diện khi nói về đối tượng.	a		1	Lược bỏ một trong các ý mâu thuẫn.	a. Là nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới, <i>Vội vàng</i> của Xuân Diệu như một bản tuyên ngôn về cách sống của cái tôi cá nhân.	Lỗi logic: Lấn lộn các bình diện khi nói về đối tượng.	Câu nêu hai thông tin thuộc hai bình diện khác nhau: tác giả (Xuân Diệu) và tác phẩm <i>Vội vàng</i> . Ở câu văn này, người viết mặc nhiên xem tác giả và tác phẩm thuộc một bình diện.	Câu này cần sửa bằng cách quy các thông tin về cùng bình diện: + Cách 1: Là nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới, Xuân Diệu luôn đưa ra những tuyên ngôn bằng thơ về cách sống của cái tôi cá nhân. + Cách 2: Bài thơ “ <i>Vội vàng</i> ” của Xuân Diệu - nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới - được xem như một bản tuyên ngôn về cách sống của cái tôi cá nhân.
Có sự mâu thuẫn giữa các ý trong câu.	b		2	Quy các ý về cùng một bình diện.				
Đặt các đối tượng không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng.	c		3	Xác định được ý cần biểu đạt, nhằm biểu đạt đúng ý đã xác định. Tiếp đó, đọc lại câu để biết cần thêm từ ngữ hay dấu câu vào vị trí nào.				
					b. Sử dụng điện gió vừa bảo vệ được môi trường, vừa không tốn nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện.	Lỗi logic: Đặt các đối tượng không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng.	Trong câu này, “điện gió” là loại năng lượng vốn không sử dụng nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện (chạy bằng than đá hoặc bằng dầu, khí đốt), cho nên không thể nói “tốn” ít hay nhiều nhiên liệu. Mặt khác, không sử dụng nhiên liệu nên không có khí thải, nghĩa là điện gió hiển nhiên có tác dụng bảo vệ môi trường, do đó không thể dùng từ cặp nối “vừa... vừa” được.	- Sửa: Sử dụng điện gió có tác dụng bảo vệ môi trường, vì điện gió không tiêu thụ nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện.
					c. Loan không thích nghệ thuật, vì cô ấy không biết làm thơ.	Lỗi logic: Quan hệ giữa hai vế thiếu logic.	Ở câu này, nếu xem Loan “không biết làm thơ” là nguyên nhân dẫn đến việc cô ấy “không thích nghệ thuật” thì không đúng, vì nghệ thuật vốn có nhiều loại hình, thơ chỉ là một trong số đó. Không biết làm thơ vẫn có thể thích nghệ thuật; ngược lại, không thích nghệ	Câu này có hai cách sửa: - Cách 1: Loan không biết làm thơ, và cô ấy cũng không thích nghệ thuật. - Cách 2: Loan không biết làm thơ, nhưng cô ấy rất thích nghệ thuật.
Câu có cấu trúc được diễn giải	d		4	Phân chia cấp độ rành mạch				

theo những cách khác nhau, dẫn đến những cách hiểu nghĩa khác nhau.				cho các đối tượng được nhắc tới.			thuật do nhiều nguyên nhân khác chứ không phải vì không biết làm thơ.	
b. Bài tập 2								
Ngữ liệu		Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa				
a. Không chỉ say mê làm thơ, ông tôi còn rất thích sáng tác bằng thể lục bát và song thất lục bát.		Mắc lỗi logic	Câu này dùng cặp từ nối “không chỉ... còn”. Xét về hình thức ngữ pháp, câu không sai, nhưng quan hệ nội dung giữa hai vế không hợp lý: lục bát và song thất lục bát cũng là thơ.	Cần sửa lại để người đọc hiểu rằng thơ có nhiều thể, trong đó có lục bát và song thất lục bát. Chẳng hạn: Ông tôi rất thích làm thơ, nhất là lục bát và song thất lục bát.				
b. Ăn nhiều rau quả vừa tốt cho sức khỏe lại vừa giảm nguy cơ mắc một số bệnh.		Mắc lỗi logic	Câu này dùng cặp từ nối “vừa... vừa”. Lẽ ra đã dùng cặp từ nối này thì hai nội dung phải khác nhau. Tuy nhiên, ở đây, “giảm nguy cơ mắc một số bệnh” cũng là biểu hiện của “tốt cho sức khỏe”.	Có thể sửa: Ăn nhiều rau quả tốt cho sức khỏe, vì giảm nguy cơ mắc một số bệnh.				
c. Hoàng Phủ Ngọc Tường - một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao.		Đây là câu thiếu vị ngữ, một kiểu lỗi ngữ pháp	“Hoàng Phủ Ngọc Tường” là danh từ riêng có thể làm chủ ngữ trong câu; vế “một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao” là thành phần biệt lập, chú thích cho danh từ riêng đó.	Câu này có hai cách sửa: - Cách 1: Thêm từ “là” để biến thành phần chú thích thành vị ngữ: Hoàng Phủ Ngọc Tường là một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao. - Cách 2: Giữ nguyên thành phần chú thích, thêm vị ngữ cho câu: Hoàng Phủ Ngọc Tường - một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao - có sở trường về tùy bút.				
d. Bên cạnh từ đơn và từ ghép, tiếng Việt còn có bộ		Mắc lỗi logic	Ở câu này, hai vế đi với “bên cạnh” và “còn có” lẽ ra phải là kết quả phân loại trên cùng một tiêu chí. Ở đây, “từ đơn	Có thể sửa: Về nguồn gốc, từ đơn và từ ghép của tiếng Việt đều có thể là từ Hán Việt.				

Vòng 2. Bắt lỗi

3 đội bắt thăm thực hiện các bài tập 1, 2, 3 sgk, đội nào thiết kế **Bảng sửa lỗi** theo mẫu nhanh, đúng hơn sẽ được điểm cao hơn

- Cụ thể:
- Nhất: 10 điểm
 - Nhì: 7 điểm
 - Ba: 5 điểm

* Câu hỏi:

1. Chỉ ra lỗi logic trong các câu sau và sửa lại:

- Là nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới, *Vội vàng* của Xuân Diệu như một bản tuyên ngôn về cách sống của cái tôi cá nhân.
- Sử dụng điện gió vừa bảo vệ được môi trường, vừa không tốn nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện.
- Loan không thích nghệ thuật, vì cô ấy không biết làm thơ.

2. Trong các câu sau, có câu mắc lỗi về ngữ pháp, có câu mắc lỗi về logic. Hãy phân tích loại lỗi của từng câu và sửa lại:

- Không chỉ say mê làm thơ, ông tôi còn rất thích sáng tác bằng thể lục bát và song thất lục bát.
- Ăn nhiều rau quả vừa tốt cho sức khỏe lại vừa giảm nguy cơ mắc một số bệnh.
- Hoàng Phủ Ngọc Tường - một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao.
- Bên cạnh từ đơn và từ ghép, tiếng Việt còn có bộ phận từ Hán Việt.

3. Đọc các câu sau và thực hiện yêu cầu: a. Nêu những khả năng hiểu khác nhau về từng câu và lí giải căn cứ của mỗi cách hiểu. b. Sửa lại để mỗi câu chỉ được hiểu theo một nghĩa. - Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm không để lại dấu vết. - Trong vườn hoa cúc nở rộ rực một màu vàng. - Bầu trời in xuống dòng sông xanh ngắt một màu. - Doanh nghiệp làm ăn có lãi rất nhiều. * Bảng sửa lỗi <table><tr><th>Ngữ liệu</th><th>Loại lỗi</th><th>Biểu hiện</th><th>Cách sửa</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> Vòng 3. Tinh hoa Các đội sẽ cùng thảo luận thực hiện bài 4 sgk, đội nào làm nhanh hơn, đúng hơn sẽ được điểm cao hơn Cụ thể: - Nhất: 10 điểm - Nhì: 7 điểm - Ba: 5 điểm * Câu hỏi: 4. Nêu và phân tích các cách hiểu có thể có về những câu thơ sau, từ đó cho biết các câu thơ ấy có mắc lỗi câu mơ hồ hay không. Anh mang tình em đi Qua những đèo lẻ nặng Những sông trưa không đò Những đường mưa ngân trắng (Lê Đạt, Sáng soi) Giọt nước mắt vàng trắng Long lanh trong đáy giếng (Thanh Thảo, Đàn ghi ta của Lor-ca) Đất đá ong khô nhiều suối lẹ Em đã bao ngày lẹ chứa chan? (Quang Dũng, Mất người Sơn Tây) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi theo đội nhóm Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV lựa chọn MC dẫn dắt cuộc thi; 2 thư ký ghi điểm. - Các đội cử đại diện tham gia cuộc thi, thời gian thi đấu tối đa 10 phút, trình bày trên bảng	Ngữ liệu	Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa					<table><tr><td>phân từ Hán Việt.</td><td></td><td>và từ ghép” là xét về cấu tạo; “từ Hán Việt” là xét về nguồn gốc.</td><td></td></tr></table> c. Bài tập 3 <table><tr><th>Ngữ liệu</th><th>Loại lỗi</th><th>Biểu hiện</th><th>Cách sửa</th></tr><tr><td>- Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm không để lại dấu vết.</td><td>Mơ hồ về nghĩa</td><td>Câu có thể khiến người đọc thắc mắc: Đối tượng “không để lại dấu vết” là “Các cảnh sát” hay “tên tội phạm”?</td><td>Có thể sửa: <i>Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm, mặc dù hẳn không để lại dấu vết.</i></td></tr><tr><td>Trong vườn hoa cúc nở rộ rực một màu vàng.</td><td>Mơ hồ về nghĩa</td><td>- Câu này có thể ngắt nhịp theo hai cách, cho hai nghĩa hoàn toàn khác nhau.</td><td>Người viết phải dùng dấu phẩy ngắt các vế để câu có nghĩa phù hợp. - Cách 1: Trong vườn, hoa cúc nở rộ rực một màu vàng. - Cách 2: Trong vườn hoa, cúc nở rộ rực một màu vàng.</td></tr><tr><td>Bầu trời in xuống dòng sông xanh ngắt một màu.</td><td>Mơ hồ về nghĩa</td><td>Câu này cũng có hai cách ngắt nhịp, mỗi cách cho một nghĩa cụ thể.</td><td>Người viết phải dùng dấu phẩy ngắt các vế để câu có nghĩa phù hợp. - Cách 1: Bầu trời in xuống, dòng sông xanh ngắt một màu. - Cách 2: Bầu trời in xuống dòng sông, xanh ngắt một màu.</td></tr><tr><td>Doanh nghiệp làm ăn có lãi rất nhiều.</td><td>Mơ hồ về nghĩa</td><td>Câu này cũng có hai cách hiểu, kết quả của hai cách ngắt nhịp. Cách hiểu thứ nhất: nhiều doanh nghiệp làm ăn có lãi; cách hiểu thứ hai: doanh nghiệp lãi nhiều (lãi lớn).</td><td>Muốn câu xác định về nghĩa cần diễn đạt tường minh. - Cách 1: Nhiều doanh nghiệp làm ăn có lãi. - Cách 2: Doanh nghiệp làm ăn có lãi lớn.</td></tr></table> d. Bài tập 4: Tạo sự mơ hồ về ý hoặc phi logic có chủ đích nghệ thuật - Hai câu sau của khổ thơ có thể đọc theo nhiều cách khác nhau: + Có thể ngắt theo nhịp 3/2: <i>Những sông trưa/không đò</i> <i>Những đường mưa/ngân nắng</i> + Hoặc theo nhịp 2/3:	phân từ Hán Việt.		và từ ghép” là xét về cấu tạo; “từ Hán Việt” là xét về nguồn gốc.		Ngữ liệu	Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa	- Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm không để lại dấu vết.	Mơ hồ về nghĩa	Câu có thể khiến người đọc thắc mắc: Đối tượng “không để lại dấu vết” là “Các cảnh sát” hay “tên tội phạm”?	Có thể sửa: <i>Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm, mặc dù hẳn không để lại dấu vết.</i>	Trong vườn hoa cúc nở rộ rực một màu vàng.	Mơ hồ về nghĩa	- Câu này có thể ngắt nhịp theo hai cách, cho hai nghĩa hoàn toàn khác nhau.	Người viết phải dùng dấu phẩy ngắt các vế để câu có nghĩa phù hợp. - Cách 1: Trong vườn, hoa cúc nở rộ rực một màu vàng. - Cách 2: Trong vườn hoa, cúc nở rộ rực một màu vàng.	Bầu trời in xuống dòng sông xanh ngắt một màu.	Mơ hồ về nghĩa	Câu này cũng có hai cách ngắt nhịp, mỗi cách cho một nghĩa cụ thể.	Người viết phải dùng dấu phẩy ngắt các vế để câu có nghĩa phù hợp. - Cách 1: Bầu trời in xuống, dòng sông xanh ngắt một màu. - Cách 2: Bầu trời in xuống dòng sông, xanh ngắt một màu.	Doanh nghiệp làm ăn có lãi rất nhiều.	Mơ hồ về nghĩa	Câu này cũng có hai cách hiểu, kết quả của hai cách ngắt nhịp. Cách hiểu thứ nhất: nhiều doanh nghiệp làm ăn có lãi; cách hiểu thứ hai: doanh nghiệp lãi nhiều (lãi lớn).	Muốn câu xác định về nghĩa cần diễn đạt tường minh. - Cách 1: Nhiều doanh nghiệp làm ăn có lãi. - Cách 2: Doanh nghiệp làm ăn có lãi lớn.
Ngữ liệu	Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa																														
phân từ Hán Việt.		và từ ghép” là xét về cấu tạo; “từ Hán Việt” là xét về nguồn gốc.																															
Ngữ liệu	Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa																														
- Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm không để lại dấu vết.	Mơ hồ về nghĩa	Câu có thể khiến người đọc thắc mắc: Đối tượng “không để lại dấu vết” là “Các cảnh sát” hay “tên tội phạm”?	Có thể sửa: <i>Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm, mặc dù hẳn không để lại dấu vết.</i>																														
Trong vườn hoa cúc nở rộ rực một màu vàng.	Mơ hồ về nghĩa	- Câu này có thể ngắt nhịp theo hai cách, cho hai nghĩa hoàn toàn khác nhau.	Người viết phải dùng dấu phẩy ngắt các vế để câu có nghĩa phù hợp. - Cách 1: Trong vườn, hoa cúc nở rộ rực một màu vàng. - Cách 2: Trong vườn hoa, cúc nở rộ rực một màu vàng.																														
Bầu trời in xuống dòng sông xanh ngắt một màu.	Mơ hồ về nghĩa	Câu này cũng có hai cách ngắt nhịp, mỗi cách cho một nghĩa cụ thể.	Người viết phải dùng dấu phẩy ngắt các vế để câu có nghĩa phù hợp. - Cách 1: Bầu trời in xuống, dòng sông xanh ngắt một màu. - Cách 2: Bầu trời in xuống dòng sông, xanh ngắt một màu.																														
Doanh nghiệp làm ăn có lãi rất nhiều.	Mơ hồ về nghĩa	Câu này cũng có hai cách hiểu, kết quả của hai cách ngắt nhịp. Cách hiểu thứ nhất: nhiều doanh nghiệp làm ăn có lãi; cách hiểu thứ hai: doanh nghiệp lãi nhiều (lãi lớn).	Muốn câu xác định về nghĩa cần diễn đạt tường minh. - Cách 1: Nhiều doanh nghiệp làm ăn có lãi. - Cách 2: Doanh nghiệp làm ăn có lãi lớn.																														

hoặc trên giấy A4, trước sự cổ vũ của các HS còn lại. - Đội chiến thắng là đội nhanh nhất và đúng nhất. - Các đội còn lại đều có quyền bổ sung để được ghi điểm. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, căn cứ kết quả từ thư ký, xếp thứ tự, chúc mừng đội thắng cuộc, trao thưởng.	<i>Những sông/trưa không đò</i> <i>Những đường/mưa ngân nắng</i> + Lại cũng có thể đọc liền mạch, không ngắt nhịp trong nội bộ từng câu: <i>Những sông trưa không đò</i> <i>Những đường mưa ngân nắng</i> => Mỗi cách ngắt nhịp cho một ý nghĩa khác nhau, nghĩa nào cũng có cơ sở. Với cách viết như vậy, hai câu thơ này không giới hạn cách hiểu của người đọc. - Trường hợp này, câu thơ đầu có nhiều khả năng tạo nghĩa, vì giữa “giọt nước mắt” và “vàng trắng” có thể có những quan hệ khác nhau: + <i>Giọt nước mắt như vàng trắng,</i> + <i>Giọt nước mắt là vàng trắng,</i> + <i>Giọt nước mắt thành vàng trắng;</i> + <i>Giọt nước mắt của vàng trắng;...</i> => Mỗi tương quan được xác lập cho một nghĩa khác nhau. Đây là hiện tượng đa nghĩa trong thơ - kết quả sáng tạo ngôn từ của tác giả. - Câu thơ đầu có hai cách ngắt nhịp: + Nếu ngắt theo cách <i>Đất đá ong/khô nhiều suối lệ</i>, có thể hiểu: vùng đất đá ong cần cỗi ấy đã thấm khô bao nhiêu nước mắt của những con người khổ đau. + Nếu ngắt theo cách <i>Đất đá ong khô/nhiều suối lệ</i>, lại có thể hiểu vùng đất ấy rất cần cỗi, cũng giống như con người ở đó, từng trải bao nhiêu khổ đau (bao nhiêu suối lệ đã tuôn). => Người đọc hoàn toàn có những cách cảm nhận khác nhau, nhờ tính đa nghĩa của ngôn ngữ thơ.

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Hiểu được bản chất của hai loại lỗi (lỗi logic và lỗi câu mơ hồ) để vận dụng vào thực hiện các nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Sơ tư tằm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

- Mỗi HS lập 1 sổ sưu tằm những lỗi logic và lỗi mơ hồ trong đời sống và trong học tập.
- Mỗi HS lập 1 sổ sưu tằm những áng thơ, văn đa nghĩa tạo nên từ việc mơ hồ về ý hoặc vi phạm logic.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS gửi sản phẩm vào nhóm lớp hoặc nộp bài qua phần mềm học tập.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV có thể thông báo kết quả ở đầu buổi học tiếp theo; nhận xét, đánh giá về sản phẩm của HS và kết luận.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Đọc lại và tự chỉnh sửa các đoạn văn viết trong các tiết học trước để tránh lỗi về logic và lỗi mơ hồ của câu.
- **Chuẩn bị bài:** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ (NHỮNG HOÀI BẢO, ƯỚC MƠ)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy viết, giúp HS:

- Nắm được những yêu cầu cơ bản của kiểu bài viết nghị luận xã hội về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

- Xác định được các bước để viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

2. Phẩm chất:

- Hướng tới lí tưởng tuổi trẻ cao đẹp với hoài bão, ước mơ.

- Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cẩn trọng để tạo lập một văn bản nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, hộp giấy hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát video và chia sẻ về bản thân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu: 1. Quan sát video: https://www.youtube.com/watch?v=YzNgew4WMfE 2. Ước mơ, hoài bão của em là gì? Động lực nào sẽ giúp cho mơ ước đó trở thành hiện thực? Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo HS xem Clip, chia sẻ hoài bão, ước mơ của bản thân. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, biểu dương HS với những ước mơ, hoài bão của các em. - GV dẫn vào bài: Cái viễn cảnh “phải sống” theo ý người khác, không có ước mơ, không dám làm những thứ “khó”, cái không khí vô hình đó thật đáng sợ. Ngoảnh đi ngoảnh lại, bạn đã từ bỏ hoài bão để chạy theo cơm áo gạo tiền. Hay sự khó khăn của nền kinh tế khiến bạn chỉ nghĩ được ngắn hạn. Còn 5 năm nữa, 10 năm nữa, bạn sẽ là ai? Bạn sẽ làm gì cho cuộc đời? Đê kháng được trong bầu không khí buồn thiu ấy là một năng lực cần cho người trẻ để sống cuộc đời của chính mình. Ai cũng cần có hoài bão riêng. Bạn vẫn có thể chỉ là một hòn đá. Nhưng hãy là hòn đá lăn, để rêu không bám vào. Ngày hôm nay chúng ta hãy cùng nhau viết lên những ước mơ, hoài bão của tuổi trẻ bằng một bài nghị luận nhé!	HS chia sẻ hoài bão, ước mơ, động lực của bản thân.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

- HS hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS			Dự kiến sản phẩm																								
Nhiệm vụ 1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 4 HS đọc bài viết tham khảo (Mở bài, Luận điểm 1, Luận điểm 2, Kết bài). - HS thảo luận cặp đôi thực hiện các yêu cầu sau: 1. Ở bài viết tham khảo, vấn đề gì liên quan đến tuổi trẻ được nêu để bàn luận? Người viết đặt mình vào vị trí nào để trình bày quan điểm về vấn đề này? 2. Phân tích cấu trúc nghị luận của bài viết theo mẫu:			I. Tìm hiểu chung dạng bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ) 1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo - Vấn đề bàn luận: giá trị đích thực của tuổi trẻ, tầm quan trọng của tuổi trẻ, những phẩm chất cần thiết để tuổi trẻ có ý nghĩa và giá trị. - Vị trí của người viết: + Là một nhà giáo uyên bác và giàu kinh nghiệm: Tác giả sử dụng kiến thức và hiểu biết của mình về tuổi trẻ để đưa ra những nhận định sâu sắc và chính xác. + Là một người từng trải: Tác giả hiểu sâu sắc vấn đề và đưa ra những lí lẽ xác đáng. + Là một người tâm huyết với thế hệ trẻ: Tác giả thể hiện niềm tin vào tiềm năng và sức mạnh của tuổi trẻ, đồng thời mong muốn thế hệ trẻ sống có ích và cống hiến cho đất nước. - Phân tích cấu trúc nghị luận:																								
<table><tr><th rowspan="2">STT</th><th colspan="2">Luận đề</th></tr><tr><th>Luận điểm</th><th>Lí lẽ và bằng chứng</th></tr><tr><td>1</td><td></td><td></td></tr><tr><td>2</td><td></td><td></td></tr></table>			STT	Luận đề		Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng	1			2			<table><tr><th rowspan="2">STT</th><th colspan="2">Luận đề</th></tr><tr><th>Luận điểm</th><th>Lí lẽ và bằng chứng</th></tr><tr><td>1</td><td>Xây dựng tương lai cho tuổi trẻ</td><td>- Lí lẽ: + Thanh niên là trụ cột của một xã hội và do đó họ quyết định tương lai của bất kì xã hội nào. Thanh niên là xương sống của bất kì quốc gia nào. + Giá trị của tuổi trẻ nằm ở sự chăm chỉ, nỗ lực, dũng cảm; ở sự phấn đấu, sáng tạo, cống hiến. - Bằng chứng: + Trịnh Xuân Mươi, con thứ mười của một hộ nông dân nghèo ở Diễn Châu, Nghệ An, một mình vào Tây Nguyên lập nghiệp khi còn rất trẻ. + Nguyễn Ngọc Bảo Khanh ở Hà Nội, chỉ có một cánh tay rưỡi mà từ nhỏ đã học giỏi, biết vẽ, biết chơi pi-a-nô, biết ném bóng rổ và đặc biệt là đã có thể viết tự truyện bằng tiếng Anh. + Lê Thị Thắm ở Thanh Hoá, sinh ra không có hai tay, viết bằng chân mà đã tốt nghiệp đại học, trở thành cô giáo dạy tiếng Anh miễn phí cho các bạn trẻ trong làng.</td></tr><tr><td>2</td><td>Học cách đặt mục tiêu</td><td>- Lí lẽ: + Công nghệ đang giúp bảo vệ tương lai của giới trẻ. + Tuổi trẻ gắn kết hành động toàn cầu. + Động lực, khả năng phục hồi và sự bền bỉ kết hợp các giá trị đạo đức, tạo ra những con người trưởng thành toàn diện. - Bằng chứng:</td></tr></table>			STT	Luận đề		Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng	1	Xây dựng tương lai cho tuổi trẻ	- Lí lẽ: + Thanh niên là trụ cột của một xã hội và do đó họ quyết định tương lai của bất kì xã hội nào. Thanh niên là xương sống của bất kì quốc gia nào. + Giá trị của tuổi trẻ nằm ở sự chăm chỉ, nỗ lực, dũng cảm; ở sự phấn đấu, sáng tạo, cống hiến. - Bằng chứng: + Trịnh Xuân Mươi, con thứ mười của một hộ nông dân nghèo ở Diễn Châu, Nghệ An, một mình vào Tây Nguyên lập nghiệp khi còn rất trẻ. + Nguyễn Ngọc Bảo Khanh ở Hà Nội, chỉ có một cánh tay rưỡi mà từ nhỏ đã học giỏi, biết vẽ, biết chơi pi-a-nô, biết ném bóng rổ và đặc biệt là đã có thể viết tự truyện bằng tiếng Anh. + Lê Thị Thắm ở Thanh Hoá, sinh ra không có hai tay, viết bằng chân mà đã tốt nghiệp đại học, trở thành cô giáo dạy tiếng Anh miễn phí cho các bạn trẻ trong làng.	2	Học cách đặt mục tiêu	- Lí lẽ: + Công nghệ đang giúp bảo vệ tương lai của giới trẻ. + Tuổi trẻ gắn kết hành động toàn cầu. + Động lực, khả năng phục hồi và sự bền bỉ kết hợp các giá trị đạo đức, tạo ra những con người trưởng thành toàn diện. - Bằng chứng:
STT	Luận đề																										
	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng																									
1																											
2																											
STT	Luận đề																										
	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng																									
1	Xây dựng tương lai cho tuổi trẻ	- Lí lẽ: + Thanh niên là trụ cột của một xã hội và do đó họ quyết định tương lai của bất kì xã hội nào. Thanh niên là xương sống của bất kì quốc gia nào. + Giá trị của tuổi trẻ nằm ở sự chăm chỉ, nỗ lực, dũng cảm; ở sự phấn đấu, sáng tạo, cống hiến. - Bằng chứng: + Trịnh Xuân Mươi, con thứ mười của một hộ nông dân nghèo ở Diễn Châu, Nghệ An, một mình vào Tây Nguyên lập nghiệp khi còn rất trẻ. + Nguyễn Ngọc Bảo Khanh ở Hà Nội, chỉ có một cánh tay rưỡi mà từ nhỏ đã học giỏi, biết vẽ, biết chơi pi-a-nô, biết ném bóng rổ và đặc biệt là đã có thể viết tự truyện bằng tiếng Anh. + Lê Thị Thắm ở Thanh Hoá, sinh ra không có hai tay, viết bằng chân mà đã tốt nghiệp đại học, trở thành cô giáo dạy tiếng Anh miễn phí cho các bạn trẻ trong làng.																									
2	Học cách đặt mục tiêu	- Lí lẽ: + Công nghệ đang giúp bảo vệ tương lai của giới trẻ. + Tuổi trẻ gắn kết hành động toàn cầu. + Động lực, khả năng phục hồi và sự bền bỉ kết hợp các giá trị đạo đức, tạo ra những con người trưởng thành toàn diện. - Bằng chứng:																									
3. Chỉ ra những thao tác nghị luận đã được phối hợp sử dụng trong bài viết. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - 4 HS nối tiếp nhau đọc văn bản. - Thảo luận cặp đôi 3 câu hỏi SGK khoảng 5-7 phút. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.																											
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu yêu cầu của bài văn bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (so sánh với bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội) Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS: Thảo luận nhóm hai bàn hoàn thiện bảng sau: Bảng so sánh bài nghị luận về một vấn đề xã hội và bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ																											

Yêu cầu		Nghị luận về một vấn đề xã hội	Nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ			+ 78,6% người được hỏi ý kiến cho rằng công nghệ đang “tạo ra” chứ không phải đang “phá huỷ” việc làm. + Những thách thức toàn cầu, như đại dịch virus Corona hoặc biến đổi khí hậu, cũng như các vấn đề địa phương sẽ ảnh hưởng đến tương lai. + Giêm Dai-xon (James Dyson) đã xuất sắc khi thi chạy đường dài.
Nêu vấn đề						
Triển khai vấn đề	Khẳng định quan điểm					
	Củng cố quan điểm					
Kết thúc vấn đề						

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS thảo luận nhóm, hoàn thiện bảng so sánh.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- GV gọi đại diện 2-3 nhóm bàn trình bày kết quả.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung cho nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận
- GV nhận xét, chốt kiến thức.

Giải thích	Giải thích khái niệm “tuổi trẻ”, giá trị của tuổi trẻ.
Phân tích	Phân tích những đặc điểm của tuổi trẻ (sức khỏe, trí tuệ, nhiệt huyết, dũng cảm, ước mơ,...); vai trò của tuổi trẻ (tuổi trẻ có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển đất nước).
Chứng minh	Chứng minh giá trị của tuổi trẻ qua các bằng chứng: + Trịnh Xuân Mười, con thứ mười của một hộ nông dân nghèo ở Diễn Châu, Nghệ An, một mình vào Tây Nguyên lập nghiệp khi còn rất trẻ. + Nguyễn Ngọc Bảo Khanh ở Hà Nội, Lê Thị Thắm ở Thanh Hoá, những tấm gương về tuổi trẻ vượt khó.
Bình luận	Bình luận về tầm quan trọng của việc rèn luyện ý chí, nghị lực, bản lĩnh, và lòng yêu nước cho thế hệ trẻ, bình luận về cách để tuổi trẻ có giá trị.

2. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (so sánh với bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội)

Yêu cầu	Nghị luận về một vấn đề xã hội	Nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ
Nêu vấn đề	Nêu được vấn đề giàu ý nghĩa, gợi mở cách nhìn nhận sâu hơn về mối quan hệ giữa con người với cuộc sống xung quanh	Nêu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến những hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ để bàn luận.

	Triển khai vấn đề	Khẳng định quan điểm	Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết về vấn đề, thông qua hệ thống luận điểm chặt chẽ, các lí lẽ sắc bén và những bằng chứng phù hợp, sinh động.	Trình bày được hệ thống luận điểm hợp lí, chặt chẽ; sử dụng lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác đáng; biết phối hợp hiệu quả các thao tác: chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh để tăng sức thuyết phục cho bài viết.
		Củng cố quan điểm	Dẫn được những ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận để phản bác nhằm củng cố lập luận của bài viết.	Nêu và phản bác được ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận nhằm củng cố quan điểm của người viết.
	Kết thúc vấn đề		Rút ra được ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề.	Kết bài gây ấn tượng đối với người đọc, thúc giục tuổi trẻ hành động.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).
- HS thực hành các bước để viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS				Dự kiến sản phẩm				
II. Thực hành viết 1. Các bước thực hành viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: + Chọn một trong 5 đề bài SGK đã cho + Các em thực hiện nhiệm vụ theo bàn: đọc SGK, thực hiện các yêu cầu trong bảng kiến thức sau:				II. Thực hành viết 1. Các bước thực hành viết				
				Các bước		Nội dung		
				Chuẩn bị viết		Lựa chọn một trong các gợi ý sau để làm đề tài viết: (1) Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến xu hướng chọn nghề của giới trẻ; (2) Nhu cầu thưởng thức âm nhạc, phim ảnh của giới trẻ; (3) Ý thức về giới của các bạn trẻ; (4) Quyền được thử và sai lầm của giới trẻ; (4) Sống theo sở thích cá nhân và sống để phụng sự xã hội; ...		
				Tìm ý, lập dàn ý		Tìm ý	Trả lời câu hỏi: - Cần giải thích điều gì ở vấn đề vừa nêu? - Có những khía cạnh nào của vấn đề cần bình luận?	
				Viết				

Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện				- Cần có định hướng hành động như thế nào sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề?				
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS chia sẻ câu trả lời. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. 2. Thực hành viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: Các em viết bài văn hoàn chỉnh Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc bài viết trước lớp - HS khác bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá bài viết theo rubric và dàn ý tham khảo.		Lập dàn ý	MB	Giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, nêu quan điểm của người viết về vấn đề đó.				
			TB	- Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận. - Trình bày các khía cạnh của vấn đề (Vì sao vấn đề này thiết yếu đối với tuổi trẻ? Vấn đề gợi cho tuổi trẻ những suy nghĩ và hành động như thế nào? Cần có những điều kiện gì để tuổi trẻ thực hiện yêu cầu mà vấn đề nêu ra?). - Với từng luận điểm, cần dùng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để lập luận nhằm tạo nên sức thuyết phục của bài viết. - Bình luận về sự đúng đắn, thiết thực của vấn đề, bác bỏ ý kiến trái ngược để củng cố quan điểm của mình. - Định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức về vấn đề.				
			KB	Khái quát lại ý nghĩa của vấn đề, liên hệ với đời sống thực tại, rút ra bài học cho bản thân.				
		Viết	- Khi viết bài, cần bám sát dàn ý để triển khai tuần tự các luận điểm, đảm bảo tính mạch lạc và sự liên kết chặt chẽ giữa các câu, các đoạn. - Bàn về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, cần viết với tâm thế của người trong cuộc, trong lập luận, cần khai thác dẫn chứng gắn với các mặt trong đời sống tuổi trẻ, từ những trải nghiệm của bản thân, tránh theo khuôn mẫu, công thức chung chung. - Luôn chú ý phối hợp các thao tác nghị luận và các yếu tố hỗ trợ như tự sự, biểu cảm để tăng sức hấp dẫn và thuyết phục cho bài văn. - Cần nhận thức rõ: Vấn đề liên quan đến tuổi trẻ không đồng nghĩa với vấn đề của riêng tuổi trẻ. Vấn đề được chọn làm đề tài của bài viết cũng có thể liên quan đến mọi thành viên của cộng đồng. Tuy nhiên, khi viết bài, cần biết triển khai luận điểm từ góc nhìn của tuổi trẻ và chú ý khai thác những điều có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến tuổi trẻ.					
Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện	Đọc lại bài văn đã viết, đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở bước chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý để kiểm tra và chỉnh sửa theo gợi ý sau:							
		<table><tr><th>Nội dung</th><th>Yêu cầu cụ thể</th></tr><tr><td>Bố cục ba phần</td><td>Mở bài: Vấn đề đời sống liên quan đến tuổi trẻ được trình bày như thế nào?</td></tr></table>			Nội dung	Yêu cầu cụ thể	Bố cục ba phần	Mở bài: Vấn đề đời sống liên quan đến tuổi trẻ được trình bày như thế nào?
Nội dung	Yêu cầu cụ thể							
Bố cục ba phần	Mở bài: Vấn đề đời sống liên quan đến tuổi trẻ được trình bày như thế nào?							

			Thân bài: - Các khía cạnh của vấn đề được triển khai thành các luận điểm không? - Có hiện tượng mất cân đối giữa các luận điểm không? - Các phối hợp các thao tác nghị luận không?
			Kết bài: Đã liên hệ với đời sống, nêu phương hướng hành động sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề chưa?
		Các lỗi còn mắc	- Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý. - Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt.
		Đánh giá chung	- Bài viết đáp ứng yêu cầu đạt mức độ nào? - Những khó khăn hoặc hứng thú khi thực hành bài viết.

2. Thực hành viết
Sản phẩm: Bài viết của HS

DÀN Ý THAM KHẢO

Viết bài văn nghị luận về: *Thái độ trước lỗi lầm của bản thân*

I. Mở bài

Giới thiệu vấn đề nghị luận: *Thái độ trước lỗi lầm của bản thân*

II. Thân bài

1. Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận:

- *Lỗi lầm* xuất phát từ hành động chưa đúng, tạo ra hậu quả cho bản thân và xã hội.
- *Thái độ trước lỗi lầm của bản thân*: Chính là sự tự quyết định trong ý thức và trong hành động của chính mình trước lỗi lầm mà mình đã gây ra, hoặc tự bao biện dung túng, hoặc giằng xé, dằn vặt, hoặc quyết tâm sửa chữa loại bỏ sai lầm của chính mình.

2. Trình bày các khía cạnh của vấn đề thành từng luận điểm, cần dùng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để lập luận nhằm tạo nên sức thuyết phục của bài viết:

- Trong cuộc sống không ai tránh khỏi được sai lầm, sai lầm là điều tất yếu.
- Sai lầm là hậu quả của sự thiếu suy nghĩ, mất bình tĩnh, nóng giận và sau mỗi sai lầm ta luôn nhận ra những bài học bổ ích khác trong cuộc sống.
- Sai lầm khiến ta biết mình còn đang khiếm khuyết ở đâu để sửa chữa và khắc phục lỗi.
- Sai lầm thường gây mất lòng tin từ người xung quanh, ảnh hưởng đến cả môi trường xã hội.
- Điều quan trọng là họ cần phải biết nhận ra sai lầm và có thái độ nhìn nhận thẳng vào sai lầm của bản thân để sửa chữa và rút kinh nghiệm quý báu từ những sai lầm để tránh mắc phải chúng.
- Con người không nên sợ vấp phải sai lầm mà thu mình, không dám đối mặt với thử thách. Hãy kiên cường, dũng cảm nhận sai phạm của bản thân, tự chịu trách nhiệm về hành động của bản thân, không trách người khác.
- Từ đó, lập kế hoạch cụ thể để khắc phục và tiếp tục hành trình đúng đắn.
- Đôi khi ta cũng phải tự tha thứ cho bản thân để còn giữ được niềm tin vào cuộc đời

3. Bình luận về sự đúng đắn, thiết thực của vấn đề, bác bỏ ý kiến trái ngược để củng cố quan điểm của mình:

Trong xã hội vẫn còn có nhiều người khi gây ra lỗi lầm không biết sửa chữa, nhận lỗi về mình; lại có những người vì lợi ích của bản thân mà cố ý gây ra lỗi lầm, tổn thương cho người khác,... những người này đáng bị xã hội chỉ trích, phê phán.

4. Định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức về vấn đề:

Người biết nhận lỗi và sửa lỗi là người biết nhìn nhận thực tế, sẽ được người khác nhìn nhận và đánh giá cao.

III. Kết bài: Khái quát lại ý nghĩa của vấn đề, liên hệ với đời sống thực tại, rút ra bài học cho bản thân.

Trong cuộc sống, chúng ta không tránh khỏi những lúc mắc sai lầm, phạm phải nhiều lỗi lầm theo những mức độ khác nhau, việc nhận lỗi và sửa chữa chúng sẽ khiến bản thân ta tốt lên từng ngày, hoàn thiện nhân cách đồng thời lấy lại niềm tin của người khác đối với bản thân mình.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để hoàn thiện bài viết, GV chữa và trả bài.

b. Nội dung: Hoàn thiện bài viết trên cơ sở những chỉnh sửa, góp ý ở lớp.

c. Sản phẩm: Bài văn hoàn thiện của HS về vấn đề đã nêu ở mục *Nội dung*, đối chiếu theo tiêu chí khi sửa chữa.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hoàn thành bài viết và nộp cho GV vào tiết học tiếp theo. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Bài văn hoàn thiện của HS về vấn đề đã nêu ở mục <i>Nội dung</i> đảm bảo các yêu cầu theo bảng kiểm. B3. Báo cáo thảo luận: GV tổ chức báo cáo, thảo luận và kết luận. GV khuyến khích 1 – 2 HS trình bày ở đầu buổi học tiếp theo (có thể lấy điểm đánh giá quá trình). B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, đánh giá về bài trình bày của HS và kết luận.	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu. Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp. Trình bày thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài học rút ra. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo.
Điểm	0 – 4 điểm	5 – 7 điểm	8 – 10 điểm
TỔNG	10		

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy:

Nói

- Xác định được các bước để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

- Trình bày được một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện một nhiệm vụ thực tiễn.

Nghe

- Nghe hiểu và nắm bắt được nội dung thuyết trình, quan điểm của người nói. Biết nhận xét về nội dung và hình thức thuyết trình.

2. Phẩm chất: Biết tôn trọng người đối thoại, hình thành tư duy phản biện.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS xem Clip: https://www.youtube.com/watch?v=cs00vyt15ag - GV nêu vấn đề: + Nội dung xoay quanh vấn đề gì? + Giọng nói có truyền cảm không? + Điều bộ có tự tin, nét mặt có biểu cảm không? + Cách bắt đầu và kết thúc có hấp dẫn không? Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS xem Clip và xung phong trả lời câu hỏi. - GV gọi 2-3 HS trình bày kết quả. - HS khác lắng nghe, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới. <i>Có bao giờ bạn lắng nghe bài hùng biện của một người nổi tiếng và cảm thấy thật ấn tượng?</i> <i>Có phải vì khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách logic, thuyết phục và truyền cảm hứng của họ luôn khiến chúng ta cảm thấy thu hút? Vậy, ta học được gì từ họ để có thể cải thiện được kỹ năng này?</i>	HS xem Clip và thể hiện ý kiến cá nhân.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS xác định được yêu cầu và các bước để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và các bước để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. CHUẨN BỊ NÓI *Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Cần lưu ý gì khi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ? Bước 2 +3: Thực hiện, báo cáo nhiệm vụ HS đọc SGK, thảo luận cặp đôi 2 phút và báo cáo HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức. *Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị các bước thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu: - Lớp chia thành nhiều nhóm (căn cứ theo sự lựa chọn đề tài viết ở tiết học trước) - Các nhóm xây dựng quy trình thuyết trình về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, tài liệu tham khảo và thảo luận nhóm, hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu 1 – 2 nhóm trình bày dàn ý đã xây dựng, chỉnh sửa, các nhóm khác góp ý, bổ sung. - GV yêu cầu thực hành luyện nói trong nhóm, góp ý cho nhau trước khoảng 5 phút. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét phần làm việc các nhóm, chốt kiến thức.	I. CHUẨN BỊ NÓI 1. Yêu cầu của kiểu bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ * Một số yêu cầu cần lưu ý - Nêu được vấn đề có ý nghĩa để thuyết trình. - Xác định được mối liên hệ giữa vấn đề với đời sống của giới trẻ. - Làm rõ được từng khía cạnh của vấn đề, đánh giá được tính tích cực hay tiêu cực của các cách nhìn nhận về vấn đề. - Đảm bảo tính cụ thể, chính xác của các thông tin liên quan đến vấn đề. - Rút ra được ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề. * Những lưu ý khi thuyết trình - Tư thế, tác phong tự tin, đĩnh đạc. - Giới thiệu vấn đề sinh động, hấp dẫn. - Kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ, các phương tiện, thiết bị như loa, đài, máy chiếu,... 2. Chuẩn bị các bước thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. a. Lựa chọn đề tài - Lựa chọn đề tài đã triển khai ở phần <i>Viết</i> - Lựa chọn đề tài mới b. Tìm ý và sắp xếp ý - Lựa chọn đề tài đã triển khai ở phần <i>Viết</i>, điều chỉnh cho phù hợp với hoạt động nói và nghe. - Lựa chọn đề tài mới, có thể tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi: + Bản chất của vấn đề là gì? + Vấn đề có liên quan như thế nào đến đời sống của giới trẻ? + Những khía cạnh nào của vấn đề cần làm rõ? + Cần định hướng hoạt động như thế nào sau khi đã nhận thức rõ về vấn đề?

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS trình bày được bài thuyết trình bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ; biết lắng nghe và trao đổi.

b. Nội dung: HS trình bày bài nói đã chuẩn bị ở bài viết và nhận xét, trao đổi về bài nói.

c. Sản phẩm: Bài trình bày của học sinh và nhận xét, trao đổi về bài nói.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lưu ý HS các bước chuẩn bị để có bài thuyết trình tốt, lưu ý HS tận dụng các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo sức hấp dẫn và thuyết phục. - HS trình bày bài nói, mỗi HS từ 5 – 7 phút.	II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ	
	1. Thực hành nói Tham khảo bài thuyết trình về: <i>Thái độ trước lỗi lầm của bản thân</i> (bên dưới)	
	2. Trao đổi, đánh giá a. Trao đổi	
	Người nghe	Người nói

- HS còn lại lắng nghe, ghi chép vào vở, nhận xét về bài nói trên các tiêu chí trong phiếu nhận xét:

PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?	
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?	
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?	
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?	
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?	

PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?	
2	Có tích cực ghi chép không?	
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?	
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS kiểm tra, rà soát lại bài nói khoảng 2 phút

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 HS lên trình bày

- HS khác thực hiện nhiệm vụ nghe, ghi chép, trao đổi và hoàn thành phiếu

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV tổng hợp nhận xét và đánh giá bài thuyết trình của HS theo bảng kiểm (bên dưới)

Người nghe có thể nhận xét về sự cần thiết của vấn đề được đề cập, sức thuyết phục của bài thuyết trình, độ chính xác của các thông tin đã nêu, cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có khía cạnh nào chưa rõ, yêu cầu người nói giải thích thêm.

Người nói cần làm rõ thêm những ý mà người nghe nêu thắc mắc, trao đổi lại các ý kiến đánh giá về nội dung và cách thực hiện bài thuyết trình.

b. Đánh giá

PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?	
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?	
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?	
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?	
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?	

PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?	
2	Có tích cực ghi chép không?	
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?	
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?	

Tham khảo bài thuyết trình về: Thái độ trước lỗi lầm của bản thân

Xin chào các bạn!

Bạn chọn sai ngành học, bạn trao tình yêu nhầm người, bạn làm một công việc không như ý muốn... Tất cả không thành vấn đề. Bạn còn trẻ và bạn luôn có quyền lựa chọn lại, quyết định lại. Tuổi trẻ là để trải nghiệm và lựa chọn. Vì khi đó bạn còn tự do, còn thời gian, và còn sức khỏe. Bạn có quyền tự chọn lựa cuộc sống cho mình, tự thay đổi, tự đứng dậy sau mỗi thất bại, tự rút ra kinh nghiệm sau mỗi sai lầm của bản thân.

Vậy chúng ta nên có thái độ như thế nào trước lỗi lầm của chính mình, trước hết, tôi xin chia sẻ sự hiểu biết của bản thân về khái niệm lỗi lầm và thái độ trước lỗi lầm để từ đó làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận.

Lỗi lầm - ta có thể hiểu đó là hậu quả xuất phát từ hành động chưa đúng. Hậu quả này gây ảnh

hưởng tột tể cho bản thân và xã hội.

Còn thái độ trước lỗi lầm của bản thân được xem là sự tự quyết định trong ý thức và trong hành động của chính mình trước lỗi lầm mà mình đã gây ra, hoặc tự bao biện dung túng, hoặc giằng xé, dằn vặt, hoặc quyết tâm sửa chữa loại bỏ sai lầm của chính mình.

Từ việc hiểu các khái niệm cơ bản, chúng ta cần đi sâu vào vấn đề. Tiếp ngay sau đây, tôi xin trình bày cụ thể các khía cạnh của vấn đề:

Rõ ràng là trong cuộc sống không ai tránh khỏi được sai lầm, sai lầm là điều tất yếu. Sai lầm chính là là hậu quả của sự thiếu suy nghĩ, mất bình tĩnh, nóng giận. Sai lầm của ta khiến ta thất bại lại còn có thể gây mất lòng tin từ người xung quanh, ảnh hưởng đến cả môi trường xã hội.

Tuy vậy, sau mỗi sai lầm ta luôn nhận ra những bài học bổ ích khác trong cuộc sống. Chính những sai lầm khiến ta biết mình còn đang khiếm khuyết ở đâu để sửa chữa và khắc phục. Bởi vậy, trước sai lầm ta cần có thái độ nhìn nhận thẳng và sẵn sàng sửa chữa, rồi từ đó rút kinh nghiệm quý báu cho chính mình.

Như vậy, mỗi chúng ta không nên sợ vấp phải sai lầm mà thu mình, không dám đối mặt với thử thách. Hãy kiên cường, dũng cảm nhận sai phạm của bản thân, tự chịu trách nhiệm về hành động của bản thân, không trách người khác. Từ đó, lập kế hoạch cụ thể để khắc phục và tiếp tục hành trình đúng đắn. Đối với chính bản thân mình cũng vậy, đôi khi ta cũng phải tự tha thứ cho bản thân để còn giữ được niềm tin vào cuộc đời.

Một số ví dụ quen thuộc, không hề xa lạ với các bạn:

Ê - đi - xon làm thí nghiệm bóng đèn tới 9999 lần, nghĩa là ông đã sửa sai 10.000 lần, cuối cùng đem đến cho nhân loại ánh sáng.

Trên hành trình cứu nước, Bác đã nhìn thấy sai lầm của những người đi trước nên Người đã chọn con đường mới để đem lại hòa bình cho dân tộc.

Rõ ràng, thành công không đến dễ dàng, trước khi đến với thành công, ta đã phải đối mặt với thất bại nhiều lần do những quyết định sai lầm. Nhưng ta cần phải biết rút ra kinh nghiệm từ chính lỗi lầm của mình và từ sai lầm của người khác.

Nhưng các bạn biết không, trong xã hội vẫn còn có nhiều người khi gây ra lỗi lầm không biết sửa chữa, nhận lỗi về mình; lại có những người vì lợi ích của bản thân mà cố ý gây ra lỗi lầm, tổn thương cho người khác,... những người này đáng bị xã hội chỉ trích, phê phán.

Bởi vậy, mỗi chúng ta cần định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức được vấn đề: chúng ta cần phải biết nhận lỗi và sửa lỗi, phải biết nhìn nhận thực tế; chỉ như thế ta mới có thể được người khác nhìn nhận, trân trọng và đánh giá cao.

Trong cuộc sống, chúng ta không tránh khỏi những lúc mắc sai lầm, phạm phải nhiều lỗi lầm theo những mức độ khác nhau, việc nhận lỗi và sửa chữa chúng sẽ khiến bản thân ta tốt lên từng ngày, hoàn thiện nhân cách đồng thời lấy lại niềm tin của người khác đối với bản thân mình.

Xin cảm ơn thầy cô và các bạn đã chú ý theo dõi bài thuyết trình! Em mong muốn nhận được những góp ý từ thầy cô và các bạn!

Bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình của HS:

STT	Tiêu chí	Mức độ		
		Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1	Nội dung xoay quanh vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.	Nội dung sơ sài, chưa có đủ luận cứ để người nghe hiểu vấn đề.	Có đủ luận cứ để người nghe hiểu vấn đề.	Vấn đề hấp dẫn, tính giáo dục cao.
2	Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe, nói ngập ngừng, lắp.	Nói to, nhưng đôi chỗ lắp lại hoặc ngập ngừng.	Nói to, truyền cảm, không lắp lại hay ngập ngừng.
3	Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm, biểu cảm chưa phù hợp.	Điều bộ tự tin, vào người nghe; biểu cảm chưa phù hợp với nội dung vấn đề.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
4	Mở đầu và kết thúc hợp lí.	Không chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi, có lời kết thúc nhưng chưa ấn tượng.	Chào hỏi, kết thúc bài nói rất ấn tượng.
ĐIỂM	Tổng điểm:/10			

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, biết ứng dụng CNTT vào quá trình học tập.
- b. Nội dung:** Tổ chức cuộc thi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ và lưu lại thành video.
- c. Sản phẩm:** Video giới thiệu.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ về nhà: Hãy thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Lưu thành video clip).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà theo hình thức cá nhân hoặc làm việc theo nhóm tự chọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV trình chiếu một số video clip của HS vào đầu buổi học tiếp theo hoặc trong hoạt động ngoại khóa và tổ chức cho HS lựa chọn những video clip xuất sắc để lấy điểm quá trình.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá về buổi thi thuyết trình của HS và kết luận.

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (Cả bài 3)

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia 5 nhóm thảo luận 5 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Các văn bản đọc của bài (*Nhìn về vốn văn hoá dân tộc, Năng lực sáng tạo, Máy ý nghĩ về thơ*) giúp bạn hiểu như thế nào về mối quan hệ giữa luận đề và các luận điểm trong bài văn nghị luận?

Câu 2. Dựa vào các văn bản đọc trong bài, hãy làm rõ tầm quan trọng của vấn đề lập luận trong văn nghị luận.

Câu 3. So sánh nội dung nghị luận và các thao tác được sử dụng ở hai văn bản *Năng lực sáng tạo* và *Máy ý nghĩ về thơ*.

Câu 4. Cho đề tài: *Tư duy và tưởng tượng là những năng lực quan trọng mà tuổi trẻ cần trau dồi để có được khả năng sáng tạo.*

- a. Tìm ý và lập dàn ý cho đề tài trên.
- b. Viết thành văn phần *Mở bài* và ý tiếp theo thuộc phần *Thân bài*.
- c. Chuyển dàn ý bài viết thành dàn ý bài thuyết trình, dựa vào đó để tập luyện nói.

Câu 5. Tìm đọc thêm hai văn bản nghị luận xã hội và hai văn bản nghị luận văn học đề cập những vấn đề liên quan đến nội dung các văn bản đọc trong bài. Lập bảng, ghi ngắn gọn những thông tin cơ bản: luận đề, các luận điểm, các thao tác lập luận của từng văn bản.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.
- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Các văn bản đọc của bài (*Nhìn về vốn văn hoá dân tộc, Năng lực sáng tạo, Máy ý nghĩ về thơ*) giúp em hiểu về mối quan hệ giữa luận đề và các luận điểm trong bài văn nghị luận như sau:

a. Khái niệm:

- Luận đề: là ý kiến chủ đạo, quan điểm của người viết về vấn đề nghị luận.
- Luận điểm: là những ý kiến nhỏ, những lập luận được đưa ra để làm sáng tỏ, chứng minh cho luận đề.

b. Mối quan hệ:

- Luận điểm là cơ sở để hình thành luận đề: Luận đề được khái quát từ các luận điểm.

- Luận đề bao hàm các luận điểm: Luận điểm cụ thể hóa, triển khai luận đề.
- Luận điểm và luận đề có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ lẫn nhau: Luận điểm làm sáng tỏ luận đề, luận đề bao hàm và thống nhất các luận điểm.

c. Phân tích mối quan hệ qua các văn bản đọc:

*** Nhìn về vốn văn hóa dân tộc:**

- Luận đề: Vốn văn hóa dân tộc là một nguồn tài nguyên quý báu, là nền tảng cho sự phát triển của đất nước.
- Luận điểm:
 - + Vốn văn hóa dân tộc bao gồm những giá trị tinh thần và vật chất do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử.
 - + Vốn văn hóa dân tộc có vai trò quan trọng trong việc định hình bản sắc dân tộc, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội.
 - + Cần bảo tồn và phát huy vốn văn hóa dân tộc.

*** Năng lực sáng tạo:**

- Luận đề: Năng lực sáng tạo là một phẩm chất quan trọng cần thiết cho mỗi người trong cuộc sống hiện đại.
- Luận điểm:
 - + Năng lực sáng tạo là khả năng tạo ra cái mới, cái khác biệt từ những cái đã có.
 - + Năng lực sáng tạo giúp con người giải quyết vấn đề hiệu quả, đạt được thành công trong cuộc sống.
 - + Cần rèn luyện năng lực sáng tạo thông qua học tập, rèn luyện và thực hành.

*** Mấy ý nghĩ về thơ:**

- Luận đề: Thơ ca là một loại hình nghệ thuật có sức ảnh hưởng to lớn đến đời sống con người.
- Luận điểm:
 - + Thơ ca giúp con người bộc lộ tình cảm, suy nghĩ, thể hiện quan điểm về cuộc sống.
 - + Thơ ca giúp con người thanh lọc tâm hồn, hướng đến cái đẹp, cái cao thượng.
 - + Cần đọc và sáng tác thơ để nâng cao đời sống tinh thần.

=> Kết luận:

- Luận đề và luận điểm là hai yếu tố quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với nhau trong văn bản nghị luận.
- Việc hiểu rõ mối quan hệ này giúp người viết xây dựng bài văn chặt chẽ, logic và có sức thuyết phục.

Câu 2. Tầm quan trọng của vấn đề lập luận trong văn bản nghị luận

a. Lập luận là yếu tố cốt lõi của văn bản nghị luận:

- Mục đích chính của văn bản nghị luận là thuyết phục người đọc về một quan điểm, ý kiến nào đó.
- Để thuyết phục được người đọc, người viết cần sử dụng các lí lẽ, dẫn chứng logic, chặt chẽ để làm sáng tỏ luận điểm của mình.
- Lập luận chính là quá trình trình bày các lí lẽ, dẫn chứng ấy một cách khoa học, rõ ràng.

b. Lập luận giúp bài viết có sức thuyết phục:

- Một bài văn nghị luận có lập luận chặt chẽ, logic sẽ khiến người đọc tin tưởng vào quan điểm của người viết.
- Ngược lại, một bài văn thiếu lập luận, hoặc lập luận lỏng lẻo, thiếu logic sẽ không có sức thuyết phục, khiến người đọc không tin tưởng vào quan điểm của người viết.

c. Lập luận giúp người viết rèn luyện tư duy logic:

- Khi lập luận, người viết cần phải suy nghĩ một cách logic, chặt chẽ để sắp xếp các lí lẽ, dẫn chứng theo một trình tự hợp lí.
- Quá trình lập luận giúp người viết rèn luyện khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin.

d. Lập luận giúp người viết nâng cao kỹ năng viết:

- Để lập luận hiệu quả, người viết cần sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác, rõ ràng, mạch lạc.
- Quá trình lập luận giúp người viết rèn luyện kỹ năng sử dụng từ ngữ, câu văn, lập đoạn một cách hiệu quả.

e. Lập luận giúp người viết thể hiện quan điểm cá nhân:

- Thông qua lập luận, người viết thể hiện quan điểm, suy nghĩ của mình về vấn đề nghị luận.
- Lập luận giúp người viết khẳng định bản thân và tạo ấn tượng với người đọc.

=> Kết luận:

Lập luận là một trong những yếu tố quan trọng nhất của văn bản nghị luận. Lập luận giúp bài viết có sức thuyết phục, giúp người viết rèn luyện tư duy logic và kỹ năng viết, đồng thời giúp người viết thể hiện quan điểm cá nhân.

Câu 3. So sánh nội dung nghị luận và các thao tác được sử dụng ở hai văn bản *Năng lực sáng tạo* và *Mấy ý nghĩ về thơ*:

Văn bản	Năng lực sáng tạo	Mấy ý nghĩ về thơ
Nội dung	Khái niệm, vai trò, biểu hiện, cách rèn luyện năng lực sáng tạo.	Khái niệm, vai trò, đặc điểm, mối quan hệ giữa thơ và đời sống.
Thao tác	Giải thích, phân tích, chứng minh, sử dụng dẫn chứng, so sánh, liên hệ.	Giải thích, phân tích, chứng minh, sử dụng dẫn chứng, so sánh, liên hệ.
Nhận xét	Tập trung vào việc phân tích vai trò và biểu hiện của năng lực sáng tạo, đồng thời đưa ra các giải pháp để rèn luyện năng lực sáng tạo. Mặc dù có sự khác biệt về nội dung, hai văn bản <i>Năng lực sáng tạo</i> và <i>Mấy ý nghĩ về thơ</i> đều sử dụng các thao tác nghị luận một cách hiệu quả để làm sáng tỏ luận điểm của mình.	Tập trung vào việc phân tích vai trò và đặc điểm của thơ, đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa thơ và đời sống.

Câu 4. Tư duy và tưởng tượng - Chìa khóa cho khả năng sáng tạo của tuổi trẻ

a. Tìm ý và lập dàn ý:

I. Mở bài:

- Giới thiệu về tầm quan trọng của tuổi trẻ và vai trò của tư duy, tưởng tượng trong sáng tạo.
- Nêu luận điểm chính: *Tư duy và tưởng tượng là những năng lực quan trọng mà tuổi trẻ cần trau dồi để có được khả năng sáng tạo.*

II. Thân bài:

1. Giải thích:

- Khái niệm:
 - + Tư duy: khả năng suy nghĩ, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.
 - + Tưởng tượng: khả năng hình dung những điều không có thật, sáng tạo ra những ý tưởng mới.
- Mối quan hệ giữa tư duy và tưởng tượng:
 - + Tư duy là nền tảng cho tưởng tượng.
 - + Tưởng tượng giúp mở rộng tư duy, khơi nguồn sáng tạo.

2. Chứng minh:

- Vai trò của tư duy và tưởng tượng trong sáng tạo:
 - + Giúp con người tìm ra những giải pháp mới, độc đáo cho vấn đề.
 - + Thúc đẩy sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật.
 - + Góp phần xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn.
- Biểu hiện của tư duy và tưởng tượng trong sáng tạo:
 - + Khả năng đặt câu hỏi, tìm tòi, khám phá.
 - + Khả năng liên tưởng, sáng tạo ý tưởng mới.
 - + Khả năng giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.
- Dẫn chứng:
 - + Ví dụ về những người thành công nhờ tư duy và tưởng tượng sáng tạo.
 - + Thành tựu khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật được sáng tạo từ tư duy và tưởng tượng.

3. Phân tích:

- Tại sao tuổi trẻ cần trau dồi tư duy và tưởng tượng?
 - + Tuổi trẻ có nhiều năng lượng, nhiệt huyết và sẵn sàng tiếp thu cái mới.
 - + Tuổi trẻ cần trang bị cho mình những năng lực cần thiết để phát triển trong tương lai.
 - + Tư duy và tưởng tượng là những năng lực quan trọng giúp tuổi trẻ thành công.
- Cách trau dồi tư duy và tưởng tượng:
 - + Đọc sách, học tập, nghiên cứu.
 - + Rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo.
 - + Tham gia các hoạt động kích thích tư duy và tưởng tượng.

III. Kết bài:

- Khẳng định lại luận điểm.
- Nêu lời kêu gọi: Tuổi trẻ cần ý thức được tầm quan trọng của tư duy và tưởng tượng, trau dồi những năng lực này để phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

b. Viết thành văn phần *Mở bài* và ý tiếp theo thuộc phần *Thân bài*:

Mở bài:

Tuổi trẻ là giai đoạn đẹp nhất của cuộc đời, là quãng thời gian tràn đầy sức sống, nhiệt huyết và ước mơ. Đây cũng là giai đoạn quan trọng để mỗi người hình thành và phát triển những năng lực cần thiết cho tương lai. Trong số đó, tư duy và tưởng tượng là hai năng lực vô cùng quan trọng đóng vai trò chìa khóa cho khả năng sáng tạo.

Thân bài:

1. Giải thích:

- Tư duy: là khả năng suy nghĩ, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề. Tư duy bao gồm nhiều khía cạnh như tư duy logic, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo,...
- Tưởng tượng: là khả năng hình dung những điều không có thật, sáng tạo ra những ý tưởng mới. Tưởng tượng giúp con người vượt ra khỏi những khuôn khổ, giới hạn, mở rộng tầm nhìn và khơi nguồn cảm hứng sáng tạo.

c. Chuyển dần ý bài viết thành dàn ý bài thuyết trình:

Đề tài: Tư duy và tưởng tượng - Chìa khóa cho khả năng sáng tạo của tuổi trẻ

I. Mở bài:

1. Giới thiệu:

- Chào mừng các bạn đến với buổi thuyết trình của tôi về chủ đề *Tư duy và tưởng tượng - Chìa khóa cho khả năng sáng tạo của tuổi trẻ*.
- Tuổi trẻ là giai đoạn quan trọng để hình thành và phát triển những năng lực cần thiết cho tương lai.
- Trong số đó, tư duy và tưởng tượng là hai năng lực vô cùng quan trọng đóng vai trò chìa khóa cho khả năng sáng tạo.

2. Nêu luận điểm:

- Luận điểm 1: Tư duy và tưởng tượng là gì?
- Luận điểm 2: Vai trò của tư duy và tưởng tượng trong sáng tạo.
- Luận điểm 3: Tại sao tuổi trẻ cần trau dồi tư duy và tưởng tượng?
- Luận điểm 4: Cách trau dồi tư duy và tưởng tượng.

II. Thân bài:

1. Giải thích:

- *Tư duy*:
 - + Khái niệm: khả năng suy nghĩ, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.
 - + Các khía cạnh: tư duy logic, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo,...
- *Tưởng tượng*:
 - + Khái niệm: khả năng hình dung những điều không có thật, sáng tạo ra những ý tưởng mới.
 - + Vai trò: khơi nguồn cảm hứng, ý tưởng mới cho sáng tạo; giúp con người vượt ra khỏi những khuôn khổ, giới hạn, tìm ra những giải pháp độc đáo.

2. Chứng minh:

Vai trò của tư duy và tưởng tượng trong sáng tạo:

- *Tư duy*:
 - + Cung cấp nền tảng kiến thức, kỹ năng để con người có thể sáng tạo.
 - + Giúp con người phân tích vấn đề, đánh giá ý tưởng và đưa ra giải pháp sáng tạo.
- *Tưởng tượng*:
 - + Khơi nguồn cảm hứng, ý tưởng mới cho sáng tạo.
 - + Giúp con người vượt ra khỏi những khuôn khổ, giới hạn, tìm ra những giải pháp độc đáo.

Dẫn chứng:

- Albert Einstein: “Tưởng tượng quan trọng hơn kiến thức. Kiến thức chỉ giới hạn trong những gì chúng ta biết, trong khi tưởng tượng bao hàm cả thế giới mà chúng ta chưa biết.”
- Marie Curie: “Nhà khoa học không phải là người chỉ biết thu thập những con số, mà còn là người biết mơ ước và tưởng tượng.”
- Ví dụ về những người thành công nhờ tư duy và tưởng tượng sáng tạo:
 - + Elon Musk: nhà sáng lập SpaceX và Tesla.
 - + Bill Gates: nhà sáng lập Microsoft.
 - + J.K. Rowling: tác giả bộ truyện Harry Potter.

3. Phân tích: Tại sao tuổi trẻ cần trau dồi tư duy và tưởng tượng?

- Tuổi trẻ có nhiều năng lượng, nhiệt huyết và sẵn sàng tiếp thu cái mới.
- Tuổi trẻ cần trang bị cho mình những năng lực cần thiết để phát triển trong tương lai.
- Tư duy và tưởng tượng là những năng lực quan trọng giúp tuổi trẻ thành công.

4. Giải pháp: Cách trau dồi tư duy và tưởng tượng:

- Đọc sách, học tập, nghiên cứu:
- + Đọc sách giúp mở rộng kiến thức, kích thích tư duy và tưởng tượng.
- + Học tập và nghiên cứu giúp trau dồi kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo.
- Rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo:
- + Tham gia các khóa học, hội thảo về tư duy sáng tạo.
- + Luyện tập giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.
- Tham gia các hoạt động kích thích tư duy và tưởng tượng:
- + Tham gia các hoạt động nghệ thuật, sáng tạo.
- + Du lịch, khám phá những địa điểm mới.
- + Giao lưu, học hỏi với những người có tư duy sáng tạo.

III. Kết bài:

1. Khẳng định lại luận điểm:

- Tư duy và tưởng tượng là hai năng lực vô cùng quan trọng đóng vai trò chìa khóa cho khả năng sáng tạo.
- Tuổi trẻ cần ý thức được tầm quan trọng của tư duy và tưởng tượng, trau dồi những năng lực này để phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

2. Lời kêu gọi:

- Hãy trau dồi tư duy và tưởng tượng.

Câu 5. HS tự hoàn thiện ở nhà theo gợi ý:

Loại văn bản	Tên văn bản	Luận đề	Luận điểm	Thao tác lập luận
Nghị luận xã hội	1.			
	2.			
Nghị luận văn học	3.			
	4.			

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- Chuẩn bị bài 4: Yếu tố kỳ ảo trong truyện kể.

BÀI 4: YẾU TỐ KỲ ẢO TRONG TRUYỆN KỂ

Thời gian thực hiện: 09 tiết

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB1: *Hải khẩu linh từ* (*Đền thiêng cửa bể*, Trích – Đoàn Thị Điểm)

VB2: *Muối của rừng* (Trích – Nguyễn Huy Thiệp)

Thực hành đọc: *Bến trần gian* (Trích – Lưu Sơn Minh)

2. **Thực hành tiếng Việt:** Nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học

3. **Viết:** Viết bài văn nghị luận về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong tác phẩm văn học

4. **Nói và nghe:** Trình bày về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong tác phẩm văn học

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 9 tiết – KHGD

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 35-36-37:

VĂN BẢN 1: **HẢI KHẨU LINH TỪ**

(*Đền thiêng cửa bể*)

Đoàn Thị Điểm

(Thời gian thực hiện: 03 tiết)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- HS xác định, nhận biết được đề tài của truyện, nội dung, nhân vật trong truyện.
- Thông qua đọc bản dịch và tìm hiểu cước chú, HS phân tích được một số khía cạnh nghệ thuật cụ thể của truyện: ngôn ngữ, thủ pháp,...

2. Về năng lực:

- HS nhận diện, đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện (nhân vật, sự kiện, thủ pháp,...), so sánh với truyện cùng loại (Ví dụ: *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên*, SGK Ngữ văn 10, tập một).
- HS vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm; phân tích, đánh giá nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm.

3. **Về phẩm chất:** Có ý thức và thái độ trân trọng, yêu quý lịch sử, văn hóa, văn học của dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU:

1. **Thiết bị dạy học:** Máy tính, máy chiếu, Phiếu học tập, các công cụ đánh giá...

2. Học liệu:

- SGK Ngữ văn 12 tập 1; Sách giáo viên Ngữ Văn 12, tập 1
- Thiết kế bài giảng điện tử, tài liệu tham khảo.
- Video, clip, tranh ảnh liên quan đến bài học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Học sinh nhớ lại những kiến thức đã biết về thể loại truyện truyền kỳ.
- Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, huy động kiến thức trải nghiệm, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về truyện truyền kỳ thời trung đại.

b. **Nội dung:** HS làm việc, hoạt động nhóm bàn để tìm hiểu về thể loại.

c. **Sản phẩm:** Nội dung đã điền của cột K và W trong phiếu KWL.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. **Chuyển giao nhiệm vụ:** Chia lớp theo nhóm bàn, HS hoàn thành cột K và W của phiếu KWL sau:

K (Những điều em đã biết về thể loại truyện truyền kì)	W (Những điều em muốn biết thêm về truyện truyền kì)	L (Những điều em đã học được về thể loại truyện truyền kì)
Gợi ý: Các em nhớ lại kiến thức đã học ở lớp 10 để thực hiện.		

B2. **Thực hiện nhiệm vụ:** Thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn.

B3. Báo cáo thảo luận: HS đại diện nhóm trình bày nội dung cột K và W của phiếu KWL. Nhóm HS khác bổ sung (nếu có). GV ghi chú tóm tắt nội dung trả lời của HS trên phiếu KWL chung của cả lớp (treo trên bảng hoặc chiếu trên màn hình).

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV dựa trên cột K và W mà HS đã làm, xác định những vấn đề mà các em đã biết về thể loại truyện truyền kỳ; những vấn đề cần tìm hiểu thêm về thể loại này.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu: HS nắm được tri thức Ngũ văn về thể loại truyện truyền kỳ; **Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kỳ; Đặc điểm ngôn ngữ trong truyện truyền kỳ.**

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu về thể loại và đặc điểm của thể loại.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
HS: Đọc SGK phần Tri thức Ngũ văn. B1. Chuyển giao nhiệm vụ: Nhóm 1: Trình bày nguồn gốc và tính đặc thù của thể loại truyện truyền kỳ? Nhóm 2: Yếu tố kì ảo diện ở các thành phần cấu tạo chủ yếu của tác phẩm như nhân vật, sự việc và cả ở thủ pháp nghệ thuật. Hãy cho biết sự hiện diện đó như thế nào? Nhóm 3: Đặc điểm ngôn ngữ trong truyện truyền kỳ B2. Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm đọc phần Tri thức Ngũ văn thực hiện nhiệm vụ. B3. Báo cáo thảo luận: Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: HS các nhóm lắng nghe, bổ sung nội dung trình bày. GV cùng HS chốt kiến thức cần nhớ về tri thức Ngũ văn.	1. Truyện truyền kỳ : - Truyện truyền kỳ là thể loại văn xuôi tự sự có nguồn gốc từ văn học Trung Quốc, được tiếp nhận và phát triển ở các nước thuộc khu vực chịu ảnh hưởng văn hoá Hán. Thuật ngữ truyện kỳ xuất hiện vào cuối đời Đường, dùng để định danh một loại truyện mới, được phát triển từ loại truyện chí quái, chí dị vốn hình thành trước đó. - Truyện truyền kỳ phát triển trên nền tảng thần thoại, truyền thuyết,.. của văn học dân gian và những tín ngưỡng văn hoá trong đời sống tinh thần của các dân tộc. Trong truyện truyền kỳ, yếu tố kì ảo được sử dụng như một phương thức nghệ thuật có tính đặc thù nhằm thể hiện các vấn đề của thực tại. 2. Yếu tố kì ảo trong truyện truyền kỳ: Trong truyện truyền kỳ, yếu tố kì ảo hiện diện ở mọi thành phần cấu tạo chủ yếu của tác phẩm như nhân vật, sự việc và cả ở thủ pháp nghệ thuật. a. Nhân vật kì ảo: Nhân vật có thể có năng lực siêu nhiên, xuất thân kì lạ, diện mạo khác thường, hành tung biến hoá,.. Trong truyện truyền kỳ, nhân vật kì ảo và nhân vật phàm trần đối thoại, tương tác,... với nhau một cách tự nhiên, không có sự cách biệt. Thân phận (khác thường, lạ lùng) của con người cũng trở thành một đối tượng phản ánh đặc biệt, nhằm thể hiện các ý niệm, khắc hoạ bức tranh phong phú về đời sống. Nếu như nhân vật trong thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích và truyện chí quái thường thuộc về một tuyến nhất định (xấu - tốt, cao cả - thấp hèn,...) và có tính chức năng (do vậy mà hành động khá đơn điệu) thì nhân vật trong truyện truyền kỳ được chú trọng xây dựng với những góc cạnh đa dạng, thể hiện dụng ý nghệ thuật thâm thúy. b. Sự việc kì ảo: - Các biến cố, sự kiện, hành động,.. kì ảo liên kết với nhau thành chuỗi, tạo nên cốt truyện có tính chất li kì, huyền hoặc. Sự việc kì ảo thường xảy ra trong một không gian và thời gian khác lạ, bất thường.

	+ Về không gian, có không gian cõi tiên với cảnh tượng kì thú; không gian âm phủ với khung cảnh hãi hùng; thiên nhiên sóng cuộn gió gào gọi cảm giác sợ hãi,... + Về thời gian, có thời gian ban đêm mang đến ấn tượng huyền bí; thời gian hư ảo gọi ấn tượng về sự tĩnh tại, vĩnh hằng,... - Cốt truyện của truyện truyền kì thường gắn chặt với các yếu tố văn hoá, tín ngưỡng, truyền thống lịch sử,.. của từng dân tộc. c. Thủ pháp nghệ thuật: - Sự kết hợp linh hoạt giữa yếu tố kì ảo (thường được nhận diện tương đối gồm kì lạ, khác thường, siêu phàm,... và quái dị, ma quỷ, yêu tinh,...) với yếu tố thực là thủ pháp quan trọng của truyện truyền kì. Biểu hiện cụ thể là sự hoà trộn không gian các cõi (thần tiên, trần tục, âm phủ,...); sự thống nhất về thời gian thực và mộng, biến động xoay vần và tĩnh tại bất biến. Việc sử dụng giấc mộng, đan xen thực tại với hồi ức,.. cũng là thủ pháp khá phổ biến giúp các tác giả tạo dựng nên một thế giới nghệ thuật có tính phức hợp. - Truyện truyền kì chủ yếu hướng đến các nội dung xã hội - lịch sử. Do đó, yếu tố kì ảo được tác giả sử dụng như một phương thức nhằm lí giải một nội dung hiện thực nhất định; yếu tố kì ảo tham gia vào câu chuyện đã tạo nên sự lôi cuốn, sức hấp dẫn, sự li kì,.. của tác phẩm. Trong truyện hiện đại, yếu tố kì ảo vẫn được các nhà văn tiếp tục khai thác, sử dụng theo nhiều cách thức khác nhau. 3. Đặc điểm ngôn ngữ trong truyện truyền kì: - Truyện truyền kì thường có sự đan xen tản văn với biên văn và vận văn. Trong một truyện, có thể xuất hiện nhiều "tác phẩm" biên văn hoặc thơ ca được dẫn một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, phụ thuộc vào tình tiết, diễn biến của câu chuyện hoặc đối thoại giữa các nhân vật. - Ngôn ngữ truyện truyền kì: thường sử dụng lối nói so sánh - ẩn dụ; ưa hình thức biểu đạt câu kì, khoa trương, phóng đại; chuộng ngôn từ hoa mỹ; dùng nhiều điển cố, hình ảnh biểu trưng,.. Nhìn chung, tính văn chương, giá trị biểu cảm của tác phẩm được tác giả truyện truyền kì đặc biệt chú trọng.

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: Hải khẩu linh từ

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu: HS nắm được thông tin khái quát về tác giả Đoàn Thị Điểm; Tập “Truyện kỳ tân phả” và truyện “Hải khẩu linh từ”.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân để tìm hiểu về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: HS đọc văn bản và phần Cước chú - SGK. Chú ý: Thẻ đọc chỉ dẫn .	I. Tìm hiểu chung: 1. Tác giả: Đoàn Thị Điểm (1705 - 1748), hiệu Hồng Hà nữ sĩ. - Người huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. - Sinh ra trong một gia đình có truyền thống khoa bảng.

2. Tác giả: Trình bày hiểu biết của em về tác giả Đoàn Thị Điểm? 3. Tác phẩm: Em biết gì về cuốn “<i>Truyện kỳ tân phả</i>” và truyện “<i>Hải khẩu linh từ</i>”? Chú ý: Các thông tin về nhân vật lịch sử Bích Châu. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS sau khi đọc cá nhân ghi lại vấn đề cần trả lời. B3. Báo cáo thảo luận: HS báo cáo kết quả. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Nghe câu trả lời, HS bổ sung cùng GV chốt kiến thức cơ bản cần nhớ.	- Bà từng mở trường và có công dạy học cho cung nữ trong phủ chúa Trịnh. - Là người tài sắc, biết nghề làm thuốc, văn chương nổi tiếng đương thời. - Tác phẩm: “Truyện kỳ tân phả”; Bản dịch “Chinh phụ ngâm”. 2. Văn bản: a. <i>Truyện kỳ tân phả</i>: Tên gọi khác: Tục Truyện kỳ lục (Ghi chép nối tiếp sách “Truyện kỳ”) - muốn tiếp nối “Truyện kỳ mạn lục” của Nguyễn Dữ. b. <i>Hải khẩu linh từ (Đền thiêng cửa biển)</i>: - Là một truyện trong “Truyện kỳ tân phả” - Kể về nhân vật chính là nàng Bích Châu, một cung phi thời Trần, là người tài sắc đức độ, luôn quan tâm chính sự. - Truyện được viết dựa trên một số sự kiện lịch sử có thật với những tên người, tên đất xác thực nhưng phần hư cấu nghệ thuật vẫn hết sức đậm nét. Tác giả đã đưa vào những yếu tố kỳ ảo để chuyển đổi hình thức các sự kiện nhằm thể hiện tư tưởng và quan niệm thẩm mỹ riêng của mình.

2.2. Khám phá văn bản

1. Nhân vật nàng Bích Châu

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm lai lịch, chân dung, phẩm chất nhân vật nàng Bích Châu thể hiện qua:

+ Lời can gián

+ Các sự kiện, chi tiết tiêu biểu thể hiện suy nghĩ, hành động... của nhân vật.

+ Sự việc kỳ ảo

- Phân tích và đánh giá được một số yếu tố hình thức (không gian, thời gian, nhân vật, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật, yếu tố hoang đường, tưởng tượng...) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, thông điệp...) của truyện truyền kì.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu về nhân vật.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm				
1. Nhân vật nàng Bích Châu a. Lai lịch, chân dung Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV: - Yêu cầu HS đọc phần mở đầu truyện và hoàn thành Phiếu học tập số 1 theo hình thức thảo luận cặp đôi: - Lai lịch và chân dung nhân vật nàng Bích Châu được giới thiệu qua những chi tiết nào? Nhận xét về cách giới thiệu đó. PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 (THEO CẶP ĐÔI) <table border="1"> <tr> <th>Nhóm</th><th>Nhóm:.....</th></tr> <tr> <td>Nội dung: Tìm hiểu lai lịch,</td><td>* Lai lịch:</td></tr> </table>	Nhóm	Nhóm:.....	Nội dung: Tìm hiểu lai lịch,	* Lai lịch:	II. Khám phá văn bản 1. Nhân vật nàng Bích Châu a. Lai lịch, chân dung - Nàng Bích Châu xuất hiện ở phần mở đầu của câu chuyện qua các chi tiết: + Nguyễn Cơ - cung phi triều Trần + Con gái nhà quan, tên chữ Bích Châu + Đoan trang, dung nhan tươi tắn + Là người thông hiểu âm luật - Cách giới thiệu theo công thức truyền thống của văn học trung đại ngắn gọn, trực tiếp, ngay từ đầu đã tạo được ấn tượng chân thực, quen thuộc, sâu sắc về nhân vật.
Nhóm	Nhóm:.....				
Nội dung: Tìm hiểu lai lịch,	* Lai lịch:				

chân dung nàng Bích Châu	*Chân dung: ⇒ Nhận xét:	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:
HS trao đổi theo cặp đôi, hoàn thành Phiếu học tập số 1.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:
GV gọi đại diện một số cặp trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:
GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

b. Phẩm chất của nàng Bích Châu

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
Các nhóm hoàn thành **phiếu HT số 2,3,4,5** về nhân vật nàng Bích Châu theo hình thức thảo luận nhóm.
GV chia lớp thành 04 nhóm:

- **Nhóm 1:** Phẩm chất của nàng Bích Châu qua lời can gián
- **Nhóm 2:** Phẩm chất của nàng Bích Châu qua suy nghĩ
- **Nhóm 3:** Phẩm chất của nàng Bích Châu qua hành động
- **Nhóm 4:** Phẩm chất của nàng Bích Châu qua sự việc kì ảo

Thời gian làm việc nhóm: 05 phút
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2,3,4,5 (THEO NHÓM)

Nội dung: Tìm hiểu phẩm chất nàng Bích Châu	Tìm chi tiết	Nhận xét
Nhóm 1: Qua lời can gián		
Nhóm 2: Qua suy nghĩ		
Nhóm 3: Qua hành động		
Nhóm 4: Qua sự việc kì ảo		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:
(Có thể dùng giấy A0 để làm phiếu)

b. Phẩm chất của nàng Bích Châu

*** Qua lời can gián**

- Chi tiết:

- + Bích Châu thấy chính sự quốc gia tiếp theo thói tệ thời Tôn Đức nên ngày càng suy kém, bèn viết bài biểu *Kê minh thập sách* dâng lên.
- + Khi nhà vua muốn đẩy binh thảo phạt Chiêm Thành đang quấy phá bờ cõi, Bích Châu dâng biểu can gián, khuyên vua nên rộng lượng, dừng việc binh đao để dân chúng được yên vui.

- Phẩm chất: Bích Châu là con người vừa có sự cương trực, vừa có lòng bao dung, thương yêu dân chúng, ghét cảnh chiến tranh.

*** Qua suy nghĩ**

- Chi tiết: “Nghĩa là vua tôi, ơn là chồng vợ, đã không lấy lòng trung can gián nổi để giữ nền bình trị, lại không khéo lấy lời ngay để ngăn lòng hiếu chiến, thật là sống thừa trong cõi đất trời vậy”.

- Phẩm chất: Bích Châu biết suy nghĩ một cách vẹn toàn về những điều gốc rễ của chính sự quốc gia, lo lắng cho nền trị bình của đất nước.

*** Qua hành động**

- Chi tiết: Trong tình thế cấp bách (Giao thần buộc nhà vua phải cống nạp phi tần, đúng vào lúc đất nước gặp nạn), mặc dù nhà vua không chấp thuận nhưng Bích Châu đã không “tham luyến phồn hoa”, chẳng “tiếc thân bỏ liễu”; nàng cũng không cần so đo tính toán mà quyết gieo mình xuống biển, tự nộp thân mình cho Giao thần để giải gỡ mối nguy trước mắt của quan quân.

- Phẩm chất: Bích Châu là con người quyết liệt, một lòng vì nghĩa vong thân, vì an nguy của đất nước mà dũng cảm hy sinh, không màng sống chết.

*** Qua sự việc kì ảo**

- Nàng Bích Châu hiển linh hai lần trong hai sự kiện “vãng - hoàn” của vua Lê Thánh Tông:

- + Lần thứ nhất, nàng giải bày mối oan khuất với vua Lê, được nhận “ơn tái tạo” (nàng âm thầm phù trợ giúp nhà vua “đi đến đâu như gió mùa thu bẻ cành khô, núi Thái Sơn đè quả trứng, bắt sống tù trưởng, hát khúc khải hoàn”).

Kết hợp kĩ thuật khăn trải bàn



Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.
 - HS lắng nghe và đặt câu hỏi phản biện
- Dự kiến:

- + **Với nhóm 1:** Việc nàng Bích Châu can gián vua có vi phạm quy định hậu cung không được can thiệp chuyện triều chính không?
- + **Với nhóm 2:** “Nghĩa” và “ơn” trong ý “nghĩa là vua tôi, ơn là chồng vợ” được hiểu như thế nào?
- + **Với nhóm 3:** Hành động gieo mình xuống sông, nộp thân cho Giao thần có phải là sự coi thường mạng sống không? Vì sao?
- + **Với nhóm 4:** Nếu bỏ sự việc kì ảo thì nhân vật và cốt truyện sẽ thế nào?

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của một số nhóm tiêu biểu, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong hoạt động nhóm của HS.
- Chuẩn kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.

+ Lần thứ hai, nàng tỏ bày sự “không được yên lòng về chỗ vua tôi, chồng vợ” vì ý kết của bài thơ nhà vua ngự đề trên miếu thờ. Ý thơ ngự đề chuyển từ việc ca tụng công tích của Bích Châu sang việc ghi nhận khí tiết, phẩm giá của nàng.

- Lập đền thờ: Nhà vua “về đến kinh đô, nhà vua hạ chiếu cho lập đền thờ phu nhân... Mãi đến đời nay khói hương vẫn còn nghi ngút, rất là linh ứng”.

=> Nàng Bích Châu trung trinh đã hóa thân thành một biểu tượng bất tử trong lòng nhân dân.

Tiểu kết: Tác giả đã xây dựng một mẫu hình phụ nữ mang vẻ đẹp lí tưởng: diện mạo xinh đẹp, tươi tắn, tính cách trung trinh, kiên định; có trí tuệ sắc sảo và tinh thần trượng nghĩa; có lòng nhân từ khoan hậu và đức hi sinh;...

2. Đặc điểm truyện truyền kì

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được các yếu tố cơ bản của truyện truyền kì: đề tài, cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật...
- Biết liên hệ, đối sánh với truyện cổ dân gian.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời hoàn thiện của cá nhân và nhóm; kết quả phiếu học tập số 6,7,8,9.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
2. Đặc điểm truyện truyền kì Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV: - Yêu cầu HS đọc văn bản, chú ý phân cước chú và hoàn thành Phiếu học tập số 6,7,8,9 theo hình thức thảo luận nhóm: GV chia lớp thành 04 nhóm:	2. Đặc điểm truyện truyền kì a. Đề tài, cốt truyện - Đề tài: Quá trình thống nhất giang sơn của các triều đại phong kiến, sự kiện lịch sử diễn ra ở đời Trần và đời Lê. - Cốt truyện: Các biến cố, sự kiện, hành động,... kì ảo liên kết với nhau thành chuỗi, tạo nên cốt truyện có tính chất li kỳ, huyền hoặc; cốt truyện của truyện truyền kì <i>Đền thiêng của bề</i> gắn với các yếu tố văn hoá, tín ngưỡng về

- **Nhóm 1:** Đề tài, cốt truyện truyện truyền kì
 - **Nhóm 2:** Nhân vật truyện truyền kì
 - **Nhóm 3:** Ngôn ngữ truyện truyền kì
 - **Nhóm 4:** Thủ pháp nghệ thuật trong truyện truyền kì
- Thời gian làm việc nhóm: 05 phút**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6,7,8,9
(THEO NHÓM)**

Nội dung: Tìm hiểu đặc điểm truyện truyền kì	Đặc điểm	Nhận xét
Nhóm 1: Đề tài, cốt truyện		
Nhóm 2: Nhân vật		
Nhóm 3: Ngôn ngữ		
Nhóm 4: Thủ pháp nghệ thuật		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:
(Có thể dùng giấy A0 để làm phiếu)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm.
- HS lắng nghe và đặt câu hỏi phản biện

Dự kiến:

- + **Với nhóm 1:** Đề tài, cốt truyện của tác phẩm khiến ta kiên tưởng đến thể loại văn học dân gian nào?
- + **Với nhóm 2:** Điểm khác biệt lớn nhất về nghệ thuật xây dựng nhân vật trong tác phẩm này là gì?
- + **Với nhóm 3:** Vì sao nói việc sử dụng hiệu quả lời đối thoại là một trong những đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm?
- + **Với nhóm 4:** “Kì” và “thực”, đâu mới là yếu tố đặc trưng của truyện truyền kì? Vì sao?

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

- GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của một số nhóm tiêu biểu, chỉ ra những ưu điểm và hạn

đền thờ bà Nguyễn Thị Bích Châu.

b. Nhân vật

- Hệ thống nhân vật trong truyện thuộc nhiều giai tầng, lãnh giới, thời đại khác nhau: vua Trần Duệ Tông, Bích Châu, các phụ lão, Giao thần, vua Lê Thánh Tông, Nguyễn Trùng Ý, Lương Thế Vinh, Quảng Lợi vương... Nhân vật chính là nàng Bích Châu.

- Nhân vật có thể có năng lực siêu nhiên, xuất thân kỳ lạ, diện mạo khác thường, biến hoá,...

- Nhân vật kì ảo và nhân vật phàm trần đối thoại, tương tác với nhau một cách tự nhiên, không có sự cách biệt.

- Nhân vật được chú trọng xây dựng với nhiều góc cạnh đa dạng: lai lịch, ngoại hiện, suy nghĩ, hành động, phẩm chất...

c. Ngôn ngữ

- **Lời kể:** Lời kể ở ngôi thứ ba, điểm nhìn bên ngoài, có sự đan xen tản văn với biền văn và vận văn; sử dụng lối nói so sánh - ẩn dụ; ưa hình thức biểu đạt cầu kỳ, khoa trương, phóng đại; chuộng ngôn từ hoa mỹ; dùng nhiều điển cố, hình ảnh biểu trưng;...

- **Lời đối thoại:** Ngôn ngữ đối thoại trong *Đền thiêng cửa bể* được tác giả sử dụng tới trên 30 lời thoại; các nhân vật chính đều có lời thoại trực tiếp; có cả lời thoại trong “hiện thực lịch sử” và lời thoại của các nhân vật thuộc hai thế giới hữu hình và vô hình,... lời đối thoại được tác giả sử dụng khá nhuần nhuyễn, tự nhiên, tương thích với nội dung và diễn biến câu chuyện,...

=> Tính văn chương, giá trị biểu cảm của tác phẩm được chú trọng qua ngôn ngữ. Điều này đã góp phần làm nên sự hấp dẫn của câu chuyện trong việc thể hiện chủ đề - tư tưởng của tác phẩm.

d. Thủ pháp nghệ thuật

* *Sự đan xen giữa yếu lịch sử và yếu tố kì ảo:*

- Yếu tố lịch sử: cốt lõi là các sự thật lịch sử (sự nghiệp mở rộng bờ cõi của các vua đời Trần và đời Lê; ngôi đền thờ Chế Thắng phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu ở Hà Tĩnh;...)

- Yếu tố kì ảo: gắn liền với các nhân vật, sự kiện, chi tiết kì ảo xuất hiện từ đầu đến cuối thiên truyện (Giao thần cản trở; Bích Châu hiến mạng cứu nguy; thủy quốc của Quảng Lợi vương; viên ngọc minh châu; Bích Châu hiển linh;...).

+ **Vai trò:**

. Là yếu tố không thể thiếu của thể loại truyện truyền kì.

. Khắc họa đậm nét nhân vật và sự việc, thể hiện dụng ý của nhà văn.

. Tạo nên sự lôi cuốn, li kì, sức hấp dẫn,... cho câu chuyện.

. “Lấy kỳ nói thực” là phương thức lí giải nội dung hiện thực của truyện truyền kì (Qua việc miêu tả “bộ máy nhà nước” của Quảng Lợi vương và nội dung hai bức thư trao đổi của vua Lê Thánh Tông và Quảng Lợi vương).

+ *Liên hệ với vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện cổ dân gian:*

. Trong một số kiểu loại truyện dân gian như *thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích*, yếu tố kì ảo được nhìn nhận

chế trong hoạt động nhóm của HS. - Chuẩn kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.	như biểu hiện của một thế giới riêng, trở thành đối tượng, nội dung phản ánh trực tiếp của câu chuyện. Sự xuất hiện của yếu tố kì ảo trong thần thoại và truyền thuyết thường gắn với việc nhân hoá các lực lượng tự nhiên; yếu tố kì ảo trong truyện cổ tích, đặc biệt là truyện cổ tích thần kỳ, thường tập trung thể hiện ở kiểu nhân vật có phép lạ, có tài biến hoá,... . Truyện <i>chí quái, chí dị</i> thiên về các đề tài, nội dung có tính chất ma quái. Tuy nhiên, câu chuyện và nhân vật trong truyện chí quái thường đơn điệu, đơn tuyến. => Sự đan xen giữa yếu tố lịch sử và yếu tố kì ảo trong truyện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp việc thể hiện nội dung tư tưởng - chủ đề của tác phẩm được trọn vẹn và hấp dẫn, lôi cuốn: nền trị bình của đất nước là thiêng liêng, chính sự quốc gia là việc hệ trọng; được các thế lực siêu nhiên thần thánh phù trợ; con người, nếu giữ trọn đạo nghĩa, biết hiến dâng cho mục đích cao đẹp thì sẽ được hóa thân vào lịch sử, trở nên linh thiêng bất tử. - <i>Không gian</i>: có sự hòa trộn giữa các cõi thần tiên, trần tục, cõi âm,... - <i>Thời gian</i>: thống nhất về thời gian thực và mộng, biến động xoay vần và tĩnh tại bất biến,. - <i>Giấc mộng</i>: sử dụng mô típ giấc mộng (vua mơ thấy nàng Bích Châu). Đây là thủ pháp quan trọng của truyện truyền kì, tạo một không gian nghệ thuật có tính phức hợp.

2.3. Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB

b. Nội dung: GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
III. Tổng kết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Theo em, điều gì làm nên sức hấp dẫn của <i>Hải khẩu linh từ</i>? Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật và sức cuốn hút của truyện? Nội dung, ý nghĩa của văn bản? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS: Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ra giấy. GV: theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân kết hợp trao đổi nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận: + Tổ chức trao đổi, trình bày nội dung đã thảo luận. + HS nhận xét lẫn nhau.	III. Tổng kết 1. Đặc sắc nghệ thuật - Sử dụng kết hợp yếu tố kì ảo và yếu tố thực: + Yếu tố kì ảo -> tăng sức hấp dẫn cho câu chuyện. + Yếu tố thực -> tăng sức thuyết phục cho các sự kiện và nhân vật được kể. - Xây dựng cốt truyện giàu kịch tính -> tạo sức lôi cuốn. - Cách kể, dẫn dắt truyện khéo léo, nhiều chi tiết đặc sắc, hấp dẫn. 2. Giá trị nội dung - Câu chuyện về nàng Bích Châu, một nhân vật gắn với những truyền tụng về các sự kiện lịch sử diễn ra ở đời Trần và đời Lê - Gián tiếp đề cập quá trình thống nhất giang sơn của các triều đại phong kiến - Ca ngợi tấm gương trung trinh, tiết nghĩa của người phụ nữ tài sắc vẹn toàn, một lòng vì non sông đất nước. 3. Lưu ý khi đọc hiểu truyện truyền kì: - Đọc và xác định đề tài, cốt truyện và hệ thống sự kiện. - Tìm hiểu thế giới nhân vật. - Nhận xét về ngôn ngữ (lời kể và lời nhân vật).

Bước 4: Đánh giá, kết luận: - GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức, rút ra kỹ năng đọc hiểu văn bản truyện truyền kì.	- Hệ thống các yếu tố kì ảo. - Quan điểm hiện thực của tác giả. - Kết nối để xác định chủ đề, giá trị của văn bản.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

b. Nội dung: HS làm việc cá nhân, thực hiện viết đoạn văn phân tích theo chủ đề

c. Sản phẩm: Đoạn văn HS viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) phân tích một yếu tố làm nên sức hấp dẫn của câu chuyện trong *Hải khẩu linh từ*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

Bảng kiểm kỹ năng viết đoạn văn

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng 150 chữ		
2	Đoạn văn đúng chủ đề: phân tích một yếu tố làm nên sức hấp dẫn của câu chuyện trong <i>Hải khẩu linh từ</i> . (Chi tiết kì ảo, cách xây dựng nhân vật, ngôn ngữ kể truyện...)		
3	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn, có sự kết hợp các thao tác lập luận phù hợp.		
4	Đoạn văn đảm bảo yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		
5	Đoạn văn thể hiện sự sáng tạo: suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.		

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo

Con người và thần linh, dương gian và âm thế, cõi thực và cõi mộng... tất cả hòa quyện trong những chi tiết kì ảo, đưa người đọc đến với một không gian đa chiều, phức hợp trong tác phẩm *Hải khẩu linh từ- Đèn thiêng cửa bể* (Đoàn Thị Diễm). Màu sắc kì ảo đã góp phần làm cho câu chuyện thêm phần kịch tính, khiến người đọc chờ đợi, hồi hộp suy đoán về cuộc đời nàng Bích Châu, về công tích và sự hi sinh vì chính nghĩa của nàng, về vận mệnh của giang san đất nước... Tất cả xoay quanh một trục hồn hòa giữa “kì” và “thực” tạo nên chất men say li kì, cuốn hút của tác phẩm.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

b. Nội dung: HS làm việc nhóm thực hiện bài tập dự án.

c. Sản phẩm: Bài tập dự án.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

DẠY HỌC DỰ ÁN:

GV yêu cầu HS biên kịch và nhập vai tái hiện một cảnh đặc sắc trong câu chuyện về nàng Bích Châu

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập

- GV khích lệ, giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em trình bày sản phẩm sau khi hoàn thành.
- Báo cáo sản phẩm dự án sau 01 tuần.
- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức thực hiện nhiệm vụ của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

4. Củng cố: Sau bài học hoàn thành cột L của phiếu KWL

5. Hướng dẫn học ở nhà:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học hoặc vẽ tranh hình ảnh ấn tượng về bài học.
- Tìm đọc thêm các truyện truyền kì trong và ngoài nước.
- Chuẩn bị soạn bài: đọc, tìm hiểu về tác giả Nguyễn Huy Thiệp và văn bản *Muối của rừng* (tóm tắt truyện, trả lời câu hỏi trong SGK)

Tiết 38-39 : VĂN BẢN 2

MUỐI CỦA RỪNG

(Trích)

Nguyễn Huy Thiệp

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết và phân tích, đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện ngắn hiện đại.
- HS vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm cuộc sống và tri thức văn học để đánh giá, phê bình, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.
- HS biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản, phân tích được các chi tiết tiêu biểu trong văn bản.
- HS biết so sánh, đánh giá các tác phẩm văn học có những mối liên hệ nhất định với nhau, làm rõ được những yếu tố vay mượn, cải biên,...

2. Về năng lực:

a. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
- Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản.

3. Về phẩm chất:

- HS có ý thức trân trọng, bảo vệ thiên nhiên, có lối sống hoà hợp với thế giới tự nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Bảng, máy tính, máy chiếu

2. Học liệu: SGK, SGV Ngữ văn 12 (tập một), Tư liệu về Nguyễn Huy Thiệp

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học *Muối của rừng*

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề. HS lắng nghe, suy nghĩ.

c. Sản phẩm: Hs chia sẻ về câu chuyện của mình, lắng nghe chia sẻ của người khác và định hướng bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ <i>Em hãy kể tên một số tác phẩm có yếu tố kì ảo trong văn học hiện đại? Nêu cảm nhận cảm nhận về các yếu tố kì ảo trong tác phẩm đó</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs suy nghĩ, thực hiện B3. Báo cáo thảo luận: HS trình bày kết quả làm việc của mình. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức <i>Trong các tác phẩm truyện kể, bên cạnh các yếu tố như cốt truyện, không gian, thời gian, nhân vật, người kể chuyện... thì yếu tố kì ảo đóng vai trò khá quan trọng. Yếu tố kì ảo góp phần tạo nên sự hấp dẫn cho câu chuyện, đồng thời thể hiện quan niệm của tác giả về thế giới và con người.</i>	HS kể tên và nêu cảm nhận về các yếu tố kì ảo trong tác phẩm: Alice ở Xứ Sở Thần Tiên: là cuốn tiểu thuyết dành cho thiếu nhi của tác giả người Anh Charles Lutwidge Dodgson dưới bút danh Lewis Carroll viết năm 1865. Câu chuyện kể về cô bé Alice chui qua một hang thỏ rồi lạc vào thế giới thần tiên có những sinh vật kì lạ. Vàng và Máu (Thế Lữ): có màu sắc huyền bí, rừng rợn, thể hiện những góc khuất trong tâm hồn con người.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS nắm được thông tin cần thiết về tác giả Nguyễn Huy Thiệp, văn bản *Muối của rừng*.
- Hs đọc, hiểu nội dung

b. Nội dung:

- Gv hướng dẫn HS đọc và thu thập thông tin cần thiết.
- HS đọc, quan sát SGK

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: Gv hướng dẫn cách đọc: - Đọc rõ ràng, mạch lạc. - Nghe nhìn SGK và gạch chân ở những từ ngữ quan trọng. 2. Tác giả HS tìm hiểu tác giả và trả lời câu hỏi: - Trình bày những thông tin cơ bản về tác giả. - Nêu ấn tượng đặc biệt nhất của em về Nguyễn Huy Thiệp. 3. Tác phẩm - Trình bày những thông tin cơ bản về tác phẩm.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Nguyễn Huy Thiệp (1950- 2021). Quê ở Hà Nội. - Sáng tác kịch, tiểu thuyết, thơ, viết tiểu luận nhưng thành tựu đặc sắc nhất của ông là truyện ngắn - TP tiêu biểu: <i>Tướng về hưu</i> (tập truyện ngắn, 1987) <i>Những ngọn gió Hua Tát</i> (tập truyện ngắn, 1989), <i>Tuổi hai mươi yêu dẫu</i> (tiểu thuyết, 2003), <i>Giăng lưới bắt chim</i> (tập tiểu luận, 2006)... - Đặc điểm truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp: + Có cái nhìn sắc lạnh về hiện thực và lịch sử, thể hiện được sự phồn tạp, bí ẩn của đời sống. + Bút pháp cô đọng, dồn nén, ngôn ngữ giàu tính đối thoại => Là một cây bút xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại. 2. Văn bản - Xuất xứ: in lần đầu trên báo <i>Văn nghệ</i> năm 1987 - Thể loại: Truyện ngắn

- Tóm tắt nội dung của truyện ngắn “Muối của rừng”. B2. Thực hiện nhiệm vụ HS đọc văn bản, rút ra thông tin cần thiết. B3. Báo cáo thảo luận HS trả lời B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, kết luận, khắc sâu nội dung bằng sơ đồ: Vào rừng đi săn => Bắt khi đực => Phóng sinh khi đực => trở về gặp hoa Tử Huyền - Muối của rừng.	- Tóm tắt tác phẩm: <i>Muối của rừng</i> có bối cảnh nhân một ngày đẹp trời và có một cây súng mới do con trai mua cho, ông Diều quyết định vào rừng đi săn. Sau đó ông Diều đã bắn được một con khi đực và một loạt các sự việc sau đó khiến ông đi hết từ cảm xúc này, đến cảm xúc khác. Khi con khi cái đến cứu khi đực, ông Diều đã tức giận và nghĩ rằng hành động của khi cái là giả dối. Sau đó, con khi con cũng lao đến và cướp súng của ông, nhưng không may là nó lại lao xuống vực. Chứng kiến cái chết của khi con, ông Diều dâng lên một nỗi sợ hãi và kinh hoàng. Ông nghe thấy một tiếng kêu và khi đến gần thì nhận ra đây là con khi đực đang bị thương. Người đàn ông vui mừng vì lại bắt được khi đực để mang về và đã vứt hết quần áo để có thể dễ dàng leo lên chỗ con khi nằm. Nhưng khi chứng kiến tình cảnh thê thảm, yếu ớt của khi đực ông đã động lòng thương và quyết định cứu nó rồi đưa nó xuống núi. Nhìn thấy tình cảm của những loài vật dành cho nhau, ông đã quyết định buông tha cho khi đực và bỏ đi. Sau đó ông Diều đã gặp loài hoa tử huyền mà chỉ ba mươi năm mới nở một lần. Nó như ẩn dụ cho những điều tốt đẹp sẽ đến khi con người biết yêu và bảo vệ thiên nhiên.

Nội dung 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được những chi tiết, hình ảnh trong văn bản *Muối của rừng*.
- Chỉ ra, phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản *Muối của rừng*.
- Nhận biết và phân tích, đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện ngắn hiện đại qua văn bản *Muối của rừng*, liên hệ với yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì “Đền thiêng cửa bể”.

b. Nội dung:

- GV hướng dẫn HS đọc và khám phá văn bản, thu thập thông tin cần thiết.
- HS đọc, quan sát SGK

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Muối của rừng*.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS			Dự kiến sản phẩm		
Nhiệm vụ 1: B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS chia lớp thành 3 nhóm, thực hiện yêu cầu sau: - <i>Nên chia văn bản thành mấy đoạn?</i> <i>Tóm tắt nội dung từng đoạn bằng 1 câu thật ngắn gọn.</i>			II. Khám phá văn bản 1. Bố cục của văn bản		
Đoạn VB	Vị trí đoạn VB	Nội dung chính của đoạn VB	Đoạn VB	Vị trí đoạn VB	Nội dung chính của đoạn VB
1			1	“Ông Diều... nặng nề”	Mùa xuân, ông Diều đi săn, gặp đàn khi và bắt trúng con khi đực
2			2	“Sự hỗn loạn... buồn mòi”	Ông Diều chứng kiến khi cái quay lại dìu khi đực chạy đi
...	...	...	3	“Từ mô đá... từng đường nét”	Ông Diều bị khi con cướp súng và chứng kiến những sự lạ
			4	“Có tiếng kêu... an toàn”	Ông Diều leo lên mỏm núi và cứu chữa con khi đực
B2. Thực hiện nhiệm vụ					

Các nhóm thảo luận, hoàn thành phiếu học tập.	5	“Ông Diều lần mò... con khi đực nằm”	Ông Diều ôm khi đực xuống núi rồi lại phóng sinh cho nó
B3. Báo cáo thảo luận Nhóm cử đại diện trình bày, nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.	6	Phần còn lại	Ông Diều ra về và gặp hoa tử huyền
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, đánh giá	2. Nhan đề “Muối của rừng” *Cách đặt nhan đề - Nhan đề gợi ra câu chuyện về thiên nhiên (như <i>Đất rừng phương Nam</i> (Đoàn Giỏi), <i>Chiếc lá cuối cùng</i> (O. Hen-ry - O. Henry),... - Nhan đề gợi ra những chuyện lạ (vì bình thường thì muối gắn với biển) - Nhan đề kết nối chặt chẽ với phần kết của câu chuyện: Ông Diều phóng sinh cho con khi, ra về gặp hoa tử huyền - “ <i>người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng</i> ” *Ý nghĩa nhan đề: Đây là sự lặp lại có chủ ý của tác giả về kết cấu để nhấn mạnh thông điệp: Con người sẽ được bình yên, no ấm khi biết sống hoà hợp với tự nhiên (“ <i>Khi rừng kết muối, đây là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc</i> ”).		
Nhiệm vụ 2: B1. Chuyển giao nhiệm vụ <i>Nhan đề truyện gợi cho bạn liên tưởng gì? Nêu ý nghĩa quan trọng của nhan đề?</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ và dự kiến ý B3. Báo cáo thảo luận HS trả lời, nhận xét, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, chốt vấn đề.	3. Ngôi kể, điểm nhìn, lời người kể chuyện và lời nhân vật - Ngôi kể: Ngôi kể thứ 3 -> Tạo tính khách quan, hấp dẫn cho câu chuyện. - Điểm nhìn trần thuật ngôi thứ 3. Điểm nhìn đa dạng và có sự dịch chuyển linh hoạt: Điểm nhìn bên ngoài (<i>Khung cảnh khu rừng mùa xuân, diện mạo nhân vật chính</i>), điểm nhìn bên trong (<i>Các cung bậc cảm xúc của nhân vật</i>), điểm nhìn không gian (<i>Khu rừng mùa xuân, Hồn Chết</i>), thời gian (<i>Hành trình đi săn của ông Diều</i>), điểm nhìn của người kể chuyện (<i>Loài hoa tử huyền</i>), điểm nhìn của nhân vật ông Diều khi chứng kiến đời sống của đàn khỉ trong khu rừng. -> Điểm nhìn tạo tính đối thoại cho tác phẩm, đặt người đọc vào một vai trò chủ động, tích cực trong việc đánh giá, khám phá hiện thực từ những góc nhìn đa chiều. - Sự kết hợp của lời người kể chuyện và lời nhân vật. + Lời người kể chuyện gắn với ngôi kể thứ 3 + Lời nhân vật: Chủ yếu là độc thoại -> Thể hiện cách đánh giá khách quan đối với đối tượng được miêu tả, định hướng việc hình dung mạch kể cho người đọc đồng thời thể hiện một cách tinh tế, sinh động tâm tư, tình cảm, hành động của nhân vật ông Diều.		
Nhiệm vụ 3: B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên tổ chức HS thảo luận cặp đôi. <i>Xác định ngôi kể, điểm nhìn, sự kết hợp của lời người kể chuyện và lời nhân vật từ đó phân tích tác dụng của các yếu tố trong việc làm sáng tỏ bản chất hiện thực và quan niệm của nhà văn.</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ Thảo luận cặp đôi. B3. Báo cáo thảo luận Cử đại diện trình bày những hiểu biết của nhóm - Các thành viên còn lại nhận xét, bổ sung thông tin. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, chốt vấn đề.	4. Nhân vật ông Diều - Diện mạo và tính thể: + Đầu truyện: trang phục đầy đủ, mang theo súng săn, lương thực với tinh thần chủ động, tự tin. => Hình ảnh con người cao ngạo, làm chủ tự nhiên, khai thác, huỷ hoại tự nhiên để phục vụ cuộc sống của mình.		
Nhiệm vụ 4: Sống cùng nhân vật. B1. Chuyển giao nhiệm vụ			

GV yêu cầu HS chia lớp thành 4 nhóm thực hiện các nhiệm vụ ở nhà.

Nhóm 1: *Tìm hiểu về diện mạo và tình thế của nhân vật ở phần mở đầu và kết thúc truyện.*

Nhóm 2: *Tìm các chi tiết cụ thể nói về hành động, nội tâm của nhân vật ông Diều ?*

Nhóm 3: *Vẽ sơ đồ tư duy (Trên giấy A0) hoặc làm sơ đồ sử dụng trình chiếu tóm tắt hành động và các cung bậc cảm xúc của nhân vật ông Diều.*

Nhóm 4: *Nhận xét về hình tượng nhân vật ông Diều.*

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Các nhóm thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

B3. Báo cáo thảo luận

Nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm

B4: Đánh giá kết quả thực hiện

GV nhận xét, chốt vấn đề.

+ Cuối truyện: Sau khi bắn khí đực và cứu chữa rồi phóng sinh cho con mồi, trải qua nhiều cảm xúc và suy nghĩ, nhận thức, ông Diều “trần trụi như thế, cô đơn như thế” khi ra khỏi rừng.

=> Rừng đã tước đoạt của ông tất cả quần áo, thức ăn, vũ khí nhưng trả lại cho ông trạng thái tự nhiên, hòa hợp với đất trời trong mưa xuân dịu dàng.

- Hành động:

+ Bắn hạ khí đực

+ Đuổi theo khí con khiến nó rơi xuống vực thẳm.

+ Tha chết cho khí đực và băng bó, phóng sinh cho nó.

+ Trở về nhà

=> Hành động tàn nhẫn -> Hành động thức tỉnh nhân sinh.

- Nội tâm:

+ Khi chứng kiến đời sống của đàn khí trong khu rừng mùa xuân -> ý nghĩ cực đoan, định kiến.

+ Bắn khí đực -> sợ hãi run lên

+ Khi cái liều mình cứu khí đực -> tức giận, buồn bã

+ Khi con rơi xuống vực -> kinh hoàng

+ Khi đực run bắn lên nhìn ông cầu khẩn -> thương hại, khó chịu.

+ Khi cái cứ bám theo ông và con khí đực -> buồn bã, khổ tâm, buồn tê tái.

+ Phóng sinh khí đực, gặp hoa tử huyền -> cô đơn nhưng hạnh phúc.

=> Diễn biến tâm trạng tự nhiên, chân thực, phức tạp.

SƠ ĐỒ TƯ DUY THAM KHẢO



- Nhận xét về hình tượng nhân vật

+ Nhân vật được khắc họa thành công qua tình huống, điểm nhìn linh hoạt, một số sự việc kì lạ đặc biệt qua hành động, nội tâm.

+ Hành trình đi săn cũng là **hành trình trải nghiệm, hành trình tự nhận thức, hành trình phục thiện** của nhân vật.

+ Hình tượng nhân vật điển hình giúp nhà văn gửi thông điệp cuộc sống: **Con người cần phải trân trọng bảo vệ và sống hòa hợp với tự nhiên.**

Nhiệm vụ 5: B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV hướng dẫn HS tổ chức hoạt động trải nghiệm cho những người yêu truyện kể có yếu tố kì ảo. - GV chia lớp thành các nhóm theo bàn. - Câu hỏi cho các nhóm: + <i>Chọn lọc và ghi lại những chi tiết/ yếu tố kì ảo hấp dẫn nhất trong truyện kể?</i> + <i>Thảo luận nhóm và ghi lại ngắn gọn vai trò, ý nghĩa của yếu tố kì ảo đã lựa chọn?</i> + <i>So sánh tìm điểm khác biệt của chi tiết kì ảo trong truyện “Muối của rừng” với các chi tiết kì ảo trong “Đền thiêng cửa bể” của Đoàn Thị Điểm.</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn. B3. Báo cáo thảo luận Đại diện một số nhóm HS đã đăng kí trước hoặc xung phong lên trình bày sản phẩm của nhóm. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, chốt vấn đề	5. Vai trò của yếu tố kì ảo * Yếu tố kì ảo trong truyện. - Cảnh tượng ở Hõm Chết + Cảnh: “<i>Sương mù dâng lên cuộn cuộn, trông vừa kinh dị vừa đầy tử khí</i>” + Khi con màu trắng: “<i>Cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình khí trắng</i>”, “<i>Tất cả như trong mộng mị</i>” + Tiếng kêu của khi đực “<i>Tựa như thân chết bọc mình</i>” + “<i>Núi lở ...Đoạn đường mà ông leo lên lúc này loáng cái chỉ còn một vết chém thẳng, phẳng lì</i>” + Chỗ ông Diêu để quần áo “<i>Đùn lên một đống mồi to gần bằng cây rạ</i>” - Hoa tử huyền (Chi tiết nghệ thuật đặc sắc): tên hoa do nhà văn hư cấu gọi liên tưởng về sự huyền hoặc, lạ lùng; 30 năm hoa mới nở một lần; Tình huống gặp hoa bất ngờ, ngoài dự kiến (<i>Lối đi khác, đầy bụi gai ngáng đường nhưng hoa tử huyền nhiều không kể xiết</i>); => Lời bình luận: <i>Khi rừng kết muối, đây là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc.</i> * Vai trò, ý nghĩa của yếu tố kì ảo. + Tạo sự hấp dẫn, li kì, ấn tượng đặc biệt cho câu chuyện. + Thể hiện nhận thức: Thiên nhiên đầy bí ẩn, loài vật có phẩm tính và nhân tính. Thiên nhiên phần nộ khi bị hủy hoại. Sự cảnh cáo của thiên nhiên đối với con người. + Thiên nhiên tươi đẹp, luôn cho con người những điều tốt đẹp vì thế con người phải biết trân trọng, bảo vệ thiên nhiên, sống hòa hợp với tự nhiên. Chỉ khi ấy con người mới có được sự bình yên no ấm. * Điểm khác biệt của chi tiết kì ảo trong truyện với “Đền thiêng cửa bể” của Đoàn Thị Điểm. + <i>Đền thiêng cửa bể:</i> Có nhiều chi tiết kì lạ, nhân vật kì ảo, thủ pháp kì ảo, sự đối lập tương phản giữa yếu tố ảo và thực đóng vai trò nổi bật, làm nên đặc trưng của truyện truyền kì. + Truyện “<i>Muối của rừng</i>”: Nhà văn kiến tạo một số chi tiết có tình chất kì lạ, hiếm gặp để tạo tình huống đặc biệt nhằm bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trong truyện ngắn hiện đại

Nội dung 3: Tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Nội dung trọng tâm của văn bản là gì?	III. Tổng kết 1. Nội dung

- Những yếu tố nghệ thuật đặc sắc trong truyện ngắn tạo nên sức hấp dẫn cho tác phẩm? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung B4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	- Câu chuyện về hành trình đi săn của ông Diều. - Khẳng định mối quan hệ giữa con người và tự nhiên: <i>Hòa hợp, trân trọng, khoan dung.</i> - Con người với chính mình: <i>Phải biết tự nhận thức, thức tỉnh, hướng thiện, hướng thượng.</i> 2. Nghệ thuật - Cốt truyện đơn giản. - Tình huống truyện hấp dẫn. - Nghệ thuật khắc họa chân dung nhân vật sinh động, chân thực, có tính biểu tượng. - Người kể chuyện và điểm nhìn hợp lí, linh hoạt. - Ngôn ngữ có tính đối thoại, độc thoại. - Yếu tố kì ảo được sử dụng đạt hiệu quả nghệ thuật cao và tạo ấn tượng khó quên với độc giả.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - Kết nối Đọc- Viết

- a. **Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao về nhà.
- b. **Nội dung:** HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.
- c. **Sản phẩm:** Văn bản được tạo lập của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Nhiệm vụ: Viết đoạn văn trên giấy thi (<i>Khoảng 150 - 200 chữ</i>) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện ngắn “<i>Muối của rừng</i>”. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. - Thực hiện nhiệm vụ cá nhân. B3. Báo cáo, thảo luận - Học sinh đọc phần viết (GV chọn 2-3 HS) - HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung theo Rubric B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - Bảng điểm số thông qua rubric 2-3 bài trên lớp. - GV thu bài chấm và sửa kĩ năng viết đoạn văn nghị luận văn học cho học sinh.	Văn bản học sinh tạo lập khi soạn bài.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (<i>khoảng 150- 200 chữ</i>)	0.5
Nội dung	Xây dựng dàn ý: Trình bày suy nghĩ về vai trò của chi tiết kì ảo trong truyện ngắn “ <i>Muối của rừng</i> ”	
	Giới thiệu vấn đề nghị luận	1.0
	- Chọn lọc một số chi tiết kì ảo đặc sắc: + <i>Sương mù dâng lên cuộn cuộn, trông vừa kinh dị vừa đầy tử khí</i> khi con khỉ con rơi xuống và cất tiếng rú thê thảm. + Khi con màu trắng “<i>Cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình khỉ trắng</i>” + Chỗ ông Diều để quần áo “<i>Đùn lên một đống mồi to gần bằng cây rạ</i>” + Chi tiết nghệ thuật đặc sắc: <i>Hoa tử huyền, rừng kết muối, điếm báo đất nước nước thanh bình, mùa màng phong túc.</i> - Suy nghĩ về vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện:	7.0

	+ Tạo sự hấp dẫn, li kì, ấn tượng cho câu chuyện. + Thể hiện nhận thức: Thiên nhiên đầy bí ẩn, loài vật có phẩm tính và nhân tính. Thiên nhiên phần nổi khi bị hủy hoại. Sự cảnh cáo của thiên nhiên với con người. + Thiên nhiên tươi đẹp, luôn cho con người những điều tốt đẹp vì thế con người phải biết trân trọng, bảo vệ thiên nhiên, sống hòa hợp với tự nhiên. Chỉ khi ấy con người mới có được sự bình yên no ấm. - Đánh giá khái quát VDNL.	
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1.0

ĐOẠN VĂN THAM KHẢO

Một trong các yếu tố làm nên sức hấp dẫn đặc biệt trong truyện ngắn “*Muối của rừng*” của Nguyễn Huy Thiệp là việc sử dụng yếu tố kì ảo. Yếu tố kì ảo được chọn lựa có vai trò như một phương thức nghệ thuật phản ánh thực tại, thể hiện quan niệm nhân sinh sâu sắc của nhà văn về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên. Sự việc kì ảo bắt đầu xuất hiện khi ông Diều - Người đi săn bắn được con khỉ đực và đuổi theo con khỉ con đưa đến hậu quả “*Nó lặn xuống miệng vực*”. Ở đó, ông Diều được ngắm nhìn cảnh tượng ở Hòm Chết: “*Từ dưới miệng vực, sương mù dâng lên cuộn cuộn, trông vừa kinh dị vừa đầy tử khí*”, “*Hay là ma?*” - Ông Diều nghĩ “*Cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình khỉ trắng*”. Ông Diều có cảm giác “*Tất cả như trong mộng mị*”. “*Núi lở... đoạn đường mà ông leo lên lúc này loáng cái chỉ còn một vết chém thẳng, phẳng lì*”. Chỗ ông Diều để quần áo “*Đùn lên một đống mồi to gần bằng cây rạ*”. Thiên nhiên hiện lên sinh động, bí ẩn có phẩm tính và nhân tính đủ để ông Diều “*Kinh hoàng*”, “*Không ngờ*”, “*Kinh hãi*”, “*Thót mình*”. “*Sự lạ*” - những phản ứng của thiên nhiên trên hành trình đi săn - phải chăng đây là sự phản nộ, sự trừng phạt, cảnh báo đối với những hành động hủy hoại thiên nhiên của con người. Sự cảnh báo có ý nghĩa thức tỉnh nhận thức dẫn đến hành động phục thiện của ông Diều: phóng sinh khỉ đực và trở về. Trên đường trở về nhân vật gặp hoa tử huyền. Tình huống gặp hoa bất ngờ, ngoài dự kiến khiến ông Diều “*dừng lại sững sờ*”. Loài hoa cứ ba chục năm mới nở một lần. Tác giả gợi dẫn: “*Hoa này màu trắng, vị mặn, bé bằng đầu tăm, người ta vẫn gọi hoa này là “Muối của rừng”*”. “*Khi rừng kết muối, đây là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc*”. Hoa tử huyền đặc biệt tạo ấn tượng kì ảo, hoa xuất hiện phải chăng như là sự ghi nhận, ban thưởng cho ông Diều, cho những người biết trân trọng thiên nhiên, biết hướng thiện để sống hòa hợp với thiên nhiên. Những chi tiết kì lạ, hiếm gặp trong truyện ngắn được sử dụng không chỉ tạo nên sức hấp dẫn, ấn tượng mà còn hướng tới việc bộc lộ cảm xúc, thức tỉnh nhận thức làm cơ sở cho hành động và cách ứng xử nhân văn của con người. Đúng là: “*Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn*” (M. Gorki).

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng để giải quyết một vấn đề thực tiễn.
- HS tái hiện một đoạn trong truyện ngắn “*Muối của rừng*” bằng một hình thức nghệ thuật phù hợp với năng lực (*Hội họa, thơ ca, phê bình nghệ thuật, kịch,...*)

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Tác phẩm nghệ thuật mang tính sáng tạo của HS.

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

- Lựa chọn một trích đoạn trích ấn tượng với nhóm/ tổ .
- Tái hiện lại đoạn trích đó bằng một hình thức nghệ thuật phù hợp.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS kết nối với cuộc sống, tìm hiểu những thông tin về tác phẩm và sáng tạo sản phẩm của nhóm/tổ.

B3: Báo cáo, thảo luận

HS chụp sản phẩm hoặc quay clip giới thiệu sản phẩm rồi nộp vào nhóm zalo của lớp.

B4: Đánh giá, kết quả thực hiện.

GV giới thiệu sản phẩm của HS, nêu nhận xét, đánh giá.

Rubric đánh giá tác phẩm nghệ thuật của HS

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo đúng hình thức nghệ thuật đã chọn.	3.0
Nội dung	Chọn một hình thức nghệ thuật (<i>Hội họa, thơ ca, phê bình nghệ thuật, kịch,...</i>) gắn với một trích đoạn trong truyện ngắn “ <i>Muối của rừng</i> ”.	
	- Thể hiện đúng chủ đề đoạn trích.	2.0
	- Đảm bảo được các tình tiết hoặc hình ảnh chủ đạo có giá trị trong đoạn trích.	2.0
	- Có những sáng tạo độc đáo nhưng không đi quá xa chủ đề.	1.0
Giới thiệu	Tự tin, hấp dẫn, lôi cuốn, tương tác tốt.	1.0
Tính chất tập thể	Tinh thần làm việc nhóm: Hợp tác, phát huy năng lực, sự sáng tạo.	1.0

4. Củng cố: Cách đọc một văn bản thuộc thể loại truyện hiện đại có yếu tố kì ảo.

- Đọc và xác định đề tài.
- Tóm tắt mạch truyện/ Sự kiện, sự việc tiêu biểu gắn với các nhân vật.
- Rà soát những yếu tố kì ảo hấp dẫn.
- Đặt chi tiết, yếu tố nghệ thuật trong ngữ cảnh để thấy được hiệu quả của chúng trong việc thể hiện ý tưởng nghệ thuật.

5. HDVN

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng bằng việc ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- Chuẩn bị bài: *Thực hành tiếng Việt - Nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học.*

PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 40

NGHỆ THUẬT SỬ DỤNG ĐIỂN CỐ TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết, phân tích, đánh giá được nghệ thuật sử dụng điển cố trong các tác phẩm văn học cụ thể (cả trung đại và hiện đại).
- HS nhận thức và lý giải được vấn đề: sử dụng điển cố cũng là một phương thức thể hiện rõ sự vay mượn, cải biến, sáng tạo trong tác phẩm văn học.

2. Về năng lực:

- Vận dụng được kiến thức đã học để phân tích, đánh giá nghệ thuật sử dụng điển cố trong tác phẩm văn học.
- Biết cách sử dụng điển cố vào viết văn, cũng như giao tiếp.

3. Về phẩm chất: Trân trọng vẻ đẹp của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy tính, máy chiếu

2. Học liệu: SGK Ngữ văn 12, tập 1, phiếu học tập, thiết kế bài dạy...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Củng cố kiến thức về điển cố: khái niệm, tác dụng.
- Nhận diện điển cố trong tác phẩm văn học.

b. Nội dung:

- Xem lại 1 điển cố được sử dụng trong văn bản 1 “Hải khẩu linh từ” (Đoàn Thị Điểm) để hiểu sự khác biệt của điển cố với từ ngữ thông thường.
- Trò chơi: nối cột.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs		Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Tìm đọc lại cước chú số 2 và 3 trang 95, sgk Ngữ văn tập 1, cho biết sự khác biệt của việc sử dụng điển cố với từ ngữ thông thường. - Tham gia trò chơi: nối cột để ôn tập lại kiến thức về điển cố.		1. Cước chú số 2 và 3 trang 95, sgk Ngữ văn 12, tập 1 - “Dời củi khỏi bếp tranh”, “dùng dâu ràng cửa tổ” -> dẫn điển cố trong Hán thư (Trung Quốc) ý nói: phòng ngừa từ trước để tránh hậu họa. - Từ ngữ thông thường: phòng cháy trước khi chưa cháy, ngừa mưa trước lúc chưa mưa. - Dù giống nhau về nghĩa, nhưng có một số sự khác biệt: + điển cố có tính hình tượng và biểu cảm cao. + điển cố hàm súc và cô đọng. 2. Trò chơi Nối cột: 1-e, 2-c, 3-d, 4-a, 5-b
1. Điển cố là....	a. một thủ pháp nghệ thuật trong sáng tạo văn học, thể hiện qua việc người sáng tác sử dụng tư liệu lịch sử, văn hoá, thơ văn,... khi sáng tác tác phẩm. Việc sử dụng điển cố đặc biệt phổ biến trong văn học trung đại.	
2. Một mối xa thư đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu (trích “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” – Nguyễn Đình Chiểu) có điển cố là ...	b. ông Đào: Tức Đào Tiềm đời Tấn (Trung Quốc), tự Uyên Minh, đồ tiên sĩ, làm huyện lệnh Bành Trạch, khi treo án từ quan có làm bài Quy khứ lai từ.	
3. Tác dụng của điển cố là...	c. xa thư: Cỗ xe và chữ viết, do chữ “xa đồng quỹ, thư đồng văn”, nghĩa là xe cộ cùng một đường (quỹ: dấu xe đi), sách viết cùng một thứ chữ, ý nói sự thống nhất hoàn toàn. - chém rắn đuổi hươu: Đến chiếm cướp, lấy tích Lưu Bang cướp ngôi nhà Tần. Cả vế “một mối... đuổi hươu” có nghĩa: đất nước ta là một khối thống nhất vĩ đại, không thể nào để kẻ nào đến chiếm cướp.	
4. Nghệ thuật sử dụng điển cố là....	d. làm cho câu văn, câu thơ cô đúc, hàm súc, uyên bác, trang nhã. Làm giàu đẹp khả năng diễn đạt của ngôn ngữ dân tộc.	
5. Nhân hừng cũng vừa toan cất bút, Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào. (trích “Thu vịnh” – Nguyễn Khuyến) có điển cố là.....	e. câu chuyện đời xưa, câu chữ trong sách đời trước được dẫn vào tác phẩm văn học dưới hình thức ngắn gọn, để biểu đạt một nội dung thông tin (hoặc một thông điệp) nhất định.	
- Hoạt động theo nhóm nhỏ. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Học sinh thảo luận (theo bàn) về nội dung câu hỏi và trò chơi. B3. Báo cáo thảo luận: - GV gọi 3 -> 5 học sinh trả lời các câu hỏi, cho bổ sung.		

- HS xung phong trả lời, bổ sung – nếu có. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét các câu trả lời, đánh giá hoạt động của học sinh và cùng cố kiến thức về điển cố.	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- a. Mục tiêu:** HS nhận diện, lí giải các điển cố trong tác phẩm văn học (trong sgk).
b. Nội dung: Làm các bài tập 1 trong sgk- tr.114.
c. Sản phẩm: Bảng phụ trình bày kết quả thảo luận nhóm.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - HS trao đổi theo nhóm nhỏ (2 bàn= 1 nhóm) Bài tập 1- tr.114 + Dựa vào việc tìm hiểu các cước chú trong văn bản <i>Đền thiêng của bề</i> , hãy xác định các điển cố trong đoạn trích. + Không yêu cầu HS xác định/ nhận diện hết tất cả các điển cố xuất hiện trong đoạn trích. Chỉ cần nhận diện được ít nhất 3 điển cố là đạt yêu cầu. + Gợi ý: Tìm đoạn trích ở tr. 95; theo dõi những cước chú có liên quan để nhận diện được các điển cố. (Điển cố có thể được tác giả sử dụng dưới hình thức nhân danh, địa danh - nhân danh, địa danh đó gợi nội dung một câu chuyện, sự kiện,... mà nếu không tìm hiểu kĩ, chúng ta sẽ không hoặc khó có thể hiểu hết điều tác giả muốn thể hiện). B2. Thực hiện nhiệm vụ: - HS nhận nhiệm vụ, thảo luận - HS quan sát, điều hành. B3. Báo cáo thảo luận - GV gọi HS trình bày, bổ sung - HS trình bày, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét: phần trình bày, kết luận, yêu cầu HS ghi kết quả vào vở.	Bài tập 1. Các điển cố được dùng trong đoạn trích: - “Dời củi khỏi bếp tranh – Dùng đầu răng cửa tổ”: Dẫn điển trong <i>Hán thư</i> (Trung Quốc), ý nói phòng ngừa từ trước để tránh những hậu họa. - “Bồng môn”: Cửa liếp lầu tranh, chỉ sự nghèo hèn; đối với “tiêu thất” ở sau: buồng lụa, phòng son, chỉ sự quyền quý, cao sang. - “Mười điều”: Là mười điều tấu sớ của Trình Diên trong <i>Hán thư</i> , Bích Châu muốn bày tỏ mười điều quan tâm, lo lắng của mình về việc cai trị đất nước. - Một số điển cố khác như: “Nén kẻ quyền thần”, “Phạt Trụ diệt Khương” trong <i>Sử kí</i> , “Thải bớt kẻ nhùng lậm”, “Trừ gian diệt bạo” trong <i>Sử kí</i> , “Cổ động Nho phong”, “Nhân nghĩa lễ trí tín” trong <i>Tứ thư</i> ,...

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS từng bước nâng cao năng lực nhận diện, lí giải, đánh giá tác dụng các điển cố trong tác phẩm văn học (trong sgk).
b. Nội dung: Làm các bài tập 2,3 trong sgk- tr.114, 115.
c. Sản phẩm: Bảng phụ trình bày kết quả thảo luận nhóm; phần thuyết trình và bổ sung của học sinh.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
LUYỆN TẬP	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Nhóm 1 + 2: Bài tập 2- tr.114,115 + Nhận xét về tác dụng của việc dùng điển cố trong đoạn văn sau. + Gợi ý: Trong đoạn văn, tác giả sử dụng hàng loạt điển cố (phần lớn là qua hình thức tên	Bài tập 2. Nhận xét về tác dụng của việc dùng điển cố trong đoạn văn: - Các điển cố được sử dụng: Đổ Phụ, Tiêm Đài, vợ họ Trương, tù nước Sở, <i>Li tao</i> ,...

người, tên đất, tên sự kiện, tên tác phẩm: Đỗ Phủ, Tiêm Đài, vợ họ Trương, tù nước Sở, <i>Ly tao</i>,...). Hầu hết các điển cố trên đều gợi liên tưởng đến thân phận bi kịch, oan trái mà người phụ nữ có tài năng, đức hạnh phải chịu đựng. + Tương tự như bài tập 1, trước hết, cần nhận diện được các điển cố xuất hiện trong đoạn văn. Thử diễn đạt lại nội dung đoạn văn theo cách không dùng các điển cố. Cần so sánh đoạn văn vừa viết với đoạn văn “gốc” để rút ra những nhận xét cần thiết theo yêu cầu của bài tập. Nhóm 3 + 4: Bài tập 3- tr.115 + “Hoa Quả Sơn” và “Thủy Liêm Động” trong những câu sau có phải là điển cố không? Nêu tác dụng của việc sử dụng hai “địa danh” đó. + Gợi ý: “Hoa Quả Sơn” và “Thủy Liêm Động” là những địa danh xuất hiện trong tác phẩm <i>Tây du kí</i> (Trung Quốc); kết nối với nội dung của <i>Tây du kí</i> để hình dung về khung cảnh của Hoa Quả Sơn và Thủy Liêm Động. Diễn đạt lại ý của câu thứ ba mà không dùng các địa danh này. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS nhận nhiệm vụ, thảo luận, ghi bảng phụ hoặc giấy. HS quan sát, điều hành. B3. Báo cáo thảo luận - Mỗi bài tập, GV chọn 1 nhóm trình bày, yêu cầu các nhóm cùng nội dung nhận xét, bổ sung. - HS trình bày, bổ sung. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét: phân trình bày, hoạt động thảo luận; kết luận, yêu cầu HS ghi kết quả vào vở.	- Hình thức: Tên người, tên đất, tên sự kiện, tên tác phẩm,... - Nội dung: Các điển cố trên đều gợi liên tưởng đến thân phận bi kịch, oan trái mà người phụ nữ có tài năng, đức hạnh phải chịu đựng. - Tác dụng: Tăng tính biểu cảm (thể hiện tâm trạng bi thương, sầu uất của nhân vật); tăng sức thuyết phục (hiểu biết lịch sử và văn hoá, khiến lời nói của nàng thêm xác tín); tăng tính nghệ thuật (lời văn trau chuốt, mượt mà và giàu sức gợi); thể hiện ý đồ của tác giả (kiến thức uyên bác, hiểu biết sâu rộng về văn hoá và lịch sử của tác giả);... Bài tập 3 - “Hoa Quả Sơn” và “Thủy Liêm Động” là hai điển cố - dưới hình thức địa danh. + Hoa Quả Sơn: Tên ngọn núi trong tác phẩm <i>Tây du kí</i> của Ngô Thừa Ân, là nơi sinh sống của Tôn Ngộ Không. Đây là một ngọn núi hoang vu, hiểm trở, nơi sinh sống của nhiều loài động vật hoang dã. + Thủy Liêm Động: Tên hang động trong tác phẩm <i>Tây du kí</i>, là nơi ở của Tôn Ngộ Không. Đây là một hang động bí ẩn, sâu thẳm. - Tác dụng: + Giúp người đọc hình dung ra khung cảnh hoang vu, hiểm trở, kì bí, có nhiều khí của rừng dâu da. + Thể hiện sự vay mượn, sáng tạo của nhà văn Nguyễn Huy Thiệp khi sử dụng 2 điển cố rất quen thuộc của văn học Trung Quốc để miêu tả không gian huyền hoặc, hoang sơ của vườn dâu da. + Khẳng định, việc sử dụng điển cố - vốn được xem là tích xưa, chuyện cũ trong một tác phẩm của văn học hiện đại là vô cùng độc đáo, lôi cuốn.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Hiểu được nghệ thuật sử dụng điển cố trong các tác phẩm văn học (cả trung đại và hiện đại) và vận dụng vào thực hiện các nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Phân tích nghệ thuật sử dụng điển cố trong ngữ liệu văn học ngoài sgk (trung đại, hiện đại).

c. Sản phẩm: Bài làm – PHT đã hoàn thành của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV phát PHT cho các nhóm

+ Nhóm 1 và 2: PHT số 1 (ngữ liệu là văn học trung đại)

+ Nhóm 3: PHT số 2 (ngữ liệu là văn học hiện đại)

- + Nhóm 4: nhắc lại khái niệm, tác dụng, cách thức sử dụng điển cố (cơ chế hình thành)
- GV yêu cầu:
- + Mỗi nhóm được sử dụng 1 điển thoại thông minh trong thời gian là 5 phút, để tra cứu điển cố.
- + Nhận diện, lí giải ít nhất 2 điển cố được sử dụng trong văn bản.
- + Nêu tác dụng
- + Nhận xét về sự vay mượn, cải biến, sáng tạo của tác giả.

B2. Thực hiện nhiệm vụ:

- Học sinh nhận PHT, tìm điển cố, sử dụng điển thoại để tra cứu.
- Hoàn thiện PHT và cử đại diện trình bày.
- GV quan sát, định hướng, điều hành.

B3. Báo cáo thảo luận

- GV chọn và gọi đại diện 2 nhóm lên trình bày.
- HS trình bày, bổ sung.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét: phần trình bày trước lớp, hoạt động thảo luận, kết luận.

VẬN DỤNG

Bài tập 1. Xác định, lí giải điển cố trong văn bản sau:

Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc,
Nợ tang bồng vay giả, giả vay.
Chí làm trai nam bắc đông tây,
Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể.

Nhân sinh tự cổ thủy vô tử,
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh.
Đã hãn rằng ai nhục với ai vinh,
Mấy kẻ biết anh hùng khi vị ngộ.

(trích “Chí làm trai” (Nguyễn Công Trứ)

Gợi ý:

- 2 điển cố được sử dụng:

- + *Tang bồng*: Do chữ “tang bồng hồ thi” 桑蓬弧矢, là cung làm bằng gỗ dâu và tên làm bằng cỏ bồng. Theo Kinh Lễ, xưa cha mẹ khi sinh con trai, lấy cung gỗ dâu, tên cỏ bồng treo ngoài cửa, ý mong con trai lấy cung tên làm sự nghiệp.
- + *Nhân sinh tự cổ thủy vô tử*,
Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh.

Chữ Hán: 人生自古誰無死，留取丹心照汗青。 Nghĩa: Người đời xưa nay ai không phải chết, lưu lại tấm lòng son soi vào sử xanh. Lấy từ bài *Quá Linh Đình dương* của Văn Thiên Tường. Điển cố ca ngợi lẽ sống cao đẹp của bậc nam nhi đại trượng phu: xem nhẹ cái chết, trọng khí tiết, trung nghĩa.

- Tác dụng của điển cố:

- + dẫn chuyện xưa để khẳng định khát vọng lập công danh, sự nghiệp, lí tưởng sống của nam nhi thời phong kiến.
- + tăng tính biểu cảm, thuyết phục cho đoạn thơ.

- **Nhận xét sự vay mượn, cải biến, sáng tạo của tác giả:** từ việc mượn điển cố *tang bồng* từ văn học Trung Quốc, nhà thơ đã có sự cải biến và sáng tạo nhất định. Danh từ “tang bồng” vốn được hiểu là *mộng công danh* được đặt sau chữ “nợ”, đặt ở khổ thơ có nhiều từ chỉ không gian kì vĩ, khoáng đạt: *vòng trời đất, nam, bắc, đông, tây, bốn bể* -> tạo thành cụm từ có ý nghĩa khái quát, mở rộng; xem việc lập công lập danh là bổn phận, trách nhiệm, sứ mệnh của nam nhi với nước, với đời; thể hiện vẻ đẹp của con người: tầm vóc kì vĩ, lí tưởng sống cao đẹp.

Bài tập 2. Phân tích nghệ thuật sử dụng điển cố trong văn bản sau:

Tháng ba, rét nàng Bân

...Nhưng đến tháng ba thì trời đất quả là kỳ ảo.

Bảo rằng tháng ấy còn rét, không đúng, mà bảo là hết rét rồi cũng không đúng nữa.

Trời trong như ngọc, đất sạch như lau. Ngủ dậy lúc còn tối trời, anh ngồi uống nước trà đợi sáng thì uống chưa xong ấm nước, anh bỗng thấy có những đám mây hồng từ phía đông kéo tới giữa một nền trời xanh ngấn ngắt một màu. Ở đằng sau nhà, chim hót riu rần, đánh thức những người còn đang thiêm thiếp. Anh mở cửa nhìn ra ngoài thì lá cây sạch bong ra, long lánh như ở trong một phim ảnh màu tuyệt đẹp: sương móc ban đêm rửa hoa lá cỏ cây, rửa cả cát bụi trên các nẻo đường thành phố. (...) Cái tháng ba ở Bắc có những ngày huyền ảo như thế đấy. Nếu là người thích ví von, anh có thể ví tháng ấy với một cô gái có sắc đẹp nghiêng thành nghiêng nước.

Đẹp đến nghiêng nước nghiêng thành thì có quyền làm nũng như Dương Quý Phi làm nũng vua Đường Minh Hoàng: không đau răng cũng nhấm mặt cho thêm xinh, mà vì có đau răng thực thì phải ăn trái lê chi mà quân sĩ phải rong ngựa đi năm sáu ngày trời mới mong kiếm được. Yêu Quý Phi quá, thì Quý Phi càng làm nũng, mà Đường Minh Hoàng lại càng sủng ái Quý Phi hơn. Thì người Bắc đối với tháng ba cũng vậy: yêu cái nắng ấm của tháng ba nhưng cũng yêu cái rét đột ngột của tháng ba, mà nếu ví dụ trong tháng ấy có ngày nào nắng chói chang làm cho “chó già le lưỡi” thì cũng cứ yêu luôn, yêu không kỳ quẩn. Người đẹp mà làm nũng thì lại càng đẹp hơn.

(trích “Thương nhớ mười hai” – Vũ Bằng)

Gợi ý

- Có 3 điển cố được sử dụng trong văn bản:

+ **Rét nàng Bân**: Gắn với câu chuyện về nàng Bân, là con gái của [Ngọc Hoàng](#) nhưng chậm chạp và có phần vụng về. Mùa rét đã đến, nàng định tâm may cho chồng một cái áo chống rét. Nhưng nàng vụng về quá, nên may từ khi bắt đầu rét đến khi trời đã sắp sang xuân rồi mà chỉ mới may trọn được đôi [cổ tay](#). Nàng buồn lắm. Thấy con âu sầu, Ngọc Hoàng cảm động bèn làm cho trời rét lại mấy hôm để chồng nàng mặc thử áo. Từ đó thành lệ, hàng năm vào khoảng tháng Ba tuy mùa rét đã qua, mùa nóng đã tới nhưng có lúc tự nhiên rét lại mấy hôm, người ta gọi cái rét đó là rét nàng Bân. *Điển cố này nói đến đợt rét cuối cùng của mùa đông xảy ra vào tháng 3 âm lịch ở miền Bắc Việt Nam*, hay nói chung là đợt rét muộn.

+ **Dương Quý Phi**: Dương Quý Phi (chữ Hán:楊貴妃, 719 – 756) là một cung phi của Đường Minh Hoàng. Bà được xếp vào một trong Tứ đại mỹ nhân của lịch sử Trung Quốc.

+ **Nghiêng nước nghiêng thành**: có nguồn gốc từ bài “Giai nhân ca” (佳人歌) của Lý Diên Niên (李延年). Chuyện rằng, vua Vũ Đế đời Hán (40-86 trước Công nguyên) có một người hầu tên là Lí Diên Niên. Nhà vua cho xây cung điện Minh Quang và tuyển chọn những người con gái đẹp tuổi từ 15 trở lên vào cung để hầu hạ vua. Trong cung có tới gần 10 ngàn mỹ nữ nhưng vua vẫn chưa thấy ai đẹp như ý và thường lắc đầu than thở: Đời nay thiên hạ không có giai nhân tuyệt sắc! Một hôm, Lí Diên Niên múa hát bài “Giai nhân ca” cho nhà vua xem. Chị của vua Vũ Đế là Bình Dương công chúa đứng hầu bên cạnh bèn tâu: “Lý Diên Niên có một người em gái giỏi múa hát và đẹp tuyệt trần như trong bài ca đó”. Nhà vua cho vời người đẹp vào cung, xem mặt. Quả nhiên nhà vua bỗng xao xuyến, rạo rực như có một luồng điện chạy khắp người khi nhìn thấy nàng mỹ nữ nhan sắc tuyệt trần, yêu kiều, diễm lệ. Vua liền phong nàng làm làm chánh cung hoàng hậu và ngày đêm si mê, đắm đuối bên nàng. *Nghiêng nước nghiêng thành để chỉ người con gái có sắc đẹp tuyệt thế.*

- Tác dụng:

+ miêu tả sự thay đổi đặc biệt của thời tiết miền Bắc vào cuối tháng ba âm lịch; sự bất thường của thời tiết là để cho nàng Bân gửi tấm áo ấm áp đến người chồng; là sự nũng nịu đáng yêu của người con gái tuyệt sắc.

+ giúp văn bản giàu tính tạo hình, biểu cảm cao; thể hiện sự uyên bác của nhà văn.

- Nhận xét sự vay mượn, cải biến, sáng tạo của tác giả:

+ mượn điển cố từ văn học Trung Quốc để khéo léo lí giải sự thay đổi bất thường của những cơn rét muộn vào cuối tháng ba âm lịch ở miền Bắc Việt Nam.

+ so sánh, ví von độc đáo và sáng tạo khi tiếp tục khiến người đọc liên tưởng tháng ba như một người con gái có nhan sắc tuyệt mỹ, nên dù tính khí có nũng nịu, có đồng đánh cũng đều đáng yêu, đáng mến.

Bài tập 3: Khái niệm, tác dụng, cách thức sử dụng điển cố

- Khái niệm: Điển cố (cũng gọi là điển tích) là câu chuyện đời xưa, câu chữ trong sách đời trước được dẫn vào tác phẩm văn học dưới hình thức ngắn gọn, để biểu đạt một nội dung thông tin (hoặc một thông điệp) nhất định.
- Tác dụng: Làm cho câu văn, câu thơ cô đúc, hàm súc, uyên bác, trang nhã. Làm giàu đẹp khả năng diễn đạt của ngôn ngữ dân tộc.
- Cách thức sử dụng (cơ chế hình thành): qua các bài tập ở phần Luyện tập và Vận dụng, có các cơ chế hình thành điển cố như sau:
 - + điển cố là một từ, một ngữ, một câu, một cặp câu thơ.
 - + điển cố là một tên đất, tên người, sự vật, sự việc, hiện tượng....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Bài tập 1. Xác định, lí giải điển cố trong văn bản sau: <i>Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc, Nợ tang bồng vay giả, giả vay. Chí làm trai nam bắc đông tây, Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể.</i> <i>Nhân sinh tự cổ thuyền vô tử, Lưu thủ đàn tâm chiếu hãn thanh. Đã hẵn rằng ai nhục với ai vinh, Mấy kẻ biết anh hùng khi vị ngộ.</i> (trích “Chí làm trai” (Nguyễn Công Trứ)	
Nhận diện ít nhất 2 điển cố được sử dụng trong văn bản	
Nêu tác dụng của điển cố	
Nhận xét về sự vay mượn, cải biến, sáng tạo của tác giả	

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Bài tập 2. Phân tích nghệ thuật sử dụng điển cố trong văn bản sau: Tháng ba, rét nàng Bân <i>...Nhưng đến tháng ba thì trời đất quả là kỳ ảo. Bảo rằng tháng ấy còn rét, không đúng, mà bảo là hết rét rồi cũng không đúng nữa. Trời trong như ngọc, đất sạch như lau. Ngủ dậy lúc còn tối trời, anh ngồi uống nước trà đợi sáng thì uống chưa xong ấm nước, anh bỗng thấy có những đám mây hồng từ phía đông kéo tới giữa một nền trời xanh ngắt một màu. Ở đằng sau nhà, chim hót ríu rần, đánh thức những người còn đang thiêm thiếp. Anh mở cửa nhìn ra ngoài thì lá cây sạch bong ra, long lánh như ở trong một phim ảnh màu tuyệt đẹp: sương móc ban đêm rửa hoa lá cỏ cây, rửa cả cát bụi trên các nẻo đường thành phố.</i> <i>(...) Cái tháng ba ở Bắc có những ngày huyền ảo như thế đấy. Nếu là người thích ví von, anh có thể ví tháng ấy với một cô gái có sắc đẹp nghiêng thành nghiêng nước. Đẹp đến nghiêng nước nghiêng thành thì có quyền làm nũng như Dương Quý Phi làm nũng vua Đường Minh Hoàng: không đau răng cũng nhân mặt cho thêm xinh, mà vì có đau răng thực thì phải ăn trái lê chi mà quân sĩ phải rong ngựa đi năm sáu ngày trời mới mong kiếm được. Yêu Quý Phi quá, thì Quý Phi càng làm nũng, mà Đường Minh Hoàng lại càng sủng ái Quý Phi hơn. Thì người Bắc đối với tháng ba cũng vậy: yêu cái nắng ấm của tháng ba nhưng cũng yêu cái rét đột ngột của tháng ba, mà nếu ví dụ trong tháng ấy có ngày nào nắng chói chang làm cho “chó</i>

già le lười” thì cũng cứ yêu luôn, yêu không kỳ quặc. Người đẹp mà làm nũng thì lại càng đẹp hơn.

(Trích “Thương nhớ mười hai” – Vũ Bằng)

Nhận diện ít nhất 2 điển cố được sử dụng trong văn bản	
Nêu tác dụng của điển cố	
Nhận xét về sự vay mượn, cải biến, sáng tạo của tác giả	

4. Củng cố: Nắm kiến thức cơ bản về điển cố: khái niệm, cách thức sử dụng, tác dụng.

5. HDVN:

- Tìm luyện thêm các đề đọc hiểu về điển cố.

- Chuẩn bị phần Viết: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ VIỆC VAY MƯỢN – CẢI BIẾN – SÁNG TẠO TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC.

PHẦN 3. VIẾT

Tiết 41, 43: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ VIỆC VAY MƯỢN, CẢI BIẾN – SÁNG TẠO TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nhận biết được những yêu cầu của kiểu bài, bao gồm việc xác định người sáng tác đã tiếp nhận/vay mượn những yếu tố nào từ tác phẩm có trước, có những cải biến (về nội dung, về hình thức) và sáng tạo riêng như thế nào, phân tích được tác động của những điều đó đến việc thể hiện thông điệp, cảm xúc... của tác giả.

- Biết thực hành viết bài văn nghị luận (về việc tiếp nhận ảnh hưởng và sáng tạo trong một hoặc một nhóm tác phẩm văn học) theo các bước được hướng dẫn.

2. Về năng lực:

- Rèn luyện những thao tác, kỹ năng so sánh hai tác phẩm.

- Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

- Học sinh phát triển tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề...

3. Về phẩm chất:

- Có ý thức và thái độ trân trọng, yêu quý lịch sử, văn hóa, văn học của dân tộc.

- Tích cực, cẩn trọng tìm kiếm tư liệu có yếu tố vay mượn – cải biến – sáng tạo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

- Hiểu bản chất của một bài văn nghị luận về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

b. Nội dung: Lựa chọn đáp án.

c. Sản phẩm: HS có lựa chọn tác phẩm đúng cho câu hỏi

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm

Bước 1. GV đặt câu hỏi và trình chiếu (4 câu hỏi) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, trả lời Bước 3. Báo cáo, thảo luận Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và kết luận Giáo viên dẫn dắt vào bài học: Văn học là một lĩnh vực nghệ thuật đặc biệt, nơi các tác giả sử dụng ngôn ngữ để thể hiện tư tưởng, tình cảm và quan niệm của mình về thế giới. Trong quá trình sáng tác, các tác giả không chỉ dựa vào vốn sống và cảm xúc của bản thân mà còn vay mượn những yếu tố từ các tác phẩm khác. Tuy nhiên, vay mượn không đồng nghĩa với sao chép. Để tạo nên tác phẩm độc đáo và mang dấu ấn riêng, các tác giả cần cải biến những yếu tố vay mượn và sáng tạo trên nền tảng đó.	Gợi ý: Câu 1: Kim Vân Kiều truyện Câu 2: Bình địa ba đào Câu 3: Vợ chàng Trương Câu 4: Hồn Trương Ba, da hàng thịt

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu và chỉ ra các phương diện vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

a. Mục tiêu: Học sinh có cảm nhận ban đầu về sự vay mượn – cải biến – sáng tạo

- Tìm hiểu và chỉ ra các phương diện vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

b. Nội dung:

- Học sinh đọc tác phẩm: *Sự tích những ngày đẹp trời* (Hoà Vang).

- Học sinh thực hiện giải quyết các vấn đề cần đạt

c. Sản phẩm: Học sinh chỉ ra được những phương diện, khía cạnh chủ yếu của sự tiếp nhận, chịu ảnh hưởng trong tác phẩm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS Bước 1: Chia lớp thành 4 nhóm và thực hiện nhiệm vụ Nhóm 1: Theo tác giả bài viết, trong truyện ngắn <i>Sự tích những ngày đẹp trời</i>, Hoà Vang đã kế thừa và làm biến đổi những phương diện cơ bản nào của “mẫu gốc”? Nhóm 2: Khi bàn về sự “biến đổi” của nhân vật ở truyện ngắn so với nhân vật ở “mẫu gốc”, theo em, tác giả bài viết đã có những phát hiện mới mẻ nào? Nhóm 3: Nêu nhận xét ngắn gọn về cách đánh giá của tác giả bài viết đối với những điểm sáng tạo của Hoà Vang trong việc biến đổi các yếu tố kì ảo. Nhóm 4: Qua việc tìm hiểu bài viết tham khảo, hãy chia sẻ thu hoạch của em trong việc rèn kĩ năng viết bài nghị luận về vấn đề tiếp thu, cải biến, sáng tạo trong một tác phẩm văn học. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3. Báo cáo HS chia sẻ và bộc lộ quan điểm của mình về hai tác phẩm. Chỉ ra các phương diện vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học?	1. Tìm hiểu và chỉ ra các phương diện vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học. Sản phẩm của 4 nhóm

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: nhận xét, kết luận và làm rõ khái niệm: cải biên, vay mượn, sáng tạo - Vay mượn là việc tiếp nhận những yếu tố từ các tác phẩm khác như cốt truyện, nhân vật, chi tiết, mô típ, hình ảnh, ngôn ngữ. - Cải biên: Là sửa đổi hoặc biên soạn lại một phần nội dung, chuyển thể loại, thay đổi hình thức thể hiện dựa trên một phần hoặc toàn bộ tác phẩm gốc để sáng tạo ra tác phẩm mới.	

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm	Câu hỏi	Nội dung đạt được
1	Theo tác giả bài viết, trong truyện ngắn <i>Sự tích những ngày đẹp trời</i> , Hoà Vang đã kế thừa và làm biến đổi những phương diện cơ bản nào của “mẫu gốc”?	* Kế thừa: - Cốt truyện: Giữ nguyên cốt truyện chính của truyền thuyết <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i>. - Nhân vật: Giữ nguyên các nhân vật chính: Sơn Tinh, Thủy Tinh, Mị Nương, vua Hùng. - Mô típ: Sử dụng các mô típ quen thuộc trong truyền thuyết. * Biến đổi: - <i>Biến đổi về chủ đề và cốt truyện:</i> + Chủ đề: Bên cạnh chủ đề ca ngợi sức mạnh và trí tuệ của con người, tác phẩm còn đề cao tình yêu thương, sự thấu hiểu và tinh thần hoà hợp. + Cốt truyện: Bổ sung các chi tiết mới - <i>Biến đổi về nhân vật:</i> Sơn; Thủy Tinh; Mị Nương. - <i>Các biến đổi khác:</i> ngôn ngữ, giọng điệu trữ tình, lãng mạn, mô tả thiên nhiên sinh động, giàu sức gợi tả, lồng ghép các chi tiết hiện thực vào tác phẩm.
2	Khi bàn về sự “biến đổi” của nhân vật ở truyện ngắn so với nhân vật ở “mẫu gốc”, theo em, tác giả bài viết đã có những phát hiện mới mẻ nào?	* Thủy Tinh: - Từ vị thần hung bạo, độc ác trở thành một người tình si: + Tác giả tập trung khai thác nội tâm của Thủy Tinh, thể hiện tình yêu sâu sắc, say đắm của chàng dành cho Mị Nương. + Thủy Tinh không cam chịu thất bại, dâng nước đánh Sơn Tinh là hành động của một người đang yêu cuồng nhiệt, muốn giành lại người mình yêu. - Nỗi đau khổ sau khi thua cuộc: + Thủy Tinh không chỉ ghen tuông, tức giận mà còn chìm trong nỗi buồn, sự thất vọng và tuyệt vọng. + Nỗi đau của Thủy Tinh được miêu tả một cách tinh tế, khiến người đọc cảm thông cho nhân vật này. * Mị Nương: - Từ một công chúa chỉ biết tuân theo mệnh lệnh vua cha trở thành một người phụ nữ có nội tâm phức tạp: + Mị Nương yêu mến Sơn Tinh vì phẩm chất của chàng, nhưng cũng thương cảm cho Thủy Tinh. + Nàng phải chịu đựng sự giằng xé nội tâm khi đứng giữa hai người đàn ông. - Hành động hàn gắn mối quan hệ giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh: + Mị Nương chủ động tìm đến Thủy Tinh, khuyên nhủ chàng buông bỏ mối thù.

		+Hành động của Mị Nương thể hiện mong muốn hòa bình, dung hòa giữa hai vị thần. * Sơn Tinh: -Được miêu tả chi tiết, sinh động hơn: +Tác giả khắc họa rõ hình ảnh Sơn Tinh mạnh mẽ, quyết đoán, tài năng, là người anh hùng bảo vệ bờ cõi. +Sơn Tinh cũng là một người chồng yêu thương, quan tâm đến vợ.
3	Nêu nhận xét về cách đánh giá của tác giả bài viết đối với những điểm sáng tạo của Hoà Vang trong việc biến đổi các yếu tố kì ảo.	* Biến đổi các chi tiết kì ảo: - Hợp lí hóa các chi tiết kì ảo: +Ví dụ: giải thích nguồn gốc sức mạnh của Sơn Tinh và Thủy Tinh. - Kết hợp hài hòa giữa yếu tố kì ảo và hiện thực: +Ví dụ: miêu tả tâm lí nhân vật bằng ngôn ngữ hiện đại. * Tạo ra những chi tiết kì ảo mới: - Phục vụ cho mục đích sáng tạo của tác giả: +Ví dụ: chi tiết Mị Nương gặp Thủy Tinh sau khi chàng thua cuộc. - Làm cho tác phẩm thêm phong phú, hấp dẫn: +Ví dụ: chi tiết giấc mơ của Mị Nương. * Sử dụng các yếu tố kì ảo để thể hiện chủ đề tác phẩm: - Ca ngợi tình yêu thương, sự thấu hiểu và tinh thần hòa hợp: +Ví dụ: chi tiết Mị Nương khuyên nhủ Thủy Tinh. - Thể hiện quan niệm mới mẻ về con người và cuộc sống: +Ví dụ: con người không chỉ cần sức mạnh mà còn cần tình yêu thương. >> Nhận xét chung: + khách quan, thuyết phục và có sức gợi mở, liên tưởng cho người đọc. + Những biến đổi này đã góp phần tạo nên một tác phẩm mới mẻ, độc đáo, mang đậm dấu ấn cá nhân của tác giả. + Phân tích tác dụng của những biến đổi này: Làm cho tác phẩm gần gũi với người đọc hơn; Thể hiện quan niệm mới mẻ về con người và cuộc sống; So sánh với các tác phẩm khác cùng thể loại; Nhấn mạnh sự sáng tạo của Hoà Vang.
4	Qua việc tìm hiểu bài viết tham khảo, hãy chia sẻ thu hoạch của em trong việc rèn kĩ năng viết bài nghị luận về vấn đề tiếp thu, cải biến, sáng tạo trong một tác phẩm văn học.	1. Về kiến thức: - Nắm vững khái niệm: tiếp thu, cải biến, sáng tạo. - Hiểu rõ mối quan hệ giữa tiếp thu, cải biến và sáng tạo. - Nắm được các phương pháp tiếp thu, cải biến và sáng tạo trong sáng tác văn học. - Hiểu được vai trò của tiếp thu, cải biến, sáng tạo trong việc tạo nên giá trị của tác phẩm văn học. 2. Về kỹ năng: - Kỹ năng phân tích: + Phân tích được những yếu tố được tiếp thu, cải biến và sáng tạo trong tác phẩm. + Phân tích được tác dụng của những yếu tố đó đối với nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. - Kỹ năng so sánh: + So sánh những điểm giống nhau và khác nhau giữa các

		tác phẩm về cách tiếp thu, cải biến, sáng tạo. + So sánh tác phẩm với "mẫu gốc" (nếu có) để làm rõ sự sáng tạo của tác giả. - Kỹ năng lập luận: + Lập luận chặt chẽ, logic để chứng minh cho luận điểm của mình. + Sử dụng dẫn chứng cụ thể, sinh động để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Kỹ năng diễn đạt: + Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, trôi chảy. + Sử dụng ngôn ngữ chính xác, phù hợp với ngữ cảnh. 3. Về phương pháp: - Phương pháp so sánh đối chiếu: + So sánh tác phẩm với "mẫu gốc" hoặc với các tác phẩm khác cùng thể loại. - Phương pháp phân tích tổng hợp: + Phân tích các yếu tố được tiếp thu, cải biến và sáng tạo trong tác phẩm. - Phương pháp lập luận logic: + Lập luận chặt chẽ, logic để chứng minh cho luận điểm của mình. 4. Một số lưu ý khi viết bài nghị luận: - Xác định rõ ràng luận đề, luận điểm của bài viết. - Lập dàn bài chi tiết, khoa học. Triển khai hệ thống luận điểm: chỉ rõ phương diện tiếp thu, cải biến, sáng tạo của tác phẩm so với "mẫu gốc" - Sử dụng dẫn chứng cụ thể, sinh động. - Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, lưu ý thao tác so sánh - Luận điểm, luận cứ, luận chứng phải chặt chẽ, logic. - Sử dụng ngôn ngữ chính xác, phù hợp với ngữ cảnh.

Nội dung 2 : Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Học sinh hiểu được quy trình viết bài văn nghị luận về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

b. Nội dung: Xác định các bước viết bài văn nghị luận về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học.

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. GV giao HS yêu cầu đọc và phân tích bài viết tham khảo và phân tích. Bước 2. HS đọc bài viết tham khảo - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo, chú ý luận đề, phần tìm ý và lập dàn ý trên cơ sở trả lời các câu hỏi. GV có thể cho 1 – 2 HS trình bày dàn ý, các HS khác nhận xét, bổ sung. GV nhận xét, kết luận. - GV lưu ý, một bài văn hoàn chỉnh gồm ba phần: <i>Mở bài, Thân bài, Kết bài.</i> Bước 3 – 4. GV kết luận: <i>Quá trình tìm hiểu ví dụ cụ thể sẽ giúp các em rút ra quy trình viết một</i>	2. Các bước viết bài văn nghị luận về việc vay mượn – cải biến – sáng tạo trong một tác phẩm văn học. Bước 1: Chuẩn bị viết: Học sinh chọn được đề tài/ vấn đề phù hợp Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý: Bước 3: Viết: HS thực hiện bài viết theo dàn ý đã lập, bài viết cần đầy đủ bố cục Bước 4: Chỉnh sửa, hoàn thiện: Học sinh tự chỉnh sửa hoàn thiện; chú ý kiểm tra tính chính xác cả về nội dung và hình thức của bài viết.

bài văn nghị luận về hiện tượng vay mượn – cải biến – sáng tạo trong tác phẩm.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu: HS thực hành phân tích đề, lập dàn ý và viết bài

b. Nội dung: Lập dàn ý cho đề bài sau: *Truyện Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du là điển hình cho sự vay mượn, cải biến và sáng tạo trong văn học. Hãy làm sáng tỏ bằng một bài văn nghị luận.

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

* Chuẩn bị viết

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu chuẩn bị viết: Học sinh chọn được đề tài/ vấn đề phù hợp B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs chọn đề tài/ tác phẩm B3. Báo cáo thảo luận: Hs trình bày bài làm B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv kết luận	1. Chuẩn bị viết - Chọn một tác phẩm (thơ, truyện ngắn, truyện thơ, tiểu thuyết,...) có biểu hiện tương đối rõ sự vay mượn - biến đổi (hãy tiếp nhận - sáng tạo),... so với tác phẩm có trước. - Chú ý chỉ ra được những phương diện vay mượn - biến đổi trong tác phẩm. Sắp xếp các dẫn chứng thông qua lập biểu khảo sát. - Xác định phạm vi nội dung và trọng tâm bài viết (vấn đề nghị luận); đặt nhan đề cho bài viết của mình. - Sử dụng điển cố là một trong những biểu hiện của hiện tượng vay mượn và cải biến trong tác phẩm văn học.

* Tìm ý, lập dàn ý:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ HS phân tích đề, lập dàn ý Bước 3 – 4. GV tổ chức trao đổi, thảo luận. Đánh giá kết quả thực hiện GV gọi 1 – 2 HS trình bày dàn ý. GV chỉnh sửa góp ý, các HS khác tự điều chỉnh dàn ý của mình. GV nhận xét, kết luận	2. Tìm ý, lập dàn ý Gợi ý <i>Truyện Kiều</i> của đại thi hào Nguyễn Du vay mượn, cải biến và sáng tạo ở nhiều phương diện như cốt truyện, nhân vật, mô típ, ngôn ngữ,... ảnh hưởng tác phẩm <i>Kim Vân Kiều truyện</i> của Thanh Tâm Tài Nhân và ảnh hưởng qua lại với văn học dân gian. HS có thể lựa chọn một hoặc một số phương diện để làm rõ. Tuy nhiên, cần đảm bảo: Mở bài: Giới thiệu ngắn gọn các thông tin về Nguyễn Du và <i>Truyện Kiều</i> , trọng tâm vấn đề (sự vay mượn – biến đổi cốt truyện, nhân vật, mô típ, ngôn ngữ,...) mà bài viết bàn luận Thân bài: Cần triển khai các ý chính sau: + Nhận diện về phạm vi, tính chất của việc tiếp nhận, chịu ảnh hưởng của <i>Truyện Kiều</i> với <i>Kim Vân Kiều truyện</i> của Thanh Tâm Tài Nhân và ảnh hưởng qua lại với văn học dân gian. + Phân tích, đánh giá sự vay mượn, tiếp nhận, chịu ảnh hưởng trên các phương diện cụ thể (cốt truyện, nhân vật, mô típ, ngôn ngữ,...). Ví dụ: Viết dựa theo cốt truyện <i>Kim Vân Kiều truyện</i> , tên các nhân vật giữ nguyên. + Phân tích, đánh giá những điểm biến đổi, sáng tạo của Nguyễn Du trong quá trình vay mượn: câu chuyện, thể loại, nhân vật (nghệ thuật xây dựng chân dung, miêu tả nội tâm,...), ngôn ngữ, xây dựng nhiều tình tiết mới,... Ví dụ: <i>Kim Vân Kiều truyện</i> xoay quanh “song kì mộng”, <i>Truyện Kiều</i> viết về thân phận con người, số phận người phụ nữ “đoạn trường tân thanh”. <i>Kim Vân Kiều truyện</i> là tiểu

	thuyết chương hồi. Với cảm hứng nhân đạo cao cả và xuất phát từ thực tế cuộc sống, xã hội, con người Việt Nam, Nguyễn Du đã có những sáng tạo độc đáo cho tác phẩm: viết nên một tác phẩm trữ tình bằng chữ Nôm; sử dụng thể thơ của dân tộc; nghệ thuật phân tích tâm lí nhân vật, nghệ thuật dựng cảnh, nghệ thuật ngôn từ tài tình;... Kết bài: Ý nghĩa của việc tìm hiểu về sự vay mượn và biến đổi trong <i>Truyện Kiều</i>, nêu đánh giá chung và hướng khám phá, tìm tòi tiếp theo

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm																				
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv nêu yêu cầu: - GV hướng dẫn HS thực hiện các bước theo gợi ý để viết bài. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS tiến hành viết bài theo thời gian quy định. B3. Báo cáo thảo luận: Sau khi HS hoàn thành bài viết, GV hướng dẫn các em chỉnh sửa bài viết theo các yêu cầu, tiêu chí đã xác định. GV giải thích các tiêu chí để chỉnh sửa bài viết của HS. HS làm việc theo nhóm đôi, đọc bài viết và góp ý cho nhau. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chọn một số bài của HS đã tự chỉnh sửa để hướng dẫn HS cách làm. GV cho đọc một số bài làm tốt của HS trong lớp để các HS khác học hỏi cách viết của bạn	3. Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện TIÊU CHÍ CHẤM BÀI <table><tr><th>STT</th><th>Yêu cầu</th><th>Đạt</th><th>CD</th></tr><tr><td>1</td><td>Giới thiệu chung về tác phẩm được lựa chọn; mối quan hệ giữa tác phẩm đó với tác phẩm mà nó đã chịu ảnh hưởng.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Chỉ ra và phân tích được các phương diện, khía cạnh chủ yếu của sự tiếp nhận, chịu ảnh hưởng,... trong tác phẩm.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Chỉ ra và phân tích được những điểm cách tân, sáng tạo của tác giả khi tiếp nhận ảnh hưởng từ tác phẩm khác.</td><td></td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Đánh giá giá trị của tác phẩm xét trên phương diện tiếp nhận và sáng tạo dựa vào các dẫn chứng cụ thể.</td><td></td><td></td></tr></table>	STT	Yêu cầu	Đạt	CD	1	Giới thiệu chung về tác phẩm được lựa chọn; mối quan hệ giữa tác phẩm đó với tác phẩm mà nó đã chịu ảnh hưởng.			2	Chỉ ra và phân tích được các phương diện, khía cạnh chủ yếu của sự tiếp nhận, chịu ảnh hưởng,... trong tác phẩm.			3	Chỉ ra và phân tích được những điểm cách tân, sáng tạo của tác giả khi tiếp nhận ảnh hưởng từ tác phẩm khác.			4	Đánh giá giá trị của tác phẩm xét trên phương diện tiếp nhận và sáng tạo dựa vào các dẫn chứng cụ thể.		
STT	Yêu cầu	Đạt	CD																		
1	Giới thiệu chung về tác phẩm được lựa chọn; mối quan hệ giữa tác phẩm đó với tác phẩm mà nó đã chịu ảnh hưởng.																				
2	Chỉ ra và phân tích được các phương diện, khía cạnh chủ yếu của sự tiếp nhận, chịu ảnh hưởng,... trong tác phẩm.																				
3	Chỉ ra và phân tích được những điểm cách tân, sáng tạo của tác giả khi tiếp nhận ảnh hưởng từ tác phẩm khác.																				
4	Đánh giá giá trị của tác phẩm xét trên phương diện tiếp nhận và sáng tạo dựa vào các dẫn chứng cụ thể.																				

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (trả bài)

a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để hoàn thiện bài viết.

b. Nội dung: Hoàn thiện bài viết sau khi đã đối chiếu với các yêu cầu chỉnh sửa

c. Sản phẩm: Bài đã hoàn thiện của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv nêu yêu cầu học sinh hoàn thiện các nội dung bài viết B2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh hoàn thiện bài viết B3. Báo cáo thảo luận: Học sinh báo cáo kết quả sau khi hoàn thiện bài viết B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá kết quả bài viết	Bài viết hoàn chỉnh của học sinh

4. Củng cố

- Học sinh đọc bài viết của bạn trong nhóm để có thêm kỹ năng viết bài.

- Câu hỏi: Từ sự cải biến, sáng tạo trong các tác phẩm văn học. Suy nghĩ của anh (chị) về trách nhiệm của mình đối với việc giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt?

5. HDVN

- Câu hỏi: Hãy lựa chọn một tác phẩm đã học trong chương trình hoặc được tìm hiểu thêm mà ở đó có những biểu hiện tương đối rõ của việc tiếp nhận ảnh hưởng ở các phương diện?
- Lập dàn ý, viết bài văn nghị luận.

PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE
TIẾT 42: TRÌNH BÀY VỀ VIỆC VAY MƯỢN - CẢI BIẾN
SÁNG TẠO TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC
(Thời gian thực hiện 01 tiết)

A. MỤC TIÊU CHUNG

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết được các yêu cầu về nội dung và hình thức của việc trình bày vấn đề tiếp nhận cách tân... trong một tác phẩm văn học cụ thể.
- HS biết lựa chọn đề tài, trình bày đánh giá được việc vay mượn - cải biến, sáng tạo trong một tác phẩm văn học
- HS chủ động thực hành các yêu cầu đối với người nói và người nghe theo đề tài đã được xác định, lựa chọn.

2. Về năng lực: Phát huy khả năng tự học và hợp tác, giải quyết vấn đề đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ học tập.

3. Về phẩm chất: Biết lắng nghe, tôn trọng người đối thoại để tìm được tiếng nói chung trong cuộc thảo luận

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Giáo án, bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp, bảng giao nhiệm vụ cho học sinh học ở nhà

2. Học liệu: SGK, SBT, Ngữ văn 12, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

Lớp	Tiết	Ngày dạy	Sĩ số	Vắng

2. Kiểm tra

3. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế hào hứng cho HS và dẫn dắt vào tiết học mới.

b. Nội dung: Vay mượn - cải biến - sáng tạo ca dao trong Truyện Kiều của Nguyễn Du.

c. Sản phẩm: HS phát hiện việc vay mượn - cải biến - sáng tạo ca dao trong Truyện Kiều của Nguyễn Du.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV cung cấp bảng thông tin và yêu cầu HS ghép nối phần ca dao và phần vay mượn - cải biến - sáng tạo ca dao trong Truyện Kiều của Nguyễn Du.	- Đáp án phần ghép nối -D -C -A -B
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS ghép nối phần ca dao và phần vay mượn	- Truyện Kiều của đại thi hào Nguyễn Du vay mượn, cải biến và sáng tạo từ tác phẩm Kim Vân

- cải biến - sáng tạo ca dao trong Truyện Kiều của Nguyễn Du. B3. Báo cáo thảo luận: HS nhận xét, đánh giá, điều chỉnh câu trả lời của bạn. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV đánh giá phần trả lời của HS, dẫn dắt vào bài.	Kiểu truyện của Thanh Tâm Tài Nhân và văn học dân gian (ca dao, thành ngữ, tục ngữ...) ở nhiều phương diện như cốt truyện, nhân vật, mô típ, ngôn ngữ,... - Tác phẩm văn học có quyền vay mượn, cải biến và sáng tạo, cần nắm chắc yêu cầu đọc - hiểu với dạng văn bản này để có cách tiếp nhận phù hợp và đúng đắn.

Ca dao		Truyện Kiều - Nguyễn Du	
1	Ai đi muôn dặm non sông, Để ai chứa chất sầu đong vơi đầy,	A	Vàng trắng ai sẽ làm đôi/ Nửa in gổ chiếc nửa soi dặm trường
2	Chén trà sánh giọng quỳnh tương Mời chàng nho sĩ văn chương bước vào	B	Phũ phàng chi bấy hoá công Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha.
3	Vàng trắng ai sẽ làm đôi Đường trần ai vẽ ngược, xuôi hỡi chàng ?”...	C	Chén trà sánh giọng quỳnh tương Dãi là hương lộn bình gương bóng lờng
4	Con cò lặn lội bờ sông Ngày xuân mòn mỏi má hồng phôi pha. Em về giục mẹ cùng cha Chợ trưa, dưa héo nghĩ mà buồn tênh.	D	Sầu đong càng lắc càng đầy, Ba thu dồn lại một ngày dài ghê.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được các yêu cầu về nội dung và hình thức của việc trình bày vấn đề tiếp nhận, cách tân,... trong một tác phẩm văn học cụ thể.
- Biết lựa chọn đề tài, trình bày, đánh giá được việc vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học cụ thể.

b. Nội dung: Xác định đề tài, tên tác phẩm sẽ giới thiệu; Tìm ý và sắp xếp các ý trong bài nói; các phương tiện hỗ trợ minh họa cho bài nói.

c. Sản phẩm: Phần chuẩn bị của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
I. CHUẨN BỊ NÓI. Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập: Giáo viên chia lớp học thành 4 nhóm thảo luận 2 vấn đề kiến thức chuẩn bị nói: NHÓM 1-2 - HS ghi vào phiếu học tập những yêu cầu của việc lựa chọn đề tài. NHÓM 3-4: - Hãy ghi vào phiếu học tập những yêu cầu về dàn ý để chuẩn bị nói. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh thực hiện nhiệm vụ của nhóm Bước 3. Báo cáo, thảo luận	I. CHUẨN BỊ NÓI 1. Lựa chọn đề tài - Đề tài của bài nói có thể được khai thác từ đề tài của bài viết ở trên. - Lựa chọn đề tài mới. Tuy nhiên, cần phù hợp với điều kiện đọc và tra cứu tài liệu tham khảo. 2. Tìm ý và sắp xếp ý <i>Tìm ý bằng cách trả lời một số câu hỏi:</i> - Nội dung chính của bài nói là gì? Tác giả, tác phẩm nào sẽ được tập trung phân tích? - Tác phẩm được chọn chịu ảnh hưởng từ tác phẩm nào có trước? Căn cứ xác định có quan hệ vay mượn - cải biến ở đây là gì? - Đầu là phương diện cho thấy rõ nhất sự tiếp nhận ảnh hưởng từ “nguyên mẫu”? Bài nói sẽ nhấn mạnh điểm gì khi đề cập vấn đề này? - Các biểu hiện chính của việc vay mượn là gì? Nên đánh giá thế nào về mức độ, tính chất của mối quan hệ vay mượn - cải biến ở trường hợp này? - Tác giả có những sáng tạo nổi bật gì khi tiếp nhận ảnh hưởng và vay mượn chất liệu cho sáng tác của mình?

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm

Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ cho các nhóm còn lại lên trình bày . Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh trình bày bài đã chuẩn bị ở nhà, các nhóm còn lại lắng nghe Bước 3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trao đổi, đánh giá dựa trên rubic Bước 4. Kết luận, nhận định: GV chốt lại các nội dung của bài trình bày và những lưu ý cần tránh khi thực hành nói nghe.	HS thực hiện bài giới thiệu và trao đổi đánh giá, đặt ra các câu hỏi cho người trình bày và cùng chia sẻ những băn khoăn

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG, MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để trình bày về hiện tượng vay mượn - cải biến - sáng tạo trong tác phẩm văn học.

b. Nội dung: HS được yêu cầu chỉnh sửa dàn ý bài nói, tập luyện để trình bày trước lớp.

c. Sản phẩm: Bài thuyết trình của HS.

Bước 1. GV giao nhiệm vụ cho HS.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Bài thuyết trình của HS, đảm bảo các yêu cầu sau:

STT	Yêu cầu	Đạt	Chưa đạt
1	Giới thiệu ngắn gọn những thông tin chính về vấn đề được chọn: tác phẩm, tác giả; nội dung đặt ra liên quan đến chủ đề bài nói.		
2	Lựa chọn được một hoặc một vài phương diện nổi bật của sự vay mượn trong tác phẩm (như cốt truyện, nhân vật, tình tiết,...) để phân tích, qua đó, nêu những phát hiện về sự vay mượn - cải biến - sáng tạo của tác giả so với “nguyên mẫu”.		
3	Đánh giá chung về ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong bài nói.		

~~**Bước 3 - 4.** GV yêu cầu HS quay video clip hoặc trình bày trước lớp vào buổi học tới. GV tổ chức, nhận xét và chấm điểm.~~

4. Cũng cố: GV đặt câu hỏi: Trình bày các yêu cầu cần có khi trình bày việc vay mượn - cải biến - sáng tạo trong một tác phẩm văn học

5. HDVN:

- Hoàn thiện bài nói theo nhận xét, góp ý của thầy cô và các bạn
- Quay video sản phẩm bài nói hoàn thiện và nộp lại cho GV

Bài nói tham khảo

Kính thưa quý thầy cô và các bạn. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau bước vào một hành trình thú vị, khám phá về việc vay mượn, cải biến và sáng tạo trong văn học. Đây là một chủ đề không chỉ đầy thách thức mà còn rất hấp dẫn, vì nó là nền tảng của sự phát triển và đa dạng hóa trong ngành nghệ thuật. Trên hành trình này, chúng ta sẽ cùng nhau khám phá sâu hơn về cách những tác giả thông qua việc sáng tạo và tái chế các yếu tố văn học đã tồn tại, để tạo ra những tác phẩm mới mẻ, độc đáo và ý nghĩa.

Vấn đề về việc vay mượn, cải biến và sáng tạo không chỉ là một khía cạnh kỹ thuật của việc viết văn, mà còn là một phần quan trọng của quá trình sáng tạo nghệ thuật. Khi một tác giả lấy cảm hứng từ những tác phẩm trước đó, họ không chỉ đơn giản là sao chép, mà còn làm mới và làm giàu thêm ý nghĩa, tạo ra một sản phẩm mới với cái nhìn và cảm xúc riêng. Qua cuộc thảo luận hôm nay, chúng ta hy vọng sẽ có cái nhìn rõ ràng hơn về tầm quan trọng của việc vay mượn, cải biến và sáng tạo trong văn học, cũng như cách mà những yếu tố này góp phần làm nên sự độc đáo và giá trị của một tác phẩm nghệ thuật. Hãy cùng nhau khám phá và thảo luận để hiểu sâu hơn về chủ đề này và trao đổi ý kiến của mình trong quá trình học tập và nghiên cứu văn học.

Văn học, với bản chất nghệ thuật đặc biệt của nó, là nơi mà các tác giả sử dụng ngôn ngữ để phản ánh tư tưởng, cảm xúc và quan điểm của mình về thế giới xung quanh. Trong quá trình sáng tác, họ không chỉ dựa vào trải nghiệm và cảm nhận cá nhân mà còn mượn một số yếu tố từ các tác phẩm khác. Tuy nhiên, việc mượn không đồng nghĩa với việc sao chép. Để tạo ra một tác phẩm độc đáo và mang dấu ấn riêng, các tác giả thường cần phải cải biến những yếu tố mượn và sáng

tạo trên cơ sở đó. Mượn là việc sử dụng các yếu tố từ các tác phẩm khác như cốt truyện, nhân vật, chi tiết, mô típ, hình ảnh, ngôn ngữ... Mục đích của việc mượn là để làm phong phú thêm nội dung và hình thức của tác phẩm, tạo sự liên kết với các tác phẩm khác và giúp tác giả truyền đạt quan điểm, tư tưởng của mình. Ví dụ, việc Nguyễn Du lấy cảm hứng từ Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân để sáng tạo ra Truyện Kiều hay việc nhiều nhà văn Việt Nam chuyển thể vở kịch Hamlet của Shakespeare sang sân khấu.

Tuy nhiên, việc mượn chỉ là bước khởi đầu. Để tạo ra một tác phẩm độc đáo, các tác giả thường cần phải cải biến những yếu tố đã mượn để phù hợp với mục đích sáng tạo của mình. Cải biến có thể thể hiện qua việc thay đổi cốt truyện, nhân vật, chi tiết, mô típ... và sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh sáng tạo và độc đáo. Ví dụ, Nguyễn Du đã cải biến nhiều chi tiết trong Truyện Kiều để tạo ra một tác phẩm mới với nội dung và ý nghĩa mới, hoặc Shakespeare đã thay đổi nhiều yếu tố trong vở kịch Hamlet để phản ánh văn hóa và xã hội của nước Anh. Sáng tạo là yếu tố quan trọng nhất, thể hiện bản sắc riêng của mỗi tác giả. Sáng tạo là khả năng kết hợp hài hòa giữa việc mượn và cải biến, đồng thời thể hiện tư tưởng, quan điểm và tình cảm của tác giả qua tác phẩm của mình. Ví dụ, Truyện Kiều của Nguyễn Du là một sáng tạo độc đáo, thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc và tài năng nghệ thuật của ông, trong khi Hamlet của Shakespeare là một sáng tạo phản ánh những suy tư về cuộc đời và con người.

Vay mượn, cải biến và sáng tạo có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ lẫn nhau. Vay mượn là nền tảng để cải biến và sáng tạo. Cải biến là cầu nối giữa vay mượn và sáng tạo. Sáng tạo là yếu tố quyết định giá trị của tác phẩm. Việc sử dụng hợp lý các yếu tố vay mượn, cải biến và sáng tạo góp phần tạo nên giá trị của tác phẩm. Khi vay mượn, cần ghi rõ nguồn gốc để thể hiện sự tôn trọng đối với tác giả và tác phẩm gốc. Cải biến và sáng tạo là yếu tố thể hiện bản sắc riêng của tác giả.

Hiểu được tầm quan trọng của vay mượn, cải biến và sáng tạo giúp chúng ta đánh giá cao giá trị của tác phẩm văn học, đồng thời sáng tạo hiệu quả trong các lĩnh vực khác nhau

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH ĐỌC BẾN TRẦN GIAN

- Lưu Sơn Minh -

I. Tri thức Ngữ văn

1. Tác giả Lưu Sơn Minh

- Sinh năm 1974.

- Sau 8 năm chuyên Toán và 6 năm Đại học Y Hà Nội chuyển sang viết văn, làm báo.

- Lưu Sơn Minh được biết đến như một nhà văn thành công rất sớm với những truyện ngắn nổi tiếng mang tính huyền thoại, huyền ảo. Những truyện như "Mưa sâm cầm", "Duyên nghiệp", "Nước mắt trúc"...; các tiểu thuyết "Trần Khánh Dư" và bây giờ là "Trần Quốc Toản" (bản lần đầu công bố 2005) đã khẳng định tài năng và tên tuổi tác giả trong giới viết truyện Lịch sử.

2. Tác phẩm “Bến trần gian”

- Truyện ngắn đầu tay *Bến trần gian* viết trên giảng đường trường Y được giải Cuộc thi truyện ngắn tạp chí Văn nghệ quân đội 1992 – 1994.

II. Khám phá văn bản

1. Tóm tắt cốt truyện.

Lăng - một người lính, trong lúc tham gia chiến đấu không may bị trúng đạn và hi sinh nơi chiến trường. Hồn của anh cứ luẩn quẩn trong rừng mãi đến ngày gặp được ông lão tóc bạc giúp cho linh hồn anh có cơ hội trở về quê hương. Bay suốt mấy chục ngày trời, anh đến một con sông nhưng không thể vượt qua được nữa. Và thế là anh gọi “Đò ơi..”. Rồi một cô gái chèo thuyền từ bên kia tới. Đó là Thùy - cô bạn gái thuở xưa của Lăng, đã bao năm chờ đợi anh, giờ cô cũng đã có chồng, có con, nhưng cô vẫn luôn nhớ về anh. Cô vẫn thường tới bến đò này mong ngóng, và khóc trong nỗi nhớ ấy. Hôm nay, họ gặp nhau nhưng không ai thấy ai cả. Cho đến khi, con thuyền cập bến, thuyền lung chòng nước mắt lên bờ gặp bà cụ, rồi trở về nhà. Lăng và bà cụ (mẹ Lăng) đã

gặp nhau sau bao năm xa cách. Nỗi thương nhớ gửi gắm qua mấy lời trò chuyện. Chợt nhận ra Lăng là một hồn ma, dù vô cùng đau khổ nhưng cuối cùng bà cụ vẫn khuyên Lăng nên trở về thế giới bên kia. Và rồi hai mẹ con chia tay nhau. Đến ngày 16 hằng năm, bà cụ và Thùy làm giỗ cho anh trong nỗi thương nhớ vô bờ.

2. Ý nghĩa biểu tượng “bến trần gian” trong tác phẩm.

- Hình ảnh bến trần gian gắn liền với các nhân vật: Bà cụ Lăng, Thùy và anh Lăng.

- Ý nghĩa biểu tượng:

- + Bến trần gian là nơi con người gặp gỡ, trò chuyện với những người lính đã hy sinh. Không gian bến mang đậm màu sắc huyền ảo, linh thiêng.
- + Bến trần gian - biểu tượng cho cuộc đời, muôn vàn cung bậc cảm xúc: vui, buồn, sướng, khổ, là nơi con người học cách trưởng thành, vượt qua chính mình.
- + Bến là nơi ghi dấu những hy sinh thầm lặng của những người lính, đó là lời nhắc nhở về trách nhiệm của thế hệ sau đối với những người đã khuất.
- + Bến trần gian - biểu tượng cho niềm tin vào cuộc sống, con người hướng tới tương lai.

***Kết luận:**

Bến trần gian là một hình ảnh ẩn dụ đầy ý nghĩa, thể hiện quan niệm về cuộc sống, về sự hy sinh và niềm tin vào tương lai của con người. Bến là nơi con người gặp gỡ, chia ly, trải qua muôn vàn cung bậc cảm xúc, đối mặt với thử thách và học cách trưởng thành. Bến là nơi tưởng nhớ những người đã hy sinh và nhắc nhở thế hệ sau về trách nhiệm của mình. Bến là nơi con người tìm thấy sự đồng cảm, chia sẻ và tiếp thêm sức mạnh cho nhau. Bến là nơi con người giữ gìn niềm tin vào cuộc sống tốt đẹp và hướng đến một tương lai tươi sáng.

3. Yếu tố kỳ ảo trong truyện và vai trò của việc sử dụng yếu tố này.

a. Yếu tố kỳ ảo:

-Hình ảnh những người lính đã hy sinh: họ hiện lên trong tâm trí của nhân vật 'tôi' một cách sinh động, rõ ràng.

-Bến đò và người lái đò: không gian và nhân vật huyền ảo, mang tính biểu tượng.

-Những chi tiết kỳ ảo khác: tiếng sáo diều kỳ, ánh trăng lung linh, sương giăng mờ ảo...

b. Vai trò:

-Tạo sự hấp dẫn, lôi cuốn cho tác phẩm: yếu tố kỳ ảo kích thích trí tưởng tượng của độc giả, khiến họ tò mò và muốn khám phá thêm về nội dung truyện.

-Thể hiện quan điểm về thế giới tinh thần: con người tin vào sự tồn tại của thế giới bên kia, tin vào sự vĩnh cửu của linh hồn.

-Thể hiện niềm tin vào cuộc sống: mặc dù trải qua nhiều sóng gió, con người vẫn giữ niềm tin vào tương lai tươi sáng.

-Khắc họa tâm lý của nhân vật: yếu tố kỳ ảo giúp thể hiện những suy nghĩ, cảm xúc phức tạp của nhân vật 'tôi'.

-Hỗ trợ tác giả truyền đạt thông điệp: ca ngợi những phẩm chất tốt lành của con người, thể hiện mong muốn về hòa bình.

4. Suy tư của tác giả về đời sống tâm linh của con người từng trải qua nhiều mất mát vì chiến tranh.

- Nỗi ám ảnh về chiến tranh khiến họ luôn sống trong lo âu, sợ hãi và dằn vặt.

+ Chiến tranh đã để lại những vết thương lòng sâu sắc cho con người, đặc biệt là những người lính. Họ phải chứng kiến sự hy sinh của đồng đội, người thân, và bản thân họ cũng phải chịu đựng những đau đớn về thể xác và tinh thần.

- Nỗi khát khao bình yên là động lực để con người vượt qua những khó khăn và tiếp tục sống.

+ Sau chiến tranh, con người khao khát được sống trong hòa bình. Họ mong muốn được sum họp bên gia đình, được yêu thương và chia sẻ.

- Niềm tin vào cuộc sống giúp con người có thêm sức mạnh để vượt qua những thử thách và hướng đến tương lai.

- Chiến tranh khiến con người suy ngẫm về kiếp nhân sinh, về giá trị của cuộc sống

BÀI 5

TIẾNG CƯỜI CỦA HÀI KỊCH

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB1: *Nhân vật quan trọng* (Trích *Quan thanh tra* – Nikolai Gogol)

VB2: *Giấu của* (Trích *Quần* – Lộng Chương)

Thực hành đọc: *Cẩn thận hão* (Trích *Thợ cạo thành Xê-vin* – Beaumarchais)

2. **Viết:** Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội

3. **Nói và nghe:** Trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 7 tiết – KHGD

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

PHẦN 1: ĐỌC

Tiết 44,45 - VẤN BẢN 1:

NHÂN VẬT QUAN TRỌNG

Thời gian thực hiện: 02 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng... qua văn bản *Nhân vật quan trọng*.

- Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc, người xem và tiến bộ xã hội.

2. **Về năng lực:** Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học về văn bản *Nhân vật quan trọng* để đọc hiểu hài kịch và thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

3. **Về phẩm chất:** Biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội; biết sống có khát vọng, vui tươi, chân thực, tự nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- SGK, SGV Ngữ văn 12.

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp, phiếu giao nhiệm vụ cho học sinh làm ở nhà.

2. Học liệu:

- SGK, SBT Ngữ văn 12.

- Sách tham khảo, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. **Nội dung:** GV đặt câu hỏi cho HS trả lời.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV cho học sinh xem trích đoạn “ <i>Ông giuốc-đanh mặc lễ phục</i> ” trong vở hài kịch “ <i>Trường giả học làm sang</i> ” https://www.youtube.com/watch?v=VHJa8Zx_pkE GV nêu câu hỏi:	Gợi ý: Hài kịch là một thể loại kịch, dùng tiếng cười để chế giễu những thói tật, hiện tượng đáng phê phán (vụ lợi, kịch cớm, cực đoan, lạc hậu, ảo tưởng,...) vốn đi chệch các chuẩn mực tốt đẹp của con người và cộng đồng. - Tiếng cười hài kịch cất lên từ sự vênh lệch, không tương thích giữa mục đích và phương tiện thực hiện, bản chất và biểu hiện, hành động và hoàn

Sau khi xem xong trích đoạn trên em có nhận xét gì? Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về hài kịch. B2. Thực hiện nhiệm vụ: GV yêu cầu hs thảo luận theo cặp thực hiện nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận: - Hs chia sẻ, lớp theo dõi, nhận xét và đưa ra ý kiến - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn, gợi mở B4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV chốt kiến thức, dẫn vào bài mới.	cảnh, tham vọng cá nhân và các khả năng thực hiện,... - Hài kịch có thể được triển khai theo các hướng khác nhau: bông đùa, hài hước, châm biếm, mỉa mai, tố cáo, đả kích,... - Bằng tiếng cười, hài kịch muốn làm thay đổi cách nhìn của người đọc, người xem về một hiện tượng xã hội nào đó, khẳng định lối sống lành mạnh, lạc quan, hợp với lẽ phải và tiến bộ xã hội. Hài kịch đưa ra một kết cục có hậu, vui vẻ đối với người đọc, người xem.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN

a. Mục tiêu: HS tóm tắt được và nắm vững những thông tin then chốt nhất trong phần Tri thức ngữ văn.

b. Nội dung:

- Đọc nội dung phần Tri thức ngữ văn, gạch chân các từ khóa, tìm hiểu thông tin

- Thảo luận, trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập

c. Sản phẩm: Phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm	
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Học sinh tìm hiểu tri thức ngữ văn về nhân vật, tình huống, xung đột, hành động, kết cấu. Học sinh nêu được kiến thức về thủ pháp trào phúng và ngôn từ trong hài kịch Hoàn thành phiếu học tập số 1 (làm việc cá nhân) B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh vận dụng tri thức ngữ văn, thực hiện nhiệm vụ B3. Báo cáo thảo luận Học sinh chia sẻ kiến thức đã biết, nhận xét câu trả lời của bạn B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt lại những thông tin quan trọng trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i> làm nền tảng đọc hiểu văn bản	Khái niệm: Hài kịch là một thể loại kịch, dùng tiếng cười để chế giễu những thói tật, hiện tượng đáng phê phán (vụ lợi, kịch cớm, cực đoan, lạc hậu, ảo tưởng,...) vốn đi chệch các chuẩn mực tốt đẹp của con người và cộng đồng.	
	Đặc điểm của hài kịch	
	Nhân vật	Nhân vật chính: - Thường có tính cách nhất quán, được xây dựng theo lối cường điệu thói tật đáng cười, đáng phê phán hoặc thường xuyên lầm lẫn, có cách ứng xử không phù hợp với hoàn cảnh thực tế - Hiếm khi là kẻ cùng hung cực ác; mà phổ biến hơn là người có khiếm khuyết, sai lầm cần khắc phục. Nhân vật phụ: - Pha trò châm chích giễu nhại; hài hước tạo không khí suồng sã, vui vẻ - Đại diện cho một lực lượng đối kháng sáng suốt, tiến bộ
	Tình huống	- Tình huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thể sự với những ảo tưởng toan tính đời thường, làm nổi bật những thói tật đáng cười của con người - Có thể là những tình huống hiểu lầm trớ trêu, dở khóc dở cười; song không bi đát và luôn có thể giải quyết tốt đẹp.
	Xung đột	- Xung đột được xây dựng trên cơ sở mâu thuẫn giữa những tham vọng, toan tính vật chất, mưu kế tầm thường, bất chấp đạo đức lẽ phải...(phản

		nhiều kẻ ảo tưởng) với những chuẩn mực và tiến bộ xã hội
	Hành động	- Chủ yếu là những hành động bên ngoài, những toan tính, ảo tưởng của nhân vật được bộc lộ hết ra lời chứ không phải là những trăn trở nội tâm - Hành động tô đậm nét tính cách chủ đạo của nhân vật hay tính chất cực đoan của những toan tính, ảo tưởng. Diễn biến hành động qua mỗi hồi kịch thường mở ra các bình diện khác nhau của cái đáng cười hơn là thúc đẩy xung đột đi tới hồi kết
	Kết cấu	Hài kịch được tổ chức trên cơ sở một hành động kịch nhất quán: - Mở đầu: giới thiệu nhân vật với những thói tật và những toan tính, ảo tưởng - Thắt nút: Đưa nhân vật vào tình huống khó xử - Triển khai: phát triển xung đột - Đỉnh điểm: Toan tính, ảo tưởng tưởng chừng thắng thế. - Kết thúc: Giải quyết xung đột bằng một mưu mẹo, hay một yếu tố ngẫu nhiên bất ngờ, dẫn đến sự sụp đổ của những toan tính ảo tưởng làm bật lên tiếng cười.
	Thủ pháp trào phúng	- Hài kịch thường sử dụng những thủ pháp trào phúng như: Tạo tình huống hiểu lầm hài hước, trớ trêu; phóng đại cử chỉ, điệu bộ, thói tật; Tạo tương phản gây cười, (hoán đổi các cảnh, các vị trí nhân vật, đồ vật một cách nghịch lý, cải trang lộ liễu, đột ngột, biến dạng, mất cân xứng...)
	Ngôn từ trong hài kịch	- Ngôn từ trong hài kịch: từ chỉ dẫn sân khấu, cách gọi tên nhân vật đến đối thoại, độc thoại...sử dụng rất nhiều biện pháp tăng cường tính trào phúng: cường điệu, lặp, nhại, chơi chữ, nói bóng nói quá... - Đối thoại trong hài kịch có khi được tổ chức theo kiểu đối chọi chần chát, ăn miếng trả miếng trong tình huống các nhân vật tố cáo lẫn nhau, có khi được triển khai xoay quanh tình huống ông nói gà bà nói vịt thể hiện sự lệch kênh về ý thức; cũng có khi đột ngột bỏ lửng lời thoại, khiến người đọc, người xem bật cười.

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1: NHÂN VẬT QUAN TRỌNG

2.1. Tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu:

- HS nắm được những nét khái quát về cuộc đời, sự nghiệp của tác giả.
- Thấy được những tác động của cuộc đời, thời đại đến sáng tác của Ni-cô-lai Gô-gôn.
- Tóm tắt được vở hài kịch.

b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ được giao: sưu tầm tư liệu về tác giả và tác phẩm, thuyết minh sáng tạo về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm

- Các tài liệu HS sưu tầm
- Câu trả lời; chốt kiến thức cơ bản về tác giả, tác phẩm

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: - Đọc, phân tích thông tin qua phần giới thiệu khái quát về tác giả Ni-cô-lai Gô gôn. - Qua tìm hiểu, sưu tầm các tài liệu về Ni-cô-lai Gô gôn, hãy khái quát một số thông tin cơ bản về tác giả. - Thuyết minh sáng tạo về tác phẩm B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân - Cung cấp các tài liệu thu được và tự đánh giá - Thuyết minh sáng tạo về tác giả, tác phẩm B3: Báo cáo thảo luận - HS báo cáo kết quả, thuyết minh sáng tạo - Thảo luận, phản biện chéo B4: Kết luận, nhận định - GV kết luận - Nhận xét, đánh giá HS * Nhiệm vụ 2: B1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc phân tóm tắt vở hài kịch, nêu xuất xứ, nội dung tư tưởng, nêu vị trí, bố cục, nội dung của đoạn trích. B2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh thực hiện nhiệm vụ - Hoàn thiện câu trả lời B3: Báo cáo thảo luận - HS báo cáo kết quả - Thảo luận, bổ sung, đánh giá B4: Kết luận, nhận định - GV kết luận, chốt kiến thức - Nhận xét, khuyến khích hs tích cực	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả a. Con người và cuộc đời - Ni-cô-lai Gô gôn (1809-1852) là nhà văn, nhà soạn kịch nổi tiếng của văn học Nga nửa đầu thế kỷ XIX. - Ông sinh ra trong một gia đình quý tộc ở tỉnh Pôn-ta-va, nay thuộc U-crai-na. - Năm 1828 Gô gôn từng làm trợ lý cho vụ bất động sản hoàng gia ở Pê-téc-bua một thời gian, hiểu rõ bộ máy công chức thủ đô. -> Ông là một trong những người đặt nền móng phát triển cho sân khấu kịch ở nước Nga và châu Âu hiện đại đầu thế kỷ XIX. b. Đặc điểm sáng tác - Phần nhiều những tác phẩm hiện thực của Gô – gôn thể hiện con mê sảng của thực tại với những hình tượng con người bị đồ vật hóa, thảm hại, trống rỗng, tồn tại như những bóng ma và luôn ám ảnh về sự báo ứng. - Giọng văn trào phúng vừa hài hước, vừa xót xa, vừa đau đáu niềm hi vọng vào một thực tại khác xứng đáng hơn với cuộc sống con người. 2. Hài kịch “Quan thanh tra” a. Hoàn cảnh sáng tác - “Quan thanh tra” là vở hài kịch gồm 5 hồi, sáng tác trên cơ sở một giai thoại do Pu-skin gợi ý - Được viết năm 1835 và xuất bản năm 1836 b. Tóm tắt vở hài kịch - Vở kịch bắt đầu từ thông tin quan thanh tra ở thủ đô Peterburg sẽ đóng giả thường dân về thị sát một thị trấn nhỏ miền nam nước Nga. - Nhận nhầm một gã công chức nhỏ lang thang đến nghỉ lại ở đây là quan thanh tra - Bọn quan chức ở đây lo sợ, tìm cách mua chuộc, hối lộ cho quan lớn, đồng thời nhân dịp này tố cáo, nói xấu nhau để tăng công với quan thanh tra. - Tất cả phôi bày khi quan thanh tra thật xuất hiện.... c. Nội dung tư tưởng Quan thanh tra không chỉ là vở hài kịch đả kích “tất cả những gì tẻ nhạt của nước Nga” đầu thế kỷ XIX, mà còn khơi dậy nỗi đau về sự tồn tại trống rỗng, phi lí của con người và niềm hi vọng vào một cuộc sống tốt đẹp hơn. 3. Đoạn trích “Nhân vật quan trọng” a. Vị trí Thuộc lớp VI, hồi III của hài kịch Quan thanh tra. b. Bố cục: Nương theo lời thoại của nhân vật - Khơ-lét-xta-cốp kẻ bề trên xác lập vị thế xã giao - Khoác lác về vị thế của mình trên cơ sở đảo ngược thân phận - Khoác lác về cuộc sống xa hoa dựa trên những điều nghe lỏm được- Say sưa thả mình vào vai sắm tượng tượng và cuộc đời “đáng sống” hằng mong c. Nội dung

	- Quan chức địa phương nhằm Khlet-xta- cốp là quan thanh tra. Họ ra sức đối đãi, mời chào, đút lót lấy lòng. - Sự việc vỡ lẽ khi chủ sự bưu điện đọc bức thư mà Khlet-xta-cốp viết. Bức thư mang nội dung chế giễu các quan chức địa phương, lần lượt từng người bị bôi nhọ.

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: ngôn ngữ, xung đột, hành động, nhân vật, kết cấu, tình huống, thủ pháp trào phúng,... qua văn bản *Nhân vật quan trọng*.

b. Nội dung:

- HS đọc văn bản và tìm thông tin.
- GV hướng dẫn HS khám phá văn bản thông qua hệ thống câu hỏi và phiếu học tập
- Tập trung làm rõ các vấn đề như bối cảnh, tình huống và hành động kịch – Nhân vật – Xung đột và kết cấu – Thủ pháp trào phúng và ngôn từ.

c. Sản phẩm:

- Phiếu học tập của HS khi đọc văn bản.
- Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản B1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức HS đọc phân vai theo các nhân vật trong trích đoạn B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc nối tiếp văn bản, thực hiện các nhiệm vụ sau khi đọc. B3: Báo cáo, thảo luận - HS căn cứ vào phiếu học tập số 2 đã được giao về nhà để thực hiện nội dung yêu cầu B4: Kết luận, nhận định GV chốt nội dung chính của bối cảnh, tình huống và hành động kịch.	II. Khám phá văn bản 1. Bối cảnh, tình huống và hành động kịch a. Bối cảnh - Tin đồn về quan thanh tra: Thị trưởng và các quan lo sợ vì những hành vi tham nhũng của mình sẽ bị phanh phui. - Tình cờ Khor-lét-xta-cốp - một viên chức quen đến thị trấn nhỏ để nghỉ ngơi bị nhận nhầm là quan thanh tra. Lốp kịch diễn ra tại phòng khách nhà thị trưởng. c. Diễn biến của sự nhầm lẫn - Quan chức thị trấn: + Thị trưởng và các quan chức trong thị trấn tìm cách hối lộ ông ta để che giấu tội lỗi của mình. + Vợ và con gái thị trưởng sốt sắng thể hiện mình trước nhân vật quan trọng từ thủ đô tới - Khor-lét-xta-cốp + Lợi dụng việc mình bị nhận nhầm là quan thanh tra để hù dọa các quan chức. Ông ta tỏ ra kiêu căng, hống hách và đòi hỏi nhiều tiền + Khoác lác, khoe khoang bản thân để khuếch trương danh thế. + Công khai tán tỉnh vợ con thị trưởng. - Kết quả + Quan thanh tra thật sự đến thị trấn. Khor-lét-xta-cốp bị phát hiện là kẻ lừa đảo và phải bỏ trốn. + Thị trưởng và các quan chức: bị phanh phui tội lỗi của mình và phải chịu sự trừng phạt c. Tình huống trào phúng Nhận nhầm quan thanh tra. =>Tình huống hài hước, trớ trêu, thể hiện sinh động, sâu sắc tính cách nhân vật và chủ đề tư tưởng. 2. Nhân vật Khor-lét-xta-cốp a. Hoàn cảnh thực tế - Khor-lét-xta-cốp vốn là nhân viên thư kí quen, “đoảng vị, không được việc gì” tại văn phòng của một vụ ở Pê-téc-bua, ham bài bạc. Anh ta từng phải rời khỏi thủ đô về tỉnh lẻ, từng
Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản Tìm hiểu nhân vật Khor-lét-xta-cốp B1: Chuyển giao nhiệm vụ	

- Thảo luận nhóm theo Phiếu học tập 3
- Thời gian: 10'
- Sản phẩm: phiếu học tập
- B2: Thực hiện nhiệm vụ**
- Yêu cầu: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 3
- Thời gian: 10 phút
- B3: Báo cáo thảo luận**
- Chia sẻ cảm nhận về nhân vật
- B4: Kết luận, nhận định**
- GV chốt kiến thức
- Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt
- Rút kinh nghiệm

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu các nhân vật tầng lớp quan chức

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Thảo luận nhóm theo Phiếu học tập 4
- Thời gian: 5'
- Sản phẩm: phiếu học tập

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- Yêu cầu: Học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu.
- B3: Báo cáo thảo luận**
- HS trình bày

phải sống chui lủi để trốn tiền trợ, từng lê la với đám “đào hát” và từng xem “ca kịch vui” bình dân.

-> Hoàn cảnh này khiến anh ta biết nhiều đào hát lắm, có biết bập bõm vài tên nhà báo, nhà văn dù lẫn lộn các tác phẩm thuộc các thể loại khác nhau với tên các tờ báo, tạp chí.

b. Ảo tưởng về “cuộc sống thượng lưu”

- Thể hiện qua lời thoại, cử chỉ, hành động:
- + Khoe khoang về chiến công: Chém chết mười tám tên Thổ Nhĩ Kỳ ; Đánh nhau với gấu
- + Khoe khoang về tiền bạc: Có nhiều tiền
- + Khoe khoang về quan hệ: có nhiều bạn bè; Có quan hệ với quan chức

⇒ Lời khoác lác của Khor-lét-xta-cốp đã vô tình bộc lộ thân phận thật của mình: một viên chức quèn nghèo khổ, thiếu tự tin và khao khát được tôn vinh, được công nhận đồng thời cũng thể hiện sự bất mãn của Khor-lét-xta-cốp với thực trạng xã hội Nga hoàng.

+ Khoe khoang kiến thức văn chương: Nhắc đến tên các tác giả, tác phẩm nổi tiếng, và bình luận về chúng một cách tự tin; Thường xuyên hiểu sai về văn chương; hay gán ghép những ý nghĩa sai lầm cho các tác phẩm, và đưa ra những bình luận phi thực tế ; Sử dụng văn chương để khoe mẽ: thường xuyên trích dẫn những câu thơ, câu văn để thể hiện sự hiểu biết của mình.

-> Khor-lét-xta-cốp là một người ngu dốt, khoác loác, kiến thức văn chương rất hạn hẹp. Làm nổi bật sự lố bịch và thiếu tự nhiên của nhân vật

- Thái độ sống:
 - + Khinh bỉ cuộc sống ở tỉnh lẻ, cuộc sống ở tầng lớp dưới của chính mình và cả “dân đen ngu dốt, tối tăm”; khinh bỉ thân phận thư kí quèn của chính mình...
 - + Khát khao danh lợi, khát khao cuộc sống xa hoa của những nhân vật tai to mặt lớn

=> Tham lam, háms danh, ảo tưởng về cuộc sống xa hoa của giới thượng lưu.

c. Nghệ thuật tạo tiếng cười

- Tạo tình huống hiểu lầm (nhận lầm Khor-lét-xta-cốp là quan thanh tra, là “cụ lớn”, nhà văn).
- Phóng đại cử chỉ, điệu bộ, thói tật (phóng đại cử chỉ, điệu bộ xã giao, thể hiện nỗi khiếp sợ thái quá, phóng đại cơn cao hứng khoác lác của Khor-lét-xta-cốp).
- Ngôn từ tăng cường tính trào phúng (cường điệu, lặp, nói bóng gió, nói quá, nói lỡ, nói không ra tiếng, đối thoại “ăn miếng trả miếng” tố cáo lẫn nhau,...).

3. Tầng lớp quan chức

a. Bản chất:

- Công khai hà hiếp dân chúng, nhận hối lộ, bê trễ công việc, dò xét, đe dọa lẫn nhau...; ăn chơi, trống rỗng “Đốt đuốc giữa ban ngày” cũng không thấy có việc gì trong thị trấn có thể coi là tử tế”;...

> Thị trường và đám quan chức thị trấn đã hoàn thành bức tranh thu nhỏ về chế độ chuyên chế cực đoan của xã hội Nga đương thời dưới sự cai trị của Nga Hoàng.

b. Thái độ trước sự khoắc lác của Khor-lét-xa-cốp

- Phản biện và trao đổi B4: Kết luận, nhận định - GV chốt kiến thức nêu thêm một số dẫn chứng mở rộng đoạn cuối của vở kịch quan thanh tra Khor-lét-xta-cốp viết thư cho bạn và nhận xét về quan lại thị trấn như sau: +Thị trưởng “ ngu như một con ngựa thiên lông xám” + Chủ sự buru vụ “<i>giống thằng Mi-khê-ép... chắc cũng chè rượu và bản tiện như thế</i>” + Ác-tê-mi-phi-líp-pô-vích : “<i>Thằng viện trưởng viện tế bản là một con lợn chính cống đội mũ nổi</i>” + Lu-ca lu-kích : “ <i>Thằng kiểm học, người sắc mùi hành</i>” - An-mốt phi-ô-do-rô-vích : “<i>Thằng chánh án...thật hết sức mô- ve – tông</i>”. - Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt - Rút kinh nghiệm Tìm hiểu các nhân vật An-na An-đrê-ép-na và Ma-ri-a An-tô-nốp-na – vợ và con gái thị trưởng B1: Chuyển giao nhiệm vụ - Thảo luận nhóm theo Phiếu học tập 5 - Thời gian: 5’ - Sản phẩm: phiếu học tập B2: Thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu: Học sinh thảo luận và hoàn thành theo yêu cầu B3: Báo cáo thảo luận - HS trình bày - Phản biện và trao đổi B4: Kết luận, nhận định - GV chốt kiến thức - Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt - Rút kinh nghiệm Tìm hiểu xung đột và kết cấu B1: Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên dẫn dắt theo nội dung từng phần: Mở đầu, thắt nút, triển khai, đỉnh điểm và kết thúc	- Nhận làm Khor-lét-xta-cốp là quan thanh tra, cho nên cung phụng anh ta, đưa hối lộ, lợi dụng cơ hội cầu thân, tiến thân và hạn chế không cho tiếp xúc với những người bị ức hiếp. - Vênh vang, ra oai với kẻ dưới trong ảo vọng thay đổi danh vị. -> Luồn cúi, khúm núm, sợ sệt. mù quáng tin tưởng, thiếu hiểu biết trước sự khoác lác của Khor-lét-xta-cốp c. Kết quả của việc nhận nhằm quan thanh tra - Thị trưởng vỡ mộng; quan lại tự châm biếm lẫn nhau. - Lo lắng sợ hãi tội độ khi nhận được tin báo: “Quan thanh tra đích thực vừa mới đến thành phố, yêu cầu tất cả tới trình diện” =>”Lời tuyên bố “như sét đánh” làm cho tất cả kinh hoàng, đờ ra như hóa đá”, đẩy đám quan chức thị trấn vào tấn bi hài: tiền mất tật mang. d. Nghệ thuật xây dựng chân dung trào phúng - Nghệ thuật phóng đại, cường điệu; tương phản đối lập. - Ngôn ngữ ngoa dụ, mang tính chất mỉa mai, châm biếm. 4. Nhân vật An-na An-đrê-ép-na và Ma-ri-a An-tô-nốp-na – vợ và con gái thị trưởng a. Thực chất Vợ (An-na An-đrê-ép-na) và con gái (Ma-ri-a An-tô-nốp-na) thị trưởng là những kẻ đầu óc rỗng tuếch, đài các rơm, chỉ biết đua đòi học làm sang và hãnh tiến,.... b. Thái độ trước sự khoác lác của Khor-lét-xta-cốp - Nhận làm Khor-lét-xta-cốp là nhân vật quyền thế, sang trọng, đang đưa cầu thân để làm sang. - Ngõng ngàng vỡ mộng được kết thân với người quyền thế để làm sang, bước vào giới thượng lưu ở thủ đô. -> Nhận xét về nhân vật hài kịch trong Nhân vật quan trọng: nhân vật thường xuyên làm lẫn, có cách ứng xử không phù hợp với hoàn cảnh thực tế, có tính cách nhất quán, được xây dựng theo lối cường điệu, tô đậm nét đáng cười, chứ không được khai thác qua toàn bộ tiểu sử. c. Thái độ của hai mẹ con với nhau - Sẵn sàng tố cáo, lật tẩy nhau khi có cơ hội => Các nhân vật tự tố cáo, “vạch áo cho người xem lưng” để bộc lộ bản chất thực của mình và tạo ra tiếng cười châm biếm, đả kích sâu cay. d. Nghệ thuật xây dựng chân dung trào phúng - Nghệ thuật phóng đại, cường điệu hóa. - Châm biếm, đả kích nhẹ nhàng mà thâm thúy, sâu cay. - Thủ pháp “lật tẩy” để các nhân vật tự “tố cáo” lẫn nhau. =>Tạo ra những hình tượng nhân vật độc đáo, hài hước. 5. Kết cấu và xung đột - Kết cấu: Phần 1. Mở đầu: Thị trưởng thông báo về việc quan thanh tra có thể đã tới thị trấn và nỗi lo sợ của cả đám quan chức trước tin này (hồi I). Phần 2. Thắt nút: Đám quan chức nhận làm Khor-lét-xta-cốp là quan thanh tra (hồi II). Phần 3. Triển khai: Khor-lét-xta-cốp hồn nhiên nhập vai quan thanh tra (hồi III); Khor-lét-xta-cốp thoạt đầu còn sượng sùng vay tiền đám quan chức, tiến tới đòi hỏi, quát nạt để ăn hối lộ công khai cả của người bị ức hiếp, tận dụng cơ hội để tấn công

sau đó yêu cầu học sinh tìm ra xung đột trong vở hài kịch - Thảo luận nhóm theo Phiếu học tập 6 - Thời gian: 5’ - Sản phẩm: phiếu học tập B2: Thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu: Học sinh thảo luận và hoàn thành theo yêu cầu B3: Báo cáo thảo luận - HS trình bày - Phản biện và trao đổi B4: Kết luận, nhận định - GV chốt kiến thức - Nhận xét và cho điểm khuyến khích HS thực hiện nhiệm vụ tốt - Rút kinh nghiệm	cả vợ lẫn con gái thị trưởng, cầu hôn với con gái thị trưởng, rồi cao chạy xa bay (hồi IV). Phần 4. Đỉnh điểm: Thị trưởng vênh váo, ra oai với đám dưới quyền, say sưa trong ảo tưởng con gái mình sẽ kết hôn với “quan lớn” thanh tra (lớp I – VII, hồi V). Phần 5: Kết thúc: Chủ sự bưu vụ đọc trộm thư, phát hiện ra Khor-lét-xta-cốp không phải là quan thanh tra, một viên hiến binh thành lính xuất hiện, tuyên bố: quan thanh tra đích thực vừa mới đến thành phố; cả bọn đờ ra như hoá đá. (lớp VIII – lớp Cầm, hồi V). - Xung đột: Mâu thuẫn giữa những toan tính, ảo tưởng trong cuộc sống tẻ nhạt, trống rỗng của các nhân vật với hoàn cảnh thực tế. -> Nhận xét về kết cấu và xung đột của vở kịch: Nét đặc sắc của kết cấu và xung đột trong hài kịch Quan thanh tra là tổ chức vở kịch xoay quanh thói khoác lác, ảo tưởng của Khor-lét-xta-cốp (xuất hiện từ hồi II, biến mất ở cuối hồi IV). Nó trở thành điểm hội tụ tất cả những sự tẻ nhạt của toàn bộ đám quan chức, trưởng giả trong thị trấn. III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Thủ pháp trào phúng tạo tình huống hiểu lầm (nhận làm Khor-lét-xta-cốp là quan thanh tra, là “cụ lớn”, nhà văn). - Phóng đại cử chỉ, điệu bộ, thói tật (phóng đại cử chỉ, điệu bộ xã giao, thể hiện nỗi khiếp sợ thái quá, phóng đại cơn cao hứng khoác lác của Khor-lét-xta-cốp). - Tạo tương phản gây cười (lời khoác lác về cuộc sống thượng lưu cùng vị thế quan trọng của Khor-lét-xta-cốp tương phản gay gắt với thân phận thực tế của nhân vật,...). - Ngôn từ tăng cường tính trào phúng (cường điệu, lặp, nói bóng gió, nói quá, nói lỡ, nói không ra tiếng, đối thoại “ăn miếng trả miếng” tố cáo lẫn nhau,...). 2. Nội dung Đoạn trích lên án “thói Khor-lét-xta-cốp”, thói khoác lác, ảo tưởng – bắt nguồn từ mặc cảm về thân phận nhỏ mọn của chính nhân vật trong thực tế. Thói tật này không hướng con người tới hành động khắc phục khiếm khuyết, vươn lên trong cuộc sống mà chỉ tạo ra cảm giác tự mãn, say sưa với những lời tăng bốc, làm cho cuộc sống không thể thay đổi; tệ hơn nữa, khi ảo tưởng tan vỡ, thói tật này có thể huỷ hoại nhân cách và cuộc sống con người.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Kết nối đọc – viết
- Học sinh phân tích và đánh giá được khả năng tác động của hài kịch đối với người đọc, người xem và tiến bộ xã hội.

b. Nội dung

- GV giao HS viết đoạn văn ngắn theo yêu cầu
- Thực hiện tại lớp: 15 phút

c. Sản phẩm: Bài làm của HS: đoạn văn 150 chữ

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm

B1. Chuyển giao nhiệm vụ Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) nêu suy nghĩ của em về cách khắc phục “thói quen Khờ-lét-xta-cốp” B2: Thực hiện nhiệm vụ - Yêu cầu: HS suy nghĩ độc lập và hoàn thành bài viết. - Thời gian: 15 phút B3: Báo cáo thảo luận - Hs chia sẻ bài viết, phản biện và trao đổi B4: Kết luận, nhận định – GV cần lưu ý HS yêu cầu về cấu trúc đoạn văn, về ngữ pháp và liên kết câu, về số câu của đoạn theo quy định. – GV thu sản phẩm thực hành luyện tập, vận dụng của HS để theo dõi và đánh giá khả năng viết của các em, khi cần, có thể sử dụng làm tư liệu trong dạy học viết.	Để viết đúng yêu cầu, HS cần có chủ kiến khi viết đoạn văn

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học về văn bản *Nhân vật quan trọng* để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Theo bạn, thói Khờ-lét-xta-cốp bắt nguồn từ đâu và có thể gây ra những hậu quả gì? Nêu suy nghĩ của bạn về nhận định của Gogol: “*ít ai tránh được việc trở nên giống Khờ-lét-xta-cốp, dù chỉ một lần trong đời*”

c. Sản phẩm: Bài chuẩn bị của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ. HS làm bài tập về nhà như mục <i>Nội dung</i> và yêu cầu nghiêm túc thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và báo cáo vào buổi học sau. B2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà. B 3. GV tổ chức báo cáo. GV chỉ định các nhóm HS trình bày ở đầu buổi học tới (có thể lấy điểm đánh giá quá trình). B4. GV nhận xét, đánh giá về phần chuẩn bị của HS, bình luận về bài học và kết luận.	Sản phẩm: bài viết, bài thuyết minh sáng tạo, trình chiếu của HS

4. Cũng cố: Hs lưu ý cách khai thác một văn bản kịch

5. HDVN: Hs ôn tập lại kiến thức đã học, chuẩn bị văn bản 2

Tiết 46,47 - VĂN BẢN 2:

GIÁU CỦA

(Lộng Chương)

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: HS hiểu sâu sắc về hài kịch hiện đại và ý nghĩa thực tiễn mà tác giả truyền tải qua văn bản.

2. Về năng lực:

- HS nhận biết và phân tích được nội dung và nghệ thuật của một vở hài kịch hiện đại (xung đột kịch, hành động, nhân vật, ngôn ngữ, tình huống,...) qua văn bản “Giấu của” - Lộng Chương.

- HS hiểu được giá trị của tiếng cười phê phán những thói hư, tật xấu của con người mà tác giả hài kịch đề cập đến.

- HS biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học qua văn bản “Giấu của” để đọc hiểu một số tác phẩm hài kịch và thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

3. Về phẩm chất:

- HS biết suy nghĩ và hành động vì xã hội, tránh lối suy nghĩ nhỏ nhen, ti tiện, ích kỉ trong cuộc sống.
- HS biết ứng xử phù hợp với tình thế xã hội, sống có khát vọng, vui tươi, tự nhiên, trung thực.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- KHBD, Bài giảng Powpoint
- Phương tiện dạy học: Máy chiếu/TV, máy tính kết nối mạng.
- Học liệu: tranh ảnh, đoạn phim ngắn, sơ đồ, bảng biểu, phiếu học tập.
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho hs ở nhà.

2. Học liệu

- Sgk Ngữ văn 12, sách bài tập (nếu có), soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu

- Hs tạo được hưng phấn và tâm thế để khám phá trọng tâm bài học.
- Nhận biết và nêu ý nghĩa của những câu chuyện hài trong văn chương và trong cuộc sống.

b. Nội dung

- Vận dụng tri thức về cuộc sống và chính kiến của bản thân để trình bày vấn đề.
- Hs biết độc lập suy nghĩ, làm chủ tình huống để có tư duy tiếp cận nội dung bài học.
- GV động viên, khích lệ học sinh tự bộc lộ cảm xúc trước một vấn đề.

c. Sản phẩm

- Kết quả làm việc của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV chiếu cho hs xem một đoạn video tóm tắt vở hài kịch Lão hà tiện - Mô-li-e và yêu cầu hs rút ra ý nghĩa. https://youtu.be/Dd2HpvhuxQ4?si=wwZEP7hmBxZCM-oK Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - GV yêu cầu hs thảo luận theo cặp thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - Hs chia sẻ, lớp theo dõi, nhận xét và đưa ra ý kiến - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn, gợi mở Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV chốt kiến thức, dẫn vào bài mới.	*Hs nhận nhiệm vụ và thực hiện

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu vài nét về tác giả, tác phẩm và đọc văn bản

a. Mục tiêu

- Rèn luyện kĩ năng nắm bắt thông tin về tác giả để góp phần khám phá văn bản
- Nắm bắt được thông tin về xuất xứ của đoạn trích trong một tác phẩm.
- HS biết cách đọc văn bản hài kịch hiện đại.

b. Nội dung

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV
- HS dựa vào sgk, tham khảo các nguồn tài liệu để nắm thông tin.
- GV hướng dẫn hs thực hiện và trình bày.

c. Sản phẩm: Kết quả của hs.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu tác giả, tác phẩm. B1: GV chuyển giao nhiệm vụ	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Lộng Chương (1918-2003), quê Hải Dương.

- GV yêu cầu HS chuẩn bị bài ở nhà và thực hiện yêu cầu chỉ ra thông tin về tác giả, tác phẩm B2: HS thực hiện nhiệm vụ - HS tham khảo sgk, các nguồn tài liệu để thực hiện nhiệm vụ. B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - Hs báo cáo kết quả tại lớp (TV/Máy chiếu, sơ đồ tư duy). GV tổ chức cho hs khác góp ý, nhận xét, bổ sung hoàn thiện B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV đánh giá, nhận xét kết quả làm việc của hs. Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn HS đọc văn bản B1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu hs đọc văn bản Phân vai đọc (chú ý thể đọc và cước chú). B2: HS thực hiện nhiệm vụ Hs dựa vào sgk để thực hiện yêu cầu B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV gọi Hs báo cáo theo yêu cầu và cho Hs đánh giá, nhận xét chéo. B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, đánh giá và bổ sung theo Dự kiến sản phẩm.	- Ông là đạo diễn sân khấu, nhà văn, nhà viết kịch tiêu biểu thuộc thế hệ văn nghệ sĩ trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống Pháp. - Sáng tác ở nhiều thể loại như: tuồng, chèo nhưng thành công nhất ở hài kịch (Mối lo cụ Cửu-1950, Hối vợ -1958, Quẫn-1960,...) - Ông được nhận giải thưởng HCM về Văn học nghệ thuật năm 2000. 2. Tác phẩm - Tóm tắt “Quẫn” - Vị trí đoạn trích *Đọc - Hs đọc văn bản (phân vai) - Chú ý thể chỉ dẫn trong khi đọc Chú ý lời chỉ dẫn sân khấu như tính ước lệ, tính dân gian, tính biểu cảm.

Nội dung 2: Hướng dẫn HS khám phá văn bản

a.Mục tiêu

- HS nhận biết và phân tích được các yếu tố cơ bản của hài kịch.
- Hs hiểu ý nghĩa tiếng cười trong cuộc sống, thông qua đó hình thành cho bản thân về một lối sống lành mạnh và biết cười những thói hư tật xấu của con người.

b.Nội dung

- HS thực hiện theo yêu cầu của GV
- HS làm việc cá nhân và hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV hướng dẫn hs thực hiện và trình bày.

c.Sản phẩm: Kết quả của hs.

d.Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Tình huống hài kịch Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành các nhóm (theo cặp) yêu cầu hs thảo luận và hoàn thành PHT số 1. -<i>Khái niệm tình huống hài kịch</i> -<i>Xác định tình huống hài kịch diễn ra trong văn bản.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ Hs thực hiện thảo luận theo yêu cầu và ghi ý kiến thống nhất vào giấy để trình bày. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ GV cho hs báo cáo kết quả làm việc theo nhóm (đại diện nhóm trình bày) để cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.	II. Khám phá văn bản 1.Tình huống hài kịch * Là tình huống hài hước diễn ra trong cuộc sống sinh hoạt, thể sự với những toan tính đời thường, làm nổi bật những thói tật đáng cười của con người”, “những tình huống hiểu lầm, trớ trêu, dở khóc dở cười”. * Tình huống hài kịch trong văn bản: Hai nhân vật Ông Đại Cát và bà Đại Cát vì muốn giữ tài sản, trốn tránh chủ trương công tư hợp doanh mà lo lắng tìm mọi cách “giấu của” trong chính những bức ảnh chân dung của mình và của bà mẹ (cụ Đại Lợi) trong phòng khách nhà họ. Vì sợ lộ họ lại bàn xem giấu ở nơi nào khác cho không bị phát hiện. - Tình huống gây cười nhỏ: Họ ngã vào nhau trong bóng tối, hiểu lầm khi đối thoại ... 2. Các yếu tố của hài kịch * <u>Nhân vật:</u>

- GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét đánh giá và bổ sung kết quả hoạt động của HS theo mục Sản phẩm Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Các yếu tố của hài kịch trong văn bản. Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp làm việc theo nhóm yêu cầu thảo luận và hoàn thành PHT 2. - <i>Tìm hiểu các yếu tố của hài kịch</i> + Nhân vật + Xung đột kịch + Hành động + Ngôn ngữ + Kết cấu + Thủ pháp trào phúng Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ Hs thực hiện thảo luận theo yêu cầu và ghi ý kiến thống nhất vào giấy để trình bày. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ GV cho HS báo cáo để cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện. GV lắng nghe hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét, đánh giá và bổ sung kết quả hoạt động của HS theo mục Sản phẩm.	- Nhân vật chính: Ông Đại Cát, bà Đại Cát, nhân vật phụ: U Trinh => đây là các nhân vật trào phúng được thể hiện qua ngôn ngữ, cử chỉ, hành động... gây cười. * Xung đột kịch: - Lí tưởng: Mong muốn giàu của của hai ông bà Đại cát. Ông bà Đại Cát tìm mọi cách để che giấu và tẩu tán khối gia sản tích cóp được lâu nay, trước khi chuyển xưởng dệt của gia đình thành xưởng dệt công tư hợp doanh - Thực tế: hai ông bà bị “quần” (loay hoay, bế tắc trong việc giấu của: ngôn ngữ: run rẩy, ngộ nghĩnh, than vãn về số phận, trách móc lẫn nhau, oán trách cuộc đời; lúng túng thể hiện sự hoảng loạn và mất bình tĩnh, hoang mang, lo lắng, hốt hoảng, chạy đi chạy lại, không biết phải làm gì...) => mâu thuẫn giữa những tham vọng, toan tính vật chất với xu thế xã hội. Từ đó tạo ra tiếng cười của hài kịch (vênh lệch giữa lí tưởng và thực tế). * Hành động + Hai ông bà loay hoay tìm chỗ giấu của “cất trong két ngay đầu giường”, “đem chôn”,... và sự hiểu nhầm giữa giấu của và bức ảnh của hai người. + Những hành động ngớ ngẩn của họ khiến cho tình huống trở nên hài hước. => chủ yếu là hành động bên ngoài, những toan tính của nhân vật bộc lộ qua lời thoại giúp tô đậm nét tính cách, tính chất cực đoan của hai nhân vật => tạo nên tiếng cười. * Ngôn ngữ: + Ngôn ngữ đối thoại sử dụng các thủ pháp cường điệu, tương phản, lặp, nhại chơi chữ, bóng gió, nói lái, nói quá, nói lờ, nói k ra tiếng... * Kết cấu: Kết cấu hài kịch được tổ chức trên cơ sở hành động “giấu của”: - Phần 1: Mở đầu: giới thiệu các nhân vật với thói tật và những toan tính. - Phần 2. Thắt nút: Ông bà Đại Cát tìm mọi cách để che giấu và tẩu tán khối gia sản tích cóp được bấy lâu nay, trước khi chuyển xưởng dệt của gia đình thành xưởng dệt công tư hợp doanh. - Phần 3. Triển khai: Hai ông bà một mặt giấu vàng sau mấy bức ảnh trong phòng khách, mặt khác đi sắm sửa của hồi môn cho con gái để tẩu tán tài sản. Phần 4. Đỉnh điểm: Cụ Đại Lợi (mẹ Đại Cát) và e gái Đại Cát biết tin này, cũng đòi đc chia tài sản. Con gái Đại Cát là Thúy Trinh và người yêu cô (Hùng) là những thanh niên hăng hái tham gia lao động sản xuất, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế của nhà nước. - Phần 5. Kết thúc: U Trinh người làm công trong gia đình tình cờ biết được chỗ hai ông bà Đại Cát giấu của đã mách với Trinh và Hùng. * Thủ pháp trào phúng - Tạo tình huống hài hước: trạng thái “quần” của hai ông bà Đại Cát

Nhiệm vụ 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Nghệ thuật sân khấu

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 2 nhóm yêu cầu thảo luận và tìm hiểu vấn đề.

Tìm hiểu Nghệ thuật sân khấu.

Nếu bản thân là đạo diễn sân khấu thì cần lưu ý diễn viên như thế nào ?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện thảo luận theo yêu cầu và ghi ý kiến thống nhất vào giấy để trình bày.

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV cho HS báo cáo kết quả làm việc cặp đôi để cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện.

- GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét đánh giá và bổ sung kết quả hoạt động HS theo mục Sản phẩm.

- Phóng đại cử chỉ, điệu bộ, ngôn ngữ của nhân vật, sử dụng các chi tiết hiểu lầm (ngã vào nhau, nói thầm, nói k ra tiếng...)

=> tạo tình huống trớ trêu, oái ăm -> tạo tiếng cười.

3. Nghệ thuật sân khấu

a. Vai trò của chi tiết lặp lại

Việc lặp đi lặp lại chi tiết về những tấm ảnh trong lời chỉ dẫn sân khấu ở phần đầu và phần cuối đoạn trích “Giấu của” của Lộng Chương gợi ra những suy nghĩ sau:

- Nhấn mạnh vai trò của những tấm ảnh

+ Những tấm ảnh được lặp đi lặp lại hai lần, cho thấy tầm quan trọng của chúng trong “quần” của nhân vật.

+ Những tấm ảnh là biểu tượng cho truyền thống, lịch sử và giá trị đạo đức của gia đình.

- Tạo sự đối lập

+ Việc lặp lại chi tiết về những tấm ảnh ở đầu và cuối tác phẩm tạo sự đối lập về tâm trạng của nhân vật.

+ Ở đầu tác phẩm, nhân vật vui vẻ, hạnh phúc khi nhìn những tấm ảnh.

+ Ở cuối tác phẩm, nhân vật buồn bã, thất vọng khi nhìn những tấm ảnh.

- Gợi ra suy ngẫm

+ Việc lặp lại chi tiết về những tấm ảnh gợi ra cho người đọc suy ngẫm về sự thay đổi của cuộc đời.

+ Cuộc đời có thể thay đổi bất cứ lúc nào, con người cần phải biết trân trọng những gì mình đang có.

- Tăng tính nghệ thuật

+ Việc lặp lại chi tiết về những tấm ảnh góp phần tăng tính nghệ thuật cho tác phẩm.

+ Nó tạo nên sự liên mạch, thống nhất cho tác phẩm và giúp tác phẩm thêm sâu sắc.

- Ngoài ra, việc lặp đi lặp lại chi tiết về những tấm ảnh còn có thể gợi ra những suy nghĩ khác, tùy thuộc vào cách nhìn nhận của mỗi người đọc.

+ Lần đầu tiên: "Trên bàn thờ, di ảnh cụ tổ, cụ cố, cụ nội, cụ ngoại... đều được treo trang trọng."

+ Lần thứ hai: "Bà Phán nhìn di ảnh cụ tổ, cụ cố, cụ nội, cụ ngoại... rồi nhìn ba đứa con đang quỳ lạy trước bàn thờ" Việc lặp đi lặp lại chi tiết về những tấm ảnh trong lời chỉ dẫn sân khấu ở phần đầu và phần cuối đoạn trích "Giấu của" của Lộng Chương là một dụng ý nghệ thuật của tác giả. Nó góp phần làm cho tác phẩm thêm sâu sắc, ý nghĩa và gợi ra cho người đọc nhiều suy nghĩ: Suy nghĩ về sức mạnh của ký ức; Suy nghĩ về thời gian, thời gian trôi đi không thể xóa nhòa quá khứ, mà chỉ có thể giúp con người trưởng thành và đối mặt với những ký ức của mình. Nếu đạo diễn cần lưu ý diễn viên

b. Những điều cần lưu ý diễn viên nếu là đạo diễn vở kịch “Giấu của”. Diễn viên cần:

+ Thể hiện tính cách nhân vật:

Ông bà Đại Cát: Tham lam, bủn xỉn, lo lắng, sợ hãi, ngu ngốc, hèn nhát, ..

+ Thể hiện tâm trạng nhân vật

Ông bà Đại Cát: Lo lắng, sợ hãi, hoang mang, bế tắc.

	+ Ngôn ngữ và hành động Phải phù hợp với tính cách và tâm trạng nhân vật. Phải thể hiện được sự hài hước, châm biếm của tác phẩm. + Kỹ thuật sân khấu Sử dụng ánh sáng, âm nhạc Sử dụng đạo cụ để tăng hiệu quả sân khấu. + Diễn xuất Diễn xuất phải tự nhiên, sinh động, thuyết phục; tương tác tốt với nhau. + Ngoài ra, đạo diễn cần lưu ý Thể hiện được thông điệp của tác phẩm. Dàn dựng một vở kịch thành công là một việc không dễ dàng. Đạo diễn cần phải có chuyên môn và kinh nghiệm. Diễn viên cần phải có tài năng và sự nỗ lực để thể hiện ý đồ nghệ thuật.

PHIẾU HỌC TẬP

Phiếu học tập số 1

GIẤU CỬA (Trích - Quăn của Lộng Chương)

Tìm hiểu *Tình huống hài kịch*

+ Khái niệm

.....

+ Tình huống hài kịch trong văn bản

.....

PHT2

Phiếu học tập số 2

GIẤU CỬA (Trích - Quăn của Lộng Chương)

Tìm hiểu *Các yếu tố của hài kịch*

+ Nhân vật

.....

+ *Xung đột kịch*

.....

+ *Hành động*

.....

+ *Ngôn ngữ*

.....

+ *Kết cấu*

.....

+ *Thủ pháp trào phúng*

.....
.....
.....

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu
- HS hiểu một cách sâu sắc về điểm nhìn trần thuật trong một tác phẩm tự sự.
 - HS biết cách thể hiện vấn đề bằng sự kết hợp giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ.
- b. Nội dung
- HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.
 - GV hướng dẫn HS thực hiện và trình bày.
- c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của HS.
- d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để tìm hiểu vấn đề: + Bạn thấy hai nhân vật “đáng cười” trong đoạn trích này đáng ghét hay đáng thương? Tại sao? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS lên trình bày sản phẩm của mình qua (Máy chiếu, Tivi...) cả lớp theo dõi, nhận xét và phản biện. - GV lắng nghe, hỗ trợ, tư vấn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV cho HS nhận xét chéo, chốt kiến thức như mục Dự kiến sản phẩm.	* HS có thể có nhiều cách kiến giải khác nhau, sau đây là một số gợi ý - Đáng cười + Hành động lố bịch, thể hiện ở hai nhân vật này liên tục thực hiện những hành động lố bịch, tìm mọi cách để che giấu của. Những hành động này khiến họ trở nên rục rùi và thiếu đi sự tôn trọng đối với người khác. + Sự ích kỷ, thể hiện họ chỉ quan tâm đến việc giấu của mà không màng đến những ảnh hưởng tiêu cực mà nó có thể gây ra cho xã hội. + Sự giả tạo, họ cố gắng che giấu bản chất thật của mình bằng những lời nói dối và hành động giả tạo. - Đáng thương + Nỗi sợ hãi, ông bà Đại Cát này hành động như vậy vì họ sợ hãi bị mất của. Nỗi sợ hãi này khiến họ trở nên mất kiểm soát và có những hành động phi lý. + Sự yếu đuối, bộ lộ họ không đủ mạnh mẽ để đối mặt với sự thật và giải quyết vấn đề một cách trực tiếp. + Sự cô đơn, họ bị cô lập bởi bí mật của mình và không thể chia sẻ nó với bất kỳ ai. Hai nhân vật này "đáng cười" vì những hành động lố bịch và ích kỷ của họ. Tuy nhiên, họ cũng "đáng thương" vì nỗi sợ hãi, sự yếu đuối và sự cô đơn mà họ đang trải qua. Cảm xúc của người đọc đối với hai nhân vật này có thể thay đổi tùy thuộc vào cách họ nhìn nhận vấn đề. Một số người có thể cảm thấy tức giận với sự lố bịch và ích kỷ của họ, trong khi những người khác có thể cảm thấy thương xót cho nỗi sợ hãi và sự yếu đuối của họ.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu
- HS biết cách liên hệ thể loại văn học để làm rõ vấn đề từ một tác phẩm văn học cụ thể.
 - HS biết cách đọc tích cực từ văn bản để tự bồi đắp kinh nghiệm sống, hình thành thái độ ứng xử nhân văn trước cuộc đời.
- b. Nội dung
- HS biết cách vận dụng kiến thức, kĩ năng để liên hệ mở rộng.
 - GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ và trình bày.
- c. Sản phẩm: Kết quả làm việc của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và tìm hiểu vấn đề: + Chỉ ra xung đột giữa thực tế và lí tưởng được thể hiện trong đoạn trích. Bước 2: HS nhận nhiệm vụ thực hiện - HS thực hiện yêu cầu theo sự hướng dẫn của GV. Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - HS lên trình bày sản phẩm, GV cùng HS theo dõi, góp ý và bổ sung. Bước 4: Đánh giá sản phẩm - (Đầu tiết học) GV cho HS đánh giá, nhận xét về đoạn văn học sinh đã viết. GV đánh giá theo yêu cầu viết đoạn văn.	* HS có thể có nhiều cách trình bày khác nhau song cần lưu ý - Lí tưởng của nhân vật + Ông Bà Đại Cát: Muốn giữ gìn của cải cho gia đình. + Cô Trinh: Muốn giúp đỡ những người nghèo khổ. - Thực tế + Xã hội loạn lạc, bất công: + Quan lại tham nhũng, bóc lột nhân dân. + Nhân dân lâm vào cảnh đói khổ. + Gia đình ông bà Đại Cát: + Của cải có được là do bóc lột nhân dân. + Họ tham lam, bủn xỉn, không muốn chia sẻ với người khác. - Xung đột + Lí tưởng của nhân vật mâu thuẫn với thực tế xã hội: Ông bà Đại Cát muốn giữ gìn của cải, nhưng thực tế xã hội, thời thế khiến họ phải lo lắng, sợ hãi. - U Trinh muốn giúp đỡ người nghèo, nhưng thực tế là bà không có đủ khả năng. => Lí tưởng của nhân vật mâu thuẫn với bản chất của họ. - Hậu quả + Xung đột giữa thực tế và lí tưởng khiến nhân vật rơi vào bế tắc, không tìm ra lối thoát. - Ý nghĩa + Thể hiện sự phê phán của tác giả đối với xã hội bất công: - Xã hội khiến con người phải đánh mất lí tưởng. - Con người phải sống trong lo lắng, sợ hãi. + Thể hiện niềm tin vào con người: - Con người vẫn luôn hướng đến những điều tốt đẹp. - Con người cần phải đấu tranh để thay đổi xã hội. - Xung đột giữa thực tế và lí tưởng là một chủ đề quan trọng trong văn học. Xung đột này được thể hiện rõ nét trong đoạn trích "Giấu của" của Lộng Chương. Qua đó, tác giả đã thể hiện sự phê phán của mình đối với xã hội bất công và niềm tin vào con người.

4. Cũng cố: Hs lưu ý cách khai thác một văn bản kịch

5. HDVN:

- Hs ôn tập lại kiến thức đã học
- Chuẩn bị phần viết

PHẦN 2: VIẾT

Tiết 51+54: VIẾT BÁO CÁO NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN, XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nắm được đặc trưng của văn bản báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.
- Nắm được đặc điểm của vấn đề nghiên cứu và lí giải được đặc điểm đó từ nhiều góc độ.

2. Về năng lực:

- Nhận biết được yêu cầu cần đạt của kiểu bài.
- Thực hành viết được báo cáo kết quả nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội; có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, có thuyết minh các hình ảnh minh họa, có sử dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo.
- Vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

3. Về phẩm chất: Tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cẩn trọng để tạo lập một báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Bảng, máy tính, máy chiếu, dụng cụ khác (nếu cần).

2. Học liệu: SGK, SGV *Ngữ văn 12*, tập một, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

- GV cho học sinh kể tên các vấn đề tự nhiên, xã hội.
- HS liệt kê, tổng hợp.

c. Sản phẩm: Kết quả tìm hiểu và câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Nêu một số đề tài trong tự nhiên và xã hội có tính vấn đề cần được nghiên cứu và làm rõ	Gợi ý : -Hành động của giới trẻ trong phong trào tái chế vật liệu đã qua sử dụng để bảo vệ môi trường. - Vai trò của những người có sức ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay....
B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, tìm chủ đề.	
B3. Báo cáo thảo luận: HS chia sẻ và bộc lộ quan điểm của mình (Gv cho 1-2 HS trình bày, các Hs khác bổ sung)	
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét và kết luận	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu: HS biết được những yêu cầu của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

b. Nội dung: Yêu cầu của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

c. Sản phẩm: Yêu cầu của kiểu bài

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Đề viết được báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội cần lưu ý những yêu cầu nào?	- Giới thiệu được đề tài nghiên cứu. - Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống luận điểm rõ ràng. - Thể hiện được cái nhìn toàn cảnh về vấn đề nghiên cứu và quan điểm của người viết. - Biết vận dụng các thao tác nghiên cứu cơ bản, khai thác các nguồn tham khảo đáng tin cậy.
B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs đọc mục Yêu cầu, sgk.tr146	
B3. Báo cáo thảo luận:	

Hs trả lời ngắn gọn yêu cầu của kiểu bài B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv kết luận	- Sử dụng hiệu quả sơ đồ, bảng biểu; trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo theo đúng qui định.

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu:

- Hs xác định được ý nghĩa việc đặt nhan đề cho bài báo cáo nghiên cứu.
- Hs xác định được hệ thống luận điểm, cứ liệu minh họa.
- Hs chỉ ra tính chất ngôn ngữ khách quan, khoa học của bài nghiên cứu, xác định quan điểm, đánh giá riêng của tác giả.
- Hs khái quát được ý nghĩa của vấn đề báo cáo nghiên cứu.

b. Nội dung: Hs tìm hiểu bài viết tham khảo “*Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa*”

c. Sản phẩm: HS phân tích được bài viết tham khảo để hiểu rõ cách thức viết bài nghiên cứu

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm																																						
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS đọc và phân tích bài viết tham khảo, trả lời các câu hỏi tr 149 Nhóm 1 câu 1 Phiếu 1.1 <table><tr><td rowspan="4">Nhan đề</td><td>Đề tài:</td></tr><tr><td>Nội dung:</td></tr><tr><td>Phạm vi:</td></tr><tr><td>Nhận xét chung:</td></tr></table> Nhóm 2 câu 2 Phiếu 1.2 <table><tr><th>STT</th><th>Luận điểm</th><th>Câu chủ đề</th><th>Cứ liệu</th></tr><tr><td>1</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>2</td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>3</td><td></td><td></td><td></td></tr></table> Nhóm 3 câu 3 Nhóm 4 câu 4,5 - HS nhóm 1,2 hoàn thành nhiệm vụ vào <i>phiếu học tập số 1</i> B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi, hoàn thành phiếu học tập. B3. Báo cáo thảo luận: Đại diện các nhóm chia sẻ sản phẩm B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Hs khác nhận xét. Gv nhận xét, kết luận.	Nhan đề	Đề tài:	Nội dung:	Phạm vi:	Nhận xét chung:	STT	Luận điểm	Câu chủ đề	Cứ liệu	1				2				3				1. Nhan đề: Nhan đề của bài báo cáo cho biết thông tin về đề tài, nội dung và phạm vi nghiên cứu như sau: <table><tr><td rowspan="4">Nhan đề</td><td>Đề tài: nghiên cứu về vấn đề mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa.</td></tr><tr><td>Nội dung: đặc điểm, biểu hiện của mỹ thuật Việt Nam trong thời mở cửa, những đổi mới, trào lưu mỹ thuật, thành tựu, ...</td></tr><tr><td>Phạm vi: nghiên cứu những tác phẩm hội họa, điêu khắc, đồ họa, kiến trúc của Việt Nam... trong thời gian từ 1986 đến nay.</td></tr><tr><td>Nhận xét chung: Nhan đề ngắn gọn, súc tích, giàu tính khái quát</td></tr></table> 2. Luận điểm : <table><tr><th>STT</th><th>Luận điểm</th><th>Câu chủ đề</th><th>Cứ liệu</th></tr><tr><td>1</td><td>Sự đổi mới về chủ đề và nội dung trong mỹ thuật Việt Nam thười mở cửa.</td><td>Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa phản ánh đa dạng các chủ đề về đời sống xã hội, con người và thiên nhiên, thể hiện quan điểm mới mẻ, cởi mở và hướng đến hiện thực.</td><td>- Phân tích các tác phẩm hội họa, điêu khắc, đồ họa, kiến trúc tiêu biểu của thời kì này. - So sánh các tác phẩm mỹ thuật trước thời kì mở cửa. - lấy dẫn chứng về các tác phẩm cụ thể và tác phẩm của chúng.</td></tr><tr><td>2</td><td>Sự xuất hiện của các trào lưu nghệ thuật mới</td><td>Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa tiếp nhận và sáng tạo các trào lưu nghệ thuật</td><td>- Giới thiệu các trào lưu nghệ thuật mới xuất hiện trong thời kì này như trù</td></tr></table>	Nhan đề	Đề tài: nghiên cứu về vấn đề mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa.	Nội dung: đặc điểm, biểu hiện của mỹ thuật Việt Nam trong thời mở cửa, những đổi mới, trào lưu mỹ thuật, thành tựu, ...	Phạm vi: nghiên cứu những tác phẩm hội họa, điêu khắc, đồ họa, kiến trúc của Việt Nam... trong thời gian từ 1986 đến nay.	Nhận xét chung: Nhan đề ngắn gọn, súc tích, giàu tính khái quát	STT	Luận điểm	Câu chủ đề	Cứ liệu	1	Sự đổi mới về chủ đề và nội dung trong mỹ thuật Việt Nam thười mở cửa.	Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa phản ánh đa dạng các chủ đề về đời sống xã hội, con người và thiên nhiên, thể hiện quan điểm mới mẻ, cởi mở và hướng đến hiện thực.	- Phân tích các tác phẩm hội họa, điêu khắc, đồ họa, kiến trúc tiêu biểu của thời kì này. - So sánh các tác phẩm mỹ thuật trước thời kì mở cửa. - lấy dẫn chứng về các tác phẩm cụ thể và tác phẩm của chúng.	2	Sự xuất hiện của các trào lưu nghệ thuật mới	Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa tiếp nhận và sáng tạo các trào lưu nghệ thuật	- Giới thiệu các trào lưu nghệ thuật mới xuất hiện trong thời kì này như trù
Nhan đề		Đề tài:																																					
		Nội dung:																																					
		Phạm vi:																																					
	Nhận xét chung:																																						
STT	Luận điểm	Câu chủ đề	Cứ liệu																																				
1																																							
2																																							
3																																							
Nhan đề	Đề tài: nghiên cứu về vấn đề mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa.																																						
	Nội dung: đặc điểm, biểu hiện của mỹ thuật Việt Nam trong thời mở cửa, những đổi mới, trào lưu mỹ thuật, thành tựu, ...																																						
	Phạm vi: nghiên cứu những tác phẩm hội họa, điêu khắc, đồ họa, kiến trúc của Việt Nam... trong thời gian từ 1986 đến nay.																																						
	Nhận xét chung: Nhan đề ngắn gọn, súc tích, giàu tính khái quát																																						
STT	Luận điểm	Câu chủ đề	Cứ liệu																																				
1	Sự đổi mới về chủ đề và nội dung trong mỹ thuật Việt Nam thười mở cửa.	Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa phản ánh đa dạng các chủ đề về đời sống xã hội, con người và thiên nhiên, thể hiện quan điểm mới mẻ, cởi mở và hướng đến hiện thực.	- Phân tích các tác phẩm hội họa, điêu khắc, đồ họa, kiến trúc tiêu biểu của thời kì này. - So sánh các tác phẩm mỹ thuật trước thời kì mở cửa. - lấy dẫn chứng về các tác phẩm cụ thể và tác phẩm của chúng.																																				
2	Sự xuất hiện của các trào lưu nghệ thuật mới	Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa tiếp nhận và sáng tạo các trào lưu nghệ thuật	- Giới thiệu các trào lưu nghệ thuật mới xuất hiện trong thời kì này như trù																																				

			mới từ phương tây, tạo nên sự đa dạng và phong phú trong ngôn ngữ nghệ thuật.	trượng, biểu hiện, tối giản,.. - Phân tích các tác phẩm tiêu biểu của từng trào lưu. - Đánh giá ảnh hưởng của các trào lưu nghệ thuật mới đối với nền mỹ thuật Việt Nam.
	3	Ảnh hưởng của nghệ thuật quốc tế.	Mỹ thuật Việt Nam thời mở cửa giao lưu và hội nhập với nghệ thuật quốc tế, góp phần nâng cao vị thế của mỹ thuật Việt Nam trên trường quốc tế.	- Phân tích sự giao lưu, hội nhập của mỹ thuật Việt Nam với nghệ thuật quốc tế qua các triển lãm, hội thảo, và các hoạt động giao lưu nghệ sĩ. - Đánh giá ảnh hưởng của nghệ thuật quốc tế đối với mỹ thuật Việt Nam. - Lấy dẫn chứng về các nghệ sĩ Việt Nam thành công trên trường quốc tế.

3. Các đặc điểm của ngôn ngữ được sử dụng trong báo cáo nghiên cứu:
 Ngôn ngữ chính xác, logic, khách quan, khoa học và rõ ràng, mang đặc trưng của ngôn ngữ khoa học.

4. Tác dụng của tranh minh họa: tranh minh họa giúp người đọc hiểu rõ hơn về nội dung của văn bản, tăng tính thẩm mỹ và thu hút người đọc, gây ấn tượng và dễ dàng ghi nhớ thông tin, tạo sự đa dạng và phong phú cho văn bản.

5. Tính chất của các tài liệu tham khảo: uy tín, tin cậy, liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, được xuất bản gần đây; dễ tìm kiếm và truy cập.

Nội dung 3: Quy trình viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

a. Mục tiêu: Hs định hướng cách viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội. .

b. Nội dung: Quy trình viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội.

c. Sản phẩm: Kết quả thực hiện của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Qua quá trình tìm hiểu bài viết tham khảo, hãy rút ra quy trình viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội. B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs định hướng cách viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội. B3. Báo cáo thảo luận: 1 Hs trình bày, hs khác bổ sung B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, kết luận	1. Chuẩn bị viết - Lựa chọn đề tài. - Thu thập, phân tích và đánh giá thông tin. - Xây dựng đề cương + Đặt vấn đề: Đề cập được vấn đề nghiên cứu. + Giải quyết vấn đề : Các luận điểm phải được triển khai rõ ràng, có hệ thống. + Kết luận: Tổng kết kết quả nghiên cứu và đề xuất hướng nghiên cứu tiếp theo. 2. Viết + Khi trình bày các luận điểm, người viết đồng thời cho thấy cách tiếp cận riêng và quan điểm riêng của mình đối với vấn đề nghiên cứu. + Trong quá trình viết, cần chú ý sắp xếp và trình bày các phương tiện hỗ trợ như sơ đồ, bảng biểu, tranh ảnh,..phù hợp với nội dung được thể hiện ở kênh chữ. 3. Chỉnh sửa, hoàn thiện Chú ý kiểm tra tính chính xác cả về nội dung và hình thức + Về nội dung: các tiêu mục của bài viết cần tường minh, đầy đủ; luận điểm được triển khai rõ ràng - Về hình thức: trình bày đúng qui cách của một báo cáo nghiên cứu; tài liệu tham khảo được tách thành phần riêng; các phương tiện phi ngôn ngữ được thể hiện hợp lý; chính tả, diễn đạt đảm bảo chuẩn mực)

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. Mục tiêu: Học sinh thực hành viết

b. Nội dung: HS làm việc nhóm, 2 nhóm chung một đề tài; mỗi nhóm thiết lập đề cương bài viết báo cáo nghiên cứu. Sau đó mỗi nhóm trình bày và nhóm còn lại phản biện, bổ sung.

- Nhóm 1, 2: Vai trò của những người có sức ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay

- Nhóm 3, 4: Xu hướng hay hiện tượng âm nhạc đang được HS quan tâm và tán thưởng

c. Sản phẩm: Đề cương và bài viết của hs

d. Tổ chức thực hiện:

*** Chuẩn bị viết:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hs lựa chọn đề tài, thu thập và xử lý thông tin. B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs tiến hành nhiệm vụ ở nhà với nhiệm vụ đã được giáo viên thông báo từ trước tiết học. B3. Báo cáo thảo luận: - Hs đại diện nhóm trình bày - Nhóm còn lại bổ sung, phản biện B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét	- Vai trò của những người có sức ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay - Xu hướng hay hiện tượng âm nhạc đang được HS quan tâm và tán thưởng

*** Xây dựng đề cương:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ	Đề tài: Vai trò của những người có sức ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay

- Các nhóm thu thập thông tin và xây dựng đề cương cho nội dung của nhóm mình - Tài liệu tham khảo: có thể sử dụng đa dạng nhưng phải ghi rõ nguồn B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs thu thập thông tin và xây dựng đề cương B3. Báo cáo thảo luận: Đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. Các nhóm bổ sung, phản biện B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét, chuẩn hóa kiến thức	- Đặt vấn đề : Trong thời đại số hóa, sức ảnh hưởng của người nổi tiếng có thể tác động lớn đến những người dùng khác trên mạng xã hội đặc biệt là thanh niên. - Giải quyết vấn đề : Tầm ảnh hưởng của người có sức ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội góp phần : + Thúc đẩy những hành động tích cực, nhân ái. + Truyền cảm hứng, trở thành nguồn động lực giúp thanh niên nỗ lực hơn trong cuộc sống. ... - Kết luận : Không thể phủ nhận vai trò của những người có sức ảnh hưởng rộng trên mạng xã hội đối với cuộc sống của thanh niên hiện nay. Tuy nhiên, vì nhiều lí do, thanh niên dễ bị tác động tiêu cực từ người nổi tiếng. Rất cần sự tiếp nhận “khôn ngoan”. - Tài liệu tham khảo Đề tài: Xu hướng hay hiện tượng âm nhạc đang được HS quan tâm và tán thưởng - Đặt vấn đề :Xu hướng âm nhạc mới: Giao thoa giữa yếu tố dân tộc và xu thế hiện đại (còn gọi là Folktronica). - Giải quyết vấn đề : + Sự thành công của DTAP - nhóm nhạc sĩ kiêm nhà sản xuất ca khúc gắn với thành công của Hoàng Thùy Linh với các tác phẩm như See tình, Gieo quẻ... + DTAP tiếp tục tạo dấu ấn khi kết hợp cùng Phương Mỹ Chi trong MV Vũ trụ có anh và album Vũ trụ có bay + Nữ ca sĩ Hòa Minzy đóng góp ca khúc Thị Mầu - Kết luận: Kết quả chứng minh sự kết hợp phong cách hiện đại với chất liệu dân gian rất được Gen Z ưa chuộng, bởi thế hệ trẻ ngày nay vừa coi trọng nền văn hóa phong phú của nước nhà, vừa khát khao mang những nét đặc sắc của Việt Nam vươn tầm thế giới. - Tài liệu tham khảo

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs				Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Hs làm việc cá nhân Hs viết theo nội dung đề cương mà nhóm đã thảo luận và chỉnh sửa hoàn thiện B2. Thực hiện nhiệm vụ: Hs thực hành viết và chỉnh sửa bài viết của mình B3. Báo cáo thảo luận: HS các nhóm đọc bài viết và góp ý cho nhau theo các tiêu chí trong phiếu số 2				
STT	Yêu cầu	Đạt	Chưa đạt	
1	Giới thiệu đề tài nghiên cứu.			
2	Trình bày kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống luận điểm			
3	Thể hiện cái nhìn toàn cảnh về vấn đề nghiên cứu và quan điểm của người viết			
4	Khai thác các nguồn tham khảo đáng tin cậy			
5	Sử dụng hiệu quả sơ đồ, bảng biểu; có thuyết minh các hình ảnh minh họa; có sử			

	dụng trích dẫn, cước chú và biết trình bày phần tài liệu tham khảo theo đúng quy định			
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét về quá trình thực hiện của học sinh				

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (Trả bài)

- a. **Mục tiêu:** Hs phân tích được những ưu và nhược điểm trong bài thực hành viết của bản thân.
b. **Nội dung:** Đọc to và phân tích điểm đạt và chưa đạt của 1 hoặc 2 bài viết
c. **Sản phẩm:** Bài viết của học sinh
d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - Nhắc lại yêu cầu của kiểu bài - Gv nhận xét chung về bài làm của hs: ưu điểm, khuyết điểm - Phân tích 1, 2 bài làm của hs để rút kinh nghiệm chung. B2. Thực hiện nhiệm vụ: - Hs đọc bài của mình - Những hs khác đối chiếu với phiếu đánh giá để nhận xét B3. Báo cáo thảo luận: Hs nhận xét bài làm của bạn sau quá trình lắng nghe và đối chiếu B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Gv nhận xét chung	1. Nhắc lại yêu cầu của kiểu bài - Nêu được đề tài - Xây dựng hệ thống luận điểm - Biết vận dụng các thao tác - Khai thác nguồn tin - Thể hiện được quan điểm cá nhân 2. Nhận xét chung * Ưu điểm: – Một số bài viết đảm bảo đúng quy trình của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên, xã hội. - Bộc lộ được quan điểm cá nhân về vấn đề. Lập luận thuyết phục. - Nguồn tài liệu tham khảo có tính minh xác – Nhiều bài trình bày cẩn thận, chữ viết sạch đẹp. * Khuyết điểm: – Một số bài viết rất chung chung, mang tính một bài nghị luận xã hội chứ chưa phải bài báo cáo nghiên cứu. - Tham khảo tài liệu nhưng không công khai tài liệu tham khảo. – Nhiều bài trình bày cẩu thả, chữ viết không cẩn thận, sai nhiều lỗi viết câu dùng từ

4. Cũng cố: Hs khái quát lại những điểm lưu ý của kiểu bài viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên và xã hội để phân biệt với kiểu bài nghị luận về một vấn đề xã hội trên các phương diện: đánh giá cá nhân; thu thập, phân tích, xử lý thông tin; hình ảnh minh họa.

5. HDVN:

- Hs ôn tập lại kiến thức đã học
- Chuẩn bị bài Nói và nghe

PHẦN 3: NÓI VÀ NGHE

Tiết 53:

TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ MỘT VẤN ĐỀ TỰ NHIÊN HOẶC XÃ HỘI

Thời gian thực hiện: 01 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Biết sử dụng các thao tác cơ bản của việc nghiên cứu.
- Biết trích dẫn, cước chú, lập danh mục tài liệu tham khảo và sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày rõ ràng và hấp dẫn

2. Về năng lực:

- HS vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hành nói và nghe.
- HS giới thiệu được vấn đề nghiên cứu, lí do chọn đề tài.
- HS trình bày khái quát những kết quả nghiên cứu chính.
- HS sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng, hấp dẫn.

3. Về phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, các phần mềm hỗ trợ trình bày báo cáo (Powpoint, Canva, Azota, Googlefom...)

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Nhắc HS nhớ lại kiến thức bài trình bày báo cáo đã học ở lớp 10, tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung:

- GV chiếu video thuyết trình về một bài báo cáo
- HS theo dõi và ghi chú lại những điều cần lưu ý

c. Sản phẩm: Những điều HS khắc sâu về bài báo cáo

d. Tiến trình thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu video https://www.youtube.com/watch?v=DCqtM_uLBgU	HS nhớ lại cách tiến hành bài báo cáo - Chuẩn bị bài báo cáo logic, khoa học - Tự tin thuyết trình - Thay thế phần thuyết trình bằng các bảng biểu hoặc sơ đồ tư duy, phương tiện phi ngôn ngữ ...
B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh theo dõi và ghi chú lại những điều cần lưu ý khi báo cáo	
B3. Báo cáo, thảo luận: Học sinh chia sẻ	
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên dẫn dắt vào bài học	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Học sinh xác định được vấn đề nghiên cứu, lí do chọn vấn đề, nội dung cần trình bày, hình thức trình bày
- Học sinh trình bày khái quát kết quả nghiên cứu chính ở phần trọng tâm bài nói
- Học sinh nêu được thu hoạch bổ ích của bản thân khi tiến hành nghiên cứu về đề tài

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị nói và nghe
- Học sinh chuẩn bị bài nói dưới dạng dàn ý và chia sẻ bài nói

c. Sản phẩm:

- Những lưu ý của HS rút ra được từ bài học mục chuẩn bị nói, dàn ý bài báo cáo.

d. Tiến trình thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Chuẩn bị nói B1. Chuyển giao nhiệm vụ (đã được chuẩn bị ở nhà)	I. Chuẩn bị nói - Tìm hiểu về đối tượng nghe, bối cảnh giao tiếp: Trả lời cho câu hỏi: Ai nghe, nghe trong hoàn cảnh nào?

- Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ phần nội dung chuẩn bị nói.

- HS đọc và ghi chép lại các thông tin về những điều cần xác định khi chuẩn bị nói?

- Chú ý chuẩn bị các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ trong trong bài báo cáo (nếu có).

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh đọc sgk và rút ra những nội dung cần chuẩn bị khi nói

B3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh bổ sung khi cần thiết

B4. Đánh giá kết quả thực hiện: Giáo viên nhận xét ưu điểm, hạn chế và chốt kiến thức, kĩ năng.

Nhiệm vụ 2: Thực hành nói

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu HS nhắc lại dàn ý bài báo cáo gồm những phần nào? Nội dung gì?

GV chọn 2 hoặc 3 nhóm trong số 4 nhóm đã giao nhiệm vụ ở nhà lên trình bày bài nghiên cứu

B2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS nhắc về yêu cầu dàn ý của bài nói

- Học sinh thực hành nói – nghe bài đã chuẩn bị ở nhà

B3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh các nhóm lắng nghe báo cáo theo văn bản đã chuẩn bị trước, ghi nhận xét và đặt câu hỏi (hoặc bổ sung ý kiến) thảo luận ra giấy.

B4. Đánh giá kết quả thực hiện:

GV chốt lại các nội dung của bài báo cáo và những lưu ý cần tránh khi thực hành báo cáo.

Nhiệm vụ 3: Trao đổi, đánh giá

B1. Chuyển giao nhiệm vụ

Giáo viên yêu cầu các nhóm còn lại nhận xét, đánh giá về bài trình bày của nhóm bạn

B2. Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh suy nghĩ đặt câu hỏi, phản biện về vấn đề vừa trình bày

B3. Báo cáo, thảo luận

Học sinh trao đổi, đánh giá dựa trên các tiêu chí gợi ý sau:

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được các vấn đề nghiên cứu, lí do chọn đề tài, những kết luận và phát hiện chính		
2	Trình bày được một cách rõ ràng, mạch lạc những luận điểm chính, các thông tin chi tiết làm rõ luận điểm		

- Xác định mục đích giao tiếp: Báo cáo nghiên cứu này nhằm mục đích gì?

- Xác định nội dung cần trình bày?

- Xác định hình thức trình bày, phương tiện hỗ trợ: Chuẩn bị powerpoint với các thông tin chất lượng, hình ảnh, video minh họa sinh động, thể hiện nét đặc trưng của báo cáo nghiên cứu nhằm đảm bảo: Tối giản, trực quan và ấn tượng.

- Hình thức tổ chức: Buổi hội thảo, sắp xếp kiểu bàn ghế, chọn MC, thư kí...

II. Thực hành nói

Người nói	Người nghe
- Mở đầu: Giới thiệu ngắn gọn vấn đề nghiên cứu và lí do chọn vấn đề. - Triển khai: Trình bày kết quả nghiên cứu, sử dụng các phương tiện hỗ trợ, chú ý theo dõi phản ứng của người nghe trong quá trình trình bày và có điều chỉnh cần thiết. - Kết luận: Tóm tắt lại kết quả nghiên cứu, đưa ra đánh giá, khái quát, mở rộng, liên hệ..., bày tỏ thái độ sẵn sàng tiếp nhận các trao đổi của người nghe.	- Lắng nghe chăm chú, ghi ra giấy những ý chính và những câu hỏi - Hỗ trợ bạn trong quá trình trình bày (nếu có)

III. Trao đổi, đánh giá

- HS trao đổi đánh giá, đặt ra các câu hỏi cho người trình bày và cùng chia sẻ những băn khoăn

Người nói	Người nghe
- Bàn luận về các nhận xét và trả lời câu hỏi của người nghe. - Xác định hướng tiếp tục hoàn thiện bài báo cáo đã thực hiện.	- Nhận xét ngắn gọn về bài trình bày cả nội dung và hình thức. - Nêu ý kiến trao đổi , đặt câu hỏi xung quanh vấn đề được thuyết trình.

3	Lựa chọn hình ảnh, sơ đồ, biểu đồ, ... phù hợp để trực quan hóa, cụ thể hóa thông tin		
4	Sử dụng ngôn ngữ và ngữ điệu hiệu quả		
5	Lắng nghe và phản hồi tích cực từ những câu hỏi, phản biện của người nghe		
B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV chốt lại các nội dung của bài báo cáo và những lưu ý cần tránh khi thực hành báo cáo.			

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** Vận dụng năng lực ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ để thực hành bài nói và nghe
- b. Nội dung:** HS các nhóm được phân công nhiệm vụ đã chuẩn bị bài báo cáo, vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài nói và nghe đã chuẩn bị trước ở nhà theo rubric đánh giá
- c. Sản phẩm:** Bài trình bày của HS có kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ
- d. Tiến trình thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ cho các nhóm còn lại lên trình bày bài nghiên cứu của nhóm mình B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh trình bày bài đã chuẩn bị ở nhà, các nhóm còn lại lắng nghe B3. Báo cáo, thảo luận Học sinh trao đổi, đánh giá dựa trên các tiêu chí gợi ý ở phần trên Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện GV chốt lại các nội dung của bài báo cáo và những lưu ý cần tránh khi thực hành báo cáo.	HS thực hiện bài báo cáo và trao đổi đánh giá, đặt ra các câu hỏi cho người trình bày và cùng chia sẻ những băn khoăn

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Học sinh tiếp tục hoàn thiện bài báo cáo ở nhà
- b. Nội dung:** HS báo cáo vấn đề đã nghiên cứu dựa trên văn bản đã chuẩn bị
- c. Sản phẩm:** Bài báo cáo của HS
- d. Tiến trình thực hiện:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Giáo viên giao nhiệm vụ về nhà Học sinh tiếp tục chuẩn bị bài báo cáo và thảo luận B2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh trình bày phần bài làm của mình B3. Báo cáo, thảo luận Học sinh thực hiện thảo luận, tranh biện B4. Đánh giá kết quả thực hiện GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	Trao đổi 1. Người nghe Dựa vào các tiêu chí đánh giá đã xây dựng để tiếp tục suy nghĩ về vấn đề và có thể đóng góp ý kiến bổ sung sau giờ học. 2. Người nói Tiếp thu các ý kiến đóng góp phù hợp và hoàn thiện bài báo cáo.

- 4. Củng cố:** Gv hệ thống lại những kiến thức, kĩ năng quan trọng, cơ bản cần nắm được sau khi khám phá văn bản.
- 5. HDVN:** Gv hướng dẫn Hs hoàn thiện phần Luyện tập, Vận dụng; soạn bài mới theo hệ thống gợi dẫn SGK.

ĐỊNH HƯỚNG THỰC HÀNH ĐỌC:

VĂN BẢN:

CẦN THẬN HẢO

(Trích: *Thợ cạo thành Xê vin (Séville)- Bô – măc -se – Beaumarchais*)

THÔNG TIN PHẢN HỒI PHIẾU HỌC TẬP

Câu 1: Đặc điểm của nhân vật hài kịch xuất hiện trong đoạn trích :

- *Đặc điểm của nhân vật hài kịch xuất hiện trong đoạn trích :*

- + Háo danh, sĩ diện hão , thích khoe khoang.
- + Thiếu hiểu biết, hay tin người, cả tin.
- + Dễ bị lừa gạt, mắc lừa .
- + Ngây thơ, tin tưởng người khác một cách mù quáng.
- + Luôn tự cho mình là thông minh, hiểu biết hơn người khác.

- *Hành động*

- + Luôn tỏ ra quan trọng, ra vẻ hiểu biết.
- + Hay nói khoác, phóng đại sự thật.
- + Dễ dàng tin vào những lời hứa hẹn, dụ dỗ.
- + Hành động thiếu suy nghĩ, bốc đồng.
- + Gặp nhiều tình huống oái oăm, dở khóc dở cười.

- *Lời nói*

- + Thường sử dụng những từ ngữ hoa mỹ, bóng gió để khoe khoang.
- + Hay nói những câu nói sáo rỗng, thiếu thực tế.
- + Dễ dàng bị lừa bởi những lời nói ngon ngọt.

- *Tác dụng*

- + Tạo tiếng cười cho người đọc, người xem.
- + Phê phán những tính cách xấu xa, lối bịch trong xã hội.
- + Giáo dục con người sống trung thực, cẩn thận, không nên hão danh, sĩ diện.

Câu 2: Các thủ pháp trào phúng được tác giả sử dụng

***Gợi ý**

Các thủ pháp trào phúng được tác giả sử dụng

- *Phóng đại*

- + Tác giả phóng đại tính cách, hành động của nhân vật để làm nổi bật sự lỗi bịch, hài hước: Thầy đồ được miêu tả là “kẻ sĩ hão danh, hay khoe khoang”, “đốt nát”, “ngây thơ”, “dễ tin người”,..

- *So sánh*

- + So sánh nhân vật với những vật dụng tầm thường để hạ thấp giá trị của nhân vật: So sánh thầy đồ với “con lừa”, “con bò”.

- *Châm biếm*

- + Sử dụng những lời khen ngợi, mĩ mai để vạch trần sự giả dối, lỗi bịch của nhân vật: “Thầy quả là một bậc thầy uyên bác”, “Thầy thật là một người tài ba”...

- *Nghệ thuật đối lập*

- + Đối lập giữa lời nói và hành động, giữa bề ngoài và bản chất nhân vật.

- *Ngôn ngữ trào phúng*

- + Sử dụng những từ ngữ có tính mỉa mai, châm biếm: “kẻ sĩ hão danh”, “đốt nát”, “ngây thơ”, “dễ tin người”,..

- *Tác dụng*

- + Tạo tiếng cười cho người đọc, người xem.
- + Phê phán những tính cách xấu xa, lối bịch trong xã hội.

- + Giáo dục con người sống trung thực, cẩn thận, không nên hão danh, sĩ diện.
- Khi tên lừa đảo hứa hẹn sẽ cho thầy đồ “được làm quan to”, “sẽ có nhiều tiền”, thầy đồ “vui mừng khôn xiết”, “tin tưởng răm rắp”....
- + Khi tên lừa đảo lấy hết tiền của thầy đồ, thầy đồ “vô cùng tức giận”, “nhưng cũng đành chịu”.

- *Nhận xét*

- + Tác giả sử dụng các thủ pháp trào phúng một cách hiệu quả để làm nổi bật tính cách lộ bịch, hài hước của nhân vật, đồng thời phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.

Câu 3: Tình huống gây cười và chi tiết về sự “cẩn thận hão”

***Gợi ý**

Tình huống gây cười và chi tiết về sự “cẩn thận hão” trong đoạn trích

- *Tình huống gây cười*

- + Sự mỉa mai: Tên lừa đảo lợi dụng sự hão danh, sĩ diện của thầy đồ để lừa gạt.
- + Sự ngây thơ, cả tin: Thầy đồ dễ dàng tin vào những lời hứa hẹn của tên lừa đảo.
- + Sự lộ bịch: Thầy đồ “cẩn thận” một cách thái quá, nhưng lại không hề đề phòng những kẻ lừa đảo.

***Chi tiết về sự “cẩn thận hão”:**

- *Thầy đồ*

- + “Cẩn thận” đến mức “không dám đi ra ngoài, “luôn ở trong nhà”.
- + “Cẩn thận” đến mức “không dám nói chuyện với ai”, “chỉ nói chuyện với con lừa”.
- + “Cẩn thận” đến mức “không dám ăn uống gì”, “chỉ ăn cỏ”.

- *Tên lừa đảo*

- + Lợi dụng sự “cẩn thận” của thầy đồ để giả vờ là “người tốt bụng”.
- + Hứa hẹn sẽ giúp thầy đồ “được làm quan to”, “sẽ có nhiều tiền”.
- + Dễ dàng lừa gạt thầy đồ và lấy hết tiền của thầy.

- *Tác dụng*

- + Tạo tiếng cười cho người đọc, người xem
- + Phê phán những tính cách xấu xa, lộ bịch trong xã hội.
- + Giáo dục con người sống trung thực, cẩn thận, không nên hão danh, sĩ diện.

- *Biểu hiện*

- + Khi tên lừa đảo đến nhà thầy đồ, thầy đồ “vô cùng hoảng sợ”, “chạy trốn vào nhà”.
- + Khi tên lừa đảo hứa hẹn sẽ giúp thầy “được làm quan to”, “sẽ có nhiều tiền”, thầy đồ “vui mừng khôn xiết”, “tin tưởng răm rắp”.
- + Khi tên lừa đảo lấy hết tiền của thầy đồ, thầy đồ “vô cùng tức giận”, “nhưng cũng đành chịu”.

- *Nhận xét*

- + Tác giả sử dụng các thủ pháp trào phúng một cách hiệu quả để làm nổi bật tính cách lộ bịch, hài hước của nhân vật, đồng thời phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.

BÀI 6

HỒ CHÍ MINH - “VĂN HOÁ PHẢI SOI ĐƯỜNG CHO QUỐC DÂN ĐI”

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB1: Tác gia Hồ Chí Minh

VB2: *Tuyên ngôn độc lập* (Hồ Chí Minh)

VB3,4: *Mộ* (*Chiều tối* - Hồ Chí Minh), *Nguyên tiêu* (*Rằm tháng giêng* - Hồ Chí Minh)

VB5: *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* (Nguyễn Ái Quốc)

Thực hành đọc: *Vọng nguyệt* (*Ngắm trăng* - Hồ Chí Minh)

Cảnh khuya (Hồ Chí Minh)

2. **Thực hành tiếng Việt:** Một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận

3. **Viết:** Viết báo cáo kết quả bài tập dự án

4. **Nói và nghe:** Trình bày kết quả của bài tập dự án

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 12 tiết – KHGD

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 55, 56

VĂN BẢN 1: TÁC GIA HỒ CHÍ MINH

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. **Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. **Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Nắm được tiêu sử cuộc đời Hồ Chí Minh

- Nhận biết và hiểu được quan điểm sáng tác, thành tựu sáng tác, phong cách nghệ thuật của Hồ Chí Minh.

- Vận dụng được những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu một số tác phẩm của Người; nhận biết và phân tích được quan điểm của tác giả về lịch sử, văn hoá được thể hiện trong văn bản.

2. **Phẩm chất:** Biết thể hiện lòng tôn kính đối với vị lãnh tụ vĩ đại của đất nước và có ý thức học tập, phấn đấu noi theo tấm gương sống vì dân, vì nước của Người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. **Học liệu:** SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức

- Tạo hứng thú

- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. **Nội dung hoạt động:** HS quan sát tranh/ hình ảnh thực hiện trò chơi đoán tên tác giả, tác phẩm và tìm chủ đề liên quan đến bài học.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	- Câu trả lời của HS:

HS xem video từ đầu đến 4,0 phút và nêu cảm xúc của em khi xem video. Em có cảm nhận như thế nào về Chủ tịch Hồ Chí Minh https://youtu.be/VxYc2QY1jU4?si=GQAv2ELxXKqrY6vc Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời Bước 4: Đánh giá, kết luận. Nhắc đến Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhắc đến vị lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam, người Anh hùng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới. Nhắc đến Người, trong trái tim mỗi chúng ta dâng lên niềm xúc động, tự hào, biết ơn và niềm thành kính thiêng liêng vô hạn. Bởi Người là một nhân cách vĩ đại, đúng như nhà thơ Tố Hữu từng viết: <i>“Người là cha, là bác, là anh Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ”</i> (Trích “Sáng tháng năm”) <i>“...Bác để tình thương cho chúng con Một đời thanh bạch, chẳng vàng son Mong manh áo vải hồn muôn trượng Hơn tượng đồng phơi những lối mòn...”</i> (Trích “Bác ơi!”) Người đã để lại cho chúng ta một gia tài văn chương đồ sộ, dù sinh thời Người không nhận mình là nhà thơ, nhà văn. Hôm nay, cô trò ta cùng tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Người để cảm nhận những giá trị tinh thần to lớn mà Người đã dành cho nhân dân như thế nào!	+ Cảm xúc: xúc động, tự hào, khâm phục, ngưỡng mộ, ... về Bác. + Cảm nhận về Bác: là một con người giản dị, sống nghĩa tình, nhân hậu, chan chứa tình yêu đối với quê hương, ...

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn

- Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về quan điểm sáng tác; đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học.
- Nội dung hoạt động:** Đọc và thu thập thông tin điền vào PHT.
- Sản phẩm:** Câu trả lời chính xác của các đội chơi.
- Tổ chức thực hiện hoạt động:**

PHT 01:	
Tìm hiểu về quan điểm sáng tác và đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học	
Điền từ còn thiếu vào dấu ‘...’ trong các mục (1), (2), (3) và thực hiện yêu cầu ở mục (4):	
- Là hệ thống ...tư tưởng..., nguyên tắc chi phối hoạt động sáng tác của nhà văn, do chính nhà văn xác định dựa trên những ..trải nghiệm.. đời sống và nghệ thuật của mình. - Quan điểm sáng tác có thể được chính ..nhà văn..phát biểu một cách tường minh nhưng nhiều khi được..độc giả.. khái quát lên dựa vào sự ổn định trong cách nhà văn lựa chọn đề tài, xác định chủ đề, bày tỏ thái độ trước đối tượng miêu tả và vận dụng các phương thức, phương tiện nghệ thuật. - Khi đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học, cần huy động trải nghiệm, ..kiến thức.. nhiều mặt và phải dựa trên những tiêu chuẩn ...thẩm mỹ...,..nhân văn..., tư tưởng phù hợp. Điều quan trọng là biết đặt đối tượng vào đúng ..bối cảnh sáng tác..để nhận ra mức độ đóng góp của tác giả, tác phẩm đó cho đời sống và tiến trình văn học. - Nêu một số ví dụ minh họa về quan điểm sáng tác của các nhà văn mà em biết.	

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS hoạt động cá nhân trong 2 phút. HS đọc mục tri thức Ngữ văn và hoàn thành PHT 01:	I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn 1. Quan điểm sáng tác - Là hệ thống tư tưởng, nguyên tắc chi phối hoạt động sáng tác của nhà văn, do chính nhà văn xác định dựa trên những trải nghiệm đời sống và nghệ thuật của mình.

Điền từ còn thiếu vào dấu “...” vào các mục (1), (2), (3) và thực hiện yêu cầu ở mục (4) trong PHT 01. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc Tri thức Ngữ văn và hoàn thành PHT 01. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV mời 1 - 2 HS trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	- Quan điểm sáng tác có thể được: + Chính nhà văn phát biểu một cách tường minh. + Độc giả khái quát lên dựa vào sự ổn định trong cách nhà văn lựa chọn đề tài, xác định chủ đề, bày tỏ thái độ trước đối tượng miêu tả và vận dụng các phương thức, phương tiện nghệ thuật - Đối với nhà văn cách mạng, quan điểm sáng tác thường được công bố công khai, gắn với sự lựa chọn một thái độ chính trị dứt khoát, do đặc điểm của thời đại cách mạng quy định. Chẳng hạn: - Quan điểm sáng tác của Nam Cao: + Ông theo quan điểm “nghệ thuật vị nhân sinh” ": “Nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối, không cần là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than”. + Ông quan niệm: Tác phẩm "phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi; ca tụng tình yêu, bác ái, công bằng” và "Văn chương không cần đến sự khéo tay, làm theo một cái khuôn mẫu. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo ra cái gì chưa có”. - Quan điểm của Thạch Lam: Văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực, nó tác động sâu sắc đến tư tưởng, tình cảm của con người. Ông quan niệm: “Đối với tôi văn chương không phải là một cách đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên, trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối và tàn ác, làm cho lòng người được thêm trong sạch và phong phú hơn”. - Quan điểm của Hồ Chí Minh: + Hồ Chí Minh coi văn học là một vũ khí chiến đấu lợi hại phụng sự cho sự nghiệp cách mạng; mỗi nhà văn là một nhà chiến sĩ. + Hồ Chí Minh luôn chú trọng tính chân thật và tính dân tộc của văn học + Khi cầm bút bao giờ Bác cũng xuất phát từ mục đích, đối tượng tiếp nhận để quyết định nội dung và hình thức của tác phẩm. 3. Đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học Khi đánh giá một tác giả, tác phẩm văn học, cần: + Huy động trải nghiệm, kiến thức nhiều mặt. + Dựa trên những tiêu chuẩn thẩm mỹ, nhân văn, tư tưởng phù hợp. + Đặt đối tượng vào đúng bối cảnh sáng tác.

2.2: Tìm hiểu chung về văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được những nét chung về văn bản: nội dung chính, bố cục,...

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
2.2. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản. 2.2.1 Đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc to, rõ ràng, chú ý các mốc thời gian và các trích dẫn về tác phẩm của Hồ Chí Minh - Gọi một vài HS đọc theo từng đoạn/phần và tìm hiểu các chú thích SGK, giải thích các từ khó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo sản phẩm: HS trình bày kiến thức đã tiếp nhận được (1-2 HS) Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức 2.2.2 Đọc, xác định bố cục và nội dung chính Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - Làm việc theo nhóm bàn - Đọc lướt văn bản, hoàn thiện PHT 02: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03 Tìm hiểu chung về văn bản + Dựa vào nhan đề cho biết văn bản đề cập đến vấn đề gì? + Các thông tin trong văn bản được thu thập/lấy từ các lĩnh vực nào? + Văn bản <i>Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh – Cuộc đời và sự nghiệp</i> gồm mấy phần, mỗi phần giới thiệu cho người đọc nội dung gì? Bước 2 + 3. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc lướt SGK, đọc bảng kiến thức, suy nghĩ - GV gọi 01 HS trình bày, gọi 01 khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá, kết luận - GV chốt kiến thức, yêu cầu HS kẻ bảng điền thông tin vào vở.	II. ĐỌC- TÌM HIỂU CHUNG 1. Đọc, 2. Xác định bố cục, nội dung chính của văn bản - Nhan đề của văn bản nêu bật được nội dung chính mà VB đề cập: Những thông tin về tác gia Hồ Chí Minh - Các thông tin trong văn bản thuộc các lĩnh vực lịch sử, nghiên cứu và phê bình văn học... - Bố cục văn bản: Gồm 2 phần: + Phần I – Tiểu sử ++ Những sự kiện nổi bật, quan trọng trong cuộc đời hoạt động cách mạng của tác gia Hồ chí Minh ++ Đánh giá khái quát về Hồ Chí Minh. + Phần II – Sự nghiệp văn học. ++ Quan điểm sáng tác ++ Thành tựu sáng tác ++ Phong cách nghệ thuật

2.3. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu :

- Học sinh nắm được những nét chính về tiểu sử, cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Thấy được những đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh trên phương diện văn hóa, văn học.
- Thấy được mối liên hệ giữa bài học về tác gia với các bài học đọc hiểu văn bản tiếp theo.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, báo cáo sản phẩm đã chuẩn bị trước tiết học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Hình thức; Trao đổi, tọa đàm về “NGUYỄN ÁI QUỐC – HỒ CHÍ MINH – CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP” Bước 1: GV giao nhiệm vụ: (1) Dựa vào văn bản trên, em hãy trình bày những điểm nổi bật về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh bằng một sơ đồ. (2) Từ nội dung bài học, phân tích và làm sáng tỏ hai điểm sau: a) Sự nghiệp văn học của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh luôn gắn chặt với sự nghiệp cách mạng của Người b) Đó là một sự nghiệp văn học lớn lao và phong phú. (3) Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là một phong cách đa dạng mà thống nhất? (4) Em hiểu như thế nào về nhận xét: “Sự nghiệp văn học của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá đối với dân tộc Việt Nam”? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: GV chia lớp thành 5 nhóm - 01 MC sẽ được GV hỗ trợ trực tiếp - Nhóm 1 – Nhà sử học: HS hóa thân thành nhà sử học để trình bày những điểm nổi bật về tiểu sử của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh và nêu cảm xúc, suy nghĩ khi đọc những tri thức về tiểu sử đó. - Nhóm 2 – Nhà nghiên cứu văn hoá 1: được mời tham gia phân tích và làm sáng tỏ vấn đề: Trình bày quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh, Khi nêu công khai quan điểm sáng tác của mình, Hồ Chí Minh muốn hướng tới điều gì? Dựa trên sự suy luận và những kiến thức đã học, hãy cho biết quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh có tác động như thế nào đến xu hướng phát triển của nền văn học cách mạng Việt Nam? - Nhóm 3 – Nhà nghiên cứu văn hoá 2: được mời tham gia phân tích và làm sáng tỏ vấn đề: Vì sao có thể nói Hồ Chí Minh đã để lại cho hậu thế một di sản lớn? Trong di sản văn học đó, bộ phận nào chiếm ưu thế về khối lượng? Em hiểu như thế nào về sự thống nhất giữa sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học ở tác gia Hồ Chí Minh? - Nhóm 4 - Nhà nghiên cứu, phê bình văn học: được mời tham gia phân tích và làm sáng tỏ vấn đề: Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là một phong cách đa dạng mà thống nhất. + Tổ chức cho HS thảo luận. + GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	III. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Tiểu sử (1890 - 1969) + Tên thừa nhỏ Nguyễn Sinh Cung, lớn lên lấy tên là Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh. + Quê hương, gia đình: Làng Sen, Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An. Cha là cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, mẹ là cụ Hoàng Thị Loan. + Quá trình đi tìm đường cứu nước ở nước ngoài: từ 1911 đến 1941, Người ở Pháp, Nga, Trung Quốc, Thái Lan, ... Năm 1930, người đã sáng lập ra Đảng cộng sản Việt Nam. + Năm 1941, Người về nước, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng, tổ chức lực lượng tổng khởi nghĩa cách mạng tháng Tám thành công, lập ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1945); lãnh đạo nhân dân tiến hành hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. => Hồ Chí Minh là nhà yêu nước và nhà cách mạng vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Hồ Chí Minh có uy tín quốc tế rất cao, thường được đánh giá là một trong những nhà cách mạng hay chính khách tạo nên nhiều ảnh hưởng nhất trên thế giới trong thế kỉ XX. Năm 1990, Tổ chức giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) đã suy tôn Hồ Chí Minh là <i>Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, nhà văn hoá lớn</i>. 2. Sự nghiệp văn học a. Quan điểm sáng tác - Hồ Chí Minh đòi hỏi mỗi tác phẩm phải trở thành mỗi tác phẩm phải trở thành vũ khí, mang tính chiến đấu cao, đạt hiệu quả thiết thực, dễ tiếp nhận với đại chúng, có thể “soi đường cho quốc dân đi”. - Khi cầm bút bao giờ Bác cũng xuất phát từ đối tượng tiếp nhận, xác định sáng rõ mục đích hướng tới; lựa chọn được nội dung phù hợp; từ đó tìm được hình thức truyền tải thông tin, thông điệp có hiệu quả. => Hồ Chí Minh nêu công khai quan điểm sáng tác của mình nhằm hướng tới: + Xây dựng một nền văn hoá, văn học mới phục vụ quần chúng lao động và đấu tranh vì những mục tiêu cao cả của cách mạng. + Trong bối cảnh lịch sử đặc biệt của lịch sử, việc ưu tiên “đưa nghệ thuật vào chính trị” đã cho thấy sự toàn tâm, toàn ý của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng và giải phóng dân tộc. - Quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh có tác động đến xu hướng phát triển của nền văn học cách mạng Việt Nam:

+ Tổ chức buổi học thành buổi tọa đàm với chủ đề “*Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh – cuộc đời và sự nghiệp*”:

Nhóm 1 - MC:

(1) Chào các bạn! Hôm nay nhóm phóng viên chúng tôi sẽ đưa các bạn đến Làng Sen (Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An), hoặc một khu di tích lịch sử về Người (gắn với địa phương cụ thể). Các bạn có đoán được vì sao chúng tôi có mong muốn dẫn các bạn về nơi này không?

- **MC:** phỏng vấn các bạn trả lời nhanh

(Nhóm 5 – Độc giả)

- Dự kiến: có lẽ là nơi giúp ta hiểu rõ hơn về Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, vì nơi đây là.... (gắn với sự kiện lịch sử về Bác như quê hương, nơi Bác ra đi tìm đường cứu nước, nơi Bác hoạt động cách mạng, nơi Bác ghé thăm, ...)

- **MC:** Thuyết minh đôi nét về địa danh được lựa chọn buổi tọa đàm để tạo không khí lịch sử...

Tham gia buổi nói chuyện với chúng ta ngày hôm nay còn có những nhà nghiên cứu sử học, nghiên cứu văn hoá, văn học – những người sẽ giúp chúng ta hiểu hơn về cuộc đời và những đóng góp tinh hoa về văn hoá, văn học mà Hồ Chí Minh đã để lại cho đời.

(2) Xin ông/bà cho biết, những điểm nổi bật về tiểu sử của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh Những tri thức về tiểu sử về Hồ Chí Minh trong văn bản đã đem lại cho bạn cảm xúc, suy nghĩ gì?**(Nhóm 1 – Nhà sử học)?**

(3) Sinh thời, Hồ Chí Minh không tự nhận mình là nhà văn, nhà thơ, nhưng thực tiễn toàn bộ sáng tác thơ văn của Người với hàng trăm tác phẩm ở nhiều thể loại khác nhau. Đó là bằng chứng hùng hồn về một sự nghiệp phong phú và lớn lao.

- Xin nhà nghiên cứu văn hóa cho biết: *Tại sao có thể nói sự nghiệp văn học của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh luôn gắn chặt với sự nghiệp cách mạng của Người.*

- *Và cơ sở nào để chúng ta có thể khẳng định sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh là một sự nghiệp văn học lớn lao và phong phú.*

(Nhóm 2,3 – Nhà văn hóa)

(4) Thưa ông/bà, Hồ Chí Minh nêu công khai quan điểm sáng tác của mình trong nhiều bài phát biểu, nói chuyện và trong các tác phẩm văn, thơ cụ thể. *Xin ông/bà hãy giúp các vị độc giả biết thêm về quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh. Theo ông/bà, quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh có tác động như thế nào đến xu hướng phát triển của nền văn học cách mạng Việt Nam?* **(Nhóm 4 – Nhà phê bình văn học)**

(5) Thưa ông/ bà, tôi được biết ông/bà đã dày công nghiên cứu về thơ văn Hồ Chí Minh và đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về sự nghiệp văn học

+ Quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh vừa có ý nghĩa soi tỏ bản chất cách mạng của những tác phẩm được Người viết ra, vừa có ý nghĩa định hướng phát triển cho cả một nền văn học phục vụ sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

+ Tạo nên nền tảng tư tưởng - nhận thức vững chắc cho toàn bộ sáng tác hướng về cách mạng.

b. Thành tựu sáng tác

- **Di sản văn học lớn lao và phong phú**

+ **Văn chính luận:** gồm những tác phẩm chủ yếu nhằm mục đích đấu tranh chính trị, tiến công kẻ thù, thức tỉnh và giác ngộ quần chúng và thể hiện những nhiệm vụ cách mạng của dân tộc qua những chặng đường lịch sử... Các tác phẩm tiêu biểu: *Bản án chế độ thực dân Pháp (1925), Tuyên ngôn độc lập (1945), Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (1946), Không có gì quý hơn độc lập, tự do (1966) ...*

+ **Truyện và kí:** nhằm vạch trần bộ mặt, tàn ác, xảo trá, bịp bợm của chính quyền thực dân; châm biếm một cách thâm thúy, sâu cay bọn vua quan phong kiến ô nhục thực dân; bộc lộ lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần tự hào về truyền thống bất khuất của dân tộc. **Các tác phẩm tiêu biểu:** *Pa-ri (1922), Lời than vãn của bà Trưng Trắc (1922), Con người biết mùi hun khói (1922), Vi hành (1923), Nhật kí chìm tàu (1931)...*

+ **Thơ ca:** “*Nhật kí trong tù*” tái hiện bộ mặt tàn bạo của nhà tù Quốc dân Đảng- một phần hình ảnh xã hội Trung Quốc, thể hiện bức chân dung tinh thần tự hoạ của Hồ Chí Minh - một bậc “đại nhân, đại trí, đại dũng”. Những bài thơ làm ở Việt Bắc (từ 1941- 1945), trong thời kì kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ thể hiện một tài thơ lớn, một tâm hồn nghệ sĩ phong phú, tinh tế trước vẻ đẹp cảnh tạo vật, tình người.

=> Trong di sản văn học Hồ chí Minh, bộ phận văn chính luận chiếm ưu thế về số lượng. Điều này cho thấy hoạt động sáng tác của Hồ Chí Minh luôn nhằm tới mục đích phục vụ công cuộc cách mạng, đáp ứng những nhu cầu bức thiết của đời sống.

=> Sự thống nhất giữa sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học:

+ Sự nghiệp cách mạng và sự nghiệp văn học của Hồ Chí Minh không tách rời nhau. Đây là hiện tượng “hai trong một”.

+ Hồ Chí Minh sáng tác văn học để phục vụ cho hoạt động cách mạng; có thể xem sáng tác văn học cũng là một nội dung hoạt động cách mạng cụ thể.

+ Sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh rất vĩ đại và do vậy, sự nghiệp văn học cũng đạt được một tầm vóc lớn tương xứng, xét từ đặc điểm loại hình của nó.

của Người. Vậy xin ông /bà cho biết, vì sao có thể nói: Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là một phong cách đa dạng mà thống nhất (Nhóm 4 – Nhà phê bình văn học) (6) Bạn hiểu như thế nào về nhận xét: “Sự nghiệp văn học của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần vô giá đối với dân tộc Việt Nam”? (Nhóm 5 - Độc giả) Dự kiến: HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức (trình chiếu dự kiến sản phẩm)	+ Cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú của Hồ Chí Minh đã cung cấp chất lượng dồi dào cho những sáng tác của Người, khiến những sáng tác đó cũng có được sự đa dạng, hấp dẫn đặc biệt. c. Phong cách nghệ thuật - Độc đáo, đa dạng: mỗi thể loại văn học, Người đều có cách riêng, độc đáo, hấp dẫn: + Văn chính luận: Ngắn gọn, súc tích, luôn đạt sức thuyết phục cao. ++ Khi hướng về kẻ thù cách mạng: lập luận đanh thép, lí lẽ sắc bén, những chứng cứ không thể chối cãi, mang tinh thần duy kí, tư duy khoa học rất rõ. ++ Khi hướng về đồng bào, đồng chí: giọng điệu chân thành, thân mật, ở sự hoà quyện giữa lí và tình. + Truyện và kí: Mang tính hiện đại, thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ, nghệ thuật trào phúng vừa sắc bén, thâm thúy của phương Đông, vừa hài hước hóm hỉnh của phương Tây. + Thơ ca: Những bài thơ nhằm mục đích tuyên truyền có lời lẽ giản dị, mộc mạc, mang màu sắc dân gian hiện đại, vừa dễ nhớ vừa dễ thuộc, vừa có sức tác động trực tiếp vào tình cảm người đọc, người nghe. Những bài thơ viết theo cảm hứng nghệ thuật lại hàm súc, có sự hoà hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại, giàu chất trữ tình và tính chiến đấu. - Thống nhất: + Nội dung: tập trung vào đề tài “chống thực dân đế quốc, chống phong kiến đại chủ, tuyên truyền cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”; trong nội dung, tư tưởng thấm nhuần tình cảm yêu nước, tinh thần dân chủ và lập trường dân tộc; + Hình thức: lối viết ngắn gọn, trong sáng, giản dị đi đôi với sự sáng tạo linh hoạt, luôn có sự kết hợp tự nhiên, hài hòa giữa phong vị cổ điển và tính hiện đại. => Sự thống nhất cao độ trong phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh lại phản ánh sự thống nhất toàn vẹn ở con người tác giả như một hình mẫu nhân cách đặc biệt, kết tinh được nhiều giá trị đẹp đẽ của dân tộc và nhân loại, của truyền thống và hiện đại.

2.4. Tổng kết

a. Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	IV. TỔNG KẾT 1. Về nội dung:

- GV nêu yêu cầu: Trong vòng một phút, hãy làm việc cặp đôi và ghi lại những nét đặc sắc nhất về nội dung; nghệ thuật của bài viết và trình bày trong 1 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện theo cặp đôi. Ghi lại những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận. - Đại diện cặp đôi trình bày trong 1 phút. - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	+ Giới thiệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, người anh hùng của dân tộc, anh nhân văn hóa kiệt xuất, nhà văn hóa, nhà thơ nổi tiếng của đất nước. + Sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần của vĩ lãnh tụ vĩ đại, của nhân dân Việt Nam, không chỉ có giá trị nghệ thuật mà còn có giá trị lịch sử, văn hóa, chính trị, ... 2. Về nghệ thuật: + Luận đề, luận điểm rõ ràng; chứng cứ phong phú, thuyết phục. + Văn bản kết hợp thuyết minh (phần I) và nghị luận (phần II).

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Vẽ sơ đồ tư duy bài học

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy HS vẽ.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Yêu cầu: Hãy nêu dàn ý cho bài thuyết trình về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh nếu em được chuẩn bị cho buổi sinh hoạt câu lạc bộ văn học. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm/ bàn Bước 3: Báo cáo, thảo luận Các nhóm treo sản phẩm học tập lên bảng. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, cho điểm các nhóm	V. LUYỆN TẬP Dàn ý cho bài thuyết trình về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh: - Cuộc đời - Cuộc đời của một anh hùng dân tộc - Danh nhân văn hóa kiệt xuất - Sự nghiệp thơ văn - Một sự nghiệp thơ văn lớn lao và phong phú. - Một phong cách nghệ thuật đa dạng mà thống nhất.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Bày tỏ quan điểm suy nghĩ của bản thân

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu yêu cầu: Là đoàn viên, thanh niên, em thấy mình cần phải làm gì để học tập theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh. Viết đoạn văn 10-15 dòng bày tỏ quan điểm của em về vấn đề đó.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc, cảm nhận, suy nghĩ để trả lời

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi từ 2-3 HS chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ của bản thân

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV nêu nhận xét về phần làm việc của cá nhân HS, những điều HS chia sẻ.

- GV định hướng câu trả lời:

Muốn thực hiện được vai trò của mình, mỗi thanh niên cần cố gắng thực hiện tốt những điều sau:

- Phải sống phải có lý tưởng, có mục tiêu phấn đấu, hoàn thành mục tiêu của bản thân là tiền đề cho việc hoàn thành mục tiêu lớn của đất nước.
- Phải đặt quyền lợi của Đảng, của Tổ quốc lên trên hết và trước hết. Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra nguyên tắc: Lợi ích cá nhân nhất định phải phục tùng lợi ích của Đảng. Lợi ích của mỗi bộ phận nhất định phải phục tùng lợi ích của toàn thể. Lợi ích tạm thời nhất định phải phục tùng lợi ích lâu dài.
- Phải có đạo đức cách mạng. Người đoàn viên, thanh niên phải luôn cố gắng hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình được giao, khi gặp thắng lợi thì không kiêu căng, chủ quan, tự mãn; khi gặp khó khăn, gian khổ, trở ngại thì không hoang mang, dao động.
- Phải góp phần tổ chức thực hiện tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân.
- Phải luôn luôn học tập để nâng cao trình độ về mọi mặt, học nữa và học mãi,...đó là những điều mà Hồ Chí Minh đã luôn thực hiện trong cuộc sống của chính bản thân mình và là tấm gương giáo dục, rèn luyện cho mỗi đoàn viên, thanh niên.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 10-15 dòng)	0,5
Nội dung	Trình bày được những điều cần phải làm gì để học tập theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh.	
	Giới thiệu vấn đề	1
	Trình bày cụ thể về những việc cần làm để học tập theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh	6
	Khẳng định, khái quát vấn đề	1
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. *Tuyên ngôn độc lập* (Hồ Chí Minh)

Tiết: 57, 58

VĂN BẢN 2: TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP **- Hồ Chí Minh-**

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

- *Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...
- *Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ* (đọc – viết – nói và nghe); *năng lực văn học*. **HS biết đọc hiểu văn bản nghị luận:**

bản nghị luận:

- Vận dụng được những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu văn bản *Tuyên ngôn Độc lập*.
- Chỉ ra và phân tích được cách tác giả sử dụng các thao tác lập luận trong văn bản nghị luận để đạt được mục đích.
- Phân tích được các biện pháp tu từ, từ ngữ, câu khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận và đánh giá được hiệu quả của các hình thức này; nhận biết và phân tích được vai trò của cách lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong văn bản nghị luận.
- Đánh giá được giá trị lịch sử to lớn của *Tuyên ngôn Độc lập*.
- Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết nhiệm vụ trong thực tiễn.

2. Phẩm chất: Biết trân trọng, bảo vệ và giữ gìn độc lập của Tổ quốc; phát huy trách nhiệm của công dân trẻ đối với cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị:

- Tivi có mạng internet, kết nối với máy tính của GV
- Giấy A0 để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm và mẫu PHT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức cũ.
- Tạo hứng thú.
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức.

b. Nội dung hoạt động: Nghe bài hát và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Cách 1: Gv yêu cầu HS hoàn thiện sản phẩm sưu tầm những tư liệu về sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập (đã thực hiện ở nhà), chuẩn bị chia sẻ trước lớp. Cách 2: GV nêu yêu cầu: Xem video và cho biết nội dung chính của video là gì? Chia sẻ cảm xúc của em khi xem video trên. https://youtu.be/Hd_r8W19WWI?si=ssql7GqlsTjAewdN Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS xem sản phẩm sưu tầm về sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập/ video, đưa ra câu trả lời. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đưa ra câu trả lời: Video/ tư liệu đã cho chúng ta được sống trong không khí xúc động, tự hào khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập, chính thức tuyên bố về quyền độc lập của dân tộc ta. Đó là thời khắc thiêng liêng của lịch sử dân tộc, đánh dấu sự sụp đổ của chế độ phong kiến tồn tại hàng ngàn năm, chấm dứt hơn tám mươi năm đô hộ của thực dân Pháp, mở ra cho dân tộc ta một trang sử mới. Đó là sự ra đời của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh là một áng văn chính luận bất hủ. Chúng ta cùng tìm hiểu VB để cảm nhận giá trị của văn bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i>.	- Câu trả lời của HS

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Nắm được những nét chung về văn bản *Tuyên ngôn độc lập*
- Biết đọc thể loại nghị luận qua văn bản *Tuyên ngôn độc lập*

b. Nội dung hoạt động: HS chuẩn bị trước ở nhà, thảo luận cặp đôi để tìm hiểu kiến thức chung về văn bản

c. Sản phẩm: Phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

2.1. Đọc và tìm hiểu chung

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM

NV1: Hướng dẫn HS đọc văn bản

HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

(1) **Đọc:** Khi đọc cần chú ý giọng đọc: to, rõ ràng, hùng hồn, đanh thép, xúc động, nhấn mạnh từ ngữ lặp đi lặp lại,

Trong khi đọc: chú ý các trích dẫn, cách lập luận của tác giả, ..

- GV đọc mẫu, gọi một số HS đọc
- GV có thể cho HS đọc VB ở nhà và kiểm tra thông qua các nội dung được nêu ở cột bên phải của VB.

(2) Chú ý đọc từ khó ở chân trang:

- Hội nghị tê-hê-răng
- Hội nghị Cựu Kim Sơn

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.

- HS đọc VB, theo dõi quá trình đọc, trao đổi theo từ khó để hiểu nghĩa của từ

Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.

- HS khác nghe, nhận xét

Bước 4. Chuẩn kiến thức.

NV2: Tìm hiểu chung về văn bản

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Hướng dẫn HS hoạt động nhóm đôi

Nhóm :

HS thực hiện phiếu học tập số 01

Yêu cầu	Trả lời
a. Trình bày hoàn cảnh ra đời của văn bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> .	
b. Xác định thể loại của văn bản.	

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: trao đổi với bạn về kiến thức chung về VB.

Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.

- HS báo cáo kết quả;

I. ĐỌC- TÌM HIỂU CHUNG

1. Đọc, tìm hiểu từ khó

2. Tìm hiểu chung về văn bản

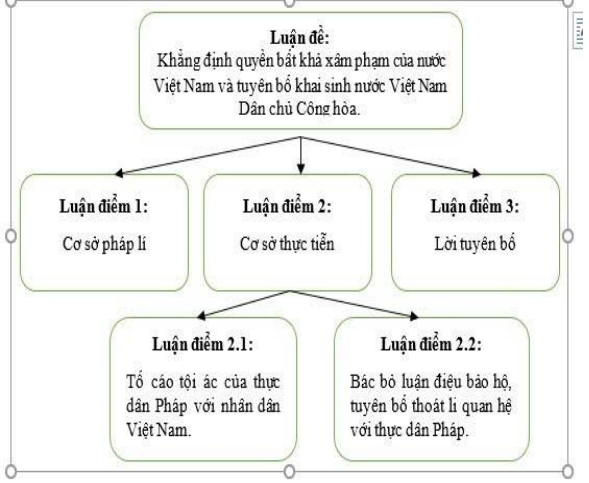
a. Hoàn cảnh ra đời

- Sau chiến thắng của quân Đồng minh (1945), Nhật đầu hàng, quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc (đang sau là thế lực Mỹ) tiến vào miền Bắc, quân đội Anh (đang sau là lính viễn chinh Pháp) tiến vào miền Nam nước ta. Thực dân Pháp tuyên bố, Đông Dương là đất “bảo hộ” của Pháp bị Nhật xâm chiếm, nay Nhật đầu hàng đồng minh, Pháp lại đứng về phe Đồng minh chống phát xít, vậy Đông Dương đương nhiên là của Pháp.

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4. Chuẩn kiến thức. GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. GV bổ sung thêm (nếu cần)	- <i>Tuyên ngôn độc lập</i> được Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc ở quảng trường Ba Đình, Hà Nội vào ngày 2 tháng 9 năm 1945, trước quốc dân đồng bào, nhằm bác bỏ dứt khoát luận điệu của người Pháp. b Thể loại: văn bản nghị luận (chính luận)

2.2. Khám phá văn bản

TỔ CHỨC THỰC HIỆN		SẢN PHẨM																					
Thao tác 1. Đọc, xác định mục đích, nội dung chính HOẠT ĐỘNG NHÓM ĐÔI Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Tiếp tục làm việc cặp đôi, đọc văn bản và hoàn thiện bảng kiến thức sau		II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Mục đích, nội dung chính của văn bản * Mục đích của văn bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i>: Tuyên bố với thế giới về độc lập dân tộc và lòng quyết tâm giữ vững nền độc lập: “<i>Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy</i>” * Đối tượng hướng tới: - Toàn thể nhân dân Việt Nam - Nhân dân thế giới - Đặc biệt là các nước thuộc phe Đồng minh chống phát xít, nói tới các thế lực thực dân để quốc không muốn thừa nhận quyền độc lập của nước Việt Nam và đang âm mưu hỗ trợ thực dân Pháp quay lại “chiếm nước ta lần nữa”. * Bố cục văn bản: 3 phần																					
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02 TÌM HIỂU BỐ CỤC, MỤC ĐÍCH, ĐỐI TƯỢNG HƯỚNG TỚI CỦA VB Yêu cầu: 1. Mục đích của văn bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> là gì và hướng tới những đối tượng nào? 2. Xác định bố cục và mạch lập luận của văn bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> Trả lời: <table><tr><td colspan="2">Mục đích văn bản:.....</td></tr><tr><td colspan="2">Đối tượng hướng tới:.....</td></tr><tr><td>Phần</td><td>Nội dung</td></tr><tr><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>.....</td><td>.....</td></tr></table>		Mục đích văn bản:.....		Đối tượng hướng tới:.....		Phần	Nội dung							<table><tr><th>Phần</th><th>Nội dung</th></tr><tr><td>(1) Từ đầu đến “không thể chối cãi được”</td><td>Trích dẫn một số luận điểm then chốt về quyền con người từ hai bản tuyên ngôn quan trọng bậc nhất trong lịch sử thế giới cận đại để làm chỗ dựa pháp lí cho bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> của nước Việt Nam mới.</td></tr><tr><td>(2) Từ “<i>Thế mà hơn 80 năm nay</i>” đến “<i>tự tay Pháp</i>”</td><td>Tổ cáo những hành động tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân và đất nước Việt Nam; vạch trần vai trò tệ hại của thực dân Pháp trong việc “bảo hộ” đất nước Việt Nam</td></tr><tr><td>(3) Còn lại</td><td>Tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp và kêu gọi thế giới công nhận quyền</td></tr></table>		Phần	Nội dung	(1) Từ đầu đến “không thể chối cãi được”	Trích dẫn một số luận điểm then chốt về quyền con người từ hai bản tuyên ngôn quan trọng bậc nhất trong lịch sử thế giới cận đại để làm chỗ dựa pháp lí cho bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> của nước Việt Nam mới.	(2) Từ “ <i>Thế mà hơn 80 năm nay</i> ” đến “ <i>tự tay Pháp</i> ”	Tổ cáo những hành động tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân và đất nước Việt Nam; vạch trần vai trò tệ hại của thực dân Pháp trong việc “bảo hộ” đất nước Việt Nam	(3) Còn lại	Tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp và kêu gọi thế giới công nhận quyền
Mục đích văn bản:.....																							
Đối tượng hướng tới:.....																							
Phần	Nội dung																						
.....																							
.....																							
.....																							
Phần	Nội dung																						
(1) Từ đầu đến “không thể chối cãi được”	Trích dẫn một số luận điểm then chốt về quyền con người từ hai bản tuyên ngôn quan trọng bậc nhất trong lịch sử thế giới cận đại để làm chỗ dựa pháp lí cho bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> của nước Việt Nam mới.																						
(2) Từ “ <i>Thế mà hơn 80 năm nay</i> ” đến “ <i>tự tay Pháp</i> ”	Tổ cáo những hành động tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân và đất nước Việt Nam; vạch trần vai trò tệ hại của thực dân Pháp trong việc “bảo hộ” đất nước Việt Nam																						
(3) Còn lại	Tuyên bố thoát li hẳn quan hệ thực dân với Pháp và kêu gọi thế giới công nhận quyền																						

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 3 HS đại diện cho 3 cặp đọc và thực hiện các yêu cầu - HS dưới lớp hoàn thiện bảng vào vở Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức	<table border="1"> <tr> <td></td><td>độc lập của nước Việt Nam; tuyên bố quyền hưởng tự do, độc lập của nhân dân, đất nước Việt Nam và thể hiện ý chí của toàn dân tộc quyết tâm bảo vệ quyền tự do, độc lập vừa giành được.</td></tr> </table>		độc lập của nước Việt Nam; tuyên bố quyền hưởng tự do, độc lập của nhân dân, đất nước Việt Nam và thể hiện ý chí của toàn dân tộc quyết tâm bảo vệ quyền tự do, độc lập vừa giành được.						
	độc lập của nước Việt Nam; tuyên bố quyền hưởng tự do, độc lập của nhân dân, đất nước Việt Nam và thể hiện ý chí của toàn dân tộc quyết tâm bảo vệ quyền tự do, độc lập vừa giành được.								
Thao tác 2. Đọc, xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng của Tuyên ngôn độc lập HOẠT ĐỘNG NHÓM BÀN NV2: Tìm hiểu về bố cục và luận điểm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS thảo luận cặp đôi, thời gian 5 phút câu hỏi sau: - <i>Xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của VB. Vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề, luận điểm trong VB.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức . Tham khảo sơ đồ về luận đề, luận điểm của VB. 	2. Luận đề, luận điểm và lí lẽ, bằng chứng của văn bản - Luận đề: Khẳng định quyền bất khả xâm phạm của nước Việt Nam và tuyên bố khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. - Luận điểm: + Luận điểm 1: Cơ sở pháp lí + Luận điểm 2: Cơ sở thực tiễn: ++ Tố cáo tội ác của thực dân Pháp với nhân dân Việt Nam . ++ Bác bỏ luận điệu bảo hộ, tuyên bố thoát li quan hệ với Pháp. + Luận điểm 3: Lời tuyên bố quyền độc lập dân tộc và lòng quyết tâm giữ vững nền độc lập dân tộc; kêu gọi thế giới công nhận quyền độc lập của Việt Nam * Lí lẽ và bằng chứng <table border="1"> <thead> <tr> <th>Lí lẽ</th><th>Bằng chứng</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1- Tất cả các dân tộc trên thế giới đều có quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do</td><td>- Trích bản tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ năm 1776 - Trích bản tuyên ngôn Nhân quyền của Pháp năm 1791</td></tr> <tr> <td>1- Suốt 80 năm, thực dân Pháp đã tước quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam trên mọi phương diện</td><td>- Chúng thi hành luật dã man, lập nhiều nhà tù, ... - Chúng bóc lột tận xương tủy nhân dân... Từ Quảng Trị đến Bắc Kì hơn triệu đồng bào ta bị chết đói</td></tr> <tr> <td>2- Từ mùa thu năm 40, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật. Chúng ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật chứ không phải từ Pháp</td><td>- Trong năm năm chúng bán nước ta hai lần cho Nhật,...</td></tr> </tbody> </table>	Lí lẽ	Bằng chứng	1- Tất cả các dân tộc trên thế giới đều có quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do	- Trích bản tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ năm 1776 - Trích bản tuyên ngôn Nhân quyền của Pháp năm 1791	1- Suốt 80 năm, thực dân Pháp đã tước quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam trên mọi phương diện	- Chúng thi hành luật dã man, lập nhiều nhà tù, ... - Chúng bóc lột tận xương tủy nhân dân... Từ Quảng Trị đến Bắc Kì hơn triệu đồng bào ta bị chết đói	2- Từ mùa thu năm 40, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật. Chúng ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật chứ không phải từ Pháp	- Trong năm năm chúng bán nước ta hai lần cho Nhật,...
Lí lẽ	Bằng chứng								
1- Tất cả các dân tộc trên thế giới đều có quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do	- Trích bản tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ năm 1776 - Trích bản tuyên ngôn Nhân quyền của Pháp năm 1791								
1- Suốt 80 năm, thực dân Pháp đã tước quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam trên mọi phương diện	- Chúng thi hành luật dã man, lập nhiều nhà tù, ... - Chúng bóc lột tận xương tủy nhân dân... Từ Quảng Trị đến Bắc Kì hơn triệu đồng bào ta bị chết đói								
2- Từ mùa thu năm 40, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật. Chúng ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật chứ không phải từ Pháp	- Trong năm năm chúng bán nước ta hai lần cho Nhật,...								

	- Chúng thẳng tay khủng bố Việt Minh, giết tù chính trị, ... - Pháp chạy, Nhật hàng, ... 3. Dân tộc ta phải được tự do, độc lập Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập và quyết giữ cho được nền độc lập đó.			
Thao tác 2. Đọc, phân tích đặc sắc nghệ thuật của văn bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> HOẠT ĐỘNG NHÓM LỚN GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm - Nhóm 1: <i>Thực hiện PHT số 03 – Tìm hiểu nghệ thuật lập luận trong phần cơ sở pháp lí của Tuyên ngôn độc lập</i> - Nhóm 2: PHT số 04:- Tìm hiểu nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần cơ sở thực tiễn của <i>Tuyên ngôn độc lập</i> - Nhóm 3: PHT số 05: Tìm hiểu đặc sắc trong cách dùng từ ngữ, câu văn trong phần cơ sở thực tiễn của <i>Tuyên ngôn độc lập</i> - Nhóm 4: PHT số 06: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần lời tuyên bố của <i>Tuyên ngôn độc lập</i> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm.	3. Đặc sắc nghệ thuật của văn bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> a. Nghệ thuật lập luận trong phần cơ sở pháp lí của <i>Tuyên ngôn độc lập</i> - Tác dụng của việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mỹ và Pháp: + Hai bản tuyên ngôn: khẳng định quyền sống, quyền tự do. + Khẳng định nguyên lí chung về quyền độc lập, tự do và hạnh phúc của tất cả mọi người, mọi dân tộc trên thế giới. Đây là cơ sở pháp lí quan trọng làm tiền đề cho những lập luận ở phần sau. + Đặt ngang hàng ba bản tuyên ngôn, gián tiếp thể hiện niềm tự hào, sự tự tôn của dân tộc. - Sử dụng thủ pháp: “gậy ông đập lưng ông”, tố cáo thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đang phản bội lại những tuyên ngôn tốt đẹp mà cha ông họ đã lập ra. -Tác giả Hồ Chí Minh đã kết hợp các thao tác nghị luận: + Giải thích: Giải thích ý nghĩa Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ: “<i>Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: tất cả dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do</i>”. + Chứng minh: Trích dẫn nguyên văn hai bản tuyên ngôn của nước Mỹ và Cách mạng Pháp. + Bình luận: “<i>Đó là những lí lẽ không ai chối cãi được</i>”. ->Tác dụng: Khẳng định cơ sở pháp lí làm nền tảng cho các lập luận và lời tuyên bố. Đây là điểm tựa vững chắc để các luận điểm sau được phát triển một cách thuyết phục và đa dạng, qua đó làm sáng tỏ luận đề và thực hiện mục đích của toàn VB (khẳng định quyền tự do, độc lập bất khả xâm phạm của nước). b. Nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần cơ sở thực tiễn và lời tuyên gọi * Nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần cơ sở thực tiễn của <i>Tuyên ngôn độc lập</i> - Nghệ thuật lập luận của tác giả Hồ Chí Minh: Cách lập luận đề bác bỏ luận điệu “bảo hộ, khai hoá” của thực dân Pháp và quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam:			
Nhóm 1: PHT số 03: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận trong phần cơ sở pháp lí của <i>Tuyên ngôn độc lập</i> 1. Việc trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mỹ và Pháp có tác dụng gì đối với các đối tượng mà <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> hướng tới? 2. Từ đó, nhận xét về thủ pháp nghệ thuật được sử dụng để tạo sức thuyết phục cho phần cơ sở pháp lí. 3. Chỉ ra và nhận xét về tác dụng của các thao tác nghị luận được sử dụng trong phần cơ sở pháp lí và tác dụng của việc sử dụng kết hợp các thao tác nghị luận này.				
Nhóm 2: PHT số 04: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần cơ sở thực tiễn của <i>Tuyên ngôn độc lập</i> Yêu cầu: Đọc lại phần từ “<i>Thế mà hơn 80 năm nay</i>” cho đến “<i>Dân tộc đó phải được độc lập!</i>” và cho biết: - Tác giả đã dùng những lí lẽ, bằng chứng nào để bác bỏ luận điểm “khai hoá, bảo hộ” của Pháp và khẳng định quyền tự do, độc lập của nước Việt Nam? - Nhận xét về cách lựa chọn, sắp xếp, triển khai các lí lẽ, bằng chứng ấy.				
<table><tr><td>Luận điệu của thực dân Pháp</td><td>Lập luận bác bỏ của tác giả Hồ Chí Minh</td><td>Nhận xét</td></tr></table>	Luận điệu của thực dân Pháp	Lập luận bác bỏ của tác giả Hồ Chí Minh	Nhận xét	
Luận điệu của thực dân Pháp	Lập luận bác bỏ của tác giả Hồ Chí Minh	Nhận xét		

<table><tr><th>Luận điệu của thực dân Pháp</th><th>Lập luận bác bỏ của tác giả Hồ Chí Minh</th><th>Nhận xét</th></tr><tr><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>.....</td><td>.....</td><td>.....</td></tr></table>	Luận điệu của thực dân Pháp	Lập luận bác bỏ của tác giả Hồ Chí Minh	Nhận xét							Đông Dương là thuộc địa của Pháp, Pháp có công “bảo hộ” Đông Dương. <table><tr><td>Nay Nhật đã đầu hàng, Đông Dương nghiêm thuộc quyền bảo hộ của người Pháp.</td><td> - Thực dân Pháp đã “dã man hai lần bán nước ta cho Nhật”. – Thực dân Pháp không đáp lại lời kêu gọi chống Nhật của Việt Minh, thẳng tay khủng bố Việt Minh, tức là đã phản bội quân Đồng minh, về phe Nhật. – Dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp, nên không còn là thuộc địa của Pháp nữa. – Vua Bảo Đại thoái vị, dân ta đã thoát khỏi ách xiềng xích của thực dân, chế độ quân chủ, thành lập Lâm thời Chính phủ mới, nên có quyền tuyên bố cách li và vô hiệu hoá các thoả thuận mà nhà Nguyễn đã kí với Pháp. </td><td> - Nêu được tội ác trên nhiều phương diện: về chính trị, về kinh tế – xã hội, soi chiếu cả trên phương diện lương tâm và đạo đức. - Bằng chứng xác thực. - Ngôn ngữ, giọng điệu đanh thép, giàu tính biểu cảm (phép điệp, phép liệt kê, cách diễn đạt giàu hình ảnh). - Nêu lí lẽ trên nhiều phương diện, phân tích xác đáng cục diện chính trị đương thời. - Bằng chứng xác đáng, thuyết phục, với những mốc thời gian, sự kiện cụ thể, xác thực. - Cách sắp xếp hợp lí, vừa theo trình tự thời gian vừa theo tính chất quan trọng của vấn đề. – Đã đưa ra được những nguyên tắc dân tộc bình đẳng được Liên hợp quốc công nhận để làm sáng tỏ các lập luận của mình, kêu gọi cộng đồng quốc tế công nhận quyền độc lập của dân tộc Việt Nam. - Ngôn ngữ, giọng điệu đanh thép, hùng hồn. </td></tr></table>	Nay Nhật đã đầu hàng, Đông Dương nghiêm thuộc quyền bảo hộ của người Pháp.	- Thực dân Pháp đã “dã man hai lần bán nước ta cho Nhật”. – Thực dân Pháp không đáp lại lời kêu gọi chống Nhật của Việt Minh, thẳng tay khủng bố Việt Minh, tức là đã phản bội quân Đồng minh, về phe Nhật. – Dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp, nên không còn là thuộc địa của Pháp nữa. – Vua Bảo Đại thoái vị, dân ta đã thoát khỏi ách xiềng xích của thực dân, chế độ quân chủ, thành lập Lâm thời Chính phủ mới, nên có quyền tuyên bố cách li và vô hiệu hoá các thoả thuận mà nhà Nguyễn đã kí với Pháp.	- Nêu được tội ác trên nhiều phương diện: về chính trị, về kinh tế – xã hội, soi chiếu cả trên phương diện lương tâm và đạo đức. - Bằng chứng xác thực. - Ngôn ngữ, giọng điệu đanh thép, giàu tính biểu cảm (phép điệp, phép liệt kê, cách diễn đạt giàu hình ảnh). - Nêu lí lẽ trên nhiều phương diện, phân tích xác đáng cục diện chính trị đương thời. - Bằng chứng xác đáng, thuyết phục, với những mốc thời gian, sự kiện cụ thể, xác thực. - Cách sắp xếp hợp lí, vừa theo trình tự thời gian vừa theo tính chất quan trọng của vấn đề. – Đã đưa ra được những nguyên tắc dân tộc bình đẳng được Liên hợp quốc công nhận để làm sáng tỏ các lập luận của mình, kêu gọi cộng đồng quốc tế công nhận quyền độc lập của dân tộc Việt Nam. - Ngôn ngữ, giọng điệu đanh thép, hùng hồn.
Luận điệu của thực dân Pháp	Lập luận bác bỏ của tác giả Hồ Chí Minh	Nhận xét											
.....													
.....													
Nay Nhật đã đầu hàng, Đông Dương nghiêm thuộc quyền bảo hộ của người Pháp.	- Thực dân Pháp đã “dã man hai lần bán nước ta cho Nhật”. – Thực dân Pháp không đáp lại lời kêu gọi chống Nhật của Việt Minh, thẳng tay khủng bố Việt Minh, tức là đã phản bội quân Đồng minh, về phe Nhật. – Dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp, nên không còn là thuộc địa của Pháp nữa. – Vua Bảo Đại thoái vị, dân ta đã thoát khỏi ách xiềng xích của thực dân, chế độ quân chủ, thành lập Lâm thời Chính phủ mới, nên có quyền tuyên bố cách li và vô hiệu hoá các thoả thuận mà nhà Nguyễn đã kí với Pháp.	- Nêu được tội ác trên nhiều phương diện: về chính trị, về kinh tế – xã hội, soi chiếu cả trên phương diện lương tâm và đạo đức. - Bằng chứng xác thực. - Ngôn ngữ, giọng điệu đanh thép, giàu tính biểu cảm (phép điệp, phép liệt kê, cách diễn đạt giàu hình ảnh). - Nêu lí lẽ trên nhiều phương diện, phân tích xác đáng cục diện chính trị đương thời. - Bằng chứng xác đáng, thuyết phục, với những mốc thời gian, sự kiện cụ thể, xác thực. - Cách sắp xếp hợp lí, vừa theo trình tự thời gian vừa theo tính chất quan trọng của vấn đề. – Đã đưa ra được những nguyên tắc dân tộc bình đẳng được Liên hợp quốc công nhận để làm sáng tỏ các lập luận của mình, kêu gọi cộng đồng quốc tế công nhận quyền độc lập của dân tộc Việt Nam. - Ngôn ngữ, giọng điệu đanh thép, hùng hồn.											
Nhóm 3: PHT số 05: Tìm hiểu đặc sắc trong cách dùng từ ngữ, câu văn trong phần cơ sở thực tiễn của Tuyên ngôn độc lập Yêu cầu: Đọc lại phần từ “<i>Thế mà hơn 80 năm nay</i>” cho đến “<i>Dân tộc đó phải được độc lập!</i>” và cho biết: <i>Xác định và phân tích tác dụng một số nét đặc sắc về biện pháp tu từ, từ ngữ, sự kết hợp giữa câu khẳng định, phủ định trong phần này.</i> <table><tr><th>Phương diện</th><th>Biểu hiện trong văn bản</th><th>Tác dụng</th></tr><tr><td>Từ ngữ</td><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>Biện pháp tu từ</td><td>.....</td><td>.....</td></tr><tr><td>Câu khẳng định, phủ định</td><td>.....</td><td>.....</td></tr></table>	Phương diện	Biểu hiện trong văn bản	Tác dụng	Từ ngữ			Biện pháp tu từ			Câu khẳng định, phủ định			
Phương diện	Biểu hiện trong văn bản	Tác dụng											
Từ ngữ													
Biện pháp tu từ													
Câu khẳng định, phủ định													
Nhóm 4: PHT số 06: Tìm hiểu nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần lời tuyên bố của Tuyên ngôn độc lập 1. Ở phần 3 của VB, tác giả đại diện cho ai, và đã tuyên bố điều gì? 2. Lời tuyên bố ở cuối VB đã đạt được các điều kiện khách quan, chủ quan gì để thế giới công nhận quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam? 3. Chi ra và nhận xét về tác dụng của ngôn ngữ biểu cảm (từ ngữ, kiểu câu khẳng định,...) trong việc thể hiện giọng điệu và nội dung của lời tuyên bố Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ GV quan sát, khích lệ HS Bước 3: Báo cáo, thảo luận													

GV gọi đại diện các nhóm trình bày
Các nhóm khác nhận xét, bổ sung
Bước 4: Đánh giá, kết luận
GV nhận xét, chốt kiến thức

- **Đặc sắc trong cách dùng từ ngữ, câu văn trong phần cơ sở thực tiễn của *Tuyên ngôn độc lập***
+ **Các từ ngữ:** thuần Việt, trong sáng, dễ hiểu:
+ + Từ để gọi thực dân Pháp ("*bọn thực dân Pháp*", "*chúng*");
+ + Từ ngữ để gọi nhân dân Việt Nam ("*đồng bào ta*", "*nhân dân ta*", "*những người yêu nước thương nòi của ta*", "*dân ta*", "*các nhà tư sản ta*",...).
+ **Biện pháp tu từ:** sử dụng nhiều biện pháp tu từ đa dạng, hiệu quả:
+ + Liệt kê, điệp ngữ, điệp cấu trúc: "*Chúng thi hành những luật dã man ... Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta.... Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.*"
+ + Ẩn dụ, hoán dụ: "*Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta*"; "*tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu*"),...
-> **Tác dụng:**
+ Thể hiện sự căm phẫn trước tội ác của thực dân Pháp, nỗi thương xót đối với người dân Việt Nam khi phải gánh chịu những tội ác ấy; + Góp phần tăng tính thuyết phục cho VB bằng cách khơi gợi sự đồng cảm, xót xa, phẫn nộ nơi người đọc.
+ **Các kiểu câu khẳng định, phủ định:** hầu như các câu văn trong văn bản đều là câu khẳng định và câu phủ định.

-> **Tác dụng:**

+ + Khẳng định tội ác của giặc bằng cách điệp cấu trúc: "*Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do, dân chủ nào*",...

+ + Phủ định luận điệu "*nhân đạo, chính nghĩa*" của Pháp: Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

*** Nghệ thuật lập luận và ngôn ngữ biểu cảm trong phần lời tuyên bố của *Tuyên ngôn độc lập***

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố:

- Những cơ sở pháp lí, thực tiễn vững chắc để thoát li quyền bảo hộ của Pháp, tuyên bố sự sụp đổ của triều đình phong kiến nhà Nguyễn ("*Vì những lí lẽ trên*").

- Sự xuất hiện chính danh của một chính phủ đại diện cho nhân dân Việt Nam, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân Việt Nam ("*chúng tôi, Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*").

- Khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam và quyết tâm bằng mọi giá bảo vệ quyền độc lập, tự do ấy.

Điểm đặc sắc của *Tuyên ngôn Độc lập* đó là lời tuyên bố cuối VB đã khẳng định điều kiện khách quan, điều kiện chủ quan

+ Điều kiện khách quan:

	++ Cơ sở pháp lí, thực tiễn vững chắc, không thể chối cãi, phù hợp với công ước quốc tế; ++ Chứng minh sự không lệ thuộc vào bất kì thế lực chính trị nào; ++ Khẳng định quyền tự quyết về mọi mặt của dân tộc; ++ Điều kiện chủ quan: ++ Toàn dân tộc thực sự có ý chí về quyền độc lập, tự do và có quyết tâm bảo vệ quyền độc lập, tự do. Từ đó, Hồ Chí Minh đã tuyên bố trước thế giới quyền độc lập, tự do, bất khả xâm phạm của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, của nhân dân Việt Nam. - Từ ngữ, lời văn dạt dào tình cảm, cảm xúc, lúc sôi sục, quyết liệt: <i>“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.”</i> -> Tác dụng của ngôn ngữ biểu cảm trong việc thể hiện giọng điệu và nội dung lời tuyên bố: hùng hồn, đanh thép, trong việc khẳng định mạnh mẽ và thuyết phục nội dung lời tuyên bố

2.3. Tổng kết

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu: + Hãy khái quát ý nghĩa của bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i>. + Theo em, những yếu tố nghệ thuật nào đã giúp <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> trở thành một áng văn chính luận bất hủ? Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp - Trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung - Bản tuyên ngôn độc lập là kết tinh tư tưởng không chỉ sống quý, khẳng định ý chí quyết tâm giữ vững nền độc lập dân tộc, tinh thần yêu nước và nhân ái, khoan dung của truyền thống dân tộc từ ngàn xưa. 2. Nghệ thuật - Hệ thống luận điểm, lí lẽ chặt chẽ, bằng chứng xác đáng. - Giọng điệu đanh thép, lời văn như chất vắn, kết tội kẻ thù. - Ngôn ngữ hùng hồn, sắc bén. - Sử dụng yếu tố biểu cảm, linh hoạt. - Sử dụng tính phủ định và khẳng định phù hợp trong văn bản nghị luận.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức. Phát triển năng lực đặc thù cho HS

b. Nội dung: Sân khấu hoá đoạn trích.

c. Sản phẩm: Bài trình bày của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV nêu yêu cầu:	IV. Luyện tập

Câu 1. Giá trị lịch sử to lớn của <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> được thể hiện như thế nào? Câu 2. Em học được gì từ nghệ thuật viết văn chính luận của Hồ Chí Minh? - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS đọc đoạn văn trước lớp - Tổ chức cho HS trong lớp đánh giá bằng bảng kiểm Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét các đoạn văn của HS	Câu 1. Giá trị lịch sử to lớn của <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> được thể hiện qua: - Vb đã tái hiện sinh động những sự kiện lịch sử đã xảy ra sau ngày nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tuyên bố quyền độc lập; qua đó cảnh báo thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đang có âm mưu xâm lược nước ta. - Tuyên bố chấm dứt chế độ phong kiến ở nước ta hơn 1.000 năm, hơn 80 năm xâm lược của thực dân Pháp và 5 năm giày xéo của phát xít Nhật. - Khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mới, mở ra kỉ nguyên độc lập, tự do của dân tộc. - Chống lại âm mưu tái chiếm Việt Nam của thực dân và ý đồ can thiệp vào nước ta của một số nước đế quốc khác; khẳng định vị thế của dân tộc trên trường quốc tế. Câu 2. Một số bài học rút ra được từ nghệ thuật viết văn chính luận. - Cần xác lập một hệ thống luận điểm, lí lẽ chặt chẽ, bằng chứng phù hợp. - Chú ý lựa chọn giọng điệu phù hợp với vấn đề bàn luận. - Kết hợp yếu tố biểu cảm phù hợp. - Chọn lựa từ ngữ, kiểu câu, các biện pháp tu từ cho phù hợp để bài viết hấp dẫn.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

b. Nội dung: HS trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Cuộc phỏng vấn

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV dẫn dắt và nêu yêu cầu: Trao đổi với bạn bên cạnh và trả lời câu hỏi: Viết đoạn văn phân tích nét đặc sắc của phần đầu văn bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> của Hồ Chí Minh. Bước 2+3: Thực hiện nhiệm vụ; Báo cáo, thảo luận HS thực hiện nhiệm vụ trước lớp Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét phân diễn xuất, các câu hỏi phỏng vấn, nhấn mạnh vào bài học lịch sử.	1.1 Mở đoạn Giới thiệu khái quát tác phẩm “Tuyên ngôn độc lập” của Chủ tịch Hồ Chí Minh và phần mở đầu. 1.2 Thân đoạn a. Giá trị nội dung của phần mở đầu bản tuyên ngôn – Phần mở đầu nêu nguyên lý chung của bản tuyên ngôn. – Tác giả đã trích dẫn hai bản Tuyên ngôn: Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ năm 1776 và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp năm 1791 nhằm: + Khẳng định các quyền lợi cơ bản của con người: Quyền sống, quyền bình đẳng và quyền mưu cầu hạnh phúc. + Nhắc nhở những hành động của bọn đế quốc, thực dân đang đi ngược lại và làm trái với những điều mà đất nước họ từng đồng ý tuyên bố.

	– Từ việc trích dẫn về quyền con người để làm dẫn chứng, tác giả đã nâng tầm và mở rộng thành quyền dân tộc. b. Giá trị nghệ thuật của phần mở đầu bản tuyên ngôn – Tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho các phần còn lại. – Dẫn chứng xác thực góp phần củng cố lý lẽ, luận điểm đanh thép của tác phẩm. – Lập luận chặt chẽ và giàu sức thuyết phục, vừa khôn khéo vừa kiên quyết. c. Thông điệp của tác giả gửi gắm qua đoạn đoạn văn. Ý nghĩa của đoạn văn đối với em. 1.3 Kết đoạn Đánh giá vai trò của phần mở đầu đối với tác phẩm “Tuyên ngôn độc lập”.

RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 200 chữ)	0,5
Nội dung	Phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật một văn bản nghị luận	
	Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn văn	1
	Phân tích những đặc sắc về nội dung của đoạn văn	1
	Đánh giá, nhận xét về những đặc sắc đó.	2
	Phân tích những đặc sắc về nghệ thuật.	2
	Đánh giá, nhận xét về những đặc sắc đó.	1
	Thông điệp của tác giả gửi gắm qua đoạn đoạn văn. Ý nghĩa của đoạn văn đối với HS.	1
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản cùng thể loại, đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Đọc VB 3, 4: *Mộ* (Hồ Chí Minh), *Nguyên tiêu* (Hồ Chí Minh)

Tiết 59, 60 - VB 3, 4:

MỘ (CHIỀU TỐI)
NGUYÊN TIÊU (RẼM THÁNG GIÊNG)
- Hồ Chí Minh -

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực :

- Vận dụng được những hiểu biết về cuộc đời và phong cách thơ ca của tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu các tác phẩm thơ của Người.
- Chỉ ra và phân tích được một số yếu tố trong thơ trữ tình và thơ châm biếm hài hước viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh (ngôn ngữ, hình ảnh, thủ pháp nghệ thuật, cấu tứ, cách sử dụng từ ngữ).
- Phân tích được một số nét đặc sắc của các bài thơ viết bằng chữ Hán của Hồ Chí Minh.
- Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng đã học để tìm hiểu các tác phẩm thơ khác của Hồ Chí Minh.

2 . Phẩm chất

- Trân trọng tài năng văn chương của Hồ Chí Minh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, máy chiếu đa năng (Ti vi)

2. Học liệu:

- SGK, tài liệu tham khảo
- Tư liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.
- Phiếu học tập: HS chuẩn bị các phiếu học tập ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- *Hãy nêu tên một số tập thơ, bài thơ của Hồ Chí Minh hoặc tác phẩm văn học mà em biết. Hãy đọc một bài thơ của Bác, hoặc giới thiệu về tác phẩm mà em yêu thích. Vì sao em yêu thích tác phẩm đó?*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi.
- GV quan sát, khích lệ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi một số HS phát biểu.

=> **Dự kiến sản phẩm:**

- Một số bài thơ của Hồ Chí Minh: *Ngắm trăng, Chiều tối (Mộ), Không ngủ được, Nghe tiếng chày giã gạo, ...*

Chiều tối

*Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ
Chòm mây nhẹ nhàng giữa tầng không
Cô em xóm núi xay ngô tối
Xay hết, lò than đã rực hồng*

Ngắm trăng

*Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.*

Không ngủ được

*Một canh...hai canh...lại ba canh
Trần trọc băn khoăn giấc chẳng lành
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt
Sao vàng năm cánh mộng hồn bay.*

Nghe tiếng chày giã gạo

*Gạo đem vào giã bao đau đớn
Gạo giã xong rồi trắng tựa bông
Sống trên đời người cũng vậy
Gian nan rèn luyện mới thành công.*

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV dẫn dắt vào bài: Ở phần tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các em đã được biết, sự nghiệp văn chương của Người vô cùng lớn lao. Người không chỉ viết văn chính luận, báo chí, mà Người còn là một nhà thơ vĩ đại. Mặc dù, sinh thời, Bác Hồ không tự nhận mình là nhà thơ, nhà văn nhưng thực tiễn toàn bộ sáng tác của Người đã cho thấy Người là một nhà thơ lớn. Bài thơ *Mộ (Chiều tối)* và *Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)* là bằng chứng hùng hồn cho sự nghiệp văn học ấy.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc - tìm hiểu chung

a. Mục tiêu:

- Vận dụng được những hiểu biết về cuộc đời và phong cách thơ ca của tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu các tác phẩm thơ của Người.
- Nắm được cách đọc văn bản, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, bố cục của văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.

d.Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS			Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm																													
Thao tác 1: Đọc bài thơ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Phần đọc: GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc và đọc mẫu. Yêu cầu HS đọc bài thơ + <i>Nhận xét về cách đọc của bạn? Giọng đọc như nào cho phù hợp?</i> - Đọc: + <i>Đọc diễn cảm hoàn chỉnh bài thơ, chú ý cách ngắt nhịp, giọng điệu.</i> + <i>Chú ý các cước chú và nội dung thể chỉ dẫn.</i> Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: HS đọc GV đọc mẫu GV điều chỉnh cách đọc cho HS Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. CH: Tại sao em cần đọc bài thơ như vậy? - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4. Chuẩn kiến thức. - GV và HS cùng đánh giá việc đọc văn bản.			I. Đọc - tìm hiểu chung 1. Đọc văn bản - Đọc VB <i>Mộ (Chiều tối)</i> - Đọc VB <i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i>																													
Thao tác 2: Tìm hiểu chung Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv yêu cầu HS chuẩn bị ở nhà những thông tin chung về bài thơ <i>Mộ (Chiều tối)</i>, <i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i> PHT 01: Tìm hiểu chung về hai bài thơ			2. Tìm hiểu chung a. Tác giả: Hồ Chí Minh b. Tác phẩm:																													
<table><tr><td>Đặc điểm</td><td>Bài thơ <i>Mộ (Chiều tối)</i></td><td>Bài thơ <i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i></td></tr><tr><td>Xuất xứ</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Thể loại</td><td></td><td></td></tr></table>			Đặc điểm	Bài thơ <i>Mộ (Chiều tối)</i>	Bài thơ <i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i>	Xuất xứ			Thể loại			<table><tr><td>Đặc điểm</td><td><i>Mộ (Chiều tối)</i></td><td><i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i></td></tr><tr><td>Xuất xứ</td><td>Là bài thơ số 30 trong tập <i>Ngục trung nhật kí</i></td><td>In trong <i>Thơ chủ tịch</i>, NXB Văn học, Hà Nội.</td></tr><tr><td>Thể loại</td><td colspan="2">Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật</td></tr><tr><td>Ngôn ngữ</td><td colspan="2">Chữ Hán</td></tr><tr><td>Đề tài</td><td>Chiều tối</td><td>Rằm tháng giêng</td></tr><tr><td>Bố cục</td><td>- Hai câu đầu: Thiên nhiên chiều tối. - Hai câu sau:</td><td>- Hai câu đầu: cảnh đêm trăng trên sông.</td></tr></table>			Đặc điểm	<i>Mộ (Chiều tối)</i>	<i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i>	Xuất xứ	Là bài thơ số 30 trong tập <i>Ngục trung nhật kí</i>	In trong <i>Thơ chủ tịch</i> , NXB Văn học, Hà Nội.	Thể loại	Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật		Ngôn ngữ	Chữ Hán		Đề tài	Chiều tối	Rằm tháng giêng	Bố cục	- Hai câu đầu: Thiên nhiên chiều tối. - Hai câu sau:	- Hai câu đầu: cảnh đêm trăng trên sông.
Đặc điểm	Bài thơ <i>Mộ (Chiều tối)</i>	Bài thơ <i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i>																														
Xuất xứ																																
Thể loại																																
Đặc điểm	<i>Mộ (Chiều tối)</i>	<i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i>																														
Xuất xứ	Là bài thơ số 30 trong tập <i>Ngục trung nhật kí</i>	In trong <i>Thơ chủ tịch</i> , NXB Văn học, Hà Nội.																														
Thể loại	Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật																															
Ngôn ngữ	Chữ Hán																															
Đề tài	Chiều tối	Rằm tháng giêng																														
Bố cục	- Hai câu đầu: Thiên nhiên chiều tối. - Hai câu sau:	- Hai câu đầu: cảnh đêm trăng trên sông.																														

Ngôn ngữ				Bức tranh sinh hoạt của con người nơi miền sơn cước	- Hai câu sau: Vẻ đẹp của con người.
Đề tài					
Bố cục					
Hoàn cảnh sáng tác					
Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ + Học sinh trả lời cá nhân + Giáo viên khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi HS trả lời. - Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức qua trình chiếu slide.			Hoàn cảnh sáng tác	Tác phẩm được viết vào khoảng những tháng đầu của thời gian Người bị cầm tù lần thứ 2 ở Trung Quốc (1942 - 1943), ở cuối chặng chuyển lao từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo.	Được sáng tác trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tại chiến khu Việt Bắc. Theo một số tư liệu, bài thơ được Hồ Chí Minh ứng tác sau một cuộc họp bàn về chiến dịch, giữa khung cảnh núi rừng.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02

Tìm hiểu thời điểm chiều tối và đêm trắng rằm tháng Giêng đến cảm xúc và tâm trạng của nhà thơ

Dựa vào hoàn cảnh sáng tác của mỗi tác phẩm, hãy chỉ ra tác động của thời điểm chiều tối và đêm trắng rằm tháng Giêng đến cảm xúc và tâm trạng của nhà thơ bằng cách điền vào PHT sau:

Bài thơ	Thời điểm	Tác động
<i>Mộ (Chiều tối)</i>		
<i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i>		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03:

Tìm hiểu hình tượng thơ và sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ

- Đọc lại hai văn bản và điền vào PHT sau:

Hình tượng thơ	<i>Mộ (Chiều tối)</i>	<i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i>
Bức tranh thiên nhiên và nghệ thuật miêu tả thiên nhiên		
Hình ảnh con người		

- Trong hai bài thơ *Mộ* và *Nguyên tiêu*, sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ được tác giả thể hiện như thế nào? Bạn có cảm nhận gì về cách nhìn của tác giả đối với chiều hướng phát triển của sự vật?

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 04:

Tìm hiểu cấu tứ thơ

Cấu tứ thơ	<i>Mộ</i>	<i>Nguyên tiêu</i>

Cách triển khai mạch cảm xúc		
Cách triển khai hình tượng		
Tư tưởng, chủ đề		

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 05 Tìm hiểu bút pháp hội họa đặc sắc, ngôn ngữ độc đáo của hai bài thơ		
	Mộ (Chiều tối)	Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)
Bút pháp hội họa đặc sắc		
Một số từ ngữ chưa diễn đạt hết sắc thái và hàm nghĩa của nguyên văn		

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm											
Thao tác 3: Khám phá văn bản * Hướng dẫn HS tìm hiểu về tác động của thời điểm chiều tối và đêm trăng rằm tháng giêng đến cảm xúc và tâm trạng của nhà thơ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv cho HS đọc VB, hỏi HS, yêu cầu HS hoạt động theo cặp đôi: - GV: CH: GV chiếu phiếu học tập số 02 - HS thảo luận nhóm theo cặp, thời gian 5 phút - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	II. Khám văn bản 1. Tác động của thời điểm chiều tối và đêm trăng rằm tháng giêng đến cảm xúc và tâm trạng của nhà thơ <table><tr><th>Bài thơ</th><th>Thời điểm</th><th>Tác động</th></tr><tr><td><i>Mộ (Chiều tối)</i></td><td>Chiều tối: - Theo “nhịp điệu của sự sống: thời khắc mà mọi dinh linh đều cần nghỉ ngơi. - Theo “chiều kích” của tầm mắt: là giới hạn dần khép lại - tĩnh tại - ngưng lặng của bóng đêm; “chim về tổ - người về nhà lại đúng quy luật thông thường”</td><td>Tâm thế của nhân vật trữ tình - nhà thơ - kẻ chịu gông xiềng/người chiến sĩ đang phải đối mặt với một hành trình không có điểm dừng, bị mất tự do. - Cảm xúc: Không rơi vào bi quan, bế tắc, cô đơn mà giữa khung cảnh núi rừng chiều tối là hình ảnh con người có tâm hồn rộng mở, phóng khoáng, mạnh mẽ</td></tr><tr><td><i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i></td><td>Rằm tháng giêng - đêm trăng tròn đầu tiên của một năm: thời điểm đặc biệt, gắn với ý niệm khởi đầu tốt lành của một vận hội mới. Sinh khí đất trời hoà điệu với tâm hồn và khát vọng của con người</td><td>Người chiến sĩ cách mạng đang bận bịu với việc quân, việc nước gian nguy của cuộc kháng chiến nhưng tâm hồn thanh khiết, phóng túng của nhà thơ luôn rộng mở đón những thanh âm tươi mới của một mùa xuân tràn đầy sức sống.</td></tr></table>			Bài thơ	Thời điểm	Tác động	<i>Mộ (Chiều tối)</i>	Chiều tối: - Theo “nhịp điệu của sự sống: thời khắc mà mọi dinh linh đều cần nghỉ ngơi. - Theo “chiều kích” của tầm mắt: là giới hạn dần khép lại - tĩnh tại - ngưng lặng của bóng đêm; “chim về tổ - người về nhà lại đúng quy luật thông thường”	Tâm thế của nhân vật trữ tình - nhà thơ - kẻ chịu gông xiềng/người chiến sĩ đang phải đối mặt với một hành trình không có điểm dừng, bị mất tự do. - Cảm xúc: Không rơi vào bi quan, bế tắc, cô đơn mà giữa khung cảnh núi rừng chiều tối là hình ảnh con người có tâm hồn rộng mở, phóng khoáng, mạnh mẽ	<i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i>	Rằm tháng giêng - đêm trăng tròn đầu tiên của một năm: thời điểm đặc biệt, gắn với ý niệm khởi đầu tốt lành của một vận hội mới. Sinh khí đất trời hoà điệu với tâm hồn và khát vọng của con người	Người chiến sĩ cách mạng đang bận bịu với việc quân, việc nước gian nguy của cuộc kháng chiến nhưng tâm hồn thanh khiết, phóng túng của nhà thơ luôn rộng mở đón những thanh âm tươi mới của một mùa xuân tràn đầy sức sống.
	Bài thơ	Thời điểm	Tác động									
	<i>Mộ (Chiều tối)</i>	Chiều tối: - Theo “nhịp điệu của sự sống: thời khắc mà mọi dinh linh đều cần nghỉ ngơi. - Theo “chiều kích” của tầm mắt: là giới hạn dần khép lại - tĩnh tại - ngưng lặng của bóng đêm; “chim về tổ - người về nhà lại đúng quy luật thông thường”	Tâm thế của nhân vật trữ tình - nhà thơ - kẻ chịu gông xiềng/người chiến sĩ đang phải đối mặt với một hành trình không có điểm dừng, bị mất tự do. - Cảm xúc: Không rơi vào bi quan, bế tắc, cô đơn mà giữa khung cảnh núi rừng chiều tối là hình ảnh con người có tâm hồn rộng mở, phóng khoáng, mạnh mẽ									
	<i>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</i>	Rằm tháng giêng - đêm trăng tròn đầu tiên của một năm: thời điểm đặc biệt, gắn với ý niệm khởi đầu tốt lành của một vận hội mới. Sinh khí đất trời hoà điệu với tâm hồn và khát vọng của con người	Người chiến sĩ cách mạng đang bận bịu với việc quân, việc nước gian nguy của cuộc kháng chiến nhưng tâm hồn thanh khiết, phóng túng của nhà thơ luôn rộng mở đón những thanh âm tươi mới của một mùa xuân tràn đầy sức sống.									
2. Hình tượng thơ và sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ												

Bước 4: Đánh giá kết quả - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. * Hướng dẫn HS tìm hiểu về hình tượng thơ và sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv cho HS đọc VB, hỏi HS, yêu cầu HS hoạt động theo nhóm: - GV: CH: GV chiếu phiếu học tập số 03 - HS thảo luận nhóm theo cặp, thời gian 5 phút, điền vào PHT: + Nhóm 1, 2: Tìm hiểu bức tranh thiên nhiên và nghệ thuật miêu tả thiên nhiên. + Nhóm 3, 4: Tìm hiểu hình ảnh con người. Câu hỏi chung 4 nhóm: Trong hai bài thơ, sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ được tác giả thể hiện như thế nào? Bạn có cảm nhận gì về cách nhìn của tác giả đối với chiều hướng phát triển của sự vật? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	a. Hình tượng thơ và nghệ thuật xây dựng hình tượng thơ <table><tr><th>Hình tượng thơ</th><th>Mộ (Chiều tối)</th><th>Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)</th></tr><tr><td>Bức tranh thiên nhiên và nghệ thuật miêu tả thiên nhiên</td><td> + Hình ảnh cánh chim một mình bay về tổ, gợi thời gian chiều tối, gợi nhịp điệu của cuộc sống tự nhiên ngậm ngùi đối lập với hình ảnh người tù bị giải đi trên con đường vô tận không biết đâu là điểm dừng. Hình ảnh chòm mây cô lẻ chậm chậm trôi qua bầu trời rộng lớn lúc trời chiều gợi cảm giác xa vắng, băng khuâng. + Từ ngữ đặc tả tâm trạng, gợi lên cái hồn của sự vật: dùng những từ vốn để chỉ trạng thái tinh thần, thể chất của con người để miêu tả thiên nhiên - <i>quyện, cô</i>... + Bút pháp chấm phá, tạo hình: đối ứng và nối tiếp giữa cái hữu hình và cái vô hình, cái hữu hạn và cái vô hạn </td><td> + Sự tinh tế và nhạy cảm của tác giả khi “nhắm bắt” vẻ đẹp của vầng trăng đúng vào đêm rằm tháng giêng: Vẻ đẹp, sức sống viên mãn của vầng trăng được nhìn theo nội tại của nó chứ không phải theo vẻ ngoài thuần túy. Sông xuân, nước xuân, trời xuân mở rộng không gian trong chiều vận động từ cận cảnh (mặt đất) đến viễn cảnh (bầu trời). + Từ ngữ chất lọc, biện pháp tu từ điệp ngữ: tạo ấn tượng về sự vận động và sức căng tràn, biểu thị tâm hồn tự do, phóng khoáng. + Nghệ thuật miêu tả bút pháp tạo hình: câu 1 nói đến sự vận động trong thời gian; câu 2 nói sự vận động trong không gian theo tầng, bậc tiếp nối, tạo ấn tượng về sức sống mùa xuân bao trùm vũ trụ </td></tr><tr><td>Hình ảnh con người</td><td> Bức tranh về cuộc sống con người được gợi lên từ những hình ảnh hết sức cụ thể, chân thực, thân thương + Thiếu nữ mỏi miết với công việc xay ngô, lò lửa rực cháy giữa đêm tối. + Người tù trên đường bị áp giải mệt mỏi, mất tự do nhưng không ta thán, bi lụy; toàn bộ thể giới tinh thần hướng về những cảnh tượng, hình ảnh cuộc sống xung quanh với tình cảm ấm áp, gần gũi => Trong cảnh ngộ đó, người tù vẫn thung dung, tự tại, nhạy cảm nhận ra những gì vốn nhỏ bé, khuất lấp </td><td> Người chiến sĩ bàn việc quân, việc nước => công việc chính trị khô khan khó có thể xuất hiện cảm hứng thơ ca nhưng trong câu thứ tư, khi việc quân tạm chấm dứt, con thuyền trở về, ánh trăng như một nhân vật thứ ba tràn xuống làm đầy thuyền => con thuyền quân sự biến thành “con thuyền thơ”, người chiến sĩ trở thành nhà thơ => Mối tương quan giữa người nghệ sĩ và người chiến sĩ. </td></tr></table>	Hình tượng thơ	Mộ (Chiều tối)	Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)	Bức tranh thiên nhiên và nghệ thuật miêu tả thiên nhiên	+ Hình ảnh cánh chim một mình bay về tổ, gợi thời gian chiều tối, gợi nhịp điệu của cuộc sống tự nhiên ngậm ngùi đối lập với hình ảnh người tù bị giải đi trên con đường vô tận không biết đâu là điểm dừng. Hình ảnh chòm mây cô lẻ chậm chậm trôi qua bầu trời rộng lớn lúc trời chiều gợi cảm giác xa vắng, băng khuâng. + Từ ngữ đặc tả tâm trạng, gợi lên cái hồn của sự vật: dùng những từ vốn để chỉ trạng thái tinh thần, thể chất của con người để miêu tả thiên nhiên - <i>quyện, cô</i>... + Bút pháp chấm phá, tạo hình: đối ứng và nối tiếp giữa cái hữu hình và cái vô hình, cái hữu hạn và cái vô hạn	+ Sự tinh tế và nhạy cảm của tác giả khi “nhắm bắt” vẻ đẹp của vầng trăng đúng vào đêm rằm tháng giêng: Vẻ đẹp, sức sống viên mãn của vầng trăng được nhìn theo nội tại của nó chứ không phải theo vẻ ngoài thuần túy. Sông xuân, nước xuân, trời xuân mở rộng không gian trong chiều vận động từ cận cảnh (mặt đất) đến viễn cảnh (bầu trời). + Từ ngữ chất lọc, biện pháp tu từ điệp ngữ: tạo ấn tượng về sự vận động và sức căng tràn, biểu thị tâm hồn tự do, phóng khoáng. + Nghệ thuật miêu tả bút pháp tạo hình: câu 1 nói đến sự vận động trong thời gian; câu 2 nói sự vận động trong không gian theo tầng, bậc tiếp nối, tạo ấn tượng về sức sống mùa xuân bao trùm vũ trụ	Hình ảnh con người	Bức tranh về cuộc sống con người được gợi lên từ những hình ảnh hết sức cụ thể, chân thực, thân thương + Thiếu nữ mỏi miết với công việc xay ngô, lò lửa rực cháy giữa đêm tối. + Người tù trên đường bị áp giải mệt mỏi, mất tự do nhưng không ta thán, bi lụy; toàn bộ thể giới tinh thần hướng về những cảnh tượng, hình ảnh cuộc sống xung quanh với tình cảm ấm áp, gần gũi => Trong cảnh ngộ đó, người tù vẫn thung dung, tự tại, nhạy cảm nhận ra những gì vốn nhỏ bé, khuất lấp	Người chiến sĩ bàn việc quân, việc nước => công việc chính trị khô khan khó có thể xuất hiện cảm hứng thơ ca nhưng trong câu thứ tư, khi việc quân tạm chấm dứt, con thuyền trở về, ánh trăng như một nhân vật thứ ba tràn xuống làm đầy thuyền => con thuyền quân sự biến thành “con thuyền thơ”, người chiến sĩ trở thành nhà thơ => Mối tương quan giữa người nghệ sĩ và người chiến sĩ.
Hình tượng thơ	Mộ (Chiều tối)	Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng)								
Bức tranh thiên nhiên và nghệ thuật miêu tả thiên nhiên	+ Hình ảnh cánh chim một mình bay về tổ, gợi thời gian chiều tối, gợi nhịp điệu của cuộc sống tự nhiên ngậm ngùi đối lập với hình ảnh người tù bị giải đi trên con đường vô tận không biết đâu là điểm dừng. Hình ảnh chòm mây cô lẻ chậm chậm trôi qua bầu trời rộng lớn lúc trời chiều gợi cảm giác xa vắng, băng khuâng. + Từ ngữ đặc tả tâm trạng, gợi lên cái hồn của sự vật: dùng những từ vốn để chỉ trạng thái tinh thần, thể chất của con người để miêu tả thiên nhiên - <i>quyện, cô</i>... + Bút pháp chấm phá, tạo hình: đối ứng và nối tiếp giữa cái hữu hình và cái vô hình, cái hữu hạn và cái vô hạn	+ Sự tinh tế và nhạy cảm của tác giả khi “nhắm bắt” vẻ đẹp của vầng trăng đúng vào đêm rằm tháng giêng: Vẻ đẹp, sức sống viên mãn của vầng trăng được nhìn theo nội tại của nó chứ không phải theo vẻ ngoài thuần túy. Sông xuân, nước xuân, trời xuân mở rộng không gian trong chiều vận động từ cận cảnh (mặt đất) đến viễn cảnh (bầu trời). + Từ ngữ chất lọc, biện pháp tu từ điệp ngữ: tạo ấn tượng về sự vận động và sức căng tràn, biểu thị tâm hồn tự do, phóng khoáng. + Nghệ thuật miêu tả bút pháp tạo hình: câu 1 nói đến sự vận động trong thời gian; câu 2 nói sự vận động trong không gian theo tầng, bậc tiếp nối, tạo ấn tượng về sức sống mùa xuân bao trùm vũ trụ								
Hình ảnh con người	Bức tranh về cuộc sống con người được gợi lên từ những hình ảnh hết sức cụ thể, chân thực, thân thương + Thiếu nữ mỏi miết với công việc xay ngô, lò lửa rực cháy giữa đêm tối. + Người tù trên đường bị áp giải mệt mỏi, mất tự do nhưng không ta thán, bi lụy; toàn bộ thể giới tinh thần hướng về những cảnh tượng, hình ảnh cuộc sống xung quanh với tình cảm ấm áp, gần gũi => Trong cảnh ngộ đó, người tù vẫn thung dung, tự tại, nhạy cảm nhận ra những gì vốn nhỏ bé, khuất lấp	Người chiến sĩ bàn việc quân, việc nước => công việc chính trị khô khan khó có thể xuất hiện cảm hứng thơ ca nhưng trong câu thứ tư, khi việc quân tạm chấm dứt, con thuyền trở về, ánh trăng như một nhân vật thứ ba tràn xuống làm đầy thuyền => con thuyền quân sự biến thành “con thuyền thơ”, người chiến sĩ trở thành nhà thơ => Mối tương quan giữa người nghệ sĩ và người chiến sĩ.								

	trong hiện thực => Nhà thơ - chiến sĩ Hồ Chí Minh vừa có bản lĩnh vừa có tâm hồn phong phú													
	b. Sự vận động của thời gian, của hình tượng thơ - Điểm chung giữa hình tượng không gian và thời gian trong hai bài thơ: + Điều tuân theo sự vận động khách quan: Bài <i>Mộ</i> từ chiều tối (chìm về tối) đến đêm và kết thúc với hình ảnh lò lửa. Bài <i>Nguyên tiêu</i> : từ tối (rằm tháng Giêng) đến đêm khuya mà người chiến sĩ vẫn bàn việc quân. + Thể hiện cách nhìn cuộc sống luôn hướng tới những điều lạc quan, chủ động nắm bắt cuộc sống, hài hoà, tinh tế với thiên nhiên. – Điểm khác nhau: + Thời gian tâm trạng của bài <i>Mộ</i> vận động khác với thời gian tự nhiên: từ bóng tối (xóm núi sơn cước) ra ánh sáng (lò lửa) . Thời gian tâm trạng của bài <i>Nguyên tiêu</i> hoà nhịp theo chiều của thời gian tự nhiên (vàng trăng hướng về con thuyền đang có người bàn việc quân). + Hình tượng thơ: Bài <i>Mộ</i> xuất phát từ không gian thiên nhiên (cánh chim, chòm mây) đến cảnh sinh hoạt của con người (thiếu nữ xay ngô). Bài <i>Nguyên tiêu</i> xuất phát từ thiên nhiên (trăng rằm, sông nước,...) đến cảnh hài hoà giữa thiên nhiên và con người (khói sóng vắng lặng có người bàn việc quân, thuyền về chờ đầy ngập ánh trăng tràn sức xuân). + Cách nhìn của tác giả đối với chiều hướng phát triển của sự vật: ++ Trong bài <i>Mộ</i> : từ thiên nhiên đến con người, từ viễn cảnh đến cận cảnh, từ ngoại cảnh đến tâm cảnh. Thế giới tâm hồn của con người thể hiện rõ qua việc nhà thơ luôn hướng về ánh sáng, về cuộc sống, dẫu là trong hoàn cảnh gian khổ nhất của thân phận. ++ Trong bài <i>Nguyên tiêu</i> : chủ động nắm bắt những biến chuyển cụ thể, vi tế của đời sống tạo vật; từ thiên nhiên đến con người; từ ngoại cảnh đến tâm cảnh. Tâm hồn thi nhân và phong thái người chiến sĩ thể hiện hài hoà, tinh tế.													
* Hướng dẫn HS tìm hiểu về cấu tứ thơ Tìm hiểu về hai câu đầu: HÌNH THỨC NHÓM BÀN Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv cho HS đọc VB, hỏi HS, yêu cầu HS hoạt động nhóm. - GV: chiếu Phiếu học tập số 04 . Tìm hiểu hai câu thơ đầu	3.Cấu tứ thơ <table> <tr> <th>Cấu tứ thơ</th><th><i>Mộ</i></th><th><i>Nguyên tiêu</i></th></tr> <tr> <td>Cách triển khai mạch cảm xúc</td><td>Giao hoà với thiên nhiên, hướng về phía ánh sáng.</td><td>Chủ động nắm bắt thiên nhiên.</td></tr> <tr> <td>Cách triển khai hình tượng</td><td colspan="2">Từ thiên nhiên đến con người.</td></tr> <tr> <td>Tư tưởng, chủ đề</td><td>Tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, ý chí vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt của nhà thơ chiến sĩ Hồ Chí Minh.</td><td>Tình cảm với thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung, lạc quan của Hồ Chí Minh.</td></tr> </table>		Cấu tứ thơ	<i>Mộ</i>	<i>Nguyên tiêu</i>	Cách triển khai mạch cảm xúc	Giao hoà với thiên nhiên, hướng về phía ánh sáng.	Chủ động nắm bắt thiên nhiên.	Cách triển khai hình tượng	Từ thiên nhiên đến con người.		Tư tưởng, chủ đề	Tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, ý chí vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt của nhà thơ chiến sĩ Hồ Chí Minh.	Tình cảm với thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung, lạc quan của Hồ Chí Minh.
Cấu tứ thơ	<i>Mộ</i>	<i>Nguyên tiêu</i>												
Cách triển khai mạch cảm xúc	Giao hoà với thiên nhiên, hướng về phía ánh sáng.	Chủ động nắm bắt thiên nhiên.												
Cách triển khai hình tượng	Từ thiên nhiên đến con người.													
Tư tưởng, chủ đề	Tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, ý chí vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt của nhà thơ chiến sĩ Hồ Chí Minh.	Tình cảm với thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng và phong thái ung dung, lạc quan của Hồ Chí Minh.												

- HS thảo luận nhóm, thời gian 4 phút - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.									
* Tìm hiểu bút pháp hội họa, ngôn ngữ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HOẠT ĐỘNG NHÓM— KỸ THUẬT KHĂN TRẢI BÀN - Giao nhiệm vụ cho các nhóm: thực hiện phiếu HT số 04 (GV chiếu phiếu lên, yêu cầu HS đọc đề xác định yêu cầu) + Nhóm 1, 2: Bút pháp hội họa đặc sắc. + Nhóm 3, 4: Ngôn ngữ độc đáo (so sánh bản dịch thơ và phiên âm) - Thời gian: 5 phút. Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ - Mỗi người ngồi vào vị trí theo kỹ thuật khăn trải bàn. - Tập trung vào câu hỏi (trong phiếu HT) - Viết vào ô mang số của bạn câu trả lời hoặc ý kiến của bạn (về câu hỏi trong	4. Bút pháp hội họa đặc sắc, ngôn ngữ độc đáo a. Bút pháp hội họa đặc sắc <table border="1" data-bbox="566 840 1477 1176"> <thead> <tr> <th><i>Mộ (Chiều tối)</i></th><th><i>Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)</i></th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td> - Đối lập giữa cái hữu hạn và vô hạn (cánh chim đơn lẻ – khung cảnh trời chiều, chòm mây cô đơn – không gian rộng lớn); - Thủ pháp “điểm nhãn”: tô đậm hình ảnh thiếu nữ và lò than cháy rực trong khung cảnh chiều tối miền sơn cước,... </td><td> - Bút pháp tạo hình miêu tả bức tranh (mùa xuân được nhìn từ cận cảnh đến viễn cảnh, nhiều tầng bậc); - Thủ pháp “hư – thực” (khói sóng hư ảo – con thuyền trắng chờ người bàn việc quân). </td></tr> </tbody> </table> b. Ngôn ngữ độc đáo Một số từ ngữ chưa diễn đạt hết sắc thái và hàm nghĩa của nguyên văn: <table border="1" data-bbox="566 1332 1477 2063"> <thead> <tr> <th><i>Mộ (Chiều tối)</i></th><th><i>Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)</i></th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td> - Các cụm từ <i>chim mỏi</i> và <i>chòm mây</i> chưa lột tả được ý nghĩa của các từ ngữ đặc tả <i>quyên, cô</i> trong nguyên văn, vốn là các từ biểu đạt rất sâu sắc trạng thái tâm lí của con người. - Từ <i>hồng</i> trong bản dịch thường được hiểu là màu hồng-một tính từ chỉ màu sắc; trong khi từ <i>hồng</i> trong nghĩa văn có nghĩa là đốt cháy, thấp lên, làm cho rực cháy lên,... </td><td> - Câu 1: Nguyên văn nhấn mạnh “thời điểm” và hình ảnh vàng trang đạt đến độ tròn đầy (<i>chính</i>: vừa đúng, vừa khấp; <i>viên</i>: tròn trịa, viên mãn). Bản dịch tuy đảm bảo được yêu cầu “nhã”, nhưng chỉ nhấn mạnh vẻ đẹp, ánh sáng bên ngoài. - Câu 2: Nguyên văn lặp lại từ <i>xuân</i> ba lần, với dụng ý nhấn mạnh vẻ xuân - sắc xuân - sức xuân của sông - nước - bầu trời; từ <i>tiếp</i> biểu thị sự vận động nối liền từ cận cảnh đến viễn cảnh. Bản dịch chưa thể hiện rõ điều này. - Câu 3: Cụm từ <i>giữa dòng</i> chưa biểu đạt được ý nghĩa của cụm từ <i>yên ba thâm xứ</i> (nơi khói sóng </td></tr> </tbody> </table>	<i>Mộ (Chiều tối)</i>	<i>Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)</i>	- Đối lập giữa cái hữu hạn và vô hạn (cánh chim đơn lẻ – khung cảnh trời chiều, chòm mây cô đơn – không gian rộng lớn); - Thủ pháp “điểm nhãn”: tô đậm hình ảnh thiếu nữ và lò than cháy rực trong khung cảnh chiều tối miền sơn cước,...	- Bút pháp tạo hình miêu tả bức tranh (mùa xuân được nhìn từ cận cảnh đến viễn cảnh, nhiều tầng bậc); - Thủ pháp “hư – thực” (khói sóng hư ảo – con thuyền trắng chờ người bàn việc quân).	<i>Mộ (Chiều tối)</i>	<i>Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)</i>	- Các cụm từ <i>chim mỏi</i> và <i>chòm mây</i> chưa lột tả được ý nghĩa của các từ ngữ đặc tả <i>quyên, cô</i> trong nguyên văn, vốn là các từ biểu đạt rất sâu sắc trạng thái tâm lí của con người. - Từ <i>hồng</i> trong bản dịch thường được hiểu là màu hồng-một tính từ chỉ màu sắc; trong khi từ <i>hồng</i> trong nghĩa văn có nghĩa là đốt cháy, thấp lên, làm cho rực cháy lên,...	- Câu 1: Nguyên văn nhấn mạnh “thời điểm” và hình ảnh vàng trang đạt đến độ tròn đầy (<i>chính</i>: vừa đúng, vừa khấp; <i>viên</i>: tròn trịa, viên mãn). Bản dịch tuy đảm bảo được yêu cầu “nhã”, nhưng chỉ nhấn mạnh vẻ đẹp, ánh sáng bên ngoài. - Câu 2: Nguyên văn lặp lại từ <i>xuân</i> ba lần, với dụng ý nhấn mạnh vẻ xuân - sắc xuân - sức xuân của sông - nước - bầu trời; từ <i>tiếp</i> biểu thị sự vận động nối liền từ cận cảnh đến viễn cảnh. Bản dịch chưa thể hiện rõ điều này. - Câu 3: Cụm từ <i>giữa dòng</i> chưa biểu đạt được ý nghĩa của cụm từ <i>yên ba thâm xứ</i> (nơi khói sóng
<i>Mộ (Chiều tối)</i>	<i>Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)</i>								
- Đối lập giữa cái hữu hạn và vô hạn (cánh chim đơn lẻ – khung cảnh trời chiều, chòm mây cô đơn – không gian rộng lớn); - Thủ pháp “điểm nhãn”: tô đậm hình ảnh thiếu nữ và lò than cháy rực trong khung cảnh chiều tối miền sơn cước,...	- Bút pháp tạo hình miêu tả bức tranh (mùa xuân được nhìn từ cận cảnh đến viễn cảnh, nhiều tầng bậc); - Thủ pháp “hư – thực” (khói sóng hư ảo – con thuyền trắng chờ người bàn việc quân).								
<i>Mộ (Chiều tối)</i>	<i>Nguyên tiêu (Rằm tháng Giêng)</i>								
- Các cụm từ <i>chim mỏi</i> và <i>chòm mây</i> chưa lột tả được ý nghĩa của các từ ngữ đặc tả <i>quyên, cô</i> trong nguyên văn, vốn là các từ biểu đạt rất sâu sắc trạng thái tâm lí của con người. - Từ <i>hồng</i> trong bản dịch thường được hiểu là màu hồng-một tính từ chỉ màu sắc; trong khi từ <i>hồng</i> trong nghĩa văn có nghĩa là đốt cháy, thấp lên, làm cho rực cháy lên,...	- Câu 1: Nguyên văn nhấn mạnh “thời điểm” và hình ảnh vàng trang đạt đến độ tròn đầy (<i>chính</i>: vừa đúng, vừa khấp; <i>viên</i>: tròn trịa, viên mãn). Bản dịch tuy đảm bảo được yêu cầu “nhã”, nhưng chỉ nhấn mạnh vẻ đẹp, ánh sáng bên ngoài. - Câu 2: Nguyên văn lặp lại từ <i>xuân</i> ba lần, với dụng ý nhấn mạnh vẻ xuân - sắc xuân - sức xuân của sông - nước - bầu trời; từ <i>tiếp</i> biểu thị sự vận động nối liền từ cận cảnh đến viễn cảnh. Bản dịch chưa thể hiện rõ điều này. - Câu 3: Cụm từ <i>giữa dòng</i> chưa biểu đạt được ý nghĩa của cụm từ <i>yên ba thâm xứ</i> (nơi khói sóng								

phiếu) Mỗi cá nhân làm việc độc lập trong khoảng vài phút

- Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất các câu trả lời

- Viết những ý kiến chung của cả nhóm vào ô giữa tấm khăn trải bàn (giấy A0)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu thành viên từng nhóm cùng chia sẻ kết quả thảo luận của mình với nhóm. Sau đó, đại diện nhóm đứng lên báo cáo trình bày.

- Đại diện 1 nhóm đứng lên trình bày.

- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.

Bước 4. Chuẩn kiến thức.

- Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm.

GV chốt lại kiến thức.

*** Tìm hiểu dấu ấn của phong cách cổ điển trong mỗi tác phẩm**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS suy nghĩ cá nhân: Chỉ ra dấu ấn của phong cách cô điển trong mỗi tác phẩm

(Có thể gọi mở về thể thơ, ngôn ngữ; thi liệu, hình ảnh; bút pháp nghệ thuật;...)

heo hút tĩnh lặng) trong nguyên văn.

- Câu 4: Nguyên văn nhấn mạnh động thái trắng trợn xuống làm đầy ắp con thuyền bàn việc quân; còn bản dịch nhấn mạnh vẻ đẹp đầy tính nhạc (*trắng ngân*) vốn không có trong nguyên văn.

5. Dấu ấn phong cách cổ điển thể hiện trong hai bài thơ

Mô	Nguyên tiêu
Dấu ấn phong cách cổ điển biểu hiện rõ nét qua: - Thể thơ tứ tuyệt Đường luật, ngôn ngữ cô đọng, hàm súc. - Thi liệu, hình ảnh - không gian - thời gian ít nhiều có yếu tố ước lệ (không - thời gian trời chiều, hình ảnh chim bay về núi,...) - Bút pháp đối lập (cái hữu hạn và cái vô hạn, cái hữu hình và cái vô hình,...), đặc tả nội tâm (dùng từ ngữ chỉ tâm thế tồn tại của con người để miêu tả thế giới tự nhiên)	Dấu ấn phong cách cổ điển biểu hiện rõ nét qua: - Thể thơ tứ tuyệt Đường luật, ngôn ngữ cô đọng, hàm súc. - Thi liệu, hình ảnh có tính chất ước lệ (vàng trăng, mùa xuân, sông nước, khói sóng,...), có những hình ảnh có thể quan niệm là điển cố (<i>yên bá thâm xứ</i>) - Bút pháp đồng nhất hình ảnh con người và vũ trụ. - Nghệ thuật chấm phá, đặc tả của hội họa phương Đông

Bước 2: thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo kết quả; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập HS trao đổi theo cặp trong bàn: - <i>Rút ra những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động thảo luận theo cặp. GV quan sát, khích lệ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	4. Tổng kết 4.1. Nghệ thuật - Cả 2 bài thơ viết bằng chữ Hán, theo thể thơ tứ tuyệt Đường luật: câu chữ cô đọng hàm súc, rất gần gũi với những bài thơ thời Đường, thời Tống nhưng cũng rất hiện đại với tứ thơ độc đáo, nhiều hình ảnh gợi cảm, sáng tạo - Hình ảnh đặc sắc, sử dụng các phép đối, điệp gợi hình gợi cảm. 4.2. Nội dung - Bài thơ <i>Mộ</i> cho thấy vẻ đẹp của một tâm hồn, một nhân cách lớn, vừa rất nghệ sĩ, vừa có bản lĩnh phi thường của người chiến sĩ vĩ đại. Đó là tình yêu thiên nhiên đến mê say và phong thái ung dung của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay trong cảnh ngục tù cực khổ, tối tăm. - Bài thơ <i>Nguyên tiêu</i> cho thấy sự giao hoà giữa tâm hồn người nghệ sĩ và người chiến sĩ. Trong bối cảnh đất nước gian nguy, nhà thơ bận bịu với việc quân việc nước nhưng vẫn luôn rộng mở đón nhận những thanh âm tươi mới của cuộc sống.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Khái quát lại các đặc điểm thể loại của văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ: Trò chơi “Hái lộc đầu xuân”

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm nhanh thông qua trò chơi “Hái lộc đầu xuân”.

Gợi ý nhóm câu hỏi:

Câu 1. Bài thơ *Mộ* và *Nguyên tiêu* (bản phiên âm) được viết theo thể thơ nào?

A. Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

- B. Thất ngôn bát cú Đường luật
- C. Thất ngôn trường thiên
- D. Lục bát

Câu 2. Điểm chung về cách triển khai hình tượng thơ của hai bài thơ:

- A. Từ con người đến thiên nhiên

B. Từ thiên nhiên đến con người

- C. Thiên nhiên và con người song hành

- D. Chỉ tập trung vào hình tượng thiên nhiên, con người lu mờ trước thiên nhiên.

Câu 3. Đáp án nào đúng khi nói về hoàn cảnh của nhân vật trữ tình trong bài *Mộ*?

- A. Một người đi làm ăn xa quê

- B. Một con người đang bàn việc quân, việc nước

- C. Một con người yêu trăng

D. Một con người đang trong hoàn cảnh gông tù, xiềng xích

Câu 4. Bút pháp hội họa đặc sắc trong bài *Nguyên Tiêu* được thể hiện qua điều gì?

- A. Đối lập giữa cái hữu hạn và vô hạn, thủ pháp “điểm nhãn”

B. Bút pháp tạo hình miêu tả bức tranh, thủ pháp “hư - thực”

- C. Bút pháp tả cảnh ngụ tình

- D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 5. Nhận định nào đúng khi khái quát về hoàn cảnh sáng tác của hai bài thơ?

- A. Cả hai bài thơ đều được sáng tác khi nhà thơ đang bị bắt giam tại nhà tù Tưởng Giới Thạch.

- B. Cả hai bài thơ đều được sáng tác khi nhà thơ đang lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp tại chiến khu Việt Bắc.

C. Bài thơ *Mộ* được sáng tác khi nhà thơ đang bị bắt giam trong nhà tù Tưởng Giới Thạch, còn bài *Nguyên tiêu* được sáng tác trong giai đoạn đầu của kháng chiến chống Pháp

- D. Bài thơ *Nguyên tiêu* được sáng tác khi nhà thơ đang bị bắt giam trong nhà tù Tưởng Giới Thạch, còn bài *Mộ* được sáng tác trong giai đoạn đầu của kháng chiến chống Pháp

Câu 6. Hình ảnh *trăng đầy thuyền* trong bài *Nguyên tiêu* gợi cho chúng ta điều gì về mối tương quan giữa người chiến sĩ và người nghệ sĩ ở nhân vật trữ tình.

- A. Người chiến sĩ và người nghệ sĩ tách biệt, không có sự tương quan

- B. Người chiến sĩ là chính, người nghệ sĩ bị mờ nhạt trong hoàn cảnh đất nước lâm nguy

C. Người chiến sĩ và người nghệ sĩ hài hoà, đồng điệu

- D. Người nghệ sĩ luôn thường trực, người chiến sĩ bị lu mờ trước cảnh đẹp của trăng

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tham gia trò chơi.

- GV động viên, khích lệ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV công bố đáp án đúng.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV công bố đội chiến thắng, chuẩn kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

b. Nội dung: HS làm bài tập sáng tạo

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Làm việc cá nhân

Yêu cầu: Nhà phê bình văn học Hoài Thanh nhận xét “*Thơ bác đầy trăng*”. Hãy tìm những bài thơ khác của Bác viết về trăng và cho biết *trăng* trong bài “*Nguyên tiêu*” và hình ảnh trăng được thể hiện trong các bài thơ khác của Bác có gì đáng chú ý?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá:

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.

- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Gợi ý:

- HS trình bày cách hiểu theo nhiều cách, đảm bảo đủ các ý sau:
- Nhận định của Hoài Thanh: Nhận xét của Hoài Thanh “Thơ bác đầy trăng” có thể hiểu là trong thơ bác có nhiều bài viết về trăng và những cảnh trăng trong thơ của Người được miêu tả rất đẹp và đầy ấn tượng. Các bài thơ tiêu biểu của Người viết về đề tài trăng như: *Rằm tháng giêng*, *Ngắm trăng (Vọng nguyệt)*, *Trung thu*, *Đêm thu*, *Tin thắng trận*, *Cảnh khuya*, ...
- So với các sáng tác trên, trăng trong *Rằm tháng giêng* là vàng trắng tràn tràn đầy, ánh trăng lồng lộng tràn ngập cả bầu trời đầy ắp sắc xuân. Cuộc ngắm trăng trong *Vọng nguyệt* diễn ra trong khung cảnh tù đầy giống như một cuộc ngắm trăng ở trong các bài thơ trong *Nhật kí trong tù*. Và có thể nói hình ảnh trăng ở mỗi bài thơ của bác mỗi khác. Trong *Cảnh khuya* là trăng đẹp tươi kì ảo giống như một bức tranh sơn mài lồng lộng. Tất cả là do Hồ Chí Minh của một tâm hồn nghệ sĩ luôn rộng mở, giao hòa với trăng – một biểu tượng cho cái đẹp tuyệt vời, vĩnh cửu của vũ trụ.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm tác phẩm thơ trữ tình của Hồ Chí Minh
- Chuẩn bị: Văn bản 5: *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* (Nguyễn Ái Quốc)

Tiết: 61, 62

VĂN BẢN 5:

NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VA-REN VÀ PHAN BỘI CHÂU

- Nguyễn Ái Quốc -

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- HS vận dụng được những hiểu biết về tác gia Hồ Chí Minh để đọc hiểu một truyện ngắn của Người; nhận biết và phân tích được quan điểm nghệ thuật của tác giả và những giá trị lịch sử văn hoá thể hiện trong tác phẩm.
- HS vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm cuộc sống và tri thức văn học để đánh giá, phê bình, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ cá nhân về một truyện ngắn hiện đại.
- HS biết nhận xét nội dung bao quát của văn bản, phân tích được các chi tiết tiêu biểu; biết đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp.
- HS có lòng ngưỡng mộ, học tập những con người biết xả thân vì đất nước, dân tộc.

2. Phẩm chất

HS có lòng ngưỡng mộ, học tập những con người biết xả thân vì đất nước, dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.
2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu: Kết nối tri thức cũ. Tạo hứng thú. Tạo ra mâu thuẫn nhận thức.
- b. Nội dung hoạt động: Trò chơi ô chữ
- c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về Phan Bội Châu và Va-ren. Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời Bước 4: Đánh giá, kết luận Gợi ý sản phẩm:	- Câu trả lời của HS

* Phan Bội Châu: - Tiểu sử: + Tên thật là Phan Văn San, hiệu Sào Nam. + Quê: huyện Nam Đàn, Nghệ An. + Ông nổi tiếng thông minh từ nhỏ, sớm nung nấu con đường cứu nước theo tư tưởng mới. + 1904, ông cùng 20 chiến sĩ thành lập hội Duy tân chống Pháp. + 1905, ông là người mở đường cho phong trào Đông Du, thành lập Việt Nam Quang phục hội + 1925, ông bị thực dân Pháp bắt và kết án tù chung thân * Sự nghiệp văn học: - Ông là cây bút xuất sắc của văn chương Cách mạng. Các tác phẩm chính: “Việt Nam vong quốc sử”, “Hải ngoại huyết thư”, “Ngục trung thư”, “Trùng Quang tâm sử”, “Phan Sào Nam văn tập”, “Phan Bội Châu niên biểu”,.... - Phong cách sáng tác: Văn chương ông có hình thức cổ điển nhưng vẫn mới mẻ. Đó là vũ khí để tuyên truyền cổ động, thơ văn ông đã làm rung động biết bao con tim yêu nước. * Alexandre Varenne (phiên âm tiếng việt: A-léc-xăng Va-ren), (1870 - 1947) là một nhà báo và <u>chính trị gia</u> người Pháp. Ông cũng là người sáng lập tờ báo <i>La Montagne</i>. - Ông sinh tại <u>Clermont-Ferrand, Pháp</u>, sang nhậm chức <u>Toàn quyền ở Đông Dương</u> vào ngày 28 tháng 07 năm 1925 lúc 55 tuổi. - Ông từng là đảng viên <u>Đảng Xã hội Pháp</u>. Khi toàn quyền Merlin bị nhà cách mạng <u>Phạm Hồng Thái</u> thuộc <u>Việt Nam Quang phục hội</u> giết hụt ở Sa Diện, Quảng Đông (Trung Quốc) thì Paris cử Varenne sang chấp chính hầu xoa dịu tình hình ở Đông Dương. GV dẫn vào bài: Phan Bội Châu và Va-ren là hai nhân vật chính của truyện ngắn <i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu</i> - một trong những truyện ngắn tiêu biểu của Nguyễn Ái Quốc. Và đó cũng chính là truyện ngắn mà cô trò chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay!	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc và tìm hiểu chung

a. Mục tiêu:

- Nắm được những nét chung về tác phẩm *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*
- Biết đọc hiểu một truyện ngắn qua văn bản *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*

b. Nội dung hoạt động: HS chuẩn bị trước ở nhà, thảo luận cặp đôi để tìm hiểu kiến thức chung về tác phẩm và đoạn trích.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm
Bước 1: GV giao nhiệm vụ (1) Hướng dẫn HS đọc truyện: Giọng đọc rõ ràng, dứt khoát, đôi chỗ mỉa mai, chế nhạo; chú ý lời đối thoại của các nhân vật, và thái độ của người kể. - Gv yêu cầu một số HS đọc VB. (2) Dựa vào sự hiểu biết của bản thân và thông tin trong sgk, các em hãy giới thiệu với bạn bên cạnh em	I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Đọc, tìm hiểu từ khó 2. Tìm hiểu chung a. Tác giả: Nguyễn Ái Quốc, tên gọi của Hồ Chí Minh, lúc Người hoạt động cách mạng tại Pháp. b. Truyện ngắn <i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu</i>

những nét cơ bản nhất về truyện ngắn *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01

- Giới thiệu các thông tin cơ bản về tác phẩm *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* (xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, thể loại, ...)

Xuất xứ	
Hoàn cảnh sáng tác	
Thể loại	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc VB
- HS trao đổi đưa ra câu trả lời
- GV quan sát HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 1-2 HS giới thiệu về tác giả, tác phẩm trước lớp
- HS khác bổ sung

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chốt kiến thức

- **Xuất xứ:** được tác giả viết bằng tiếng Pháp, đăng trên báo *Người cùng khổ* (*Le Paria*), số 36 - 37, tháng 9, 10/1925 với bút danh Nguyễn Ái Quốc

- **Hoàn cảnh sáng tác:** Tác phẩm ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt:

+ Năm 1925, ở Việt Nam, phong trào yêu nước chống thực dân Pháp có những hoạt động sôi nổi. Phan Bội Châu, một chí sĩ yêu nước bị chính quyền thực dân Pháp bắt cóc ngày 30/6/1925 tại Thượng Hải (Trung Quốc) rồi giải về Việt Nam để kết án tử hình. Sự kiện này đã làm dấy lên phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu phát triển trong cả nước Việt Nam, sẵn sàng gây sức ép lớn cho chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương. Trong khi đó, Va-ren từng là Đảng viên Đảng xã hội Pháp nhưng bị cho là đã phản bội quyền lợi của giai cấp công nhân để leo lên những chức vụ cao. Khi toàn quyền Méc-lanh (Merlin) bị nhà yêu nước Phạm Hồng Thái giết hụt ở Sa Diện, Quảng Đông (Trung Quốc) thì Chính phủ Pháp cử Va-ren đảm nhiệm chức vụ Toàn quyền Đông Dương để xoa dịu tình hình.

+ Lúc này, Nguyễn Ái Quốc cùng một số nhà hoạt động cách mạng của các nước thuộc địa đag tích cực tuyên truyền chống chủ nghĩa thực dân trên các diễn đàn công khai, ngay tại Pa-ri (Paris). Ra đời từ tháng 4/1922, báo *Người cùng khổ*, ra hàng tháng, mỗi số in hàng ngàn bản, là “diễn đàn của nhân dân các nước thuộc địa”, đăng tải những bài viết tố cáo tội ác của chủ nghĩa thực dân và kêu gọi nhân dân các nước thuộc địa đoàn kết đấu tranh. Là một trong những người sáng lập, kiêm chủ nhiệm và chủ bút, Nguyễn Ái Quốc đã đăng khoảng 40 bài trên tờ báo tiếng Pháp này.

+ Trước những sự kiện quan trọng của phong trào cách mạng Việt Nam khi ấy, Nguyễn Ái Quốc đã kể một câu chuyện đậm chất trào lộng, “bằng đôi cánh của trí tưởng tượng”, để góp tiếng nói từ thủ đô Pháp ủng hộ phong trào đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu ở Việt Nam.

- **Thể loại:** Truyện ngắn

2. 2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết, phân tích và đánh giá được một số yếu tố về hình thức (các chi tiết tiêu biểu, sự kết nối giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu); nội dung (đề tài, chủ đề, tư tưởng, triết lí nhân sinh; cảm hứng trào lộng) của truyện ngắn *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*;

- Phân tích được quan điểm, tài năng viết truyện ngắn của Nguyễn Ái Quốc.

- Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản văn học trong việc làm thay đổi suy nghĩ, tình cảm, cách nhìn và cách đánh giá của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.

b. Nội dung hoạt động: HS chuẩn bị trước ở nhà, thảo luận cặp đôi để tìm hiểu kiến thức chung về tác phẩm và đoạn trích.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/ Dự kiến sản phẩm												
Nhiệm vụ 1. Hướng dẫn HS tìm hiểu bố cục, cốt truyện và tình huống truyện <i>Vĩ hành</i> HD cặp đôi GV giao nhiệm vụ: Em hãy đọc lướt truyện để xác định các nội dung yêu cầu của tác phẩm theo phiếu học tập số 02: PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02 - Nêu nội dung cơ bản của mỗi phần trong văn bản. - Truyện viết về những sự việc gì và có những nhân vật nào? - Tình huống của truyện <i>Những trò lố</i> hay là <i>Va-ren</i> và <i>Phan Bội Châu</i> độc đáo như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tiến hành đọc cá nhân. - Xác định bố cục và nội dung của mỗi phần, chỉ ra các nhân vật, nhận xét về tình huống truyện theo các cặp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện các cặp nêu lên thứ tự các bố cục, nhân vật, tình huống truyện (GV gọi từ 2-3 HS) Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu cảm hứng trào lộng thể hiện qua tác phẩm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: HD cá nhân PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03 Tìm hiểu cảm hứng trào lộng được thể hiện qua tác phẩm - Nêu khái niệm cảm hứng trào lộng. - Hoàn thiện các phương diện thể hiện cảm hứng trào lộng bằng việc hoàn thiện sơ đồ sau: Xây dựng tình huống Xây dựng nhân vật Nhan đề Ngôn ngữ, giọng điệu Cảm hứng trào lộng	II. Đọc hiểu văn bản 1. Bố cục, cốt truyện và tình huống truyện a. Bố cục: <table><tr><th>Phần</th><th>Nội dung mạch truyện</th></tr><tr><td>1 Từ đầu đến “giam trong tù”</td><td>Mở đầu</td></tr><tr><td>2 Từ “Đến Sài Gòn” đến “vẫn nằm tù”</td><td>Trò lố 1: Va-ren tuần du Sài Gòn</td></tr><tr><td>3 Từ “Tù Sài Gòn” đến “vẫn nằm tù”</td><td>Trò lố 2: Triều đình Huế nghênh tiếp Va-ren</td></tr><tr><td>4 Từ “Nhưng chúng ta” đến “hiểu Phan Bội Châu”</td><td>Trò lố 3: Va-ren vào nhà giam thuyết phục Phan Bội Châu hợp tác.</td></tr><tr><td>5 Từ “Cuộc gặp gỡ” đến hết</td><td>Kết thúc</td></tr></table> - Cốt truyện: + Sự việc chính: Truyện viết về sự việc Va-ren sang An Nam nhậm chức Toàn quyền Đông Dương và cuộc gặp gỡ với Phan Bội Châu. + Nhân vật: ++ Nhân vật chính: Va-ren và Phan Bội Châu ++ Nhân vật phụ: dân chúng và triều đình An Nam. - Tình huống truyện: Cuộc gặp gỡ của Va-ren - Toàn quyền Đông Dương và Phan Bội Châu - tù nhân, chí sĩ yêu nước. 2. Cảm hứng trào lộng thể hiện qua tác phẩm a. Khái niệm cảm hứng trào lộng - Cảm hứng trào lộng gắn với sự thôi thúc bên trong của người viết muốn bóc trần thực chất của sự vật, sự việc trên một phương diện nào đó bằng tiếng cười gồm nhiều sắc thái. - Cảm hứng trào lộng được thể hiện khác nhau tùy theo phong cách nghệ thuật của từng nhà văn và tùy theo thể loại được sử dụng. b. Biểu hiện của cảm hứng trào lộng qua tác phẩm - Nhan đề: hạ bệ một sự kiện chính trị thành “những trò lố” nực cười. - Xây dựng tình huống: tưởng tượng về cuộc gặp gỡ giữa hai bên, hai lực lượng đối địch. - Xây dựng nhân vật: dựng một chân dung hí họa về quan toàn quyền Đông Dương. - Ngôn ngữ, giọng điệu: châm biếm, giễu nhại.	Phần	Nội dung mạch truyện	1 Từ đầu đến “giam trong tù”	Mở đầu	2 Từ “Đến Sài Gòn” đến “vẫn nằm tù”	Trò lố 1: Va-ren tuần du Sài Gòn	3 Từ “Tù Sài Gòn” đến “vẫn nằm tù”	Trò lố 2: Triều đình Huế nghênh tiếp Va-ren	4 Từ “Nhưng chúng ta” đến “hiểu Phan Bội Châu”	Trò lố 3: Va-ren vào nhà giam thuyết phục Phan Bội Châu hợp tác.	5 Từ “Cuộc gặp gỡ” đến hết	Kết thúc
Phần	Nội dung mạch truyện												
1 Từ đầu đến “giam trong tù”	Mở đầu												
2 Từ “Đến Sài Gòn” đến “vẫn nằm tù”	Trò lố 1: Va-ren tuần du Sài Gòn												
3 Từ “Tù Sài Gòn” đến “vẫn nằm tù”	Trò lố 2: Triều đình Huế nghênh tiếp Va-ren												
4 Từ “Nhưng chúng ta” đến “hiểu Phan Bội Châu”	Trò lố 3: Va-ren vào nhà giam thuyết phục Phan Bội Châu hợp tác.												
5 Từ “Cuộc gặp gỡ” đến hết	Kết thúc												

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ
GV quan sát, khích lệ HS

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 1 nhóm đại diện trình bày
Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, chốt kiến thức

Nhiệm vụ 3. Hướng dẫn HS tìm hiểu chân dung hí hoạ của quan toàn quyền Đông Dương Va-ren

HD nhóm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV giao nhiệm vụ chung cho 3 nhóm.

PHT 04

Nhóm 1, 2: Tìm hiểu lời hứa của Va-ren, tìm hiểu Va-ren và dân chúng, Va-ren và triều đình An Nam

1. Lời hứa của Va-ren:

- Lời hứa của Va-ren:.....
- Thực chất của lời hứa:.....
- Lời bình của tác giả:

=> Nhận xét:.....

2. Va-ren và dân chúng

- Hành động “tuần du” của Va-ren thể
hiện.....

- Trong cuộc “tuần du”, cái nhìn của
Va-ren với thành phố Đông
Dương.....

- Thái độ của dân chúng:.....

=> Nhận xét:.....

3. Va-ren và triều đình An Nam

- Sự ghen ghét của triều đình An
Nam:.....

- Nhận xét:

3. Chân dung hí hoạ của quan toàn quyền Đông Dương Va-ren

- Lời hứa của Va-ren với Phan Bội Châu

+ Lời hứa của Va-ren: Va-ren hứa chính thức hứa sẽ chăm
sóc vụ Phan Bội Châu

=> Lời hứa mập mờ, chứa đựng sự hài hước, mỉa mai.

+ Thực chất của lời hứa: ngài chỉ muốn chăm sóc đến khi nào
ngài yên vị thật xong xuôi bên ấy đã.

=> Cui lời hứa không quan trọng bằng việc ổn định công
việc, địa vị của mình.

+ Lời bình của tác giả: liệu quan Toàn quyền Pháp Va-ren sẽ
“chăm sóc” vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao.

=> Sử dụng hàng loạt các từ nghi vấn, qua đó cho thấy thái
độ mỉa mai, giễu cợt của tác giả.

- Va-ren và dân chúng:

+ Va-ren đi “tuần du” Sài Gòn => “tuần du” vốn là hoạt
động của nhà vua, được tác giả gắn với hoạt động của Va-ren
để tỏ ý châm biếm, xem Va-ren chẳng khác gì một ông vua
ở xứ thuộc địa.

+ Trong cuộc tuần du, Va-ren thấy cái huyền diệu của một
thành phố Đông Dương: những culi xe kéo xe tay phóng cất
lực..., những quả dưa hấu bổ phanh...những xôi nếp nướng
lừng lừng, cái rộn một chú khách, một viên quan uể oải bước
qua => Dưới con mắt của Va-ren, quang cảnh lộn xộn, nhốn
nháo, mông muội

+ Dân chúng: sự chỉ trích, lời nói cho thấy Va-ren mang tướng
mạo bất lương, trang phục kì dị.

=> Châm biếm trò tuần du mỉa mai của Va-ren.

- **Va-ren và triều đình An Nam:** Triều đình An Nam ghen
ghét Va-ren một cách long trọng: thăm hoàng cung, dự yến,
tặng thưởng

=> Sự nhu nhược của triều đình phong kiến và sự hợm hĩnh
của Va-ren đã tạo nên cảnh mỉa mai trong truyện.

- Nhóm 1: Tìm hiểu về điểm nhìn: Câu chuyện tưởng tượng về việc Va-ren sang Việt Nam nhậm chức và gặp Phan Bội Châu được kể từ những điểm nhìn nào? Việc tạo ra sự đa dạng về điểm nhìn có tác dụng gì? - Nhóm 2: Nêu cảm nhận về ngôn ngữ, giọng điệu của tác phẩm. - Nhóm 3: Phân kết thúc của truyện độc đáo ở những phương diện nào? (Gợi ý: Lạ, mới, bất ngờ). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ GV quan sát, khích lệ HS Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 1 nhóm đại diện trình bày Các nhóm khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức	+ Phần 1: Ngôi kể vô nhân xưng kết hợp với ngôi kể “chúng ta” thể hiện điểm nhìn của độc giả và những người cùng chí hướng đang hoạt động ở Pa-ri. + Phần 2: Câu chuyện được tiếp nối với nhiều điểm nhìn: điểm nhìn của Va-ren (lần đầu tiên được thấy một thành phố Đông Dương); điểm nhìn của người quan sát và kể chuyện (“Bỗng tất cả dừng lại...”); điểm nhìn của đám đông dân chúng (“Gi thế thì?...điểm nhìn của chú bé con, chị con gái, anh sinh viên, bác cu li xe, nhà Nho. + Phần 3: Ngôi thứ 3 (vô nhân xưng) - điểm nhìn của người kể chuyện. + Phần 4: Ngôi thứ nhất (“chúng ta”) - điểm nhìn của tác giả + Phần 5: Điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn của anh lính đồng, điểm nhìn của “nhân chứng thứ hai”. => Việc tạo ra sự đa dạng về điểm nhìn làm cho câu chuyện được kể một cách tự nhiên, sinh động, gợi ra nhiều tầng nghĩa. Chẳng hạn: Từ điểm nhìn của Va-ren, xứ thuộc địa hiện diện toàn những cảnh “nhón nháo”, mông muội. Nhưng từ điểm nhìn của người dân Việt Nam thì Va-ren mang tướng mạo bất lương, trang phục kì dị,...Qua đó, tình trạng xung đột giữa các lực lượng xã hội hiện ra cụ thể và khách quan hơn là chỉ tường thuật từ điểm nhìn của người kể chuyện. b. Ngôn ngữ, giọng điệu Lời văn châm biếm đã góp phần làm nên màu sắc trào lộng độc đáo của tác phẩm: - Nhại: “sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu”. - Ngôn ngữ miêu tả mang sắc thái châm biếm: “hai con mắt của ông Va-ren được thấy hiển hiện cái huyền diệu của một thành phố Đông Dương”; “đôi bàn chân trần giẫm lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng”; “những quả dưa hấu bỏ phanh đỏ lòm lòm”; “những xương lụng lụng lụng dưới mái hiên”. - Nói mỉa: “ông Va-ren đã nửa chính thức hứa”. - Trùng điệp: “vẫn bị giam trong tù”, “vẫn nằm tù”,... - Nghịch ngữ: “Ông hứa thế; giả thử cứ cho rằng một vị Toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chẳng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi”. - Chơi chữ: “những vị ấy, ngày nay lừng danh cả, đều đã lần lượt đốt cháy những cái mà mình đã tôn thờ và đang tôn thờ những cái mà mình đã tôn thờ. => Lời văn châm biếm đã góp phần làm nên màu sắc trào lộng độc đáo của tác phẩm: c. Phân kết thúc truyện độc đáo Phân kết thúc độc đáo trên nhiều phương diện:

	- Lạ: Hiện thị trên văn bản thành một đoạn riêng biệt rồi lại được nối dài thêm bằng đoạn “T.B. - Một nhân chứng thứ hai...” T.B. = tái bút/viết thêm, tưởng như không quan trọng, thường chỉ thấy trong thư từ trao đổi cá nhân. - Mở: Gia tăng nhân vật trần thuật và điểm nhìn (anh lính đồng và nhân chứng thứ hai). Với cách làm này, người viết có thể tiếp tục tăng thêm nhân vật trần thuật (nhân chứng thứ ba, tư...) để mở thêm những điểm nhìn và những tình huống khác giúp cho việc diễn tả chủ đề sâu sắc và thú vị hơn. Phần kết thúc có thể mở rộng như vậy là vì ở phần trên, tác giả đã lưu ý về “đôi cánh của trí tưởng tượng”, chuẩn bị tâm thế cho việc trình bày những chi tiết hư cấu, bất ngờ. - Bất ngờ: Những chi tiết ở phần kết thúc đã tiếp nối với đoạn trên để diễn tả phản ứng của Phan Bội Châu đối với Va-ren thành một chuỗi tăng tiến (im lặng - dừng dưng - nhếch mép, cười ruồi - nhổ vào mặt) mà hành động thể hiện sự khinh bỉ, căm phẫn cao độ. Hành động này cho thấy khí phách phi phạm của Phan Bội Châu trước Toàn quyền Đông Dương, diễn ra xung đột quyết liệt giữa những người yêu nước ở xứ thuộc địa và chính quyền thực dân.
4. Nhiệm vụ 5. Tìm hiểu quan điểm nghệ thuật của Hồ Chí Minh và những giá trị lịch sử văn hoá thể hiện trong tác phẩm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: HD cá nhân Quan điểm nghệ thuật của Hồ Chí Minh được thể hiện như thế nào trong tác phẩm <i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu</i>? Cho biết giá trị lịch sử văn hoá của tác phẩm này. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ GV quan sát, khích lệ HS Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 1-2 HS trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	5. Quan điểm nghệ thuật của Hồ Chí Minh và những giá trị lịch sử văn hoá thể hiện trong tác phẩm Câu chuyện đã vạch trần sự giả dối nguy hiểm của chế độ thực dân, ủng hộ phong trào đòi thả Phan Bội Châu; thể hiện quan điểm đấu tranh cách mạng là tất yếu để giành lại độc lập, tự do và tiêu diệt những kẻ huênh hoang, hợm hĩnh, đàn áp, bóc lột nhân dân ta. => Qua đó, tác giả ca ngợi dũng khí, sự khảng khái, bình tĩnh của Phan Bội Châu trước Va-ren và chế nhạo sự ngạo nghễ, lố bịch, nguy hiểm của kẻ thù.

2.3. Tổng kết

a. Mục tiêu:

- Đánh giá được giá trị nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa cơ bản của truyện *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*

b. Nội dung hoạt động: thảo luận cặp đôi để đánh giá, khái quát

c. Sản phẩm: Phiếu học tập.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Yêu cầu cần đạt/Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu:	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật

+ Vẽ sơ đồ tư duy khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm (theo mẫu) Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp Trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	- Nghệ thuật tương phản: Tác phẩm sử dụng nghệ thuật tương phản một cách thành công để làm nổi bật tính cách của hai nhân vật. Sự tương phản giữa sự xảo quyệt, hèn hạ của Va-ren và sự cương trực, bất khuất của Phan Bội Châu tạo nên một sức hút mạnh mẽ. - Ngôn ngữ sắc sảo, giàu hình ảnh: Ngôn ngữ của tác phẩm sắc sảo, giàu hình ảnh, tạo nên những ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. - Cấu trúc chặt chẽ: Tác phẩm có cấu trúc chặt chẽ, logic, diễn biến câu chuyện hợp lý, tạo nên một tổng thể hoàn chỉnh. - Sử dụng biện pháp nghệ thuật trào lộng: Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật trào lộng để bộc lộ thái độ khinh bỉ đối với kẻ thù, đồng thời làm nổi bật sự dũng cảm của người anh hùng dân tộc. 2. Nội dung Từ việc khắc hoạ hình tượng hai nhân vật đối lập là Va-ren - Đại diện cho kẻ thù, là hình ảnh của một kẻ tham vọng, xảo quyệt, luôn tìm cách mua chuộc, dụ dỗ những người yêu nước và Phan Bội Châu - là biểu tượng của người anh hùng dân tộc, với ý chí sắt đá, lòng yêu nước nồng nàn, sẵn sàng hy sinh vì độc lập dân tộc, tác giả đã tái hiện một cách sinh động cuộc đấu tranh chống thực dân của nhân dân ta. Qua đó, Người lên án tội ác của thực dân Pháp, phơi bày bộ mặt xảo quyệt, tàn bạo của chúng; đồng thời ca ngợi tinh thần yêu nước, bất khuất của dân tộc.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. **Nội dung:** HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận, suy nghĩ của mình về một thủ pháp trào lộng đã được tác giả sử dụng trong tác phẩm *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS lập dàn ý tại lớp

HS hoàn chỉnh đoạn văn ở nhà

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS báo cáo dàn ý ở trên lớp

- HS báo cáo sản phẩm hoàn thiện vào tiết học sau hoặc buổi chiều.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Học sinh tự đánh giá điểm bài viết theo Rubric (ở nhà)

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	0,5
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	0
Nội dung	Trình bày cảm nhận, suy nghĩ về một thủ pháp trào lộng đã được tác giả sử dụng trong tác phẩm <i>Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu</i> .	1
	Giới thiệu về thủ pháp trào lộng trong truyện ngắn “ <i>Vi hành</i> ” của Nguyễn Ái Quốc.	

	- HS có thể lựa chọn một thủ pháp nghệ thuật mà mình thấy ấn tượng nhất để phân tích và lí giải như: đối lập, nhại, chơi chữ, trùng điệp, nói mỉa,... Ví dụ: + Thủ pháp nói mỉa: “ông Va-ren đã nửa chính thức hứa”, mỉa mai lời hứa của ông Va-ren; “rậm râu, sâu mắt”, chỉ Va-ren là đồ bất lương,... + Thủ pháp đối lập: giữa địa vị, lời nói, thái độ, hành động, cử chỉ của Va-ren và Phan Bội Châu. Qua đó, chế giễu sự kịch cớm, xảo trá của Va-ren và ca ngợi chí khí quật cường của Phan Bội Châu. - Tác dụng của việc sử dụng thủ pháp trào lộng: + Tạo tiếng cười châm biếm sâu cho tác phẩm. + Khắc họa sự tương phản giữa hai nhân vật; Va-ren - Toàn quyền Đông Dương và Phan Bội Châu - người chí sĩ yêu nước. + Gửi gắm quan điểm của nhà văn: Chế giễu, phê phán sự lố bịch, gian trá, xảo quyệt của Va-ren nói riêng và thực dân Pháp nói chung; đồng thời ca ngợi tinh thần bất khuất, kiên cường những người chí sĩ yêu nước.	3,5 3,5
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về truyện ngắn giải quyết một tình huống cụ thể.

b. Nội dung: HS sáng tác đóng một màn kịch, vẽ một cảnh ấn tượng trong tác phẩm *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*

c. Sản phẩm: kịch, tranh của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Lớp chia thành 2 nhóm: GV cho HS lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau:

+ Nêu ý tưởng vẽ minh họa cho một nội dung trong truyện *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*.
Thuyết trình về bức tranh đó.

+ Sân khấu hóa một nội dung trong truyện *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.
- Hoàn thành sản phẩm học tập đúng thời hạn.

Bước 3: Báo cáo kết quả

HS báo cáo vào tiết học buổi chiều.

Bước 4: Đánh giá, kết luận.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm một số truyện ngắn của Nguyễn Ái Quốc để đọc và tìm hiểu về tác phẩm
- Hoàn thành bài tập ở phần vận dụng: vẽ một cảnh ấn tượng, hoặc sân khấu hóa một nội dung trong truyện *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu*
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc: *Vọng nguyệt (Ngắm trăng)*, *Cảnh khuya*

Thực hành đọc

VỌNG NGUYỆT (NGẮM TRĂNG)
CẢNH KHUYA

- Hồ Chí Minh -

2. Tìm hiểu chung

a. Tác giả: Hồ Chí Minh

b. Tác phẩm:

Đặc điểm	<i>Vọng nguyệt</i> (<i>Ngắm trăng</i>)	<i>Cảnh khuya</i>
Xuất xứ	Là bài thơ số 20 trong tập <i>Ngục trung nhật kí</i>	In trong <i>Thơ chủ tịch</i> , <i>Sđd</i> , tr.40
Thể loại	Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật	
Ngôn ngữ	Chữ Hán	Chữ quốc ngữ
Đề tài	vọng nguyệt, đối nguyệt, khán minh nguyệt- đây là thi đề phổ biến.	Cảnh khuya, không ngủ được
Bố cục	- Hai câu đầu: Hoàn cảnh ngắm trăng và tâm trạng của người tù - Hai câu cuối: Mối giao hòa giữa con người và trăng.	- Hai câu đầu: Cảnh trăng rằm tháng giêng trên sông ở chiến khu Việt Bắc. - Hai câu cuối: Tâm trạng thi sĩ trong cảnh đêm trăng Việt Bắc.
Hoàn cảnh sáng tác	Tác phẩm được viết vào khoảng những tháng đầu của thời gian Người bị cầm tù lần thứ 2 ở nhà tù Tưởng Giới Thạch, Trung Quốc (1942 - 1943).	- Thời gian: 1947. Địa điểm: Tại chiến khu Việt Bắc. - Hoàn cảnh: trong những năm tháng đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954). Cuối năm 1947, quân Pháp ồ ạt tấn công lên Việt Bắc, hòng tiêu diệt lực lượng chủ yếu và cơ quan đầu não lãnh đạo cuộc kháng chiến. Chiến dịch Việt Bắc của quân và dân ta đã làm thất bại ý đồ của địch và tiêu diệt nhiều lực lượng của chúng.

II. Khám phá văn bản

1. Sự chi phối của hoàn cảnh sáng tác đến tâm trạng và cảm xúc của nhà thơ trong mỗi bài thơ

Bài thơ	Thời điểm	Tác động
<i>Vọng nguyệt</i> (<i>Ngắm trăng</i>)	Trong tù, trong khung cảnh đêm trăng đẹp.	Hoàn cảnh của nhân vật trữ tình - nhà thơ - kẻ chịu cảnh ngục tù, không có thú vui nào khác: không rượu cũng không hoa. - Cảm xúc: Cô đơn nhưng không rơi vào bế tắc vì có trăng làm bạn.
<i>Cảnh khuya</i>	Trong những năm tháng đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).	Cảnh đẹp nhưng người chưa ngủ được vì say đắm trước cảnh đẹp, vì những nỗi âu lo cho dân, cho nước.

2. Cảm xúc của nhân vật trữ tình trong hai bài thơ

a. Bài *Vọng nguyệt*

*** Hai câu đầu: Hoàn cảnh ngắm trăng và tâm trạng của người tù**

Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,

Đối thử lương tiêu nại nhược hà?

- Bối cảnh ngắm trăng:

+ Trong thơ ca xưa nay, thi nhân xưa gặp cảnh trăng đẹp, thường đem rượu ra uống trước hoa để thưởng trăng. Có rượu và hoa thì sự thưởng trăng mới thật mỹ mãn, trọn vẹn. Nói chung, người ta chỉ ngắm trăng khi thanh thoi tâm hồn.

+ Bác ngắm trăng trong tù ngục, bản thân đang là một tù nhân bị đày đoạ vô cùng cực khổ. Điều kiện sinh hoạt của nhà tù tàn bạo, dã man, phải sống một cuộc sống khác loài người.

=> Nhắc đến “rượu và hoa” chỉ có thể hiểu rằng trăng đêm nay đẹp quá, Hồ Chí Minh khao khát được thưởng trăng một cách trọn vẹn và lấy làm tiếc vì không có rượu hoa. Việc nhớ đến rượu và hoa trong tù ngục khắc nghiệt ấy đã cho thấy người tù **không bị ràng buộc bởi những cái vương bận về vật chất, tâm hồn vẫn tự do vẫn ung dung tự tại** để hưởng cảnh đẹp đêm trăng.

- Tâm trạng của người tù:

+ Câu thơ thứ hai của nguyên tác có nghĩa là “*Trước cảnh đẹp đêm nay biết làm thế nào?*”

+ Trước vẻ đẹp thiên nhiên, tâm trạng của tác giả xốn xang, bồi rối, băn khoăn, phân vân, khó xử. Cảnh trăng rất đẹp nhưng chưa biết làm thế nào.

=> Câu thơ cho thấy rõ tâm hồn nghệ sĩ, thi nhân ở Người.

=> Người chiến sĩ cách mạng vĩ đại lão luyện ấy vẫn là một con người yêu thiên nhiên một cách say mê, tâm hồn, sự hồn nhiên đã rung động mãnh liệt trước cảnh đẹp cảnh trăng đẹp dù đang là tù nhân.

*** Hai câu thơ cuối: Mỗi giao hòa giữa con người và trăng**

Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,

Nguyệt tòng song kích khán thi gia.

- **Cấu trúc đối xứng giữa hai câu thơ:** *Nhân- nguyệt; hướng- tòng; minh nguyệt- thi gia;*

Hiệu quả nghệ thuật:

+ Làm cho nhịp thơ hài hòa, nhịp nhàng, cân xứng.

+ Diễn tả tình cảm song phương, mãnh liệt giữa con người và trăng.

+ + Nhân vật trữ tình: Hồ Chí Minh đã thả hồn vượt ra ngoài cửa sắt nhà tù để tìm đến ngắm trăng sáng “*khán minh nguyệt*” tức là để giao hòa với vàng trăng đang tỏa mộng giữa trời. Đây là một cuộc vượt ngục về tinh thần của người tù cách mạng.

+ + Trăng: nhà thơ nhân hóa trăng “*tòng song kích khán thi gia*” trăng đã vượt qua song sắt nhà tù để tìm đến ngắm nhà thơ “*khán thi gia*” trong tù. Với Bác, trăng hết sức gần gũi, thân thiết trở thành tri âm, tri kỉ từ lâu.

-> **Vẻ đẹp tâm hồn của Hồ Chí Minh:**

+ Tình yêu thiên nhiên say đắm, tâm hồn lãng mạn, chất nghệ sĩ ở Hồ Chí Minh.

+ Vẻ đẹp của tinh thần thép của người chiến sĩ cách mạng. Biểu hiện của tinh thần ấy là sức mạnh nội tại, phong thái ung dung, vượt lên hẳn sự nặng nề, tàn bạo của ngục tù.

b. Bài Cảnh khuya

*** Hai câu đầu: Cảnh trăng rằm tháng giêng trên sông ở chiến khu Việt Bắc**

“Tiếng suối trong như tiếng hát xa,

Trăng lồng cổ thụ, bóng lồng hoa.”

- Câu thơ 1: “*Tiếng suối trong như tiếng hát xa*”

+ Trong không gian núi rừng Việt Bắc tĩnh mịch, âm thanh nổi bật đó chính là tiếng suối chảy.

+ Tiếng suối được so sánh với “*tiếng hát xa*”: Tiếng suối trở nên có âm điệu hơn và tình cảm hơn.

- Câu thơ 2: “*Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa*” có hai cách hiểu:

+ Ánh trăng chiếu xuống mặt đất xuyên qua từng tán cây, chiếu xuống cả những bông hoa rừng. Không gian thiên nhiên ngập tràn ánh trăng.

+ Ánh trăng sáng chiếu xuống mặt đất xuyên qua từng tán cây cỏ thụ, khi phản chiếu xuống mặt đất tạo ra hình thù như những bông hoa.

=> Dù hiểu theo cách nào thì cũng diễn tả được vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên núi rừng Việt Bắc.

=> Hai câu thơ đầu đã khắc họa hình ảnh thiên nhiên núi rừng Việt Bắc thơ mộng.

*** Hai câu cuối: Tâm trạng của nhà thơ trong đêm khuya ở chiến khu Việt Bắc:**

“Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.”

- Câu 3: “Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ” có hai cách hiểu:

+ Hình ảnh “cảnh khuya như vẽ” gợi ra một bức tranh thiên nhiên đẹp đẽ tựa như một bức tranh.

+ Bác ngồi đấy say mê ngắm nhìn khung cảnh đêm khuya, thiên nhiên và con người hòa quyện tạo nên một bức tranh.

- Câu 4: “Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà” cho thấy hai lý do mà “Người chưa ngủ”.

+ Vì cảnh thiên nhiên quá đổi đẹp đẽ làm cho tâm hồn người nghệ sĩ băng khuâng say đắm.

+ Vì “lo nỗi nước nhà” lo cho sự nghiệp cách mạng của đất nước, cho cuộc sống của nhân dân. Đây mới là lý do quan trọng nhất khiến Người mất ngủ.

=> Qua hai câu thơ trên, người đọc thấy được hình ảnh người thi sĩ đa sầu đa cảm và con người chiến sĩ kiên trung trong Bác Hồ.

3. Cấu tứ thơ

Cấu tứ thơ	Vọng nguyệt	Cảnh khuya
Cách triển khai mạch cảm xúc	Giao hoà với thiên nhiên, hướng về phía ánh sáng.	
Cách triển khai hình tượng	Từ thiên nhiên đến con người.	
Tư tưởng, chủ đề	Tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, ý chí vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt của nhà thơ chiến sĩ Hồ Chí Minh.	Tình cảm với thiên nhiên, tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng của Hồ Chí Minh.

6. Phong cách trữ tình của thơ Hồ Chí Minh trong bài Vọng nguyệt (Ngắm trăng) và Cảnh khuya

a. Bài Vọng nguyệt

- Tâm hồn, phong thái của nhà thơ Hồ Chí Minh qua bài thơ Ngắm trăng:

+ Phản ánh tâm hồn nhạy cảm với cái đẹp, tinh tế, lãng mạn, tình yêu thiên nhiên tha thiết.

+ Tâm hồn nhạy cảm, lòng yêu nước sâu nặng của Hồ Chí Minh và con người chiến sĩ kiên trung

- Vọng nguyệt có sự kết hợp tính chất cổ điển và hiện đại:

Phương diện thể hiện	Tính cổ điển	Tính hiện đại
Thể loại	Thể hiện qua thể thơ thất ngôn tứ tuyệt; sáng tác thơ chữ Hán tạo sắc thái trang nhã, hoài cổ	Tứ thơ độc đáo, nhiều hình ảnh gợi cảm, sáng tạo
Nội dung	Vẻ đẹp tâm hồn một nhân cách lớn nghệ sĩ	Vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cách mạng
Nghệ thuật	- Đề tài vọng nguyệt và những thi liệu cổ như rượu, hoa, trăng. - Cấu trúc đối xứng ở hai câu thơ sau - Hình ảnh chủ thể trữ tình ung dung giao cảm đặc biệt với thiên nhiên	Hình ảnh chủ thể trữ tình vừa mang tính thời đại, một tâm hồn lạc quan luôn hướng về phía ánh sáng, toát lên tinh thần thép và giản dị.

b. Bài Cảnh khuya

- Tâm hồn, phong thái của nhà thơ Hồ Chí Minh qua bài thơ Cảnh khuya:

+ Phản ánh tâm hồn nhạy cảm với cái đẹp, tinh tế, lãng mạn, tình yêu thiên nhiên tha thiết.

+ Tâm hồn đa sầu, đa cảm, lòng yêu dân yêu nước sâu nặng và con người chiến sĩ kiên trung trong Hồ Chí Minh

- **Cảnh khuya có sự kết hợp tính chất cổ điển và hiện đại:**

Phương diện thể hiện	Tính cổ điển	Tính hiện đại
Thể loại	Thể hiện qua thể thơ thất ngôn tứ tuyệt.	Tứ thơ độc đáo, nhiều hình ảnh gợi cảm, sáng tạo
Nội dung	Vẻ đẹp tâm hồn một nhân cách lớn nghệ sĩ	Vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cách mạng
Nghệ thuật	- Đề tài ngắm trăng là đề tài phổ biến với thi nhân xưa. - Cách miêu tả thiên nhiên “thi trung hữu nhạc”, “thi trung hữu họa”, vẽ cô đúc cổ điển của thơ Đường.	- Cách lí giải cụ thể trong câu cuối - Hình ảnh chủ thể trữ tình mang tính thời đại, lo âu vì hoàn cảnh của nước nhà.

4. Tổng kết

a. Nghệ thuật

- Cả 2 bài thơ viết theo thể thơ tứ tuyệt Đường luật: câu chữ cô đọng hàm súc, rất gần gũi với những bài thơ thời Đường, thời Tống nhưng cũng rất hiện đại với tứ thơ độc đáo, nhiều hình ảnh gợi cảm, sáng tạo
- Hình ảnh đặc sắc, sử dụng các phép đối, điệp gợi hình gợi cảm.

b. Nội dung

- Bài thơ *Vọng nguyệt* (*Ngắm trăng*) cho thấy vẻ đẹp của một tâm hồn, một nhân cách lớn, vừa rất nghệ sĩ, vừa có bản lĩnh phi thường của người chiến sĩ vĩ đại. Đó là tình yêu thiên nhiên đến mê say và phong thái ung dung của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay trong cảnh ngục tù cực khổ, tối tăm.
- Bài thơ *Cảnh khuya* cho thấy sự giao hoà giữa tâm hồn người nghệ sĩ và người chiến sĩ. Trong bối cảnh đất nước gian nguy, nhà thơ vừa băng khuâng say đắm trước cảnh đẹp thiên nhiên, vừa âu lo cho dân, cho nước.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết: 63

MỘT SỐ BIỆN PHÁP LÀM TĂNG TÍNH KHẲNG ĐỊNH, PHỦ ĐỊNH TRONG VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **thực hành Tiếng Việt**, giúp HS:

- HS nhận biết được đặc điểm của một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.
- HS phân tích hiệu quả của việc sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.
- HS vận dụng được một cách sáng tạo các biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định khi viết bài văn nghị luận.

2. Phẩm chất: Trân trọng, giữ gìn và phát huy vẻ đẹp của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS nghe hát, trả lời câu hỏi kết nối vào bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS		Dự kiến sản phẩm	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Sắp xếp các câu văn sau vào cột tương ứng trong bảng bên dưới: (1) Hôm nay, lớp em có tiết học Ngữ văn. (2) Tôi không thể không đi làm vào thứ hai. (3) Cô ấy rất đẹp. (4) Tôi không đủ tự tin để hoàn thành tốt bài thuyết trình của mình. (5) Anh không nghĩ là mình đã sai chứ? (6) Chúng ta có một buổi họp vào chiều nay. (7) Trong màn đêm tĩnh mịch, không có một tiếng động nào. (8) Tôi chưa bao giờ nhìn thấy cảnh đẹp như thế này. (9) Tôi đã hoàn thành công việc. (10) Cô ấy chưa hài lòng với kết quả		Câu khẳng định (1), (2), (3), (6), (9)	Câu phủ định (4), (5), (7), (8), (10)
Câu khẳng định	Câu phủ định		
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, sắp xếp theo yêu cầu.			
Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -2 HS trả lời HS khác nhận xét, bổ sung.			
Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời. - GV dẫn vào bài: Câu khẳng định, câu phủ định là những dạng câu có vai trò quan trọng trong giao tiếp, giúp người nói và người nghe hiểu rõ ý nghĩa khẳng định hoặc phủ định của thông tin được truyền đạt. Tương tự như vậy, tính khẳng định, phủ định cũng rất quan trọng trong văn bản nghị luận; chúng giúp thể hiện rõ hơn quan điểm, thái độ của tác giả với vấn đề nghị luận. Trong bài học ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu một số biện pháp để làm tăng tính khẳng định, phủ định của VB nghị luận.			

1. HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH

2.1 Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

a. Mục tiêu: HS nhận biết một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận

b. Nội dung: HS đọc sách sgk, thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS HĐ cặp đôi: Đọc lại phần tri thức Ngữ văn (tr. 5; tr. 27, 28-sgk và hoàn thành PHT sau: PHT 01: Tri thức Ngữ văn về tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận: 1. Điền từ thích hợp vào dấu “...”. Vai trò của tính khẳng định, phủ định trong VB nghị luận + Tính khẳng định gắn với nội dung (1)... người đọc tin vào sự (2)... của một luận đề, quan điểm, cách ứng xử, lựa chọn, niềm tin nào đó. + Tính phủ định gắn với ý đồ (3)... những luận đề, quan điểm, cách ứng xử, lựa chọn, niềm tin mà tác giả cho là sai trái hoặc không phù hợp. + Đằng sau sự khẳng định luôn ẩn chứa thái độ (4)... một đối tượng đối lập, còn sự phủ định thì luôn được thể hiện dựa trên thái độ (5) =... một đối tượng khác. 2. Điền biện pháp thích hợp - Biện pháp làm tăng tính khẳng định:..... - Biện pháp làm tăng tính phủ định: Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận cặp đôi hoàn thành thành nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1 - 2 cặp đôi trả lời. - Các cặp đôi còn lại nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT 1. Tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận: - Trong VB nghị luận, tính khẳng định và tính phủ định luôn song hành: + Tính khẳng định gắn với nội dung thuyết phục người đọc tin vào sự đúng đắn của một luận đề, quan điểm, cách ứng xử, lựa chọn, niềm tin nào đó. + Tính phủ định gắn với ý đồ phản bác những luận đề, quan điểm, cách ứng xử, lựa chọn, niềm tin mà tác giả cho là sai trái hoặc không phù hợp. + Đằng sau sự khẳng định luôn ẩn chứa thái độ phủ định một đối tượng đối lập, còn sự phủ định thì luôn được thể hiện dựa trên thái độ khẳng định một đối tượng khác. 2. Một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong VB nghị luận - Biện pháp làm tăng tính khẳng định: + Sử dụng các từ ngữ mang nghĩa khẳng định: <i>chắc chắn, tất nhiên, rõ ràng, chỉ có thể, không thể chối cãi, ...</i> + Sử dụng những từ ngữ thể hiện quy mô áp đảo, phạm vi khái quát (không trừ cá thể nào) hoặc trạng thái ổn định: <i>tất cả, mọi, toàn thể, luôn luôn, thường xuyên, ...</i> + Sử dụng kiểu câu phổ biến câu khiến, thể hiện ý khẳng định. + Sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ nhấn mạnh ý được khẳng định. - Biện pháp làm tăng tính phủ định: + Sử dụng các từ ngữ mang nghĩa phủ định: <i>chưa từng, không, không hề, chẳng, chẳng bao giờ, ...</i> + Sử dụng những từ ngữ biểu thị ý nghĩa hạn chế: <i>không mấy, chẳng bao nhiêu, ít khi, ...</i> + Sử dụng phổ biến kiểu câu hỏi thể hiện ý nghĩa nghi ngờ, chất vấn. + Sử dụng các danh từ, đại từ thể hiện thái độ đánh giá tiêu cực (coi thường, khinh bỉ, căm ghét,...) để chỉ đối tượng bị đả kích.

2..2 Thực hành, luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết được đặc điểm của một số biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.
- HS phân tích hiệu quả của việc sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định trong văn bản nghị luận.
- HS vận dụng được một cách sáng tạo các biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định khi viết bài văn nghị luận.

b. Nội dung: HS làm BT.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm				
* NV1: Thực hiện BT1, 2, 3, 4 (tr. 27, 28) Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm, đại diện nhóm lên bốc thăm phần việc (tương ứng với 4 bài tập trong sgk): + Bài tập 1 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 27) + Bài tập 2 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 28) + Bài tập 3 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 28) + Bài tập 4 (SGK Ngữ văn 12, tập một, tr. 28) - GV lưu ý: + Các nhóm thảo luận phần việc đã bốc thăm được. + Sau 5 phút thảo luận, mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm hoàn thành thành nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm học tập - Các nhóm nhận xét, bổ sung để được ghi điểm. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức kiến thức.	II. Thực hành Bài tập 1. Cách tác giả làm tăng tính khẳng định của các luận điểm sau đây trong <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> khi trích dẫn hai bản tuyên ngôn nổi tiếng của nước Mỹ và nước Pháp: – Sử dụng các từ ngữ có ý nghĩa khẳng định: <i>không ai chối cãi được, trái hẳn</i>. – Sử dụng các từ ngữ có quy mô áp đảo, phạm vi bao quát: <i>không ai</i> (ý chỉ tất cả mọi người) Bài tập 2. a. Câu 1: phủ định vai trò “bảo hộ” của thực dân Pháp đối với nước Việt Nam (thực dân Pháp từng tuyên truyền rằng chúng đảm nhiệm sứ mệnh “bảo hộ” cho người Việt Nam. Trong ý phủ định, hàm chứa ý khẳng định: thực dân Pháp hoàn toàn không thực hiện được việc “bảo hộ” cho nhân dân Việt Nam mà chúng tự thừa nhận. Câu 2, 3: khẳng định Việt Nam đã giành độc lập từ tay của phát xít Nhật; phủ định việc thực dân Pháp còn nắm quyền thống trị Việt Nam cho đến khi dân ta vùng dậy giành chính quyền. b. Các từ khoá: <i>sự thực, không phải</i>. Vì đây là những từ ngữ được điệp đi điệp lại một cách có dụng ý, nếu thiếu chúng, ý phủ định, đồng thời là khẳng định của đoạn văn không còn rõ rệt và không gây được ấn tượng mạnh với người đọc. Bài tập 3. – Các danh từ, cụm danh từ, đại từ đã được Hồ Chí Minh sử dụng trong <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> để chỉ thực dân Pháp: <i>bọn thực dân, chúng, Pháp, người Pháp</i>. – Từ được sử dụng nhiều nhất: “<i>chúng</i>”, việc sử dụng từ ngữ này đã làm tăng tính phủ định của một số luận điểm trong văn bản, nhằm thể hiện thái độ khinh bỉ, coi thường công khai đối với thực dân Pháp cùng với luận điệu “bảo hộ” xảo trá của chúng và phủ định ơn huệ của thực dân Pháp với Việt Nam mà chúng chỉ đang xâm chiếm, bóc lột nhân dân ta. Bài tập 4. HS liệt kê được ít nhất 5 từ ngữ cho một cột và đưa ra nhận xét về hiệu quả biểu đạt. <table><tr><th>Từ ngữ có ý nghĩa khẳng định</th><th>Từ ngữ có ý nghĩa phủ định</th></tr><tr><td><i>mọi người, tất cả, toàn dân Việt Nam, không ai, không thể chối cãi, luôn luôn, sự thực là, ...</i></td><td><i>không phải, tuyệt đối, không, trái hẳn, bọn, chúng, ...</i> Nhận xét: Phủ định vai trò “bảo hộ” của thực dân Pháp đối với đất nước Việt Nam.</td></tr></table>	Từ ngữ có ý nghĩa khẳng định	Từ ngữ có ý nghĩa phủ định	<i>mọi người, tất cả, toàn dân Việt Nam, không ai, không thể chối cãi, luôn luôn, sự thực là, ...</i>	<i>không phải, tuyệt đối, không, trái hẳn, bọn, chúng, ...</i> Nhận xét: Phủ định vai trò “bảo hộ” của thực dân Pháp đối với đất nước Việt Nam.
Từ ngữ có ý nghĩa khẳng định	Từ ngữ có ý nghĩa phủ định				
<i>mọi người, tất cả, toàn dân Việt Nam, không ai, không thể chối cãi, luôn luôn, sự thực là, ...</i>	<i>không phải, tuyệt đối, không, trái hẳn, bọn, chúng, ...</i> Nhận xét: Phủ định vai trò “bảo hộ” của thực dân Pháp đối với đất nước Việt Nam.				
* NV2: Thực hiện BT5 (tr. 28)					

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
 -HS hoạt động cá nhân hoàn thành BT5 theo bảng sau:

Tác phẩm	Sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định	Sử dụng biện pháp làm tăng tính phủ định
<i>Nhìn về vốn văn hoá dân tộc</i>		
<i>Năng lực sáng tạo</i>		
<i>Mấy ý nghĩ về thơ</i>		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
 - HS thảo luận nhóm hoàn thành thành nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
 - Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm học tập
 - Các nhóm nhận xét, bổ sung để được ghi điểm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận
 - GV nhận xét, chuẩn kiến thức kiến thức.

Nhận xét: Khẳng định nền độc lập của dân tộc Việt Nam là tất yếu.

Bài tập 5: Một số dẫn chứng cho thấy tác giả đã sử dụng một số biện pháp phù hợp làm tăng tính khẳng định, phủ định của văn bản:

Tác phẩm	Sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định	Sử dụng biện pháp làm tăng tính phủ định
<i>Nhìn về vốn văn hoá dân tộc</i>	- Sử dụng những từ ngữ thể hiện quy mô áp đảo, phạm vi bao quát: <i>Tất cả đều hướng vào cái đẹp dịu dàng, thanh lịch, duyên dáng và có quy mô vừa phải.</i> - Sử dụng các từ ngữ mang ý nghĩa khẳng định: <i>Những cái vừa nói là cái đã lắng đọng, đã ổn định, chắc chắn là kết quả của sự dung hợp của cái vốn có, của văn hoá Phật giáo, văn hoá Nho giáo, cái được dân tộc sàng lọc, tinh luyện để thành bản sắc của mình.</i>	- Sử dụng các từ mang nghĩa phủ định: + <i>Giữa các dân tộc, chúng ta không thể tự hào là nền văn hoá của ta đồ sộ,...</i> + <i>Không có các công kiến trúc nào, kể cả vua chúa, nhằm vào sự vĩnh viễn</i> - Sử dụng kiểu câu hỏi mang ý nghi ngờ, chất vấn: + <i>Phải chăng, đó là kết quả của ý thức lâu đời về sự nhỏ yếu, về thực tế nhiều khó khăn, bất trắc?</i>
<i>Năng lực sáng tạo</i>	- Sử dụng kiểu câu cầu khiến: + <i>...hãy mở rộng điều mà mình quan tâm để có thêm nhiều nhận thức mới; hãy tìm kiếm các mối quan hệ liên kết...; từ bỏ những thói quen...;</i> - Sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ nhằm nhấn mạnh ý khẳng định: + <i>Năng lực sáng tạo là vấn đề hưng vong của quốc gia, đất nước; nó cũng là vấn đề thành</i>	- Sử dụng từ ngữ biểu thị ý nghĩa hạn chế: <i>Khó tìm thấy một định nghĩa rõ ràng nào cho khái niệm sáng tạo và năng lực sáng tạo.</i>

		<i>bại của mỗi tổ chức, doanh nghiệp; và cũng là vấn đề sống còn của các cá nhân</i>	
	Mấy ý nghĩ về thơ	- Sử dụng từ mang nghĩa khẳng định: <i>Nhưng kì thực, ...</i> - Sử dụng kiểu câu cầu khiến, thể hiện ý khẳng định: <i>+ Thơ phải có tư tưởng, có ý thức, ...</i> + <i>Chữ và tiếng trong thơ phải còn có một giá trị khác ngoài ý niệm...</i>	- Sử dụng từ ngữ mang ý phủ định: <i>+ Từ trước đến nay đã có nhiều định nghĩa về thơ nhưng lời định nghĩa nào cũng vẫn không đủ</i> + <i>Không có sự lí luận nào bằng sự thử thách của thực tại.</i> - Sử dụng kiểu câu hỏi thể hiện ý nghi ngờ, chất vấn: <i>+ Tiếng Việt Nam có đứng riêng hẳn như thế không? Thơ Việt Nam có thể bỏ văn mà vẫn Việt Nam hay không?</i>

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng được một cách sáng tạo các biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định khi viết VB nghị luận.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Đoạn văn hoàn chỉnh của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn hoặc bài văn nghị luận theo chủ đề tự chọn trong đó có sử dụng một biện pháp làm tăng tính khẳng định hoặc phủ định. Chỉ ra và phân tích hiệu quả của những biện pháp này.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân khoảng 10 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 HS đọc sản phẩm trước lớp.

- GV phân công nhóm đánh giá chéo dựa vào Rubric.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương sản phẩm tốt hoặc cho điểm HS căn cứ Rubric và hướng dẫn HS tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện sản phẩm ở nhà.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	Đảm bảo quy cách một đoạn văn.	3.0
Nội dung	Viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng ít nhất 01 một biện pháp làm tăng tính khẳng định hoặc phủ định (lưu ý gạch chân biện pháp được sử dụng và ghi chú).	
	Giới thiệu được chủ đề của đoạn văn.	1.0
	Các câu trong đoạn đều tập trung làm rõ chủ đề.	2.0
	Sử dụng một biện pháp làm tăng tính khẳng định hoặc phủ định	2.0

Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, từ ngữ, ngữ pháp Tiếng Việt.	1.0
Sáng tạo	Thể hiện những suy nghĩ sâu sắc về chủ đề; có cách diễn đạt mới mẻ.	1.0

Đoạn văn tham khảo

Máy tính đóng vai trò quan trọng trong mọi hoạt động của con người, từ công việc tới giải trí. Máy tính giúp con người tăng năng suất công việc và trở thành một phần không thể thiếu với cuộc sống con người. Ngày nay, công việc văn phòng trở nên gọn nhẹ hơn rất nhiều khi sử dụng máy tính để soạn thảo, lưu trữ tập tin rõ ràng trong máy tính, chỉ cần vài click chuột là bạn có thể dễ dàng tìm kiếm, sửa chữa những tài liệu mà mình cần. Với sự trợ giúp của máy tính, các kỹ sư có thể dễ dàng có được những bản vẽ, có mô hình tổng quan nhất về mô hình mà mình đang thực hiện. Các phần mềm hỗ trợ được cài đặt trên máy tính giúp cho các kỹ sư có những kết quả tối ưu nhất cho bản vẽ của mình. Nhờ có máy tính, một công ty có thể quản lý được hàng nghìn bộ hồ sơ của nhân viên, cả các trường học cũng vậy. Máy tính còn đóng một vai trò quan trọng trong giải trí, chúng ta thường mở máy tính xem phim, nghe nhạc hay đọc báo. Với nhiều người máy tính là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của họ. Tóm lại, không ai có thể phủ nhận được lợi ích của máy tính hiện nay khi nó được phổ biến trong tất cả các ngành nghề.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Tìm đọc thêm một số văn bản nghị luận sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định.
- Hoàn thành viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn, có sử dụng biện pháp làm tăng tính khẳng định, phủ định.
- **Chuẩn bị bài:** Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án.

VIẾT

Tiết: 64

VIẾT BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **viết, giúp HS:**

- Hiểu được các yêu cầu cơ bản của việc viết báo cáo kết quả bài tập dự án.
- Viết được báo cáo kết quả bài tập dự án đảm bảo tôn trọng các quy cách phổ biến của kiểu văn bản

2. Phẩm chất: Biết chủ động đề xuất ý tưởng làm dự án và thực hiện dự án thành công để phục vụ cho nhiệm vụ học tập cũng như cho nhu cầu khám phá, hiểu biết, sáng tạo của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, hộp giấy hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.
- b. Nội dung hoạt động:** HS xem video, ngữ liệu bài học, trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: Các em hãy xem video sau và cho cô biết nội dung của video là gì? https://youtu.be/6Cf7kZ7tgs4	- Câu trả lời của HS.

Bước 2+3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo - Học sinh xem video, trả lời câu hỏi. Bước 4: Đánh giá kết luận - GV chốt vấn đề, dẫn dắt vào bài học: + Video nói về Dự án khởi nghiệp xanh của học sinh Văn Giang. + Quá trình thực hiện Dự án đó phải trải qua nhiều giai đoạn. Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án thuộc giai đoạn kết thúc dự án học tập. Và cũng là một khâu quan trọng. Vậy nội dung của bản báo cáo được viết như thế nào? Đề cương của bản báo cáo ra sao? Cô trò chúng ta sẽ đến với bài học hôm nay! Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án.	

3. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu: HS hiểu được mục đích, các bước thực hiện của quá trình viết báo cáo dự án.

b. Nội dung hoạt động: HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân - GV giao nhiệm vụ: Đọc mục <i>Yêu cầu</i> trong sgk, tr.29, kết hợp với sự hiểu biết của bản thân, trả lời câu hỏi: Viết báo cáo bài tập dự án là gì? Viết báo cáo bài tập dự án cần đảm bảo những yêu cầu nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân, trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 1 -2 HS trả lời, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	I. Định hướng 1. Khái niệm, yêu cầu của bài viết báo cáo kết quả của bài tập dự án - Khái niệm: Viết báo cáo kết quả của bài tập dự án là nêu lên những kết quả thực hiện nhiệm vụ trong một dự án học tập đã được giao dưới hình thức một báo cáo. - Yêu cầu: + Xác định rõ nội dung của bài tập dự án và mục đích thực hiện bài tập dự án. + Trình bày khái quát các yếu tố chính chi phối việc thực hiện thành công bài tập dự án. + Miêu tả và tự đánh giá được những kết quả nổi bật của bài tập dự án, có sử dụng phương tiện pho ngôn ngữ phù hợp. + Đề xuất được hướng sử dụng hợp lý kết quả của bài tập dự án. + Nêu được ý nghĩa của việc thực hiện bài tập dự án đối với bản thân (c á

2.2 Phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS phân tích được cấu trúc của bài viết báo cáo kết quả của bài tập dự án, nội dung, cách sử dụng phương của bài viết báo cáo kết quả của bài tập dự án.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi HS đọc bài viết tham khảo theo các thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản. - HS thảo luận cặp đôi thực hiện các yêu cầu sau:	II. Phân tích bài viết tham khảo Đọc bài viết tham khảo (sgk, tr.29, 30, 31, 32) và thực hiện các yêu cầu: (1) - Nhận xét: cấu trúc của văn bản báo cáo được dùng làm bài viết tham khảo: được trình bày theo các đề mục lớn, nhỏ một cách rõ ràng, khoa học. - Cấu trúc trên không thuộc loại thể thức cố định, mặc dù nó có thể được áp dụng phần lớn trường hợp viết báo cáo của bài tập dự án.

1. Nhận xét về cấu trúc của văn bản báo cáo được dùng làm bài viết tham khảo trên. Có nên xem kiểu cấu trúc này là một mô hình cần được áp dụng phổ biến hay không? 2. Trong văn bản, nội dung nào đã được ưu tiên trình bày? Sự ưu tiên đó đã hợp lí chưa? 3. Theo em văn bản, có điều gì cần điều chỉnh, bổ sung? Vì sao? 4. Nếu có yêu cầu văn bản báo cáo phải sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ, em sẽ gợi ý cho người viết báo cáo xử lí vấn đề này như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nối tiếp nhau đọc văn bản. - Thảo luận cặp đôi 4 câu hỏi SGK khoảng 5 phút. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.	(2) Trong văn bản, nội dung được ưu tiên trình bày là: <i>Kết quả chính của bài tập dự án</i> => Sự ưu tiên này là hợp lí vì đây là mục đích chính của bản báo cáo - báo cáo kết quả thực hiện bài tập dự án. (3) Cần điều chỉnh, bổ sung: - Tính mới, tính sáng tạo của dự án. - Minh hoạ cụ thể có một số kết quả đạt được của dự án. (4) Có thể sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ: - Tranh ảnh. - Sơ đồ minh hoạ. - Bảng biểu.

2. Nhiệm vụ 2. Thực hành

a. **Mục tiêu:** HS nắm vững các bước thực hành và biết viết báo cáo kết quả của bài tập dự án

b. **Nội dung hoạt động:** HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thao tác 1. Thực hành viết báo cáo về kết quả của bài tập dự án

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV nêu vấn đề: Các em tiếp tục thực hiện theo bàn nhiệm vụ sau:

1. Đọc SGK, thực hiện các yêu cầu trong bảng kiến thức sau:

Các bước	Nội dung		
Chuẩn bị			
Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý		
		Lập dàn ý	MB TB KB
	Viết		
Kiểm tra và chỉnh sửa			

2. Xây dựng một bảng kiểm đánh giá bài báo cáo

SẢN PHẨM

II. Thực hành viết

1. Các bước viết bản báo cáo kết quả của bài tập dự án

Các bước	Nội dung	
Chuẩn bị	- Đề tài dự án có thể do GV đưa ra hoặc do chính Gv tự đề xuất. - Đọc kĩ đề, tập hợp thông tin và kết quả thực hiện bài tập dự án từ các thành viên. - Xác định bố cục của báo cáo. - Chuẩn bị các ngữ liệu minh hoạ cho báo cáo.	
Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý	- Tên và mục tiêu của dự án; nội dung bài tập dự án; mức độ cần thiết của bài tập dự án - Các bước triển khai bài tập dự án, sự phân công công việc cho các (nếu bài tập dự án do nhóm thực hiện); kế hoạch nghiệm thu kết quả ở từng bước. - Kết quả thực hiện bài tập dự án; tính sáng tạo, tính mới trong kết

	Đánh giá chung	- Bài báo cáo đáp ứng yêu cầu mức độ nào? - Bản thân em thấy hứng thú hoặc khó khăn nào nhất trong quá trình thực hành viết? Tại sao?	

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được tiến trình và các bước để viết bản báo cáo kết quả dự án học tập.

- HS thực hành viết một bản báo cáo cụ thể.

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
* Chuẩn bị viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - Tiếp tục làm việc theo bàn - GV nêu yêu cầu: Vừa qua lớp em thực hành dự án học tập: <i>Sức mạnh của tiếng cười qua một số tác phẩm hài kịch</i>. Hãy viết bản báo cáo kết quả dự án học tập đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS hoạt động theo bàn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS tự đánh giá bài viết của nhóm và đọc bài nhóm khác để đánh giá chéo theo bảng kiểm. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét phân trình bày của HS.	III. Luyện tập Bài tập: Vừa qua lớp em thực hành dự án học tập: <i>Sức mạnh của tiếng cười qua một số tác phẩm hài kịch</i>. Hãy viết bản báo cáo kết quả dự án học tập đó. Gợi ý: BÁO CÁO KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN SỨC MẠNH CỦA TIẾNG CƯỜI QUA CÁC TÁC PHẨM HÀI KỊCH Người thực hiện: Nhóm 2 lớp 12A trường THPT B Nhóm trưởng: Trần Văn A I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN 1. Yêu cầu của bài tập dự án: Sức mạnh của tiếng cười qua các tác phẩm hài kịch 2. Thời gian thực hiện: 3 tuần (từ...đến) 3. Xác định các công việc cụ thể - Suu tầm các văn bản hài kịch nổi tiếng. - Tìm hiểu và đọc một số tác phẩm hài kịch nổi tiếng - Phân tích về vai trò của tiếng cười qua một số tác phẩm hài kịch nổi tiếng - Đưa ra nhận xét, đánh giá về vai trò của tiếng cười. - Tổ chức các tài liệu sưu tầm và tự làm một sản phẩm hoàn chỉnh 4. Phân công công việc Các thành viên trong nhóm đã đăng kí thực hiện những công việc hợp sở trường của bản thân và tham gia với những mức độ khác nhau vào các công việc khác. II. KẾT QUẢ CHÍNH CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN 1. Sản phẩm 1: Bộ sưu tập các văn bản hài kịch - Số lượng: 05 tác phẩm - Nội dung của sản phẩm: Các văn bản: + Văn bản <i>Bệnh sĩ</i> của tác giả Lưu Quang Vũ + Văn bản <i>Người lái buôn thành Vơ-ni-dơ</i> của nhà văn Shakespeare + Văn bản <i>Quan thanh tra</i> của nhà văn Gogol. + Văn bản <i>Lão hà tiện</i> của nhà văn Molie + Văn bản <i>Mùa hè ở biển</i> của Xuân Trình - Ảnh chụp các văn bản:



Cảnh trong vở *Mùa hè ở biển* của

- Tự đánh giá sản phẩm: Số lượng nhiều, phong phú. Là các văn bản hài kịch tiêu biểu, xuất sắc.

2. Sản phẩm 2: Bài phân tích, đánh giá vai trò, ý nghĩa của tiếng cười trong văn bản hài kịch

+ Số lượng: 01 bài

+ Nội dung của sản phẩm: Phân tích, đánh giá vai trò, ý nghĩa của tiếng cười trong văn bản hài kịch *Quan thanh tra*

++ Tiếng cười trong hài kịch có ý nghĩa lớn đối với đời sống của con người bởi tiếng cười trong hài kịch là lấy từ những câu chuyện của cuộc sống. Với những phẩm chất đa dạng của hiện thực là các sắc thái khác nhau của tiếng cười. Đó có thể là tiếng cười châm biếm, đả kích, giễu cợt, cái cười vui đối với xã hội. Quan trọng hơn cả, tiếng cười trong hài kịch là một phương tiện để truyền tải, phê phán mặt xấu của xã hội, đó là hình thức phê phán đặc biệt và khẳng định cái mới, cái tốt đẹp. Từ đó, giúp thay đổi nhận thức, tư tưởng của con người giúp chúng ta hướng tới những thứ tốt đẹp hơn.

++ Tiếng cười trong *Quan thanh tra* phản ánh, phê phán các thói hư tật xấu của con người trong xã hội qua hình tượng nhân vật: Kh lét-xa-cốp, thị trưởng, chánh án,...

++ Qua tiếng cười ấy, nhà văn muốn khán giả nhìn nhận vào chính bản thân mình, nhìn vào con người bên trong thật sự của chính mình, đưa ra lời cảnh báo cho khán giả về lối sống trống rỗng, không có ý nghĩa hiện tại.

++ Tiếng cười trong *Quan thanh tra* của Gogol đã chỉ ra con đường khai sáng với nhận thức bản thân mỗi người và tiếng cười hài kịch ấy sẽ sống mãi trong lòng mỗi độc giả.

+ Ảnh chụp bài viết

+ Tự đánh giá sản phẩm: Sản phẩm ít. Nội dung sản phẩm đã làm rõ vai trò, sức mạnh của tiếng cười trong thể loại hài kịch qua vở kịch *Quan Thanh Tra*.

III. VẤN ĐỀ SỬ DỤNG, LƯU TRỮ KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN

- Kết quả bài tập dự án có thể được sử dụng vào nhiều thời điểm khác nhau với những mục đích khác nhau,

	tùy theo kế hoạch giáo dục và dạy học của nhà trường. - Người sử dụng có thể là cá nhân hoặc tập thể, việc sử dụng có thể diễn ra theo hình thức mượn tài liệu. - Kết quả của bài tập dự án có thể được lưu lại trong không gian riêng của lớp học hoặc trong thư viện nhà trường. IV. MỘT SỐ KINH NGHIỆM VỀ VIỆC THỰC HIỆN BÀI TẬP DỰ ÁN - Các thành viên tham gia dự án đều tích cực, chủ động với nhiệm vụ được giao. - Tài liệu văn bản hài kịch chưa nhiều nên việc sưu tầm, đọc, tìm hiểu, phân tích còn gặp nhiều khó khăn; dự án lợi thế hơn với những bạn đọc - dịch được tài liệu bằng tiếng nước ngoài vì nguồn tài liệu này dồi dào hơn. - Dự án được thực hiện trong thời gian ngắn nên tập trung làm sáng tỏ sức mạnh của tiếng cười qua một tác phẩm cụ thể. Nếu có thời gian, nên chọn phân tích 2 - 3 tác phẩm cụ thể. V. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ - Tự đánh giá: Sản phẩm của dự án đã cung cấp đầy đủ về những thông tin, ý nghĩa của sức mạnh tiếng cười hài kịch. Từ đó, thấy được tầm quan trọng của tiếng cười hài kịch trong cuộc sống. - Kiến nghị: Không có Thay mặt nhóm thực hiện bài tập dự án Trần Văn A

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống cụ thể
- b. Nội dung:** Thực hiện một dự án học tập và viết bản báo cáo kết quả dự án học tập
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bài tập về nhà: Em cùng với các bạn trong lớp thực hiện dự án sáng tác video giới thiệu về các tác phẩm văn học yêu thích. Dự kiến ngày 15/2 sẽ báo cáo dự án trước lớp. Em hãy viết bản báo cáo kết quả dự án học tập của nhóm em.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS hoàn thành nhiệm vụ và trình bày trong buổi học sau.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của HS, tuyên dương, khen thưởng hoặc chấm điểm cho HS có sản phẩm tốt.

Gợi ý: Bản báo cáo kết quả dự án học tập *Sáng tác video giới thiệu về các tác phẩm văn học yêu thích*

BÁO CÁO KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN

Nhóm 2 lớp 12A trường THPT B

Dự án:

SÁNG TÁC VIDEO GIỚI THIỆU CÁC TÁC PHẨM VĂN HỌC YÊU THÍCH

1. Mục tiêu của dự án:

- Sưu tầm các tác phẩm văn học tiêu biểu
- Giới thiệu được nội dung và nghệ thuật đặc sắc của các tác phẩm tiêu biểu

- Đưa ra nhận xét, đánh giá về vị trí của các tác phẩm văn học đó trong dòng chảy văn học của thế giới, Việt Nam.

- Hình thành năng lực sử dụng CNTT; năng lực giao tiếp, hợp tác

2. Nội dung của dự án:

- Tìm hiểu và đọc các tác phẩm văn học

- Nêu được giá trị nội dung và giá trị đặc sắc của tác phẩm

3. Kết quả của thực hiện dự án:

3.1. Sản phẩm 1: Bộ sưu tập các tác phẩm văn học

- Số lượng: 05 tác phẩm

- Nội dung của sản phẩm: Các văn bản:

+ Văn bản *Những người khốn khổ* của Victor Hugo

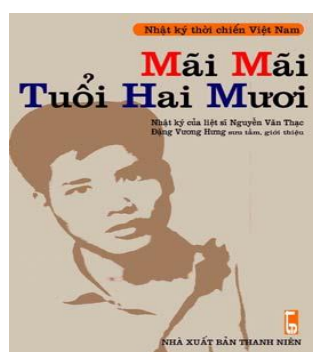
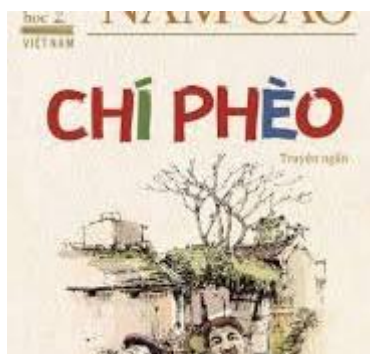
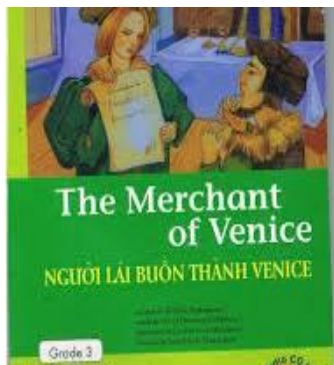
+ Văn bản *Người lái buôn thành Ven-đơ* của nhà văn Shakespeare

+ Văn bản *Truyện cổ tích về loài người* của Xuân Quỳnh

+ Văn bản *Chí Phèo* của nhà văn Nam Cao

+ Văn bản *Mãi mãi tuổi hai mươi* của Nguyễn Văn Thạc

- Ảnh chụp các văn bản:



- Tự đánh giá sản phẩm: Số lượng nhiều, phong phú. Là các tác phẩm văn học tiêu biểu, xuất sắc.

3.2. Sản phẩm 2: Bài giới thiệu về nội dung, nghệ thuật của từng tác phẩm

+ Số lượng: 05 bài

+ Nội dung của sản phẩm: Bài giới thiệu về nội dung, nghệ thuật của từng tác phẩm:

++ *Những người khốn khổ* của Victor Hugo

++ *Người lái buôn thành Ven-đơ* của nhà văn Shakespeare

++ *Truyện cổ tích về loài người* của Xuân Quỳnh

++ *Chí Phèo* của nhà văn Nam Cao

++ *Mãi mãi tuổi hai mươi* của Nguyễn Văn Thạc

+ Ảnh chụp bài viết

+ Tự đánh giá sản phẩm: Sản phẩm đa dạng, nhiều. Nội dung sản phẩm đã làm rõ giá trị nội dung, nghệ thuật từng tác phẩm.

4. Tự đánh giá và kiến nghị

- Tự đánh giá: Sản phẩm của dự án đã cung cấp đầy đủ về những thông tin về giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của các tác phẩm văn học tiêu biểu. Từ đó, thấy được vị trí quan trọng của các tác phẩm trong dòng chảy của văn học nhân loại nói chung và Việt Nam nói riêng.
- Kiên nghị: Không có

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị bài:** Nói và nghe, Trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án

Tiết: 65

NÓI VÀ NGHE TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực. Giúp HS:

- HS biết sử dụng bài báo cáo đã được thực hiện theo yêu cầu của phần Viết để xây dựng bài thuyết trình về kết quả của bài tập dự án.
- HS biết thuyết trình về kết quả của bài tập dự án một cách thuyết phục, có sự tương tác tích cực với người nghe.

2. Phẩm chất: HS biết học hỏi từ người thuyết trình những kinh nghiệm bổ ích về cách trình bày kết quả của bài tập dự án.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài trình bày

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Xem video ngắn sau và trả lời các câu hỏi: https://youtu.be/58FwsZfsBj8 - Đoạn video nói về điều gì? - Theo em, để có trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, em cần lưu ý những điều gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS quan sát, suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ. Bước 3. Báo cáo, thảo luận GV gọi 2 – 3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới.	HS thể hiện quan điểm cá nhân

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe.

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị Nói và Nghe.

c. Sản phẩm: Bài thảo luận đúng yêu cầu và quy trình.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu:	I. Khái niệm và yêu cầu của bài nói và nghe 1. Khái niệm

Đọc SGK tr.34 và trao đổi với bạn bên cạnh về các câu hỏi sau: - Thế nào là trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án? - Khi trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án, cần đảm bảo những yêu cầu gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện các yêu cầu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.	Trình bày báo cáo kết quả dự án là sử dụng ngôn ngữ kết hợp với phương tiện như hình ảnh, âm thanh, bản trình chiếu, hành động, cử chỉ, ... để báo cáo tóm tắt những kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao trong dự án học tập. 2. Yêu cầu - Nêu tên của bài tập dự án và người thực hiện (cá nhân hoặc nhóm). - Trình bày được thông tin cơ bản về quá trình thực hiện bài tập dự án với các bước cụ thể. - Làm nổi bật được các kết quả chính thể hiện đóng góp riêng của người thực hiện bài tập dự án, kèm theo các minh chứng chọn lọc được trình bày bằng các hình thức, phương tiện phù hợp. - Gọi mở được hướng sử dụng kết quả bài tập dự án và nêu các công việc cần tiếp tục thực hiện có liên quan đến bài tập dự án. - Rút ra được bài học kinh nghiệm từ việc thực hiện bài tập dự án.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS biết trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án.
- b. Nội dung:** HS trình bày bài giới thiệu. HS khác lắng nghe, trao đổi.
- c. Sản phẩm:** Bài thuyết trình, các câu hỏi, ý kiến nhận xét của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM				
I. Thao tác 1. Tìm hiểu các bước tiến hành trình bày báo cáo Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Đọc SGK tr.35 và trao đổi với bạn bên cạnh về các câu hỏi sau: - Quá trình trình bày bản báo cáo gồm có mấy bước? - Nêu cụ thể nội dung trong từng bước Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện các yêu cầu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.	II. THỰC HÀNH 1. Các bước tiến hành thực hành trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án a. Bước 1: Chuẩn bị nói - Lựa chọn đề tài. Đề tài bài nói cũng là đề tài của báo cáo kết quả bài tập dự án đã hoàn thành yêu cầu ở phần <i>Viết</i> - Tìm ý và sắp xếp ý Xem lại dàn ý đã nêu ở phần <i>Viết</i> và bổ sung các ý cho phù hợp với đối tượng, yêu cầu, thời gian, điều kiện trình bày báo cáo. b. Bước 2. Thực hành nói Yêu cầu của người nói, người nghe <table> <tr> <th>Người nói</th><th>Người nghe</th></tr> <tr> <td> - Nội dung trình bày: + Trình bày bài giới thiệu theo dàn ý đã chuẩn bị + Tập trung vào trọng tâm, trình bày lo gích, có lí lẽ và bằng chứng. - Hình thức trình bày + Bài trình bày có đầy đủ ba phần. + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ, các yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. </td><td> - Tập trung lắng nghe; hiểu được những nội dung chính và quan điểm của người nói. - Ghi lại các thông tin chính và những nhận xét, đánh giá về nội dung, cách thức và tình cảm, thái độ của người thuyết trình. - Nêu các vấn đề cần hỏi, các ý kiến cần trao đổi về nội dung bài nói một cách ngắn gọn, rõ ràng,...; có thể trao đổi </td></tr> </table>	Người nói	Người nghe	- Nội dung trình bày: + Trình bày bài giới thiệu theo dàn ý đã chuẩn bị + Tập trung vào trọng tâm, trình bày lo gích, có lí lẽ và bằng chứng. - Hình thức trình bày + Bài trình bày có đầy đủ ba phần. + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ, các yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	- Tập trung lắng nghe; hiểu được những nội dung chính và quan điểm của người nói. - Ghi lại các thông tin chính và những nhận xét, đánh giá về nội dung, cách thức và tình cảm, thái độ của người thuyết trình. - Nêu các vấn đề cần hỏi, các ý kiến cần trao đổi về nội dung bài nói một cách ngắn gọn, rõ ràng,...; có thể trao đổi
Người nói	Người nghe				
- Nội dung trình bày: + Trình bày bài giới thiệu theo dàn ý đã chuẩn bị + Tập trung vào trọng tâm, trình bày lo gích, có lí lẽ và bằng chứng. - Hình thức trình bày + Bài trình bày có đầy đủ ba phần. + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ, các yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	- Tập trung lắng nghe; hiểu được những nội dung chính và quan điểm của người nói. - Ghi lại các thông tin chính và những nhận xét, đánh giá về nội dung, cách thức và tình cảm, thái độ của người thuyết trình. - Nêu các vấn đề cần hỏi, các ý kiến cần trao đổi về nội dung bài nói một cách ngắn gọn, rõ ràng,...; có thể trao đổi				

	+ Có sự sáng tạo khi trình bày. - Tác phong, thái độ khi trình bày: + Tự tin, thân thiện + Trình bày và diễn đạt hấp dẫn. + Tốc độ nói vừa phải, có ngữ điệu phù hợp, đảm bảo yêu cầu về thời gian.	thêm quan điểm cá nhân về nội dung trình bày. - Tôn trọng người thuyết trình; sử dụng yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người thuyết trình.
	c. Bước 3; Trao đổi, đánh giá	
	Người nghe - Nêu nhận xét về nội dung bài nói, cách thể hiện bài nói, có đối chiếu với kết quả thực tế của việc thực hiện bài tập dự án. - Đặt các câu hỏi cần thiết về việc thực hiện bài tập dự án. - Đề xuất các hướng thực hiện khác, mang tính khả thi đối với bài tập dự án, giúp cho người thực hiện rút kinh nghiệm về sau. - Gợi ý hướng sử dụng kết quả bài tập dự án vào hoạt động học tập (tiếp nối ý có thể đã được người nói đề cập)	Người nói - Tiếp nhận một cách tích cực các ý kiến phản hồi, góp ý. - Làm rõ một số vấn đề còn khiến người nghe băn khoăn, thắc mắc. - Mở rộng thêm ý nói về vấn đề rút kinh nghiệm sau khi thực hiện một bài tập dự án.
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu nhiệm vụ cho HS: - Yêu cầu: Trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án đã thực hiện ở phần “Viết”, trong đó có sử dụng phương tiện hỗ trợ phù hợp. - Mỗi nhóm trao đổi và cử 1 đại diện	2. Thực hành trình bày Bài tập: Trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án đã thực hiện ở phần “Viết”, trong đó có sử dụng phương tiện hỗ trợ phù hợp Gợi ý: BÁO CÁO KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN SỨC MẠNH CỦA TIẾNG CƯỜI QUA CÁC TÁC PHẨM HÀI KỊCH Người thực hiện: Nhóm 2 lớp 12A trường THPT B Nhóm trưởng: Trần Văn A I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN 1. Yêu cầu của bài tập dự án: Sức mạnh của tiếng cười qua các tác phẩm hài kịch 2. Thời gian thực hiện: 3 tuần (từ...đến) 3. Xác định các công việc cụ thể - Sưu tầm các văn bản hài kịch nổi tiếng. - Tìm hiểu và đọc một số tác phẩm hài kịch nổi tiếng	
Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS làm việc theo nhóm, kiểm tra lại phần trình bày và phương tiện hỗ trợ.		
Bước 3. Báo cáo, thảo luận - GV chọn 01 đại diện lên trình bày trước lớp - GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ nói và nghe. - GV hướng dẫn HS dưới lớp theo dõi và đánh giá người nói (Phiếu đánh giá)		
Bước 4. Kết luận, nhận định - GV nhận xét phần trình bày, phần trao đổi của người nói và người nghe.		

- Nhấn mạnh các yêu cầu cần đạt của bài trình bày kết quả của bài tập dự án để HS rút kinh nghiệm.

- Phân tích về vai trò của tiếng cười qua một số tác phẩm hài kịch nổi tiếng
- Đưa ra nhận xét, đánh giá về vai trò của tiếng cười.
- Tổ chức các tài liệu sưu tầm và tự làm một sản phẩm hoàn chỉnh

4. Phân công công việc

Các thành viên trong nhóm đã đăng kí thực hiện những công việc hợp sở trường của bản thân và tham gia với những mức độ khác nhau vào các công việc khác.

II. KẾT QUẢ CHÍNH CỦA BÀI TẬP DỰ ÁN

1. Sản phẩm 1: Bộ sưu tập các văn bản hài kịch

- Số lượng: 05 tác phẩm
- Nội dung của sản phẩm: Các văn bản:
 - + Văn bản *Bệnh sĩ* của tác giả Lưu Quang Vũ
 - + Văn bản *Người lái buôn thành Vơ-ni-dơ* của nhà văn Shakespeare
 - + Văn bản *Quan thanh tra* của nhà văn Gogol.
 - + Văn bản *Lão hà tiện* của nhà văn Molie
 - + Văn bản *Mùa hè ở biển* của Xuân Trình
- Ảnh chụp các văn bản:



Cảnh trong vở *Mùa hè ở biển* của

- Tự đánh giá sản phẩm: Số lượng nhiều, phong phú. Là các văn bản hài kịch tiêu biểu, xuất sắc.

2. Sản phẩm 2: Bài phân tích, đánh giá vai trò, ý nghĩa của tiếng cười trong văn bản hài kịch

- + Số lượng: 01 bài
- + Nội dung của sản phẩm: Phân tích, đánh giá vai trò, ý nghĩa của tiếng cười trong văn bản hài kịch *Quan thanh tra*
- ++ Tiếng cười trong hài kịch có ý nghĩa lớn đối với đời sống của con người bởi tiếng cười trong hài kịch là lấy từ những câu chuyện của cuộc sống. Với những phẩm chất đa dạng của hiện thực là các sắc thái khác nhau của tiếng cười. Đó có thể là tiếng cười châm biếm, đả kích, giễu cợt, cái cười vui đối với xã hội. Quan trọng hơn cả, tiếng cười trong hài kịch là một phương tiện để truyền tải, phê phán mặt xấu của xã hội, đó là hình thức phê phán đặc biệt và khẳng định cái mới, cái tốt đẹp. Từ đó, giúp thay đổi nhận thức, tư tưởng của con người giúp chúng ta hướng tới những thứ tốt đẹp hơn.

	++ Tiếng cười trong <i>Quan thanh tra</i> phản ánh, phê phán các thói hư tật xấu của con người trong xã hội qua hình tượng nhân vật: Khlét-xa-cốp, thị trưởng, chánh án,... ++ Qua tiếng cười ấy, nhà văn muốn khán giả nhìn nhận vào chính bản thân mình, nhìn vào con người bên trong thật sự của chính mình, đưa ra lời cảnh báo cho khán giả về lối sống trống rỗng, không có ý nghĩa hiện tại. ++ Tiếng cười trong <i>Quan thanh tra</i> của Gogol đã chỉ ra con đường khai sáng với nhận thức bản thân mỗi người và tiếng cười hài kịch ấy sẽ sống mãi trong lòng mỗi độc giả. + Ảnh chụp bài viết + Tự đánh giá sản phẩm: Sản phẩm ít. Nội dung sản phẩm đã làm rõ vai trò, sức mạnh của tiếng cười trong thể loại hài kịch qua vở kịch <i>Quan Thanh Tra</i>. III.VẤN ĐỀ SỬ DỤNG, LƯU TRỮ KẾT QUẢ BÀI TẬP DỰ ÁN - Kết quả bài tập dự án có thể được sử dụng vào nhiều thời điểm khác nhau với những mục đích khác nhau, tùy theo kế hoạch giáo dục và dạy học của nhà trường. - Người sử dụng có thể là cá nhân hoặc tập thể, việc sử dụng có thể diễn ra theo hình thức mượn tài liệu. - Kết quả của bài tập dự án có thể được lưu lại trong không gian riêng của lớp học hoặc trong thư viện nhà trường. IV.MỘT SỐ KINH NGHIỆM VỀ VIỆC THỰC HIỆN BÀI TẬP DỰ ÁN - Các thành viên tham gia dự án đều tích cực, chủ động với nhiệm vụ được giao. - Tài liệu văn bản hài kịch chưa nhiều nên việc sưu tầm, đọc, tìm hiểu, phân tích còn gặp nhiều khó khăn; dự án lợi thế hơn với những bạn đọc - dịch được tài liệu bằng tiếng nước ngoài vì nguồn tài liệu này dồi dào hơn. - Dự án được thực hiện trong thời gian ngắn nên tập trung làm sáng tỏ sức mạnh của tiếng cười qua một tác phẩm cụ thể. Nếu có thời gian, nên chọn phân tích 2 - 3 tác phẩm cụ thể. V. TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ - Tự đánh giá: Sản phẩm của dự án đã cung cấp đầy đủ về những thông tin, ý nghĩa của sức mạnh tiếng cười hài kịch. Từ đó, thấy được tầm quan trọng của tiếng cười hài kịch trong cuộc sống. - Kiến nghị: Không có Thay mặt nhóm thực hiện bài tập dự án Trần Văn A

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH VÀ QUÁ TRÌNH NÓI

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:.....

	Nội dung đánh giá	Kết quả

S T T		Đạt	Chưa đạt
BÀI THUYẾT TRÌNH			
1	Bố cục ba phần: Mở đầu, nội dung chính, kết thúc.		
2	Phần nội dung chính đã làm rõ được vấn đề cần trình bày.		
QUÁ TRÌNH NÓI			
3	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).		
4	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian, duy trì tương tác với người nghe.		
5	ĐÁNH GIÁ CHUNG - Những thành công và hạn chế của bài thuyết trình: - Hướng khắc phục, sửa chữa:		

PHỤ LỤC 2

PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:.....

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH NGHE			
1	Thái độ nghe: tập trung và tôn trọng người nói		
2	Tích cực ghi chép		
3	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói		
4	KIỂM TRA KẾT QUẢ NGHE - Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa? - Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức giới thiệu một tác phẩm truyện? 		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết xây dựng một dự án học tập, biết viết bản báo cáo kết quả và biết trình bày báo cáo kết quả. Biết ứng dụng CNTT vào quá trình học tập.

b. Nội dung: Sáng tác video trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án *Sáng tác video giới thiệu các tác phẩm văn học yêu thích*.

c. Sản phẩm: Video giới thiệu; Biên bản làm việc nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm khoảng 7 HS.

- GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:

+ Chọn 01 dự án và thực hiện dự án đó.

+ Viết bản báo cáo kết quả dự án đó.

+ Sáng tác 01 video trình bày báo cáo kết quả của bài tập dự án.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Thực hiện trên trang facebook cá nhân.

Bước 4: Kết luận, nhận xét

GV nhận xét tổng kết trong bài học sau.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Hoàn thiện các bài tập còn lại.
- Tự thực hành nói: Giới thiệu về dự án học tập bản thân đã tham gia.
- **Chuẩn bị bài:** Củng cố, mở rộng

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (Cả bài 6)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia 4 nhóm thảo luận 4 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Bài học giúp bạn hiểu thêm điều gì về sự thống nhất cao độ giữa sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với toàn bộ tác phẩm Người đã viết (trong đó có sáng tác văn học)

Câu 2. Sự đa dạng của phong cách Hồ Chí Minh đã được thể hiện như thế nào qua các văn bản được học trong bài?

Câu 3. Tìm đọc trọn vẹn tập *Ngục trung nhật kí* và các tuyển tập thơ chữ Hán, thơ tiếng Việt của Hồ Chí Minh. Học thuộc lòng một số bài thơ bạn thấy tâm đắc và sưu tầm những tài liệu viết về các bài thơ đó.

Câu 4. Tìm đọc các cuốn sách sưu tầm mảng sáng tác truyện, kí của Hồ Chí Minh và phân loại sơ bộ những tác phẩm truyện, kí đó theo các tiêu chí: thể loại, đề tài, bút pháp, cách viết.

Câu 5. Chọn đọc các tác phẩm chính luận tiêu biểu của Hồ Chí Minh, ghi chép về hoàn cảnh ra đời của từng tác phẩm và trích ra những câu, những đoạn văn mà bạn thấy đáng chú ý nhất.

Câu 6. Tìm hiểu cách tổ chức hệ thống tài liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các phòng trưng bày chuyên đề hoặc trong các viện bảo tàng mà bạn có dịp ghé thăm. Phác thảo ý tưởng về cách tổ chức những tư liệu mà bạn hoặc các bạn trong lớp có được về Người trong không gian học tập phù hợp.

Câu 7. Thảo luận với các bạn trong nhóm học tập hoặc trong lớp về một số dự án cần thực hiện để phục vụ cho hoạt động học tập theo nội dung sách giáo khoa Ngữ văn lớp 12.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.
- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Sự thống nhất cao độ giữa sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với toàn bộ tác phẩm Người đã viết:

- + Sự nghiệp cách mạng và các tác phẩm của Hồ Chí Minh không tách rời nhau. Đây là hiện tượng “hai trong một”.
- + Hồ Chí Minh viết các tác phẩm để phục vụ cho hoạt động cách mạng; có thể xem các bài viết của Người cũng là một nội dung hoạt động cách mạng cụ thể.
- + Sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh rất vĩ đại và do vậy, các tác phẩm của Người cũng đạt được một tầm vóc lớn tương xứng, xét từ đặc điểm loại hình của nó.
- + Cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú của Hồ Chí Minh đã cung cấp chất lượng dồi dào cho những bài viết của Người, khiến những bài viết đó cũng có được sự đa dạng, hấp dẫn đặc biệt.

Câu 2. Sự đa dạng của phong cách Hồ Chí Minh đã được thể hiện qua các văn bản được học trong bài:

Mỗi thể loại văn học, Người đều có cách riêng, độc đáo, hấp dẫn:

- **Tuyên ngôn độc lập (Văn chính luận):** Ngắn gọn, súc tích, luôn đạt sức thuyết phục cao.
 - ++ Khi hướng về kẻ thù cách mạng: lập luận đanh thép, lí lẽ sắc bén, những chứng cứ không thể chối cãi, mang tinh thần duy kí, tư duy khoa học rất rõ.
 - ++ Khi hướng về đồng bào, đồng chí: giọng điệu chân thành, thân mật, ở sự hoà quyện giữa lí và tình.

- **Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu (Truyện):** Mang tính hiện đại, thể hiện tính chiến đấu mạnh mẽ, nghệ thuật trào phúng vừa sắc bén, thâm thúy của phương Đông, vừa hài hước hóm hỉnh của phương Tây.

- **Mộ, Rằm tháng Giêng (Thơ ca):** Những bài thơ có sự hoà hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại, giàu chất trữ tình và tính chiến đấu.

Câu 4. - HS tự sưu tầm.

Có thể kể tên một số bài tiêu biểu: Đi đường, Nghe tiếng giã gạo, không ngủ được, Nửa đêm, người bạn tù thối sáo.

- HS đọc thuộc lòng và sưu tầm tài liệu viết về bài thơ đó.

Câu 4, 5, 6, 7. HS tự sưu tầm, tìm đọc và thực hiện các yêu cầu

BÀI 7. SỰ THẬT TRONG TÁC PHẨM KÍ

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB1: *Nghệ thuật băm thịt gà* (Trích *Việc làng* – Ngô Tất Tố)

VB2: *Bước vào đời* (Trích *Nhớ nghĩ chiều hôm* – Đào Duy Anh)

Thực hành đọc: *Vĩ tuyến 17* (Trích *Gánh gánh...gồng gồng...* - Xuân Phương)

2. Thực hành tiếng Việt: Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

3. Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

4. Nói và nghe: Trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 11 tiết – KHGD

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 67, 68, 69

VĂN BẢN 1: NGHỆ THUẬT BĂM THỊT GÀ

(Trích *Việc làng*)

- Ngô Tất Tố -

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy đọc, giúp HS:

- Nhận biết được một số yếu tố của phóng sự qua đọc hiểu văn bản *Nghệ thuật băm thịt gà*: tính phi hư cấu, một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết;...

- Phân tích được giá trị nội dung và những điểm đặc sắc về nghệ thuật của phóng sự *Nghệ thuật băm thịt gà*.

- Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của bài phóng sự đối với sự tiếp nhận của người đọc và tiến bộ xã hội.

2. Phẩm chất: Có cái nhìn tinh táo về hiện thực, có cách nhìn nhận, đánh giá đúng đắn về bản chất của các hiện tượng đời sống diễn ra xung quanh.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức cũ.

- Tạo hứng thú.

- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức.

b. Nội dung hoạt động: Theo dõi và thực hiện yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	- Phân loại:
	Tập tục lành mạnh Hủ tục lạc hậu

GV nêu yêu cầu: Văn hóa Việt Nam vô cùng đa dạng. Bên cạnh những phong tục, tập quán tốt đẹp cần giữ gìn, phát huy là những hủ tục lạc hậu cần xóa bỏ. - Em hãy phân loại những tục sau là tập tục lành mạnh hay hủ tục: <i>Tục ăn trâu; tảo hôn; hôn nhân cận huyết thống; thờ cúng tổ tiên; tết Trung thu; mê tín dị đoan; giết mổ nhiều gia súc, gia cầm trong đám tang; lễ tảo mộ trong tiết thanh minh; cúng ông công ông táo.</i>		<i>Tục ăn trâu; thờ cúng tổ tiên; tết Trung thu; lễ tảo mộ trong tiết thanh minh; cúng ông công ông táo.</i>	<i>Tảo hôn; hôn nhân cận huyết thống; mê tín dị đoan; giết mổ nhiều gia súc, gia cầm trong đám tang</i>
Tập tục lành mạnh	Hủ tục lạc hậu	- Tập tục là những phong tục, tập quán tốt đẹp của con người được tạo lập, ổn định và được cộng đồng thừa nhận, kế thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác. - Hủ tục là những phong tục tập quán từng có quá trình tồn tại dài lâu nhưng bị người của thời bây giờ nhìn nhận là lỗi thời, lạc hậu, cần được xóa bỏ.	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Tìm hiểu đặc trưng của một số thể loại của kí: phóng sự, hồi kí.
- Nắm được những nét chung về tác giả Ngô Tất Tố và thiên phóng sự “Việc làng”.
- Biết đọc hiểu một văn bản thuộc thể loại phóng sự.

b. Nội dung hoạt động: HS chuẩn bị trước ở nhà, thảo luận cặp đôi để tìm hiểu kiến thức chung về tác phẩm và đoạn trích.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập.

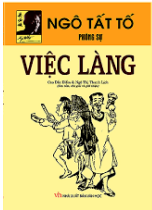
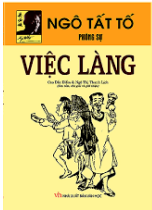
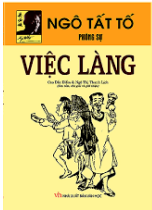
d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

TỔ CHỨC THỰC HIỆN			SẢN PHẨM		
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS hoàn thành Phiếu học tập số 01 sau theo cặp đôi. Thời gian thảo luận cặp: 03 phút			I. Tri thức Ngữ văn: Phóng sự, hồi kí		
				Phóng sự	Hồi kí
			Điểm giống nhau		
			Điểm khác nhau (Về nội dung, về nghệ thuật)		
Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo: - HS làm việc theo cặp đôi, hoàn thành PHT số 01.			Điểm giống nhau	- Điều là những thể loại thuộc loại hình kí. - Điều có sự kết hợp giữa tính phi hư cấu với một số thủ pháp nghệ thuật như miêu tả, trần thuật,... + Thể hiện ở những sự kiện có thực: thời gian, địa điểm, số liệu ... + Giúp người đọc vừa thấy được sự kiện, vừa biết được những vấn đề mang ý nghĩa xã hội sâu sắc, hiểu được hoàn cảnh, tính cách, số phận nhân vật.	
			Điểm khác nhau (Về nội dung, về nghệ thuật)	- Về nội dung: + Tính chân thực: Người viết bám sát hiện thực đời sống, phát hiện những sự việc, vấn đề có ý nghĩa thời sự, diễn ra	- Về nội dung: + Người viết kể lại những sự kiện dựa trên ấn tượng, hồi ức của cá nhân, giúp người đọc vừa thấy rõ trải nghiệm của người viết, vừa

- Sau 3 phút, GV mời một số đại diện cặp đôi phát biểu. Bước 4: Kết luận, nhận định	trong đời sống xã hội đương thời. + Tính chiến đấu: Dùng để phản bác những nhận thức còn sai lệch; khẳng định điều tốt đẹp trong đời sống. - Về nghệ thuật: + Sử dụng những biện pháp nghiệp vụ báo chí như điều tra, phỏng vấn, đối thoại, ghi chép tại chỗ, ... + Kết hợp tư liệu thực tế và các thủ pháp hư cấu. + Nghệ thuật trần thuật, biện pháp tu từ, ngôn ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc,...	thấy được đời sống lịch sử - xã hội và văn hóa một thời đã qua. + Tính xác thực: Người viết tập trung ghi chép, soi tỏ phần hiện thực mà mình hiểu rõ với tư cách chứng nhân. - Về nghệ thuật: + Sử dụng người kể chuyện ngôi thứ nhất (tác giả trực tiếp trình bày, mô tả về sự việc, con người) + Mang đậm tính chủ quan – đặc điểm tạo nên sức hút riêng của hồi kí.

Nhiệm vụ 2. Đọc và tìm hiểu chung

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM												
2.1. Đọc và tìm hiểu tác giả, tác phẩm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS tự đọc phần giới thiệu chung về tác giả Ngô Tất Tố và thiên phóng sự <i>Việc làng</i>. - Hoàn thiện bảng kiến thức sau theo hình thức cá nhân vào trong vở <table border="1"> <thead> <tr> <th></th><th>Thông tin chính</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tác giả Ngô Tất Tố</td><td></td></tr> <tr> <td>Tác phẩm <i>Việc làng</i></td><td></td></tr> </tbody> </table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS hoàn thiện bảng kiến thức - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo sản phẩm: HS trình bày kiến thức đã tiếp nhận được (1-2 HS) Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, chuẩn kiến thức. 2.2. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV hướng dẫn HS đọc VB. - GV lưu ý về cách đọc VB phóng sự: đọc to rõ ràng, chú ý ngôn ngữ đối thoại. - GV đọc mẫu một đoạn, sau đó yêu cầu một vài HS đọc tiếp.		Thông tin chính	Tác giả Ngô Tất Tố		Tác phẩm <i>Việc làng</i>		II. Đọc và tìm hiểu chung 1. Tác giả và tác phẩm <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tác giả, tác phẩm</th><th>Thông tin chính</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td> Tác giả Ngô Tất Tố  </td><td> - Nhà văn Ngô Tất Tố (1893 – 1954) - Quê: Từ Sơn, Bắc Ninh; nay thuộc Đông Anh, Hà Nội. - Là nhà Nho tinh thông cổ học, dịch giả, nhà nghiên cứu về tư tưởng triết học, văn học cổ, đồng thời là một nhà báo, nhà văn. - Vị trí văn học: là một trong những nhà văn hiện thực tiêu biểu của văn học Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Đề tài văn học: nông thôn và người nông dân. </td></tr> <tr> <td> Tác phẩm <i>Việc làng</i>  </td><td> - Thể loại: Phóng sự - Gồm 17 chương. - Phản ánh đời sống nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Tác phẩm ghi lại, phân tích, phơi bày những hủ tục nhiều kẻ ở nông thôn lúc bấy giờ và những hậu quả nghiêm trọng của nó. </td></tr> </tbody> </table> 2. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản a. Đọc VB, tìm hiểu chú thích b. Vị trí: Thuộc chương IV của phóng sự “<i>Việc làng</i>”.	Tác giả, tác phẩm	Thông tin chính	Tác giả Ngô Tất Tố 	- Nhà văn Ngô Tất Tố (1893 – 1954) - Quê: Từ Sơn, Bắc Ninh; nay thuộc Đông Anh, Hà Nội. - Là nhà Nho tinh thông cổ học, dịch giả, nhà nghiên cứu về tư tưởng triết học, văn học cổ, đồng thời là một nhà báo, nhà văn. - Vị trí văn học: là một trong những nhà văn hiện thực tiêu biểu của văn học Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Đề tài văn học: nông thôn và người nông dân.	Tác phẩm <i>Việc làng</i> 	- Thể loại: Phóng sự - Gồm 17 chương. - Phản ánh đời sống nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Tác phẩm ghi lại, phân tích, phơi bày những hủ tục nhiều kẻ ở nông thôn lúc bấy giờ và những hậu quả nghiêm trọng của nó.
	Thông tin chính												
Tác giả Ngô Tất Tố													
Tác phẩm <i>Việc làng</i>													
Tác giả, tác phẩm	Thông tin chính												
Tác giả Ngô Tất Tố 	- Nhà văn Ngô Tất Tố (1893 – 1954) - Quê: Từ Sơn, Bắc Ninh; nay thuộc Đông Anh, Hà Nội. - Là nhà Nho tinh thông cổ học, dịch giả, nhà nghiên cứu về tư tưởng triết học, văn học cổ, đồng thời là một nhà báo, nhà văn. - Vị trí văn học: là một trong những nhà văn hiện thực tiêu biểu của văn học Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Đề tài văn học: nông thôn và người nông dân.												
Tác phẩm <i>Việc làng</i> 	- Thể loại: Phóng sự - Gồm 17 chương. - Phản ánh đời sống nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Tác phẩm ghi lại, phân tích, phơi bày những hủ tục nhiều kẻ ở nông thôn lúc bấy giờ và những hậu quả nghiêm trọng của nó.												

- GV lưu ý HS trong quá trình đọc chú ý các thể chiến lược đọc ở lề bên phải của VB. - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chủ thích và giải thích từ khó. * Yêu cầu HS thực hiện các yêu cầu sau: - <i>Nêu vị trí của văn bản.</i> - <i>Nhan đề của VB có thể gợi lên những suy luận, phán đoán gì về nội dung được đề cập trong bài phóng sự?</i> (Gợi ý: Từ “nghệ thuật” thường gắn với những đối tượng, hoạt động nào? Cách kết hợp từ ngữ “nghệ thuật” và “băm thịt gà” có thể gợi về một sự việc bình thường hay đặc biệt? - <i>Nêu nội dung khái quát của văn bản.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB. - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu. - HS thực hiện. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Đại diện 1 số HS đọc VB. - Các HS khác nhận xét. Bước 4. Kết luận, nhận định	c. Ý nghĩa nhan đề - Nhan đề khái quát nội dung văn bản. + Từ “<i>nghệ thuật</i>”: thường gắn với đối tượng là những người nghệ sĩ, gắn với các hoạt động có tính chất sáng tạo của con người, tạo ra những sản phẩm có giá trị lớn về tinh thần, tư tưởng và thẩm mỹ. Ví dụ: <i>hội họa, âm nhạc, cắm hoa, kiến trúc...</i> + Cụm từ “<i>Băm thịt gà</i>”: gắn với sự việc đời thường, thường diễn ra hàng ngày. ➔ Ý nghĩa của cách kết hợp từ ngữ “nghệ thuật” và “băm thịt gà”: + Gợi sự bất thường, sự tò mò, hấp dẫn cho người đọc. + Phản ánh một tập tục có thật ở làng quê Bắc bộ “chứa hàng xóm” và việc “chia chác cỗ theo việc làng”. d. Nội dung khái quát: Tái hiện một cách khách quan và sinh động cảnh “chứa hàng xóm” ở thôn quê, trong đó nổi bật là việc nhân vật mỡ làng băm thịt gà.

Nhiệm vụ 3. Khám phá văn bản

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong thời gian 5 phút: - GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm Nhóm 1. Tìm hiểu tính phi hư cấu của VB. Cần làm rõ những vấn đề sau: 1. Xác định bối cảnh không gian, thời gian; các nhân vật, các sự kiện chính được tác giả thuật lại trong VB 2. Nêu tác dụng của việc sử dụng tính phi hư cấu trong văn bản. 3. Nhận xét cách quan sát, ghi chép hiện thực của tác giả. Nhóm 2. Tìm hiểu thủ pháp trần thuật trong VB. Cần làm rõ những vấn đề sau: 1. Tác giả thuật lại các sự việc chính theo trình tự nào? 2. Nêu tác dụng của ngôi kể thứ nhất và các yếu tố tạo nên giọng điệu của bài phóng sự.	III. Khám phá văn bản 1. Đặc trưng và sức hấp dẫn của thể loại phóng sự qua văn bản a. Tính phi hư cấu của thể loại phóng sự - Khái niệm: Thuật lại những sự kiện, sự việc có thật. - Biểu hiện trong văn bản: Những sự kiện, chi tiết tái hiện bối cảnh lịch sử, nhân vật mang dấu ấn lịch sử, câu chuyện được kể lại, các mốc thời gian,... * Tính phi hư cấu được thể hiện trong văn bản - Thời gian chân thực: Lúc đêm khuya và gần sáng - Địa điểm chân thực: Tại nhà của nhân vật Lãng Vân ở một vùng quê nghèo trước cách mạng. - Sự kiện chân thực: + Câu chuyện của tác giả và người bạn Lãng Vân lúc đêm khuya và gần sáng: bối cảnh và tình huống sự kiện “chứa hàng xóm”. + Cảnh mọi người đến nhà Lãng Vân dự lễ làng khi trời sáng rõ. + Cảnh anh mỡ chia cỗ và băm thịt gà sau khi “hàng xóm đã đến đông đủ”. ➔ Các sự kiện chính được tác giả thuật lại theo trình tự thời gian. - Các nhân vật chân thực: dân làng, từ những kẻ quyền thế trong làng quát nạt, ra lệnh chia cỗ cho đến anh mỡ làng làm cỗ (nhân vật Mối). * Tác dụng của việc sử dụng tính phi hư cấu:

Nhóm 3. Tìm hiểu yếu tố miêu tả trong VB. Cần làm rõ những vấn đề sau: - Chỉ ra yếu tố miêu tả được sử dụng trong VB. - Nêu tác dụng của việc kết hợp giữa thủ pháp trần thuật và miêu tả trong VB.	+ Câu chuyện trở nên chân thực, gần gũi. + Bảo đảm tính xác thực trong việc ghi chép những sự kiện, nhân vật của đời sống. * Nhận xét cách quan sát, ghi chép hiện thực của tác giả: quan sát và ghi chép tại chỗ, chân thực toàn bộ câu chuyện về cảnh “chứa hàng xóm”, có bối cảnh, tình huống, diễn biến (lúc thì “chùng chình, chờ đợi”, lúc thì gấp gáp, khẩn trương). Đặc biệt, người kể chuyện không bỏ qua bất cứ một chi tiết nhỏ nào trong chuỗi hành động băm thịt gà của anh Mối. Cách miêu tả này đã tạo nên sự hấp dẫn và kịch tính cho câu chuyện.
Nhóm 4. Tìm hiểu các chi tiết tiêu biểu trong văn bản Chỉ ra và nêu ý nghĩa của một số chi tiết tiêu biểu trong VB.	b. Sự kết hợp thủ pháp trần thuật và miêu tả * Thủ pháp trần thuật: - Tái hiện các sự kiện diễn ra theo trình tự thời gian. - Sử dụng ngôi kể thứ nhất: người kể là nhân vật “tôi”. Nhân một chuyến về thăm người bạn cũ ở một vùng nông thôn, “tôi” có cơ hội chứng kiến cảnh “chứa hàng xóm” tại nhà bạn; nhờ đó mà “tôi” có dịp chứng kiến tận mắt “nghệ thuật băm thịt gà” của anh mõ làng. → Tác dụng của ngôi kể thứ nhất: Việc sử dụng ngôi kể thứ nhất đáp ứng yêu cầu cốt lõi của thể loại phóng sự, đó là tính chân thực – sự xác thực và độ tin cậy của thông tin. - Giọng điệu: Giọng điệu hài hước, châm biếm, phê phán sâu cay. → Những yếu tố tạo nên giọng điệu của bài phóng sự: - Lỗi quan sát, ghi chép tỉ mỉ, chân thực đã khái quát, châm biếm một hiện tượng điển hình của xã hội nông thôn Việt Nam xưa. - Cách miêu tả và xây dựng nhân vật anh mõ làng thuần thực, điêu luyện trong việc băm thịt gà bằng cái nhìn khách quan nhưng có ý nghĩa phê phán sâu sắc. - Cách sử dụng ngôn ngữ miêu tả cùng với những lời trữ tình ngoại đề đầy thán phục nhưng không phải là lời ngợi ca tài năng và nghệ thuật mà là lời châm biếm về hủ tục chia phần rất nặng nề ở làng quê Việt Nam xưa. * Thủ pháp miêu tả: Thể hiện ở việc khắc họa cụ thể khung cảnh “chứa hàng xóm”, bao gồm: - Miêu tả cảnh mọi người đến nhà Lãng Vân dự lễ làng khi trời sáng rõ: khung cảnh náo nhiệt, tấp nập với cảnh già trẻ ngồi kín giường phản, tiếng giao việc của những người bẻ trên,... - Miêu tả cảnh anh mõ làng chia cỗ và băm thịt gà sau khi “hàng xóm đã đến đông đủ” với nghệ thuật băm thịt gà điêu luyện. * Tác dụng của việc sử dụng kết hợp thủ pháp trần thuật và miêu tả: - Việc đan xen giữa miêu tả, tự sự và ngôn ngữ đối thoại giúp đoạn trích trở nên sinh động, hấp dẫn hơn, thu hút sự chú ý của người đọc. - Qua đó, góp thể hiện tư tưởng, chủ đề của tác phẩm: Phê phán những tục lệ nhiều khê ở nông thôn Việt Nam trước cách mạng. c. Chi tiết nghệ thuật

	Đoạn trích có nhiều chi tiết để lại ấn tượng sâu đậm trong bạn đọc. <table border="1" data-bbox="719 152 1501 958"> <thead> <tr> <th>Chi tiết</th><th>Nhận xét</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>+ Chia lễ thành hai mươi ba phần cổ, pha cái sỏ gà thành năm, phao gà thành bốn, băm con gà thành chín mươi hai miếng. + “ Trông miếng thịt gà của hắn bóc ra góc mỡ mới đẹp làm sao! Không đập, không nát, không bong da, nó giống như tập cánh của con bướm bướm. Nếu để trước môi mà thổi, có thể bay được mười thước.”</td><td>→ Băm thịt gà như thực hành một nghệ thuật – việc làm đã quen từ nhiều đời.</td></tr> <tr> <td>+ Sự chứng kiến của đông đảo chức sắc và hàng xóm.</td><td>→ Phán ánh hiện thực “một miếng giữa làng”, một tệ nạn của nông thôn Việt Nam xưa.</td></tr> <tr> <td>+ “ Tôi chịu lắm. Và tôi muốn dâng cho ông Mối ấy cái chức nghệ sĩ”.</td><td>→ Thể hiện giọng điệu giễu cợt, châm biếm, đả kích của tác giả.</td></tr> </tbody> </table>	Chi tiết	Nhận xét	+ Chia lễ thành hai mươi ba phần cổ, pha cái sỏ gà thành năm, phao gà thành bốn, băm con gà thành chín mươi hai miếng. + “ Trông miếng thịt gà của hắn bóc ra góc mỡ mới đẹp làm sao! Không đập, không nát, không bong da, nó giống như tập cánh của con bướm bướm. Nếu để trước môi mà thổi, có thể bay được mười thước.”	→ Băm thịt gà như thực hành một nghệ thuật – việc làm đã quen từ nhiều đời.	+ Sự chứng kiến của đông đảo chức sắc và hàng xóm.	→ Phán ánh hiện thực “một miếng giữa làng”, một tệ nạn của nông thôn Việt Nam xưa.	+ “ Tôi chịu lắm. Và tôi muốn dâng cho ông Mối ấy cái chức nghệ sĩ”.	→ Thể hiện giọng điệu giễu cợt, châm biếm, đả kích của tác giả.
Chi tiết	Nhận xét								
+ Chia lễ thành hai mươi ba phần cổ, pha cái sỏ gà thành năm, phao gà thành bốn, băm con gà thành chín mươi hai miếng. + “ Trông miếng thịt gà của hắn bóc ra góc mỡ mới đẹp làm sao! Không đập, không nát, không bong da, nó giống như tập cánh của con bướm bướm. Nếu để trước môi mà thổi, có thể bay được mười thước.”	→ Băm thịt gà như thực hành một nghệ thuật – việc làm đã quen từ nhiều đời.								
+ Sự chứng kiến của đông đảo chức sắc và hàng xóm.	→ Phán ánh hiện thực “một miếng giữa làng”, một tệ nạn của nông thôn Việt Nam xưa.								
+ “ Tôi chịu lắm. Và tôi muốn dâng cho ông Mối ấy cái chức nghệ sĩ”.	→ Thể hiện giọng điệu giễu cợt, châm biếm, đả kích của tác giả.								
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS suy nghĩ, thảo luận trong bàn: - <i>Cách anh mô tả miếng thịt gà trong cuộc chia cỗ phản ánh hiện thực gì ở nông thôn Việt Nam xưa?</i> - <i>Rút ra thông điệp ý nghĩa từ văn bản.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, thảo luận theo bàn. - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo sản phẩm - GV gọi đại diện một số HS trả lời. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chuẩn kiến thức	2. Bức tranh hiện thực ở nông thôn được phản ánh trong văn bản và thông điệp rút ra - Bức tranh hiện thực ở nông thôn được phản ánh: phản ánh tập tục chia phần khế ở nông thôn Việt Nam xưa “một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp” → Cái nhìn chân thực của tác giả về hiện thực xã hội nông thôn VN trước 1945 → Tính chiến đấu: phản bác nhận thức sai lệch bởi những hủ tục nặng nề. - Thông điệp: + Không nên để những hủ tục ảnh hưởng đến đời sống của con người. + Cần có những thái độ và hành vi đúng đắn để mặt nông thôn mới ngày càng phát triển, không còn những “nghệ thuật” và “nghệ sĩ” phi lý, phản cảm.								

Nhiệm vụ 4. Tổng kết

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Rút ra chủ đề tư tưởng của văn bản “Nghệ thuật băm thịt gà”. - Hãy khái quát những đặc điểm cơ bản của thể loại phóng sự qua văn bản “Nghệ thuật băm thịt gà”. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS thực hiện theo cặp hoặc theo bàn, nhóm. GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp	IV. Tổng kết 1. Chủ đề - Phản ánh hiện thực chia phần và quan niệm “một miếng giữa làng” ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. - Phê phán, lên án những hủ tục, quan niệm lạc hậu đã đẩy người dân vào tình cảnh khốn khổ. 2. Một số đặc điểm của phóng sự qua văn bản <i>Nghệ thuật băm thịt gà</i>

khó khăn). Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	- Tính thời sự: Tác giả đã tái hiện một hiện tượng diễn ra trong đời sống nông thôn Việt Nam thời bấy giờ, qua đó tác động đến nhận thức của con người trong xã hội đương thời. - Tính xác thực: Thể hiện qua việc ghi chép chân thực những chi tiết, thời gian, địa điểm,... đặc biệt là việc ghi chép tại chỗ cảnh băm thịt gà. - Tính thẩm mĩ: Thể hiện dấu ấn phong cách cá nhân của tác giả trong việc miêu tả sự việc và nhân vật; sử dụng ngôn ngữ và những lời trữ tình ngoại đề giàu hình ảnh, cảm xúc,... tạo hứng thú cho người đọc.

Nhiệm vụ 5. Rút ra cách đọc hiểu thể loại phóng sự

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Rút ra những lưu ý về cách đọc hiểu thể loại phóng sự. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi theo cặp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 1-2 HS trả lời. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức.	V. Cách đọc hiểu thể loại phóng sự 1. Nhận biết được tên tác phẩm, tác giả, hoàn cảnh ra đời. 2. Nhận biết được nội dung ghi chép, chủ thể trần thuật. 3. Hiểu được cái nhìn, quan điểm riêng của chủ thể trần thuật thể hiện qua nội dung văn bản. 4. Dùng liên tưởng, tưởng tượng và kiến thức xã hội để hình dung về bối cảnh ra đời, nội dung phản ánh, yếu tố tự sự, miêu tả trong văn bản. 5. Phân tích những sự kiện được tái hiện gắn liền với góc nhìn, thái độ và đánh giá của người viết. 6. Chỉ ra và nêu được tác dụng của tính phi hư cấu, sự kết hợp giữa miêu tả và trần thuật trong văn bản. 7. Liên hệ, kết nối vốn hiểu biết của bản thân để áp dụng vào đọc hiểu ý nghĩa của văn bản và rút ra bài học, kinh nghiệm cho bản thân.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. **Nội dung:** Thực hiện viết kết nối đọc.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cảm nhận về một khía cạnh nội dung hoặc nghệ thuật của văn bản “*Nghệ thuật băm thịt gà*” mà bạn tâm đắc.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS viết nhanh tại lớp trong thời gian 10 phút.
- GV cung cấp rubric đánh giá cho HS.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	0,5
Nội dung	Cảm nhận về một khía cạnh nội dung hoặc nghệ thuật của văn bản “ <i>Nghệ thuật băm thịt gà</i> ” *Giới thiệu vấn đề nghị luận. HS có thể chọn lựa một trong các vấn đề nghị luận sau: + Câu chuyện về lệ làng; + Cảnh băm thịt gà của người mỡ làng; + Cách quan sát, ghi chép tại chỗ; + Nghệ thuật miêu tả nhân vật; + Giọng điệu hài hước, châm biếm;	1

	...	
	*Nêu cảm nhận về khía cạnh nội dung/ nghệ thuật của văn bản: - Phân tích làm rõ khía cạnh đó thể hiện trong văn bản. - Đưa ra ý nghĩa của khía cạnh đó trong việc làm nên giá trị của bài phóng sự.	7
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về văn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số HS trình bày đoạn văn của mình.
- Các HS khác lắng nghe, đánh giá dựa vào rubric đánh giá.
- HS tự kiểm tra mức độ đạt yêu cầu của đoạn văn của mình.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Đoạn văn tham khảo:

Đọc văn bản “Nghệ thuật băm thịt gà” của Ngô Tất Tố, người đọc đặc biệt ấn tượng với cảnh băm thịt gà của người mỗ làng. Với giọng điệu hài hước, châm biếm cùng tài quan sát, ghi chép tại chỗ một cách chân thực, tỉ mỉ, nhà văn đã tái hiện cho người đọc cảnh băm thịt gà có một không hai. Công việc băm thịt gà vốn bình thường đến tầm thường, giờ đây được nâng lên thành “nghệ thuật”. Có lẽ người đọc cũng sẽ chung cảm xúc với nhân vật “tôi” khi chứng kiến cảnh chia cổ của nhân vật Mối – người mỗ làng với kinh nghiệm ba đời làm cổ làng. Các câu văn miêu tả chi tiết, chân thực cảnh băm thịt gà của anh mỗ làng khiến người đọc không khỏi bất ngờ: chia lễ chỉ có một con gà, một mâm xôi thành những hai mươi ba phần cổ, pha cái sỏ gà thành năm, phao gà thành bốn, băm con gà thành chín mươi hai miếng; “*Trông miếng thịt gà của hắn bốc ra góc mâm mới đẹp làm sao! Không đập, không nát, không bong da, nó giống như tập cánh của con bướm bướm. Nếu để trước mặt mà thổi, có thể bay được mười thước.*” Cái cách băm thịt gà đã thành “nghệ thuật” của anh mỗ làng cho thấy anh đã thực hành công việc này không biết bao nhiêu lần đến mức thành thạo, điều luyện. Đó là minh chứng cho việc lệ làng chính là một tệ nạn, do những kẻ có chức sắc bày đặt ra. Chính vì miếng ăn, vì cái sự chia phần nhiều khê ấy mà nhiều người dân nghèo phải khổ sở chạy vay, vay mượn cho những cuộc “chứa hàng xóm”. Qua giọng điệu, những lời nhận xét và cách miêu tả rất chi tiết việc băm thịt gà, người kể chuyện đã thể hiện thái độ phê phán của mình đối với một “việc làng” đầy phiến toái. Tái hiện cảnh chia cổ của người mỗ làng, Ngô Tất Tố phần nào phơi bày bức tranh hiện thực nông thôn Việt Nam trước cách mạng với những hủ tục nhiều khê, quái gở, đẩy người dân quê vào cảnh cùng quẫn và tạo cơ hội cho bọn cường hào, địa chủ những nhiều dân lành.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.
- Nội dung:** Thực hiện bài tập vận dụng.
- Sản phẩm:** Những chia sẻ, cảm nhận của học sinh.
- Tổ chức thực hiện:**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

- Theo em, những nội dung được đề cập trong văn bản “Nghệ thuật băm thịt gà” (Ngô Tất Tố) có còn ý nghĩa với thực tiễn hiện nay không?
- Cần làm gì để xóa bỏ những hủ tục lạc hậu trong cuộc sống hiện đại ngày nay?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ độc lập, sau đó chia sẻ cặp với bạn bên cạnh, rồi chia sẻ với cả lớp theo hình thức vòng tròn.
- GV quan sát, khích lệ.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi từ 2-3 HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét, định hướng cho HS.

Gợi ý trả lời

NV1. Hiện nay, một số hủ tục quá lạc hậu và quái gở như cảnh “chứa hàng xóm” trong tác phẩm hầu như không còn tồn tại ở các vùng quê Việt Nam nữa. Tuy nhiên ở một số vùng quê vẫn còn những “lệ làng” như: tục thách cưới; thói chia phần cổ đám cưới; thói khoe khoang (xây nhà mình phải to hơn nhà hàng

xóm); nạn chè chén mỗi dịp ma chay;... Do vậy, văn bản “Nghệ thuật băm thịt gà” (Ngô Tất Tố), với lối viết châm biếm nhẹ nhàng mà thâm thúy, sâu cay vẫn như một lời nhắc nhở chúng ta cần nhận ra và thể hiện thái độ, hành vi đúng đắn trước những hủ tục ở Việt Nam, để bộ mặt nông thôn mới ngày càng phát triển, không còn những “nghệ sĩ” và “nghệ thuật” phi lí, phản cảm như thiên phóng sự đã phơi bày.

NV2. Để xóa bỏ những hủ tục lạc hậu trong cuộc sống hiện đại, cần thực hiện một số biện pháp sau:

- **Nâng cao nhận thức cộng đồng:**
 - + Giáo dục và tuyên truyền là phương pháp quan trọng nhằm giúp mọi người hiểu được những tác hại của hủ tục lạc hậu.
 - + Giúp mọi người phân biệt giữa các phong tục mang giá trị văn hóa cực và các truyền thống lạc hậu. Những hủ tục không còn phù hợp cần được thay đổi hoặc loại bỏ, trong khi vẫn giữ bản sắc văn hóa tốt đẹp.
- **Thực thi luật và chính sách:** Cấm hành động và thực hiện nghiêm túc các chính sách cấm đoán hoặc hạn chế những hủ tục liên tục gây ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội, đặc biệt là liên quan đến quyền con người và bình đẳng giới.
- **Nâng cao vai trò của người đứng đầu cộng đồng:** Các lãnh đạo, trưởng làng hoặc những người có uy tín cần làm gương và tiên phong trong loại bỏ các hủ tục. Sự thay đổi từ những người có tầm ảnh hưởng sẽ tạo ra sức lan tỏa lớn.
- **Tăng cường phát triển kinh tế - xã hội:** Khi đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện, con người sẽ dễ dàng tiếp nhận lối sống văn minh và loại bỏ những quan niệm cũ kĩ, không phù hợp với thực tế hiện đại.
Những giải pháp này, nếu được thực hiện đồng bộ và triển khai, sẽ góp phần xây dựng một xã hội phát triển bền vững, tiên bộ và giàu tính nhân văn.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản khác có cùng thể loại, đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 2. *Bước vào đời* (Đào Duy Anh)

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 70, 71

VĂN BẢN 2: **BƯỚC VÀO ĐỜI**

(Trích *Nhớ nghĩ chiều hôm*)

- Đào Duy Anh -

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Qua quá trình dạy Đọc, giúp HS:

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hồi kí thể hiện trong văn bản *Bước vào đời* của tác giả Đào Duy Anh: tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật (miêu tả, trần thuật); sự kết hợp của các chi tiết, sự kiện với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết. Qua đó, HS nhận thức được bối cảnh chính trị, xã hội Việt Nam giữa thập niên hai mươi của thế kỉ XX và hoài bão của tầng lớp thanh niên trên hành trình đi tìm con đường sự nghiệp của cá nhân.

- HS rèn luyện kĩ năng phân tích tác phẩm hồi kí (tính phi hư cấu; hiện thực được phản ánh; ý nghĩa của văn bản và bài học với người tiếp nhận;...)

- HS vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống để phân tích và đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm kí đối với người đọc và tiến bộ xã hội.

2. Phẩm chất. Biết trân trọng những quyết định, hành động hướng về những lí tưởng cao đẹp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Học liệu:** SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- HS có hứng thú đối với bài học.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm về chủ đề sẽ học trong VB.

b. Nội dung hoạt động: Xem video và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe video về việc chọn trường đại học của các bạn HS.

<https://www.youtube.com/watch?v=IMBgZ4P0-Ck>

- Trả lời câu hỏi: Qua video, em hãy cho biết việc chọn ngành nghề học trong tương lai của các bạn trẻ thường chịu tác động bởi những yếu tố nào?

Bước 2+3: Thực hiện và báo cáo kết quả

- HS xem video, trả lời câu hỏi của GV
- GV động viên, khuyến khích HS.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét câu trả lời của HS và định hướng.

Việc chọn nghề nghiệp của các bạn trẻ có thể chịu tác động từ những yếu tố sau: đam mê, hoài bão của cá nhân; xu hướng của xã hội; những tấm gương thành công đi trước;...

- GV dẫn vào bài:

Trong giai đoạn “bước vào đời”, việc định hướng tương lai của mỗi cá nhân thường chịu tác động bởi nhiều yếu tố khác nhau, có thể là gia đình, môi trường học tập, xu hướng xã hội hay từ chính bản thân mỗi người với những ước mơ, hoài bão riêng.

Đối với học giả Đào Duy Anh, chỉ một cuộc gặp gỡ với nhà yêu nước Phan Bội Châu đã quyết định đến cả cuộc đời ông. Điều đó đã được học giả chia sẻ trong trích đoạn hồi kí “*Bước vào đời*” (trích *Nhớ nghĩ chiều hôm*).

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nhiệm vụ 1. Đọc và tìm hiểu chung

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm: Các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp văn học của tác giả Đào Duy Anh; hoàn cảnh ra đời, nội dung chính của tác phẩm “*Nhớ nghĩ chiều hôm*”.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Thuyết trình của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS				SẢN PHẨM			
*Hướng dẫn HS tìm hiểu tác giả, tác phẩm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS báo cáo thông tin tìm hiểu về tác giả - tác phẩm theo hình thức sau: + PP đóng vai để phỏng vấn: Phóng viên – học giả Đào Duy Anh. + Hoàn thiện bảng kiến thức sau vào trong vở				I. Đọc và tìm hiểu chung 1. Tác giả và tác phẩm			
				Tác giả Đào Duy Anh 	- Năm sinh – năm mất: 1904-1988 - Quê ở tỉnh Thanh Hóa,	- Là học giả có những đóng góp quan trọng trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu. - Ông được xem là người đặt nền móng cho ngành Khoa học Lịch sử, Khoa học xã	Tác phẩm tiêu biểu: <i>Hán Việt từ điển giản yếu</i> (1932), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i> (1938)...
Tác giả	Năm sinh – mất	Vị trí, vai trò...	Các tác phẩm tiêu biểu				
Đào Duy Anh	... Quê quán...		...				
Tác phẩm	Thể loại	Năm sáng tác...	Nội dung chính:				
<i>Nhớ nghĩ chiều hôm</i>	...		...				

chiều hôm						hội và nhân văn ở Việt Nam.	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đóng vai. - HS hoàn thiện bảng kiến thức - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo sản phẩm: HS trình bày kiến thức đã tiếp nhận được (1-2 HS)				Tác phẩm <i>Nhớ nghĩ chiều hôm</i>	Thể loại: Hồi kí	- Viết xong năm 1972, hoàn chỉnh năm 1974.	Nội dung chính: thuật lại những chặng đường chính trong cuộc đời hoạt động chính trị, văn hóa, khoa học của học giả Đào Duy Anh, đồng thời chứa đựng nhiều suy tư, trăn trở của tác giả về mối quan hệ giữa giới trí thức Việt Nam với dân tộc, về sứ mệnh của thanh niên với tương lai đất nước
*Hướng dẫn HS đọc và tóm tắt văn bản “Bước vào đời” Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV hướng dẫn HS đọc VB. - GV lưu ý về cách đọc VB hồi kí: đọc to rõ ràng, chú ý các tên riêng, các mốc thời gian. - GV đọc mẫu một đoạn, sau đó yêu cầu một vài HS đọc tiếp. - GV lưu ý HS trong quá trình đọc chú ý các thẻ chiến lược đọc ở lề bên phải của VB. - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích và giải thích từ khó. * Yêu cầu HS thực hiện các yêu cầu sau: - <i>Nêu vị trí của văn bản.</i> - <i>Nêu nội dung khái quát của văn bản.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB. - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu. - HS thực hiện. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Đại diện 1 số HS đọc VB. - Các HS khác nhận xét. Bước 4. Kết luận, nhận định				2. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản a. Đọc VB, tìm hiểu chú thích b. Vị trí: Thuộc phần đầu của cuốn hồi kí “Nhớ nghĩ chiều hôm”. c. Nội dung khái quát: Kể về sự kiện đánh dấu giai đoạn “bước vào đời” của tác giả Đào Duy Anh.			

GV chuẩn hóa kiến thức.	

Nhiệm vụ 2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu

- Nhận biết, phân tích được sự kết hợp giữa hư cấu và phi hư cấu trong VB hồi kí.
- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và hiểu biết về lịch sử để nhận xét, đánh giá văn bản văn học.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu văn bản

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM																						
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV chia lớp thành 4 nhóm, thảo luận trong thời gian 5 phút: - GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm Nhóm 1. Tìm hiểu tính phi hư cấu của VB. Làm rõ những vấn đề sau: 1. Xác định bối cảnh đời sống chính trị - xã hội Việt Nam được thể hiện trong đoạn trích. 2. Nêu tên các nhân vật lịch sử và sức ảnh hưởng của các nhân vật ấy đối với những thanh niên giàu tính dân tộc được thể hiện trong đoạn trích. Nhóm 2. Tìm hiểu tính phi hư cấu của VB. Làm rõ những vấn đề sau: 1. Tìm hiểu những kí ức của tác giả về hoài bão “bước vào đời” bằng cách hoàn thành bảng sau: <table><tr><th>Những kí ức</th><th>Biểu hiện</th></tr><tr><td>Xuất phát điểm của nhân vật “tôi”</td><td></td></tr><tr><td>Việc tiếp xúc với các thông tin</td><td></td></tr><tr><td>Cuộc gặp gỡ với Phan Bội Châu</td><td></td></tr><tr><td>Ảnh hưởng từ lễ tang Phan Châu Trinh</td><td></td></tr></table> 2. Theo em, điều gì đã thôi thúc tác giả hành động vì hoài bão? <td> III. Khám phá văn bản 1. Đặc trưng và sức hấp dẫn của thể loại hồi kí qua văn bản 1.1. Tính phi hư cấu của thể loại hồi kí a. Tính phi hư cấu được thể hiện trong văn bản *Bối cảnh thời đại được tái hiện: Một giai đoạn lịch sử; đời sống chính trị xã hội Việt Nam giữa thập niên hai mươi của thế kỉ XX. * Những nhân vật mang dấu ấn lịch sử: Đoạn trích đã nhắc đến Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu, đặc biệt là sự xuất hiện của Phan Bội Châu tại trụ sở Hội Quảng tri. Những sự kiện gắn với hai nhân vật lịch sử này đã có tác động sâu sắc đến suy nghĩ, sự lựa chọn và hành động của đông đảo tầng lớp thanh niên giàu tinh thần dân tộc, trong đó có Đào Duy Anh. * Những kí ức của tác giả về hoài bão bước vào đời: <table><tr><th>Kí ức của tác giả</th><th>Biểu hiện</th><th>Nhận xét</th></tr><tr><td>Xuất phát điểm của nhân vật “tôi”</td><td>Dạy ở trường tiểu học tỉnh lị Quảng Bình, trong bầu không khí “êm đềm uể oải”; mong muốn một nơi có sinh hoạt văn hoá rộng rãi hơn.</td><td>Bản thân tác giả đã mang trong mình hoài bão làm những việc lớn lao, lại được sống trong một thời đại có nhiều sự kiện tác động đến đời sống chính trị lúc bấy giờ, đó là động lực dẫn đến những quyết định trọng đại trong cuộc đời của tác giả</td></tr><tr><td>Việc tiếp xúc với các thông tin</td><td>Qua báo chí, với những tin tức về các sự kiện lớn liên quan đến các nhân vật lịch sử (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh) đã đem đến một luồng suy nghĩ mới cho tác giả.</td><td></td></tr><tr><td>Cuộc gặp gỡ với Phan Bội Châu</td><td>Những ấn tượng, cảm xúc từ bài phát biểu của cụ Phan dẫn đến quyết định thay đổi cuộc đời của nhân vật “tôi”: “quyết</td><td></td></tr></table></td>	Những kí ức	Biểu hiện	Xuất phát điểm của nhân vật “tôi”		Việc tiếp xúc với các thông tin		Cuộc gặp gỡ với Phan Bội Châu		Ảnh hưởng từ lễ tang Phan Châu Trinh		III. Khám phá văn bản 1. Đặc trưng và sức hấp dẫn của thể loại hồi kí qua văn bản 1.1. Tính phi hư cấu của thể loại hồi kí a. Tính phi hư cấu được thể hiện trong văn bản *Bối cảnh thời đại được tái hiện: Một giai đoạn lịch sử; đời sống chính trị xã hội Việt Nam giữa thập niên hai mươi của thế kỉ XX. * Những nhân vật mang dấu ấn lịch sử: Đoạn trích đã nhắc đến Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu, đặc biệt là sự xuất hiện của Phan Bội Châu tại trụ sở Hội Quảng tri. Những sự kiện gắn với hai nhân vật lịch sử này đã có tác động sâu sắc đến suy nghĩ, sự lựa chọn và hành động của đông đảo tầng lớp thanh niên giàu tinh thần dân tộc, trong đó có Đào Duy Anh. * Những kí ức của tác giả về hoài bão bước vào đời: <table><tr><th>Kí ức của tác giả</th><th>Biểu hiện</th><th>Nhận xét</th></tr><tr><td>Xuất phát điểm của nhân vật “tôi”</td><td>Dạy ở trường tiểu học tỉnh lị Quảng Bình, trong bầu không khí “êm đềm uể oải”; mong muốn một nơi có sinh hoạt văn hoá rộng rãi hơn.</td><td>Bản thân tác giả đã mang trong mình hoài bão làm những việc lớn lao, lại được sống trong một thời đại có nhiều sự kiện tác động đến đời sống chính trị lúc bấy giờ, đó là động lực dẫn đến những quyết định trọng đại trong cuộc đời của tác giả</td></tr><tr><td>Việc tiếp xúc với các thông tin</td><td>Qua báo chí, với những tin tức về các sự kiện lớn liên quan đến các nhân vật lịch sử (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh) đã đem đến một luồng suy nghĩ mới cho tác giả.</td><td></td></tr><tr><td>Cuộc gặp gỡ với Phan Bội Châu</td><td>Những ấn tượng, cảm xúc từ bài phát biểu của cụ Phan dẫn đến quyết định thay đổi cuộc đời của nhân vật “tôi”: “quyết</td><td></td></tr></table>	Kí ức của tác giả	Biểu hiện	Nhận xét	Xuất phát điểm của nhân vật “tôi”	Dạy ở trường tiểu học tỉnh lị Quảng Bình, trong bầu không khí “êm đềm uể oải”; mong muốn một nơi có sinh hoạt văn hoá rộng rãi hơn.	Bản thân tác giả đã mang trong mình hoài bão làm những việc lớn lao, lại được sống trong một thời đại có nhiều sự kiện tác động đến đời sống chính trị lúc bấy giờ, đó là động lực dẫn đến những quyết định trọng đại trong cuộc đời của tác giả	Việc tiếp xúc với các thông tin	Qua báo chí, với những tin tức về các sự kiện lớn liên quan đến các nhân vật lịch sử (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh) đã đem đến một luồng suy nghĩ mới cho tác giả.		Cuộc gặp gỡ với Phan Bội Châu	Những ấn tượng, cảm xúc từ bài phát biểu của cụ Phan dẫn đến quyết định thay đổi cuộc đời của nhân vật “tôi”: “quyết	
Những kí ức	Biểu hiện																						
Xuất phát điểm của nhân vật “tôi”																							
Việc tiếp xúc với các thông tin																							
Cuộc gặp gỡ với Phan Bội Châu																							
Ảnh hưởng từ lễ tang Phan Châu Trinh																							
Kí ức của tác giả	Biểu hiện	Nhận xét																					
Xuất phát điểm của nhân vật “tôi”	Dạy ở trường tiểu học tỉnh lị Quảng Bình, trong bầu không khí “êm đềm uể oải”; mong muốn một nơi có sinh hoạt văn hoá rộng rãi hơn.	Bản thân tác giả đã mang trong mình hoài bão làm những việc lớn lao, lại được sống trong một thời đại có nhiều sự kiện tác động đến đời sống chính trị lúc bấy giờ, đó là động lực dẫn đến những quyết định trọng đại trong cuộc đời của tác giả																					
Việc tiếp xúc với các thông tin	Qua báo chí, với những tin tức về các sự kiện lớn liên quan đến các nhân vật lịch sử (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh) đã đem đến một luồng suy nghĩ mới cho tác giả.																						
Cuộc gặp gỡ với Phan Bội Châu	Những ấn tượng, cảm xúc từ bài phát biểu của cụ Phan dẫn đến quyết định thay đổi cuộc đời của nhân vật “tôi”: “quyết																						

3. Nêu tác dụng của tính phi hư cấu trong văn bản.									
Nhóm 3. Tìm hiểu thủ pháp trần thuật trong VB. Cần làm rõ những vấn đề sau: 1. Tác giả kể lại câu chuyện theo ngôi kể và điểm nhìn nào? 2. Nêu tác dụng của việc lựa chọn điểm nhìn của người viết.		<table><tr><td></td><td>định đi Sài Gòn để viết báo”.</td><td></td></tr><tr><td>Ảnh hưởng từ lễ tang Phan Châu Trinh</td><td>Những lời ca tụng trong bài <i>Văn tế cụ Phan Châu Trinh</i> càng thúc giục tác giả làm những điều cao cả theo tấm gương của những nhà cách mạng.</td><td></td></tr></table>			định đi Sài Gòn để viết báo”.		Ảnh hưởng từ lễ tang Phan Châu Trinh	Những lời ca tụng trong bài <i>Văn tế cụ Phan Châu Trinh</i> càng thúc giục tác giả làm những điều cao cả theo tấm gương của những nhà cách mạng.	
	định đi Sài Gòn để viết báo”.								
Ảnh hưởng từ lễ tang Phan Châu Trinh	Những lời ca tụng trong bài <i>Văn tế cụ Phan Châu Trinh</i> càng thúc giục tác giả làm những điều cao cả theo tấm gương của những nhà cách mạng.								
Nhóm 4. Tìm hiểu yếu tố miêu tả, biểu cảm trong VB. Cần làm rõ những vấn đề sau: 1. Chỉ ra một số yếu tố miêu tả, biểu cảm được sử dụng trong VB. 2. Nêu vai trò của yếu tố miêu tả, biểu cảm trong việc giúp tác giả tái hiện kí ức về một giai đoạn đã qua của cuộc đời.		b. Tác dụng của việc sử dụng tính phi hư cấu + Làm sống lại những kí ức chân thật về một đoạn đời của người viết hoặc của lịch sử đất nước, dân tộc. + Tác giả chủ động bố trí, sắp xếp sự kiện theo mạch truyện và điểm nhìn để tăng tính hấp dẫn. 1.2. Một số thủ pháp nghệ thuật a. Thủ pháp trần thuật - Sự kiện chính: Kí ức về giai đoạn “bước vào đời” của tác giả. - Người kể chuyện: ngôi thứ nhất, người kể xưng “tôi”, trực tiếp kể lại hồi ức về sự thay đổi tư duy và hành động của bản thân dưới sự tác động của thời cuộc và tấm gương các nhà cách mạng chân chính. - Điểm nhìn của tác giả khi kể câu chuyện: + Điểm nhìn cá nhân: Tái hiện dòng hồi ức của nhân vật tôi về các sự kiện lớn đánh dấu bước ngoặt quan trọng của cuộc đời mình. + Điểm nhìn thời đại: Tái hiện bối cảnh chính trị sôi động ở Việt Nam đầu thế kỉ XX, suy nghĩ và hành động của lớp trí thức trước các vấn đề quan trọng của quốc gia, dân tộc. - Tác dụng: + Vấn đề được soi chiếu từ nhiều góc độ, vừa có sự chi tiết, chân thực của cảm nhận cá nhân, vừa có sự khách quan, thuyết phục từ bối cảnh xã hội và các nhân vật lịch sử có thật. + Từ điểm nhìn của người kể, người đọc hình dung rõ nét sự trưởng thành trong tư tưởng và hành động của cá nhân, của thế hệ thanh niên, đặc biệt là tầng lớp trí thức dưới sự tác động của thời đại. Sự lựa chọn của nhân vật “tôi” phản ánh suy tư, khát vọng và sự lựa chọn của thế hệ trước sự thôi thúc tự thân và hoàn cảnh xã hội đương thời. b. Sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm							
		<table><tr><th>Yếu tố</th><th>Biểu hiện</th><th>Vai trò</th></tr><tr><td>Miêu tả</td><td>- Nói về cảnh sinh hoạt tại trụ sở Hội Quảng tri ở phần đầu văn bản. - Thể hiện tập trung ở đoạn văn nói về sự kiện Phan Bội Châu đến dự cuộc tiếp đón tại địa điểm nêu trên.</td><td>- Tạo ấn tượng về các sự việc, nhân vật; tạo chất văn cho những hồi ức được kể lại; đem đến cảm xúc và sức hấp dẫn cho người đọc khi tiếp xúc với văn bản. - Giúp người đọc cảm nhận rõ nét hành trình đi</td></tr></table>		Yếu tố	Biểu hiện	Vai trò	Miêu tả	- Nói về cảnh sinh hoạt tại trụ sở Hội Quảng tri ở phần đầu văn bản. - Thể hiện tập trung ở đoạn văn nói về sự kiện Phan Bội Châu đến dự cuộc tiếp đón tại địa điểm nêu trên.	- Tạo ấn tượng về các sự việc, nhân vật; tạo chất văn cho những hồi ức được kể lại; đem đến cảm xúc và sức hấp dẫn cho người đọc khi tiếp xúc với văn bản. - Giúp người đọc cảm nhận rõ nét hành trình đi
Yếu tố	Biểu hiện	Vai trò							
Miêu tả	- Nói về cảnh sinh hoạt tại trụ sở Hội Quảng tri ở phần đầu văn bản. - Thể hiện tập trung ở đoạn văn nói về sự kiện Phan Bội Châu đến dự cuộc tiếp đón tại địa điểm nêu trên.	- Tạo ấn tượng về các sự việc, nhân vật; tạo chất văn cho những hồi ức được kể lại; đem đến cảm xúc và sức hấp dẫn cho người đọc khi tiếp xúc với văn bản. - Giúp người đọc cảm nhận rõ nét hành trình đi							

	Biểu cảm	- Kết hợp với yếu tố tìm hoài bão “bước vào miêu tả về Phan Bội đời” của tác giả cũng là hành trình trưởng thành - Đoạn văn cuối nói về của người trí thức gắn bó cảm xúc của tác giả khi sâu sắc với vận mệnh của nghe những câu văn quốc gia, dân tộc. trong bài <i>Văn tế cụ Phan Châu Trinh</i>.
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS suy nghĩ, thảo luận trong cặp đôi: <i>? Qua đoạn trích, em rút ra bài học gì về sự lựa chọn hướng đi khi đứng trước ngưỡng cửa cuộc đời?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, thảo luận theo bàn. - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo sản phẩm - GV gọi đại diện một số HS trả lời. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chuẩn kiến thức	2. Bài học – Thông điệp từ văn bản *Bài học về sự lựa chọn hướng đi khi đứng trước ngưỡng cửa cuộc đời: - Đối tượng lựa chọn không chỉ đơn giản là một nghề nghiệp, một công việc mà còn là một lí tưởng, một hướng đi đúng đắn. Điều này thể hiện ý thức của cá nhân trong cộng đồng, trách nhiệm của một công dân với đất nước. - Trách nhiệm của mỗi người trẻ với tư cách là một thanh niên thế hệ mới: + Mỗi người cần suy nghĩ đến con đường mình sẽ đi để có những cống hiến cho đất nước. + Cần không ngừng rèn luyện, hoàn thiện bản thân mỗi ngày cả về thể lực, đạo đức, trí tuệ. + Luôn có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tránh để đối tượng xấu dụ dỗ, lôi kéo.	

Nhiệm vụ 3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu: + Hãy khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm. + Nêu cách đọc hiểu một tác phẩm hồi kí Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ, báo cáo HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp Trả lời câu hỏi Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung - Kể về sự kiện đánh dấu giai đoạn “bước vào đời” của tác giả Đào Duy Anh, qua đó người đọc thấy được khao khát của lớp thanh niên giàu tinh thần dân tộc lúc bấy giờ. - Đem đến cho người đọc, nhất là những người trẻ bài học quý giá khi đứng trước ngưỡng cửa của cuộc đời. 2. Nghệ thuật - Tính phi hư cấu. - Sự kết hợp giữa thủ pháp trần thuật và yếu tố miêu tả, biểu cảm. IV. Cách đọc hiểu hồi kí nói chung 1. Biết được tên tác phẩm, tác giả, hoàn cảnh sáng tác và vị trí đoạn trích. 2. Xác định nội dung ghi chép, chủ thể trần thuật. 3. Hình dung về bối cảnh ra đời, nội dung phản ánh, trần thuật, miêu tả, biểu cảm.

	4. Phân tích hình tượng người trần thuật để hiểu rõ những sự kiện được tái hiện gắn liền với góc nhìn, thái độ và đánh giá của người viết. 5. Chỉ ra được tính phi hư cấu của văn bản. Phân tích được tác dụng của sự kết hợp giữa miêu tả và trần thuật. 6. Đọc hiểu ý nghĩa văn bản và rút ra bài học, kinh nghiệm cho bản thân.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Từ nội dung văn bản “Bước vào đời” và những trải nghiệm cá nhân, bạn hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) về chủ đề: *Khát vọng của tuổi trẻ hôm nay*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân (tại lớp hoặc ở nhà).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Học sinh đọc bài viết (GV chọn 1-2 HS có đoạn viết hoàn chỉnh) .

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét, đánh giá hoặc cho điểm HS.

- Học sinh đánh giá điểm bài viết theo Rubric.

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	0,5
	- Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn	0
Nội dung	Trình bày suy nghĩ của bạn về khát vọng của tuổi trẻ hôm nay từ những cảm nhận, liên tưởng qua việc tìm hiểu văn bản “ <i>Bước vào đời</i> ”.	
	+ Cảm nhận về những khát khao của lớp thanh niên được đề cập trong văn bản.	2
	+ Cảm nhận về bối cảnh mới và những đòi hỏi của thời đại đối với lớp thanh niên hiện nay.	3
	+ Nêu những thông điệp và bài học đối với cá nhân về việc lựa chọn hướng đi, lựa chọn lí tưởng sống.	3
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Đoạn văn tham khảo

Tìm hiểu văn bản “Bước vào đời” của Đào Duy Anh, chúng ta không thôi trăn trở về khát vọng của tuổi trẻ hôm nay. Thông qua câu chuyện của chính mình, tác giả Đào Duy Anh đã kể lại hành trình đi tìm lí tưởng, thực hiện khát vọng cũng là hành trình trưởng thành của người trí thức gắn bó sâu sắc với vận mệnh của quốc gia dưới sức ảnh hưởng to lớn của yếu tố thời đại, các nhà yêu nước cách mạng. Có thể thấy, khát vọng chính là ngọn lửa thôi thúc mỗi người vượt qua giới hạn bản thân để vươn tới những tầm cao mới. Trong thời đại hiện đại, khi công nghệ phát triển mạnh mẽ và thế giới ngày càng hội nhập, chúng ta sống giữa vô vàn cơ hội và thách thức. Chúng ta được thừa hưởng những thành tựu khoa học kĩ thuật tiên tiến, học tập và trưởng thành trong môi trường hiện đại. Tuy nhiên, chúng ta cũng đối mặt với nhiều khó khăn như áp lực học tập, vấn đề việc làm và những cám dỗ của xã hội. Vì vậy, khát vọng của tuổi trẻ hôm nay là được học tập, rèn luyện và cống hiến cho xã hội. Khát vọng của tuổi trẻ hiện nay không chỉ là ước mơ thành công cá nhân mà còn là trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng và đất nước. Tuổi trẻ ngày nay mang trong mình tinh thần sáng tạo, ý chí kiên cường và mong muốn khẳng định giá trị của chính mình.

Từ công việc theo đuổi tri thức, rèn luyện kỹ năng đến tham gia các hoạt động xã hội, thế hệ trẻ đang từng bước xây dựng nền móng vững chắc cho tương lai. Chính khát vọng ấy là động lực giúp họ vượt qua khó khăn, biến ước mơ thành hiện thực và viết nên câu chuyện đầy cảm hứng cho cuộc đời mình. Hãy để chính khát vọng của tuổi trẻ dẫn dắt chúng ta đến thành công, góp phần xây dựng một Việt Nam ngày càng giàu mạnh và văn minh.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Những chia sẻ, cảm nhận của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

- Tìm xem các video hoặc đọc các bài viết của một nhân vật nổi tiếng chia sẻ về những trải nghiệm của bản thân khi đứng trước ngưỡng cửa của cuộc đời.
- Ghi lại câu chuyện của nhân vật nổi tiếng đó, chia sẻ với các bạn trong lớp và rút ra thông điệp/ bài học cho bản thân.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS tìm hiểu các video hoặc đọc các bài viết của một nhân vật nổi tiếng theo yêu cầu của GV.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

HS chia sẻ câu chuyện cùng những suy nghĩ, cảm nhận của bản thân

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của cá nhân HS, những câu chuyện HS chia sẻ.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản khác có cùng đề tài.
- **Chuẩn bị bài:** Thực hành tiếng Việt: *Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.*

THỰC HÀNH ĐỌC

VĨ TUYÊN 17

(Trích *Gánh gánh ...gồng gồng...*, Xuân Phượng)

I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

1. Tác giả Xuân Phượng

- Tên khai sinh là Nguyễn Thị Xuân Phượng, sinh năm 1929
- Quê ở tỉnh Thừa Thiên Huế
- Là đạo diễn, nhà văn, từng tham gia kháng chiến và tham gia hoạt động ở rất nhiều lĩnh vực (tuyên huấn, bác sĩ, làm quân giới, phiên dịch viên tiếng Pháp, làm báo, phóng viên chiến trường, đạo diễn phim tài liệu,..)

2. Văn bản “Vĩ tuyến 17”

a. Thể loại: Hồi kí

b. Xuất xứ và hoàn cảnh sáng tác:

- Trích trong hồi kí “*Gánh gánh...gồng gồng*”.
- Hồi kí viết về cuộc đời của tác giả Xuân Phượng, từ khi bà còn là học sinh trường Quốc học Huế cho đến thời điểm cuốn sách được xuất bản (năm 2000).

c. Nội dung văn bản

Văn bản “Vĩ tuyến 17” đã tái hiện một hành trình đầy gian khổ và ý nghĩa của đoàn làm phim Việt Nam khi thực hiện bộ phim tài liệu về cuộc sống của người dân Vĩnh Linh trong chiến tranh.

III. Thực hành đọc VB

1. Đặc trưng và sức hấp dẫn của thể loại hồi kí qua văn bản

1.1. Tính phi hư cấu của thể loại hồi kí

*** Thời gian:**

- Bối cảnh câu chuyện diễn ra vào những năm 1960, đặc biệt là năm 1967, khi cuộc chiến đang đi vào giai đoạn đặc biệt ác liệt giữa Việt Nam và đế quốc Mỹ tại vĩ tuyến 17.

- Trong văn bản, tập trung vào hành trình 28 ngày mà đoàn làm phim tài liệu di chuyển quãng đường trên một ngàn cây số Hà Nội – Vĩnh Linh (Quảng Trị).

*** Không gian:**

- Không gian chính: Không gian chiến trường ác liệt từ Hà Nội vào Vĩnh Linh (Quảng Trị), gắn với những con đường lớn nhón hố bom cày, những con hào chiến đấu, những hầm trú ẩn, những hang đá ẩn náu, những con đèo,...

- Ngoài ra còn có không gian ở Phủ Chủ tịch

*** Hiện thực đời sống lịch sử - xã hội được phản ánh qua văn bản**

Tác phẩm đã góp phần tái hiện một cách chân thực, sinh động hiện thực đời sống lịch sử - xã hội của người dân Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ cứu nước.

- Phản ánh hiện thực chiến tranh vô cùng khốc liệt tại vĩ tuyến 17: Hiện thực này được phản ánh qua những chi tiết đầy sức ám ảnh trong văn bản:

+ những trận bom bi dội xuống những con đường, những tiếng nổ chát chúa, những tia chớp xanh lét, những ánh sáng xanh ma quái của pháo sáng,...;

+ cảnh chạy xe trong đêm tối của đoàn làm phim ngày nghỉ đêm đi, cảnh vượt phà trên sông,...;

+ cảnh bị thương của những đồng chí trong đoàn làm phim bởi bom bi, va chạm xe trên những con đường chằng chịt hố bom,...

- Văn bản còn cho thấy sự kiên cường, ý chí chiến đấu của những người trong đoàn làm phim vượt lên trên những khó khăn và đau thương mà họ phải trải qua cùng tinh thần đoàn kết của quân dân ta: Dù con đường từ Hà Nội vào Vĩnh Linh cái chết luôn rình rập đoàn làm phim nhưng họ quyết không lùi bước. Tinh thần của những người trong đoàn làm phim được thể hiện rõ nhất trong lời tổng kết của đồng chí Phi Hùng thuộc Xưởng phim Giao thông vận tải ở cuối VB. Từ Bộ chính trị cho đến Ủy ban địa phương, nhân dân địa phương đều tạo điều kiện hết mức, cố gắng đảm bảo an toàn cho 2 nhà làm phim Hà Lan. Sau những phút đối diện giữa sự sống và cái chết, họ có thể cùng nhau thưởng thức một bát chè xanh, một viên kẹo đường, một điều thuốc lá.

*** Mối liên hệ giữa người ghi chép và sự việc:**

- Người ghi chép:

+ Là một nhà văn, nhà báo trực tiếp tham gia vào cuộc chiến tranh.

+ Có mặt trực tiếp ở chiến trường, chứng kiến những sự kiện lịch sử quan trọng.

- Mối liên hệ giữa người ghi chép và sự việc được kể lại: Tác giả không chỉ là người ghi chép mà còn là nhân chứng của những sự kiện được kể lại trong tác phẩm. Bà có mối liên hệ mật thiết với những gì diễn ra, vừa là người quan sát, vừa là người trải nghiệm, người ghi chép lại. Do đó, những sự việc trong văn bản được hiện lên vô cùng chân thực, khách quan.

1.2. Một số thủ pháp nghệ thuật

a. Thủ pháp trần thuật

- **Sự kiện chính:** Tái hiện hành trình đầy gian khổ và ý nghĩa của đoàn làm phim Việt Nam khi thực hiện bộ phim tài liệu về cuộc sống của người dân Vĩnh Linh trong chiến tranh.

- **Người kể chuyện:** ngôi thứ nhất, người kể xưng “tôi”, vừa là người chứng kiến, vừa là người kể lại các sự việc.

- **Trình tự trần thuật:** Tái hiện các sự kiện diễn ra theo trình tự thời gian.

b. Sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm

Yếu tố	Biểu hiện	Vai trò
Miêu tả	Chủ yếu là miêu tả không gian những chặng đường gian khổ với sự khốc liệt của bom đạn chiến tranh mà đoàn làm phim đã di chuyển qua, từ Hà Nội vào Vĩnh Linh. Chẳng hạn: “ <i>vượt qua những con đường lớn nhón hố bom cày nát, mò mẫm đi trong đêm với ánh sáng leo lắt từ một ngọn đèn nhỏ gắn ở gầm xe</i> ”; “ <i>...những đợt ánh sáng xanh ma quái khét lét kết hợp với tiếng gầm rú điên cuồng của đủ loại máy bay Mỹ chằng chịt xuyên qua bầu trời</i> ”;...	- Nhấn mạnh, gây ấn tượng hơn cho người đọc về các sự việc, nhân vật được kể lại; càng tô đậm hơn sự khốc liệt của chiến tranh. - Đem đến cảm xúc và sức hấp dẫn cho người đọc khi tiếp xúc với văn bản.

Biểu cảm	Bộc lộ cảm xúc cá nhân của tác giả về những gì đã chứng kiến. + Sự xót xa, đồng cảm trước nỗi đau của những người trong đoàn làm phim; những mất mát mà nhân dân phải gánh chịu bởi chiến tranh. + Cảm động, tự hào trước tình cảm của quân dân, trước ý chí của mọi người trước bom đạn kẻ thù. Chẳng hạn: “<i>Khó chịu đựng nhất, gây căng thẳng nhất và đáng sợ nhất là những đợt ánh sáng xanh ma quái....</i>”; “<i>Kì diệu thay tuổi trẻ, máu đã ngừng chảy</i>”,...	

c. Chi tiết tiêu biểu

Đoạn trích có nhiều chi tiết về sự việc, con người để lại ấn tượng sâu sắc với tác giả.

- Sự việc anh quay phim Đào Lê Bình bị thương do bom bi càn, tác giả là người trực tiếp sơ cứu.
- Sự việc va chạm giữa chiếc xe Jeep chở đoàn làm phim với một chiếc xe vận tải khiến cho những mảnh kính bắn vào mặt tác giả, bà Mác-xơ-lin bị thương nặng ở chân, cả hai được khám ở một trạm quân y sâu trong rừng.
- Tác giả còn ấn tượng với lời tổng kết về những khó khăn mà đoàn làm phim đã vượt qua của đồng chí Phi Hùng thuộc Xưởng phim Giao thông vận tải.

- ..

=> Suốt dọc hành trình di chuyển gần 1 nghìn cây số cùng đoàn làm phim, điều mà tác giả ấn tượng đó là sự khốc liệt, nguy hiểm của chiến tranh với cái chết luôn thường trực; bên cạnh đó là tình người, tình đồng chí đồng đội, ý chí của tất cả mọi người.

2. Văn phong của tác giả

- Kết hợp tự sự với yếu tố miêu tả, biểu cảm.
- Sử dụng ngôn ngữ chân thực, giản dị, giàu hình ảnh, dùng nhiều từ ngữ gợi hình và các biện pháp tu từ (phép liệt kê, so sánh, điệp từ,...)
- Kết hợp lời người kể chuyện và lời của các nhân vật; đan xen câu văn ngắn với các câu văn dài.

Tiết 72:

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: NGÔN NGỮ TRANG TRỌNG VÀ NGÔN NGỮ THÂN MẬT

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- Hiểu được đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật; cách sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong đời sống.
- Vận dụng được những kiến thức, kĩ năng về ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật một cách hiệu quả trong các hoạt động giao tiếp của cá nhân

2. Phẩm chất:

- Bồi dưỡng cho HS ý thức học tập, yêu thích vẻ đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt.
- Có ý thức sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật phù hợp với từng hoàn cảnh giao tiếp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Thiết bị:** Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, A4, bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, sơ đồ, bảng biểu, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.
- Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu video về bài phát biểu của thủ khoa ĐH Hoa Sen (từ đầu – 3h20) https://www.youtube.com/watch?v=ayXgGTup-ps Câu hỏi: Theo em, bài phát biểu trên mang sắc thái trang trọng hay thân mật? Lí giải. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Bước 4: Kết luận, nhận định	Gợi ý Bài phát biểu mang sắc thái vừa trang trọng, vừa thân mật: - Sắc thái trang trọng: thể hiện qua việc chào hỏi, thưa gửi, xin phép sử dụng cách xưng hô “mình – các bạn”; những lời chia sẻ lịch sự. - Sắc thái trang trọng được quy định bởi hoàn cảnh phát biểu, ý nghĩa của bài phát biểu: đây là bài phát biểu suy nghĩ của bạn thủ khoa đại diện cho tất cả các bạn SV vừa tốt nghiệp phát biểu trong buổi lễ tốt nghiệp của nhà trường. - Sắc thái thân mật: Trong quá trình phát biểu, người nói xuất phát từ tư cách của một sinh viên nói với các bạn sinh viên khác để nói lên suy nghĩ, từ đó lời chia sẻ dễ khơi gợi sự đồng cảm giữa người nói và người nghe, tăng hiệu quả giao tiếp, giúp bài phát biểu dễ đi vào lòng người hơn. - Sắc thái thân mật được thể hiện qua cách tạo không khí vui vẻ đầu video qua lời đùa; qua cách sử dụng từ ngữ dân dã (...<i>phượt thủ từ quận 2 qua quận 1</i>...) => Như vậy, sắc thái trang trọng hay thân mật của bài phát biểu sẽ được tạo nên bởi cách lựa chọn ngôn ngữ của người nói.

GV kết nối, dẫn vào bài mới: Trong giao tiếp, tùy vào từng hoàn cảnh giao tiếp mà người nói lựa chọn ngôn ngữ trang trọng hay ngôn ngữ thân mật, để đạt được hiệu quả giao tiếp đã đặt ra.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- Mục tiêu:** HS tìm hiểu ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật
- Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, cặp đôi để trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN			SẢN PHẨM								
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: Thảo luận cặp đôi: 1. Theo dõi mục Tri thức Ngữ văn (tr 39/SHS) và khung “<i>Ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật</i>” (tr 50 – 51/ SHS). Hoàn thành bảng sau: <table><tr><th>So sánh</th><th>Ngôn ngữ trang trọng</th><th>Ngôn ngữ thân mật</th></tr><tr><td>Ngữ cảnh giao tiếp</td><td></td><td></td></tr></table>			So sánh	Ngôn ngữ trang trọng	Ngôn ngữ thân mật	Ngữ cảnh giao tiếp			I. LÝ THUYẾT 1. Đặc điểm của ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật		
			So sánh	Ngôn ngữ trang trọng	Ngôn ngữ thân mật						
			Ngữ cảnh giao tiếp								
			Đặc điểm	Ngôn ngữ trang trọng	Ngôn ngữ thân mật						
			Ngữ cảnh giao tiếp	Có tính nghi thức	Thường ngày						
Thái độ chủ thể; đặc điểm từ ngữ, câu được sử dụng	Thái độ lịch sự, tôn trọng đối với người tiếp nhận; những từ ngữ, câu thể hiện các ý tưởng, thông tin khách quan.	Những từ ngữ, câu thể hiện thái độ thân thiện, gần gũi với người tiếp nhận. Ở một số trường hợp đặc biệt, có thể dùng									

Thái độ chủ thể; đặc điểm từ ngữ, câu được sử dụng		
Cấu trúc câu		
Tác dụng		

2. Nêu những lưu ý trong sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ
HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp đôi.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

Bước 4. Đánh giá, kết luận
Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

		tiếng lóng, biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương,...
Cấu trúc câu	Câu thường đầy đủ thành phần và có thể được tổ chức theo cấu trúc tầng bậc phức tạp.	Câu thường ngắn và có thể rút gọn thành phần.
Tác dụng	Đảm bảo tính lịch sự, trang trọng của cuộc giao tiếp	Làm gia tăng yếu tố tình cảm, xoá bỏ hoặc thu gọn khoảng cách giữa các đối tượng giao tiếp.

2. Sử dụng ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật

- Có những ngữ cảnh đòi hỏi ngôn ngữ phải trung tính, không mang tính trang trọng cũng không mang tính thân mật.
- Cần căn cứ vào ngữ cảnh để lựa chọn ngôn ngữ trang trọng hay ngôn ngữ thân mật cho phù hợp. Mức độ thân mật hay trang trọng cũng cần phải được điều tiết để không vượt quá ngưỡng mà ngữ cảnh quy định.
- Trong một số tình huống giao tiếp, có thể có sự chuyển đổi linh hoạt giữa ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật, tùy thuộc vào mối quan hệ được thiết lập giữa các đối tượng giao tiếp.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu

Phân biệt và biết cách sử dụng ngôn ngữ trang trọng, ngôn ngữ thân mật trong giao tiếp.

b. Sản phẩm: Nội dung trả lời các bài tập 1, 2, 3 (SHS/ tr. 50 - 51).

c. Tổ chức hoạt động

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Thực hành bài tập 1 (tr 50/SHS) Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Yêu cầu: Nêu những dấu hiệu giúp nhận biết ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong hai lời chào a, b. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thảo luận cặp đôi để trả lời. Bước 3. Báo cáo, thảo luận: - GV gọi đại diện một số cặp đôi trả lời. - HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	1. Bài tập 1 (tr 50/SHS): Nêu những dấu hiệu giúp nhận biết ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong hai lời chào: *Lời chào a: sử dụng ngôn ngữ trang trọng: - Ngữ cảnh giao tiếp có tính nghi thức (giữa lãnh đạo công ty và đối tác của công ty trong lần gặp gỡ nhau). - Lời chào thể hiện thái độ xã giao. - Câu văn có đầy đủ thành phần. * Ngữ liệu b: sử dụng ngôn ngữ thân mật: - Ngữ cảnh giao tiếp thường ngày (bạn bè làm quen với nhau). - Lời chào thể hiện thái độ thân thiện. - Có câu được sử dụng là câu đặc biệt.
Thực hành bài tập 2 (tr 50/SHS) Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ *Yêu cầu: Làm rõ những điểm giống nhau và khác nhau về mục đích, ngữ cảnh sử dụng và đặc điểm ngôn ngữ giữa các câu trong mỗi trường hợp. *Thảo luận nhóm: GV chia lớp thành 6 nhóm nhỏ: + Nhóm 1, 2: tìm hiểu ngữ liệu trường hợp 1.	2. Bài tập 2 (tr 50/SHS): Làm rõ những điểm giống nhau và khác nhau về mục đích, ngữ cảnh sử dụng và đặc điểm ngôn ngữ giữa các câu trong mỗi trường hợp. a. Trường hợp 1 – Giống nhau: đều là quy định về việc sử dụng điện thoại trong giờ họp. – Khác nhau: + Câu thứ nhất sử dụng ngôn ngữ thân mật, nêu thông tin dưới hình thức một câu hỏi để nhắc nhở người tham gia cuộc họp về việc dùng điện thoại.

+ Nhóm 3, 4: tìm hiểu ngữ liệu trường hợp 2. + Nhóm 5, 6: tìm hiểu ngữ liệu trường hợp 3. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận theo nhóm. - GV quan sát, động viên, khuyến khích. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện các nhóm 1, 3, 5 phát biểu. - Các HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	+ Câu thứ hai sử dụng ngôn ngữ trang trọng, nêu trực tiếp quy định sử dụng điện thoại, cách phổ biến lịch sự, nghiêm túc ngay ở đầu cuộc họp. b.Trường hợp 2 - Giống nhau: giới thiệu sự xuất hiện của một nhân vật quan trọng trong hội thảo. - Khác nhau: + Câu thứ nhất dùng cách nói trang trọng, lịch sự (<i>xin hân hạnh giới thiệu</i>), giới thiệu trực tiếp (<i>sự có mặt của diễn giả Phạm Văn B</i>). + Câu thứ hai dùng ngôn ngữ thân mật, bộc lộ tình cảm của người nói khi giới thiệu (<i>cùng chào đón nhân vật quan trọng nhất</i>). c.Trường hợp 3 - Giống nhau: Thông báo một sự kiện chuẩn bị diễn ra. - Khác nhau: + Câu thứ nhất dùng ngôn ngữ thân mật, tiếng lóng (<i>bật mí</i>) + Câu thứ hai dùng ngôn ngữ trang trọng, thông báo trực tiếp (<i>trên trọng thông báo tới toàn thể quý vị, sự kiện quan trọng sắp diễn ra ngay sau đây</i>)									
Thực hành bài tập 3(tr 51/SHS) Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Yêu cầu: Bổ sung ví dụ về các tình huống sử dụng ngôn ngữ trang trọng, ngôn ngữ thân mật. Thảo luận theo bàn trong 03 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận trong bàn theo yêu cầu của GV. - GV quan sát, động viên, khuyến khích. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện một số bàn phát biểu. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chuẩn kiến thức. GV nhấn mạnh về vai trò của việc sử dụng linh hoạt ngôn ngữ trang trọng và ngôn ngữ thân mật trong thực tiễn giao tiếp	3. Bài tập 3 Tr 51/SHS): Bổ sung ví dụ về các tình huống sử dụng ngôn ngữ trang trọng, ngôn ngữ thân mật. <table><tr><th></th><th>Ngôn ngữ trang trọng</th><th>Ngôn ngữ thân mật</th></tr><tr><td>Ngôn ngữ viết</td><td> - Thư xin việc gửi nhà tuyển dụng - Báo cáo khoa học - Đơn xin việc </td><td> - Thư hỏi thăm gửi bạn bè ở xa - Tin nhắn gửi cho bạn bè - Nhật kí cá nhân </td></tr><tr><td>Ngôn ngữ nói</td><td> - Lời phát biểu mở đầu một bữa tiệc (tân gia, đám cưới,...) - Lời phát biểu tại lễ tốt nghiệp cấp THPT, Đại học - Phát biểu tại hội thảo khoa học - Phỏng vấn xin việc </td><td> - Lời phát biểu chia tay đồng nghiệp chuyển công tác - Những lời chúc trong buổi liên hoan chia tay bạn bè - Cuộc trò chuyện giữa những người thân trong gia đình (ba mẹ - con cái; anh chị em;...) </td></tr></table>		Ngôn ngữ trang trọng	Ngôn ngữ thân mật	Ngôn ngữ viết	- Thư xin việc gửi nhà tuyển dụng - Báo cáo khoa học - Đơn xin việc	- Thư hỏi thăm gửi bạn bè ở xa - Tin nhắn gửi cho bạn bè - Nhật kí cá nhân	Ngôn ngữ nói	- Lời phát biểu mở đầu một bữa tiệc (tân gia, đám cưới,...) - Lời phát biểu tại lễ tốt nghiệp cấp THPT, Đại học - Phát biểu tại hội thảo khoa học - Phỏng vấn xin việc	- Lời phát biểu chia tay đồng nghiệp chuyển công tác - Những lời chúc trong buổi liên hoan chia tay bạn bè - Cuộc trò chuyện giữa những người thân trong gia đình (ba mẹ - con cái; anh chị em;...)
	Ngôn ngữ trang trọng	Ngôn ngữ thân mật								
Ngôn ngữ viết	- Thư xin việc gửi nhà tuyển dụng - Báo cáo khoa học - Đơn xin việc	- Thư hỏi thăm gửi bạn bè ở xa - Tin nhắn gửi cho bạn bè - Nhật kí cá nhân								
Ngôn ngữ nói	- Lời phát biểu mở đầu một bữa tiệc (tân gia, đám cưới,...) - Lời phát biểu tại lễ tốt nghiệp cấp THPT, Đại học - Phát biểu tại hội thảo khoa học - Phỏng vấn xin việc	- Lời phát biểu chia tay đồng nghiệp chuyển công tác - Những lời chúc trong buổi liên hoan chia tay bạn bè - Cuộc trò chuyện giữa những người thân trong gia đình (ba mẹ - con cái; anh chị em;...)								

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

b. Nội dung: HS chọn cách nói phù hợp trong các tình huống giao tiếp.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện

1. Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Hoàn thành bài tập 4 (tr 51/SHS)

Yêu cầu: Tìm và phân tích một số ví dụ minh họa cho các mục đích chuyển đổi phong cách ngôn ngữ từ ngôn ngữ trang trọng sang ngôn ngữ thân mật hoặc ngược lại.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV yêu cầu HS về nhà thực hiện cá nhân.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

Gợi ý sản phẩm

a. Thể hiện sự thay đổi trong quan hệ giao tiếp giữa người nói (viết) với người nghe (đọc)

Chẳng hạn, cùng người nói và người nghe, nhưng trong những tình huống giao tiếp khác nhau, quan hệ giao tiếp giữa họ có sự thay đổi, kéo theo đó là sự thay đổi trong cách gọi.

Ví dụ 1: Trong cuộc họp của công ty, khi phát biểu, nhân viên gọi lãnh đạo là "Tổng Giám đốc Nguyễn Văn A", nhưng khi trò chuyện trong nhóm bạn bè thì có thể chỉ gọi bằng tên riêng.

Ví dụ 2: Trong bài *thơ Ngài và anh, cô vợ em* của nhà thơ S. Puskin (A.s. Puskin) do Thuý Toàn dịch có sự chuyển đổi trong cách dùng đại từ xưng hô của hai nhân vật (từ tiếng "ngài" lịch sự, trang trọng đến tiếng "anh" gần gũi, thân thiết trong lời của người con gái; từ tiếng "cô" xa vời, khách khí đến tiếng "em" đậm âm, mến thương trong lời của người con trai), qua đó thể hiện những cảm xúc tình yêu của hai nhân vật.

b. Thể hiện thái độ mỉa mai, châm biếm hoặc gây cười

- Trong truyện *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài có đoạn nói về cuộc gặp giữa Dế Mèn và họ nhà Cóc, khi nghe câu chào rất văn vẻ của thầy đồ Cóc: "*Hà có mà nhị vị tráng sĩ du nhàn qua bản thôn?*", Dế Mèn đã đáp lại cũng bằng những lời hoa mỹ, khôi hài: "*Thưa tiên sinh, chúng tôi đi du lịch*". Lời đáp lại của Dế Mèn tỏ vẻ trang trọng nhưng lại chứa đựng thái độ châm biếm, gây cười.

2. Nhiệm vụ 2

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Thảo luận cặp đôi:

Yêu cầu: Chọn cách nói phù hợp trong các tình huống giao tiếp trong bảng. Giải thích cách lựa chọn từ ngữ, kiểu câu của em.

Nhân vật giao tiếp Nội dung giao tiếp	Bạn mới quen	Bạn thân
Chào hỏi		
Hỏi mượn sách		
Hỏi về ước mơ		
Hỏi bài tập khó		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận cặp đôi. Báo cáo sản phẩm theo cặp bằng hình thức tiêu phẩm ngắn (theo từng tình huống)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định.

Gợi ý sản phẩm

Nhân vật giao tiếp Nội dung giao tiếp	Bạn mới quen	Bạn thân
Chào hỏi	<i>Chào bạn! Rất vui được làm quen với bạn.</i>	<i>Ê! Đi đâu đấy?/ Dạo này khỏe không?</i>
Hỏi mượn sách	<i>Bạn có thể cho mình mượn cuốn sách này được không?</i>	<i>Tớ mượn cuốn sách này nhé.</i>
Hỏi về ước mơ	<i>Ước mơ của cậu là gì? Có thể chia sẻ cho mình biết được không?</i>	<i>Ê! Sau này lớn lên muốn làm gì?</i>
Hỏi bài tập khó	<i>Cậu hướng dẫn cho tớ cách làm bài này được không?</i>	<i>Cái bài này giải như thế nào nhỉ?</i>

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.

- **Chuẩn bị bài:** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

VIẾT

Tiết: 75, 76

VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN
BÀN VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ
(Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. **Năng lực chung:** Bài học góp phần phát triển năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. **Năng lực đặc thù:** Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ thông qua quá trình dạy viết:

- HS nhận biết được đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ; có ý thức rèn luyện các kỹ năng, thao tác cần thiết để viết bài nghị luận xã hội và biết cách trình bày ý kiến, quan điểm của cá nhân.

- HS biết thực hành viết bài văn nghị luận về một vấn đề mình quan tâm, đáp ứng được các yêu cầu đối với kiểu bài.

2. Phẩm chất

Biết cách ứng xử đối với việc phát triển, hoàn thiện bản thân và xây dựng cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá bài viết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

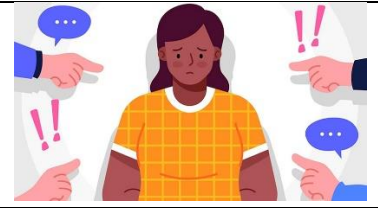
1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. **Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN		SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Yêu cầu: Mỗi hình ảnh sau đề cập đến lỗi ứng xử chưa đẹp nào?		Gợi ý đáp án - Ảnh 1: Con cái không nghe lời bố mẹ - Ảnh 2: Bạn bè cãi nhau - Ảnh 3: Nói xấu sau lưng người khác - Ảnh 4: Chê bai ngoại hình người khác (body shaming)
		
Ảnh 1	Ảnh 2	
		
Ảnh 3	Ảnh 4	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ		

HS quan sát tranh, nêu cách ứng xử chưa đúng đắn. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Bước 4: Kết luận, nhận định	

GV nhận xét, đánh giá và dẫn vào bài mới:

Các bức ảnh mà các em vừa lật mở đều thể hiện những cách ứng xử chưa phù hợp, đúng mực của cá nhân trong mối quan hệ với cha mẹ, bạn bè, những người xung quanh mình.

Mỗi cá nhân chúng ta đều không thể tách rời các mối quan hệ gia đình và xã hội. Do đó, chúng ta cần học cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp trong các mối quan hệ ấy để góp phần phát triển, hoàn thiện nhân cách mỗi người. Tiết học hôm nay sẽ giúp các em biết cách vận dụng các thao tác, kĩ năng nghị luận để bàn luận về quan niệm và cách ứng xử trong mối quan hệ mà em quan tâm.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

a. Mục tiêu

- Bước đầu nhận diện được yêu cầu của kiểu bài viết nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

- HS hiểu được ứng dụng của bài viết nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

b. Nội dung hoạt động

GV tổ chức cho học sinh đọc và nắm những yêu cầu của một bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội) qua các câu hỏi trắc nghiệm.

c. Sản phẩm

Câu trả lời đúng của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi HS đọc phần Yêu cầu, trang 52/SGK. - Tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn?” Luật chơi: + Có 05 câu hỏi, mỗi câu hỏi chỉ xuất hiện trong thời gian 15s + HS ghi nhanh các câu trả lời ra giấy theo hình thức cá nhân. + GV yêu cầu HS giơ tay nhanh nhất sẽ trình bày các đáp án của mình. + HS trình bày đến câu nào, GV trình chiếu và chốt đáp án luôn câu hỏi đó. => Hệ thống 05 câu hỏi: Câu 1. Ý sau đúng hay sai? <i>Nghị luận bàn về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ là kiểu bài dùng lí lẽ, bằng chứng để bàn luận và làm sáng tỏ một vấn đề xã hội có liên quan đến tuổi trẻ, từ đó giúp người đọc nhận thức đúng đắn về vấn đề và có thái độ, hành động phù hợp với vấn đề đó.</i> A. Đúng B. Sai Câu 2. Vấn đề nghị luận của của kiểu bài viết là gì? A. Tác phẩm văn học B. <u>Vấn đề cách ứng xử của con người trong các mối quan hệ gia đình, xã hội.</u> C. Vấn đề hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ Câu 3. Dòng nào nêu đúng phương thức biểu đạt được sử dụng trong kiểu bài viết? A. Thuyết minh kết hợp với các yếu tố như miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận. B. <u>Nghị luận kết hợp với các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự, thuyết minh.</u>	I. Yêu cầu của kiểu bài - Giới thiệu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến cách ứng xử của tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình và xã hội. - Thể hiện được quan điểm cá nhân và đưa ra được các lí lẽ, bằng chứng thuyết phục về cách ứng xử trong mối quan hệ được bàn luận. - Nêu được ý kiến trái chiều và phản bác bằng lập luận chặt chẽ, sắc bén. - Khẳng định được tầm quan trọng của cách ứng xử đối với việc phát triển, hoàn thiện con người cá nhân và xây dựng cộng đồng.

C. Chỉ sử dụng phương thức nghị luận Câu 4. Dòng nào nêu không đúng về đặc điểm của bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)? A. <u>Nêu lí do và phân tích ảnh hưởng tiêu cực, tác hại của thói quen/quan niệm cần từ bỏ.</u> C. Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục về cách ứng xử trong mỗi quan hệ được bàn luận. D. Dự đoán được phản ứng trái chiều và nêu được ý kiến phân biện. Câu 5. Điền vào chỗ chấm: <i>Cần triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ, sử dụng ... (1) ... sắc bén và ... (2) ... xác thực, tiêu biểu để làm sáng tỏ vấn đề nghị luận..</i> (Đáp án câu 5: (1) lí lẽ; (2) bằng chứng) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo hình thức cá nhân. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 01 HS trả lời. - Các HS khác lắng nghe, có thể bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.	

2.2. Phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS hiểu được bố cục và cách triển khai bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

b. Nội dung hoạt động:

- HS tìm hiểu bài viết tham khảo tr 52 - 54/ SGK.
- HS thảo luận nhóm sau khi đọc và tìm hiểu bài tham khảo.

c. Sản phẩm: HS trả lời câu hỏi SGK.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM																				
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ * HS theo dõi bài viết tham khảo, các chỉ dẫn bên lề phải của bài viết. * GV chia lớp thành 04 nhóm: Dựa vào phần đã chuẩn bị ở nhà, HS thảo luận nhóm trong 05 phút để hoàn thành các yêu cầu sau: - Yêu cầu chung của cả 4 nhóm: Hoàn thành PHT số 01 sau: <table border="1"> <tr> <th colspan="2">PHT số 01: Tìm hiểu bài viết tham khảo</th></tr> <tr> <th colspan="2">Văn bản “Con người đã làm gì với tự nhiên?”</th></tr> <tr> <th>Các vấn đề tìm hiểu</th><th>Câu trả lời</th></tr> <tr> <td>Vấn đề được bàn luận</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Hệ thống các luận điểm được triển khai</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Những loại lí lẽ, bằng chứng được sử dụng</td><td>.....</td></tr> </table>	PHT số 01: Tìm hiểu bài viết tham khảo		Văn bản “Con người đã làm gì với tự nhiên?”		Các vấn đề tìm hiểu	Câu trả lời	Vấn đề được bàn luận		Hệ thống các luận điểm được triển khai		Những loại lí lẽ, bằng chứng được sử dụng		II. Phân tích bài viết tham khảo *Văn bản: Yêu là biết sống đẹp hơn. <table border="1"> <tr> <th>Các vấn đề tìm hiểu</th><th>Nội dung</th></tr> <tr> <td>Vấn đề được bàn luận</td><td>Cách ứng xử trong tình yêu đôi lứa.</td></tr> <tr> <td>Hệ thống các luận điểm được triển khai</td><td> - Luận điểm 1: Tuổi trẻ và tình yêu trong xã hội hiện đại. - Luận điểm 2: Những cách ứng xử tiêu cực trong tình yêu. - Luận điểm 3: Những cách ứng xử đúng đắn trong tình yêu. - Luận điểm 4: Cách ứng xử đúng đắn khi tình yêu không thành </td></tr> <tr> <td>Những loại lí lẽ, bằng chứng được sử dụng</td><td>- Lí lẽ, bằng chứng lấy từ trong đời sống thực tế: phụ nữ không còn bị phụ thuộc trong tình yêu, tình yêu đẹp được nảy sinh ở trường học của một đôi “anh – chị”,...</td></tr> </table>	Các vấn đề tìm hiểu	Nội dung	Vấn đề được bàn luận	Cách ứng xử trong tình yêu đôi lứa.	Hệ thống các luận điểm được triển khai	- Luận điểm 1: Tuổi trẻ và tình yêu trong xã hội hiện đại. - Luận điểm 2: Những cách ứng xử tiêu cực trong tình yêu. - Luận điểm 3: Những cách ứng xử đúng đắn trong tình yêu. - Luận điểm 4: Cách ứng xử đúng đắn khi tình yêu không thành	Những loại lí lẽ, bằng chứng được sử dụng	- Lí lẽ, bằng chứng lấy từ trong đời sống thực tế: phụ nữ không còn bị phụ thuộc trong tình yêu, tình yêu đẹp được nảy sinh ở trường học của một đôi “anh – chị”,...
PHT số 01: Tìm hiểu bài viết tham khảo																					
Văn bản “Con người đã làm gì với tự nhiên?”																					
Các vấn đề tìm hiểu	Câu trả lời																				
Vấn đề được bàn luận																					
Hệ thống các luận điểm được triển khai																					
Những loại lí lẽ, bằng chứng được sử dụng																					
Các vấn đề tìm hiểu	Nội dung																				
Vấn đề được bàn luận	Cách ứng xử trong tình yêu đôi lứa.																				
Hệ thống các luận điểm được triển khai	- Luận điểm 1: Tuổi trẻ và tình yêu trong xã hội hiện đại. - Luận điểm 2: Những cách ứng xử tiêu cực trong tình yêu. - Luận điểm 3: Những cách ứng xử đúng đắn trong tình yêu. - Luận điểm 4: Cách ứng xử đúng đắn khi tình yêu không thành																				
Những loại lí lẽ, bằng chứng được sử dụng	- Lí lẽ, bằng chứng lấy từ trong đời sống thực tế: phụ nữ không còn bị phụ thuộc trong tình yêu, tình yêu đẹp được nảy sinh ở trường học của một đôi “anh – chị”,...																				

Quan điểm trái chiều và ý kiến phản bác			- Lí lẽ bằng chứng lấy từ văn học: Tây Tiến của Quang Dũng, Tôi yêu em của Pu-skin,...
- Yêu cầu riêng mỗi nhóm: Chỉ ra lí lẽ và bằng chứng được sử dụng trong mỗi luận điểm của bài viết tham khảo: + Nhóm 1: tìm hiểu luận điểm 1 + Nhóm 2: tìm hiểu luận điểm 2 + Nhóm 3: tìm hiểu luận điểm 2 + Nhóm 4: tìm hiểu luận điểm 4 Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS theo dõi bài viết tham khảo. - HS thảo luận nhóm trong 05 phút để hoàn thành các yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện các nhóm báo cáo sản phẩm. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức.		Quan điểm trái chiều và ý kiến phản bác	- Quan điểm trái chiều: Tình yêu thời hiện đại phải khác so với tình yêu theo quan điểm truyền thống. Điều này dẫn đến những nhận thức lệch lạc, cách ứng xử tiêu cực trong tình yêu. - Lí lẽ và bằng chứng được sử dụng: tình trạng “đến” và “đi” trong tình yêu có chiều hướng dễ dãi, yêu theo “trào lưu”, yêu cho khỏi “tụt hậu”; hiện tượng dễ dàng sống thử một cách ngẫu hứng, tùy tiện, không cần biết tới ngày mai; cách ứng xử của một số bạn trẻ khi tình yêu không được đáp lại hoặc đổ vỡ, chia li,... - Lí lẽ và bằng chứng dùng để phản biện có sức thuyết phục, làm rõ được những hành vi, phản ứng tiêu cực trong tình yêu.
		HS tự chỉ ra lí lẽ, bằng chứng trong các luận điểm của bài viết.	

2.3. Quy trình viết

a. Mục tiêu:

HS nắm được các bước để viết một bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

b. Nội dung hoạt động:

- HS theo dõi quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội) (trang 55 - 57/SHS).
- HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:

HS rút ra được các bước để viết một bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS nhắc lại quy trình thực hành viết đã học ở bài học 3: <i>Để viết một bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ cần trải qua những bước nào?</i> - GV hướng dẫn HS tìm hiểu quy trình viết trong SHS. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV chuẩn kiến thức cho HS. - GV cung cấp một số lưu ý ở bước Viết bài, Chỉnh sửa bài viết.	III. Quy trình viết a. Chuẩn bị viết Lựa chọn được đề tài hấp dẫn, có ý nghĩa với lứa tuổi của mình, tập trung vào vấn đề tuổi trẻ với các mối quan hệ gia đình, xã hội. b. Tìm ý và lập dàn ý - Tìm ý: có thể tìm ý bằng cách trả lời những câu hỏi: + <i>Bạn muốn bàn luận về quan điểm và cách ứng xử trong mối quan hệ nào?</i> + <i>Quan điểm cá nhân của bạn về vấn đề như thế nào?</i>

	+ Bạn sẽ đối thoại với những ý kiến trái chiều nào? + Bạn sẽ đưa ra những lí lẽ gì và huy động những bằng chứng nào? - Lập dàn ý: Sắp xếp các ý đã tìm được vào các phần theo bố cục của một bài văn nghị luận. <table border="1"> <tr> <td>Mở bài</td><td>Giới thiệu vấn đề cần bàn luận.</td></tr> <tr> <td>Thân bài</td><td> - Nêu ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề được bàn luận. - Trình bày quan điểm và đề xuất cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp trước vấn đề được đề cập. - Sử dụng lí lẽ và bằng chứng để chứng minh cho quan điểm của mình. - Phản biện một số quan điểm trái chiều. </td></tr> <tr> <td>Kết bài</td><td>Khẳng định được tầm quan trọng của vấn đề.</td></tr> </table> c. Viết - Bài văn được triển khai thành 03 phần theo dàn ý đã lập: Mở bài; thân bài; kết bài; các ý trong phần thân bài cần được triển khai thành các đoạn. - Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp. d. Kiểm tra và chỉnh sửa - Đọc và kiểm tra lại các nội dung. - Thay đổi trật tự các ý nếu thấy chưa hợp lí. - Sửa các lỗi diễn đạt.	Mở bài	Giới thiệu vấn đề cần bàn luận.	Thân bài	- Nêu ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề được bàn luận. - Trình bày quan điểm và đề xuất cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp trước vấn đề được đề cập. - Sử dụng lí lẽ và bằng chứng để chứng minh cho quan điểm của mình. - Phản biện một số quan điểm trái chiều.	Kết bài	Khẳng định được tầm quan trọng của vấn đề.
Mở bài	Giới thiệu vấn đề cần bàn luận.						
Thân bài	- Nêu ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề được bàn luận. - Trình bày quan điểm và đề xuất cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp trước vấn đề được đề cập. - Sử dụng lí lẽ và bằng chứng để chứng minh cho quan điểm của mình. - Phản biện một số quan điểm trái chiều.						
Kết bài	Khẳng định được tầm quan trọng của vấn đề.						

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS hiểu được tiến trình và các thao tác chính để viết bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)
- HS thực hành các bước để viết bài luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết .

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM												
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV trình chiếu Phiếu thực hành viết (PHT số 02) <table border="1"> <tr> <th>Các bước</th><th>Nội dung</th></tr> <tr> <td>Chuẩn bị viết</td><td> - Mục đích bài viết - Nội dung bài viết - Hình thức bài viết </td></tr> <tr> <td rowspan="3">Tìm ý và lập dàn ý</td><td>Tìm ý</td></tr> <tr> <td>Lập dàn ý</td></tr> <tr> <td>MB TB KB</td></tr> </table> - GV chia lớp thành 4 nhóm:	Các bước	Nội dung	Chuẩn bị viết	- Mục đích bài viết - Nội dung bài viết - Hình thức bài viết	Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý	Lập dàn ý	MB TB KB	II. THỰC HÀNH Đề bài: Với sự phát triển của công nghệ thông tin, mạng xã hội đang có ảnh hưởng ngày một lớn lên đời sống hàng ngày của chúng ta. Không gian mạng xã hội tạo điều kiện cho mỗi cá nhân được bày tỏ quan điểm riêng trước các vấn đề của đời sống, tuy nhiên cũng để lại nhiều hệ lụy. Từ góc nhìn của người trẻ, anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên mạng xã hội. Gợi ý <table border="1"> <tr> <th>Các bước</th><th>Nội dung</th></tr> <tr> <td>Chuẩn bị viết</td><td>- Mục đích: giúp mọi người hiểu rõ hơn về trách nhiệm của mỗi người khi phát trên mạng xã hội;</td></tr> </table>	Các bước	Nội dung	Chuẩn bị viết	- Mục đích: giúp mọi người hiểu rõ hơn về trách nhiệm của mỗi người khi phát trên mạng xã hội;
Các bước	Nội dung												
Chuẩn bị viết	- Mục đích bài viết - Nội dung bài viết - Hình thức bài viết												
Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý												
	Lập dàn ý												
	MB TB KB												
Các bước	Nội dung												
Chuẩn bị viết	- Mục đích: giúp mọi người hiểu rõ hơn về trách nhiệm của mỗi người khi phát trên mạng xã hội;												

Thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn: Yêu cầu: - Các nhóm thảo luận trong 01 phút để báo cáo phần chuẩn bị cho mỗi đề bài. - Tìm ý và lập dàn ý: Thảo luận nhóm: + 03 phút: HS suy nghĩ, trả lời vào PHT cá nhân. + 03 phút: HS thảo luận, hoàn thành sản phẩm nhóm vào giấy A0. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện nhóm 1, 3 sẽ lên thuyết trình sản phẩm. - Các HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. - HS nhóm khác đánh giá phần trình bày sản phẩm của nhóm bạn theo rubrics mà GV cung cấp (bên dưới) Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS về nhà viết bài văn hoàn chỉnh. - HS tự đánh giá bài viết theo bảng kiểm (bên dưới). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc bài viết trước lớp (vào tiết học sau). - HS khác bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá bài viết theo bảng kiểm.	thuyết phục người khác đồng tình với những ý kiến của em.		
	- Nội dung: vấn đề trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên mạng xã hội.		
	- Hình thức: viết bài văn nghị luận		
	Tìm ý và lập dàn ý	Tìm ý	Trả lời câu hỏi: 1. Thế nào là trách nhiệm phát ngôn của cá nhân? 2. Trách nhiệm phát ngôn cần thiết và quan trọng với giới trẻ như thế nào? 3. Giới trẻ thể hiện trách nhiệm phát ngôn của mình như thế nào? 4. Có những ý kiến trái chiều nào?
Lập dàn ý		MB	Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên mạng xã hội.
		TB	Ý 1. Giải thích vấn đề <i>Trách nhiệm phát ngôn:</i> là ý thức sử dụng lời nói/viết một cách đúng đắn, nghiêm túc, chính xác khi nhìn nhận, đánh giá bày tỏ quan điểm trước một vấn đề. Trách nhiệm này vừa là vấn đề tự ý thức, vừa có quy định chung mang tính pháp lý. Ý 2. Tầm quan trọng, sự cần thiết của vấn đề + Thói quen phát ngôn góp phần định hình nhân cách cho mỗi người. + Việc phát ngôn có văn hóa trên mạng xã hội là cơ sở để xây dựng và duy trì các mối quan hệ xã hội tốt đẹp. + Phát ngôn thiếu trách nhiệm có thể là tổn hại đến tâm lí, sức khỏe tinh thần của người khác; ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của người khác, gây xung đột và hủy hoại những mối quan hệ xã hội. + Đưa những phát ngôn sai lệch, thiếu chính xác, chưa được kiểm chứng lên MXH có thể gây hoang mang cho cộng đồng. Ý 3. Đề xuất cách cư xử đúng đắn khi phát ngôn trên MXH: + Cân trọng trước khi phát ngôn, tránh dùng những ngôn từ tục tĩu, phản văn hóa, ngôn ngữ gây kích động, thù ghét, chia rẽ. + Không dùng ngôn từ để xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của người khác.

				+ Ý thức về việc mình sẽ phải tự chịu trách nhiệm cho mọi phát ngôn từ tài khoản mạng xã hội của mình. + Không chia sẻ những thông tin chưa được kiểm chứng; những thông tin gây tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, tính mạng, tài sản của các cá nhân/tổ chức. Ý 4. Quan điểm trái chiều và ý kiến phản bác + Ý kiến trái chiều: Phát ngôn là quyền tự do ngôn luận của mỗi cá nhân, mạng xã hội là không gian công cộng nên con người được tự do bày tỏ quan điểm chính kiến. Lỗi phát ngôn không thể quy chụp từ 1 phía: lỗi từ người nói và lỗi từ phía người tiếp nhận (thiếu bản lĩnh, ý chí, cả tin, mù quáng...) + <i>Phản bác:</i> Mỗi người đều có quyền tự do ngôn luận nhưng cần tuân thủ quy định của lương tâm và pháp luật. Mỗi cá nhân hãy là người thông thái trong việc thu và phát thông tin trước một thế giới nhiều biến động.
				KB Khái quát lại ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen trì hoãn công việc.
			Viết	HS về nhà viết bài theo bố cục 03 phần.
			Kiểm tra và chỉnh sửa	HS kiểm tra và chỉnh sửa bài viết.

Rubrics đánh giá sản phẩm thuyết trình của HS (báo cáo sản phẩm nhóm)

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (2 điểm)	0 điểm Trình bày cẩu thả; Sai nhiều lỗi chính tả	1 điểm Trình bày tương đối cẩn thận; Không có lỗi chính tả	2 điểm Trình bày cẩn thận; Không có lỗi chính tả; Có sự sáng tạo
Nội dung (6 điểm)	1 - 3 điểm Dàn ý sơ sài	4 – 5 điểm Dàn ý trình bày tương đối chi tiết, rõ ràng	6 điểm Dàn ý trình bày chi tiết, rõ ràng
Thuyết trình (2 điểm)	0 điểm Lời nói còn ấp úng, chưa đủ âm lượng nghe, chưa tự tin	1 điểm Lời nói tương đối rõ ràng, âm lượng đủ nghe nhưng chưa tự tin	2 điểm Lời nói rõ ràng, âm lượng đủ nghe. Phong thái tự tin, có tương tác với người nghe.
Điểm	0 – 4 điểm	5 – 7 điểm	8 – 10 điểm
TỔNG	10		

BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN BÀN VỀ

MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ
(Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

Phương diện	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu vấn đề thể hiện cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội.		
	Nêu sự cần thiết của việc bàn luận về vấn đề.		
Thân bài	Triển khai các luận điểm thể hiện quan điểm của người viết xét trên từng khía cạnh của vấn đề; sử dụng kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ các luận điểm.		
	Nêu ý kiến trái chiều và phản bác.		
Kết bài	Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức đúng và giải quyết hiệu quả vấn đề nêu ra.		
Hình thức	Đảm bảo bố cục ba phần (mở bài, thân bài, kết bài); mỗi luận điểm ở Thân bài viết thành một đoạn văn.		
	Phối hợp các thao tác lập luận: phân tích, chứng minh, bác bỏ,...		
	Sử dụng từ ngữ liên kết để đảm bảo liên kết các câu trong đoạn và các đoạn trong bài.		
	Đảm bảo quy tắc chính tả, diễn đạt (dùng từ, đặt câu,...)		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống; biết bộc lộ quan điểm của bản thân.

b. Nội dung: Viết bài luận nghị luận về cách ứng xử của tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình, xã hội.

c. Sản phẩm: Bài văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu nhiệm vụ:

1. Viết bài hoàn chỉnh dựa trên dàn ý đã lập trên lớp. Kiểm tra và chỉnh sửa sau khi viết dựa trên bảng kiểm đánh giá (phụ lục 4)

2. Lập dàn ý cho một đề tài khác.

Đề bài: Viết bài văn nghị luận nêu suy nghĩ về cách giải quyết vấn đề khác biệt thế hệ trong gia đình.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét tổng kết trong tiết học sau.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Hoàn thành các bài tập vận dụng và mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.

- **Chuẩn bị bài:** Nói và nghe: Trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

TRÌNH BÀY QUAN ĐIỂM VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ
(Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)
(1,0 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

***Năng lực chung:** NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

***Năng lực đặc thù:**

- Biết thuyết trình về một vấn đề của tuổi trẻ có liên quan đến cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội.
- Biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,... xoay quanh vấn đề của tuổi trẻ có liên quan đến cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.
- Biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,...

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS chia sẻ cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS xem video sau:

<https://www.youtube.com/watch?v=RdROreFXlvc>

và chia sẻ:

1. Video đề cập đến vấn đề gì?
2. Em hãy chia sẻ nhanh một vài suy nghĩ về vấn đề đó.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện các yêu cầu.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS chia sẻ, HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.

1. Video nói về vấn đề: Khoảng cách thế hệ giữa cha mẹ và con cái.

2. HS chia sẻ một vài suy nghĩ về vấn đề.

- Khoảng cách thế hệ giữa cha mẹ và con cái là vấn đề tồn tại từ lâu, càng trở nên đáng quan tâm ở xã hội hiện đại, khi mà khoảng cách thế hệ ngày càng lớn.

- Một số nguyên nhân gây nên khoảng cách thế hệ giữa cha mẹ và con cái: Cha mẹ kiểm soát con quá mức; thiếu sự thấu hiểu, sẻ chia, kết nối; bố mẹ can thiệp quá sâu vào cuộc sống của con cái; khác biệt về quan niệm sống giữa các thế hệ;...

- HS có thể nêu thêm về hậu quả, cách khắc phục,...

GV dẫn dắt vào bài:

Giải quyết vấn đề khác biệt thế hệ trong gia đình có ý nghĩa lớn đối với người trẻ. Nhưng đó chỉ là một trong vô vàn những vấn đề đặt ra với tuổi trẻ liên quan đến cách ứng xử của người trẻ với gia đình, xã hội. Vậy để thuyết trình về một vấn đề liên quan đó, các em cần làm thế nào? Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời câu hỏi đó.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS hiểu yêu cầu đối với bài thuyết trình trình bày ý kiến về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

- b. Nội dung:** HS sử dụng SKG, chất lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- a. Mục tiêu:** HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe.
- b. Nội dung:** Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe.
- c. Sản phẩm:** Bài thảo luận đúng yêu cầu.
- d. Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Đọc SHS/Tr 57, trao đổi với bạn bên cạnh về các câu hỏi sau: - Khi trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội), em cần lưu ý những điều gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện các yêu cầu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.	I. LÝ THUYẾT 1. Yêu cầu * Khi trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội), cần lưu ý: - Chọn được vấn đề hấp dẫn và có ý nghĩa với tuổi trẻ. - Bày tỏ được quan điểm cá nhân và đưa ra được cách ứng xử đúng đắn, tốt đẹp; kết hợp được các lí lẽ thuyết phục và bằng chứng phù hợp. - Thể hiện được sự đồng cảm, thái độ tôn trọng đối với người khác. - Biết tận dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để trình bày bài nói hiệu quả
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV mời một số HS phát biểu về những lưu ý trong bước chuẩn bị bài nói và trình bày bài nói bằng cách trả lại nhanh các câu hỏi sau: + Để có một bài nói trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội), em cần chuẩn bị những gì trước khi nói? - Bố cục của bài nói trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội), gồm mấy phần? Yêu cầu của từng phần là gì? - Để bài nói thêm thu hút và thuyết phục, em có thể sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, theo dõi SGK lần lượt thực hiện các yêu cầu của GV. - HS khác nghe, góp ý. - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS hoàn thiện sự chuẩn bị bài nói; tập trình bày bài nói trước nhóm. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	2. Quy trình bài nói và nghe a. Bước 1. Chuẩn bị nói *Lựa chọn đề tài - Khi lựa chọn đề tài, có thể tham khảo các vấn đề được gợi ý ở phần Viết hoặc chọn đề tài mới theo quan điểm cá nhân. - HS có thể lựa chọn đề tài theo gợi ý của GV. * Tìm ý và lập dàn ý - Nếu chọn đề tài theo phần Viết, cần xem lại dàn ý đã lập, đối chiếu với yêu cầu của bài nói để tìm và sắp xếp hệ thống ý cho phù hợp. - Nếu chọn đề tài mới, thì đặt câu hỏi để tìm ý và sắp xếp ý cho bài nói. - Dàn ý chung của bài nói: Mở đầu: Nêu vấn đề của tuổi trẻ về cách ứng xử trong mối quan hệ gia đình, xã hội và giải thích vì sao em lựa chọn vấn đề đó. Triển khai: + Trình bày ý kiến cá nhân về vấn đề bàn luận với các lí lẽ chặt chẽ, bằng chứng xác đáng. Các lí lẽ, bằng chứng có thể triển khai theo trình tự tăng dần: từ lí lẽ, bằng chứng ít quan trọng đến lí lẽ, bằng chứng quan trọng hơn và kết thúc bằng lí lẽ, bằng chứng quan trọng nhất, có sức thuyết phục cao nhất hoặc theo trình tự ngược lại. + Nêu ý kiến trái chiều có thể có và phản biện lại ý kiến đó. Kết luận: Khẳng định ý nghĩa của vấn đề bàn luận đối với đời sống của tuổi trẻ hiện nay.

b. Bước 2. Thực hành nói và nghe**Yêu cầu của người nói, người nghe**

Người nói	Người nghe
- Nội dung trình bày: + Trình bày bài giới thiệu theo dàn ý đã chuẩn bị + Tập trung vào trọng tâm, trình bày lô gích, có lí lẽ và bằng chứng. - Hình thức trình bày: + Bài trình bày có đầy đủ ba phần. + Sử dụng công cụ, thiết bị hỗ trợ, các yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. + Có sự sáng tạo khi trình bày. - Tác phong, thái độ khi trình bày: + Tự tin, thân thiện + Trình bày và diễn đạt hấp dẫn. + Tốc độ nói vừa phải, có ngữ điệu phù hợp, đảm bảo yêu cầu về thời gian.	- Tập trung lắng nghe; hiểu được những nội dung chính và quan điểm của người nói. - Ghi lại các thông tin chính và những nhận xét, đánh giá về nội dung, cách thức và tình cảm, thái độ của người thuyết trình. - Nêu các vấn đề cần hỏi, các ý kiến cần trao đổi về nội dung bài nói một cách ngắn gọn, rõ ràng,...; có thể trao đổi thêm quan điểm cá nhân về nội dung trình bày. - Tôn trọng người thuyết trình; sử dụng yếu tố cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người thuyết trình.

c. Bước 3. Trao đổi, đánh giá

Người nói	Người nghe
- Tiếp thu ý kiến, giải đáp câu hỏi của người nghe hoặc khẳng định quan điểm của bản thân. - Thể hiện tinh thần cầu thị.	- Nêu các câu hỏi cần giải đáp; trao đổi về những điểm đồng tình hoặc chưa đồng tình với người nói. - Thể hiện thái độ lịch sự, tôn trọng đối với người nói.

3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

a. Mục tiêu: HS vận dụng kĩ năng nói và nghe trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội).

b. Nội dung: HS thực hành nói và nghe dựa trên phần chuẩn bị trước tiết học, có chỉnh sửa sau khi tìm hiểu quy trình nói và nghe..

c. Sản phẩm: Phần nhận xét và đánh giá bài nói của HS

d. Tổ chức thực hiện:

PHIẾU GHI CHÉP PHẦN NGHE TRÌNH BÀY QUAN ĐIỂM VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ (Cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

Đề tài bài nói:.....

Người nói:.....

Người nghe:.....

***Nhận xét về nội dung và cách thức thuyết trình của bài nói:** Người nghe trả lời các câu hỏi sau:

+ Người nói bàn luận quan điểm và cách ứng xử trong mối quan hệ nào?

+ Người nói có quan điểm như thế nào về vấn đề đó? Quan điểm ấy có sức thuyết phục không?

+ Cách trình bày quan điểm của người nói có rõ ràng mạch lạc không? Các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ có được sử dụng hiệu quả không?

***Câu hỏi về những điểm còn băn khoăn, muốn trao đổi để làm rõ thêm:**

.....

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm												
1. Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn HS chuẩn bị nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Dựa vào phần chuẩn bị ở nhà, GV yêu cầu HS trình bày dàn ý các đề bài nói mà GV đã giao trước tiết học. - GV yêu cầu nhóm trưởng các nhóm báo cáo kết quả chuẩn bị sản phẩm của các thành viên trong nhóm và chấm chéo dàn ý bài nói của các thành viên trước tiết học. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ GV gọi 2 HS trình bày nhanh dàn ý của mỗi đề bài nói. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời cá nhân. Các HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết luận	II. THỰC HÀNH 1. Đề bài Đề tài (GV đã giao chuẩn bị trước tiết học) Đề 1 (nhóm 1, 2): Trình bày quan điểm về trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên mạng xã hội. Đề 2 (nhóm 3, 4): Trình bày ý kiến về cách giải quyết vấn đề khác biệt thế hệ trong gia đình. => Hướng dẫn lập dàn ý: Đề 1. Trình bày quan điểm về trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên mạng xã hội. <table><tr><td>Mở đầu</td><td>Giới thiệu và nêu lí do lựa chọn vấn đề trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên mạng xã hội.</td></tr><tr><td>Triển khai</td><td>- Thế nào là trách nhiệm phát ngôn của cá nhân? - Trách nhiệm phát ngôn cần thiết và quan trọng với giới trẻ như thế nào? - Giới trẻ thể hiện trách nhiệm phát ngôn của mình như thế nào? - Có những ý kiến trái chiều nào?</td></tr><tr><td>Kết thúc</td><td>Nêu ý nghĩa của vấn đề trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên mạng xã hội.</td></tr></table> Đề 2. Trình bày ý kiến về cách giải quyết vấn đề khác biệt thế hệ trong gia đình. <table><tr><td>Mở đầu</td><td>Giới thiệu nêu lí do lựa chọn vấn đề cách giải quyết vấn đề khác biệt thế hệ trong gia đình.</td></tr><tr><td>Triển khai</td><td>- Thế nào là khác biệt thế hệ trong gia đình? - Vấn đề giải quyết khác biệt thế hệ trong gia đình cần thiết và quan trọng như thế nào? - Cần làm gì để giải quyết khác biệt thế hệ trong gia đình? - Có những ý kiến trái chiều nào?</td></tr><tr><td>Kết thúc</td><td>Nêu ý nghĩa của việc giải quyết vấn đề khác biệt thế hệ trong gia đình.</td></tr></table>	Mở đầu	Giới thiệu và nêu lí do lựa chọn vấn đề trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên mạng xã hội.	Triển khai	- Thế nào là trách nhiệm phát ngôn của cá nhân? - Trách nhiệm phát ngôn cần thiết và quan trọng với giới trẻ như thế nào? - Giới trẻ thể hiện trách nhiệm phát ngôn của mình như thế nào? - Có những ý kiến trái chiều nào?	Kết thúc	Nêu ý nghĩa của vấn đề trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên mạng xã hội.	Mở đầu	Giới thiệu nêu lí do lựa chọn vấn đề cách giải quyết vấn đề khác biệt thế hệ trong gia đình.	Triển khai	- Thế nào là khác biệt thế hệ trong gia đình? - Vấn đề giải quyết khác biệt thế hệ trong gia đình cần thiết và quan trọng như thế nào? - Cần làm gì để giải quyết khác biệt thế hệ trong gia đình? - Có những ý kiến trái chiều nào?	Kết thúc	Nêu ý nghĩa của việc giải quyết vấn đề khác biệt thế hệ trong gia đình.
Mở đầu	Giới thiệu và nêu lí do lựa chọn vấn đề trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên mạng xã hội.												
Triển khai	- Thế nào là trách nhiệm phát ngôn của cá nhân? - Trách nhiệm phát ngôn cần thiết và quan trọng với giới trẻ như thế nào? - Giới trẻ thể hiện trách nhiệm phát ngôn của mình như thế nào? - Có những ý kiến trái chiều nào?												
Kết thúc	Nêu ý nghĩa của vấn đề trách nhiệm của cá nhân khi phát ngôn trên mạng xã hội.												
Mở đầu	Giới thiệu nêu lí do lựa chọn vấn đề cách giải quyết vấn đề khác biệt thế hệ trong gia đình.												
Triển khai	- Thế nào là khác biệt thế hệ trong gia đình? - Vấn đề giải quyết khác biệt thế hệ trong gia đình cần thiết và quan trọng như thế nào? - Cần làm gì để giải quyết khác biệt thế hệ trong gia đình? - Có những ý kiến trái chiều nào?												
Kết thúc	Nêu ý nghĩa của việc giải quyết vấn đề khác biệt thế hệ trong gia đình.												
2. Nhiệm vụ 2: Thực hành nói Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV mời lần lượt đại diện nhóm 1, 3 sẽ báo cáo sản phẩm bài nói. Nhóm 2, 4 sẽ phản biện, nhận xét và đánh giá.	2. Thực hành nói a. Người nói - Trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội) theo dàn ý.												

- GV nêu rõ yêu cầu: + Thời gian tối đa trình bày bài nói: 03 phút. + Trong quá trình bạn trình bày bài nói, các HS khác lắng nghe và ghi lại nhanh các thông tin của bài nói vào Phiếu ghi chép của người nghe + GV trình chiếu Phiếu đánh giá sản phẩm nói theo tiêu chí. Yêu cầu cả người nói và người nghe bám sát vào các tiêu chí trong phiếu đánh giá sản phẩm nói để điều chỉnh bài nói (người nói) cũng như đánh giá bài nói (người nghe). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - Người nói rà soát đề cương bài nói, phương tiện hỗ trợ để thực hiện bài nói. - Người nghe xem kỹ phiếu ghi chép và phiếu đánh giá sản phẩm nói. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm 1, 3 trình bày bài nói. - Các HS khác quan sát, lắng nghe, điền thông tin vào Phiếu ghi chép của người nghe. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét sản phẩm HS. 3. Nhiệm vụ 3. Trao đổi, đánh giá sau khi nói Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV mời đại diện nhóm 2, 4 nhận xét, phản biện và đánh giá sản phẩm bài nói của nhóm 1, 3. Bước 2+3. Thực hiện nhiệm vụ + Báo cáo - Đại diện các nhóm/cá nhân trao đổi, đánh giá. - Các HS đánh giá sản phẩm nói của các HS trình bày theo rubrics đánh giá. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá và cho điểm nhóm 1, 3 các nhóm theo rubric. - HS về nhà hoàn thiện Phiếu tự đánh giá và kiểm tra quá trình nghe của bản thân.	- Chú ý sự kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ; lời nói, giọng điệu, cử chỉ, nét mặt... b. Người nghe - Lắng nghe, ghi chép theo Phiếu ghi chép. - Tôn trọng người trình bày. 3. Trao đổi, đánh giá a. Người nói - Giải thích lí do lựa chọn vấn đề để trình bày ý kiến, phân tích thêm để thấy tính hợp lí của sự lựa chọn đó. - Lắng nghe để nắm bắt ý kiến trao đổi của người nghe về các khía cạnh cụ thể của vấn đề. - Tiếp thu hoặc trao đổi lại những nhận xét, đánh giá của người nghe. b. Người nghe - Thể hiện sự tán thành hoặc không tán thành với những ý kiến của người nói về các khía cạnh cụ thể của vấn đề. - Nhận xét về nội dung trình bày và cách trình bày của người nói. c. Đánh giá - Phiếu đánh giá bài nói theo tiêu chí. - Phiếu tự đánh giá và kiểm tra quá trình nghe.

PHIẾU GHI CHÉP CỦA NGƯỜI NGHE

Tên người nói:.....

Tên người nghe:.....

Vấn đề cần theo dõi	Ghi chép của người nghe về bài nói	Quan điểm cá nhân (đồng tình/ không đồng tình, nêu rõ)
Đề tài bài nói (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)		

Bản chất của vấn đề		
Tầm quan trọng, ý nghĩa của vấn đề		
Đề xuất cách cư xử đúng đắn		
Ý kiến trái chiều và lí lẽ bác bỏ		
Nhận xét phân trình bày của người nói.		
Có những câu hỏi/vấn đề nào cần hỏi? 		

RUBRICS ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI THEO TIÊU CHÍ Trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)			
Người nói: Người nhận xét:			
TIÊU CHÍ	Chưa đạt	Đạt	Tốt
1. Nội dung bài nói đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục (5 điểm)	Nội dung sơ sài, chưa nêu rõ được các khía cạnh của sự việc. (1 – 2 điểm)	Đã nêu được một các khía cạnh của sự việc; có nêu được đánh giá của bản thân nhưng chưa sâu sắc. (3 – 4 điểm)	Nội dung đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục; có những đánh giá sâu sắc về sự việc. (5 điểm)
2. Phong thái tự tin (2 điểm)	Còn rụt rè, chưa tương tác với người nghe. (0.5 điểm)	Đã mạnh dạn trình bày nhưng cử chỉ, lời nói chưa được tự nhiên; thiếu tương tác với người nghe. (1 điểm)	Tự tin khi trình bày; tương tác tốt với người nghe. (2 điểm)
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm (1 điểm)	Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại, ngập ngừng nhiều lần. (0 điểm)	Nói to, nhưng đôi chỗ còn lặp lại hoặc ngập ngừng. (0.5 điểm)	Nói to, truyền cảm; hầu như không lặp lại hay ngập ngừng. (1 điểm)
4. Sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp (<i>tranh ảnh, video,...</i>) (1 điểm)	Không sử dụng các phương tiện hỗ trợ. (0 điểm)	Đã sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ, minh họa nhưng chưa hiệu quả. (0.5 điểm)	Sử dụng các phương tiện hỗ trợ, minh họa có hiệu quả cao. (1 điểm)
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí (1 điểm)	Không chào hỏi và/hoặc không có lời kết thúc bài nói. (0 điểm)	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói nhưng chưa ấn tượng. (0.5 điểm)	Chào hỏi và có lời kết thúc bài nói ấn tượng. (1 điểm)
Điểm			
TỔNG ĐIỂM			

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE

Người tự đánh giá:.....

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH NGHE			
1	Thái độ nghe: tập trung và tôn trọng người nói		
2	Tích cực ghi chép		
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa		
4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói		
5	ĐÁNH GIÁ CHUNG - Điều bản thân đã làm tốt trong kỹ năng nghe - Điều bản thân muốn khắc phục trong kỹ năng nghe 		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống; biết bộc lộ quan điểm của bản thân.

b. Nội dung thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*Nhiệm vụ 1: Chia sẻ thông điệp Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đàm thoại với học sinh, trả lời các câu hỏi: <i>Thông qua việc tìm hiểu và tham gia hoạt động trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội), em rút ra cho bản thân những thông điệp ý nghĩa nào?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, trả lời cá nhân. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1 – 2 HS trả lời. - Các HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận xét GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức.	HS có thể rút ra cho bản thân những thông điệp ý nghĩa sau:: - Cần trân trọng những mối quan hệ trong gia đình và xung quanh mình. - Cần có những cách ứng xử đúng đắn, lịch sự, văn minh để không làm tổn hại đến các mối quan hệ gia đình, xã hội. - Cần lên án những hành vi ứng xử thiếu lịch sự, vô văn hóa,... ...
*Nhiệm vụ 2: Sáng tạo video trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội). Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Mỗi nhóm hoàn thành 01 video trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan tuổi trẻ (cách cư xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội). Video đảm bảo yêu cầu sau: + Có tên trường, tên lớp, tên nhóm, đề tài trình bày, tên các thành viên. + Nhóm thống nhất đề tài trong nhóm (về 01 vấn đề về cách ứng xử của tuổi trẻ trong các mối quan hệ gia đình, xã hội), thống nhất dàn ý bài nói, cử 01 đại diện trình bày video và cả nhóm cùng quay lại; sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm phong phú cho video. - Thời gian, sản phẩm và cách thức nộp. + Thời gian: 01 tuần sau tiết học. + Sản phẩm: 01 video trình bày ý kiến, một biên bản làm việc nhóm (ghi rõ họ tên và nhiệm vụ của từng thành viên), một bản đánh giá quá trình làm việc nhóm của các thành viên.	HS hoàn thành sản phẩm nhóm tại nhà.

+ Cách thức nộp: Gửi đăng trên padlet hoặc zalo nhóm lớp. - GV cung cấp Rubric đánh giá sản phẩm video. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS nhóm 2, 4 thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Nộp sản phẩm trên Gửi đăng trên padlet hoặc zalo nhóm lớp. HS nhóm 1, 3 xem video, nhận xét, đánh giá. Bước 4: Kết luận, nhận định GV đánh giá và cho điểm sản phẩm nhóm.	

RUBRICS ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Mức độ Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Video trình bày (10 điểm)	- Nội dung video sơ sài, chưa nêu rõ được các khía cạnh của vấn đề - Hình thức video chưa đẹp mắt (5 – 6 điểm)	- Nội dung video đã nêu được một các khía cạnh của vấn đề; có nêu được đánh giá của bản thân nhưng chưa sâu sắc. - Hình thức sinh động nhưng chưa thực sự gây ấn tượng. (7 – 8 điểm)	- Nội dung video đầy đủ, sâu sắc, thuyết phục; có những đánh giá sâu sắc về vấn đề. - Hình thức lôi cuốn, hấp dẫn. (9 - 10 điểm)

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Hoàn thiện các bài tập còn lại.
- Tự thực hành nói: Trình bày quan điểm về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (cách ứng xử trong các mối quan hệ gia đình, xã hội)

BÀI 8

DỮ LIỆU TRONG VĂN BẢN THÔNG TIN

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB1: *Pa-ra-na* (Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt)

VB2: *Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục* (Nguyễn Nam)

VB3: *Đời muối* (Trích *Đời muối: Lịch sử thế giới*) (Mác Kơ-len-xki)

Thực hành đọc: *Sách thay đổi lịch sử loài người* (Vũ Đức Liêm)

2. Thực hành tiếng Việt: Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

3. Viết: Viết thư trao đổi về một công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm

4. Nói và nghe: Tranh biện về một vấn đề đời sống

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 10 tiết – KHGD

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết: 80, 81, 82

VĂN BẢN 1: PA-RA-NA (PARANA)

(Trích *Nhiệt đới buồn* – Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt (Claude Lévi – Strauss))

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản; đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết và nội dung của văn bản dựa trên trải nghiệm, quan điểm của người đọc qua văn bản *Pa-ra-na*.

- Chỉ ra được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề; đề xuất được các nhan đề khác cho văn bản *Pa-ra-na*.

- Phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin; đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp thông tin qua văn bản *Pa-ra-na*.

- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.

- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học để viết một đoạn văn về mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã, tìm đọc các văn bản khác trong tác phẩm *Nhiệt đới buồn*.

2. Phẩm chất: Biết trân trọng và có cách ứng xử bình đẳng với những nền văn hóa khác biệt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức

- Tạo hứng thú

- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS thiết kế sản phẩm học tập/xem video clip và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Cách 1: GV giao nhiệm vụ cho HS tìm hiểu trước ở nhà về lịch sử và văn hóa của người Anh diêng châu Mỹ. Mỗi nhóm có thể thực hiện một nhiệm vụ: + Xem một bộ phim về người thổ dân châu Mỹ, ví dụ: <i>Người Mô-hi-can cuối cùng</i>, <i>Kị sĩ cô độc</i>, <i>Khiêu vũ với bầy sói</i>,... + Đọc một tác phẩm văn học hoặc một cuốn sách, một văn bản lịch sử trong đó có hình tượng người thổ dân châu Mỹ, ví dụ: tiểu thuyết <i>Không nhà của Tô-mi O-ran-giơ</i> (Tommy Orange), <i>Sinh ra để chạy</i> của Crít-tô-phơ Mác-đô-gan,.... + Su rụ tập các tranh, ảnh về lịch sử, văn hóa, phong tục của người thổ dân ở châu Mỹ. + Tìm hiểu về lịch sử hình thành châu Mỹ, đặc biệt là phát kiến địa lí của Cô-lôm-bô (Colombo) và cuộc xâm lược thuộc địa của người châu Âu. - HS chia sẻ những thông tin mà mình tìm hiểu được dưới dạng video clip, audio, một bài thuyết trình ngắn hoặc một văn bản vào đầu giờ học. Cách 2: GV cho HS xem video clip về lịch sử và văn hoá của người Anh diêng ở châu Mỹ (https://www.youtube.com/watch?v=o9mbR5VE dyM) và trả lời các câu hỏi: <i>Video đã đưa ra những thông tin gì về người Anh diêng?</i> Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời Bước 4: Đánh giá, kết luận. GV cung cấp thêm cho HS một số thông tin về người thổ dân ở Châu Mỹ. => GV dẫn vào bài mới.	Cách 1: Một số thông tin về người thổ dân da đỏ ở châu Mỹ (người Anh-diêng) - Là cộng đồng người dân bản địa sống tại Hoa Kỳ từ hàng nghìn thậm chí hàng triệu năm trước. Trên thực tế, nhiều học giả ước tính rằng, vào thời điểm mà những nhà thám hiểm châu Âu tìm ra lục địa Châu Mỹ, tại đây đã có trên 50 triệu người bản địa sinh sống. - Sau hàng thế kỉ sinh sống thành các bộ tộc nhỏ, những người da đỏ đã hình thành cộng đồng riêng, họ sống bằng nghề săn bắt hái lượm và sống hòa hợp với thiên nhiên. - Văn hóa của những người Mỹ bản địa có lịch sử đến hàng trăm năm và được phát triển cùng với thiên nhiên. Mọi yếu tố trong cuộc sống người dân da đỏ đều được dựa trên sự phát triển của Trái đất. - Cuộc sống yên bình của những người da đỏ kết thúc khi các nhà thám hiểm châu Âu đi đầu là Columbus phát hiện ra “vùng đất mới” này. Những “nhà thám hiểm” này đuổi những người bản địa ra khỏi nơi ở của họ và chiếm đất để xây nhiều khu đô thị mới. Nhiều cuộc chiến đẫm máu đã xảy ra nhưng kết quả là, diện tích sống của các bộ tộc người da đỏ ngày càng bị thu hẹp, nhiều bộ tộc thậm chí đã biến mất. - Sau nhiều năm đấu tranh, cuối cùng chính phủ Mỹ cũng nhận ra tầm quan trọng của những bộ tộc người da đỏ. Nhiều bảo tàng được dựng lên và hệ thống giáo dục cũng đưa lịch sử về các bộ tộc người Mỹ bản địa vào giảng dạy như một cách để bày tỏ sự tôn trọng đến những người dân bản địa này. - Ngày nay, một số bộ tộc người da đỏ vẫn còn sinh sống ở một số vùng nhất định của Mỹ. Dù số lượng không nhiều nhưng những người dân da đỏ vẫn mang trên mình niềm tự hào về nguồn gốc và sức sống của bộ tộc mình. Cách 2: Những thông tin về người Anh diêng được đề cập trong video clip: - Nạn diệt chủng Holocaust diễn ra trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai. - Lịch sử của người Anh diêng ở châu Mỹ sau nhiều cuộc chiến tranh và diệt chủng. - Cuộc khai thác, đồng hoá văn minh của người phương Tây và sự phản kháng của người da đỏ.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu: Tìm hiểu chung về vai trò của dữ liệu trong văn bản thông tin, dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, đánh giá tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu.

b. Nội dung hoạt động: Đọc kiến thức ngữ văn và trả lời nhanh một số câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời chính xác của các đội chơi.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS hoạt động cá nhân trong 2 phút, đọc phần Tri thức Ngữ văn.
- Sau đó, HS gấp sách giáo khoa lại và trả lời nhanh các câu hỏi sau:

Câu 1. Trong các định nghĩa sau, định nghĩa nào đúng và đầy đủ nhất về dữ liệu?

A. Dữ liệu là các thông tin dưới dạng chữ viết, kí hiệu, số liệu, hình ảnh, âm thanh,...nhằm mô tả hoặc đo lường sự vật.

B. Dữ liệu là các thông tin chỉ tồn tại dưới dạng chữ viết.

C. Dữ liệu là các phương tiện phi ngôn ngữ làm sáng tỏ thông tin được thể hiện dưới dạng chữ viết.

D. Dữ liệu là các thông tin chính và thông tin chi tiết trong văn bản thông tin.

Câu 2. Ý nào không đúng về vai trò của dữ liệu của văn bản thông tin?

A. Dữ liệu là yếu tố quan trọng bậc nhất của văn bản thông tin.

B. Dựa trên những dữ liệu phong phú, chính xác, khách quan, người viết sẽ cung cấp cho người đọc những thông tin mới, đáng tin cậy.

C. Lập trường, thái độ, quan điểm của tác giả cũng được bộc lộ một cách gián tiếp qua cách chọn lọc, sắp xếp, trình bày, đánh giá dữ liệu

D. Dữ liệu thuyết phục người đọc tin vào thái độ, quan điểm của người viết.

Câu 3. Điền từ thích hợp vào các câu sau:

a. ...là dữ liệu được người viết thu thập một cách trực tiếp qua hoạt động quan sát, phỏng vấn, điều tra, thí nghiệm,...

b. ...là dữ liệu được khai thác bằng con đường gián tiếp, sử dụng lại nguồn thông tin đã có từ trước.

Câu 4. Để đánh giá tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu trong VB thông tin, người đọc có thể thực hiện những thao tác nào? (có thể chọn nhiều đáp án)

a, Thẩm định nguồn dữ liệu

b, Đánh giá tính logic trong cách trình bày

c, Gặp trực tiếp người viết VB thông tin

d, Đến tận nhà xuất bản cung cấp tài liệu

e, Phân biệt sự thật và ý kiến

f, Tìm kiếm các tác phẩm văn học có liên quan đến dữ liệu

I. Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

1. Vai trò của dữ liệu trong văn bản thông tin

*** Khái niệm:** Dữ liệu là các thông tin dưới dạng chữ viết, kí hiệu, số liệu, hình ảnh, âm thanh,...nhằm mô tả hoặc đo lường sự vật.

*** Vai trò của dữ liệu trong VB thông tin:**

- Dữ liệu là yếu tố quan trọng bậc nhất của văn bản thông tin.

- VB thông tin chỉ thực sự có giá trị khi cung cấp cho người đọc những thông tin mới, đáng tin cậy, dựa trên những dữ liệu phong phú, chính xác, khách quan.

- Lập trường, thái độ, quan điểm của tác giả cũng được bộc lộ một cách gián tiếp qua cách chọn lọc, sắp xếp, trình bày, đánh giá dữ liệu.

2. Dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp

	Dữ liệu sơ cấp	Dữ liệu thứ cấp
Khái niệm	là dữ liệu được người viết thu thập một cách trực tiếp qua hoạt động quan sát, phỏng vấn, điều tra, thí nghiệm,...	Là dữ liệu được khai thác bằng con đường gián tiếp, sử dụng lại những nguồn thông tin đã có từ trước
Đặc điểm, vai trò	+ Dữ liệu sơ cấp có thể tồn tại dưới dạng các bản ghi chép, nhật kí, số liệu điều tra, kết quả khảo sát, thực nghiệm, bản vẽ, ảnh chụp tại hiện trường. + Dữ liệu sơ cấp có giá trị thực tiễn, giúp người đọc hình dung ra hiện trạng của vấn đề, sự việc, tuy nhiên có thể hàm chứa thiên kiến của người thu thập.	+ Dữ liệu thứ cấp mang lại cái nhìn đa dạng, nhiều chiều hơn về vấn đề, song độ tin cậy của dữ liệu thứ cấp lại phụ thuộc vào nguồn thông tin gốc

3. Đánh giá tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu

Để đánh giá tính cập nhật, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản thông tin, người đọc có thể thực hiện một số thao tác sau:

- Thẩm định nguồn dữ liệu.

- Đánh giá tính logic trong cách trình bày.

- Phân biệt sự thật và ý kiến.

- Suy luận để nhận ra thiên kiến của tác giả.

- So sánh các dữ liệu trong VB đọc với dữ liệu tương tự ở một số văn bản khác.

g, Suy luận để nhận ra thiên kiến của tác giả h, So sánh các dữ liệu trong VB đọc với dữ liệu tương tự ở một số văn bản khác. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc Tri thức Ngữ văn và trả lời nhanh các câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV mời 1 - 2 HS trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức. Gợi ý đáp án: Câu 1. A. Câu 2. D. Câu 3. a, Dữ liệu sơ cấp b, Dữ liệu thứ cấp. Câu 4. Các đáp án đúng: a, b, e, g, h.	

2.2: Đọc và tìm hiểu chung về văn bản

- a. Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết được những nét chung về tác giả, văn bản
- b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.
- c. Sản phẩm:** Thảo luận nhóm bàn tìm hiểu khái quát về văn bản.
- d. Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
2.2. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản. 2.2.1 Đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc to, rõ ràng, chú ý các từ phiên âm theo tiếng nước ngoài. - Gọi một vài HS đọc theo từng đoạn/phần và tìm hiểu các chú thích SGK, giải thích các từ khó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo sản phẩm: HS đọc văn bản Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức 2.2.2 Đọc, xác định bố cục và nội dung chính Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - Làm việc theo nhóm bàn - Đọc lướt văn bản, hoàn thiện PHT 01:	II. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rôt - Là nhà nhân học, dân tộc học, triết học nổi tiếng người Pháp. - Các nghiên cứu của Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rôt bao trùm nhiều lĩnh vực, có ảnh hưởng sâu rộng trên thế giới, luôn thể hiện một tầm nhìn toàn cầu về nhân loại, chống lại việc độc tôn văn minh phương Tây, bảo vệ sự đa dạng văn hóa và cảnh báo nguy cơ thiên nhiên bị hủy diệt. - Các công trình tiêu biểu của ông: <i>Những cấu trúc sơ đẳng về thân tộc</i> (1949), <i>Chủng tộc và lịch sử</i> (1952), <i>Nhiệt đới buồn</i> (1955), <i>Nhân loại học cấu trúc</i> (1958), <i>Tư tưởng hoang dã</i> (1962),... 2. Tác phẩm <i>Nhiệt đới buồn</i> - là tác phẩm tự truyện, du kí, đồng thời cũng là một ghi chép dân tộc học, du khảo triết học độc đáo. - Tác phẩm được viết sau hai mươi năm khảo sát thực địa ở Bra-xin, nơi ông có cơ hội được tiếp xúc với nền văn hóa Anh điêng đang đứng trước nguy cơ bị hủy hoại. - Tác phẩm đã đặt ra nhiều vấn đề đáng suy ngẫm về mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên và về chính bản chất, lịch sử của nhân loại. 3. Đoạn trích <i>Pa-ra-na</i> a. Xuất xứ: Trích trong tác phẩm <i>Nhiệt đới buồn</i>. b. Bố cục: 3 phần

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 01 Tìm hiểu chung về tác phẩm <i>Nhiệt đới buồn</i>, văn bản <i>Pa-ra-na</i> + Tóm tắt các thông tin chính về tác giả Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rôt. + Tóm tắt các thông tin chính về tác phẩm <i>Nhiệt đới buồn</i> + Nêu xuất xứ, bố cục của đoạn trích <i>Pa-ra-na</i>

Bước 2 + 3. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc lướt SGK, đọc bảng kiến thức, suy nghĩ - GV gọi 01 HS trình bày, gọi 01 khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá, kết luận - GV chốt kiến thức, yêu cầu HS kẻ bảng điền thông tin vào vở.  Tác giả Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rôt	- Phần 1: Từ đầu đến “<i>chuyến đi kiểm tra của ông ta</i>”: giới thiệu, dẫn dắt về cuộc tiếp xúc của tác giả với người Anh điêng hoang dã. - Phần 2: Tiếp đến “<i>buộc họ tiếp tục đi theo lối vốn có của mình</i>”: Số phận của người Anh điêng bản địa trong lịch sử. - Phần 3: còn lại: Người Anh điêng vẫn giữ nhiều yếu tố văn hóa truyền thống, họ đã tạo ra sự kết hợp độc đáo giữa văn hóa nguyên thủy và hiện đại.

2.3. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu :

- Phân tích và đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản; đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết và nội dung của văn bản dựa trên trải nghiệm, quan điểm của người đọc qua văn bản *Pa-ra-na*.
- Chỉ ra được bố cục, mạch lạc của văn bản; đánh giá được sự phù hợp giữa nội dung và nhan đề; đề xuất được các nhan đề khác cho văn bản *Pa-ra-na*.
- Phân tích được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin; đánh giá được cách chọn lọc, sắp xếp thông tin qua văn bản *Pa-ra-na*.
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp; nhận biết và đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, báo cáo sản phẩm đã chuẩn bị trước tiết học.

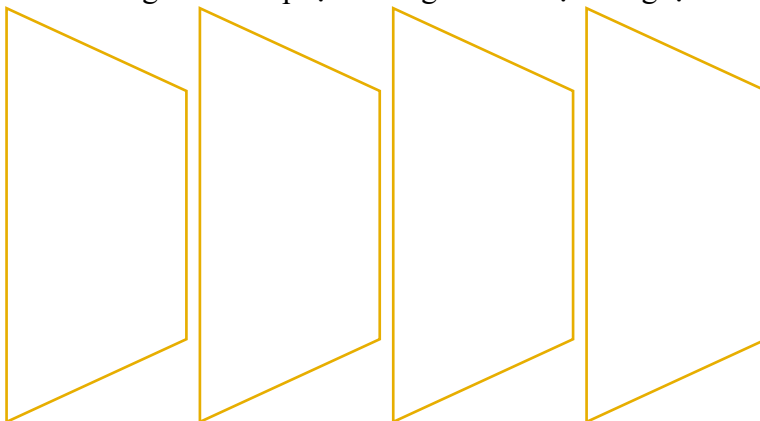
c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.

d. Tổ chức thực hiện:

PHT 02: TÌM HIỂU THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ SỐ PHẬN CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA TRONG LỊCH SỬ

HS đọc đoạn 2 trong VB và thực hiện các yêu cầu sau:

(1) Hoàn thành sơ đồ thông tin về số phận của người bản địa trong lịch sử:



(2) Nhận xét về số phận người Anh điêng qua những thông tin trên.

PHT 03: TÌM HIỂU THÔNG TIN VỀ CUỘC SỐNG CỦA NGƯỜI GIÊ DƯỚI CHẾ ĐỘ THỰC DÂN VÀ SỰ XUNG ĐỘT GIỮA VĂN HÓA NGUYÊN THỦY VÀ HIỆN ĐẠI

(1) Đọc đoạn 3 của văn bản, hoàn thành bảng về thông tin cuộc sống của người Giê dưới chế độ thực dân sau:

Chính sách và hoạt động của chính quyền thực dân	Phản ứng của người bản xứ
.....	

(2) Từ những dữ liệu đó, bạn có nhận xét gì về mối quan hệ giữa chính quyền thực dân và những người da đỏ bản xứ?

PHT 04: TÌM HIỂU VỀ DỮ LIỆU SƠ CẤP VÀ DỮ LIỆU THỨ CẤP TRONG VĂN BẢN

Đọc lại các dữ liệu trong văn bản và hoàn thành bảng sau:

	Dữ liệu sơ cấp	Dữ liệu thứ cấp
Dữ liệu minh họa (Tìm trong văn bản)		
Cơ sở xác định		

Tác dụng		

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
*Thao tác 1: Tìm hiểu đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS hoạt động cặp đôi, trả lời những câu hỏi sau: (1) Xác định đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản. (2) Nêu ý nghĩa nhan đề văn bản. Chỉ ra mối liên hệ giữa nhan đề với đề tài và thông tin cơ bản của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận cặp đôi, suy nghĩ, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 1 – 2 cặp đôi trả lời. - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức *Thao tác 2: Tìm hiểu thông tin chi tiết trong văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS hoạt động nhóm, hoàn thành nhiệm vụ sau: - Nhóm 1, 2: Hoàn thành PHT 02. - Nhóm 3, 4: Hoàn thành PHT 03 Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm, hoàn thành PHT theo yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 2 nhóm báo cáo. - Các nhóm còn lại nhận xét. Bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức.	III. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản - Đề tài: Văn minh và hoang dã, nguyên thủy và hiện đại. - Thông tin cơ bản: lịch sử và văn hóa của người Anh diêng. - Nhan đề: <i>Pa-ra-na</i> => Ý nghĩa nhan đề văn bản: Pa-ra-na là tên một bang nằm ở phía nam của Bra-xin, được bao phủ bởi rừng bách tán, một trong những rừng cận nhiệt đới quan trọng nhất trên thế giới. => Nhan đề có liên quan chặt chẽ với đề tài và thông tin cơ bản của văn bản: Vào thời kì phát hiện ra xứ sở này, toàn bộ khu vực nam Bra-xin là nơi trú ngụ của người Anh diêng bản xứ. 2. Chi tiết, dữ liệu trong văn bản a. Thông tin chi tiết trong văn bản * Thông tin về số phận của người bản địa trong lịch sử Trước thời kì thuộc địa Giê sống ở toàn bộ khu vực nam Bra-xin Vài thế kỉ trước Người Tupi chiếm vùng biển và bị xóa sổ bởi thực dân. Người Giê rút lui vào vùng hẻo lánh 1924 Phần lớn người Giê bị ép phải định cư để khai hóa văn minh Sau đó Chính quyền để học sống theo cách của mình. Người Giê quay lại với lối sống cổ xưa => Nhận xét về số phận của người Anh diêng: Những thông tin về trên cho thấy tình thế ngặt nghèo của người Anh diêng: - Từ sau khi bị người châu Âu xâm lược, người Giê bản địa ở khu vực nam Bra-xin đã bị dồn đuổi, phải sống lẩn trốn, bị cưỡng bức định cư, bị áp đặt bởi văn hóa người da trắng và sau này bị bỏ mặc => Từ một dân tộc người bản địa chiếm đa số và là chủ nhân của mảnh đất, họ trở thành kẻ bị xua đuổi, trấn áp và trở thành một cộng đồng thiểu số bị mất tiếng nói, bị đồng hóa và lãng quên

		cũng như vật dụng bằng kim loại. - Và những khẩu súng trường, súng lục cũ kĩ xưa kia do chính phủ phân phát, thường thấy chúng treo trong những ngôi nhà bỏ hoang, trong khi người dân ông đi săn trong rừng với cây cung và những mũi tên của một kĩ thuật cũng chắc chắn như kĩ thuật của các dân tộc chưa hề biết đến vũ khí nóng.	chung dưới tên gọi là Giê. - Trong những khu rừng của các bang phía nam: Pa-ra-na và Xan-ta Ca-ta-ri-na những nhóm nhỏ người hoang dã đã tồn tại cho tới thế kỉ XX; có thể còn tồn tại vài nhóm cho tới năm 1935, bị truy đuổi tàn bạo đến mức trong khoảng một trăm năm gần đây nhất họ phải trốn biệt; nhưng phần lớn họ đã bị hao mòn và được chính phủ Bra-xin cho định cư ở nhiều trung tâm vào khoảng năm 1914.
	Cơ sở xác định	- Dữ liệu được tác giả thu thập bằng phương pháp thực nghiệm, điền dã, khảo sát trực tiếp: Trên những dải đất nhìn xuống hai bờ sông Ri-ô Ti-ba-gi-ây, ở độ cao 1 000 mét so với mặt biển, lần đầu tiên tôi đã tiếp xúc với những người hoang dã.... - Văn bản được trích ra từ tác phẩm <i>Nhiệt đới buồn</i>. Đây là một ghi chép dân tộc học, được viết sau hai mươi năm đi khảo sát thực địa của Lê-vi-Xtơ-rôt ở Bra-xin.	Gián tiếp từ các tài liệu khác nhưng tác giả không trích rõ nguồn.
	Tác dụng	- Tạo bất ngờ, gây sự tò mò, muốn khám phá của độc giả, giúp độc giả hình dung ra cuộc sống của người Anh điêng bản xứ ở một vùng đất xa xôi vào thời kì trước.	Giúp người đọc có thể hình dung được bối cảnh lịch sử mà người Anh điêng đã trải qua và số phận của họ. Đồng thời, những dữ liệu này cũng cung cấp những tri thức về lịch sử của châu Mỹ.

*Thao tác 4: Tìm hiểu vai trò của người trần thuật xưng tôi và lập trường, quan điểm, thái độ của tác giả Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS hoạt động cặp đôi, thảo luận theo nhiệm vụ của từng dãy bàn: - Dãy 1: Phân tích vai trò của người trần thuật xưng “tôi” trong văn bản. - Dãy 2: Hãy cho biết lập trường, quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản. Bằng cách nào bạn nhận ra điều đó? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm bàn hoàn thành PHT theo yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 1 - 2 nhóm báo cáo. - Các nhóm còn lại nhận xét. Bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức	<table><tr><td></td><td> - Đập tan các định kiến của người phương Tây đã gán cho cộng đồng các dân tộc thiểu số trên thế giới: man rợ, thấp kém, lạc hậu. </td><td></td></tr></table> 3. Vai trò của người trần thuật xưng “tôi” và lập trường, quan điểm, thái độ của tác giả được thể hiện trong văn bản a. Vai trò của người trần thuật xưng “tôi” - Vai trò quan sát, khảo cứu, thu thập dữ liệu, ghi chép và mô tả lại những thông tin về lịch sử, cuộc sống của người Anh diêng: Người trần thuật xưng “tôi” cung cấp cho người đọc những thông tin xác thực, mới mẻ, sinh động về người Anh diêng: từ số phận của họ trong lịch sử đến tập quán, lối sống, hành vi, cách cư trú, ăn mặc, săn bắn, lao động,... của họ. - Vai trò suy ngẫm, phân tích, tìm ra cấu trúc, bản chất, quy luật, xung đột quyền lực chìm bên dưới những dữ liệu bề mặt: Người trần thuật xưng “tôi” đưa ra các nhận xét, đúc kết: + “Người thổ dân chỉ giữ của trái nghiệm văn minh ngăn ngừa những bộ quần áo Bra-xin, cái ri-u, con dao, kim khâu” + “Người Anh diêng ở Ti-ba-gi vừa không hoàn toàn là “người Anh diêng thực thụ”, vừa, nhất là, không phải là “người hoang dã””. + “Nền văn hóa của họ, một mặt được tạo thành bởi những truyền thống lâu đời đã kháng cự lại ảnh hưởng của người da trắng” + “Những lối sống cổ xưa, những kĩ thuật truyền thống tái xuất hiện, nảy sinh từ một quá khứ mà ta sẽ sai lầm khi quên mất sự gần gũi sống động”... => Sự kết hợp giữa hai lối tư duy cụ thể và trừu tượng, thực tiễn và suy lí này đã khiến cho tác phẩm vừa sinh động, thú vị nhưng cũng vừa sâu sắc, giàu tính triết lí. b. Lập trường, quan điểm, thái độ của tác giả - Lập trường: Tác giả không chỉ đứng ở vị trí người quan sát bên ngoài, mà còn nhìn nền văn hóa bản địa từ cái nhìn bên trong để hiểu được nguyên lí, gốc rễ của nền văn hóa ấy; đồng thời còn nhìn từ cái nhìn đồng đại và lịch đại, cụ thể và trừu tượng. => Việc quan sát đối tượng từ cái nhìn đa chiều đó đã giúp gỡ bỏ những thiên kiến, sự đối lập giữa “tôi” và “họ”, “mình” và “kẻ khác” mang lại sự hiểu biết rộng rãi, phong phú nhưng sâu sắc; một tầm nhìn rộng lớn về đối tượng. - Thái độ: + Thái độ nghiên cứu hết sức nghiêm cẩn, trách nhiệm, khách quan nhưng cũng đầy đồng cảm và thấu hiểu: Tác giả quan sát cuộc sống của người Anh diêng bằng cách thâm nhập thực tế, quan sát, tìm hiểu một cách hết sức cận kề, chú ý đến từng chi tiết rất nhỏ như chiếc chày đá được mài nhẵn tuyệt đẹp, chiếc khung máy khâu,...; đồng thời đào sâu vào quá khứ lịch sử để hiểu thấu đáo thân phận của họ, suy ngẫm và phân tích để gạt bỏ những lớp vỏ hời hợt bề ngoài, tìm thấy những nguyên tắc chìm phía dưới. + Tác giả thể hiện thái độ ngưỡng mộ đối với vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt và sự tinh tế của nền văn hoá bản địa. Điều này thể hiện qua những cách diễn đạt bộc lộ cảm xúc như: “thất vọng lớn cho tôi”, “họ đã cho tôi một bài học về sự thận trọng và tính khách quan”,... - Quan điểm của tác giả: Đối thoại với tư tưởng “đĩ Âu vi trung”, tư tưởng thực dân và những định kiến đã tồn tại lâu đời trong xã hội		- Đập tan các định kiến của người phương Tây đã gán cho cộng đồng các dân tộc thiểu số trên thế giới: man rợ, thấp kém, lạc hậu.	
	- Đập tan các định kiến của người phương Tây đã gán cho cộng đồng các dân tộc thiểu số trên thế giới: man rợ, thấp kém, lạc hậu.			

	phương Tây về sự lạc hậu của cộng đồng các dân tộc thiểu số, đồng thời khẳng định sự bình đẳng và đa dạng giữa các nền văn hoá và kêu gọi sự trở về, sống hài hoà với thiên nhiên, giữ gìn bản sắc dân tộc.=> Quan điểm này khiến cho Cờ-lốt Lê-vi-xơ-rôt không chỉ là một nhà nhân chủng học tiên phong, mà còn là một trong những nhà tư tưởng vĩ đại của thế kỉ XX.

2.4. Tổng kết

- a. Mục đích:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.
b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao
c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:
d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu: Trong vòng một phút, hãy làm việc cặp đôi và ghi lại những nét đặc sắc nhất về nội dung, nghệ thuật của văn bản và trình bày trong 1 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện theo cặp đôi. Ghi lại những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận. - Đại diện cặp đôi trình bày trong 1 phút. - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	IV. TỔNG KẾT 1. Về nội dung: Văn bản <i>Pa-ra-na</i> cung cấp thông tin về số phận người Anh diêng bản địa trong lịch sử và sự mâu thuẫn giữa văn hóa nguyên thủy với hiện đại. Từ đó, tác giả thể hiện vai trò, giá trị của nền văn hóa truyền thống nói chung. 2. Về nghệ thuật: - Cung cấp cả dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp. - Ngôn ngữ khoa học, chính xác - Tác giả sử dụng phương pháp quan sát, so sánh, phân tích để đưa ra những nhận xét khách quan về cuộc sống của người dân bản địa.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.
b. Nội dung: Tham gia trò chơi học tập, trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.
c. Sản phẩm: Kết quả tham gia trò chơi, câu trả lời của học sinh.
d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Trắc nghiệm củng cố qua trò chơi “Bảo vệ rừng xanh”

Bước 1: GV giao nhiệm vụ.

GV phổ biến luật chơi: Chúng ta hãy cùng trả lời đúng các câu hỏi để giúp các chú khỉ ngăn chặn hành vi của bọn lâm tặc nhé!

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV lần lượt đọc câu hỏi. HS tham gia trò chơi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Gv công bố kết quả.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

*** Gợi ý nhóm câu hỏi:**

Câu 1. Cờ-lốt Lê-vi-xơ-rôt là người nước nào?

- A. Người Mỹ
- B. Người Anh
- C. Người Pháp
- D. Người Bra-xin

Câu 2. Trong tác phẩm *Nhiệt đới buồn*, tác giả đã không đề cập đến vấn đề nào sau đây:

- A. Nền văn hóa của người Anh diêng bản địa
- B. Mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã
- C. Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên và về chính bản chất, lịch sử của nhân loại
- D. Vấn đề sản xuất vũ khí hạt nhân trên toàn cầu

Câu 3. Nhận định nào đúng khi nói về số phận của người Anh diêng trong lịch sử:

- A. Được chính phủ quan tâm, giúp họ có cuộc sống văn minh, thoát khỏi sự lạc hậu, nghèo nàn.
- B. Được tự do sống lối sống hoang dã của mình, chính phủ không can thiệp vào cuộc sống của họ

C. Sau khi bị người châu Âu xâm lược, họ đã phải sống khổ cực, bị cưỡng bức định cư. Họ đã bị ép đồng hoá, bị bỏ mặc và lãng quên

D. Họ là người cổ hủ, lạc hậu; không chịu tiếp nhận nền văn hóa văn minh

Câu 4. Những dữ liệu nào dưới đây là dữ liệu thứ cấp trong văn bản?

A. Những đồ vật khiến ta trầm tư ấy vẫn còn trong các bộ lạc như là nhân chứng của một thời kì khi người Anh điêng không biết đến nhà ở, quần áo, cũng như vật dụng bằng kim loại.

B. Trong những khu rừng của các bang phía nam: Pa-ra-na và Xan-ta Ca-ta-ri-na những nhóm nhỏ người hoang dã đã tồn tại cho tới thế kỉ XX

C. Và những khẩu súng trường, súng lục cũ kĩ xưa kia do chính phủ phân phát, thường thấy chúng treo trong những ngôi nhà bỏ hoang

D. Ở đâu ra vậy những chiếc chày đá được mài nhẵn tuyệt đẹp tôi đã tìm thấy, trong nhà của người Anh điêng, lẫn lộn giữa những đĩa sắt tráng men, những cùi dĩa của cửa hàng bách hóa

Câu 5. Tác giả đã đứng ở vị trí nào để quan sát và miêu tả của người Anh điêng?

A. Tác giả đứng ở vị trí quan sát bên ngoài

B. Tác giả nhìn nền văn hóa bản địa từ cái nhìn bên trong

C. Tác giả nghiên cứu, thu thập các tài liệu về người Anh điêng

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 6. Theo VB, kết quả của sự xung đột quyền lực giữa một bên là những nỗ lực khai hóa văn minh của người da trắng và một bên là sự kháng cự của thổ dân da đỏ là gì?

A. Văn minh thắng thế; văn hóa truyền thống được thay thế bởi nền văn minh hiện đại

B. Công cuộc đồng hóa của người da trắng thất bại, người thổ dân da đỏ vẫn giữ vững giá trị văn hóa truyền thống

C. Dung hòa, cả nền văn minh và hoang dã cùng tồn tại và phát triển

D. Sự xung đột này không phân định được kết quả

*** Nhiệm vụ 2: Trả lời câu hỏi**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV đọc câu hỏi:

- **Nhóm 1, 2:** Theo bạn, văn bản này có hạn chế gì trong việc cung cấp dữ liệu?

- **Nhóm 3, 4:** Thông điệp bạn nhận được từ văn bản là gì? Đặt trong bối cảnh ra đời của văn bản, theo bạn, thông điệp đó có ý nghĩa gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS nghe yêu cầu và thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu

Kĩ thuật Think – Pair – Share

B1: Think (Nghĩ): HS suy nghĩ độc lập về vấn đề được nêu ra; tự hình thành nên ý tưởng của mình.

B2: Pair (Bắt cặp): HS được ghép cặp với nhau để thảo luận về những ý tưởng vừa có.

B3: Share (Chia sẻ): HS chia sẻ ý tưởng vừa thảo luận với nhóm lớn hơn hoặc chia sẻ trước lớp.



+ Gv quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của các nhóm (có thể sử dụng thêm các hình ảnh nếu cần).

- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

***Dự kiến sản phẩm:**

- **Nhóm 1, 2:** Câu trả lời của HS. Ví dụ:

- + Văn bản chỉ có kênh chữ mà không có kênh hình sẽ làm giảm đi phần sinh động.
- + Những dữ liệu thứ cấp liên quan đến lịch sử của người Anh dường như được trích và sử dụng nhưng chưa nêu nguồn dẫn rõ ràng, cụ thể nên chưa thật sự thuyết phục.
- **Nhóm 3, 4.** Thông điệp và ý nghĩa mà HS đưa ra như:
 - + VB gửi tới người đọc thông điệp về hòa bình, sự tôn trọng những khác biệt văn hóa, chống lại tư tưởng thực dân và bá quyền văn hóa, giúp con người có thể chung sống với nhau một cách hài hòa, tốt đẹp
 - + Xét trong bối cảnh ra đời, VB đặt ra chất vấn đối với chế độ thực dân, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc; hàm chứa sự phê phán đối với nền học thuật đầy định kiến của người phương Tây; gợi ra những âu lo về nguy cơ biến mất của những nền văn hóa thiểu số; đồng thời cũng dấy lên niềm hi vọng về sức sống và sự trường tồn của văn hóa cổ xưa.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.
- b. Nội dung:** Thực hiện bài tập vận dụng.
- c. Sản phẩm:** Bày tỏ quan điểm suy nghĩ của bản thân
- d. Tổ chức thực hiện:**
 - Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập**
GV nêu yêu cầu: Văn bản gợi cho em suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã? Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ đó.
 - Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**
- HS đọc, cảm nhận, suy nghĩ để trả lời
 - Bước 3. Báo cáo, thảo luận**
- GV gọi từ 2-3 HS chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ của bản thân
 - Bước 4. Kết luận, nhận định**

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	0,5
Nội dung	Trình bày suy nghĩ của bản thân về mối quan hệ giữa văn minh và hoang dã	
	Giới thiệu vấn đề	1
	Trình bày cụ thể về vấn đề xoay quanh những câu hỏi: + Phải chăng văn hóa hiện đại thì cao cấp, ưu việt và tiến bộ hơn văn hóa nguyên thủy? + Hoang dã phải chăng đồng nghĩa với thấp kém? + Làm thế nào để có thể cân bằng giữa phát triển, văn minh, hiện đại và bảo tồn những giá trị truyền thống? + Trong đời sống đương đại, liệu những dấu ấn của văn hóa nguyên thủy có còn tồn tại? Nếu có thì nó tồn tại ở đâu, dưới dạng thức nào, có cần thiết cho con người hay không?	6
	Khẳng định, khái quát vấn đề	1
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Tiết: 83, 84

VĂN BẢN 2: GIÁO DỤC KHAI PHÓNG Ở VIỆT NAM NHÌN TỪ ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC

- Nguyễn Nam-

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

- 1. Năng lực**
*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

*Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ* (đọc – viết – nói và nghe); *năng lực văn học*. **HS biết đọc hiểu văn bản thông tin:**

- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản *Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục*, đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết về Đông Kinh Nghĩa Thục.
- Nhận biết được bố cục và mạch lạc của văn bản.
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.
- So sánh được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để thể hiện quan điểm của bản thân về giáo dục khai phóng và đọc hiểu văn bản mới cùng thể loại.

2. Phẩm chất: HS có thái độ trân trọng đối với những di sản của quá khứ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị:

- Tivi có mạng internet, kết nối với máy tính của GV
- Giấy A0 để HS trình bày kết quả thảo luận nhóm và mẫu PHT.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức cũ.
- Tạo hứng thú.
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức.

b. Nội dung hoạt động: Thiết kế sản phẩm học tập/xem video clip và trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Cách 1: GV giao nhiệm vụ cho HS thu thập tư liệu, tóm tắt các thông tin trước ở nhà: + Tìm hiểu về phong trào Tân thư ở Trung Quốc, Nhật Bản và ảnh hưởng của phong trào đó tới Việt Nam. + Cả lớp thực hiện cùng một dự án: Có thể chọn một trong các sản phẩm học tập sau: thiết kế tạp chí, tổ chức, cuộc triển lãm ảnh về trường học Đông Kinh Nghĩa Thục, dựng lại mô hình kiến trúc trường học Đông Kinh Nghĩa Thục, làm infographic tóm tắt những sự kiện chính trong phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục. Cách 2: GV cho HS xem video clip về Đông Kinh Nghĩa Thục - ngọn đuốc khai sáng đầu TK XX: https://www.youtube.com/watch?v=PhxgG6VIA84 và trả lời các câu hỏi: <i>Em ấn tượng với thông tin nào về trường học Đông Kinh Nghĩa Thục được nhắc đến trong đoạn video clip?</i> Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS nghe câu hỏi, đưa ra câu trả lời Bước 4: Đánh giá, kết luận. GV cung cấp thêm cho HS một số thông tin về Đông Kinh Nghĩa Thục. => GV dẫn vào bài mới.	Cách 1: Một số thông tin về Đông Kinh Nghĩa Thục: - Tháng 3 - 1907, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền lập trường học lấy tên là Đông Kinh nghĩa thực, trường dạy các môn khoa học; tổ chức các buổi diễn thuyết, xuất bản sách báo tuyên truyền tinh thần yêu nước... - Phạm vi hoạt động khá rộng: Hà Nội, Hà Đông, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Thái Bình... Tuy nhiên, đến tháng 11 - 1907, thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa trường. - Thông qua các hoạt động, Đông Kinh nghĩa thực góp phần thức tỉnh lòng yêu nước, truyền bá tư tưởng dân chủ, dân quyền và một nền văn hóa mới ở nước ta. Cách 2: HS nêu thông tin mình thấy ấn tượng trong video clip và lí giải lí do.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được những nét chung về tác giả, văn bản

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kỹ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
2.1. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản. 2.1.1 Đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc to, rõ ràng, chú ý đọc chính xác các mốc thời gian, sự kiện, trích dẫn. - Gọi một vài HS đọc một số đoạn quan trọng. - Lưu ý: HS cần kết hợp đọc với quan sát, phân tích ý nghĩa của các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản; đồng thời cũng cần đọc kỹ phân chú thích để có thêm hiểu biết về lịch sử; từ đó mới có thể hiểu sâu văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo sản phẩm: HS đọc văn bản Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức 2.1.2 Đọc, xác định bố cục và chủ đề chính Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: HS suy nghĩ cá nhân và trả lời các câu hỏi: - Nêu xuất xứ của văn bản. - Xác định chủ đề chính, bố cục của văn bản. Bước 2 + 3. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc lướt SGK, suy nghĩ, tìm câu trả lời. - GV gọi 01 HS trình bày, gọi 01 HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá, kết luận - GV chốt kiến thức, yêu cầu HS kẻ bảng điền thông tin vào vở.	I. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả Nguyễn Nam - Sinh năm 1961 - Quê ở tỉnh Hà Tây (nay thuộc thành phố Hà Nội) - Là người nghiên cứu chuyên sâu về các lĩnh vực: lịch sử tư tưởng, văn chương và điện ảnh Đông Á. 2. Văn bản a. Xuất xứ: in trong báo <i>Vietnamnet</i>, ngày 09/11/2022 b. Chủ đề: Giáo dục khai phóng và vai trò tiên phong của Đông Kinh Nghĩa Thục trong việc đề xướng và thực hiện giáo dục khai phóng tại Việt Nam vào đầu thế kỷ 20. c. Bố cục: - Phần mở đầu (Từ đầu đến “<i>xã hội Việt Nam nói chung</i>”): Giới thiệu bối cảnh lịch sử, xã hội Việt Nam đầu thế kỷ 20 và vai trò của Đông Kinh Nghĩa Thục - Phần nội dung (Tiếp đến “<i>không phải kiêng dè chi cả</i>”): Phân tích các khía cạnh của giáo dục khai phóng được thể hiện tại Đông Kinh Nghĩa Thục - Phần kết (Còn lại): Khẳng định giá trị và ảnh hưởng của Đông Kinh Nghĩa Thục đối với sự phát triển của giáo dục khai phóng tại Việt Nam.

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu :

- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản *Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục*, đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết về Đông Kinh Nghĩa Thục.

- Nhận biết được bố cục và mạch lạc của văn bản.

- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp, phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản.

- Phân tích được hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, báo cáo sản phẩm đã chuẩn bị trước tiết học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.

d. Tổ chức thực hiện:

PHT 01: TÌM HIỂU BỐI CẢNH LỊCH SỬ CỦA ĐKNT VÀ ĐIỂM NHẤN THEN CHÓT CỦA ĐKNT TRONG LỊCH SỬ GIÁO DỤC VIỆT NAM

HS đọc VB và thực hiện các yêu cầu sau:

(1) Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời trong bối cảnh lịch sử nào?

(2) Theo tác giả điểm nhấn then chốt của Đông Kinh Nghĩa Thục là gì? Tác giả đã sử dụng những dữ liệu nào để làm rõ điều này? Nhận xét về những dữ liệu ấy?

PHT 02: TÌM HIỂU THÔNG TIN VỀ GIÁO DỤC KHAI PHÓNG CỦA ĐÔNG KINH NGHĨA THỰC

HS đọc mục *Giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục* và trả lời các câu hỏi:

(1) Giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục có đặc điểm gì? Vì sao tác giả lại cho rằng Đông Kinh Nghĩa Thục là một mô hình giáo dục khai phóng?

(2) Tác giả đã sử dụng những dữ liệu nào để chứng minh cho tinh thần khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục? Những dữ liệu đó có đáng tin cậy không? Vì sao? Từ những dữ liệu đó, tác giả đã rút ra kết luận gì?

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

SẢN PHẨM

*Thao tác 1: Tìm hiểu đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS hoạt động cặp đôi, trả lời những câu hỏi sau: (1) Xác định đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản. (2) Nêu ý nghĩa nhan đề văn bản. Chỉ ra mối liên hệ giữa nhan đề với đề tài và thông tin cơ bản của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận cặp đôi, suy nghĩ, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 1 – 2 cặp đôi trả lời. - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức *Thao tác 2: Tìm hiểu thông tin, dữ liệu trong văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS hoạt động nhóm, hoàn thành nhiệm vụ sau: - Nhóm 1, 2: Hoàn thành PHT 01. - Nhóm 3, 4: Hoàn thành PHT 02 Câu hỏi chung cho cả 4 nhóm: Các thông tin trong văn bản được chọn lọc, sắp xếp theo trình tự nào? Nêu tác dụng của cách sắp xếp đó. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm, hoàn thành PHT theo yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 2 nhóm báo cáo. - Các nhóm còn lại nhận xét. Bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức.	II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản - Đề tài: Giáo dục khai phóng - Thông tin cơ bản: Bối cảnh lịch sử, điểm nhấn then chốt trong lịch sử giáo dục Việt Nam và giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục - Nhan đề: <i>Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục</i> => Ý nghĩa nhan đề văn bản: <i>Giáo dục khai phóng</i> được hiểu là cung cấp một nền tảng tri thức mở, giúp người học phát triển tư duy phản biện, kỹ năng lập luận và biểu đạt các ý tưởng, thông tin một cách rõ ràng. <i>Đông Kinh Nghĩa Thục</i> ra đời trong bối cảnh thuộc địa đánh dấu một bước phát triển mới trong truyền thống giáo dục khai phóng Việt Nam. => Nhan đề có liên quan chặt chẽ với đề tài và thông tin cơ bản của văn bản: Các thông tin cơ bản của văn bản đều xoay quanh Đông Kinh Nghĩa Thục và giáo dục khai phóng đã được đề cập đến trong nhan đề văn bản. 2. Thông tin, dữ liệu trong văn bản a. Bối cảnh lịch sử ra đời của Đông Kinh Nghĩa Thục - Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời dưới tác động của những biến động chính trị, kinh tế, xã hội và quân sự lớn ở khu vực Đông Á cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. - Sự truyền bá tư tưởng chính trị, triết học phương Tây tới Đông Á qua hình thức “tân thư”. - Những thành tựu của Nhật Bản về quân sự và chính trị, kinh tế, giáo dục, xã hội. - Việc nhận thức được sức mạnh của giáo dục và ảnh hưởng của mô hình giáo dục Nhật Bản. => Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời trong bối cảnh thuộc địa đánh dấu một bước phát triển mới trong truyền thống giáo dục khai phóng Việt Nam. b. Điểm nhấn then chốt trong lịch sử giáo dục Việt Nam - Những điểm nhấn then chốt của Đông Kinh Nghĩa Thục: được tiến hành từ dưới lên, bắt nguồn từ dân chúng; theo định hướng độc lập dân tộc; mong cầu tiên bộ về tri thức, tư duy và dân chủ. - Tác giả đã sử dụng các dữ liệu chính: + Sách <i>Đông Kinh Nghĩa Thục</i> của Đào Trinh Nhất: bị cấm trên toàn cõi An Nam từ năm 1937. + Các bài viết của Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm trình bày rải rác về Đông Kinh Nghĩa Thục trên các tuần báo <i>Thế giới</i> và <i>Tân Việt Nam</i>. + Cuốn sách <i>Đông Kinh Nghĩa Thục</i> chưa được in chính thức của Hoa Bằng. => Tác giả chủ yếu sử dụng dữ liệu thứ cấp => Nhận xét: Những dữ liệu này cho thấy: + Các thư tịch, khảo cứu về Đông Kinh Nghĩa Thục rất ít ỏi, bị chính quyền kiểm duyệt chặt chẽ, phần nào cho thấy sự trấn áp của chính quyền thực dân đối với phong trào này, đồng thời thể hiện những nỗ lực của giới học giả đầu thế kỉ nhằm bảo vệ, khẳng định đóng góp của Đông Kinh Nghĩa Thục. + Tác giả làm nổi bật mối quan hệ đối kháng giữa sự thống trị của quyền lực thực dân và sự kháng cự của giới trí thức Việt Nam, trong bối cảnh xã hội thuộc địa => Từ đó, làm nổi bật tinh thần yêu nước ẩn chứa trong các hoạt động, phong trào.

c. Giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục

- Thông tin về giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục:

+ Mục đích – tôn chỉ giáo hóa của Đông Kinh Nghĩa Thục:



+ Trường khuyến khích tinh thần sáng tạo khoa học của người học, khuyến cáo xã hội nên học theo mẫu hình châu Âu, đề cao tinh thần tự do học thuật dựa trên thực học

=> Đông Kinh Nghĩa Thục là mô hình giáo dục khai phóng vì với những đặc điểm giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục, người học có thể đạt được mục đích của giáo dục khai phóng là cung cấp một nền tảng tri thức rộng mở, giúp người học phát triển tư duy phản biện, kỹ năng lập luận, phân tích và biểu đạt các ý tưởng, thông tin một cách rõ ràng. Những nền tảng tri thức và kỹ năng này sẽ chuẩn bị cho người học năng lực xử lý các vấn đề phức tạp của thế giới và ứng phó với những thay đổi không thể lường trước.

- Để làm rõ đặc điểm giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục, tác giả sử dụng hai dữ liệu chính:

+ Nhận định của Giám học Nguyễn Quyền về Đông Kinh Nghĩa Thục: là thông tin được trích dẫn trong cuốn *Đông Kinh Nghĩa Thục* của Đào Trinh Nhất -> thể hiện cái nhìn, sự đánh giá mang tính chất cá nhân của người đương thời về Đông Kinh Nghĩa Thục.

+ Tác phẩm khuyết danh *Văn minh tân học sách*, là một cương lĩnh giáo dục, thể hiện chủ trương, đường lối, nguyên tắc hoạt động của Đông Kinh Nghĩa Thục.

=> Đây đều là dữ liệu thứ cấp, cho thấy tinh thần khai phóng hiện đại của Đông Kinh Nghĩa Thục toát lên từ mọi hoạt động, phương diện của trường; sự đa dạng trong cách sử dụng văn tự, sự bình đẳng giới, tinh thần thực tiễn, tính chất trách nhiệm, tinh thần sáng tạo, tự do và cởi mở...

=> Từ các dữ liệu này, tác giả rút ra kết luận: Tinh thần khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục được thể hiện ở dũng khí dám

***Thao tác 3: Tìm hiểu vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ trong VB**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

HS nhóm bàn thực hiện yêu cầu:
Phân tích tác dụng của việc sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận theo nhóm bàn thực hiện yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV mời 1 - 2 nhóm báo cáo.
- Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức***Thao tác 4: Tìm hiểu nhận xét, đánh giá của tác giả về Đông Kinh Nghĩa Thục****Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**

HS hoạt động cặp đôi, thảo luận trả lời câu hỏi: + Tác giả nhận xét, đánh giá thế nào về Đông Kinh Nghĩa Thục? Những nhận xét, đánh giá đó của tác giả có được chứng minh, làm rõ bằng các dữ liệu khách quan, đáng tin cậy và lập luận logic hay không?

+ Liệu văn bản có hoàn toàn khách quan không? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận theo cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV mời 1 - 2 cặp đôi báo cáo.
- Các cặp đôi còn lại nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức

từ bỏ lối học từ chương, cho phép người học tự do học thuật, hướng tới thực học, thúc đẩy tinh thần phản biện, giúp hòa nhập với thế giới hiện đại.

=> Các thông tin trong văn bản được sắp xếp theo tầm quan trọng của vấn đề. Cách sắp xếp này phù hợp vì giúp người đọc tiếp nhận thông tin theo các mức độ quan trọng một cách dễ dàng, đồng thời, nó cũng tăng tính thuyết phục cho VB.

3. Vai trò của phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản

- Hình ảnh 1: Về căn nhà số 4, nhà riêng của cụ Lương Văn Can, đã từng là cơ sở dạy học của Đông Kinh Nghĩa Thục: + Giúp chúng ta hình dung trực quan về xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX (trường Đông Kinh Nghĩa Thục, cấu trúc nhà cửa, trang phục của người dân, phương tiện đi lại,...).

+ Đồng thời, bức ảnh cũng góp phần khẳng định vai trò quan trọng của cụ Lương Văn Can với Đông Kinh Nghĩa Thục.

+ Hình ảnh này gắn kết chặt chẽ với nội dung trình bày về Đông



Kinh Nghĩa Thục ở SGK (tr. 69 – 70).

- Hình ảnh 2 và 3: Về cuốn sách *Đông Kinh Nghĩa Thục* của Đào Trinh Nhất và quyết định cấm hai tác phẩm *Đông Kinh Nghĩa Thục*, *Đời cách mệnh* Phan Bội Châu của Đào Trinh Nhất giúp chúng ta:

+ Hiểu về hình thức xuất bản của một cuốn sách đương thời, tiếp cận với chân dung của Giám học Nguyễn Quyền, các nội dung cấm xuất bản với hai cuốn sách.

+ Hình ảnh này cũng gắn kết chặt chẽ với nội dung được trình bày ở SGK (tr. 72). Nếu không có hai hình ảnh này, giá trị của văn bản sẽ giảm xuống vì nó thiếu đi tính trực quan, cách thức cung cấp thông tin lịch sử.

**4. Nhận xét, đánh giá của tác giả về Đông Kinh Nghĩa Thục**

- Những nhận xét, đánh giá của tác giả trong văn bản:

+ “Đông Kinh Nghĩa Thục là sự tích hợp những thành tựu cải cách Đông – Tây”

+ “Thời gian tồn tại ngắn ngủi của Đông Kinh Nghĩa Thục trong vòng khoảng mười tháng tỉ lệ nghịch cực địa với ảnh hưởng sâu rộng của ngôi trường này.”

=> Những nhận xét, đánh giá đó đã được làm rõ bằng những dữ liệu khách quan (dữ liệu thứ cấp có được từ những nguồn tài liệu đáng tin cậy, các dữ liệu đều được chú thích rõ nguồn gốc; ngoài các thông tin dưới dạng văn bản, tác giả còn cung cấp các thông tin dưới dạng ảnh chụp, làm gia tăng độ tin cậy của thông tin, các trích dẫn đều được chú thích rõ ràng về nguồn gốc...) => Văn bản khách quan mang tính chất khảo cứu lịch sử.

	=> Tuy nhiên, người đọc hoàn toàn có thể nhận ra thái độ, lập trường của tác giả, qua nội dung các nhận định, đánh giá thể hiện sự đề cao vị trí và đóng góp của Đông Kinh Nghĩa Thục trong lịch sử; tác giả đã thể hiện một cách gián tiếp thái độ ủng hộ đối với giáo dục khai phóng.

2.3. Tổng kết

- a. Mục đích:** HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.
- b. Nội dung:** HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao
- c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:
- d. Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu: Trong vòng một phút, hãy làm việc cặp đôi và ghi lại những nét đặc sắc nhất về nội dung; nghệ thuật của bài viết và trình bày trong 1 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện theo cặp đôi. Ghi lại những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận. - Đại diện cặp đôi trình bày trong 1 phút. - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	III. TỔNG KẾT 1. Về nội dung Văn bản cung cấp thông tin về bối cảnh lịch sử, điểm nhấn then chốt trong lịch sử giáo dục Việt Nam và giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục dựa trên những dữ liệu khách quan, đáng tin cậy. Qua đó, gián tiếp thể hiện thái độ ủng hộ đối với giáo dục khai phóng nói chung. 2. Về nghệ thuật - Cung cấp nguồn dữ liệu thứ cấp có giá trị, đáng tin cậy. - Ngôn ngữ khoa học, chính xác - Kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khoa học, hiệu quả.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: Trò chơi học tập, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Trắc nghiệm củng cố qua trò chơi “Túi mù bí ẩn”

Bước 1: GV giao nhiệm vụ.

GV phổ biến luật chơi: Chúng ta hãy cùng trả lời đúng các câu hỏi để xé những túi mù bí ẩn và nhận được những phần quà mình yêu thích nhé!

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV lần lượt đọc câu hỏi. HS tham gia trò chơi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Gv công bố kết quả.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

*** Gợi ý nhóm câu hỏi:**

Câu 1. Ai là người thành lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục?

- A. Phan Bội Châu
- B. Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm
- C. Nguyễn Quyền, Lương Văn Can
- D. Nguyễn Nam

Câu 2. Đáp án nào sau đây *không* thuộc đặc điểm của giáo dục khai phóng?

- A. Cung cấp một nền tảng tri thức rộng mở
- B. Giúp người học phát triển tư duy phản biện, kỹ năng lập luận, phân tích và biểu đạt các ý tưởng thông tin một cách rõ ràng
- C. Khuyến khích tinh thần tự do học thuật dựa trên thực học, học trò bàn bạc tha hồ, đối đáp tự do
- D. Cơ sở vật chất khang trang, thiết bị dạy học hiện đại, tạo điều kiện cho học sinh tìm tòi, nghiên cứu

Câu 3. Trong văn bản, tác giả đã sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ nào?

- A. Hình ảnh
- B. Biểu đồ
- C. Sơ đồ
- D. Số liệu

Câu 4. Theo anh/chị, việc sử dụng chủ yếu dữ liệu thứ cấp, được trích dẫn từ những nguồn tư liệu quý hiếm và có giá trị có vai trò gì trong văn bản:

- A. Tạo tính khách quan, đáng tin cậy cho thông tin mà tác giả đưa đến trong văn bản
- B. Tạo sự sinh động, hấp dẫn trong văn bản
- C. Thể hiện được rõ thái độ, quan điểm của người viết
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 5. Các thông tin trong văn bản được chọn lọc, sắp xếp theo trình tự nào?

- A. Trình tự thời gian
- B. Trình tự nhân quả

C. Theo tâm quan trọng của vấn đề

D. Theo quan hệ so sánh

Câu 6. Trong VB, tác giả đã gián tiếp thể hiện lập trường, quan điểm như thế nào về Đông Kinh Nghĩa Thục?

A. Phản đối gay gắt vì đó là môi trường giáo dục của nước ngoài, không phù hợp với Việt Nam.

B. Ủng hộ đối với giáo dục khai phóng

C. Thái độ trung lập, không đồng tình nhưng cũng không phản đối

D. Ca tụng, tung hô nền giáo dục khai phóng

*** Nhiệm vụ 2: Viết tích cực**

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về một dữ liệu gây ấn tượng mạnh mẽ với bạn trong văn bản *Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục*.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc, cảm nhận, suy nghĩ để trả lời.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi từ 2-3 HS chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ của bản thân

Bước 4. Kết luận, nhận định

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 200 chữ)	0,5
Nội dung	Trình bày suy nghĩ về một dữ liệu gây ấn tượng mạnh mẽ với bạn trong văn bản	
	Giới thiệu vấn đề	1
	Trình bày cụ thể về vấn đề xoay quanh một số gợi ý sau: + Khái quát chung về những dữ liệu trong văn bản. + Dữ liệu nào khiến bạn ấn tượng nhất? Khái quát về dữ liệu đó trong văn bản. + Vì sao dữ liệu gây ấn tượng đối với bạn?	6
	Khẳng định, khái quát vấn đề	1
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

Đoạn văn tham khảo

Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục là một văn bản mang tính chất khảo cứu lịch sử, sử dụng nhiều dữ liệu thứ cấp, được trích dẫn từ những nguồn tư liệu quý hiếm và có giá trị. Trong đó, dữ liệu để lại ấn tượng mạnh mẽ nhất trong em là tác phẩm khuyết danh *Văn minh tân học sách* (1941). Điều ấn tượng ở đây là dữ liệu đưa đến thông tin trường khuyến khích tinh thần sáng tạo khoa học của người học và quan trọng nhất là tinh thần tự do học thuật dựa trên tự học. Đây có thể coi là điểm tiến bộ vượt bậc của Đông Kinh Nghĩa Thục, đặc biệt trong bối cảnh thuộc địa lúc bấy giờ. Trong tình hình xã hội rối ren, đối diện với nhiều vấn đề về kinh tế, chính trị nhưng sự học lại theo “tinh thần mở”, điều này tạo điều kiện cho người học được mở mang kiến thức, tiếp xúc với nền giáo dục hiện đại, được thể hiện tinh thần tự do, dân chủ trong việc học. Điều đáng nói nữa là, đây là cương lĩnh giáo dục đi trước thời đại, thể hiện tầm nhìn rộng lớn vì nó vẫn còn phù hợp với sự học ngày nay. Học sinh ở thời đại nào cũng cần được sáng tạo, được trao đổi, bàn bạc thể hiện ý kiến của mình và ứng dụng được việc học vào công việc thực tế mà mình làm. Đúng như lời tác giả bài viết đã nhận xét, Đông Kinh Nghĩa Thục tuy tồn tại trong thời gian ngắn ngủi nhưng có sự ảnh hưởng sâu rộng đối với truyền thống giáo dục của Việt Nam nói riêng và đối với sự phát triển theo định hướng mới của xã hội Việt Nam nói chung.

4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Bày tỏ quan điểm suy nghĩ của bản thân

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV đọc câu hỏi: Từ những thông tin được cung cấp trong văn bản, bạn suy nghĩ như thế nào về giá trị giáo dục nói chung và giáo dục khai phóng nói riêng?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + HS nghe yêu cầu và thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu
- + Gv quan sát, khích lệ và hỗ trợ nếu cần.

Kĩ thuật Think – Pair – Share

B1: Think (Nghĩ): HS suy nghĩ độc lập về vấn đề được nêu ra; tự hình thành nên ý tưởng của mình.

B2: Pair (Bắt cặp): HS được ghép cặp với nhau để thảo luận về những ý tưởng vừa có.

B3: Share (Chia sẻ): HS chia sẻ ý tưởng vừa thảo luận với nhóm lớn hơn hoặc chia sẻ trước lớp.



Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của các nhóm (có thể sử dụng thêm các hình ảnh nếu cần).
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa, bổ sung (nếu cần).

*Dự kiến sản phẩm: Có thể tham khảo một vài gợi ý sau:

- Từ những thông tin được cung cấp trong văn bản, chúng ta thấy sự tác động của Đông Kinh Nghĩa Thục đến văn hóa, xã hội, chính trị Việt Nam:
 - + Giúp người học Việt Nam tiếp cận với những thành tựu cải cách giáo dục Đông-Tây.
 - + Thể hiện sự kháng cự của trí thức Việt Nam trước sự thống trị của chính quyền thực dân.
 - + Đáp ứng yêu cầu cấp thiết của thời đại, đặc biệt là vấn đề canh tân đất nước về mọi mặt để mưu cầu tiến bộ, bình đẳng, hợp tác và độc lập dân tộc
 - + Người học được mở rộng và hòa nhập hiệu quả thế giới hiện đại mà không bị cắt đứt khỏi căn rễ văn hóa của mình
- => Đông Kinh Nghĩa Thục là mô hình giáo dục tiên bộ không chỉ trong bối cảnh đất nước lúc bấy giờ mà còn cần được phát huy tới các thời đại sau.
- Từ những thông tin về ảnh hưởng, tác động của Đông Kinh Nghĩa Thục trên, em nhận thấy tác động, ảnh hưởng của giáo dục đến đời sống, văn hóa, xã hội:
 - + Nâng cao dân trí ở mọi quốc gia, dân tộc: nâng cao trình độ nhận thức, học vấn, khoa học – kĩ thuật.
 - + Cung cấp nguồn nhân lực
 - + Bảo vệ thể chế chính trị
 - + Gìn giữ văn hóa: Hội nhập quốc tế nhưng vẫn gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc.
- Giáo dục khai phóng thể hiện sự tiến bộ, ưu việt và phù hợp với thời đại: Thể hiện nền giáo dục hiện đại, người học có nhiều cơ hội để phát triển bản thân về cả kiến thức và kĩ năng. Tuy nhiên, việc thực hiện giáo dục khai phóng phải được triển khai phù hợp với điều kiện của từng địa phương, từng quốc gia.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Tìm đọc các văn bản khác về giáo dục, giáo dục khai phóng.
- **Chuẩn bị bài:** Văn bản 3. *Đời mới (Mác Kơ-len-xki)*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

ĐỜI MUỐI
(Trích *Đời muối: Lịch sử thế giới*)
- Mác Kơ-len-xki (Mark Kurlansky) -

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực :

*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

*Năng lực đặc thù: *Năng lực ngôn ngữ* (đọc – viết – nói và nghe); *năng lực văn học*. **HS biết đọc hiểu văn bản thông tin:**

- Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã có từ việc đọc văn bản 1 và văn bản 2 để thực hành phân tích được thông tin cơ bản của văn bản *Đời muối*, đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết, chỉ ra được bố cục và mạch lạc của văn bản.

- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp; phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản *Đời muối*.

- So sánh, đánh giá hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ.

- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để viết một đoạn văn liên quan đến nguyên nhân của các cuộc chiến tranh và đọc hiểu một văn bản thông tin mới.

2 . Phẩm chất

- Trân trọng lịch sử; có cái nhìn đa chiều, sâu sắc về lịch sử

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học

- Máy tính, máy chiếu đa năng (Ti vi)

2. Học liệu:

- SGK, tài liệu tham khảo

- Tư liệu: Tranh ảnh và phim: GV sử dụng tranh, ảnh, tranh, video liên quan.

- Phiếu học tập: HS chuẩn bị các phiếu học tập ở nhà.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

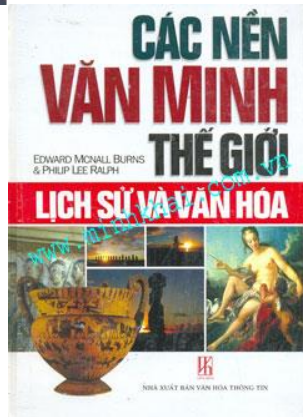
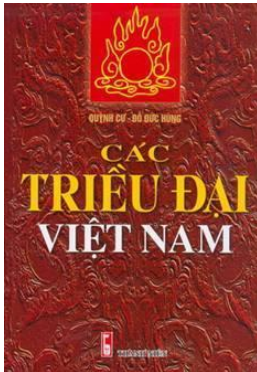
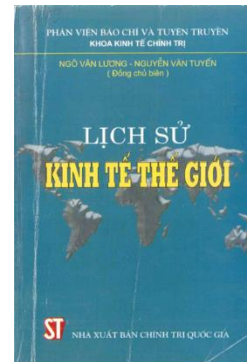
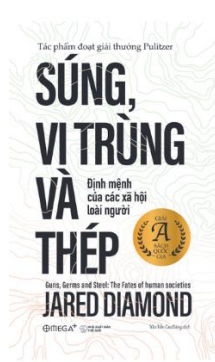
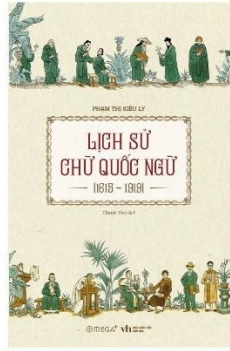
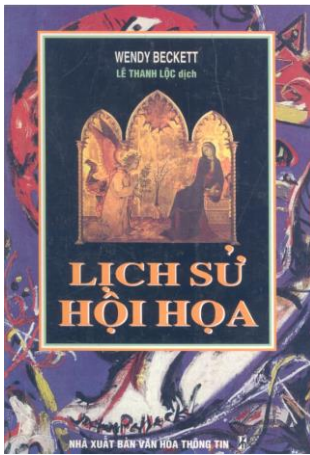
b. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- HS quan sát hình ảnh một số bìa cuốn sách sau:



- Trên đây là bìa của một số cuốn sách về lịch sử. Dựa vào những hình ảnh trên và kiến thức của mình. Theo bạn, chúng ta có thể tiếp cận lịch sử bằng những cách nào?

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và trả lời các câu hỏi.
- GV quan sát, khích lệ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi một số HS phát biểu.

=> **Dự kiến sản phẩm:** Chúng ta có thể tiếp cận lịch sử bằng nhiều cách khác nhau: qua các cuộc chiến tranh, qua sự biến đổi và tiếp nối của các triều đại, các cuộc cách mạng, tiến trình phát triển kinh tế, qua hội họa, chữ viết, các nền văn minh,...

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV dẫn dắt vào bài: Tiến trình lịch sử nhân loại là những trang sách nối dài có điểm bắt đầu nhưng chưa có điểm kết thúc. Để góp phần tạo nên những trang sách đó, mỗi yếu tố trong nhân loại này đều đóng góp những vai trò nhất định. Ngoài những yếu tố kể đến ở trên thì muối – một nhân tố nhỏ bé nhưng lại chứa đựng trong mình những kiến thức kì diệu, thú vị về lịch sử. Để hiểu rõ hơn về điều này, cô trò chúng ta cùng đi tìm hiểu bài học ngày hôm nay: *Đời muối* (trích *Đời muối: Lịch sử thế giới*) của tác giả Mác Kơ-len-xki.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản

a. Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được những nét chung về tác giả, văn bản

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc, thu thập thông tin trình bày nội dung đã chuẩn bị về văn bản để thực hiện mục tiêu đề ra.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân tìm hiểu khái quát về văn bản.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
2.1. Đọc và tìm hiểu chung về văn bản. 2.1.1 Đọc Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu:	I. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả Mác Kơ-len-xki - Sinh năm 1948. - Là nhà báo và nhà văn người Mỹ.

- GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: giọng đọc to, rõ ràng, cảm nhận giọng điệu kể chuyện chậm rãi, thong dong của tác giả trong văn bản. - Gọi một vài HS đọc một số đoạn quan trọng. - Lưu ý: HS cần kết hợp đọc với làm theo hướng dẫn trong thẻ bên phải tuyển sách và chú ý phần chú thích để hiểu rõ thêm về văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB - GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo sản phẩm: HS đọc văn bản Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức 2.1.2 Đọc, xác định bố cục và chủ đề chính Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: HS suy nghĩ cá nhân và trả lời các câu hỏi: - Nêu xuất xứ của văn bản. - Xác định chủ đề chính, bố cục của văn bản. Bước 2 + 3. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc lướt SGK, suy nghĩ, tìm câu trả lời. - GV gọi 01 HS trình bày, gọi 01 HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá, kết luận - GV chốt kiến thức, yêu cầu HS kẻ bảng điền thông tin vào vở.	- Tác phẩm tiêu biểu: <i>Khi loài cá biến mất</i> (1997), <i>Đời muối: Lịch sử thế giới</i> (2002), <i>Giấy: Lật giở từng trang sử</i> (2016), <i>Cá hồi và trái đất: Lịch sử của một số phân bình thường</i> (2020), ... - Thông qua việc khảo sát lịch sử những vật dụng thường nhật hay các mặt hàng quan trọng, phổ biến, các cuốn sách của ông mang lại một góc nhìn thú vị và mới mẻ về lịch sử loài người. 2. Văn bản a. Xuất xứ: được trích trong cuốn <i>Đời muối: Lịch sử thế giới</i>, cuốn sách khám phá hành trình của muối trong lịch sử nhân loại b. Chủ đề: Thông qua hành trình của muối, tác giả thể hiện góc nhìn và quan điểm thú vị về lịch sử nhân loại. c. Bố cục: 3 phần - Phần 1 (Từ đầu đến “và dĩ nhiên ngành độc quyền nhà nước đầu tiên”): Lịch sử nhân loại trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống. - Phần 2 (Tiếp đến “giống như nhiều loại hàng hóa khác”): Lịch sử nhân loại sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống. - Phần 3 (còn lại): Lập trường, quan điểm của tác giả về muối.

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu :

- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản *Đời muối*, đánh giá được thái độ, quan điểm của người viết, chỉ ra được bố cục và mạch lạc của văn bản.
- Phân biệt được dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp; phân tích được vai trò của dữ liệu trong việc thể hiện thông tin, đánh giá được tính mới mẻ, độ tin cậy của dữ liệu trong văn bản *Đời muối*.
- So sánh, đánh giá hiệu quả biểu đạt của văn bản thông tin chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản thông tin có kết hợp các yếu tố phi ngôn ngữ.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, báo cáo sản phẩm đã chuẩn bị trước tiết học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.

d. Tổ chức thực hiện:

PHT 01: TÌM HIỂU THÔNG TIN, DỮ LIỆU CỦA VĂN BẢN HS đọc lại VB và hoàn thành sơ đồ tóm lược tiến trình lịch sử của nhân loại dựa trên vai trò của muối đối với đời sống con người:

Lịch sử nhân loại trước khi muối trở thành nhu cầu thiết yếu của đời sống

-
-

Lịch sử nhân loại sau khi muối trở thành nhu cầu thiết yếu của đời sống

-
-

=> Trong tiến trình lịch sử đó, theo tác giả, muối đóng vai trò gì?

PHT 02:

TÌM HIỂU VỀ LOẠI DỮ LIỆU VÀ CÁCH SẮP XẾP DỮ LIỆU TRONG VĂN BẢN THÔNG TIN

(1) Dữ liệu được tác giả sử dụng là dữ liệu sơ cấp hay thứ cấp? Bạn cảm nhận như thế nào về mức độ chính xác, đáng tin cậy của dữ liệu?

(2) Phân tích và đánh giá cách trình bày dữ liệu của tác giả trong văn bản?

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
*Thao tác 1: Tìm hiểu đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS hoạt động cặp đôi, trả lời những câu hỏi sau: (1) Xác định đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản. (2) Nêu ý nghĩa nhan đề văn bản. Chỉ ra mối liên hệ giữa nhan đề với đề tài và thông tin cơ bản của văn bản. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận cặp đôi, suy nghĩ, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 1 – 2 cặp đôi trả lời. - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức	II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản - Đề tài: Lịch sử nhân loại - Thông tin cơ bản: Lịch sử nhân loại gắn liền với hành trình đời muối: trước và sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống. - Nhan đề: <i>Đời muối</i> => Ý nghĩa nhan đề văn bản: Nhan đề gợi lên cho người đọc liên tưởng, muối cũng giống như con người có cuộc đời, có số phận và cuộc đời, số phận ấy cũng có sự tác động đến tiến trình phát triển chung cùng với các yếu tố khác của nhân loại. Đời muối chính là hành trình của muối từ khi xuất hiện cho đến khi nó tham gia vào tiến trình lịch sử trên tất cả các phương diện từ nông nghiệp, kỹ thuật công nghiệp, giao thông,... => Nhan đề có liên quan chặt chẽ với đề tài và thông tin cơ bản của văn bản: Hành trình của muối gắn bó

***Thao tác 2: Tìm hiểu thông tin, dữ liệu trong văn bản**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

HS hoạt động nhóm, hoàn thành nhiệm vụ sau:

- Nhóm 1, 2: Hoàn thành PHT 01 – mục *Lịch sử nhân loại trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống*. (Gợi ý: Tìm các thông tin về các sự kiện lịch sử nhân loại giai đoạn này và nhận xét chung về giai đoạn.)
- Nhóm 3, 4: Hoàn thành PHT 01 – mục *Lịch sử nhân loại sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu* (Gợi ý: Tìm các thông tin về vai trò của muối trong lịch sử nhân loại giai đoạn này và nhận xét chung về giai đoạn.)

Câu hỏi chung cho 4 nhóm: Trong tiến trình lịch sử được tóm lược như trên, theo tác giả, muối đóng vai trò gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS thảo luận theo nhóm, hoàn thành PHT theo yêu cầu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- GV mời 2 nhóm báo cáo.
- Các nhóm còn lại nhận xét. Bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức.

mật thiết với những thăng trầm của tiến trình lịch sử. Từ lịch sử của muối, ta có thể nhận ra những bài học quan trọng với thế giới đương đại.

2. Thông tin, dữ liệu trong văn bản

a. Các thông tin, dữ liệu trong văn bản

Căn cứ vào thời gian và tầm quan trọng của muối đối với đời sống của con người, tác giả đã tóm lược lịch sử nhân loại thành hai giai đoạn:

*** Trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống:**

- Khoảng năm 11 000 trước Công nguyên, sau khi Kỉ Băng Hà kết thúc, con người kiểm soát được loài thú săn mồi hung dữ - loài sói A-xi-a-tích và biến nó thành một phụ tá đầy trung thành - loài chó; sau đó, kiểm soát được cừu và dê để chúng có thể trở thành một nguồn thức ăn mới.

- Đến khoảng năm 8900 trước Công nguyên, cừu được thuần hóa.

- Vào khoảng năm 8000 trước Công nguyên, gieo trồng hạt ngũ cốc hoang trên những cánh đồng.

- Khoảng năm 7000 trước Công nguyên, chăn nuôi lợn.

- Khoảng năm 6000 trước Công nguyên, thuần hóa những con bò rừng thành gia súc

- Khi chế độ ăn của con người chủ yếu bao gồm ngũ cốc và rau quả, được bổ sung thêm thịt động vật thì việc buôn bán muối trở thành thiết yếu -> Muối trở thành một trong những mặt hàng thương mại quốc tế đầu tiên, sản xuất muối trở thành một trong những ngành công nghiệp đầu tiên.

=> Trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu, lịch sử nhân loại phát triển một cách chậm chạp, gắn với sự hình thành một cách dần dần của việc thuần hóa động vật hoang dã, trồng trọt và chăn nuôi.

*** Sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống:**

- Từ công cuộc tìm kiếm muối: chế tạo ra những cỗ máy kì quặc nhất cũng như những cỗ máy tinh xảo và khéo léo nhất.

- Do nhu cầu về vận tải muối: nhiều công trình công cộng vĩ đại từng được tạo ra.

- Do mục đích thương mại trao đổi hàng hóa; những tuyến đường trọng yếu được lập nên.

- Trong suốt chiều dài lịch sử loài người cho đến thế kỉ XX, muối được săn lùng, mua bán và tranh giành gắt gao.

- Trong hàng thiên niên kỉ, muối là biểu tượng của sự giàu có.

- Muối được dùng như một đơn vị tiền tệ.

=> Việc tìm kiếm, sản xuất, buôn bán muối đã thúc đẩy công nghiệp, thương mại, giao thông, địa chất học, hóa học phát triển, tạo nên những thay đổi lớn trong các thể chế chính trị,...

=> Từ cách tóm lược lịch sử này, tác giả đã khẳng định vai trò rất quan trọng của muối, cho rằng việc tìm

*Thao tác 3: Tìm hiểu loại dữ liệu và cách trình bày dữ liệu trong văn bản Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm bàn hoàn thành PHT 02 theo từng dãy: - Các nhóm bàn của dãy 1: Trả lời câu hỏi 1 của PHT 02. - Các nhóm bàn của dãy 2: Trả lời câu hỏi 2 của PHT 02. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo nhóm bàn thực hiện yêu cầu. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 1 - 2 nhóm báo cáo. - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức	kiếm, sản xuất, buôn bán muối là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của nhân loại, tác động mạnh mẽ đến tất cả các phương diện của đời sống con người. b. Loại dữ liệu trong văn bản Văn bản sử dụng nhiều dữ liệu thứ cấp, trong đó: + Một số dữ liệu ghi rõ nguồn gốc, đảm bảo độ tin cậy thuyết phục: Trong chuyên luận năm 1776 về chủ nghĩa tư bản có tên <i>The Wealth of Nations</i>, A-đam Xmit đã chỉ ra rằng... + Rất nhiều dữ liệu không ghi rõ nguồn hoặc ghi nhưng chưa thật sự đầy đủ, điều này làm giảm đi tính khả tin của văn bản: ++ sự kiện Kỉ Băng Hà kết thúc vào khoảng năm 11 000 trước Công nguyên. ++ sự kiện phụ nữ vùng Cận Đông bắt đầu gieo ngũ cốc vào khoảng năm 8000 trước công nguyên ++ Tuy nhiên, vào năm 1970, một đoàn thám hiểm của Đại học Ha-oai...báo cáo rằng...(thông tin nguồn chưa đầy đủ, chưa ghi rõ báo cáo đây trong tài liệu nào) ... c. Cách trình bày dữ liệu của tác giả trong văn bản - Các dữ liệu được sắp xếp theo trật tự thời gian, dưới dạng một câu chuyện: + Tác giả thường mở đầu các đoạn văn bằng việc miêu tả bối cảnh: “khi các dòng sông băng tan chảy”, “sau khi Kỉ Băng Hà kết thúc”;... + Các nhân vật lần lượt hiện lên trong câu chuyện: “Trong khoảng thời gian này, sói A-xi-a-tích (Asiatic) [...] dần dần bị con người kiểm soát”; “những cánh đồng ngũ cốc hoang dã rộng lớn dần xuất hiện”;... + Các sự kiện cũng được sắp xếp theo chuỗi nhân quả, với những đoạn diễn tiến, thắt nút, mở nút, những tình tiết bất ngờ: “Và thế là, một kẻ thù nguy hiểm đã hóa thành một phụ tá trung thành và tận tâm – loài chó”. + Lời kể chậm rãi, như lời kể trong các câu chuyện thần thoại, truyền thuyết: “Khoảng năm 11 000 trước Công nguyên, sau khi Kỉ Băng Hà kết thúc, những tảng băng khổng lồ bao phủ phần lớn thế giới [...] bắt đầu thu hẹp lại và dần tan biến”; “Nhưng chẳng bao lâu sau, các bộ lạc sinh sống gần những cánh đồng này nhận ra rằng”;... => Cách sắp xếp các dữ liệu lịch sử theo mô hình truyện kể này tạo nên sức hấp dẫn, sinh động cho văn bản, kích thích trí tưởng tượng của người đọc, khiến toàn bộ lịch sử nhân loại lần lượt hiện lên như trong một bộ phim, đồng thời cũng giúp người đọc dễ dàng nắm bắt và ghi nhớ những thông tin chính trong văn bản. 3. Góc nhìn và quan điểm của tác giả về lịch sử - Tác giả đã nhìn lịch sử nhân loại dựa trên lăng kính quy chiếu là lịch sử của muối – một yếu tố được coi là không có ý nghĩa, giá trị gì trong dòng chảy lịch sử của

*Thao tác 4: Tìm hiểu góc nhìn và quan điểm của tác giả về lịch sử Bước 1: GV giao nhiệm vụ: HS hoạt động cặp đôi, thảo luận trả lời câu hỏi: + Góc nhìn và quan điểm của tác giả về lịch sử có gì độc đáo so với những văn bản lịch sử mình đã học hoặc thường gặp. + Việc tiếp cận lịch sử dưới góc nhìn trên có ý nghĩa gì? Nêu ví dụ minh họa. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận theo cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - GV mời 1 - 2 cặp đôi báo cáo. - Các cặp đôi còn lại nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức *GV mở rộng: - Sự độc đáo trong góc nhìn và quan điểm của tác giả thể hiện ở chỗ: Các VB lịch sử thường ghi chép lại các sự kiện liên quan đến những bước ngoặt lớn của nhân loại: chiến tranh, cách mạng, phát triển địa lí, thành tựu khoa học,...đây được coi là những dấu mốc quan trọng để phân kì lịch sử. Còn trong VB, tác giả tiếp cận lịch sử nhân loại qua lịch sử của muối. - Ví dụ minh họa về việc tiếp cận lịch sử qua góc nhìn lịch sử của muối: Khi nhìn nguyên nhân của các cuộc chiến tranh, khởi nghĩa, cách mạng và sự hình thành các triều đại mới do sự tranh giành đất đai, gao muối -> tác giả nhận ra sự phiếm của chiến tranh, bạo lực, xung đột và chất vấn những hình thái chính trị đương đại, khi nhận ra cuộc tranh giành dầu mỏ của các quốc gia đương đại cũng vô nghĩa chẳng khác nào cuộc tranh giành muối trong lịch sử nhân loại.	nhân loại -> đây là một góc nhìn độc đáo về lịch sử so với các văn bản lịch sử thông thường. - Khi quan sát lịch sử của nhân loại qua những thăng trầm trong số phận của muối, tác giả đã tạo ra một cách phân kì lịch sử khác, nhìn lịch sử nhân loại từ một góc độ khác, nhìn ra những quy luật khác của lịch sử và đặt ra.

2.3. Tổng kết

a. Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu: Trong vòng một phút, hãy làm việc cặp đôi và ghi lại những nét đặc sắc nhất về nội dung; nghệ thuật của bài viết và trình bày trong 1 phút. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện theo cặp đôi. Ghi lại những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).	III. TỔNG KẾT 1. Về nội dung Thông qua hành trình lịch sử của muối, tác giả thể hiện một góc nhìn độc đáo về lịch sử nhân loại. Từ đó, cho thấy vai trò quan trọng, thiết yếu của muối đối với đời sống con người, cũng như đặt ra những chất vấn khác về các vấn đề khác của lịch sử. 2. Về nghệ thuật

Bước 3: Báo cáo, thảo luận. - Đại diện cặp đôi trình bày trong 1 phút. - Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	- Ngôn ngữ khoa học, chính xác: Văn bản sử dụng ngôn ngữ khoa học, chính xác để trình bày những kiến thức về lịch sử, địa lý, khảo cổ học. - Các thông tin được sắp xếp theo một trình tự hợp lý, từ quá khứ đến hiện tại, từ khái quát đến chi tiết. - Cách kể chuyện hấp dẫn, lôi cuốn.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS tham gia trả lời câu hỏi, củng cố kiến thức bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi:

Câu 1: Theo bạn, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua văn bản?

Câu 2: Nếu cần bổ sung phương tiện phi ngôn ngữ để tăng sức thuyết phục của văn bản, bạn sẽ bổ sung phương tiện nào? Lí giải về sự lựa chọn đó.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, điều hành lớp.

Bước 3 – 4. GV mời 1 – 2 HS trả lời và GV kết luận.

Dự kiến sản phẩm:

Câu 1: Văn bản gọi đến cho chúng ta một số thông điệp sau:

- Từ vai trò thiết yếu của muối – một sản phẩm nhỏ bé nhưng vô cùng thiết yếu của thể hệ trước để lại, chúng ta cần trân trọng những giá trị văn hóa và biết ơn những thế hệ đi trước đã tạo dựng cuộc sống tốt đẹp cho chúng ta.

- Truy cầu tiền tài vật chất đến lúc nào đó sẽ trở thành nỗi ám ảnh không có thực, chỉ có tình yêu là bền vững theo năm tháng, Vì vậy hãy trân trọng tình yêu thương – giá trị vững bền trong cuộc sống mỗi con người.

Câu 2: HS có thể lựa chọn bổ sung các phương tiện phi ngôn ngữ:

- Sơ đồ biểu thị tiến trình lịch sử của nhân loại theo trật tự thời gian.

- Hình ảnh cho các thông tin tiêu biểu về hành trình đời muối.

- Có thể sử dụng số liệu, đặc biệt trong các thông tin về vai trò, giá trị của muối. Ví dụ số liệu về công trình công cộng, tuyến đường quan trọng nhờ công cuộc tìm kiếm, trao đổi muối; số liệu cụ thể về số lượng được trả bằng muối,...

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết kết nối với cuộc sống, tích lũy được kinh nghiệm sống cho bản thân; biết bộc lộ quan điểm, suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Bày tỏ quan điểm suy nghĩ của bản thân

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu yêu cầu: Thời nay, nhân loại không còn xung đột với nhau vì tranh giành muối, nhưng vẫn còn rất nhiều cuộc chiến tranh và xung đột xảy ra nhằm tranh giành kim cương, dầu mỏ, đất hiếm, nguồn nước..Bạn nghĩ gì về vấn đề này? Hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc, cảm nhận, suy nghĩ để trả lời

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- GV gọi từ 2-3 HS chia sẻ cảm nhận, suy nghĩ của bản thân

Bước 4. Kết luận, nhận định

Rubric đánh giá đoạn văn

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Điểm
Hình thức	- Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ)	0,5
Nội dung	Trình bày suy nghĩ của bản thân về cuộc chiến tranh và xung đột xảy ra nhằm tranh giành kim cương, dầu mỏ, đất hiếm, nguồn nước...	

	Giới thiệu vấn đề	1
	Trình bày cụ thể về vấn đề, có thể tham khảo một vài gợi ý sau: + <i>Khái quát về những cuộc chiến tranh giành kim cương, dầu mỏ, đất hiếm... (cuộc chiến giành quyền kiểm soát dầu mỏ trong thế chiến thứ 2 tại Nhật Bản; cuộc Mỹ khởi xướng chống I-rắc; tranh giành nguồn kim cương ở châu Phi; ... => Nguyên nhân của những cuộc chiến này là truy cầu tiền tài, vật chất)</i> + <i>Tác hại của những cuộc chiến tranh gây ra: Dân càng nghèo đói, khổ cực; thiệt hại về cơ sở vật chất, kinh tế, mạng người; mối quan hệ giữa các quốc gia căng thẳng gây ảnh hưởng đến hòa bình thế giới...</i> + <i>Quan điểm của bản thân bạn? (Tôn trọng hòa bình, tình yêu thương là giá trị đích thực, bền vững; truy cầu tiền tại vật chất chỉ như những ảo ảnh không có thực)</i> + <i>Bài học: Mỗi người trẻ cần góp phần vào nền hòa bình chung của thế giới bằng cách nhận thức đúng về tác hại của những cuộc chiến tranh, nhận thức đúng về quy luật của lịch sử và chung tay vào những hành động vì một thế giới hòa bình.</i>	6
	Khẳng định, khái quát vấn đề	1
Chính tả, ngữ pháp	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,5
Sáng tạo	Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề; có cách diễn đạt mới mẻ, phối hợp các phương thức biểu đạt,...	1,0

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc các tác phẩm viết về lịch sử của Mác Kơ-len-xki
- Chuẩn bị: Văn bản thực hành đọc: *Sách thay đổi lịch sử loài người* (Vũ Đức Liêm)

Thực hành đọc	<i>SÁCH THAY ĐỔI LỊCH SỬ LOÀI NGƯỜI</i> - Vũ Đức Liêm -

I. ĐỌC - TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả Vũ Đức Liêm

- Sinh năm 1986
- Quê ở tỉnh Thanh Hóa
- Là tác giả của một số công trình nghiên cứu về lịch sử Việt Nam và Đông Nam Á từ thế kỉ XVI đến nay.

2. Văn bản

- Xuất xứ: in trong tạp chí *Tia sáng*, ngày 02/07/2021
- Chủ đề chính: Văn bản kể về lịch sử và tầm quan trọng của sách trong sự tiến hóa của loài người.
- Bố cục: 3 phần:
 - Phần 1: Từ đầu đến “*dưới sự bảo trợ của người Pháp*”: Tầm quan trọng của sách đối với lịch sử, thời đại.
 - Phần 2: Tiếp đến “*câu chuyện tương lai*”: Mối quan hệ giữa sách và độc giả.
 - Phần 3: Ý nghĩa của việc nghiên cứu lịch sử sách.

II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN

1. Đề tài, thông tin cơ bản, nhan đề của văn bản

- Đề tài: Tầm quan trọng của sách.
- Thông tin cơ bản: Ảnh hưởng của sách đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; mối quan hệ của sách với độc giả và tương lai của sách.
- Nhan đề: *Sách thay đổi lịch sử loài người*

=> Ý nghĩa nhan đề văn bản: *Sách thay đổi lịch sử loài người* được hiểu là sách có tác động rất lớn đến sự tiến hóa, định hình của xã hội loài người; sách có tác động đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Từ đó, sách góp phần thay đổi lịch sử chung của loài người

=> Nhan đề có liên quan chặt chẽ với đề tài và thông tin cơ bản của văn bản.

2. Thông tin, dữ liệu trong văn bản

a. Tầm quan trọng của sách đối với lịch sử loài người

- Sách đã góp phần tạo ra châu Âu hiện đại.
- Sách có sự ảnh hưởng và tương tác trên nhiều lĩnh vực: in, báo, tạp chí, quảng cáo... tạo ra sự khuếch đại tri thức ở quy mô chưa từng có trong lịch sử, dẫn đến những vận động mạnh mẽ trong đời sống xã hội.
- Sách đã góp phần định hình, thúc đẩy hay níu giữ sự tiến hóa của xã hội.
- Sách không chỉ tạo ra và lan truyền một thế giới tri thức, xác lập hay hủy hoại trật tự xã hội, mà đôi khi còn là vật phẩm linh thiêng.
- Sách còn phản ánh lịch sử xung đột và bạo lực nhìn từ thư tịch.
- Chính nhu cầu quản lí sách sẽ tạo ra một loạt các thiết chế và lĩnh vực khoa học mới.

b. Mối quan hệ giữa sách với độc giả

- Sự gia tăng số lượng độc giả và sự phát triển của văn hóa đọc đã thay đổi hành vi đọc, thị hiếu đọc và cách thức sản xuất sách.
- Quá trình toàn cầu hóa và hiện đại hóa sách đã tạo ra một cuộc cách mạng trong cách thức văn bản được tiếp cận và lưu trữ.

c. Ý nghĩa của việc nghiên cứu lịch sử sách

- Việc nghiên cứu lịch sử sách có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc phác thảo các mẫu hình tiến hóa của nhân loại. Thông qua việc mở rộng phạm vi tìm hiểu của lịch sử thư tịch... mở ra những hướng mới cho lĩnh vực nghiên cứu lịch sử, xã hội và lịch sử tri thức mà ở đó, sách là một thực hành của loài người.

3. Quan điểm của tác giả về vai trò của sách đối với lịch sử loài người

a. Quan điểm của tác giả

- Tác giả cho rằng sách đóng vai trò vô cùng quan trọng trong lịch sử loài người:
- + Sách không chỉ là phương tiện truyền tải tri thức mà còn là động lực thúc đẩy sự tiến hóa của xã hội.
- + Sách không chỉ phản ánh những biến đổi về mặt tri thức, tư tưởng mà còn tham gia vào việc định hình và dẫn dắt các diễn ngôn xã hội, chính trị, tôn giáo, và văn hóa.
- + Tác giả nhấn mạnh rằng sách có sức mạnh ảnh hưởng sâu sắc đến mọi khía cạnh của cuộc sống con người, từ sự phát triển của các nền văn minh cho đến các cuộc cách mạng xã hội và khoa học.

b. Những dữ liệu lịch sử được sử dụng để làm sáng tỏ quan điểm của tác giả

- Tác giả dẫn chứng về việc sách đã góp phần tạo ra và định hình các xã hội hiện đại ở châu Âu, từ tri thức, tôn giáo, giáo dục đến việc hình thành các quốc gia hiện đại như Pháp, Anh, và Đức.
- Sự bùng nổ của văn hóa in ấn cuối thế kỷ XVIII và sự phát triển của báo chí, tạp chí cũng là một yếu tố quan trọng trong việc định hình không gian công cộng hiện đại và sự ra đời của chủ nghĩa dân tộc.
- Ở Đông Á, sự phổ biến của tân văn, tân thư vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đã thúc đẩy các cuộc cách mạng xã hội và chính trị quan trọng.
- Tác giả nêu ví dụ về sự ra đời của các tác phẩm quan trọng như "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", "Nguồn gốc các loài" và "Sự thịnh vượng của các quốc gia", những cuốn sách này không chỉ phản ánh mà còn thúc đẩy các cuộc cách mạng xã hội và chính trị.
- Tác giả đề cập đến sự phát triển của các thiết chế như thư viện, câu lạc bộ sách, và các hội nhóm tranh biện, những nơi này không chỉ lưu giữ mà còn phổ biến tri thức.
- Sự ra đời của các ngành khoa học quản lý sách như thư mục học, và việc thành lập các thư viện công chuẩn hóa ở châu Âu thế kỷ XIX là minh chứng cho sự quan trọng của sách trong việc quản lý và tổ chức tri thức.

...

3. Các thuật ngữ được sử dụng trong văn bản

- **Thư tịch:** Là thuật ngữ chỉ các loại sách vở, tài liệu, văn kiện được viết bằng tay hoặc in ấn, được lưu trữ và sử dụng trong các hoạt động nghiên cứu, học tập, và văn hóa.
- **Nhân văn số thức:** Là lĩnh vực nghiên cứu liên ngành kết hợp công nghệ số với các ngành khoa học nhân văn như lịch sử, ngôn ngữ học, văn học, và nghệ thuật. Lĩnh vực này tập trung vào việc sử dụng công nghệ để lưu trữ, phân tích và truyền tải tri thức văn hóa.
- **Chủ nghĩa dân tộc:** Là tư tưởng chính trị nhấn mạnh đến quyền lợi của một dân tộc và sự trung thành đối với dân tộc đó, thường đi kèm với mong muốn độc lập chính trị và sự đoàn kết dân tộc.

- **Bản quyền:** Là quyền pháp lý được cấp cho tác giả hoặc người sáng tạo tác phẩm, cho phép họ kiểm soát việc sao chép, phân phối và sử dụng tác phẩm của mình.
- **Kiểm duyệt:** Là hành động kiểm tra và điều chỉnh nội dung của các ấn phẩm, văn bản, hoặc phương tiện truyền thông để loại bỏ những phần không phù hợp hoặc bị cấm bởi một chính quyền, tổ chức, hoặc cơ quan kiểm duyệt.
- **Sách cấm:** Là những cuốn sách bị cấm lưu hành hoặc đọc bởi một chính quyền hoặc tổ chức vì nội dung của chúng được coi là nguy hại hoặc phản động.
- **Samizdat literature:** Là thuật ngữ tiếng Nga chỉ các ấn phẩm được in ấn và phân phối trái phép, thường là những tác phẩm bị kiểm duyệt hoặc cấm bởi chính quyền, đặc biệt phổ biến ở Liên Xô và các nước Đông Âu trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh.
- **Thư mục học:** Là ngành khoa học chuyên nghiên cứu về các tài liệu, sách vở, bao gồm việc phân loại, sắp xếp và lập danh mục các ấn phẩm theo một hệ thống nhất định.
- **Thư viện công chuẩn hóa:** Là các thư viện công cộng được tổ chức và vận hành theo những tiêu chuẩn nhất định về quản lý, sắp xếp và cung cấp dịch vụ cho công chúng.
- **Thư viện quốc gia:** Là một thư viện do nhà nước quản lý, giữ vai trò lưu trữ các tài liệu quan trọng của quốc gia và phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập của công chúng.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết:...

TÔN TRỌNG VÀ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.
- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.
- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **thực hành Tiếng Việt, giúp HS:**

- HS phân tích được bản chất của quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là quyền tác giả và tầm quan trọng của việc tôn trọng, bảo vệ quyền tác giả.
- HS trình bày được một số quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền tác giả và biết vận dụng vào học tập, nghiên cứu để tránh đạo văn.

2. Phẩm chất: Có ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS nghe hát, trả lời câu hỏi kết nối vào bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS xem video về các vụ án xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nổi bật nhất ở Việt Nam: https://www.youtube.com/watch?v=j_fDPo6ZXwg GV đặt câu hỏi: Video nói về vấn đề gì? Em rút ra được bài học sau khi xem video clip? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ, sắp xếp theo yêu cầu. Bước 3: Báo cáo thảo luận GV gọi 1 -2 HS trả lời HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời. - GV dẫn vào bài: <i>Sở hữu trí tuệ ngày càng đóng vai trò hết sức quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong xu thế hội nhập sâu rộng và toàn diện như hiện nay. Thậm chí việc thực hiện nghiêm túc bảo hộ sở hữu trí tuệ được coi là điều kiện cần thiết, tối thiểu mỗi khi hợp tác với quốc gia khác hoặc hội nhập quốc tế. Không có điều khoản về bảo hộ sở hữu trí tuệ hoặc thực thi kém sẽ dẫn đến việc bị loại bỏ khỏi cuộc chơi trong hội nhập quốc tế. Vậy tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là gì? Có những quy định nào về tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ? Để trả lời những câu hỏi đó, cô trò chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay: Tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.</i>	- Video clip nói về những vụ án xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nổi bật nhất ở Việt Nam. Qua đó, chúng ta thấy được tầm quan trọng của quyền sở hữu trí tuệ. - Bài học cần hiểu rõ về quyền sở hữu trí tuệ để bảo vệ quyền lợi của bản thân và tránh xâm phạm đến những sản phẩm trí tuệ của người khác.

2. HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH

2.1 Tìm hiểu tri thức tiếng Việt

a. Mục tiêu: HS nhận biết về vấn đề quyền sở hữu trí tuệ và một số quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

b. Nội dung: HS đọc sách sgk, thực hiện yêu cầu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ HS HĐ nhóm bàn: Đọc lại phần tri thức Ngữ văn (tr. 64; tr. 78, 79 - sgk và trả lời các câu hỏi sau: - Nêu khái niệm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, đạo văn? Lí do phải tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. - Nêu một số quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm bàn thành thành nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 1 - 2 nhóm bàn trả lời. - Các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	III. TRI THỨC TIẾNG VIỆT 1. Một số khái niệm có liên quan đến tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ - Tôn trọng kết quả lao động sáng tạo của người khác và biết cách tiếp thu, kế thừa kết quả đó trong sản phẩm trí tuệ của mình theo đúng quy định và thông lệ quốc tế là yêu cầu bắt buộc trong học tập và nghiên cứu => Ý nghĩa: góp phần tạo nên những sản phẩm sáng tạo và bồi dưỡng cho người học, người nghiên cứu tính trung thực, niềm say mê tìm tòi, khám phá cái mới. - Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng. - Quyền tác giả: là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu. => Phạm vi bài học sẽ tập trung vào quyền tác giả. - Đạo văn có thể hiểu là chiếm hữu một cách sai trái, ăn cắp, công bố ngôn ngữ, suy nghĩ, ý tưởng, hay cách diễn đạt của người khác và xem chúng như là những gì do mình tự tạo ra. 2. Một số quy định liên quan đến vấn đề tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

	- Có sự khác biệt đáng kể trong cách nhìn nhận về vấn đề ý tưởng, câu chữ của người đi trước ở những bối cảnh văn hóa khác nhau: + Trước khi văn học hiện đại hình thành, việc người viết đưa một ý văn, ý thơ hoặc một tác phẩm văn học khác vào sáng tác của mình được chấp nhận rộng rãi. + Ngày nay, tất cả những gì được kế thừa của người khác, từ ý tưởng, thông tin đến cách diễn đạt đặc thù, có tính cá biệt, đều phải được dẫn nguồn. + Tuy nhiên, có những tri thức phổ quát, được mặc định là tài sản chung của cộng đồng hay nhân loại thì khi dùng không cần phải chú nguồn. Ví dụ: <i>Trái Đất quay xung quanh mặt trời; Văn học là nghệ thuật của ngôn từ, ...</i> - Khi trích dẫn trực tiếp và đặt phần trích dẫn trong ngoặc kép, cần dẫn đúng nguyên văn kể cả khi có những ý tưởng, thông tin, cách diễn đạt trong văn bản gốc bị coi là sai. Người viết có thể dùng cước chú để thuyết minh về ý tưởng, thông tin, cách diễn đạt bị coi là sai đó hoặc dùng kí hiệu [sic], một từ trong tiếng La-tinh có nghĩa là “nguyên văn như vậy”. Nếu có phần nào đó bị cắt thì cần đánh dấu chỗ bị cắt bằng kí hiệu [...]. - Ngoài trích dẫn trong phần chính của văn bản, việc sử dụng kết quả lao động sáng tạo của người khác có thể được thể hiện qua cước chú. Với một số kiểu văn bản như báo cáo nghiên cứu, bài đăng ở tạp chí chuyên ngành, luận văn, luận án, sách chuyên khảo,... còn có phần <i>Tài liệu tham khảo</i>, thường được đặt sau văn bản, liệt kê các công trình mà người viết tham khảo với đầy đủ thông tin về tác giả, tên công trình, nhà xuất bản, năm xuất bản.

2.2 Thực hành, luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS nhận biết và phân tích được cách trích dẫn đúng để tránh đạo văn.
- HS nêu được quan điểm của mình về vấn đề đạo văn nói riêng và việc tôn trọng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nói chung.

b. Nội dung: HS làm BT.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* NV1: Thực hiện BT1, 2, 3 (tr. 78 – 79, sgk) Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 3 nhóm, đại diện nhóm lên bốc thăm phần việc (tương ứng với 3 bài tập trong sgk): + Bài tập 1 (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr.78) + Bài tập 2 (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr. 78, 79) + Bài tập 3 (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr.79) - GV lưu ý: + Các nhóm thảo luận phần việc đã bốc thăm được.	Bài tập 1. Gợi ý: + Nhiều truyện thơ Nôm của Việt Nam như <i>Phan Trần</i> (khuyết danh), <i>Hoa tiên</i> (Nguyễn Huy Tự), <i>Ngọc Triều Lê tân truyện</i> (Lý Văn Phức), <i>Tì bà quốc âm tân truyện</i> (Kiều Oánh Mậu),... đều mượn cốt truyện từ văn học Trung Quốc. + <i>Truyện Kiều</i> (Nguyễn Du) mượn cốt truyện của <i>Kim Vân Kiều truyện</i> (Thanh Tâm Tài Nhân – Trung Quốc) + <i>Chinh phụ ngâm</i> của Đặng Trần Côn mượn ý của Vương Duy trong thơ Đường: “Hôm qua tiễn biệt Trường An, hôm nay đã đến Lạc Dương” để nói về việc người chinh phụ tiễn chồng ra chiến trường. Bài tập 2. Các dấu hiệu cho thấy người viết có ý định tuân thủ quy định về trích dẫn: + Sử dụng các dấu câu quen thuộc đánh dấu lời dẫn trực tiếp là dấu hai chấm và dấu ngoặc kép. Ngoài ra còn có dấu ngoặc

+ Sau 5 phút thảo luận, mỗi nhóm cử đại diện lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhóm hoàn thành thành nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Các nhóm cử đại diện báo cáo sản phẩm học tập - Các nhóm nhận xét, bổ sung để được ghi điểm. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chuẩn kiến thức kiến thức.	vuông và dấu ba chấm trong ngoặc vuông đánh dấu phần bị lược đi trong đoạn trích. + Người viết còn ghi rõ nguồn đoạn trích dẫn: nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Mạnh đánh giá về Nguyễn Tuân. Bài tập 3. Có thể tham khảo đoạn dùng cách dẫn gián tiếp sau: a. Trong <i>Yêu và đồng cảm</i>, Phong Tử Khải cho rằng con người vốn là nghệ thuật, vốn giàu lòng đồng cảm. Khi lớn lên, họ bị dòng đời xô đẩy, dồn ép nên tâm lòng ấy mới bị cản trở hoặc hao mòn. Nếu những người trong hoàn cảnh đó vẫn giữ được lòng đồng cảm đáng quý thì họ chính là nghệ sĩ. b. Trong <i>Cộng đồng và cá thể</i>, Anh-xanh quan niệm rằng, mỗi cá thể đơn lẻ sáng tạo, có suy nghĩ và phán xét độc lập để tạo ra những giá trị mới cho xã hội và khiến xã hội phát triển lên cao. Nhưng một cá thể đơn lẻ sẽ không thể phát triển nếu như thiếu cộng đồng.

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức trong bài học để nêu quan điểm của mình về vấn đề đạo văn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: (SGK Ngữ văn 12, tập hai, tr.79) Nêu quan điểm của bạn về vấn đề đạo văn. Tự nhận xét về việc bản thân sử dụng ý tưởng của người khác khi thực hiện các bài viết trong quá trình học tập.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân khoảng 10 phút.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 nêu ý kiến trước lớp.

- Các HS khác phản biện hoặc nêu ý kiến.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá.

Dự kiến sản phẩm:

- Quan điểm về đạo văn:

+ Đạo văn cũng là hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và vi phạm chuẩn mực đạo đức của mỗi người.

+ Đạo văn có thể là lỗi vô tình do người viết thiếu hiểu biết về những quy định liên quan đến việc sử dụng ý tưởng, thông tin của người khác và có thể là lỗi cố ý

⇒ Xét về phương diện đạo đức thì lỗi vô tình được coi là nhẹ hơn nhưng hậu quả thì đều như nhau.

+ Việc đạo văn đều bị xử lý dù là nặng hay nhẹ tùy vào bộ luật sở hữu trí tuệ của từng quốc gia. Tuy nhiên, việc tôn trọng và bảo vệ quyền tác giả nói riêng và quyền sở hữu trí tuệ nói chung ngày càng cần được đề cao.

- Tự nhận xét về việc bản thân sử dụng ý tưởng của người khác khi thực hiện các bài viết trong quá trình học tập: Trước đây, do chưa có sự hiểu biết về việc sử dụng ý tưởng của người khác nên đã vô tình sử dụng ý tưởng đó chưa đúng quy định. Sau khi tìm hiểu và biết rõ về hành vi này, tôi đã có ý thức hơn trong việc sử dụng ý tưởng, thông tin của người khác.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2.

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung module đã được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

VIẾT

Tiết: 87

VIẾT THƯ TRAO ĐỔI VỀ CÔNG VIỆC HOẶC MỘT VẤN ĐỀ ĐÁNG QUAN TÂM

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- **Tự chủ và tự học:** Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn.

- **Giao tiếp và hợp tác:** Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- **Giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy viết, giúp HS:

- Nhận biết được yêu cầu, quy trình viết thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm.

- Viết được thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm

2. Phẩm chất: Có ý thức chia sẻ, trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, hộp giấy hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức

- Tạo hứng thú

- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- HS đọc đoạn trích sau:

Rovaniemi, ngày 24 tháng 12 năm 2023

Gửi Ông Tổng giám đốc UPU năm 2174!

Lời đầu tiên, chúc ông Giáng sinh an lành và năm mới hạnh phúc! Tôi chưa hình dung hết ông là ai, nhưng tôi tin tưởng rằng, ông vẫn là người thuyền trưởng tài ba chèo lái con thuyền Bưu chính thế giới với sứ mệnh phục vụ tận tâm và bền bỉ các thể hệ người dân toàn cầu. Đó là lý do tôi viết lá thư này gửi tới ông.

Tôi là Pulattie, 72 tuổi, từng là giáo viên trung học tại Texas. Sau khi nghỉ hưu, tôi học tại Trường Charles W.Howard Santa Claus, trường đào tạo Ông già Noel. Hiện tôi làm việc tại Bưu điện ở ngôi làng Ông già Noel, Rovaniemi, Lapland, Phần Lan, nằm trong Vòng Bắc cực. Công việc của tôi bận rộn quanh năm, nhưng tôi rất hạnh phúc. Mỗi năm chúng tôi nhận hàng triệu bức thư của trẻ em khắp thế giới. Tôi đọc không sót bức nào, sau đó viết thư hồi âm và gửi những món quà từ các tổ chức từ thiện đến trẻ em dịp Noel. Tôi vừa là người nhận thư, vừa đưa thư trong vai Ông già Noel đã hơn 10 năm, và tôi cảm nhận ý nghĩa cuộc sống qua từng lá thư nhỏ.

Ông à, tôi chọn công việc này khi đọc bức thư của bé Virginia O'Hanlon, 8 tuổi ở Manhattan, New York gửi tờ The Sun năm 1897: "Xin hãy cho cháu biết sự thật: Có Ông già Noel không?". Biên tập viên Francis đã viết thư trả lời: "Virginia, ông già Noel có thực, cũng như tình yêu và lòng quảng đại luôn hiện diện quanh ta, nhờ đó cuộc sống của chúng ta được vui tươi, hạnh phúc. Nếu không có ông già Noel thì thế giới ảm đạm biết bao, cuộc sống sẽ chẳng có những tâm hồn trẻ thơ, chẳng có thi ca, lãng mạn. Con người chỉ là những cỗ máy khô khan. Ánh sáng niềm tin và hy vọng của trẻ em khắp thế giới cũng sẽ tiêu tan. Ông già Noel vẫn sẽ sống mãi. Hàng trăm nghìn năm sau, ông vẫn sẽ tiếp tục mang đến niềm vui

và hạnh phúc cho những tâm hồn trẻ thơ khắp hành tinh này". Lá thư truyền cảm hứng cho tôi trở thành một Ông già Noel mang thông điệp hạnh phúc đi khắp thế giới.

[...] Tôi hình dung 150 năm tới, khi nhân loại dùng thư điện tử và nhiều phương tiện liên lạc hiện đại khác, thì tất cả các bưu cục toàn thế giới sẽ vẫn có hòm thư tay miễn phí cho trẻ em, khi viết thư gửi Ông già Noel. Mỗi nước có một trụ sở nhận thư, gửi thư và quà như tại làng Ông già Noel này. Tôi ước ao sẽ có nhiều trường đào tạo Ông già Noel, để những người yêu trẻ học cách mang đến hạnh phúc cho trẻ. Đặc biệt nhất, để những lá thư, món quà mà trẻ em mong đợi đến đúng vào Giáng sinh trên toàn thế giới, tôi mơ về một hình thức chuyển thư, quà tự động được lập trình sẵn nhưng cũng rất lãng mạn: một cỗ xe tuần lộc đưa Ông già Noel bay trong không trung, sáng rực rỡ trong đêm, và những món quà sẽ được Ông trao tận tay cho từng đứa trẻ trong tiếng cười reo, tiếng cảm ơn líu lo của con trẻ.

Ông Tổng giám đốc UPU năm 2174 yêu mến, giấc mơ của tôi chắc chắn sẽ thành hiện thực, vì tôi tin ông sẽ làm được, và cũng tin rằng dù thế giới có phát triển như thế nào thì “Ông già Noel vẫn sẽ sống mãi, vẫn tiếp tục mang niềm vui và hạnh phúc cho những tâm hồn trẻ thơ trên khắp hành tinh này”!

Có người đã từng nói: “Nơi lạnh nhất không phải là Bắc Cực mà là nơi thiếu vắng tình yêu thương”. Bắc Cực không lạnh khi có ngôi làng của sự kết nối đầy ấm êm và thương mến như vậy!

Mong lá thư sẽ đến được với ông và giấc mơ hạnh phúc của trẻ thơ sẽ thành hiện thực. Gửi đến ông một cái ôm ấm áp!

Ông già Noel ở Rovaniemi
Pulattie

- Đoạn trích trên được trích trong bức thư đạt giải nhất cuộc thi viết thư quốc tế UPU lần thứ 53 (2024) của em Nguyễn Đỗ Quang Minh (lớp 9 trường THCS -THTP Nguyễn Khuyến, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng). Sau khi đọc bức thư, bạn hãy trả lời câu hỏi sau: Bức thư trên viết về điều gì? Nhận xét về hình thức của một bức thư?

Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo

- HS đọc, suy nghĩ, trả lời cá nhân
- HS khác nhận xét, bổ sung

Dự kiến sản phẩm:

- Bức thư viết về vấn đề: trẻ em thiếu tình thương và khao khát có nơi để gửi gắm tình thương.
- Hình thức một bức thư: Địa chỉ và thời gian viết thư, người nhận thư, lời thăm hỏi sức khỏe, lí do viết thư; nêu và trình bày vấn đề cần trao đổi; chia sẻ mong muốn của người viết; người nhận thư.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, đánh giá và dẫn dắt vào bài mới.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài

- a. Mục tiêu:** HS hiểu được yêu cầu của kiểu bài viết thư trao đổi về công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm
- b. Nội dung hoạt động:** HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân - GV giao nhiệm vụ: Đọc mục <i>Tri thức Ngữ văn</i> trong sgk, tr. 64; mục <i>Yêu cầu</i> trong sgk, tr.80, kết hợp với sự hiểu biết của bản thân, trả lời câu hỏi: Thư từ là gì? Bài viết thư trao đổi công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm cần đảm bảo những yêu cầu gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS suy nghĩ cá nhân, trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi 1 -2 HS trả lời, HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức.	I. Tri thức về kiểu bài viết 1. Khái niệm Thư từ (nói chung) là hình thức VB đặc biệt, có đối tượng tiếp nhận cụ thể theo các mức độ khác nhau, được dùng với nhiều mục đích khác nhau: bày tỏ tình cảm, chia sẻ trải nghiệm, cung cấp thông tin, thuyết phục hay thể hiện sự đồng tình của người đọc về vấn đề... 2. Yêu cầu - Xác định rõ đối tượng nhận thư (cá nhân hoặc cơ quan, tổ chức). - Thể hiện rõ mục đích viết thư và vấn đề chính được trình bày, trao đổi, bàn luận trong thư. - Trình bày tường minh, mạch lạc các thông tin (nếu mục đích chủ yếu là cung cấp thông tin) hoặc triển khai

	các nội dung phù hợp để khẳng định một quan niệm hay sự cần thiết phải tiến hành công việc hay hoạt động (nếu mục đích chủ yếu là thuyết phục). - Sử dụng ngôn ngữ (gồm cả từ ngữ xưng hô) phù hợp với mục đích viết thư với mục đích viết thư và người nhận. - Sử dụng yếu tố hỗ trợ để đạt được mục đích viết một cách hiệu quả.

2.2 Phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS phân tích được các yêu cầu của bài viết tham khảo.

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* Hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi HS đọc bài viết tham khảo theo các thẻ chỉ dẫn ở bên phải văn bản. - HS thảo luận cặp đôi thực hiện các yêu cầu sau: 1. Giữa người viết thư và người nhận thư có mối quan hệ gì? Quan hệ đó thể hiện như thế nào qua ngôn ngữ được dùng trong thư? Người nhận thư có đặc điểm gì đáng chú ý? 2. Bức thư này được viết nhằm mục đích gì? Thư trao đổi, bàn luận về vấn đề gì? 3. Phần mở đầu thư có gì đáng chú ý? Nội dung tiếp theo của bức thư triển khai theo trình tự nào? Trình tự đó có liên quan như thế nào với mục đích viết thư? 4. Người viết dùng những yếu tố hỗ trợ nào để thuyết phục người đọc về vấn đề được bàn đến trong thư? 5. Qua bức thư tham khảo, em rút ra được kinh nghiệm gì khi viết thư? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nói tiếp nhau đọc văn bản. - Thảo luận cặp đôi 5 câu hỏi SGK khoảng 5 phút. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.	IV. Phân tích bài viết tham khảo Đọc bài viết tham khảo (sgk, tr.80, 81, 82, 83) và thực hiện các yêu cầu: (1) - Người viết thư và người nhận thư là chị em ruột trong cùng một nhà. – Ngôn ngữ thể hiện: <i>Ma-két-ta yêu quý; Em có khoẻ không?; Lâu lắm rồi em không về Phri-đéc thăm nhà; Kể cho chị nghe về Luân Đôn; ...</i> - Người nhận đang đi học ở Luân Đôn, một nơi xa nhà; lâu rồi chưa về thăm nhà. (2) Mục đích viết thư là để trao đổi, bàn luận về sự việc: Tình trạng bất công với những người lao động ở châu Phi. 3. - Phần mở đầu thư bằng cách hỏi thăm về sức khỏe, công việc đầy thân mật. Sau đó, nêu sự việc bằng cách gây tò mò cho người đọc: sự việc đúc kết một kinh nghiệm: “trông người mà nghĩ đến ta”. - Các sự việc tiếp theo được trình bày theo trình tự thời gian, liên quan đến câu chuyện mà người chị kể. Mở đầu là câu chuyện về thanh sô-cô-la người chị được người em tặng. Từ khẩu hiệu quảng cáo trên thanh sô-cô-la, người chị trao đổi về vấn đề tình trạng bất công với những người lao động ở châu Phi. Tiếp theo, người viết khẳng định quan điểm của mình, chia sẻ, tình cảm, cảm xúc và thuyết phục người nhận thư đồng tình với quan điểm của mình. => Trình tự này có liên quan chặt chẽ đến mục đích viết thư. 4. Yếu tố hỗ trợ để thuyết phục người đọc: tự sự, biểu cảm. Những yếu tố này làm cho bức thư thêm lôi cuốn, hấp dẫn và thuyết phục người đọc về vấn đề đặt ra. 5. Kinh nghiệm của HS rút ra từ bức thư. - Xác định người nhận thư và mục đích viết thư. - Xác định vấn đề cần trao đổi, bàn luận. - Chọn trình tự viết thư hợp lí, thuyết phục. - Có thể sử dụng các yếu tố hỗ trợ như: tự sự, biểu cảm để làm bức thư thêm lôi cuốn, hấp dẫn, thuyết phục.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết thư trao đổi về công việc hoặc vấn đề đáng quan tâm
- HS thực hành các bước để viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.

- b. Nội dung:** HS thực hành viết theo các bước.
- c. Sản phẩm:** Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm																										
II. Thực hành viết 1. Các bước thực hành viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: Các em thực hiện nhiệm vụ theo bàn: đọc SGK, thực hiện các yêu cầu trong bảng kiến thức sau:	II. Thực hành viết 1. Các bước thực hành viết																										
<table><tr><th>Các bước</th><th colspan="3">Nội dung</th></tr><tr><td>Chuẩn bị viết</td><td colspan="3">Lựa chọn một trong các gợi ý sau để làm đề tài viết: - Viết thư gửi người thân hoặc bạn bè để trao đổi, mong người nhận đồng tình với mình về một vấn đề nào đó trong công việc, cuộc sống. - Gửi một nhà thơ, nhà văn chia sẻ điều bạn nghĩ về một vấn đề văn học. - Bạn cũng có thể viết thư gửi đến một công ti để xin tài trợ trang thiết bị học tập cho học sinh vùng khó khăn.</td></tr><tr><td rowspan="3">Tìm ý, lập dàn ý</td><td rowspan="3">Tìm ý</td><td colspan="2">Trả lời câu hỏi: - Người nhận thư là ai và có quan hệ như thế nào với người viết thư? Người nhận thư có những đặc điểm gì? - Thư trao đổi công việc hay vấn đề gì và nhằm mục đích gì? - Nội dung của bức thư triển khai theo trình tự nào? Trình tự đó có liên quan như thế nào với mục đích viết thư? - Để phục vụ cho mục đích chủ yếu, người viết cần dùng những yếu tố hỗ trợ nào?</td></tr><tr><td>Lập dàn ý</td><td>MB Nêu được công việc hay vấn đề cần trao đổi. Với một văn bản thư không đòi hỏi tính chất nghị thức, có thể bắt đầu bằng một vài ý thăm hỏi thân tình.</td></tr><tr><td>TB - Triển khai các nội dung phù hợp với mục đích viết thư. - Sử dụng các yếu tố hỗ trợ tùy thuộc vào tính chất của bức thư: thân mật hay trang trọng.</td></tr><tr><td>KB Nêu lại công việc hoặc vấn đề cần trao đổi dưới hình thức tóm tắt và thể hiện mong muốn được người nhận thư chia sẻ, đồng tình, ủng hộ.</td></tr><tr><td>Viết</td><td colspan="3">- Dựa vào dàn ý để triển khai bài viết. - Lưu ý: + Tùy vào mục đích viết thư và mối quan hệ giữa người viết và người nhận để sử dụng ngôn ngữ phù hợp. + VB thư cần thể hiện tâm huyết, sự chân thành và những suy nghĩ có chiều sâu của người viết.</td></tr><tr><td>Chỉnh sửa, hoàn thiện</td><td colspan="3">Đọc kĩ bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để chỉnh sửa, hoàn thiện.</td></tr></table>	Các bước	Nội dung			Chuẩn bị viết	Lựa chọn một trong các gợi ý sau để làm đề tài viết: - Viết thư gửi người thân hoặc bạn bè để trao đổi, mong người nhận đồng tình với mình về một vấn đề nào đó trong công việc, cuộc sống. - Gửi một nhà thơ, nhà văn chia sẻ điều bạn nghĩ về một vấn đề văn học. - Bạn cũng có thể viết thư gửi đến một công ti để xin tài trợ trang thiết bị học tập cho học sinh vùng khó khăn.			Tìm ý, lập dàn ý	Tìm ý	Trả lời câu hỏi: - Người nhận thư là ai và có quan hệ như thế nào với người viết thư? Người nhận thư có những đặc điểm gì? - Thư trao đổi công việc hay vấn đề gì và nhằm mục đích gì? - Nội dung của bức thư triển khai theo trình tự nào? Trình tự đó có liên quan như thế nào với mục đích viết thư? - Để phục vụ cho mục đích chủ yếu, người viết cần dùng những yếu tố hỗ trợ nào?		Lập dàn ý	MB Nêu được công việc hay vấn đề cần trao đổi. Với một văn bản thư không đòi hỏi tính chất nghị thức, có thể bắt đầu bằng một vài ý thăm hỏi thân tình.	TB - Triển khai các nội dung phù hợp với mục đích viết thư. - Sử dụng các yếu tố hỗ trợ tùy thuộc vào tính chất của bức thư: thân mật hay trang trọng.	KB Nêu lại công việc hoặc vấn đề cần trao đổi dưới hình thức tóm tắt và thể hiện mong muốn được người nhận thư chia sẻ, đồng tình, ủng hộ.	Viết	- Dựa vào dàn ý để triển khai bài viết. - Lưu ý: + Tùy vào mục đích viết thư và mối quan hệ giữa người viết và người nhận để sử dụng ngôn ngữ phù hợp. + VB thư cần thể hiện tâm huyết, sự chân thành và những suy nghĩ có chiều sâu của người viết.			Chỉnh sửa, hoàn thiện	Đọc kĩ bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để chỉnh sửa, hoàn thiện.					
Các bước	Nội dung																										
Chuẩn bị viết	Lựa chọn một trong các gợi ý sau để làm đề tài viết: - Viết thư gửi người thân hoặc bạn bè để trao đổi, mong người nhận đồng tình với mình về một vấn đề nào đó trong công việc, cuộc sống. - Gửi một nhà thơ, nhà văn chia sẻ điều bạn nghĩ về một vấn đề văn học. - Bạn cũng có thể viết thư gửi đến một công ti để xin tài trợ trang thiết bị học tập cho học sinh vùng khó khăn.																										
Tìm ý, lập dàn ý	Tìm ý	Trả lời câu hỏi: - Người nhận thư là ai và có quan hệ như thế nào với người viết thư? Người nhận thư có những đặc điểm gì? - Thư trao đổi công việc hay vấn đề gì và nhằm mục đích gì? - Nội dung của bức thư triển khai theo trình tự nào? Trình tự đó có liên quan như thế nào với mục đích viết thư? - Để phục vụ cho mục đích chủ yếu, người viết cần dùng những yếu tố hỗ trợ nào?																									
		Lập dàn ý	MB Nêu được công việc hay vấn đề cần trao đổi. Với một văn bản thư không đòi hỏi tính chất nghị thức, có thể bắt đầu bằng một vài ý thăm hỏi thân tình.																								
		TB - Triển khai các nội dung phù hợp với mục đích viết thư. - Sử dụng các yếu tố hỗ trợ tùy thuộc vào tính chất của bức thư: thân mật hay trang trọng.																									
KB Nêu lại công việc hoặc vấn đề cần trao đổi dưới hình thức tóm tắt và thể hiện mong muốn được người nhận thư chia sẻ, đồng tình, ủng hộ.																											
Viết	- Dựa vào dàn ý để triển khai bài viết. - Lưu ý: + Tùy vào mục đích viết thư và mối quan hệ giữa người viết và người nhận để sử dụng ngôn ngữ phù hợp. + VB thư cần thể hiện tâm huyết, sự chân thành và những suy nghĩ có chiều sâu của người viết.																										
Chỉnh sửa, hoàn thiện	Đọc kĩ bài viết, đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để chỉnh sửa, hoàn thiện.																										
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS chia sẻ câu trả lời. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.																											
2. Thực hành viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu đề bài: Một bộ phận giới trẻ hiện nay dễ bị cuốn hút bởi văn hóa ngoại lai dẫn đến việc xem nhẹ hoặc thậm chí nhận thức sai lệch về văn hóa truyền thống. Anh/Chị hãy viết một bức thư (khoảng 600 chữ) gửi cho một người bạn để trao đổi về vấn đề trên. - HS viết bài văn hoàn chỉnh Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc bài viết trước lớp - HS khác bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận	2. Thực hành viết																										

- GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá bài viết theo rubric và dàn ý tham khảo.	Sản phẩm: Bài viết của HS

DÀN Ý THAM KHẢO

ĐỀ BÀI

Một bộ phận giới trẻ hiện nay dễ bị cuốn hút bởi văn hóa ngoại lai dẫn đến việc xem nhẹ hoặc thậm chí nhận thức sai lệch về văn hóa truyền thống.

Anh/Chị hãy viết một bức thư (khoảng 600 chữ) gửi cho một người bạn để trao đổi về vấn đề trên.

DÀN Ý

1. Mở bài:

- Nêu địa điểm, thời gian, danh tính người nhận, lời chào mở đầu.
- Nêu rõ công việc hay vấn đề cần trao đổi: Ngày càng nhiều bạn trẻ chúng mình bị cuốn hút bởi văn hóa nước ngoài đến vậy; nhiều bạn chỉ thích nghe nhạc nước ngoài, xem phim nước ngoài, mặc quần áo theo phong cách Hàn Quốc, Nhật Bản...; không phủ nhận những giá trị tích cực mà văn hóa ngoại lai mang lại, nhưng cũng lo lắng rằng chúng ta đang dần quên đi những giá trị truyền thống của dân tộc mình. => Viết thư trao đổi với **mong muốn được cùng chia sẻ những suy nghĩ về vấn đề này; cùng nhau tìm ra giải pháp để giữ gìn những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.**

2. Thân bài: Trình bày các vấn đề cần trao đổi:

- Nguyên nhân của việc một bộ phận giới trẻ hiện nay dễ bị cuốn hút bởi văn hóa ngoại lai dẫn đến việc xem nhẹ hoặc thậm chí nhận thức sai lệch về văn hóa truyền thống: Sự hấp dẫn của văn hóa ngoại lai (Sự mới lạ, hiện đại, sành điệu của văn hóa nước ngoài; Ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông, mạng xã hội.); sự thiếu hiểu biết về văn hóa truyền thống (Thiếu sự quan tâm, tìm hiểu về lịch sử, văn hóa dân tộc; ảnh hưởng của lối sống hiện đại, quá chú trọng vào việc học hành, công việc).
- Hiện tượng một bộ phận giới trẻ hiện nay dễ bị cuốn hút bởi văn hóa ngoại lai dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng: Làm mai một những giá trị truyền thống tốt đẹp; dễ bị đồng hóa, mất đi nét riêng của dân tộc; ảnh hưởng đến nhận thức của bản thân về dân tộc; dễ bị tác động bởi những tư tưởng tiêu cực từ bên ngoài.
- Đề xuất giải pháp: Tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật dân gian; xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thông về lịch sử, văn hóa; tìm hiểu về lịch sử, văn hóa dân tộc; bảo tồn và phát huy những sản phẩm văn hóa truyền thống...
- Nêu những ý kiến, quan điểm khác nhau xung quanh vấn đề:
- + Việc tiếp thu những tinh hoa của văn hóa nhân loại là điều cần thiết để phát triển.
- + Chúng ta có thể vừa tiếp thu tinh hoa của văn hóa nước ngoài vừa giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

3. Kết bài:

- Mong muốn người nhận thư chia sẻ về vấn đề sự ảnh hưởng của văn hóa ngoại lai đến giới trẻ hiện nay.
- Lời chào tạm biệt, danh tính của người viết thư.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Viết được một bức thư trao đổi trong công việc hoặc một vấn đề đáng quan tâm

b. Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ

c. Sản phẩm: Bài viết của HS

d. Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

Viết thư gửi đến một công ti để xin tài trợ trang thiết bị học tập cho học sinh vùng khó khăn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ. HS thực hiện tại nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận. HS gửi sản phẩm lên Palet/ nhóm Zalo.

Bước 4: Kết luận, nhận định. GV đánh giá, chấm điểm.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Tranh biện về một vấn đề đời sống

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực. Giúp HS:

- Tranh biện về một vấn đề trong đời sống thể hiện được những ý kiến trái chiều.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để tổ chức một cuộc tranh biện trong lớp về chủ đề đáng quan tâm.

2. Phẩm chất:

- Thể hiện được thái độ cầu thị trong khi tranh biện.
- Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài tranh luận.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

Xem video sau (từ 5.03 đến 7.07 và 7.28 đến 9.43)

<https://youtu.be/escLDAuEgS8>

và cho biết:

1. Hai đội tranh biện với nhau về điều gì?
2. Hai bên đã đưa ra lý lẽ thế nào để bảo vệ cho quan điểm của mình?
3. Em thích phần trình bày của đội nào hơn?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện các yêu cầu.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS trả lời, HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.

GV dẫn dắt vào bài: Trước một vấn đề trong cuộc sống thường có những ý kiến và quan điểm khác nhau. Làm thế nào để bảo vệ được quan điểm của mình khi tranh luận với người có quan điểm khác mình một cách thuyết phục? Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời được câu hỏi ấy.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe.

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị Nói và Nghe.

c. Sản phẩm: Bài thảo luận đúng yêu cầu và quy trình.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân - GV giao nhiệm vụ: Đọc mục <i>Yêu cầu</i> trong sgk, tr.85, kết hợp với sự hiểu biết của bản thân, trả lời câu hỏi:	1. Yêu cầu của bài nói và nghe - Nêu được rõ ràng quan điểm (tán thành hay phản đối về vấn đề tranh biện. - Đưa ra các lý lẽ, bằng chứng thuyết phục để bảo vệ quan điểm của nhóm mình, phản bác quan điểm của nhóm mình, phản bác quan điểm của nhóm đối lập.

	Phiên thứ nhất	Bám sát vấn đề đã chọn để tranh biện, khẳng định quan điểm đồng tình, giải thích những khái niệm cơ bản, trình bày các luận điểm chính, dùng lí lẽ và bằng chứng để củng cố quan điểm ủng hộ.	Nhắc lại vấn đề đã chọn để tranh biện, khẳng định sự không đồng tình, định nghĩa lại những khái niệm chưa hợp lí, trình bày các luận điểm, dùng lí lẽ và bằng chứng để khẳng định lại quan điểm đối lập.
		Có thể có lượt hỏi – đáp từ hai phía để chất vấn và phản hồi các ý kiến.	
	Phiên thứ hai	Phản bác lại từng luận điểm của phía phản đối, phân tích sâu hơn quan điểm của đội mình, bổ sung lí lẽ và bằng chứng để tăng sức thuyết phục.	Bác bỏ từng luận điểm mà phía tán thành vừa nêu ra; khẳng định lại quan điểm phản đối của đội mình, củng cố quan điểm đó bằng lí lẽ sắc bén và bằng chứng thuyết phục.
		Có thể có lượt hỏi – đáp từ hai phía để chất vấn và phản hồi các ý kiến.	
	Phiên thứ ba	Tiếp tục phản bác ý kiến của phía phản đối, khẳng định tính đúng đắn của những luận điểm quan trọng đã bị bác bỏ; kết luận về vấn đề và khẳng định lại quan điểm của đội mình.	Tiếp tục phản bác ý kiến của phía tán thành; bảo vệ những luận điểm quan trọng đã bị bác bỏ; kết luận về vấn đề và khẳng định lại quan điểm của đội mình.
		- Phần kết thúc cuộc tranh biện, người điều hành tóm tắt các luận điểm chính về vấn đề tranh biện của phía tán thành và phía phản đối; tổ chức lấy ý kiến đánh giá, bình chọn của khán giả về các đội tranh biện, có thể có một đội được chỉ định làm “trọng tài”.	

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS biết cách tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau.
- b. Nội dung:** HS trình bày bài tranh luận vấn đề đã chuẩn bị. HS khác lắng nghe, trao đổi.
- c. Sản phẩm:** Bài tranh luận, các câu hỏi, ý kiến nhận xét của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
1. Thao tác 1. Tìm hiểu các bước chuẩn bị và Tìm ý, lập dàn ý. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu:	2. Thực hành Bài tập: Có ý kiến cho tác phẩm : “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” chỉ có ý nghĩa lịch sử với thời đại Nguyễn Đình Chiểu, lại có người cho rằng tác phẩm ấy còn mang tính

Trao đổi trong bàn, thực hiện các nhiệm vụ sau:

(1) *Nêu các bước tiến hành tranh luận về một vấn đề có những ý kiến trái ngược nhau.*

(2) *Báo cáo kết quả thực hiện bước chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý..*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện các yêu cầu.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.

thời sự với cuộc sống hôm nay. Nếu tán thành ý kiến thứ hai, em sẽ bảo vệ ý kiến ấy như thế nào?

a. Bước 1. Chuẩn bị

- Đọc và tìm hiểu kĩ vấn đề em sẽ tranh luận: đồng tình với ý kiến “tác phẩm Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc còn mang tính thời sự đối với cuộc sống hiện nay.”

- Xem lại phần đọc hiểu bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*; tìm hiểu ý nghĩa lịch sử và tính thời sự của một tác phẩm văn học.

- Suy nghĩ về các lí lẽ, bằng chứng sẽ nêu lên (lí lẽ bảo vệ ý kiến em đồng tình và lí lẽ phản bác lại ý kiến trái ngược).

b. Bước 2. Tìm ý và lập dàn ý

Xem lại dàn ý **đã viết ở nhà** và bổ sung các ý cho phù hợp với đối tượng, yêu cầu, thời gian, điều kiện trình bày báo cáo.

DÀN Ý

Mở đầu	Khẳng định đồng tình với ý kiến: tác phẩm <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> không chỉ có giá trị lịch sử mà còn mang tính thời sự đối với cuộc sống hiện nay.
Nội dung chính	- Nêu những lí lẽ để bảo vệ và làm rõ ý kiến: bài văn tế không chỉ có ý nghĩa lịch sử mà còn mang tính thời sự đối với cuộc sống hiện nay. - Nêu lí lẽ phản bác lại ý kiến cho rằng bài văn tế chỉ có ý nghĩa lịch sử
Kết thúc	Khẳng định việc cần nhìn nhận đúng về các tác phẩm văn học trung đại nói chung và bài <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> nói riêng

2. Thao tác 2. Thực hiện các bước Nói và nghe; Kiểm tra và chỉnh sửa.

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV:

- Gọi 02 HS trình bày bài nói của mình.

Các HS khác lắng nghe và nhận xét theo

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT

TRÌNH VÀ QUÁ TRÌNH NÓI

- Gọi 1 số HS nhận xét nhận xét trước lớp về bài viết của bạn theo **PHỤ LỤC 1**. Các HS khác lắng nghe phần nhận xét và đánh giá kết quả nghe của bạn theo **PHỤ LỤC 2 - PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE**

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện các yêu cầu.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung.

c. Bước 3. Nói và nghe

Người nói	Người nghe
- Giới thiệu được vấn đề cần tranh luận. - Tóm lược những ý kiến khác nhau về vấn đề, trình bày ý kiến cá nhân, sử dụng lí lẽ và bằng chứng để chứng minh cho quan điểm của mình; trao đổi thảo luận với những người có ý kiến khác. - Khái quát những điểm chung có thể thống nhất, nhấn mạnh tác dụng của cuộc tranh luận.	- Chú ý lắng nghe bài nói của bạn. - Nghe trên tinh thần chuẩn bị đưa ra quan điểm của mình để đối thoại với người nói. - Đặt câu hỏi để người nói trình bày, giải thích về những nội dung còn chưa rõ. - Trao đổi với người nói về những điểm mà mình chưa đồng tình.

d. Bước 4. Kiểm tra và chỉnh sửa

Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề. GV yêu cầu HS kiểm tra và chỉnh sửa theo yêu cầu của người nói, người nghe.		Người nói	Người nghe
		- Rút kinh nghiệm về bài tranh luận: + Nội dung tranh luận đã đầy đủ như trong dàn ý chưa? + Hình thức tranh luận có sáng tạo, phù hợp không? + Tác phong, thái độ tranh luận như thế nào? - Tự đánh giá: + Ưu điểm của bài tranh luận là gì? + Cần khắc phục những hạn chế nào?	- Kiểm tra kết quả nghe và ghi chép các nội dung thông tin đã chính xác chưa, thu hoạch được những gì? - Có nêu được câu hỏi và ý kiến thảo luận, trao đổi với người thuyết trình không? - Nêu nhận xét về nội dung, hình thức bài tranh luận. - Đánh giá: + Bài tranh luận của người nói có ưu điểm và hạn chế nào? + Nếu tranh luận, em sẽ điều chỉnh như thế nào?

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH VÀ QUÁ TRÌNH NÓI

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:.....

ST T	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
BÀI THUYẾT TRÌNH			
1	Bố cục ba phần: Mở đầu, nội dung chính, kết thúc.		
2	Phần nội dung chính đã làm rõ được vấn đề cần trình bày.		
QUÁ TRÌNH NÓI			
3	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).		
4	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian, duy trì tương tác với người nghe.		
5	ĐÁNH GIÁ CHUNG - Những thành công và hạn chế của bài tranh luận: - Hướng khắc phục, sửa chữa: 		

PHỤ LỤC 2

PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:.....

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH NGHE			
1	Thái độ nghe: tập trung và tôn trọng người nói		
2	Tích cực ghi chép		
3	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói		

4	KIỂM TRA KẾT QUẢ NGHE - Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa? - Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức tranh luận về một vấn đề có ý kiến trái chiều:

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS biết tranh luận về một vấn đề có ý kiến trái chiều.

b. Nội dung: Tranh luận về vấn đề **Tình yêu tuổi học đường – Nên hay không nên?**

c. Sản phẩm: Phần tranh biện của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành hai nhóm. Nhóm ủng hộ quan điểm **nên** và nhóm ủng hộ quan điểm **không nên**.

- GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:

Đưa ra những lí lẽ và dẫn chứng để bảo vệ quan điểm của mình về vấn đề: **Tình yêu tuổi học đường**

– Nên hay không nên?

+ Hình thức: Tổ chức thành buổi tranh biện theo format “Truongteen” và quay video.

+ Đăng trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

+ Chấm điểm: Theo lượt chia sẻ, bình luận và yêu thích.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (CẢ BÀI 8)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.

- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia 4 nhóm thảo luận 4 câu hỏi (1, 2, 3, 4)

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Tổng hợp các thông tin về các VB đã học trong bài theo gợi ý sau:

Tên VB	Tên tác giả	Ý chính	Ý phụ	Chi tiết	Quan điểm, thái độ

Câu 2. Tìm đọc các văn bản khác trong hai cuốn sách *Nhiệt đới buồn* của Cờ lốt Lê-vi-Xtơ-rốt và *Đời muối: Lịch sử thế giới* của Mác Kơ-len-xki. Tóm tắt các thông tin mà bạn đã đọc.

Câu 3. Nêu một số trường hợp vi phạm quyền sở hữu trí tuệ mà bạn biết. Bạn rút được kinh nghiệm gì từ những trường hợp đó?

Câu 4. Lập dàn ý cho một bức thư dự kiến viết nhằm một trong những mục đích sau:

- Kiến nghị gửi cho hiệu trưởng về tình trạng lãng phí điện trong trường học

- Kiến nghị gửi cho lãnh đạo địa phương về kế hoạch phát triển cây xanh ở nơi bạn sinh sống

- Trao đổi với một người có ảnh hưởng trong xã hội về vấn đề khởi nghiệp trong giới trẻ.

Câu 5. (HS tự tổ chức tranh biện) Tổ chức cuộc tranh biện trong nhóm hoặc trong lớp về một trong các chủ đề gợi ý sau:

- Có nên phát triển du lịch ở những khu vực bảo tồn thiên nhiên hoang dã?

- Học đại học có phải là con đường duy nhất sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông?

- Có nên thay thế các vật liệu tự nhiên bằng các vật liệu nhân tạo?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.

- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI**Câu 1. Tổng hợp các thông tin về các văn bản đã học trong bài theo gợi ý sau:**

Tên VB	Tên tác giả	Ý chính	Ý phụ	Chi tiết	Quan điểm, thái độ
<i>Pa-ra-na</i>	Cờ-lốt Lê-vi-Xtơ-rốt	- Số phận người Anh diêng trong lịch sử. - Cuộc sống người Giê dưới chế độ thực dân.	- Số phận người Anh diêng trong các giai đoạn: Trước thời kì thuộc địa, vài thế kỉ trước, 1914, sau đó. - Những chính sách và hoạt động của chính phủ và phản ứng của người bản xứ.	- Chi tiết người Giê bản địa từ khi bị người Châu Âu xâm lược, đã bị dồn đuổi, phải lẩn trốn, bị cưỡng bức định cư - Chi tiết về những tập tục cư trú, sinh hoạt, ăn uống, lao động... của người Giê bản xứ...	- Thái độ: + Nghiên cứu nghiêm cẩn, trách nhiệm, khách quan nhưng cũng đầy đồng cảm và thấu hiểu + Ngưỡng mộ đối với vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt và sự tinh tế của nền văn hoá bản địa - Quan điểm: khẳng định sự bình đẳng và đa dạng giữa các nền văn hoá và kêu gọi sự trở về, sống hài hoà với thiên nhiên, giữ gìn bản sắc dân tộc
<i>Giáo dục khai phóng ở Việt Nam nhìn từ Đông Kinh Nghĩa Thục</i>	Nguyễn Nam	Bối cảnh lịch sử, điểm nhấn then chốt trong lịch sử giáo dục Việt Nam và giáo dục khai phóng của Đông Kinh Nghĩa Thục	- Bối cảnh lịch sử: Những biến động chính trị, kinh tế, xã hội và quân sự ở khu vực Đông Á cuối TK XIX – đầu TKXX; chiến thắng của Nhật Bản trong chiến tranh Nga – Nhật (1905) - Điểm nhấn then chốt trong lịch sử giáo dục không phải từ trên xuống...; các bằng chứng để làm nổi bật nhận định	Chi tiết các biến động chính trị; Bắc – Trung – Nam bị phân cắt thành 3 kì... - Sách ĐKNT của Đào Trinh Nhất...	thái độ, lập trường của tác giả, qua nội dung các nhận định, đánh giá thể hiện sự đề cao vị trí và đóng góp của Đông Kinh Nghĩa Thục trong lịch sử; tác giả đã thể hiện một cách gián tiếp thái độ ủng hộ đối với giáo dục khai phóng.

			- Mục đích - tôn chỉ giáo hóa của ĐKNT.		
<i>Đời muối</i>	Mác Kơ- len-xki	Lịch sử nhân loại gắn liền với hành trình đời muối: trước và sau khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu của đời sống.	- Trước khi muối trở thành một nhu cầu thiết yếu, lịch sử nhân loại phát triển một cách chậm chạp, gắn với sự hình thành một cách dần dần của việc thuần hóa động vật hoang dã, trồng trọt và chăn nuôi. - Việc tìm kiếm, sản xuất, buôn bán muối đã thúc đẩy công nghiệp, thương mại, giao thông, địa chất học, hóa học phát triển, tạo nên những thay đổi lớn trong các thể chế chính tri,...	- Khoảng 11 000 năm trước CN, sau khi Kì Băng Hà kết thúc...; vào khoảng năm 8000 trước CN...	Khi quan sát lịch sử của nhân loại qua những thăng trầm trong số phận của muối, tác giả đã tạo ra một cách phân kì lịch sử khác, nhìn lịch sử nhân loại từ một góc độ khác, nhìn ra những quy luật khác của lịch sử và đặt ra.
<i>Sách thay đổi lịch sử loài người</i>	Vũ Đức Liên	Ảnh hưởng của sách đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; mối quan hệ của sách với độc giả và tương lai của sách.	- Tầm quan trọng của sách: góp phần tạo ra châu Âu hiện đại; tương tác và ảnh hưởng sâu rộng trên nhiều lĩnh vực: in ấn, báo tạp chí, quảng cáo... - Sự gia tăng số lượng	Các chi tiết về vai trò của sách; hoạt động đọc sách...	Đề cao vị trí, vai trò của sách trong đời sống con người.

			độc giả và sự phát triển của văn hóa đọc đã thay đổi hành vi đọc, thị hiếu đọc và cách thức sản xuất sách....		

Câu 2. HS tự sưu tầm và tóm tắt các thông tin đã đọc theo yêu cầu

Ví dụ: Đoạn trích chương XXVIII trong *Nhiệt đới buồn* có tên *Bài học chữ viết* thể hiện những thông tin cơ bản về chữ viết của người thổ dân Nambikwara

- Người Nambikwa không biết viết, không biết vẽ.
- Tò mò, sử dụng giấy trắng và chì để vẽ đường ngoằn ngoèo thể hiện ý muốn của mình.
- Sử dụng bức vẽ ngoằn ngoèo ấy trong các cuộc trao đổi.
- Từ đó, nhân vật tôi có những suy nghĩ về vai trò của chữ viết trong lịch sử nhân loại.

Câu 3. Một số trường hợp vi phạm quyền sở hữu trí tuệ nổi tiếng:

- Tranh chấp về bản quyền tác giả đối với truyện tranh “Thần đồng đất Việt”
- Tranh chấp bản quyền bài hát Gánh mẹ
- Vụ tranh chấp bản quyền phim Trạng Tí
- Tranh chấp nhãn hiệu cà phê Trung Nguyên ở Mỹ.

=> Rút kinh nghiệm:

- Tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ: Cần ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tôn trọng quyền của người khác.
- Sử dụng hợp pháp các sản phẩm trí tuệ: Chỉ sử dụng các sản phẩm trí tuệ khi có sự cho phép của chủ sở hữu.
- Bảo vệ bí mật kinh doanh: Có biện pháp bảo vệ bí mật kinh doanh của doanh nghiệp.
- Tuân thủ pháp luật: Tuân thủ các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Câu 4, 5. HS tự lập dàn ý/tổ chức tranh biện theo yêu cầu.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- **Chuẩn bị bài 9:** Văn học và cuộc đời

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 2.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

BÀI 9: VĂN HỌC VÀ CUỘC ĐỜI

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN

1. Đọc:

VB1: *Vội vàng* (Xuân Diệu)

VB 2: *Trở về* (Trích *Ông già và biển cả* Ô-nít Hê-minh-uê)

VB 3: *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ)

Thực hành đọc: *Khúc đồng quê* (trích *Cô bé nhìn mưa*- Đặng Thị Hạnh)

2. Thực hành tiếng Việt: Giữ gìn và phát triển tiếng Việt

3. Viết: Viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội

4. Nói và nghe: Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước

II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 11 tiết – KHGD

B. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

Tiết 90, 91, 92- Đọc hiểu VB

VĂN BẢN 1: VỘI VÀNG

- XUÂN DIỆU-

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

* Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

* Năng lực đặc thù:

* Năng lực đặc thù:

- Nắm được những nét chung về tác giả Xuân Diệu và tác phẩm “Vội vàng”.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của văn bản “Vội vàng”.

- Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được giá trị văn hóa, triết lý nhân sinh từ văn bản “Vội vàng”.

- Biết đọc hiểu một bài thơ qua văn bản “Vội vàng”.

2. Về phẩm chất

- HS biết trân trọng những vẻ đẹp sâu kín, vô hình của tạo vật và thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. **Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu:

HS xem video <https://fb.watch/xhfuj0PcW1/>

- Chia sẻ những cảm nhận của em về thời gian

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS xem vi deo và chia sẻ cá nhân.

- GV quan sát, khích lệ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- **Giáo viên dẫn dắt:** Harvey MacKay đã từng nói: “*Thời gian miễn phí, nhưng nó vô giá. Bạn không thể sở hữu nó, nhưng bạn có thể sử dụng nó. Bạn không thể giữ nó, nhưng bạn có thể tiêu nó. Một khi bạn đánh mất nó, bạn không bao giờ có thể lấy lại.*” Tiết học hôm nay, cô và các em hãy cùng chia sẻ với

cảm nhận rất đổi tinh tế về thời gian của Xuân Diệu – tác gia văn học được mệnh danh là “Nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới” qua bài thơ “Vội vàng”

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc - Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu:

- Giúp HS tìm hiểu phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của văn bản; phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ văn bản, tác giả Xuân Diệu và bài thơ “Vội vàng”.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân liên quan đến bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu Tri thức ngữ văn Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu đọc, nghiên cứu SGK trang 91,92 (đã đọc ở nhà) Hoàn thành phiếu học tập số 1 GV chia lớp thành 4 nhóm và các nhóm Hoàn thành PHT số 1 Nối các cột sau cho phù hợp. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ Hoàn thành PHT số 1 Bước 3: Báo cáo kết quả - HS đổi phiếu HT giữa các nhóm - GV trình chiếu kết quả - Các nhóm đối chiếu đáp án và báo cáo kết quả. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức về Giá trị của tác phẩm văn học và chủ đề, tư tưởng và cảm hứng của tác phẩm văn học.	I. TRI THỨC NGỮ VĂN 1. Giá trị của tác phẩm văn học 2. Chủ đề, tư tưởng và cảm hứng của tác phẩm văn học

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. Giá trị của tác phẩm văn học		
a.Giá trị nhận thức		1. Văn học là một thành tố quan trọng của văn hóa. Thông quan văn học, người đọc hiểu được lời ăn tiếng nói, lối sống, cách nghĩ, truyền thống và phong tục, quan niệm về giá trị,... của một cộng đồng. Văn học vừa góp phần bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống, vừa không ngừng tìm tòi, phát hiện và sáng tạo ra những giá trị văn hóa mới.
b. Giá trị giáo dục		2. Văn học giúp định hướng lí tưởng thẩm mỹ, mài sắc giác quan thẩm mỹ của con người. Nhờ tiếp xúc với ngôn từ và hình tượng giàu tính thẩm mỹ, thể hiện rõ lí tưởng thẩm mỹ của tác giả, người đọc biết rung động trước cái đẹp, biết thẩm định, thưởng thức cái đẹp nghệ thuật và biết phát hiện ra cái đẹp trong cuộc sống.
c. Giá trị thẩm mỹ		3. Văn học tác động sâu sắc đến nhân sinh quan của người đọc. Qua việc tạo nên những hình tượng nghệ thuật giàu sức hấp dẫn, văn học giúp con người thể nghiệm, đồng cảm với những nhân vật, tình huống trong tác phẩm, khơi dậy những cảm xúc tốt đẹp như sự ngưỡng mộ trước cái đẹp, cái cao cả, sự căm phẫn trước cái xấu, cái ác. Bằng cách đánh thức sự tự suy ngẫm, văn học khiến con người tự chuyển hóa, tự hoàn thiện bản thân.

d. Giá trị văn hóa		4. Văn học mang lại những tri thức tổng hợp về cuộc sống, mở rộng hiểu biết của người đọc về nhiều lĩnh vực khác nhau: chính trị, lịch sử, địa lí, văn hóa, phong tục,...
2. Chủ đề, tư tưởng và cảm hứng của tác phẩm văn học		
e. Chủ đề		6. Sự lí giải chủ đề là lập trường, quan điểm mà dựa trên đó nhà văn cắt nghĩa các tình huống, sự kiện, nhân vật,...
f. Tư tưởng		5. Cảm hứng là cảm xúc mãnh liệt, được dồn nén cao độ, thúc đẩy hành động sáng tạo của nhà văn.
g. Sự lí giải chủ đề		8. Chủ đề là vấn đề trọng tâm mà tác giả muốn biểu đạt, là tư tưởng quán xuyến trong tác phẩm. Chủ đề thể hiện sự tìm tòi, phát hiện về cuộc sống và chiều sâu tư tưởng, cá tính sáng tạo của nhà văn. Chủ đề, tư tưởng được coi là lớp nội dung chủ quan của tác phẩm, thể hiện rõ cách tiếp cận, sự suy ngẫm, đánh giá, xúc cảm riêng của mỗi nhà văn về phạm vi và các vấn đề đời sống được đề cập trong tác phẩm.
h. Cảm hứng		7. Tư tưởng là sự nhận thức, lí giải của nhà văn về đời sống, được bộc lộ qua cách lựa chọn đề tài, tổ chức hình tượng, sử dụng ngôn từ trong tác phẩm,.. Tư tưởng được biểu hiện qua hai bình diện: sự lí giải chủ đề và cảm hứng.

Đáp án:

a-4

b-3

c-2

d-1

e-8

f-7

g-6

h-5

Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu

Tác giả Xuân Diệu, tác phẩm “Vội vàng”.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV phát vấn

? Trình bày những hiểu biết của em về tác giả Xuân Diệu và bài thơ “Vội vàng”.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

HS suy nghĩ và trả lời cá nhân

Bước 3: Báo cáo kết quả

GV gọi 2-3 HS trả lời

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức về tác giả Xuân Diệu và bài thơ “Vội vàng”.

Một số hình ảnh về tác giả và tác phẩm



Xuân Diệu(1916 - 1985)

3. Tác giả Xuân Diệu

- Xuân Diệu (1916 - 1985), quê cha Hà Tĩnh, quê mẹ tỉnh Bình Định

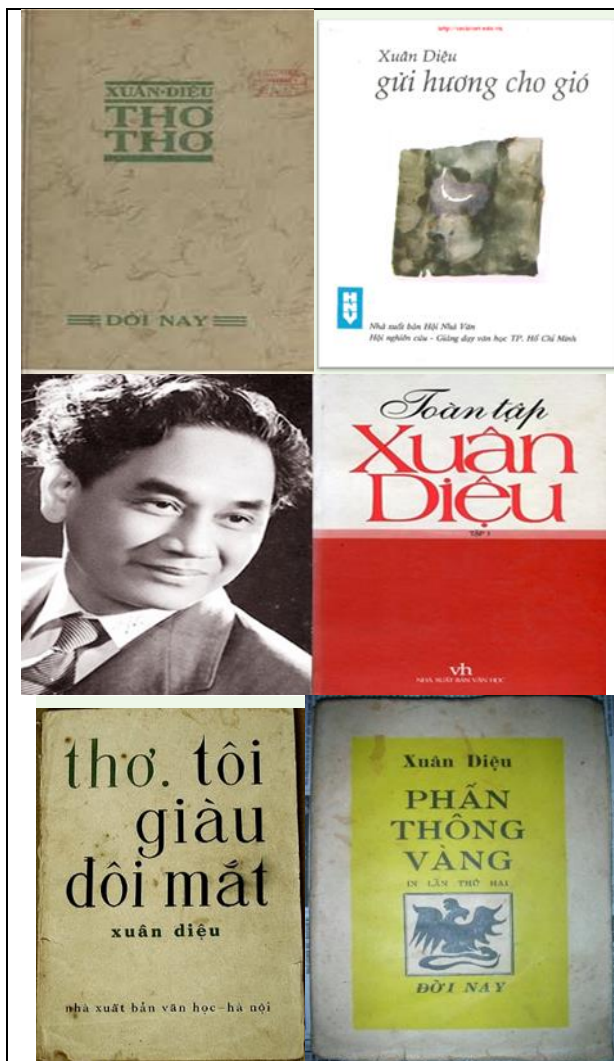
- Tác phẩm chính: *Thơ thơ* (1938), *Gửi hương cho gió* (1945), *Riêng chung* (1960), *Tôi giàu đôi mắt* (1970), *Tràng ca* (1945), *Phản thông vàng* (1939), *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam* (1981, 1982) ...

- Phong cách sáng tác:

+ Xuân Diệu đã đem đến cho thơ ca đương thời sức sống mới, một nguồn cảm xúc mới, thể hiện quan niệm sống mới mẻ cùng những cách tân nghệ thuật sáng tạo

+ Giọng thơ sôi nổi, đắm say, yêu đời.

=> Xuân Diệu là “nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới”, có nhiều đóng góp xuất sắc cho nền thơ ca cách mạng Việt Nam từ sau 1945.



GV mở rộng

1. “Xuân Diệu là một người của đời, một người ở giữa loài người. Lầu thơ của ông xây dựng trên đất của một tâm hồn trần gian.” (Thế Lữ - Lời tựa *Thơ thơ*)
2. “Nhà thơ Xuân Diệu chết, tôi tìm lại được một mảnh đời văn chương của mình.” (Nguyễn Tuân)
3. “*Thơ Xuân Diệu* còn là một nguồn sống dào dạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này. Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, sống cuống quýt muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình. Khi vui cũng như khi buồn người đều nồng nàn tha thiết.” (Hoài Thanh)

3. Bài thơ “Vội vàng”

* **Xuất xứ:** Trích trong tập “*Thơ thơ*” (1938) - tập thơ đầu tay của Xuân Diệu và cũng là tập thơ khẳng định vị trí của Xuân Diệu – *Nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới*.

* **Nhan đề:**

- Nhan đề “Vội vàng”

- Nhan đề “*Vội vàng*” có ý nghĩa khái quát một quan niệm nhân sinh mới mẻ, tích cực của nhà thơ Xuân Diệu:

+ Đó là một thái độ sống gắn bó, yêu quý cuộc đời, biết tận hưởng tất cả những vẻ đẹp, những giá trị của cuộc sống trần gian.

+ “Vội vàng” không đồng nghĩa với lối sống chỉ biết đến hưởng thụ, ích kỉ, sống nhanh, sống gấp gáp cao vật chất mà mà phải biết tận hưởng một cách cao cả, tận hưởng đi cùng với nâng niu, sáng tạo và tận hiến cho đời.

+ Nhan đề “Vội vàng” cũng gián tiếp phê phán thái độ sống, thờ ơ, lãng quên, trốn tránh thực tại...

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu :

- Hướng dẫn HS tìm hiểu bài thơ *Vội vàng* (Xuân Diệu)
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của văn bản; phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ bài thơ “Vội vàng”.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN			SẢN PHẨM								
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 04 nhóm nhỏ (mỗi nhóm là một tổ): Hoạt động nhóm: Thời gian 05 phút - Nhóm 1: Tìm hiểu Khổ 1: 4 câu thơ lời đề từ – Hoàn thành PHT số 01			II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN Tọa đàm: MÙA XUÂN- TÌNH YÊU TUỔI TRẺ-THỜI GIAN 1. Lời đề từ :(Khổ 1) - Động từ: tắt, buộc, bay - Biện pháp: Điệp từ: “Tôi muốn” - Nhân vật trữ tình xưng: “tôi” - Hình ảnh: nắng , gió - Nhịp điệu chậm rãi, thông thả, thể hiện tâm trạng ung dung, tự tại của tác giả trước cảnh sắc thiên nhiên. Nhận xét: Lời đề từ cho thấy một cái tôi khát khao được sống được tận hưởng mọi vẻ đẹp của cuộc đời								
PHIẾU HỌC TẬP 01 Khổ 1 : Lời đề từ <table><tr><th>Động từ</th><th>Các biện pháp tu từ</th><th>Hình ảnh</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table> -Nhịp điệu: - Tâm trạng nhân vật trữ tình:			Động từ	Các biện pháp tu từ	Hình ảnh				2. Bức tranh mùa xuân (Khổ 2) * Đó là một khung cảnh mùa xuân tràn đầy sức sống: - Hình ảnh: ong bướm, tuần tháng mật, hoa của đồng nội, lá của cành tơ, yến anh, khúc tình si, ánh sáng chớp hàng mi. - Màu sắc: rực rỡ của mùa xuân - Âm thanh: tiếng chim hót, tiếng gió Nhận xét: Bức tranh thiên nhiên + Rực rỡ, tươi đẹp, tràn đầy sức sống: ong bướm, tuần tháng mật, hoa, lá, yến anh, khúc tình si, ánh sáng... + Tượng trưng cho tình yêu, tuổi trẻ và cuộc sống: mùa xuân, yến anh, cánh đồng... - Cảm nhận về thời gian của nhân vật trữ tình. + Thời gian trôi qua một cách nhanh chóng: "Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua / Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già". + Thời gian là hữu hạn và không thể nào níu giữ: "Còn trời đất, chẳng còn tôi mãi / Nên vội vàng làm tất cả những gì phải làm". + Sự trôi chảy của thời gian khiến con người cảm thấy nuối tiếc, tiếc nuối tuổi xuân, tiếc nuối những gì đã qua: "Mỗi năm một tuổi như đuổi xuân đi / Hết tuần trăng mật, chẳng còn nguyên vẹn". - Nhịp điệu nhanh, dồn dập, thể hiện sự vội vã, mong muốn níu giữ thời gian của tác giả. - Cái nhìn thế giới của tác giả: + Yêu đời, say mê cuộc sống, trân trọng từng khoảnh khắc. + Có ý thức về sự ngắn ngủi của thời gian. + Nhanh nhạy, tinh tế trong cảm nhận. * Nhận xét về cách nhìn thế giới của tác giả: + Xuân Diệu nhìn thế giới trong sự vận động phát triển, thời gian là tuyến tính một đi không trở lại. + Cảm nhận về thời gian của Xuân Diệu trong bài thơ có nét mới mẻ, độc đáo so với cảm nhận về thời gian trong thơ trữ tình trung đại. Quan niệm về thời gian của Xuân Diệu trong bài thơ "Vội Vàng" đã thể hiện rõ tâm trạng của thế hệ trẻ trước		
Động từ	Các biện pháp tu từ	Hình ảnh									
- Nhóm 2: Tìm hiểu khổ 2– Hoàn thành PHT số 02											
PHIẾU HỌC TẬP 02 Khổ 2: Bức tranh mùa xuân <table><tr><th>Hình ảnh</th><th>Trật tự các hình ảnh có ý nghĩa gì?</th><th>Từ ngữ, biện pháp nghệ thuật</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table> - Nhịp điệu: - Sự cảm nhận về thời gian:..... - Tâm trạng.....			Hình ảnh	Trật tự các hình ảnh có ý nghĩa gì?	Từ ngữ, biện pháp nghệ thuật						
Hình ảnh	Trật tự các hình ảnh có ý nghĩa gì?	Từ ngữ, biện pháp nghệ thuật									
- Nhóm 3: Tìm hiểu khổ 3 – Hoàn thành PHT số 03											
PHIẾU HỌC TẬP 03 Khổ 3: Triết lí sống <table><tr><th>Hình ảnh</th><th>Giọng điệu</th><th>Từ ngữ, biện pháp nghệ thuật</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td></tr></table> - Nhịp điệu:..... - Quan niệm về tình yêu tuổi trẻ..... - Triết lí sống:.....			Hình ảnh	Giọng điệu	Từ ngữ, biện pháp nghệ thuật						
Hình ảnh	Giọng điệu	Từ ngữ, biện pháp nghệ thuật									
- Nhóm 4: Tìm hiểu quan niệm về thời gian- tuổi trẻ – Hoàn thành PHT số 04											
PHIẾU HỌC TẬP 04 Quan niệm về thời gian- tuổi trẻ											

Thời gian	Tuổi trẻ
-Nghệ thuật thể hiện..... - Nhận thức của bản thân về thời gian- tuổi trẻ.	
Mạch cảm xúc chủ đạo của bài thơ	
Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ và thảo luận nhóm nội dung các PHT số 01,02,03,04 theo phân công. - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.	
Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV tổ chức báo cáo sản phẩm thảo luận theo hình thức tọa đàm với chủ đề: “Mùa xuân- tuổi trẻ - thời gian” - GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt quá trình báo cáo sản phẩm của các nhóm. - Đại diện các nhóm thuyết trình sản phẩm. Các nhóm còn lại bổ sung, phản biện. - GV quan sát, khích lệ HS	
Bước 4: Đánh giá, kết luận - Sau một nhóm thuyết trình sản phẩm, GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm.	
Cách mạng tháng Tám. Quan điểm này đã ảnh hưởng sâu sắc đến thơ ca Việt Nam hiện đại, làm phong phú thêm cảm xúc và tạo ra một cái nhìn mới về cuộc sống. Đó là một quan niệm mang tính triết học sâu sắc. * Nhận xét khái quát về nhân vật trữ tình: Nhân vật trữ tình trong bài thơ "Vội Vàng" là một người trẻ với tâm hồn yêu đời, đam mê sống, say đắm trước vẻ đẹp của cuộc sống. 3. Đặc sắc nghệ thuật và các giá trị của bài thơ: - Giọng điệu của nhân vật trữ tình trong bài thơ “Vội Vàng” đã tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt khiến người đọc đồng cảm với những suy tư, trăn trở của nhân vật trữ tình đồng thời thôi thúc mọi người trân trọng thời gian và cuộc sống. - Chủ đề, tư tưởng: Tác phẩm bộc lộ tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết đồng thời thể hiện sự nuối tiếc về kiếp người và thời gian. Cuối cùng là lời giục giã cuồng quýt, vội vàng để tận hưởng tuổi trẻ và cuộc đời. - Thông điệp: về mùa xuân thời gian tuổi trẻ tình yêu đời yêu cuộc sống nơi trần thế. - Giá trị nhận thức: Giúp người đọc nhận thức đầy đủ nhất về thời gian, tuổi trẻ chỉ đến một lần và ra đi vĩnh viễn. Vậy nên hãy biết trân trọng từng phút giây, từng khoảnh khắc của cuộc sống hiện tại. - Giá trị giáo dục: Giáo dục về tình yêu cuộc sống thiên nhiên vạn vật, trân trọng những vẻ đẹp của cuộc đời. - Giá trị thẩm mỹ: Yêu cái đẹp của cuộc sống. - Mạch vận động cảm xúc trong bài thơ: Nhân vật trữ tình trong bài thơ "Vội Vàng" thể hiện sự thay đổi trong quan niệm về thời gian, từ say mê, cuồng nhiệt đến lo lắng, trăn trở và nuối tiếc. Có sự đối lập giữa vẻ đẹp rực rỡ, tươi tắn của thiên nhiên và sự trôi chảy nhanh chóng của thời gian, đồng thời tồn tại mâu thuẫn trong nội tâm giữa khao khát tận hưởng cuộc sống và nỗi nuối tiếc trước sự trôi đi của thời gian. Đây là hình tượng tiêu biểu cho thơ ca mới Việt Nam, phản ánh quan niệm sống và tâm trạng của thế hệ trẻ trước Cách mạng tháng Tám.	
4. Quan niệm của Xuân Diệu về thời gian- tình yêu - tuổi trẻ - Quan niệm của Xuân Diệu về tình yêu và tuổi trẻ: Quan điểm về cuộc sống, tình yêu và tuổi trẻ của Xuân Diệu được mô tả như một bức tranh sắc sảo, nổi bật và đầy năng lượng. Cuộc sống được tưởng tượng là đẹp đẽ và tràn đầy sức sống, tình yêu được miêu tả là nồng nàn và mãnh liệt, còn tuổi trẻ được cho là ngắn ngủi và đòi hỏi phải sống vội vã để tận hưởng. - Triết lí sống cái tôi cá nhân của Xuân Diệu trong bài thơ "Vội Vàng" đó là thể hiện sự vội vã và lo	

	lắng trước sự trôi qua của thời gian, đồng thời mong muốn tận hưởng từng khoảnh khắc. - Nhận xét: Quan điểm và triết lí sống của Xuân Diệu vẫn còn nguyên giá trị cho tới ngày nay vì nó phản ánh tâm lý của con người hiện đại, đặc biệt là giới trẻ. Trong thế giới diễn ra nhanh chóng hiện nay, việc sống vội vàng để bắt kịp là điều cần thiết. Tuổi trẻ được coi là khoảng thời gian quý báu nhất, và việc tận hưởng nó đầy đủ là điều cần thiết.

2.3. Hướng dẫn Tổng kết

a. Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập HS trao đổi theo cặp trong bàn: <i>? Rút ra những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động thảo luận theo cặp. GV quan sát, khích lệ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	III. TỔNG KẾT 1. Nghệ thuật - Ngôn ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo, mới mẻ. Xuân Diệu sử dụng ngôn từ và hình ảnh sắc nét để thể hiện tâm trạng của nhân vật và gợi lên ý nghĩa sâu sắc về thời gian và cuộc sống. - Xây dựng, hình ảnh thơ giàu ý nghĩa biểu tượng => Tạo nên sự độc đáo, mới mẻ, hấp dẫn cho bài thơ; 2. Ý nghĩa văn bản Bài thơ thể hiện một triết lí sống sâu sắc của một cái tôi ý thức về sự quý giá của thời gian tình yêu tuổi trẻ. Và cuộc sống của mỗi người là sự vận động phát triển trên một đường thẳng tuyến tính vậy nên hãy biết trân trọng từng phút giây biểu năng niu từng vẻ đẹp của cuộc đời. 3. Cách đọc hiểu văn bản thơ Nhận biết: - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận biết được cấu tứ, vần, nhịp, những dấu hiệu thể loại của bài thơ. - Nhận biết được yếu tố tượng trưng (nếu có) trong bài thơ. - Nhận biết được những biểu hiện của tình cảm, cảm xúc trong bài thơ. - Nhận biết đặc điểm của ngôn từ nghệ thuật trong thơ. Thông hiểu: - Hiểu và lí giải được ý nghĩa giá trị thẩm mĩ của ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ. - Phân tích, lí giải được vai trò của yếu tố tượng trưng trong bài thơ (nếu có). - Xác định được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ. - Lí giải được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ. - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của bài thơ. - Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong bài thơ. Vận dụng:

	- Nêu được ý nghĩa hay tác động của bài thơ đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân về những vấn đề văn học hoặc cuộc sống. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ bài thơ. Vận dụng cao: - Đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ. - Đánh giá được ý nghĩa, tác dụng của yếu tố tương trưng (nếu có) trong bài thơ. - So sánh được hai văn bản thơ cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau. - Mở rộng liên tưởng về vấn đề đặt ra trong bài thơ để hiểu sâu hơn bài thơ.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: So sánh tương đồng về nội dung và nghệ thuật giữa bài thơ “Vội vàng” và “Đây mùa thu tới” của Xuân Diệu.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM											
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV giao nhiệm vụ học tập: - Nêu và lí giải một số điểm khác nhau về nội dung và nghệ thuật giữa bài thơ “Vội vàng” và “Đây mùa thu tới” của Xuân Diệu - Hình thức: Phỏng vấn chuyên gia. Cử 01 HS làm MC, 02 HS là chuyên gia (01 là nhà nghiên cứu thơ ca trung đại; 01 là nhà nghiên cứu thơ ca hiện đại), các HS còn lại là khán giả. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ. - MC: Xin chào mừng quý vị đã đến với trường quay của chúng ta. Kính thưa quý vị! Xuân Diệu được mệnh danh là nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới. Vậy cái mới ấy của Xuân Diệu thể hiện như thế nào trong tác phẩm của ông. Chúng t a cùng nhau tìm câu trả lời trong buổi tọa đàm hôm nay. - Buổi tọa đàm hôm nay chúng ta gặp gỡ trao đổi với GS A người đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về Thơ Xuân Diệu - MC: Thưa GS A, xin bà cho biết những nét đặc sắc nào về nội dung và nghệ thuật khi miêu tả mùa thu trong “Đây mùa thu tới” của Xuân Diệu. .- GS A: Theo tôi, trong bài “Đây mùa thu tới” thì: + Chủ đề: Bài thơ là một bức tranh thu với những biến thái tinh vi nhất, những rung cảm sâu xa của lòng người trong thời khắc chuyển mùa. + Triết lí nhân sinh:	Điểm khác nhau giữa bài thơ “Vội vàng” và “Đây mùa thu tới” (Xuân Diệu) <table><tr><th>Tiêu chí</th><th>Vội vàng</th><th>Đây mùa thu tới</th></tr><tr><td>Chủ đề</td><td>Bài thơ bộc lộ tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết đồng thời thể hiện sự nuối tiếc về kiếp người và thời gian. Cuối cùng là lời giục giã cuống quýt, vội vàng để tận hưởng tuổi trẻ và cuộc đời.</td><td>Bài thơ là một bức tranh thu với những biến thái tinh vi nhất, những rung cảm sâu xa của lòng người trong thời khắc chuyển mùa. Là vẻ đẹp gợi cảm của đô thị; cảnh được miêu tả theo bước đi của thời gian. Mùa thu từng bước xâm chiếm toàn bộ thiên nhiên và lòng người.</td></tr><tr><td>- Triết lí nhân sinh:</td><td>đó là thể hiện sự vội vã và lo lắng trước sự trôi qua của thời gian, đồng thời mong</td><td>Ấu lo trước sự biến chuyển của thời gian và nỗi nản với khao khát sống, kết đôi.</td></tr></table>			Tiêu chí	Vội vàng	Đây mùa thu tới	Chủ đề	Bài thơ bộc lộ tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết đồng thời thể hiện sự nuối tiếc về kiếp người và thời gian. Cuối cùng là lời giục giã cuống quýt, vội vàng để tận hưởng tuổi trẻ và cuộc đời.	Bài thơ là một bức tranh thu với những biến thái tinh vi nhất, những rung cảm sâu xa của lòng người trong thời khắc chuyển mùa. Là vẻ đẹp gợi cảm của đô thị; cảnh được miêu tả theo bước đi của thời gian. Mùa thu từng bước xâm chiếm toàn bộ thiên nhiên và lòng người.	- Triết lí nhân sinh:	đó là thể hiện sự vội vã và lo lắng trước sự trôi qua của thời gian, đồng thời mong	Ấu lo trước sự biến chuyển của thời gian và nỗi nản với khao khát sống, kết đôi.
Tiêu chí	Vội vàng	Đây mùa thu tới										
Chủ đề	Bài thơ bộc lộ tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết đồng thời thể hiện sự nuối tiếc về kiếp người và thời gian. Cuối cùng là lời giục giã cuống quýt, vội vàng để tận hưởng tuổi trẻ và cuộc đời.	Bài thơ là một bức tranh thu với những biến thái tinh vi nhất, những rung cảm sâu xa của lòng người trong thời khắc chuyển mùa. Là vẻ đẹp gợi cảm của đô thị; cảnh được miêu tả theo bước đi của thời gian. Mùa thu từng bước xâm chiếm toàn bộ thiên nhiên và lòng người.										
- Triết lí nhân sinh:	đó là thể hiện sự vội vã và lo lắng trước sự trôi qua của thời gian, đồng thời mong	Ấu lo trước sự biến chuyển của thời gian và nỗi nản với khao khát sống, kết đôi.										

+ Tình: Âu lo trước sự biến chuyển của thời gian và nông nân với khao khát sống, kết đôi. + Ngôn ngữ: Vừa có sự hàm súc điêu luyện vừa có sự mới mẻ, hiện đại do Xuân Diệu ảnh hưởng từ thơ ca phương Tây: cách dùng từ, cách sử dụng nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. - MC: Thừa GS A cùng trích trong tập “Thơ thơ” (1938) - tập thơ đầu tay của Xuân Diệu và cũng là tập thơ khẳng định vị trí của Xuân Diệu – <i>Nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới. Bài thơ “ Vội Vàng”</i> đã thể hiện một quan niệm nhân sinh mới mẻ, tích cực của nhà thơ Xuân Diệu. Bà có thể cho mấy lời nhận xét về những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ? - Chủ đề: Bài thơ bộc lộ tình yêu cuộc sống trần thế tha thiết đồng thời thể hiện sự nuối tiếc về kiếp người và thời gian. Cuối cùng là lời giục giã cuồng quýt, vội vàng để tận hưởng tuổi trẻ và cuộc đời. - Triết lí nhân sinh: Triết lí sống cái tôi cá nhân của Xuân Diệu trong bài thơ "Vội Vàng" đó là thể hiện sự vội vã và lo lắng trước sự trôi qua của thời gian, đồng thời mong muốn tận hưởng từng khoảnh khắc. - Ngôn ngữ: Xuân Diệu sử dụng ngôn từ và hình ảnh sắc nét để thể hiện tâm trạng của nhân vật và gợi lên ý nghĩa sâu sắc về thời gian và cuộc sống. - MC: Vậy bà lí giải như thế nào về sự tương đồng trong chủ đề, triết lí nhân sinh và ngôn ngữ trong hai bài thơ? - GS A: Theo tôi, điều đó là do Xuân Diệu chịu ảnh hưởng trong cách thụ cảm về thế giới cũng như các thủ pháp nghệ thuật từ thơ ca phương Tây. Chính vì vậy mà Xuân Diệu được mệnh danh là “Nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới” - MC: Xin trân trọng cảm ơn ý kiến chia sẻ của các chuyên gia. Bây giờ mời khán giả trong trường quay, có ai có câu hỏi gì dành cho các chuyên gia không ạ? - Khán giả:.... Bước 3: Báo cáo kết quả - HS báo cáo trước lớp kết quả làm việc Bước 4: Đánh giá kết quả, đưa ra kết luận GV nhận xét và chuẩn hóa kiến thức.		muốn tận hưởng từng khoảnh khắc.	Vừa có sự hàm súc điêu luyện vừa có sự mới mẻ, hiện đại do ảnh hưởng từ thơ ca phương Tây: cách dùng từ, cách sử dụng nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.	
		Ngôn ngữ	Xuân Diệu sử dụng ngôn từ và hình ảnh sắc nét để thể hiện tâm trạng của nhân vật và gợi lên ý nghĩa sâu sắc về thời gian và cuộc sống	
		Lí giải	Xuân Diệu chịu ảnh hưởng trong cách cảm thụ về thế giới cũng như các thủ pháp nghệ thuật từ thơ ca phương Tây.	

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.
- Nội dung:** HS làm bài tập vận dụng.
- Sản phẩm:** Chia sẻ của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

Bài tập : Kỹ thuật Think – pair – share

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:

Yêu cầu: Bài thơ Vội vàng của Xuân Diệu đã tác động như thế nào đến nhận thức của anh/chị về thời gian và tuổi trẻ?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ độc lập, sau đó chia sẻ cặp với bạn bên cạnh, rồi chia sẻ với cả lớp.
- GV quan sát, khích lệ.
- GV cung cấp bảng đánh giá Rubric để định hướng tiêu chí cho HS:

Nhiệm vụ	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
Nội dung chia sẻ (7 điểm)	Nội dung chia sẻ chi tiết, sinh động (7 - 6 điểm)	Nội dung chia sẻ tương đối chi tiết (5- 4 điểm)	Nội dung chia sẻ tuy đúng yêu cầu nhưng sơ sài (3 - 2 điểm)	Nội dung chia sẻ không đúng yêu cầu (Dưới 1 điểm)
Hình thức chia sẻ (3 điểm)	Phong thái tự tin, giọng truyền cảm, có kết hợp ngôn ngữ cơ thể. (3 điểm)	Phong thái tương đối tự tin, giọng truyền cảm. (2 điểm)	Phong thái chưa tự tin trong trình bày (1 điểm)	HS lúng túng, nói ấp úng (0.5 điểm)
Tổng điểm				

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số HS chia sẻ.
- Các HS khác lắng nghe và đánh giá phần chia sẻ của bạn theo bảng tiêu chí Rubric được GV cung cấp.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá.

GV nhận xét, đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Sưu tầm thêm các bài thơ của Xuân Diệu đọc hiểu theo đặc trưng thể loại.
- **Chuẩn bị bài:** 3. GV hướng dẫn HS chuẩn bị bài tiếp theo: VB2 *Trở về* (Trích *Ông già và biển cả* Ô-nít Hê-minh-uê)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 tập 2 KNTT
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

Tiết 97, 98 - Đọc hiểu :

VĂN BẢN 2: TRỞ VỀ
(Trích *Ông già và biển cả* Ô-nít Hê-minh-uê)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

*Năng lực đặc thù:

- Nắm được những nét chung về tác giả *Ô-nít Hê-minh-uê* và tác phẩm *Ông già và biển cả*, đoạn trích *Trở về*
- Biết đọc hiểu một tiêu thuyết ngắn qua văn bản *Ông già và biển cả*, đoạn trích *Trở về*

2. Về phẩm chất

- HS biết trân trọng những vẻ đẹp sâu kín, vô hình của tạo vật và thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. **Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu:

HS xem vi deo <https://youtu.be/DhOBZMrA9wM?si=OZGdYhCkAE9Pe06a&t=18>

- Chia sẻ những thông tin em nhận được từ video trên

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS xem vi deo và chia sẻ cá nhân.

- GV quan sát, khích lệ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời cá nhân

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Những thông tin nhận được từ video trên

Giới thiệu tác giả - tác phẩm

Tóm tắt

6 bài học từ "Ông già và biển cả"

Để có được vận may, chính bản thân chúng ta cũng phải sẵn sàng

Giữ vững niềm hy vọng

Thử thách tối thượng

Đừng bỏ cuộc

Biết lượng sức mình

Cái quá tốt đẹp thì chẳng bền

- **Giáo viên dẫn dắt vào bài:**

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc - Tìm hiểu chung

a. **Mục tiêu:**

- Giúp HS tìm hiểu tác giả Ô-nít Hê-minh-uê, tác phẩm *Ông già và biển cả* và đoạn trích *Trở về*

b. **Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân liên quan đến bài học.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu Tác giả tác phẩm và đoạn trích Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc, nghiên cứu SGK trang 100,101 (đã đọc ở nhà) kết hợp với hiểu biết của em chia sẻ về tác giả Ô-nít Hê-minh-uê, tác phẩm <i>Ông già và biển cả</i> và đoạn trích <i>Trở về</i> - Tác giả - Tác phẩm - Đoạn trích: vị trí, bố cục, nhan đề. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ HS chia sẻ cá nhân Bước 3: Báo cáo kết quả	I. TÌM HIỂU CHUNG: 1. TÁC GIẢ - Ô-nít Hê-minh-uê (1899 – 1961), ông sinh ra trong một gia đình trí thức tại một vùng ngoại ô của Chicago. - Ô-nít Hê-minh-uê học tại trường trung học Oak Park and River Forest từ tháng 9 năm 1913 cho đến khi ông tốt nghiệp vào tháng 6 năm 1917. - Sau khi học trung học, Ô-nít Hê-minh-uê không muốn theo học đại học. Thay vào đó, ở tuổi mười tám, ông bắt đầu sự nghiệp viết của mình với tư cách là một phóng viên cho The Kansas City Star. - Trong suốt cuộc đời mình, ông đã sử dụng tên chi viết của tờ báo này để tạo nên phong cách viết cho

- HS trả lời

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức

riêng mình: “*Sử dụng những câu văn ngắn. Sử dụng những đoạn mở đầu ngắn. Sử dụng thứ tiếng Anh hùng hồn. Phải khẳng định, không phủ nhận.*”

2. Sự nghiệp văn học

a. Quan điểm sáng tác

- Dù viết về đề tài nào ông cũng nhằm mục đích: “*Viết một áng văn xuôi đơn giản và trung thực về con người*”.

- Ông là người đề ra nguyên lý tảng băng trôi.

b. Tác phẩm chính

Ông để lại di sản văn học đồ sộ, gồm các tác phẩm tiêu biểu như: *Mặt trời vẫn mọc*, *Giã từ vũ khí*, *Chuông nguyện hồn ai*, *Vườn địa đàng*, *Ông già và biển cả*,...

c. Vị trí và tầm ảnh hưởng

Hemingway là nhà văn Mỹ nổi tiếng thế kỉ XX, người góp phần đổi mới lối viết truyện, tiểu thuyết của nhiều nhà văn trên thế giới. Năm 1954, ông được trao giải thưởng Nobel về văn học.

2. TÁC PHẨM: *Ông già và biển cả* và đoạn trích *Trở về*

a. Xuất xứ và hoàn cảnh ra đời

- Ra đời năm 1952, sau 10 năm ông sống ở Cu-ba.

Đây là cuốn tiểu thuyết ngắn nhưng có ý nghĩa quan trọng nhất trong sự nghiệp của Hê-minh-uê, có ý nghĩa như di chúc nghệ thuật của ông.

b. Bố cục

- Phần 1 (từ đầu đến “nước bắn tung, trồm lên cả ông lão lẫn con thuyền”): Cuộc chiến đấu của Xan-ti-a-gô

- Phần 2 (còn lại): Hành trình Xan-ti-a-gô đưa con cá về bờ

c. Tóm tắt

Xan-ti-a-gô - ông lão đánh cá người Cu-Ba, sống cô độc và nghèo khổ trong túp lều cạnh bờ biển ngoại ô La-ha-ba-na. Vận đen đang bám riết lấy ông khi suốt tám mươi tư ngày không bắt được con cá nào ra hồn. Những người xung quanh chẳng còn tin vào cơ may của Xan-ti-a-gô, còn cậu bé Ma-nô-lin cũng bị cấm không được giao du với lão nữa. Ông quyết định ra khơi xa một mình, ông đến vùng nguy hiểm nhưng nhiều cá lớn. Một con cá kiếm khổng lồ mắc câu và ông lão bắt đầu cuộc săn đuổi con cá trong ba ngày liền. Đó là con cá kiếm lớn nhất và đẹp nhất ông từng thấy trong đời. Suốt mấy ngày, Xan-ti-a-gô tìm mọi cách để bám trụ và giữ con cá cho kì được. Cuối cùng, lão cũng cầm được mũi lao vào tim con cá và chinh phục được nó. Xan-ti-a-gô phần chần nghi đến những gì mà chiến lợi phẩm này mang lại khi trở về. Tuy vậy, mùi máu của con cá kiếm đã thu hút cả đàn cá mập đến rĩa mồi. Khi ông đuổi được chúng, con cá kiếm chỉ còn là bộ xương trắng khổng lồ phía sau đuôi thuyền. Về đến túp lều, Xan-ti-a-gô hoàn toàn kiệt sức và ngủ thiếp đi.

3. ĐOẠN TRÍCH:

	* Vị trí: - Đoạn trích nằm ở cuối tác phẩm, kể về việc ông lão Xan-ti-a-gô đuổi theo và bắt được con cá kiếm. * Bố cục: Phần 1: Từ khởi đầu cho đến khi "mặt trời mọc": Mô tả cảnh ông lão trở về bến sau 84 ngày trên biển. Phần 2: Tiếp theo đến khi "đã ngủ thiếp đi": Trình bày cuộc trò chuyện giữa ông lão và Ma-nô-lin. Phần 3: Phần còn lại: Phản ứng của mọi người khi nhìn thấy bộ xương cá kiếm. * Nhan đề “Trở về” gợi suy nghĩ và liên tưởng: Cuộc đời mỗi người là một hành trình dài với những thăng trầm và thất bại. Sau mỗi lần vấp ngã, con người lại đứng dậy và tiếp tục bước đi. Nhan đề "Trở về" thể hiện niềm tin vào cuộc sống và con người.

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu :

- Giúp HS tìm hiểu phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của văn bản; phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ văn bản *Trở về* (Trích *Ông già và biển cả* Ô-nít Hê-minh-uê)

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN			SẢN PHẨM
Thao tác 2: Hướng dẫn HS khám phá văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 04 nhóm nhỏ (mỗi nhóm là một tổ): Hoạt động nhóm: Thời gian 05 phút - Nhóm 1: – Hoàn thành PHT số 01			II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Bối cảnh câu chuyện - Không gian: tối tăm, tịch mịch; lạnh lẽo bởi gió và sóng biển; xung quanh vắng tanh, tẻ nhạt. - Thời gian: vào đêm khuya, giao thoa giữa ngày và đêm. - Tư thế nằm ngủ của nhân vật - một tư thế gợi liên tưởng đến hình ảnh Chúa Giê - su (Jesus) trên cây thập giá. Đó là ẩn dụ cho biểu tượng của sự hy sinh, của niềm tin và hy vọng; của sự bình yên. 2. Hình tượng nhân vật Xan-ti-a-gô và Ma-nô-lin
PHIẾU HỌC TẬP 01 Không gian và thời gian ông lão trở về bến cảng; Tư thế nằm ngủ của nhân vật			* Cuộc đối thoại giữa Xan-ti-a-gô và Ma-nô-lin
Thời gian	Không gian	Tư thế nằm ngủ của nhân vật	Nội dung Xoay quanh sự quan tâm, yêu thương của ông lão già dành cho một đứa trẻ hiểu chuyện. Đồng thời cũng có những lời khuyên và động viên, khích lệ của Ma-nô-lin dành cho ông lão.
			Hình thức Đối thoại trực tiếp. Ngôn ngữ đơn giản, mộc mạc nên tạo cảm giác gần gũi, gần bó
- Nhận xét về bối cảnh:			Mối quan hệ của 2 nhân vật Thể hiện sự gắn bó, lòng tin, và sự ngưỡng mộ giữa hai nhân vật. Họ đại diện cho hai thế hệ và chia sẻ những bài học quý giá về cuộc sống và nghề đánh cá.
- Nhóm 2:– Hoàn thành PHT số 02			* Diễn biến tâm lí của nhân vật Xan-ti-a-gô. - Ban đầu: Mệt mỏi, kiệt sức, thất vọng. - Khi gặp Ma-nô-lin: Vui mừng, ấm áp.
PHIẾU HỌC TẬP 02 Cuộc đối thoại giữa Xan- ti -a- go và Ma-nô-lin			
Nội dung	Hình thức		

			- Nhớ lại chiến công: Tự hào, kiêu hãnh. - Cuối cùng: Buồn ngủ, bình yên.	
- Mỗi quan hệ giữa hai nhân vật - Diễn biến tâm lí của Xan- ti -a- go			* Hành động “khóc” của Ma-nô-lin + Lần 1: Vui mừng vì ông lão đã trở về an toàn + Lần 2: Tự hào về ông lão.	
- Nhóm 3:— Hoàn thành PHT số 03			3, Thái độ của mọi người trước bộ xương của con cá kiểem	
PHIẾU HỌC TẬP 03 Thái độ của mọi người trước bộ xương			Thái độ của mọi người trước bộ xương của con cá kiểem	
Ma-nô-lin	Nhóm ngư dân	Chủ khách sạn và hai du khách	Ma-nô-lin	Thán phục và hiểu biết => cậu bé thán phục trước sự to lớn của bộ xương => nhận thức được sự to lớn của thiên nhiên.
.....			Nhóm ngư dân	Lời nói và hành động: + “Chưa bao giờ thấy con cá lớn như vậy”... + “Đáng tiếc cho con cá”... + “Ông lão đã làm rất tốt”, “Chúc ông may mắn trong những chuyến tiếp theo”... => Những lời nói và hành động vừa mang theo sự ngạc nhiên, thán phục vừa tiếc nuối và đồng cảm; đồng thời còn có sự khích lệ, động viên.
- Ngôn ngữ kể chuyện, ngôn ngữ đối thoại			Chủ khách sạn	thờ ơ và thực dụng => ông ta hoàn toàn thờ ơ trước con cá to lớn mà chỉ chăm chăm vào xem kiếm được bao nhiêu lợi nhuận mà thôi.
- Nhóm 4: – Hoàn thành PHT số 04			Hai người khách du lịch	họ hiếu kỳ trước bộ xương to lớn nhưng cũng hoài nghi về việc ông lão có phải là người đã bắt được con cá hay không.
PHIẾU HỌC TẬP 04 Đặc sắc nghệ thuật			4. Đặc sắc nghệ thuật	
- Ngôn ngữ kể chuyện			- Ngôn ngữ kể chuyện: giản dị, mộc mạc với người nghe; khắc họa sinh động những sự kiện và đồng thời cũng tạo được nhịp điệu cho câu chuyện.	
- Những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng.....			- Ngôn ngữ đối thoại: tự nhiên và bày tỏ cảm xúc chân thực.	
- Liên hệ với “nguyên lí tảng băng trôi”			- Xây dựng những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng: Hình ảnh con cá kiểem; Hình ảnh bộ xương cá kiểem; Hình ảnh cánh buồm rách tả tơi; Hình ảnh ông lão mơ về con sư tử.	
- Chuyến đi của Xan-ti -a- go là thành công hay thất bại.....			=> Hình ảnh trong đoạn kết của "Trở về" đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện chủ đề và ý nghĩa của tác phẩm. Những hình ảnh này được sử dụng tinh tế, giàu sức gợi cảm, tạo nên ấn tượng sâu sắc cho người đọc.	
- Nhân vật Xan- ti -a- go biểu tượng cho điều gì.....			- Tác phẩm tiêu biểu cho nguyên lý “tảng băng trôi” + Dựa vào hiện tượng tự nhiên: nêu tảng băng có mười phần thì trên mặt nước chỉ có ba phần nổi, và có bảy phần chìm dưới mặt nước. + Nhà văn phải hiểu biết cặn kẽ về điều muốn viết, sau đó lược bỏ những chi tiết không cần thiết, giữ lại những	
Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ và thảo luận nhóm nội dung các PHT số 01,02,03,04 theo phân công. - GV quan sát, hỗ trợ góp ý.				
Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV tổ chức báo cáo sản phẩm - Đại diện các nhóm thuyết trình sản phẩm. Các nhóm còn lại bổ sung, phản biện. - GV quan sát, khích lệ HS				
Bước 4: Đánh giá, kết luận				

- Sau một nhóm thuyết trình sản phẩm, GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm.	phần cốt lõi, sắp xếp lại để người đọc vẫn có thể hiểu được những gì tác giả đã lược bỏ. + Người đọc phải đồng sáng tạo mới có thể hiểu được “bảy phần chìm”, những hình tượng, những hình ảnh,... giàu tính tượng trưng đa nghĩa. + Liên hệ với “nguyên lí tảng băng trôi”: Ngôn ngữ kể chuyện và đối thoại trong đoạn trích sử dụng phong cách cô đọng, hàm ý, mở ra nhiều tầng nghĩa cho người đọc. Cách sử dụng ngôn ngữ này không chỉ tạo chiều sâu cho tác phẩm mà còn khiến người đọc suy ngẫm về nhiều khía cạnh của cuộc sống. Đồng thời, nó thể hiện rõ quan điểm nghệ thuật của Hemingway với "nguyên lý tảng băng trôi", khi chỉ miêu tả những chi tiết bề nổi, để lại nội dung sâu xa cho người đọc tự khám phá.

2.3. Hướng dẫn Tổng kết

a. Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Thao tác 3: Hướng dẫn HS tổng kết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập HS trao đổi theo cặp trong bàn: <i>? Rút ra những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động thảo luận theo cặp. GV quan sát, khích lệ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	III. Tổng kết: a. Giá trị nội dung: Hình ảnh ông lão đánh cá đơn độc, dũng cảm săn đuổi con cá lớn nhất đời là một biểu tượng về vẻ đẹp của ước mơ và hành trình gian khổ để biến ước mơ thành hiện thực. Sự chuyển hóa bức tranh với những nét trần trụi, chân thực, giản dị sang một lớp nghĩa hàm ẩn chính là sự thể hiện nguyên lý “tảng băng trôi”. Nhân vật Xan-ti-a-gô là một biểu tượng của sức mạnh kiên trì, dám đứng lên để chiến thắng chính bản thân mình. b. Giá trị nghệ thuật - Cách viết dung dị, lời văn có nhiều “khoảng trống” - Hình tượng được lựa chọn kĩ lưỡng, mang tính biểu tượng và đa nghĩa. - Nghệ thuật độc thoại và độc thoại nội tâm. Cách đọc hiểu tiểu thuyết hiện đại: Nhận biết: - Nhận biết được nhân vật người kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn trong tiểu thuyết - Nhận biết được một số yếu tố của tiểu thuyết diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật. - Nhận biết được đề tài, đặc điểm ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật của truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại - Nhận biết được các dấu hiệu hiện đại hoặc hậu hiện đại trong tiểu thuyết Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Phân tích được những đặc điểm của nhân vật tiểu thuyết hiện đại / hậu hiện đại. - Lí giải vai trò, ý nghĩa của nhân vật với chủ đề, tư tưởng của tác phẩm. - Lí giải được ý nghĩa, tác dụng của những chi tiết quan trọng trong tác phẩm; phân tích được tác dụng

	của những yếu tố hậu hiện đại (nếu có) trong tác phẩm. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản; phân tích được sự phù hợp giữa người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản. - Phát hiện và lí giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ tác phẩm. - Phân tích được quan điểm của người viết về lịch sử, văn hoá, được thể hiện trong văn bản. - Hiểu và lí giải được một số đặc điểm cơ bản của phong cách văn học (nếu có) thể hiện trong tác phẩm. Vận dụng: - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản tiểu thuyết (hiện đại / hậu hiện đại), thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm. - Đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của tác phẩm. Vận dụng cao: - Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. - Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong tác phẩm. - Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: cảm nhận về những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

Hãy chọn 1 trong những hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng sau và viết cảm nhận của em về hình ảnh đó bằng đoạn văn 8-10 dòng: *Hình ảnh con cá kiếm; Hình ảnh bộ xương cá kiếm; Hình ảnh cánh buồm rách tả tơi; Hình ảnh ông lão mơ về con sư tử.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS viết nhanh tại lớp trong thời gian 10 phút.

- GV cung cấp bảng kiểm cho HS.

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 8 – 10 dòng.		
2	Đoạn văn đúng chủ đề.		
3	Có câu chủ đề.		
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số HS trình bày đoạn văn của mình.

- Các HS khác lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

GV nhận xét đoạn văn của HS, chuẩn hoá kiến thức:

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

b. Nội dung: HS làm bài tập sáng tạo.

c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS.

d. Tổ chức hoạt động

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

Yêu cầu: Trong tiểu thuyết *Ông già và biển cả*, khi miêu tả nhân vật Xan-ti-a-gô một mình giữa biển khơi, Hê-minh-uê đã viết: “*Ông lão biết rằng không ai phải cô đơn nơi biển cả*”. anh/chị hãy chia sẻ cảm nhận của mình về hành trình kiên cường, bất khuất, luôn chiến đấu với thử thách để khẳng định bản thân của người trẻ trong thời đại ngày nay

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tìm hiểu, bày tỏ quan điểm và sẵn sàng chia sẻ

- GV khích lệ, giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Chia sẻ với các bạn trong lớp

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Suu tầm thêm các tác phẩm của *Ơ-nít Hê-minh-uê* đọc hiểu theo đặc trưng thể loại.

- **Chuẩn bị bài:** Hướng dẫn HS chuẩn bị bài Đọc hiểu văn bản 3: *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGV Ngữ văn 12 tập 2 KNTT

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

Tiết 99, 100 - Đọc hiểu

VĂN BẢN 3: *HỒN TRƯƠNG BA, DA HÀNG THỊT*
(Lưu Quang Vũ)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

*Năng lực đặc thù:

- Nắm được những nét chung về tác giả *Lưu Quang Vũ* và tác phẩm *Hồn Trương Ba, da hàng thịt*

- Hiểu được bi kịch của con người khi bị áp đặt vào nghịch cảnh : phải sống nhờ, sống vay mượn, sống tạm bợ và trái với tự nhiên khiến tâm hồn nhân hậu, thanh cao bị nhiễm độc và tha hóa bởi sự lấn át của thể xác thô lỗ, phàm tục.

- Biết đọc hiểu một văn bản kịch thông qua việc đọc hiểu đoạn trích kịch *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ)

2. Về phẩm chất

- HS biết trân trọng những vẻ đẹp sâu kín, vô hình của tạo vật và thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập.

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. **Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ cá nhân

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu:

HS xem video: <https://youtu.be/MvtBfBF1nmc?si=mW62WMiX3E3YqS7l>

- Chia sẻ những thông tin em nhận được từ video trên

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS xem video và chia sẻ cá nhân.

- GV quan sát, khích lệ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời cá nhân

Bước 4: Đánh giá, kết luận

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc - Tìm hiểu chung

a. **Mục tiêu:**

- Giúp HS tìm hiểu tác giả *Lưu Quang Vũ* và tác phẩm *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* và đoạn trích.

b. **Nội dung hoạt động:** Vận dụng kỹ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân liên quan đến bài học.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu Tác giả tác phẩm và đoạn trích Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS đọc, nghiên cứu SGK trang 112,112 và đọc văn bản đoạn trích (đã đọc ở nhà) kết hợp với hiểu biết của em chia sẻ về tác giả <i>Lưu Quang Vũ</i> và tác phẩm <i>Hồn Trương Ba, da hàng thịt</i> - Tác giả - Tác phẩm - Đoạn trích Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ HS chia sẻ cá nhân Bước 3: Báo cáo kết quả - HS trả lời Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức	I. TÌM HIỂU CHUNG: 1. TÁC GIẢ - Lưu Quang Vũ (1948 - 1988). - Quê gốc ở Đà Nẵng, sinh tại Phú Thọ trong một gia đình trí thức, cha là nhà viết kịch Lưu Quang Thuận. - Từ 1965 đến 1970: vào bộ đội, phục vụ trong quân chủng Phòng không - Không quân. - 1970 – 1978: xuất ngũ và làm đủ mọi nghề để mưu sinh. - Từ 1978 – 1988: là biên tập viên tạp chí Sân khấu, bắt đầu sáng tác kịch nói. - LQV có những vở kịch gây chấn động dư luận : + Lời nói dối cuối cùng, + Nàng Xi - ta, + Chết cho điều chưa có, + Nếu anh không đốt lửa, + Lời thề thứ 9, + Khoảnh khắc và vô tận,

Cuộc đời Lưu Quang Vũ có nhiều thăng trầm và biến cố, buồn nản, thất vọng, như những lời thơ mà LQV đã tâm sự:

*“Có những lúc tâm hồn tôi rách nát,
Như một tấm gương chẳng biết soi gì”*

Đó là lúc gia đình nhỏ bé của ông tan vỡ, LQV thất nghiệp, từng làm đủ mọi nghề để kiếm sống: làm hợp đồng cho NXB Giải phóng, chấm công trong một đội cầu đường, vẽ pa-nô, áp-phích...

Nhưng LQV luôn nghĩ rằng *“Làm việc, làm việc để chiến thắng thời gian và bóng tối”*. Đó là những lời cổ vũ để anh vượt lên trong những năm tháng khôn khó đó.

- Chính tình yêu của nữ thi sĩ Xuân Quỳnh, đã giúp LQV có một nguồn năng lượng mới trong sáng tác. Anh đã tâm sự rằng:

*“Biết ơn em, em từ miền gió cát
Về với anh, bông cúc nở hoa vàng”*

Đây cũng là thời điểm chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống xã hội. Ngọn gió của không khí đổi mới chuyển về tư tưởng, ý thức về dân chủ đã ulla vào trong văn học. Nó tác động đến những biến chuyển trong ý thức, tư duy của người cầm bút.

Như vậy, ngọn gió của thời đại và điểm tựa tinh thần từ tình yêu rộng lớn, sâu sắc đã thổi bùng lên nhiệt huyết sáng tạo của LQV.

+ Bệnh sĩ,
+ Tôi và chúng ta, ...

- LQV trở thành hiện tượng đặc biệt của sân khấu kịch trường, được coi là một trong những nhà soạn kịch tài năng nhất của văn học nghệ thuật Việt Nam hiện đại.

- Kịch LQV phản ánh nhiều vấn đề nóng bỏng của đời sống với nghệ thuật phong phú, đa dạng.

- Từng làm thơ, sáng tác truyện ngắn, vẽ tranh... nghệ sĩ đa tài.

Tác phẩm chính:

+ Hương cây - Bếp lửa

+ Mây trắng của đời tôi

+ Bầy ong trong đêm sâu...

- Năm 2000, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

2. Tác phẩm:

- Được viết từ năm 1981 nhưng đến năm 1984, mới ra mắt công chúng.

- Từ một cốt truyện dân gian, LQV đã xây dựng thành một vở kịch nói hiện đại, đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ, có ý nghĩa tư tưởng, triết lí và nhân văn sâu sắc.

- Gồm 7 cảnh và phân kết.

Cảnh 1: Trên thiên đình Nam Tào làm việc cầu thả, gạch nhằm tên người chết là Trương Ba.

Cảnh 2: Đế Thích kết thân với Trương Ba – một người cao cò ở hạ giới. Trương Ba đột ngột qua đời.

Cảnh 3: Nam Tào sửa sai bằng cách cho hồn Trương Ba nhập vào xác anh hàng thịt để sống lại.

Cảnh 4: Xác hàng thịt đòi về nhà Trương Ba, mọi người ngỡ ngàng song đành phải chấp nhận.

Cảnh 5: Lí trưởng sách nhiễu, Trương Ba phải ở nhà hàng thịt đến đêm mới được về nhà.

Lớp kịch	Sự kiện	Nhận xét
Lớp kịch 1	Hồn Trương Ba được sống lại ở xác Hàng Thịt	- Diễn biến bất ngờ, mở ra nút thắt cho vở kịch - Tạo sự tò mò cho người đọc
Lớp kịch 2	Hồn Trương Ba gặp lại những người thân	- Nội tâm nhân vật giằng xé => thể hiện sự bất hòa giữa hồn và xác. - Tạo mâu thuẫn cho vở kịch
Lớp kịch 3	Hồn Trương Ba gặp lại Đế Thích	- Đẩy bi kịch lên cao trào nhất. - Thể hiện tư tưởng của tác giả
Lớp kịch 4	Hồn Trương Ba về đúng nơi nên thuộc về	- Cái kết bất ngờ cho người đọc - Mở ra nhiều suy nghĩ về cuộc sống

	Cảnh 6: Bị thể xác xuôi khiến, Trương Ba định xuôi theo, ở lại với vợ hàng thịt. Cảnh 7: Trương Ba bắt đầu thay đổi tâm tính khiến mọi người trong gia đình, bạn bè xa lánh, chán ghét. Vô cùng đau khổ, Trương Ba quyết định giải thoát, chấp nhận cái chết. 3. Đoạn trích: - Thuộc cảnh 7 và đoạn kết của vở kịch (cao trào và mở nút). - Nội dung: Diễn tả sự đau khổ, dằn vặt và quyết định cuối cùng đầy cao thượng của hồn Trương Ba. - Tóm tắt những sự kiện chính trong từng lớp kịch. Nhận xét về diễn biến của các sự kiện.

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu :

- Giúp HS tìm hiểu phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng và cảm hứng chủ đạo của văn bản; phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm; phát hiện được giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh từ văn *Hồn Trương Ba, da hàng thịt* (Lưu Quang Vũ)

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc nhóm, thảo luận cặp đôi,.. theo phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân, PHT.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN			SẢN PHẨM																										
Thao tác 2: Hướng dẫn HS khám phá văn bản Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu về xung đột kịch, nhân vật Hồn Trương Ba và nhân vật Xác Hàng Thịt Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 04 nhóm nhỏ (mỗi nhóm là một tổ): Hoạt động nhóm: Thời gian 07 phút - 4 nhóm cùng hoàn thành : – Hoàn thành PHT SỐ 1			II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Xung đột chính trong đoạn trích. - Xung đột chính: Sự giằng xé giữa tâm hồn và thể xác - Bi kịch của con người được Lưu Quang Vũ gửi gắm: bị kịch của con người khi đánh mất giá trị của bản thân. 2. Hình tượng nhân vật Trương Ba và Xác Hàng Thịt qua cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác Sản phẩm PHT số 1																										
<table><tr><td> Nhân vật Tiêu chí </td><td> Hồn Trương Ba </td><td> Xác Hàng Thịt </td></tr><tr><td>Hành động</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Quan điểm về thể xác</td><td></td><td></td></tr><tr><td colspan="3">Nhận xét quan điểm về thể xác:</td></tr><tr><td>Tính cách</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Cách lập luận</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Giọng điệu</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Quyết định của nhân vật Trương Ba</td><td colspan="2"></td></tr><tr><td>Thông điệp và ý nghĩa triết lí của lớp kịch</td><td colspan="2"></td></tr></table>	Nhân vật Tiêu chí	Hồn Trương Ba	Xác Hàng Thịt	Hành động			Quan điểm về thể xác			Nhận xét quan điểm về thể xác:			Tính cách			Cách lập luận			Giọng điệu			Quyết định của nhân vật Trương Ba			Thông điệp và ý nghĩa triết lí của lớp kịch				
Nhân vật Tiêu chí	Hồn Trương Ba	Xác Hàng Thịt																											
Hành động																													
Quan điểm về thể xác																													
Nhận xét quan điểm về thể xác:																													
Tính cách																													
Cách lập luận																													
Giọng điệu																													
Quyết định của nhân vật Trương Ba																													
Thông điệp và ý nghĩa triết lí của lớp kịch																													
Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm HS suy nghĩ và thảo luận nhóm hoàn thành PHT số 01 - GV quan sát, hỗ trợ góp ý. Bước 3: Báo cáo, thảo luận																													

GV tổ chức báo cáo sản phẩm - Đại diện các nhóm thuyết trình sản phẩm. Các nhóm còn lại bổ sung, phản biện. - GV quan sát, khích lệ HS Bước 4: Đánh giá, kết luận - Sau một nhóm thuyết trình sản phẩm, GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm. Chuẩn kiến thức		
SẢN PHẨM PHT SỐ 1		
Nhân vật Tiêu chí	Hồn Trương Ba	Xác Hàng Thịt
Hành động	Khi run rẩy, lúng túng lúc mới nhập vào xác anh hàng thịt. - Khi vui vẻ, hồn hờ trò chuyện cùng vợ con, bạn bè. - Khi tức giận, đập bàn đập ghế trước những mâu thuẫn và xung đột nội tâm. - Khi suy tư, trầm ngâm suy ngẫm về cuộc sống và con người.	- Lúc thô lỗ, hung hăng khi đối xử với mọi người xung quanh. - Lúc vui vẻ, hồn nhiên khi được trò chuyện với hồn Trương Ba và học được những điều mới mẻ. - Lúc hối hận, ăn năn khi nhận ra những sai lầm của bản thân và cố gắng sửa chữa.
Quan điểm về thể xác	Thể xác không có tiếng nói, không có ý nghĩa gì hết.	Thể xác có sức mạnh ghê gớm, làm khi lẫn át cả linh hồn.
Nhận xét quan điểm về thể xác + Cả hai quan điểm đều có phần đúng. + Thể xác và linh hồn là hai phần không thể tách rời, hòa quyện với nhau. + Để có một cuộc sống trọn vẹn, cần phải duy trì sự cân bằng, hài hòa giữa hai yếu tố này.		
Tính cách	+ Trong những khoảnh khắc bi thương, đau đớn khi nhận ra sự thật của cái chết và sự chuyển nhập vào một xác thể mới. + Trong niềm vui, hạnh phúc khi được trở lại sống và được gặp lại gia đình, bạn bè. + Khi tức giận, phẫn nộ trước những xung đột, mâu thuẫn nội tâm. + Trong cảm giác chua xót, hối hận khi nhận ra những sai lầm đã từng mắc phải trong quá khứ.	+ Ban đầu thô lỗ, cục cằn khi tiếp xúc với hồn Trương Ba. + Dần trở nên vui vẻ, hồn nhiên khi thích nghi và học được cách sống tích cực từ hồn Trương Ba. + Khi hối hận, ăn năn khi nhận ra những sai lầm đã mắc phải trong quá khứ.
Cách lập luận	+ Sử dụng lý lẽ nhẹ nhàng, thuyết phục để giải thích với vợ con về tình hình hiện tại. + Dùng lý lẽ sắc bén, đầy quyết đoán để chỉ ra những thiên hướng xấu của bản thân và của những người xung quanh. + Sử dụng lý lẽ sâu sắc, triết lý để suy ngẫm về ý nghĩa của cuộc sống, về giá trị của tình thương và lòng nhân ái.	+ Dùng lý lẽ giản dị, mộc mạc để thể hiện quan điểm sống của mình. + Sử dụng lý lẽ thực tế, gần gũi với cuộc sống để bác bỏ những quan điểm sai lầm của hồn Trương Ba. + Sử dụng lý lẽ chân thành, đầy cảm xúc để thể hiện lòng hối hận và mong muốn sửa chữa sai lầm.
Giọng điệu	- Khi đau buồn và tuyệt vọng nhận ra mình đã chết và phải sống trong thân xác của người khác. - Khi hân hoan và hạnh phúc được sống lại và gặp gỡ vợ con, bạn bè.	- Ban đầu, thô lỗ và cục cằn khi mới gặp hồn Trương Ba. - Dần dần trở nên vui vẻ và hồn nhiên khi quen với hồn Trương Ba và học được cách sống tốt đẹp hơn.

	- Khi phần nộ và tức giận đối diện với những mâu thuẫn và xung đột nội tâm. - Khi cảm thấy chua xót và hối hận về những sai lầm đã phạm phải trong quá khứ. Tóm lại: Giọng điệu đau khổ, bối rối; cử chỉ điệu bộ đầy lúng túng; lời thoại thì ngắn, thái độ thì tự ti, đau khổ và khao khát muốn thoát khỏi cuộc sống như hiện tại.	- Khi hối hận và ăn năn nhận ra những sai lầm của bản thân trong quá khứ. Tóm lại: Giọng đặc thảng, đầy tự tin; thể hiện sức mạnh ghê gớm của mình và còn tỏ ra ghen với chính bản thân mình.
Quyết định của nhân vật Trương Ba	Trong cuộc đối thoại này, Hồn Trương Ba chiến đấu với những ham muốn bản năng của thân xác hàng thịt. Sau một thời gian, hồn Trương Ba cũng bị dần hòa nhập vào thể giới vật chất, làm cho gia đình anh trở nên rạn nứt và đau buồn. Trương Ba quyết định thấp nhang và kêu gọi Đế Thích để quyết định rời bỏ thân xác của mình.	
Thông điệp và ý nghĩa triết lí của lớp kịch	- Thông điệp: Lớp kịch “Cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác” cho biết sự giằng xé luôn tồn tại trong mỗi con người, nó như là mặt thiện và mặt ác của mỗi người đòi hỏi cần phải có bản lĩnh để đè nén lại mặt ác bên trong. - Ý nghĩa triết lí: Triết lí này như một tấm gương muốn mỗi người chúng ta tự soi lại, để hiểu rõ bản chất của chính mình để từ đó có cách sống, lối suy nghĩ đúng đắn.	

Thao tác 3: Tìm hiểu về thái độ của những người xung quanh trước sự thay đổi của nhân vật Hồn Trương Ba Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 04 nhóm nhỏ (mỗi nhóm là một tổ): Hoạt động nhóm: Thời gian 05 phút - 4 nhóm cùng hoàn thành : – Hoàn thành PHT số 02 <table><tr><th colspan="3">PHT SỐ 2</th></tr><tr><th>Đối tượng</th><th>Thái độ</th><th>Tâm trạng</th></tr><tr><td>Vợ Trương Ba</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Cái Gái</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Người con dâu</td><td></td><td></td></tr><tr><td>Lí lẽ của Trương Ba và Đế Thích</td><td colspan="2"></td></tr><tr><td>Nhận xét về kết thúc của vở kịch</td><td colspan="2"></td></tr></table> Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ - Các nhóm HS suy nghĩ và thảo luận nhóm hoàn thành PHT số 02 - GV quan sát, hỗ trợ góp ý. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV tổ chức báo cáo sản phẩm - Đại diện các nhóm thuyết trình sản phẩm. Các nhóm còn lại bổ sung, phản biện. - GV quan sát, khích lệ HS Bước 4: Đánh giá, kết luận - Sau một nhóm thuyết trình sản phẩm, GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm. Chuẩn kiến thức	PHT SỐ 2			Đối tượng	Thái độ	Tâm trạng	Vợ Trương Ba			Cái Gái			Người con dâu			Lí lẽ của Trương Ba và Đế Thích			Nhận xét về kết thúc của vở kịch			3. Thái độ, tâm trạng của người thân trong gia đình (các nhân vật vợ Trương Ba, cái Gái, người con dâu.) và Đế Thích trước sự thay đổi của Trương Ba Sản phẩm PHT số 2
PHT SỐ 2																						
Đối tượng	Thái độ	Tâm trạng																				
Vợ Trương Ba																						
Cái Gái																						
Người con dâu																						
Lí lẽ của Trương Ba và Đế Thích																						
Nhận xét về kết thúc của vở kịch																						

PHT SỐ 2		
Đối tượng	Thái độ	Tâm trạng
Vợ Trương Ba	+ Ban đầu: Bàng hoàng, đau khổ khi biết chồng đã chết. + Sau đó: Lo lắng, nghi ngờ khi hồn Trương Ba nhập vào xác anh hàng thịt. + Dần dần: Thấu hiểu, thương cảm cho hoàn cảnh của chồng. + Cuối cùng: Quyết định tha thứ cho chồng và cùng nhau vun vén hạnh phúc gia đình.	+ Buồn bã, đau đớn: Khi biết chồng đã chết và phải chịu cảnh sinh ly tử biệt. + Lo lắng, hoang mang: Khi hồn Trương Ba nhập vào xác anh hàng thịt và có những hành động kỳ lạ. + Thương cảm, xót xa: Khi nhận ra những mâu thuẫn, xung đột nội tâm của chồng. + Hạnh phúc, hy vọng: Khi vợ chồng được đoàn tụ và cùng nhau hướng đến tương lai tốt đẹp hơn.
Cái Gái	+ Ban đầu: Tò mò, thích thú khi gặp gỡ hồn Trương Ba trong xác anh hàng thịt. + Sau đó: Dần dần nảy sinh tình cảm với hồn Trương Ba. + Cuối cùng: Quyết định hy sinh tình cảm của mình để vun vén hạnh phúc gia đình cho Trương Ba.	+ Vui vẻ, hồn nhiên: Khi gặp gỡ hồn Trương Ba và trò chuyện cùng anh. + Bối rối, lo lắng: Khi nhận ra mình đã nảy sinh tình cảm với hồn Trương Ba. + Buồn bã, đau khổ: Khi quyết định hy sinh tình cảm của mình để vun vén hạnh phúc gia đình cho Trương Ba. + Hy vọng, tin tưởng: Vào tương lai tươi sáng của Trương Ba và vợ con.
Người con dâu	+ Hiếu thảo, kính trọng: Với cha chồng và mẹ chồng. + Thấu hiểu, thông cảm: Cho hoàn cảnh của cha chồng. + Chủ động, quyết đoán: Khi giải quyết những mâu thuẫn trong gia đình.	+ Lo lắng, buồn bã: Khi biết cha chồng đã chết và gia đình gặp nhiều khó khăn. + Thương cảm, xót xa: Khi nhận ra những mâu thuẫn, xung đột nội tâm của cha chồng. + Quyết tâm: Giữ gìn hạnh phúc gia đình và giúp đỡ cha mẹ vượt qua khó khăn.
Lí lẽ, lập luận của Trương Ba và Đế Thích	* Lí lẽ: Với Hồn Trương Ba thì sống là được hòa hợp giữa thể xác và tâm hồn; còn với Đế Thích, chỉ cần đang tồn tại là đang sống. * Lập luận: Quan điểm về ý nghĩa của cuộc sống, cách nhìn nhận của cuộc sống đã tạo nên sự mâu thuẫn rất tự nhiên và cũng rất kịch tính cho tác phẩm.	
Phân tích về kết thúc của vở kịch	- Đây là kết thúc mở, khiến cho người đọc không có lời giải rõ ràng về ý nghĩa nhưng lại mở ra nhiều ý nghĩa cho cuộc sống. - Theo tôi đó là một kết thúc bi kịch. Vì cuối cùng Trương Ba vẫn không thể sống đúng với bản thân, giá trị tinh thần bị tha hóa bởi thể xác.	

2.3. Hướng dẫn Tổng kết

a. Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập HS trao đổi theo cặp trong bàn: <i>? Rút ra những nét đặc sắc về nội dung, thông điệp và nghệ thuật của văn bản.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động thảo luận theo cặp. GV quan sát, khích lệ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn	III. Tổng kết: a. Giá trị nội dung: - Thông điệp: - Được sống làm người quý giá thật, nhưng được sống đúng là mình, sống trọn vẹn với những giá trị mình vốn có và theo đuổi còn quý giá hơn. - Sự sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người được sống tự nhiên với sự hài hoà giữa thể xác và tâm hồn, giữa hình thức bên ngoài và phẩm chất bên trong. - Con người phải luôn luôn biết đấu tranh với nghịch cảnh, với chính bản thân, chống lại sự dung tục, chống

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.

Không chỉ có ý nghĩa triết lí về nhân sinh, về hạnh phúc con người, trong vở kịch nói chung và đoạn kết nói riêng, Lưu Quang Vũ muốn góp phần phê phán một số biểu hiện tiêu cực trong lối sống lúc bấy giờ:

Thứ nhất, con người đang có nguy cơ chạy theo những ham muốn tầm thường về vật chất, chỉ thích hưởng thụ đến nỗi trở nên phàm phu, thô thiển.

Thứ hai, lấy cơ tâm hồn là quý, đời sống tinh thần là đáng trọng mà chẳng chăm lo thích đáng đến sinh hoạt vật chất, không phấn đấu vì hạnh phúc toàn vẹn.

Cả hai quan niệm, cách sống trên đều cực đoan, đáng phê phán.

Ngoài ra, vở kịch còn đề cập đến một vấn đề cũng không kém phần bức xúc, đó là tình trạng con người phải sống giả, không dám và cũng không được sống là bản thân mình. Đây là nguy cơ đẩy con người đến chỗ bị tha hóa do danh và lợi.

→ Với tất cả những ý nghĩa đó, đoạn trích rất tiêu biểu cho phong cách viết kịch của Lưu Quang Vũ.

lại cách sống trái với lương tâm để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị tinh thần cao quý.

2. Nghệ thuật:

- Những đoạn đối thoại được xây dựng giàu kịch tính, đậm chất triết lí, tạo chiều sâu cho vở kịch.

- Hành động của nhân vật phù hợp với hoàn cảnh, tính cách, góp phần phát triển tình huống truyện.

- Những đoạn độc thoại nội tâm góp phần thể hiện rõ tính cách nhân vật và quan niệm về lẽ sống đúng đắn.

3. Cách đọc hiểu thể loại văn bản bi kịch:**Nhận biết:**

- Nhận biết được đề tài, cốt truyện, nhân vật, hệ thống nhân vật trong bi kịch.

- Nhận biết được mâu thuẫn, xung đột kịch trong bi kịch.

- Nhận biết lời thoại, lời chỉ dẫn sân khấu và hành động của nhân vật bi kịch.

- Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong bi kịch.

Thông hiểu:

- Phân tích được ý nghĩa, tác dụng của các yếu tố như cốt truyện, xung đột (xung đột bên trong và xung đột bên ngoài), ngôn ngữ, hành động kịch và mối quan hệ giữa các yếu tố này trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Phân tích, đánh giá được đặc điểm, ý nghĩa của nhân vật bi kịch; phân tích, đánh giá được mối quan hệ giữa các nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nêu và lí giải được chủ đề; yếu tố “bi”, hiệu ứng thanh lọc của bi kịch.

- Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả trong văn bản; phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của vở kịch.

Vận dụng:

- Nêu được tác động của hiệu ứng thanh lọc trong bi kịch với bản thân.

- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong vở kịch.

Vận dụng cao:

- Đánh giá được tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của bản thân về văn học, cuộc sống.

- Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.

- So sánh được hai văn bản văn học kịch có cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn người lao động.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn 8-10 câu cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật Trương Ba.

Gợi ý:

Vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật Trương Ba: Trương Ba đại diện cho những người lao động trong cuộc đấu tranh chống lại sự dung tục, bảo vệ quyền được sống trọn vẹn, hài hòa giữa thể xác và tâm hồn, vật chất và tinh thần cùng khát vọng hoàn thiện nhân cách.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS viết nhanh tại lớp trong thời gian 10 phút.
- GV cung cấp bảng kiểm cho HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số HS trình bày đoạn văn của mình.
- Các HS khác lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

GV nhận xét đoạn văn của HS, chuẩn hoá kiến thức:

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.
- b. Nội dung: HS làm bài tập sáng tạo.
- c. Sản phẩm: Chia sẻ của HS.
- d. Tổ chức hoạt động

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

Yêu cầu: chia sẻ những hiểu biết của em về bi kịch của con người khi bị áp đặt vào nghịch cảnh : phải sống nhờ, sống vay mượn, sống tạm bợ và trái với tự nhiên khiến tâm hồn nhân hậu, thanh cao bị nhiễm độc và tha hóa bởi sự lấn át của thể xác thô lỗ, phàm tục của người trẻ trong thời đại ngày nay

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tìm hiểu, bày tỏ quan điểm và sẵn sàng chia sẻ
- GV khích lệ, giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Chia sẻ với các bạn trong lớp

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét đánh giá.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Sưu tầm thêm các tác phẩm của Lưu Quang Vũ đọc hiểu theo đặc trưng thể loại.

Tiết: 101 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

- 1. **Năng lực:** Phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực sử dụng, phát triển tiếng Việt
- 2. **Phẩm chất:** Bồi dưỡng cho HS ý thức học tập, yêu thích vẻ đẹp của ngôn ngữ tiếng Việt; có ý thức giữ gìn và phát triển tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- 1. **Thiết bị:** Máy chiếu (hoặc ti vi), máy tính, Giấy A0, A4, bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- 2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, sơ đồ, bảng biểu, rubric đánh giá.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. **Mục tiêu:** Tái hiện kiến thức đã học, tạo tiền đề, kết nối cho phần bài tiếp theo.
- b. **Nội dung hoạt động:** Xem video, trả lời câu hỏi
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu vấn đề: Xem đoạn video sau: https://youtu.be/-bq7GW70M2k Và cho biết nội dung, mục đích của video trên là gì? Bước 2+3: Thực hiện nhiệm vụ, trả lời - HS theo dõi, trả lời câu hỏi - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đưa ra câu trả lời: Video đã đề cập đến quá trình nỗ lực giữ gìn và phát triển sự trong sáng tiếng Việt của Bác Hồ.	Câu trả lời của HS

- GV dẫn và bài: Hôm nay, cô trò chúng ta sẽ tiếp tục sứ mệnh “Giữ gìn và phát triển tiếng Việt” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã “bàn giao” lại cho các thế hệ người Việt Nam.	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

- a. **Mục tiêu:** HS nhận biết được đặc điểm, lí do của việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt
- b. **Nội dung hoạt động:** Thực hiện các bài tập theo nhóm
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng.
- d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM																								
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức cho HS nghiên cứu SGK trang 114, 115 Phần: Nhận biết một số vấn đề về giữ gìn và phát triển tiếng Việt và hoàn thành PHT sau: <table> <tr> <th colspan="2">Nhận biết một số vấn đề về giữ gìn và phát triển tiếng Việt</th></tr> <tr> <th>Tiêu chí</th><th>Biểu hiện</th></tr> <tr> <td>Quy ước trong ngôn ngữ Tiếng việt</td><td></td></tr> <tr> <td>Sử dụng Tiếng Việt phù hợp với ngữ cảnh</td><td></td></tr> <tr> <td>Sự phát triển ngôn ngữ</td><td></td></tr> <tr> <td>Sáng tạo ngôn ngữ</td><td></td></tr> </table> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Các đội thực hiện nhiệm vụ. GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Đội chiến thắng chữa bài trong từng phiếu học tập. Các đội khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét các đội, chốt kiến thức về Sự giữ gìn và phát triển của tiếng Việt. - Khi nói hoặc viết cần đúng chuẩn mực, quy tắc tiếng Việt + Chuẩn mực: không phủ nhận sự chuyển đổi linh hoạt, tiếp thu cái mới, sáng tạo - Sự trong sáng không dung nạp tạp chất. Sự trong sáng của tiếng Việt không cho phép pha tạp, lai căng, không sử dụng tùy tiện yếu tố ngôn ngữ khác - Sự trong sáng biểu hiện ở tính văn hóa, lịch sử của lời nói	Nhận biết một số vấn đề về giữ gìn và phát triển tiếng Việt		Tiêu chí	Biểu hiện	Quy ước trong ngôn ngữ Tiếng việt		Sử dụng Tiếng Việt phù hợp với ngữ cảnh		Sự phát triển ngôn ngữ		Sáng tạo ngôn ngữ		I. Nhận biết một số vấn đề về giữ gìn và phát triển tiếng Việt <table> <tr> <th colspan="2">Nhận biết một số vấn đề về giữ gìn và phát triển tiếng Việt</th></tr> <tr> <th>Tiêu chí</th><th>Biểu hiện</th></tr> <tr> <td>Quy ước trong ngôn ngữ Tiếng việt</td><td>Thể hiện ở hệ thống các chuẩn mực và những quy tắc, phương thức chung về phát âm, chữ viết, dùng từ, đặt câu...vì vậy phải luôn luôn tuân thủ các chuẩn mực và quy tắc đó → Những sự chuyển đổi, sáng tạo vẫn đảm bảo sự trong sáng khi tuân thủ theo những quy tắc chung của tiếng Việt.</td></tr> <tr> <td>Sử dụng Tiếng Việt phù hợp với ngữ cảnh</td><td>Sự trong sáng của tiếng Việt được thể hiện ở tính văn hoá, lịch sử của lời nói.</td></tr> <tr> <td>Sự phát triển ngôn ngữ</td><td>+ Cấu tạo những từ ngữ mới trên cơ sở những yếu tố có sẵn VD: trí tuệ nhân tạo (từ sẵn Trí tuệ; nhân tạo) + Vay mượn từ ngữ từ các ngôn ngữ khác VD vắc xin ; vi rút...</td></tr> <tr> <td>Sáng tạo ngôn ngữ</td><td>Thông qua các hoạt động sáng tạo ngôn ngữ của các nhà văn, nhà thơ</td></tr> </table>	Nhận biết một số vấn đề về giữ gìn và phát triển tiếng Việt		Tiêu chí	Biểu hiện	Quy ước trong ngôn ngữ Tiếng việt	Thể hiện ở hệ thống các chuẩn mực và những quy tắc, phương thức chung về phát âm, chữ viết, dùng từ, đặt câu...vì vậy phải luôn luôn tuân thủ các chuẩn mực và quy tắc đó → Những sự chuyển đổi, sáng tạo vẫn đảm bảo sự trong sáng khi tuân thủ theo những quy tắc chung của tiếng Việt.	Sử dụng Tiếng Việt phù hợp với ngữ cảnh	Sự trong sáng của tiếng Việt được thể hiện ở tính văn hoá, lịch sử của lời nói.	Sự phát triển ngôn ngữ	+ Cấu tạo những từ ngữ mới trên cơ sở những yếu tố có sẵn VD: trí tuệ nhân tạo (từ sẵn Trí tuệ; nhân tạo) + Vay mượn từ ngữ từ các ngôn ngữ khác VD vắc xin ; vi rút...	Sáng tạo ngôn ngữ	Thông qua các hoạt động sáng tạo ngôn ngữ của các nhà văn, nhà thơ
Nhận biết một số vấn đề về giữ gìn và phát triển tiếng Việt																									
Tiêu chí	Biểu hiện																								
Quy ước trong ngôn ngữ Tiếng việt																									
Sử dụng Tiếng Việt phù hợp với ngữ cảnh																									
Sự phát triển ngôn ngữ																									
Sáng tạo ngôn ngữ																									
Nhận biết một số vấn đề về giữ gìn và phát triển tiếng Việt																									
Tiêu chí	Biểu hiện																								
Quy ước trong ngôn ngữ Tiếng việt	Thể hiện ở hệ thống các chuẩn mực và những quy tắc, phương thức chung về phát âm, chữ viết, dùng từ, đặt câu...vì vậy phải luôn luôn tuân thủ các chuẩn mực và quy tắc đó → Những sự chuyển đổi, sáng tạo vẫn đảm bảo sự trong sáng khi tuân thủ theo những quy tắc chung của tiếng Việt.																								
Sử dụng Tiếng Việt phù hợp với ngữ cảnh	Sự trong sáng của tiếng Việt được thể hiện ở tính văn hoá, lịch sử của lời nói.																								
Sự phát triển ngôn ngữ	+ Cấu tạo những từ ngữ mới trên cơ sở những yếu tố có sẵn VD: trí tuệ nhân tạo (từ sẵn Trí tuệ; nhân tạo) + Vay mượn từ ngữ từ các ngôn ngữ khác VD vắc xin ; vi rút...																								
Sáng tạo ngôn ngữ	Thông qua các hoạt động sáng tạo ngôn ngữ của các nhà văn, nhà thơ																								

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. **Mục tiêu:** Hệ thống kiến thức việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt
- b. **Nội dung hoạt động:** Làm các BT trong SGK
- c. **Sản phẩm:** BT trong SGK
- d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức hoạt động “lâu băng chuyên” - Chia lớp làm 6 nhóm, mỗi nhóm có 2 bàn. Giao nhiệm vụ cụ thể trong từng nhóm:	Bài 1: Xác định dấu hiệu cho thấy người viết không tuân thủ chuẩn tiếng Việt a. Dấu hiệu: - “rùi”: chuẩn tiếng Việt là “ròi”

Nhóm 1 : Bài tập 1, SGK tr 114 Nhóm2 : Bài tập 2, SGK tr 114 Nhóm 3 : Bài tập 3, SGK tr 114 Nhóm 4 : Bài tập 4, SGK tr 115 Nhóm 5 : Bài tập 5, SGK tr 115 Nhóm 6 : Bài tập 6, SGK tr 115 - Luật chơi: + Các nhóm làm bài trực tiếp trên phiếu A0 của nhóm sau đó di chuyển nhóm theo quy luật lần lượt chuyển qua 5 nhóm sẽ hoàn thành 6 bài tập Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc nhóm bàn GV quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV gọi nhóm nhanh nhất, đủ nhất, đúng nhất -> trình bày. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức	- “lém”: chuẩn tiếng Việt làm “lắm” b. Dấu hiệu “comment”: đây là từ tiếng Anh, không nên sử dụng trong hoàn cảnh này; nên thay vào đó là từ “bình luận”, “ghi chú”. c. Dấu hiệu: câu văn bị lủng củng, khó hiểu. Bài 2: Những từ ngữ mới thể hiện sự phát triển của tiếng Việt tương tự các từ ngữ thuộc một trong hai nhóm sau: a. Thay thế bằng những từ ngữ liên quan đến công nghệ và xã hội: - Xã hội thông tin - Trí tuệ nhân tạo (AI) - Internet - Điện toán đám mây - b. Thay thế những từ bằng tiếng anh: - Livestream - CEO, KOL - Trending - Map - Bài 3 : Mỗi từ ngữ in đậm trong những câu dưới đây có các nghĩa khác nhau. Hãy cho biết các nghĩa của mỗi từ ngữ, suy đoán xem trong những nghĩa đó, nghĩa nào có trước, nghĩa nào có sau và giải thích cơ sở của sự suy đoán. a. Từ “say”: - “Các cụ ông say thuốc” và “Các cụ bà say trà”: đây là từ chỉ trạng thái mất kiểm soát của bản thân do sử dụng đồ có chất kích thích. => Nghĩa này là nghĩa cơ sở, nghĩa có trước. - “Chỉ nhìn mà say nhau”: mê mẩn, đắm chìm vào một mối quan hệ hay một người nào đó. => Nghĩa này là nghĩa có sau. b. Từ “chữa cháy”: - “Đội cứu hoả đến chữa cháy kịp thời”: hành động dập tắt đám cháy đang xảy ra => đây là nghĩa cơ sở, nghĩa có trước. - “Đó chỉ là phương án chữa cháy”: giải quyết một vấn đề xảy ra bất ngờ => đây là nghĩa có sau. Bài 4: Phân tích cách dùng từ ngữ rất riêng của Xuân Diệu ở đoạn thơ sau trong bài Vội vàng: 1. Các phép tu từ: - Điệp từ: "Ta muốn" được lặp lại 4 lần, thể hiện khát vọng mãnh liệt của tác giả. - Nhân hóa: "non nước, cây, cỏ rạng", "hỡi xuân hồng" - Ẩn dụ: "cắn vào ngươi" - So sánh: "cho chênh choáng mùi thơm", "cho đã đầy ánh sáng", "cho no nê thanh sắc" 2. Cách dùng từ ngữ:

	- Sử dụng nhiều từ ngữ gợi tả cảm giác: "thơm", "ánh sáng", "thanh sắc", "chénh choáng", "đã đầy", "no nê". - Sử dụng từ ngữ táo bạo: "cắn vào ngươi". - Sử dụng nhiều động từ mạnh: "thâu", "cắn", "đã đầy", "no nê". 3. Hiệu quả: - Thể hiện khát vọng sống mãnh liệt, muốn tận hưởng mọi vẻ đẹp của cuộc sống. - Thể hiện sự say mê, cuồng nhiệt trước cảnh vật thiên nhiên và tuổi trẻ. - Tạo nên một bức tranh ngôn ngữ đầy ấn tượng, sinh động. Bài 5 : Cách diễn đạt "Tây" trong thơ Xuân Diệu: 1. Cách dùng từ ngữ: - "thâu trong một cái hồn nhiều" - "cho chénh choáng mùi thơm" - "cho đã đầy ánh sáng" - "cho no nê thanh sắc" - "hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi" 2. Cách so sánh: - "cho chénh choáng mùi thơm" - "cho đã đầy ánh sáng" - "cho no nê thanh sắc" 3. Cách sử dụng đại từ: "ta" Hiện nay: - Những cách diễn đạt này đã trở nên quen thuộc và được nhiều người sử dụng. - Nhờ những cách diễn đạt "Tây" này, thơ ca Việt Nam thêm phong phú và đa dạng. Nhận xét: - Việc sử dụng những cách diễn đạt "Tây" là một sáng tạo của Xuân Diệu, góp phần tạo nên phong cách thơ độc đáo của ông. - Những cách diễn đạt này thể hiện sự hòa nhập của văn hóa Việt Nam với văn hóa thế giới. Bài 6: Một số dẫn chứng cho thấy sự độc đáo trong cách sử dụng tiếng Việt của các nhà văn, nhà thơ mà em biết. - Nguyễn Tuân: “Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc, chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban trắng” (Người lái đò sông Đà). - Hàn Mặc Tử: + “Vườn ai mướt quá, xanh như Ngọc” + “Ai biết tình ai có đậm đà”

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Biết vận dụng để giữ gìn và phát triển tiếng Việt

b. **Nội dung hoạt động:** HS thực hiện bài tập

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời trong vở.

d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập	Bài tập:

GV nêu yêu cầu: Chọn 1 trong 2 đề Đề 1: Hãy chọn một bài kiểm tra môn Ngữ văn của cá nhân, đọc lại và cho biết ngôn ngữ trong bài kiểm tra của em đã góp phần vào việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt hay chưa? Vì sao? Đề 2. Hãy chọn một tác phẩm văn học và tìm ra sự sáng tạo ngôn ngữ của nhà văn trong tác phẩm đó Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS chủ động thực hiện ở nhà Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Trong giờ thực hành Tiếng việt của bài học sau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - Trong giờ thực hành Tiếng việt của bài học sau.	ĐỀ 1. Hãy chọn một bài kiểm tra môn Ngữ văn của cá nhân, đọc lại và cho biết ngôn ngữ trong bài kiểm tra của em đã góp phần vào việc giữ gìn và phát triển tiếng Việt hay chưa? Vì sao? ĐỀ 2. Hãy chọn một tác phẩm văn học và tìm ra sự sáng tạo ngôn ngữ của nhà văn trong tác phẩm đó

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Suy tầm thêm các trường hợp giữ gìn và phát triển tiếng Việt trong sinh hoạt và trong các tác phẩm văn học.

- **Chuẩn bị bài:** Hướng dẫn HS chuẩn bị bài: Viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 tập 2 KNTT
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

TIẾT 103 - VIẾT

VIẾT BÀI PHÁT BIỂU TRONG LỄ PHÁT ĐỘNG MỘT PHONG TRÀO HOẶC MỘT HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

* Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

* Năng lực đặc thù:

- Nhận diện được kiểu bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.
- Nắm được các bước viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.

2. Phẩm chất

- Biết sống chủ động, lạc quan và vượt lên mọi nghịch cảnh để khẳng định niềm tin vào cuộc đời.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính, Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. **Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, rubric đánh giá bài viết.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học.
- b. **Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ những hiểu biết về các phong trào và hoạt động xã hội
- c. **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.
- d. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

HS huy động kiến thức hiểu biết của bản thân thảo luận cặp đôi trong 2 phút trả lời câu hỏi sau:

1. Trường mình đã có những lễ phát động về những phong trào nào?
2. Theo em thế nào là một hoạt động xã hội?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ. Thảo luận cặp đôi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện HS trình bày kết quả.
- HS nhận xét lẫn nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV định hướng dẫn dắt vào bài học

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. **Mục tiêu:** HS hiểu yêu cầu đối với kiểu bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM										
THAO TÁC 1: HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU YÊU CẦU CỦA KIỂU BÀI Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS đọc mục định hướng trong SGK 116 trả lời câu hỏi. Yêu cầu kiểu bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và trả lời câu hỏi Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV HS trả lời các HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt kiến thức	I. Định hướng 1. Yêu cầu của kiểu bài - Giới thiệu được phong trào hoặc hoạt động xã hội mà người viết muốn hưởng ứng hoặc phát động và nói rõ tầm quan trọng, tính cấp bách của nó; có cách mở đầu thu hút được sự chú ý của người đọc. - Triển khai hệ thống luận điểm chặt chẽ, sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; giúp người tiếp nhận hiểu rõ lí do người viết hưởng ứng hay phát động phong trào hoặc hoạt động xã hội. - Nêu được ý kiến trái chiều có thể có và sử dụng lí lẽ, bằng chứng phản bác để tăng tính thuyết phục cho văn bản. - Sử dụng hiệu quả các yếu tố thuyết minh và biểu cảm để tăng thêm xúc tác động của bài phát biểu. - Có kết bài gây ấn tượng, thuyết phục người đọc thay đổi nhận thức hoặc hành động.										
THAO TÁC 1: HƯỚNG DẪN HS TÌM HIỂU BÀI VIẾT THAM KHẢO Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 04 nhóm nhỏ cùng hoàn thành PHT số 1 (mỗi nhóm là một tổ): Hoạt động nhóm: Thời gian 07 phút <table border="1" data-bbox="188 1803 834 2067"> <tr> <th colspan="2">PHT SỐ 1</th></tr> <tr> <td>Bối cảnh bài viết ra đời</td><td></td></tr> <tr> <td>Điều bài viết kêu gọi</td><td></td></tr> <tr> <td>Đối tượng hướng đến của bài viết</td><td></td></tr> <tr> <td>Những luận điểm được tác giả triển khai</td><td></td></tr> </table>	PHT SỐ 1		Bối cảnh bài viết ra đời		Điều bài viết kêu gọi		Đối tượng hướng đến của bài viết		Những luận điểm được tác giả triển khai		2. Bài viết tham khảo Sản phẩm PHT số 1
PHT SỐ 1											
Bối cảnh bài viết ra đời											
Điều bài viết kêu gọi											
Đối tượng hướng đến của bài viết											
Những luận điểm được tác giả triển khai											

Lí lẽ và bằng chứng		
Ý kiến trái chiều được đề cập trong văn bản		
Tác dụng của việc nêu ý kiến trái chiều		
Theo bạn, lời kêu gọi của tác giả có thể nhận được sự hưởng ứng rộng khắp không? Nếu có thì sự hưởng ứng đó do đâu mà có?		
Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ		
- Các nhóm HS suy nghĩ và thảo luận nhóm hoàn thành PHT số 01		
- GV quan sát, hỗ trợ góp ý.		
Bước 3: Báo cáo, thảo luận		
GV tổ chức báo cáo sản phẩm		
- Đại diện các nhóm thuyết trình sản phẩm. Các nhóm còn lại bổ sung, phản biện.		
- GV quan sát, khích lệ HS		
Bước 4: Đánh giá, kết luận		
- Sau một nhóm thuyết trình sản phẩm, GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm. Chuẩn kiến thức		

PHT SỐ 1	
Bối cảnh bài viết ra đời	Bài viết được viết vào năm 2003, khi đại dịch HIV/AIDS đang hoành hành trên toàn thế giới, gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng về sức khỏe và kinh tế.
Điều bài viết kêu gọi	- Bài viết kêu gọi mọi người chung tay đẩy lùi đại dịch HIV/AIDS
Đối tượng hướng đến của bài viết	- Lời kêu gọi này hướng đến tất cả mọi người, bao gồm chính phủ, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và toàn thể cộng đồng.
Những luận điểm được tác giả triển khai	HIV/AIDS là một đại dịch nguy hiểm cần được đẩy lùi. Đại dịch này đã gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng về sức khỏe và kinh tế, và nếu không được phòng chống hiệu quả, HIV/AIDS có thể lây lan rộng rãi. Việc đẩy lùi HIV/AIDS không chỉ là trách nhiệm của một cá nhân hay tổ chức mà là trách nhiệm chung của toàn cộng đồng. Thống kê cho thấy số người nhiễm HIV/AIDS và số ca tử vong do đại dịch này vẫn ở mức đáng báo động. Tuy nhiên, một số quốc gia đã đạt được thành công trong nỗ lực phòng chống HIV/AIDS, minh chứng cho khả năng kiểm soát và đẩy lùi đại dịch. Các tổ chức quốc tế uy tín cũng đã liên tục kêu gọi hành động nhằm ngăn chặn sự lây lan của HIV/AIDS và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
Lí lẽ và bằng chứng	Khẳng định đây là vấn đề cần chung tay, cùng nhau nỗ lực để đưa HIV/AIDS lên thành vấn đề hàng đầu.
Ý kiến trái chiều được đề cập trong văn bản	+ Mọi người cho rằng việc phòng, chống HIV/AIDS quá tốn kém lại không mang lại hiệu quả cao. + Một số người khác cho rằng việc giáo dục về giới tính và cung cấp bao cao su đang khuyến khích hành vi quan hệ tình dục không đảm bảo.
Tác dụng của việc nêu ý kiến trái chiều	Gợi sự đồng cảm của người nghe bằng cách chỉ ra vẫn còn rất nhiều người bị kỳ thị ngoài kia

Theo bạn, lời kêu gọi của tác giả có thể nhận được sự hưởng ứng rộng khắp không? Nếu có thì sự hưởng ứng đó do đâu mà có?	- Lời kêu gọi của tác giả có thể thu hút được sự quan tâm rộng rãi vì HIV/AIDS là một vấn đề toàn cầu, ảnh hưởng đến mọi người ở mọi quốc gia và dân tộc. Mọi người đều mong muốn sống trong một môi trường không có HIV/AIDS và có nhiều tổ chức quốc tế cùng với các quốc gia đang nỗ lực chung để đẩy lùi đại dịch này. - Cách kết bài gây ấn tượng đối với người đọc, kêu gọi mọi người thay đổi nhận thức và hành động. Cách kết bài gây sự hứng khởi, làm tăng ý chí và nhiệt huyết cho người nghe.	

3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH VIẾT THEO QUY TRÌNH.

a. Mục tiêu: Hướng dẫn HS viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.

b. Nội dung: Thực hành kỹ năng viết theo quy trình.

c. Sản phẩm: Bài văn của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM		
Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu các bước của quy trình viết Bước 1: GV giao nhiệm vụ: - GV hướng dẫn HS đọc SGK trang 119-120 thảo luận cặp đôi và thực hiện các yêu cầu: - Quy trình viết gồm mấy bước? - Công việc cụ thể từng bước? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ. + HS dự kiến câu trả lời, sản phẩm + GV quan sát Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận + HS trình bày sản phẩm. + GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn. Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức GV khắc sâu kiến thức:	II. Thực hành viết 1. Chuẩn bị viết - Xác định vị thế của bản thân khi viết bài phát biểu. + Với tư cách là người hưởng ứng (đồng tình, ủng hộ) một phong trào hoặc một hoạt động xã hội do một tổ chức hay cá nhân khác phát động (khởi xướng). + Với tư cách là người phát động, khởi xướng phong trào hoặc hoạt động đó. - Nhu cầu giải quyết những vấn đề bức thiết của đời sống và đòi hỏi sự quan tâm, hưởng ứng của đông đảo công chúng. 2. Tìm ý, lập dàn ý a. Tìm ý: Trả lời các câu hỏi sau: - Phong trào hoặc hoạt động xã hội được đề cập trong bài viết nhằm giải quyết vấn đề bức thiết gì của đời sống? Bạn viết bài này với tư cách gì (hưởng ứng hay phát động) và hướng đến đối tượng nào? - Vì sao mọi người cần quan tâm đến phong trào hoặc hoạt động mà bạn đề cập? Nó có tầm quan trọng và tính cấp thiết như thế nào? Làm thế nào để thuyết phục mọi người tin điều đó? - Đối tượng mà bài viết hướng đến cần phải làm gì để hưởng ứng hoặc đáp lại lời kêu gọi của bạn? - Những lí lẽ và bằng chứng nào cần được huy động?(bằng chứng lấy từ sự việc thực tế mà người viết chứng kiến; bằng chứng lấy từ các nghiên cứu khoa học; bằng chứng dựa trên niềm tin được Công nhận rộng rãi; bằng chứng dựa trên ý kiến của chuyên gia; bằng chứng lấy từ số liệu thống kê, thông tin được lượng hoá,. Các bằng chứng cần sát hợp, đáng tin cậy và được lấy từ nhiều nguồn khác nhau để lí lẽ của bạn có sức thuyết phục) - Liệu có ý kiến nào trái ngược với quan điểm mà bạn nêu ra hay không? Có thể phản bác ý kiến đó như thế nào? - Những yếu tố hỗ trợ nào (thuyết minh, biểu cảm,...cần được sử dụng để tăng cường sức thuyết phục cho bài viết? b. Lập dàn ý <table border="1"> <tr> <td>Mở bài</td><td>Nêu phong trào hoặc hoạt động xã hội mà người viết hưởng ứng hoặc muốn</td></tr> </table>	Mở bài	Nêu phong trào hoặc hoạt động xã hội mà người viết hưởng ứng hoặc muốn
Mở bài	Nêu phong trào hoặc hoạt động xã hội mà người viết hưởng ứng hoặc muốn		

		phát động và nói rõ tầm quan trọng, tính cấp bách của nó.
	Thân bài	- Trình bày hệ thống luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc. - Nêu được ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận. - Sử dụng các yếu tố thuyết minh và biểu cảm,...
	Kết bài	Thể hiện thông điệp (hưởng ứng hoặc kêu gọi) dưới dạng những câu nói ngắn gọn và mạnh mẽ, thúc giục người tiếp nhận thay đổi nhận thức hoặc có hành động đáp ứng phù hợp.

3. Viết

- Bài phát biểu trong một buổi lễ phát động đòi hỏi tính hùng biện cao, vì vậy, cần có cách mở đầu thu hút được sự chú ý của người đọc.
- + Cách thông dụng là mở đầu bằng việc đặt một câu hỏi nêu vấn đề, kể một mẩu chuyện để dẫn dắt vào vấn đề hoặc đưa ra một kết quả nghiên cứu kèm theo số liệu thống kê. Để thông điệp không bị bỏ qua hay lãng quên, cần có kết bài gây ấn tượng đối với người đọc.
- Chú ý điều tiết nhằm đảm bảo nội dung vừa đủ, phù hợp với thời gian để đọc trước công chúng (nếu bài phát biểu được đọc trong một buổi lễ) hoặc duy trì được hứng thú của người đọc (nếu bài phát biểu được phổ biến dưới hình thức văn bản viết).
- Ngôn ngữ sử dụng trong bài (bao gồm cả cách xưng hô) cần phù hợp với mục đích và đối tượng mà bạn muốn kêu gọi. Việc dùng một số câu khiến có thể phù hợp trong bài phát biểu, góp phần làm cho lời kêu gọi trở nên mạnh mẽ.

4. Chỉnh sửa, hoàn thiện

- Rà soát cấu trúc và nội dung chung của văn bản; đảm bảo bài viết có đủ ba phần, mỗi phần đều được triển khai đáp ứng yêu cầu đã được nêu trong dàn ý và trong phần Viết.
- Kiểm tra hệ thống lí lẽ, bằng chứng để đáp ứng yêu cầu chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.
- Xem xét phong cách văn bản để đảm bảo tính trang trọng, có cách xưng hô phù hợp với vị thế của người viết trong quan hệ với đối tượng tiếp nhận; tránh những lời kêu gọi đại ngôn hoặc cách nói sáo rỗng, cũ mòn.
- Rà soát lỗi chính tả, dùng từ ngữ, đặt câu; lỗi về mạch lạc và liên kết trong mỗi đoạn văn và giữa các đoạn văn.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức
- Nội dung: viết bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội.
- Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS theo yêu cầu của GV.
- Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Chia lớp thành 2 nhóm Thực hiện yêu cầu: Viết bài phát biểu trong lễ phát động phong trào Học sinh làm theo lời Bác Nhóm 1: Về đức tính khiêm tốn của Bác	Gợi ý: Học sinh làm theo lời Bác - Tầm quan trọng, tính cấp bách của việc làm theo lời Bác

Nhóm 2: Về Tinh thần tự học của Bác Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS hoàn thành bài tập nhóm ở nhà. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Báo cáo vào tiết học ôn tập buổi chiều. Bước 4. Đánh giá kết quả Gv đánh giá và hướng dẫn HS đánh giá thông qua bảng kiểm	- Học và làm theo lời Bác đem lại những giá trị to lớn cho mỗi cá nhân, cộng đồng.... - Ra lời kêu gọi

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Sưu tầm các bài viết: bài phát biểu trong lễ phát động một phong trào hoặc một hoạt động xã hội của các nhân vật nổi tiếng để học tập cách viết
- Tự chọn một phong trào, một hoạt động xã hội mà em yêu thích sau đó viết bài phát biểu
- **Chuẩn bị bài:** Hướng dẫn HS chuẩn bị bài: THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sách giáo khoa, SGK Ngữ văn 12 tập 2 KNTT
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

Tiết: 104- NÓI VÀ NGHE

THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực. Giúp HS:

- Biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
- Biết lắng nghe, đánh giá, phản biện, tranh luận,... xoay quanh vấn đề vấn đề có liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước mà mình thuyết trình hoặc nghe HS khác thuyết trình trên tinh thần xây dựng.
- Biết trình bày được ý kiến, tiếp thu trao đổi, nắm bắt nội dung ý kiến, nêu nhận xét về ý kiến, đặt câu hỏi về ý kiến,...

2. Phẩm chất: HS có ý thức tôn trọng trong trao đổi, đánh giá, có tinh thần xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

- b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.
- c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.
- d. Tổ chức thực hiện:**
- Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ**
- GV yêu cầu HS xem video sau:

<https://youtu.be/S37XLW48kq8>

và chia sẻ:

1. Video đề cập đến vấn đề gì?
2. Theo vi deo, vấn đề ấy tác động như thế nào đến con người?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện các yêu cầu.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS chia sẻ, HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.

1. Video nói về vấn đề: Robot và trí tuệ nhân tạo (AI) có thể thay thế con người.
 2. Theo video, AI có ứng dụng vào đời sống vô cùng quan trọng; đe dọa vị trí việc làm của người lao động.
- GV dẫn dắt vào bài: Robot và trí tuệ nhân tạo (AI) là một bước tiến lớn của loài người trong lĩnh vực công nghệ. Bên cạnh những cơ hội tuyệt vời mà nó đem lại là những thách thức không hề đơn giản. Nhưng đó chỉ là một trong vô vàn những vấn đề đặt ra với tuổi trẻ khi đứng trước những cơ hội và thách thức của đất nước. Để thuyết trình về một vấn đề đó, các em cần làm thế nào? Bài học hôm nay sẽ giúp các em trả lời câu hỏi đó.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- a. Mục tiêu:** HS nắm được các yêu cầu và quy trình của bài Nói và Nghe.
- b. Nội dung:** Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và quy trình chuẩn bị Nói và Nghe.
- c. Sản phẩm:** Bài thảo luận đúng yêu cầu và quy trình.
- d. Tổ chức thực hiện:**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Đọc SGK tr122, trao đổi với bạn bên cạnh về các câu hỏi sau: - Thế nào là thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước? - Khi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước cần đảm bảo những yêu cầu gì? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện các yêu cầu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung. Bước 4. Kết luận, nhận định GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.	1. Định hướng * Khái niệm: - Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước là trình bày những suy nghĩ, quan điểm, đánh giá của người nói về một vấn đề có ý nghĩa thời sự đối với sự phát triển của đất nước. - Ví dụ: cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo,... * Yêu cầu: - Nêu được vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước. - Trình bày rõ vấn đề trên cả hai phương diện (cơ hội và thách thức), thể hiện được mối quan hệ qua lại giữa cơ hội và thách thức: trong cơ hội có thể có thách thức, trong thách thức có thể có cơ hội; sử dụng hiệu quả các lí lẽ và bằng chứng để chứng minh cho mỗi phương diện. - Đề xuất được giải pháp để tăng cường cơ hội, vượt qua thách thức, góp phần đưa đất nước phát triển. - Rút ra được ý nghĩa của việc thuyết trình: nâng cao nhận thức của mỗi người về những vấn đề có liên quan đến sự phát triển của đất nước.
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM

1. Thao tác 1. Tìm hiểu các bước tiến hành trình bày báo cáo

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

Trao đổi trong bàn, thực hiện các nhiệm vụ sau:

(1) *Nêu các bước tiến hành thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.*

(2) *Hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà thành thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước và trình bày trước lớp.*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện các yêu cầu.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

Đại diện HS trình bày kết quả làm việc của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt vấn đề.

2. Thực hành

2.1. Bước 1: Chuẩn bị nói

a. Lựa chọn đề tài

Bạn cần lựa chọn một vấn đề thực sự có ý nghĩa đối với đất nước trong bối cảnh hiện nay, chẳng hạn: Vấn đề sản xuất nông sản sạch; Phát triển du lịch bền vững; Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào một số lĩnh vực đời sống; Tác động của quá trình đô thị hoá,...

b. Tìm ý và sắp xếp ý

Nêu một số câu hỏi đi sâu vào các mặt của vấn đề:

- Bản chất của vấn đề là gì?
- Vấn đề mang lại cơ hội hay đặt ra thách thức cho đất nước hoặc có tác động trên cả hai phương diện?
- Hai phương diện đó (cơ hội và thách thức) cần được trình bày như thế nào? Những lí lẽ, bằng chứng nào có thể dùng để chứng minh?
- Cần làm gì để phát huy cơ hội và vượt qua thách thức mà vấn đề đặt ra?

2.2. Bước 2. Thực hành nói

Mở đầu	Nêu vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước. Việc giới thiệu vấn đề để thuyết trình có thể thực hiện bằng nhiều cách: kể một câu chuyện nhỏ, tóm lược một bản tin thời sự, đưa ra một kết quả nghiên cứu kèm theo số liệu thống kê, đưa ra một bức tranh hoặc bức ảnh có tính chất gợi dẫn về vấn đề,...
Triển khai	+ Nêu khái quát bản chất của vấn đề và nhận xét chung về ý nghĩa của vấn đề đối với đất nước. + Phân tích cả tác động tích cực và tiêu cực của vấn đề. Tùy thuộc vào từng vấn đề cụ thể mà các ý nói về tác động tích cực hay tiêu cực được nhấn mạnh hơn. Trên thực tế, ít có vấn đề chỉ mang lại cơ hội hoặc chỉ đặt ra thách thức: trong cơ hội có thách thức, trong thách thức có cơ hội. + Dùng ngôn ngữ và các phương tiện hỗ trợ giúp người nghe nắm được một cách chính xác, chi tiết, đầy đủ về vấn đề.
Kết luận	Nêu ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề.

2.3. Bước 3. Trao đổi, đánh giá

- Người nghe có thể nhận xét về sự cần thiết của vấn đề thuyết trình, độ chính xác của các thông tin; tính thuyết phục của các lí lẽ, bằng chứng; cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có nội dung nào chưa rõ, có thể yêu cầu người nói giải thích thêm.

	- Người nói cần làm rõ một số chi tiết trong bài nói theo yêu cầu của người nghe, trao đổi lại các ý kiến đánh giá về nội dung và cách thực hiện bài thuyết trình. 3. Thực hành trình bày Bài tập: Em hãy thuyết trình về vấn đề: <i>Lễ sống của tuổi trẻ đối với cơ hội, thách thức của đất nước.</i> Gợi ý: a. Mở đầu: - Lời chào, giới thiệu bản thân. - Nêu vấn đề trình bày: <i>Lễ sống của tuổi trẻ đối với cơ hội, thách thức của đất nước.</i> b. Triển khai: - Có những thách thức nào đối với sự phát triển của đất nước nếu những người trẻ xác định không đúng lễ sống của mình? Vì sao? - Cần làm gì (giải pháp, biện pháp nào) để xác định đúng lễ sống của mình, vừa lập thân, vừa kiến quốc? c. Kết thúc: Khẳng định lại vấn đề và nêu vấn đề cần thảo luận (nếu có).

PHỤ LỤC 1

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI THUYẾT TRÌNH VÀ QUÁ TRÌNH NÓI

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:.....

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:.....

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
BÀI THUYẾT TRÌNH			
1	Bố cục ba phần: Mở đầu, nội dung chính, kết thúc.		
2	Phần nội dung chính đã làm rõ được vấn đề cần trình bày.		
QUÁ TRÌNH NÓI			
3	Kết hợp được phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ khi trình bày, sử dụng có hiệu quả các phương tiện công nghệ hỗ trợ (nếu có).		
4	Thể hiện bài nói một cách chủ động, tự tin, tạo hứng thú cho người nghe; làm chủ thời gian, duy trì tương tác với người nghe.		
5	ĐÁNH GIÁ CHUNG Những thành công và hạn chế của bài thuyết trình: Hướng khắc phục, sửa chữa:		

PHỤ LỤC 2

PHIẾU ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM TRA QUÁ TRÌNH NGHE

NGƯỜI ĐÁNH GIÁ:.....

STT	Nội dung đánh giá	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH NGHE			
1	Thái độ nghe: tập trung và tôn trọng người nói		
2	Tích cực ghi chép		
3	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói		
4	KIỂM TRA KẾT QUẢ NGHE - Nội dung nghe và ghi chép lại đã chính xác chưa? - Thu hoạch được những gì về nội dung và cách thức thuyết trình về một vấn đề của tuổi trẻ có liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước?		

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
b. Nội dung: HS thuyết trình vấn đề đã chuẩn bị. HS khác lắng nghe, trao đổi.
c. Sản phẩm: Bài thuyết trình, các câu hỏi, ý kiến nhận xét của HS.
d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 2 nhóm.
- GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:
Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước

Nhóm 1: Thuyết trình về: Hội nhập văn hóa
 Nhóm 2: Thuyết trình về: Phát triển du lịch bền vững

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập trên lớp

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các nhóm trình bày và nhóm khác nhận xét bổ sung

Bước 4: Kết luận, nhận xét

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** HS biết thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
b. Nội dung: Sáng tác video thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
c. Sản phẩm: Video giới thiệu; Biên bản làm việc nhóm.
d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm khoảng 7 HS.
- GV nêu nhiệm vụ cho nhóm:
Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước (chủ đề tự chọn).
- + Hình thức: Quay video.
- + Đăng trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.
- + Chấm điểm: Theo lượt chia sẻ, bình luận và yêu thích.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Đăng trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Kết luận, nhận xét

GV nhận xét tổng kết trong bài học sau.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ:

- Tự thực hành nói: Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến cơ hội và thách thức đối với đất nước.
- **Chuẩn bị bài:** Tự đánh giá đọc văn bản *Khúc đồng quê* (Đặng Thị Hạnh)

Thực hành đọc:

Khúc đồng quê (Trích *Cô bé nhìn mưa*- Đặng Thị Hạnh)

- Định hướng tham khảo sau:

Nội dung chính: Từ dòng sông, cánh đồng, mái nhà, đến hình ảnh của người mẹ, tác giả tái hiện lại một không gian quê thanh bình và yên tĩnh.	
1. Phân tích giọng điệu của người trần thuật xưng "tôi" và mạch liên kết các sự kiện.	- Sử dụng giọng điệu trần thuật: Tác giả lựa chọn việc sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ những trải nghiệm, cảm xúc cá nhân, tạo nên sự gần gũi và thân thuộc với độc giả. - Triển khai mạch liên kết các sự kiện theo dòng hồi tưởng: Tác giả tái hiện lại những kí ức và trải nghiệm từ quá khứ, phác họa hình ảnh về những ngày tháng tuổi trẻ tại quê hương thông qua việc kể lại những sự kiện và suy nghĩ trong sáng của mình.
2. Chú ý đến sức gợi của những chi tiết đắt nên	Đoạn văn mô tả về sự gắn bó mạnh mẽ của nhân vật với quê hương thông qua những hình ảnh và kí ức tuổi thơ. Từ dòng sông, cánh đồng, mái nhà, đến hình ảnh của người mẹ, tác giả tái hiện lại một không gian quê thanh bình và yên

"khúc đồng quê" của kí ức.	tỉnh. Những kỷ niệm về tuổi trẻ và những cảm xúc gần gũi đó đã tạo nên một "khúc đồng quê" đẹp đẽ trong ký ức của nhân vật.
3. Hiểu được giá trị, ý nghĩa của văn chương trong việc làm giàu nội tâm, nuôi dưỡng không gian tình thần riêng ở mỗi con người.	Từ đoạn trích, ta nhận thấy văn chương đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần làm sạch và bảo tồn những giá trị tốt đẹp của cuộc sống. Như Thạch Lam đã một lần nói, văn chương không chỉ là phương tiện để truyền đạt thông tin mà còn là công cụ để tố cáo và thay đổi thế giới. Thông qua ngôn từ, văn chương phản ánh sự đa dạng và phong phú của cuộc sống, đồng thời ghi lại những dấu vết quan trọng của lịch sử và văn hóa. Nó cũng dạy cho chúng ta cách quý trọng những giá trị gần gũi như quê hương, gia đình và đồng thời khơi dậy sức sáng tạo, ước mơ. Văn chương không chỉ mở ra một tương lai tươi sáng mà còn làm giàu tâm hồn, tạo sự ấm áp và hướng con người đến những mục tiêu cao cả. Với con người, văn chương không chỉ là một phương tiện giải trí mà còn là một người bạn đồng hành, giúp họ làm sạch tâm hồn và tăng cao giá trị của cuộc sống.